Phật Lịch 2552 – 2008

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên Quyển Hạ

印光法師

文鈔續編

(下)

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến và Huệ Trang

Ấn Quang Pháp Sư
Văn Sao Tục Biên
Quyển Hạ

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến và Huệ Trang

II. Tự

1. Lời tựa cho sách Vãn Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Gốc Lẫn Ngọn (Mùa Đông năm Kỷ Mão (1939) thời Dân Quốc, khi ấy đã bảy mươi chín tuổi)

Lý thế gian lẫn xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ "tâm tánh". Sự thế gian và xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ "nhân quả". Lý tâm tánh nhỏ nhiệm, dẫu là thánh nhân vẫn có điều không biết; sự nhân quả rành rành, dù ngu phu cũng có thể hiểu đại khái. Thánh nhân muốn cho thiên hạ vĩnh viễn thái bình, nhân dân thường yên vui, bèn đặc biệt soạn ra sách Đại Học để dạy pháp ấy. Vừa mở đầu sách, liền nói: "*Đại Học chi đạo, tại minh Minh Đức"* (đạo Đại Học nhằm làm sáng tỏ Đức Sáng). Minh Đức chính là điều ai nấy đều sẵn có, nhưng do thiếu công phu khắc chế ý niệm, tự phản tỉnh, suy xét, nên Minh Đức bị tư dục huyễn vọng che lấp chẳng thể hiển hiện để thụ dụng được! Cách để làm sáng tỏ [Minh Đức] là "khắc chế ý niệm". Thứ tự của công phu khắc chế ý niệm là "tu thân, chánh tâm, thành ý, trí tri, cách vật". "Vật" là gì? Chính là tư dục huyễn vọng được sanh bởi cảnh, chẳng hợp thiên lý, chẳng thuận nhân tình, chứ không phải là vật ở bên ngoài!

Do những tư dục này kết chặt trong tâm nên tất cả tri kiến đều xuôi theo tư dục, trở thành lệch lạc, tà vạy. Như kẻ tham danh tham lợi chỉ biết có lợi, chẳng biết đến hại, kiệt lực lo toan, rất có thể đến nỗi thân bại danh liệt! Kẻ yêu vợ thương con chỉ biết đến những điều tốt của vợ con, chẳng biết đến những thói xấu của họ, nuôi thành mầm họa, sẽ có thể đến nỗi bị tan nhà nát cửa. Đấy đều là do tư dục Tham và Ái sai khiến. Nếu trừ khử hết sạch những thứ tư dục chẳng hợp tình hợp lý ấy thì vợ con đúng hay sai sẽ tự biết, đối với đường lối để đạt được danh lợi sẽ chẳng cần phải đút lót hay mong cầu sai trái nữa!

Trước hết, phải hiểu chữ Vật này là tư dục huyễn vọng chẳng hợp tình hợp lý thì trừ khử nó sẽ là chuyện dễ dàng! Nếu không, suốt đời dốc sức cũng chẳng làm gì được nó! Dẫu đọc trọn hết sách vở thế gian cũng chỉ trở thành một loài dây leo sống bám vào cội cây [lớn], trở thành một gã theo sóng đuổi sóng! Cái họa của món vật tư dục lớn lắm thay! Nếu biết "vật" ấy là oán gia sanh tử của chúng ta, quyết chẳng để cho nó được tạm tồn tại

trong tâm ta thì chánh tri vốn sẵn có trong cái tâm này sẽ tự hiển hiện. Chánh tri đã hiển hiện thì "ý thành, tâm chánh, thân tu" sẽ được hướng dẫn xuôi dòng với khí thế như chẻ tre, chẳng mong cầu mà tự nhiên được như thế. Con người ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, vì hết thảy mọi người ai nấy đều sẵn có Minh Đức, hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu - Thuấn, chẳng thể làm Phật đều do bị tư dục bít chặt, chẳng mạnh mẽ đổ công sức khắc chế ý niệm đến nỗi bị tư dục xoay chuyển, luân hồi sáu nẻo từ kiếp này sang kiếp khác, trọn chẳng có lúc thoát ra, chẳng đáng buồn sao? Những kẻ chuyên dạy "cách vật trí tri" mà chẳng dùng nhân quả để phụ giúp cho sự hướng dẫn, chắc sẽ khó thể phát khởi đại tâm mạnh mẽ, dốc chí tu trì được!

Tôi thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ thoát chúng sanh"*. Luận theo Phật pháp, từ địa vị phàm phu cho đến Phật Quả, tất cả các pháp đều chẳng ra ngoài nhân quả. Luận theo thế gian, lẽ đâu riêng một pháp nào lại chẳng như thế? Vì thế Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch[1], thoạt đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (nhà tích thiện sự vui mừng có thừa, nhà chất chứa điều bất thiện tai ương có thừa). *"Tích thiện, tích bất thiện"* là nhân, *"dư khánh, dư ương"* là quả. Hơn nữa, đã có dư khánh, dư ương, lẽ đâu chẳng có bổn khánh, bổn ương? Bổn khánh, bổn ương chính là quả báo sẽ đạt được trong đời kế tiếp hoặc trong những đời sau nữa của người tích lũy điều thiện hay điều bất thiện, [những quả báo ấy] sẽ lớn lao hơn dư khánh, dư ương mà con cháu được hưởng cả trăm ngàn vạn lần! Phàm phu chẳng thấy được, há nên cho là không có ư? Ví như trong đêm tối om chẳng thấy được hết thảy mọi vật, nhưng chẳng được nói hết thảy mọi vật đều bị tiêu diệt! Cơ Tử[2] trình bày Hồng Phạm, trong phần cuối cùng mới nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo sẽ được năm

---

[1] Châu Dịch tức kinh Dịch. Người Trung Hoa tin kinh Dịch đã có từ đời Hạ, Châu Văn Vương chỉ chỉnh lý, biên soạn, hoàn thiện; do đó kinh Dịch được lưu hành hiện thời thường gọi là Châu Dịch để phân biệt với Liên Sơn Dịch của nhà Hạ và Quy Tàng Dịch của nhà Thương.

[2] Cơ Tử chính là chú của vua Trụ, giữ chức Thái Sư, được phong ở đất Cơ, nên gọi là Cơ Tử. Do thấy Trụ Vương sử dụng đũa bằng ngà, mâm vàng, chén ngọc, xa xỉ quá mức, nên hết lời can gián, bị Trụ Vương giam vào ngục. Khi Châu Vũ Vương diệt nhà Thương, Cơ Tử được thả, những lời nghị luận của ông về đạo trị nước với Châu Vũ Vương được ghi trong thiên Hồng Phạm của sách Thượng Thư (kinh Thư). Hồng Phạm có nghĩa là khuôn mẫu lớn lao, thiên Ngũ Hành Chí trong sách Hán Thư giảng: *"Vua Vũ trị hồng thủy (lụt lớn), được ban Lạc Thư, [trong ấy] trình bày pháp này, tức là Hồng Phạm vậy"*. Trong thiên sách Hồng Phạm, Cơ Tử bảo Châu Vũ Vương do vua Vũ trị thủy có công, Thượng Đế bèn ban cho Hồng Phạm Cửu Trù (chín mối đại pháp). Ngoài những quan điểm về Ngũ Hành, thiên sách này còn trình bày những đại pháp trị dân hết sức độc đáo như Chánh Trực, Cang Khắc (chế ngự dân chúng bằng biện pháp cứng rắn), Nhu Khắc (cai trị dân bằng biện pháp mềm dẻo).

điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều khốn khó). Ngũ Phước, Lục Cực là nói đến cái nhân trong đời trước trở thành cái quả trong đời này. "Hưởng" (嚮) là thuận theo, "dụng" (用) là "dĩ" (以) (thì, là), là đắc (得) (được). [Trong Ngũ Phước], một là "thọ", hai là "phú" (giàu có), ba là "khang ninh" (mạnh khỏe, yên ổn), điều thứ năm là "khảo chung mạng" (hết tuổi thọ mới chết), đó chính là quả cảm thành bởi tu đạo, tu đức trong đời trước; điều thứ tư là "du hảo đức" (thường có đức tốt) chính là thói quen tu đạo tu đức từ đời trước. "Cực" (極) có nghĩa là tai ách tột cùng. Nên hiểu nghĩa chữ Oai (威) là Vi (違)[3], [tức] trái nghịch; ý nói: Những gì đã làm trong đời trước trái nghịch với đạo đức thì đến đời này sẽ bị: Một là xui xẻo chết ngang và đoản thọ (xui xẻo và đoản thọ gộp thành điều thứ nhất); hai là thân bệnh tật chẳng được mạnh khỏe; ba là tâm lo lắng không yên; bốn là nghèo cùng, chi dùng chẳng đủ; năm là diện mạo xấu xa; sáu là thân yếu ớt, không có năng lực!

Nhà Nho mờ mịt nơi tiền nhân hậu quả, nên chuyện gì cũng đều quy về sự cai trị của vua, gần như diệt thiên lý, vu báng sự cai trị của nhà vua! Trẻ nhỏ sanh vào nhà phú quý bèn hưởng phước, sanh vào nhà nghèo cùng sẽ chịu khổ, há có phải là do nhà vua cai trị có phân biệt khiến nó phải sanh như vậy hay chăng? Vì thế, kinh dạy: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị; dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"* (Muốn biết cái nhân đời trước thì những gì phải chịu trong đời này chính là nó đấy; muốn biết quả trong đời sau thì những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy). Hồng Phạm do vua Đại Vũ soạn ra, Cơ Tử trần thuật [nội dung sách ấy] với Vũ Vương. Lời nói về Ngũ Phước, Lục Cực ở cuối [thiên sách] ấy đã giảng rõ nghĩa "nhân quả ba đời" cực kỳ xác đáng, thiết thực.

Tống Nho cho rằng: "Phật nói nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi chính là chỗ dựa để lừa bịp ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy". Họ phán quyết: "Con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dù có chém - chặt - xay - giã, lấy chi để thực hiện? Thần hồn đã phiêu tán rồi, còn ai để thọ sanh?" Họ quyết đoán "chắc chắn không có nhân quả", vậy thì trong Xuân Thu Truyện, Sử Ký, Hán Thư thường chép những kẻ bị giết oan quấy phá, kẻ chịu ân báo đức, đủ mọi sự tích, chắc là tiền hiền đã tạo sẵn căn cứ cho Phật giáo lừa phỉnh người khác đó chăng? Đã không có nhân quả, không có đời sau thì Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả rồi, ai chịu khăng khăng tu trì để cầu hư danh sau khi chết nữa đây? Bởi lẽ cái Ta thật sự đã không có, hư danh có ích chi đâu? Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt. Lại còn riêng xướng cao giọng dạy người "làm lành thì phải là không làm gì

[3] Do hai chữ này thời cổ đọc âm gần giống nhau nên thường dùng lẫn cho nhau theo lối Giả Tá.

cả, hễ có làm gì để làm lành tức là ác". Thứ tà thuyết này gây lầm lạc, nguy hãm cho quốc gia, xã hội chẳng cạn đâu!

Kẻ vô tri khâm phục [Châu - Trình] cao minh, trọn chẳng có một niệm muốn làm lành. Người có trí đau xé tâm can bởi [Tống Nho] hoàn toàn phế bỏ đạo "khuyên dụ dần dần làm lành" của thánh nhân mà cứ mong con người có tư cách thánh nhân! Nhưng thánh nhân cũng chẳng phải là hạng "chẳng làm gì mới là làm lành"! Khổng Tử đến năm bảy mươi tuổi vẫn muốn trời cho sống thêm dăm mười năm nữa để học Dịch hòng tránh khỏi lỗi lớn. Một bộ kinh Dịch không điều gì chẳng nhằm dạy con người về đạo "hướng lành, tránh dữ, lo lắng dè dặt khắc chế ý niệm để tu trì". Nếu đúng như họ (tức những nhà Tống Nho) nói thì Phục Hy, Văn Vương, Châu Công, Khổng Tử đều trở thành những kẻ tội lỗi đứng đầu, là cội gốc họa hại lầm lạc dạy người khác làm ác cả, có lẽ ấy hay chăng?

Tình người như nước, nhân quả như đê. Tống Nho cực lực bài bác nhân quả, cho đấy là chỗ dựa dẫm để Như Lai gạt gẫm người ta tuân phụng giáo pháp của Ngài, nhưng lẽ nào nhân quả được nói trong kinh điển đạo Nho chẳng phải là thật có ư? Họ muốn bác Phật để bảo vệ Nho, rốt cuộc trở thành phế kinh, phế trừ luân thường, thực hành biến [con người] thành loài thú. Vở tuồng xấu xa ấy đều do những kẻ cao giọng đề xướng ấy diễn xuất, khiến cho đạo làm người hầu như diệt mất! Ông Phí Trí Nghiễm xưa kia từng lậm phải chất độc của Trình - Châu rất sâu, đến lúc tuổi già, do sự lịch duyệt sâu xa, nhân đời loạn mà biết được cái gốc họa; bởi vậy bèn quy y Tam Bảo, đọc khắp các sách vở, đối với sự tích nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi, đều sao chép sơ lược đại khái, ngõ hầu người đọc bỏ được tà kiến Đoạn Diệt, tuân theo quy củ lớn lao của đạo Nho và Thích. Nếu con người ai nấy đều hành theo thì cõi đời sẽ trở lại thuở Đường Ngu, con người giữ vẹn lễ giáo, biến nghị lực tàn sát lẫn nhau trở thành sự nghiệp lớn lao duy trì lẫn nhau. Do vậy, bèn đặt tên cho sách này là Tập Sách Vãn Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Gốc Lẫn Ngọn.

Do thầy thuốc trị bệnh, bệnh cấp bách bèn trị nơi đằng ngọn (triệu chứng), bệnh tình hòa hoãn bèn trị nơi đằng gốc (căn nguyên). Như người cổ họng sưng phồng, hai đường đại - tiểu tiện chẳng thông, nếu trước hết chẳng dùng thuốc để tiêu chứng phù thũng và khai thông đại tiểu tiện thì người ấy sẽ chết ngay, dẫu có cách trị tận gốc cũng trọn chẳng có chỗ nào để áp dụng được! Vì thế, phải trị đằng ngọn trước. Với những chứng bệnh thuộc đằng ngọn khác, chỉ cần điều hòa tạng phủ cho tốt lành thì những chứng đằng ngọn không trị cũng sẽ tự mất! Sự lý "cách vật, trí tri, thận độc (cẩn thận, dè dặt), khắc chế ý niệm, nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi" từ địa vị phàm phu cho đến khi thành thánh, thành Phật, đều chẳng thể lìa được! Khổng Tử lo âu vì *"đức chẳng tu, học chẳng giảng, nghe điều nghĩa chẳng thể noi theo, điều không tốt chẳng thể sửa đổi"*; đức Như Lai giảng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân

Duyên, lục độ, vạn hạnh, mỗi mỗi đều là nhân quả. Nếu không có nhân quả thì con người có khác gì cầm thú, há nên nói xằng ư?

2. Lời tựa tái bản Tịnh Độ Ngũ Kinh

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn độn căn. Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật rời khỏi pháp này thì dưới chẳng thể độ khắp quần manh. Hết thảy pháp môn, không một pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này. Hết thảy hạnh môn, không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Nếu luận theo chỗ thấy của bậc căn cơ Đại Thừa thì [pháp môn này] quả thật bắt nguồn từ kinh Hoa Nghiêm, vì Thiện Tài tham học với khắp các tri thức, cuối cùng ở dưới tòa của đức Phổ Hiền nhờ oai thần của Ngài gia bị, sở chứng bằng với đức Phổ Hiền và bằng với chư Phật, trở thành bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Ngài Phổ Hiền bèn đem mười đại nguyện vương khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng [tức là] hàng Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi mốt địa vị đều hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả, đấy chính là pháp quy tông kết đảnh của kinh Hoa Nghiêm vậy! Kinh Hoa Nghiêm dạy rõ pháp thành Phật trong một đời, nhưng quy tông[4] nơi cầu sanh Tịnh Độ. Do đó, biết rằng: ***Một pháp Tịnh Độ chính là vô thượng đại pháp thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh vậy***. Đấy chính là chỗ thấy của bậc căn cơ Đại Thừa, hàng Nhị Thừa còn chưa được thấy nghe, huống là phàm phu đầy dẫy triền phược ư?

Cho đến hội Phương Đẳng[5], đức Phật đặc biệt chuyên nói ba kinh Tịnh Độ để hết thảy dù phàm hay thánh đều cùng chăm chú tu trì ngõ hầu được thoát khỏi cõi Ngũ Trược đây, vượt lên cõi sen chín phẩm kia ngay trong đời này. Tại núi Linh Thứu[6] thuộc nước Ma Kiệt Đề, đức Phật nói ra nhân địa

---

[4] Tông là điều được đề cao bởi một bộ kinh, "quy tông" là giáo pháp tối hậu của một bộ kinh. Nói cách khác, "quy tông" là pháp chánh yếu của một bộ kinh, những điều khác được nói trong bộ kinh ấy chỉ nhằm dẫn dắt về pháp chánh yếu ấy.

[5] Phương Đẳng (Vaipulya), đôi khi còn dịch âm là Tỳ Phật Lược, Tỳ Phú La, Bạt Phật Lục, Bùi Phì La, Vi Đầu Ly, hoặc dịch nghĩa là Phương Quảng, Quảng Đại, Quảng Giải, Vô Tỷ… là một trong mười hai thể loại trong cách phân chia hệ thống kinh Phật. Những danh từ này đều nhằm diễn tả ý nghĩa "những kinh này nội dung sâu rộng thăm thẳm". Theo cách phán giáo của tông Thiên Thai, thời Phương Đẳng bao gồm những kinh được nói sau thời Bát Nhã và A Hàm, không những văn từ rộng sâu, giáo nghĩa rộng lớn, mà huyền nghĩa còn trùng trùng, nhằm dẫn dắt thính chúng từ Chân Không đi vào Diệu Hữu, thấy được cảnh giới vô thượng bất khả tư nghì của chư Pháp Thân Bồ Tát và chư Phật.

[6] Linh Thứu (Grdhrakūta) dịch âm là Kỳ Xà Quật, thường gọi tắt là Linh Sơn, Thứu Nhạc, hoặc Thứu Phong, nằm về phía Đông Bắc kinh đô Vương Xá của nước Magadha. Do núi

lúc ban đầu của A Di Đà Phật: Bỏ nước xuất gia, phát ra bốn mươi tám nguyện. Lại trải kiếp dài lâu, tu hành theo đúng lời nguyện, cho đến khi phước huệ viên mãn, được thành Phật đạo, cảm được thế giới trang nghiêm mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được, mười phương chư Phật đều cùng tán thán. Mười phương Bồ Tát và hàng Nhị Thừa hồi Tiểu hướng Đại lẫn phàm phu trọn đủ Hoặc nghiệp đều được vãng sanh, đều được bình đẳng nhiếp thọ. Đấy là kinh Vô Lượng Thọ.

Trong vương cung nước Ma Kiệt Đề, nói ra ba phước Tịnh nghiệp, mười sáu phép quán mầu nhiệm để hết thảy chúng sanh đều biết nghĩa lý *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biển Chánh Biến Tri[7] của chư Phật đều từ tâm tưởng sanh; tâm này là chúng sanh, tâm này làm chúng sanh, biển nghiệp phiền não của chúng sanh từ tâm tưởng sanh"* đã được nêu rõ ràng. Nếu có thể hiểu sâu xa nghĩa này, ai chịu bị luân hồi oan uổng? Cuối kinh nói rõ cái nhân của chín phẩm vãng sanh ngõ hầu ai nấy đều tu Thượng Phẩm. Đấy là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

Tại nước Xá Vệ, trong vườn Cấp Cô [Độc], nói diệu quả của y báo và chánh báo cõi Tịnh Độ để [thính chúng] sanh lòng tin, khuyên những người nghe hãy nên phát nguyện cầu được vãng sanh. Lại dạy các hành giả lập hạnh chấp trì danh hiệu. Ba điều Tín - Nguyện - Hạnh là cương tông của pháp môn Tịnh Độ. Đầy đủ ba pháp này thì hoặc là suốt đời chấp trì đã đắc nhất tâm, hoặc khi lâm chung mới được nghe, chỉ xưng danh mười niệm, đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đấy là A Di Đà Kinh.

Ba kinh này là những kinh chuyên giảng về Tịnh Độ, nhưng A Di Đà Kinh thâu nhiếp căn cơ phổ biến nhất. Vì thế, các tông Thiền, Giáo, Luật đều cùng vâng dùng làm kinh nhật tụng. Các kinh Đại Thừa nói kèm về Tịnh Độ nhiều không đếm xuể, nhưng chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm quả thật là khai thị mầu nhiệm nhất về pháp Niệm Phật. Nếu chúng sanh có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm, há có ai chẳng thể trong hiện tại hay tương lai nhất định thấy Phật, gần là chứng Viên Thông, xa là thành Phật đạo ư? Vì thế đem chương này xếp vào sau ba kinh; nối theo sau Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm để thành một đại duyên khởi cho pháp môn Tịnh Độ khiến cho những người đọc sẽ biết

---

có hình giống đầu chim Thứu (kên kên), trong núi lại có nhiều giống chim ấy nên thành tên. Tại tinh xá nơi núi này, Phật đã giảng rất nhiều bộ kinh Đại Thừa.

[7] Có hai cách hiểu chữ Chánh Biến Tri:

1) Chánh Biến Tri (Samyak-sambuddha), còn được dịch âm là Tam Miệu Tam Phật Đà, hoặc dịch nghĩa là Chánh Biến Giác, Chánh Chân Đạo, Chánh Đẳng Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc Chánh Đẳng Giác Giả, là một trong mười hiệu của đức Phật. Danh hiệu này hàm nghĩa vị giác ngộ hiểu biết chân chánh trọn khắp hết thảy các pháp.

2) Danh từ Tam Miệu Tam Bồ Đề (Samyaksambodhi) cũng được phiên dịch là Chánh Biến Tri hay Chánh Biến Tri Đạo, chỉ cho sự chứng ngộ do hiểu biết chân chánh trọn khắp bản thể của hết thảy các pháp.

Dựa theo mạch văn ở đây, chữ Chánh Biến Tri phải hiểu theo nghĩa thứ hai.

pháp này tỏ bày thông suốt rộng lớn bản hoài của đức Phật, so với các pháp cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử thì sự khó - dễ khác xa một trời, một vực! Do vậy, chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết. Bản khắc Tịnh Độ Tứ Kinh ở Kim Lăng đã bị mờ nét, người tu Tịnh nghiệp khổ vì không có bản rõ ràng nhất để đọc. Vì thế, cho đúc bản kẽm, ghép Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương vào sau ba kinh Tịnh Độ [và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện], gọi là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Nếu luận trên duyên khởi của pháp môn nên để kinh Vô Lượng Thọ đứng đầu, [nhưng] nay để thuận tiện cho việc đọc tụng nên đặt kinh A Di Đà lên đầu, [mong] người đọc lượng thứ.

3. Lời tựa trình bày duyên khởi của việc in kèm phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm vào sau Tịnh Độ Ngũ Kinh

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Bộ kinh Hoa Nghiêm mầu nhiệm sự lý viên dung, Lý là do Sự mà hiển, Sự là do Lý mà thành, Lý lẫn Sự đều đạt đến tột cùng, viên chứng Tỳ Lô Pháp Thân. Vì thế, đức Như Lai khi mới thành Chánh Giác bèn cùng các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi mốt địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác nói ra các pháp nhân quả của những pháp môn do đức Như Lai tự chứng. Nhân quả chính là Sự, pháp do đức Như Lai tự chứng chính là Nhất Chân Pháp Giới, là Chân Như Phật Tánh tịch chiếu viên dung, bất sanh, bất diệt, chẳng phải có, chẳng phải không. Phật Tánh ấy nơi phàm chẳng giảm, tại thánh chẳng tăng. Đức Phật do đã chứng rốt ráo nên thường hưởng pháp lạc Thường - Lạc - Ngã - Tịnh; chúng sanh do triệt để mê nên luôn chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi hư vọng. Ví như tấm gương báu tròn lớn bị bụi đóng cả kiếp, dẫu có ánh sáng chiếu trời soi đất vẫn chẳng có cách nào tỏ lộ để thụ dụng được! Vì thế, phải nhờ đến các vị Bồ Tát hỏi đáp với nhau để nói ra những pháp môn Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. Lại dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc hòng viên mãn Phật Quả. Đấy là Như Lai đem nhân quả do Ngài tự chứng dạy cho khắp hết thảy chúng sanh, khiến cho ai nấy đều đích thân chứng được khuôn phép lớn lao. Những người thuộc Tín vị (tức những người thuộc địa vị Thập Tín) thì dùng phẩm Tịnh Hạnh làm Nhân Địa Tâm (cái tâm trong lúc tu nhân) để trên là hợp với hoằng thệ đại nguyện về Quả Giác. Dù có vượt lên những bậc cao sâu hơn như Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, nhưng trong mỗi địa vị vẫn phải dùng một trăm bốn mươi mốt nguyện này[8] để làm căn cứ tấn tu.

[8] Tức một trăm bốn mươi mốt điều nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh.

Do vậy, biết rằng phẩm kinh này giữ một vai trò quan trọng rất lớn, nó chẳng những là cơ sở đầu tiên để nhập [cảnh giới] Phật, mà thật sự còn đáng gọi là cội gốc lớn lao để thành Phật! Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém mỏng, nếu có thể tâm tâm niệm niệm thường tụng kinh văn này, thường phát những nguyện này thì tam nghiệp sẽ mau được thanh tịnh, niệm niệm trên khế hợp tâm Phật, lâm chung lên thẳng Thượng Phẩm, công đức [của phẩm này] cùng [công đức thọ trì] phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện soi rọi lẫn nhau, chẳng hề kém sút. Vì thế, pháp sư Tỉnh Thường đầu đời Tống hâm mộ phong thái của Lô Sơn Viễn Công (tổ Huệ Viễn), đề xướng pháp môn Tịnh Độ, trích máu chép phẩm này. Lại dùng chữ Tịnh Hạnh để đặt tên cho liên xã. Liên tông được chấn hưng, nguyên do là vì dốc sức sâu xa nơi lời lẽ, hành vi thường ngày đều hợp với giác đạo vô thượng của Như Lai vậy!

Một đệ tử là Dương Huệ Đạo tính muốn in gộp chung phẩm Tịnh Hạnh và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện để lưu thông, Quang nói: *"Muốn cho kẻ sơ cơ lắng lòng niệm Phật, hãy nên dùng Tịnh Độ Ngũ Kinh để dẫn đường, chẳng nên chỉ chọn một mình phẩm Hạnh Nguyện trong Ngũ Kinh, hãy nên làm sao cho họ được đọc trọn khắp năm kinh, lại còn dùng phẩm Tịnh Hạnh để răn nhắc trong hết thảy thời, hết thảy chỗ thì họ sẽ tự hớn hở nơi đạo vậy!"* Than ôi! Đời bây giờ là đời gì vậy? [Chính là] lúc vứt bỏ cương thường luân lý, chuyên đề cao mưu mẹo dối trá, tàn sát lẫn nhau. Nếu chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để hướng dẫn thì sợ rằng đời sau làm người đối với những tên gọi "cương thường, luân lý" do thánh nhân đời trước đã lập còn chẳng thể được nghe! Vì thế, phàm là người có đủ chánh tri kiến, chánh tín tâm đều lấy sự tu trì tịnh nghiệp làm chí hướng, sự nghiệp. Do vậy, ở đây tôi riêng thuật duyên khởi ghép [phẩm này] vào sau kinh văn để người đọc sau này không nghi ngờ vậy!

4. Lời tựa tái bản lưu thông sách Tâm Kinh Thiêm Túc

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Tâm Kinh dạy rõ về Bồ Đề, Niết Bàn được chứng bởi tam thế chư Phật và hết thảy chúng sanh sẵn có Chân Như Phật Tánh. [Kinh này] là đạo trọng yếu để độ sanh của mười phương Như Lai, là khuôn mẫu tốt lành cho cả hằng trăm hành nhân thành Phật. Văn giản dị, nghĩa phong phú, từ ngữ ngắn gọn nhưng lý uyên thâm, khiến cho khắp mọi thượng trung hạ căn hễ khởi công [tu tập] đều cùng được vào thẳng địa vị của Như Lai, trong các kinh thật là bậc nhất! Tuy chỉ gồm hai trăm sáu mươi chữ, nhưng nghĩa lý sâu thẳm của sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã đều được bao trùm sạch sành sanh.

Ấy là vì đức Như Lai trí huệ tự tại vô ngại, tùy theo đương cơ [nghe pháp] mà nói rộng hay nói đại lược cho phù hợp. Nói rộng thì tuy trọn hết biển mực cũng chẳng thể [viết trọn] hết được, nói đại lược thì kiếm một chữ

cũng không ra, khiến cho người nghe ai nấy đều được lợi ích thật sự. Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn thường trì kinh này, y theo đó tu tập, sẽ tự được Ngũ Uẩn rỗng không, chứng Thật Tướng của các pháp, lìa điên đảo, đạt được Niết Bàn rốt ráo. Vì thế, [trong số] các danh nhân thời cổ thường có những vị tụng đến mấy trăm vạn biến, bởi kinh này là pháp môn Tổng Trì của các pháp.

Con trai thứ của cư sĩ Hạ Huệ Hoa là Thúc Quỳ bẩm tánh thông minh, mẫn tiệp, nhiệt tâm làm chuyện công ích, luôn ôm ấp chí hướng *"chẳng làm lương tướng ắt làm lương y"*, làm Hội Trưởng Hội Sinh Viên trường thuốc Hiệp Hòa tại Bắc Bình (Bắc Kinh). Năm Dân Quốc 15 (1926), tuổi tròn hai mươi bảy, bị bệnh rất nặng, khi sắp chết, hỏi cha rằng: "Nên giải nói [ý nghĩa] bất sanh bất diệt của Tâm Kinh như thế nào?" Cư sĩ dạy: "Đấy chính là nói về bản thể của cái tâm bọn ta, giống như thái hư không, không tướng, không hình, chẳng phải không, chẳng phải có, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng, ở trong sanh tử chẳng nhơ, chứng Niết Bàn chẳng sạch, tướng sanh còn chẳng có, làm sao có tướng diệt cho được? Ngộ được lý ấy, mới xứng danh là Phật Tử. Tuy nhiên, nói thì dễ dàng làm sao! Con hãy nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương đợi đến khi hoa nở thấy Phật chứng Vô Sanh Nhẫn thì mới phần chứng được tâm thể bất sanh bất diệt này! Từ đấy tấn tu mãi cho đến khi ba Hoặc đều hết sạch, hai thứ tử (biến dịch và phần đoạn) đều vĩnh viễn mất, viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không có gì để đạt được nữa thì mới là rốt ráo chứng được tâm thể bất sanh bất diệt ấy! Chớ nên nghĩ 'nghe tên là đích thân chứng', chẳng cầu vãng sanh, để đến nỗi trầm luân cả kiếp dài lâu, không cách nào thoát khỏi được!" Không lâu sau, người con liền mất, lúc sống đối với Phật pháp anh ta hoàn toàn chưa từng bận tâm, lâm chung lại hỏi đến chuyện này, chẳng phải là có túc căn hay sao? Được cư sĩ khai thị, nếu không vãng sanh cũng có thể trở thành duyên nhập đạo cho đời sau, so với những kẻ cho đến hết đời chẳng được nghe đến, khác biệt hệt như một trời một vực!

Nhân đó, cư sĩ muốn lưu thông bản chú giải Tâm Kinh rõ ràng, rộng rãi, cặn kẽ nhất ngõ hầu hàng sơ cơ đều có thể lãnh hội được; cư sĩ Phạm Cổ Nông khuyên nên in cuốn Tâm Kinh Thiêm Túc của pháp sư Hoằng Tán đời Minh, lại còn [đích thân] giảo chánh câu chữ. Do vậy, bèn cho in ra chừng đó quyển để tặng các tịnh lữ hòng kết pháp duyên để siêu tiến, giữ lại hai bản in để tái bản mãi mãi. Mong những ai thấy nghe, thọ trì, đều dùng Quán Trí rất sâu soi thấy Ngũ Uẩn đều không, đích thân chứng được tâm thể bất sanh bất diệt này để vượt qua hết thảy khổ ách!

5. Lời tựa lưu thông kinh Địa Tạng in theo lối thạch bản

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Tâm chúng sanh và tâm Phật không hai. Kẻ chẳng thể làm Phật, thường làm chúng sanh là vì chính họ chẳng có huệ lực, chẳng thể giác ngộ, lại không có thiện tri thức chỉ dạy. Do vậy, diệu tâm sẵn có Phật Tánh trở thành căn bản để khởi Hoặc tạo nghiệp đến nỗi luân hồi cả kiếp dài lâu, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Vì thế, lúc mới thành Chánh Giác, đức Thế Tôn ta bèn lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ, vì muốn cho hết thảy chúng sanh đều cùng mong báo ơn cha mẹ, nên đặc biệt dạy rõ Địa Tạng Bồ Tát trong những kiếp xưa do cứu mẹ đã rộng phát thệ nguyện Bồ Đề để làm thuyền bè cho chúng sanh trong tương lai được thoát biển khổ.

Toàn bộ kinh văn [kinh Địa Tạng Bổn Nguyện] dạy cặn kẽ cả sự lẫn lý, văn từ rõ ràng, thoáng đạt, nêu tỏ trọn vẹn những nghĩa lý "*tâm này làm Phật, tâm này là Phật; tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh"* và *"tâm có thể tạo nghiệp thì tâm có thể chuyển nghiệp, tâm chẳng chuyển được nghiệp thì nghiệp sẽ trói buộc tâm"* v.v… Hai câu chuyện đức Địa Tạng trong kiếp xưa cứu mẹ càng nêu thật sát sao, rõ ràng ý nghĩa này; thật có thể gọi là *"người dẫn đường nơi lối hiểm, đuốc huệ nơi đường tối, kho báu cho kẻ nghèo thiếu, gạo thóc cho năm đói kém"* khiến cho hết thảy chúng sanh mê muội mau được giác ngộ, hết thảy những đứa con hiếu thuận có được sư thừa[9]. Lợi ích của kinh không thể nào tuyên nói được! Tây Thiên, Đông Độ, những người đọc kinh này bèn khởi chí chẳng thể nào đếm xuể!

Hòa Thượng Chân Đạt muốn báo ân võng cực[10], tính mời người viết chữ đẹp cung kính chép kinh này để in theo lối thạch bản thí tặng, gặp đúng lúc cư sĩ Trí Chuẩn Lỗ Chỉ Nam đem bản kinh Kim Cang do chính ông ta tự viết xin Hòa Thượng giảo chánh. Sư thấy cư sĩ vì muốn báo ân cha mẹ liền đích thân cung kính chép kinh [Kim Cang] để thường trì tụng, ắt cũng sẽ vui sướng chép kinh này, nên bèn khẩn khoản nhờ chép, liền được [cư sĩ] nhận lời. [Hòa Thượng] sai Quang viết lời tựa phơi bày trọn vẹn sự lợi ích của kinh, hòng phát khởi tấm lòng hiếu thảo của những kẻ làm con trong thế gian, mong họ sẽ tùy thời, tùy việc trọn hết đạo hiếu. Nghĩ đến ân sâu cù lao[11], ắt sẽ [thực hiện] cho đến khi cha mẹ ta được rốt ráo an ổn nơi bảo sở

---

[9] Sư thừa: Quan hệ truyền thừa giữa thầy và trò.

[10] Ân võng cực: Đại ân của cha mẹ. Chữ này xuất phát từ bài thơ Lục Nga trong thiên Tiểu Nhã kinh Thi: *"Phụ hề sanh ngã, mẫu hề cúc ngã, phủ ngã, súc ngã, trưởng ngã, dục ngã, cố ngã, phúc ngã, xuất nhập phục ngã, dục báo chi đức, hạo thiên võng cực"* (cha sanh ra ta, mẹ nuôi nấng ta, vỗ về nuôi nấng, nuôi dạy lớn khôn, chăm nom, che chở, ra vào uốn nắn, muốn báo đức ấy, lồng lộng trời cao, khôn bề sánh ví!). Chín chữ *"sanh, cúc, phủ, súc, trưởng, dục, cố, phúc, phục"* thường được gọi là *"cù lao cửu tự*" (chín chữ cù lao).

[11] Cù lao: Ân cha mẹ, đây cũng là chữ xuất phát từ phần đầu bài thơ Lục Nga trong kinh Thi: *"Lục lục giả nga, phi nga y hao, ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao. Lục lục giả nga, phi nga y úy, ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao"* (cỏ nga xum xuê, không phải cỏ nga, cũng là cỏ hao, xót thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn; cỏ nga xum xuê, chẳng phải cỏ nga, cũng là cỏ úy; xót thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn).

mới thôi. Do vậy, dùng tâm chí thành, niệm thánh hiệu Phật, kèm thêm kính cẩn giữ vẹn luân thường, trọn hết thiên chức của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng công đức này để giúp cho cha mẹ ta, mong cho cha mẹ còn sống sẽ được nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, phước thọ tăng cao, trí huệ khơi mở, đã khuất bóng thì thần hồn siêu thăng cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, chứng Vô Sanh Nhẫn, ở vào địa vị Bất Thoái, ngõ hầu hơi trọn được tấm lòng riêng của quạ[12], chẳng làm đấng sanh thành phải thẹn. Lại còn phải biết: Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, hãy nên dùng tâm Đại Bồ Đề tùy thuận cơ nghi vì họ tuyên nói và cứu giúp hòng khế hợp Phật tâm, phù hợp cái nguyện của chính mình, quạt gió Từ dập tắt ác nghiệp, sẽ thấy lễ nghĩa, nhân nhượng được hưng khởi, can qua dứt bặt mãi mãi, phong tục tốt đẹp, thiên hạ hòa bình!

6. Lời tựa cho sách Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Tập Chứng
(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Kinh Phạm Võng là đại pháp để đức Như Lai nung luyện hết thảy dù thánh hay phàm, ngõ hầu họ sẽ rốt ráo đoạn trừ ba Hoặc, đích thân chứng được ba đức, khôi phục Phật Tánh sẵn có, thành Phật Quả vô thượng. Ấy là vì đối với Chân Như diệu tánh thì chúng sanh và Phật cùng một thể, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh chẳng tăng, nhưng từ vô thủy đến nay cứ mê chẳng ngộ, như vàng còn trong quặng chẳng thụ dụng được! Đức Như Lai thương xót hết thảy chúng sanh mê mất minh châu trong chéo áo, uổng công rong ruổi hướng ra ngoài tìm tòi. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm đến nỗi luân hồi lục đạo trọn chẳng có thuở ra! Dù có người đoạn được những Hoặc trong tam giới, thoát lìa sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật quá xa! Bởi thế, khi mới thành Chánh Giác, Phật liền lập tức vì hết thảy thánh - phàm giảng đại pháp này, trước hết làm cho họ liễu ngộ tự tâm vốn là Phật tâm, nên mới nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh, các ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành”.*

Tin được như thế, chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi đề cao thánh cảnh nhưng tự cam phận phàm ngu, trên là cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới là phụ bạc tánh linh của chính mình! Cho nên mới nói: *“Thường tin tưởng như thế thì giới phẩm đã đầy đủ!”* Rồi đối với những lời ăn tiếng nói, hành vi thường ngày, khởi tâm từ bi, tâm hiếu thuận, dẹp lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ cái ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm những điều thiện, sao cho luôn đúng chừng mực, không phải hổ thẹn chút nào, nơi ba nghiệp vĩnh viễn trọn chẳng có tỳ vết thì hai

---

[12] Đây là một điển tích dựa theo câu chuyện trong sách Vật Do Như Thử. Theo đó, con quạ thấy mẹ nó đã già yếu không kiếm ăn nổi bèn tha mồi mớm cho quạ mẹ. “Trọn tấm lòng riêng của quạ” tức là trọn hết tấm lòng hiếu thảo vậy.

thứ đại thể đại dụng "tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha" đều đầy đủ. Giữ tấm lòng thanh khiết xông tận trời thẳm, khác nào hư không mênh mông chứa khắp muôn hình tượng trọn chẳng chướng ngại gì! Xử sự chánh đại quang minh như mặt trời chói lọi chiếu khắp muôn phương, nhưng trọn chẳng hề chọn lựa. Do vậy, Tứ Nhiếp cùng được thực hiện, Tứ Hoằng[13] phổ độ, đáng gọi là *"tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí"* (trước hết dùng dục[14] để lôi kéo, sau làm cho nhập Phật trí), hư không dẫu có tận, nguyện tôi vẫn vô cùng.

Làm được như thế, nào còn có cái tâm ta - người, đúng - sai, tự tư tự lợi chi nữa, huống là có chuyện phá trai, phạm giới và tổn người, lợi mình, lật đổ, tàn hại lẫn nhau nữa ư? Do vậy biết: Kinh này dẫu thuộc về đại pháp xuất thế, nhưng quả thật là mưu lược tốt lành để giữ yên cõi đời. Vì thế, hết thảy quốc vương, đại thần và tứ chúng xuất gia, bốn chúng tại gia cùng các quỷ thần đều nên thọ trì! Nếu có thể thọ trì sẽ như nước rửa sạch đồ đựng, liền khôi phục sự sạch sẽ sẵn có; như hương xông áo, sẽ mau chóng thêm thơm ngát hơn. Trong lúc Kiếp Trược này, muốn vãn hồi mà bỏ pháp này, làm sao yên được?

Hành giả Diệu Lãng xưa đã có linh căn, dốc lòng tu Tịnh nghiệp, thường đọc kinh này, ngưỡng mộ khôn xiết, phát nguyện lưu thông để lợi khắp hết thảy. Lại thường đối với những ý nghĩa trì giới trọng yếu đã được khai thị trong các kinh Tiểu Thừa, Đại Thừa và các truyện ký mà chính mình đã đọc đều trích lục, ghi vào đằng sau [chánh kinh] để làm pháp răn dạy cho mình lẫn người cùng tu trì, ngõ hầu người đọc biết được lợi ích do trì giới: Gần là ba nghiệp thanh tịnh, Tam Học (Giới - Định - Huệ) viên minh, xa là sạch hết ba Hoặc, ba đức trọn bày. Họa hoạn do phạm giới thì gần là ba nghiệp ô trược, vĩnh viễn đọa trong tam đồ; xa là ba chướng[15] thường hiện diện,

---

[13] Tứ Hoằng chính là Tứ Hoằng Thệ Nguyện: Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

[14] Dục ở đây là lòng ham muốn, ý nói chư Phật, Bồ Tát dùng lợi để dẫn dụ con người do lòng ham lợi sẽ thực hành Phật pháp, rồi dần dần dẫn họ nhập đạo, thể ngộ Phật trí. Chẳng hạn, các kinh Đại Thừa thường nói rất nhiều đến những phước báo hiện tiền do trì tụng, thọ trì kinh, chú, lễ bái, cúng dường, tùy hỷ v.v…

[15] Ba chướng: Tam Chướng (Trīnyāvaranāni) có nhiều cách giải thích. Phổ biến nhất là cách giảng dựa theo kinh Đại Bát Niết Bàn, Phật Danh Kinh (quyển 1), Phát Trí Luận, Thành Thật Luận, Đại Trí Độ Luận, Tỳ Bà Sa Luận và Câu Xá Luận. Theo những kinh luận ấy, Tam Chướng là Phiền Não Chướng (Kleśāvarana), Nghiệp Chướng (Karmāvarana) và Dị Thục Chướng (Vipākāvarana). Phiền Não Chướng là ba thứ phiền não tham - sân - si sẵn có trong tánh thức. Nghiệp Chướng chính là nghiệp Ngũ Vô Gián hoặc những nghiệp bất thiện do thân - khẩu - ý gây nên. Dị Thục Chướng còn gọi Báo Chướng hoặc Quả Báo Chướng, tức là quả báo của Nghiệp Chướng và Phiền Não Chướng. Theo Du Già Đại Thừa Đại Giáo Vương Kinh, quyển 5, thì Tam Chướng lại là Ngã Mạn Trọng Chướng, Tật Đố Trọng Chướng (ganh ghét) và Tham Dục Trọng Chướng (theo cách giải thích này thì ba chướng ấy chỉ tương ứng với Phiền Não Chướng

chẳng thoát được tam giới! Phật do chính ta làm, địa ngục do chính ta tạo, như đến trước gương báu, tốt - xấu hiện rành rành, ai lại chịu tự chuốc lấy mối lo, bỏ lợi ích để nhận lấy họa hoạn cơ chứ?

Người chị dâu [của Diệu Lãng] là Phương Tỉnh, vâng theo di mạng của bà mẹ chồng đã quá cố, nguyện bỏ ra tịnh tài để giúp in một vạn cuốn hòng thành tựu chí nguyện này, ngõ hầu kính tặng các Phật tử tại gia và xuất gia. Do công đức này, mong cửa nhà bình yên, may mắn, quyến thuộc yên ổn, mạnh khỏe, đời này được hưởng Ngũ Phước như Cơ Tử đã luận, con cháu được hưởng trăm điều tốt lành như trong bài huấn dụ của Y Doãn[16]. Lại cầu thời thế hòa bình, mùa màng sung túc, dân giàu, vật mạnh, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng khởi, can qua vĩnh viễn chấm dứt, pháp vận thông suốt, thiên hạ thái bình. Do vậy, bèn tụng rằng:

Đức Thế Tôn ta,
Là vua các pháp,
Khiến khắp chín giới,
Cùng chứng chân thường,
Các pháp nói ra,
Đều tùy cơ nghi,
Chỉ giới pháp này,
Phàm - thánh cùng nương,
Đẳng Giác Bồ Tát,
Quần manh sáu đường,
Không có một ai,

---

mà thôi). Còn rất nhiều cách giải thích khác, nhưng sợ quá rườm rà nên không dẫn vào đây.

[16] Nguyên văn "Y Huấn", đây chính là tên của một thiên sách trong sách Thượng Thư, ghi lại nội dung bài giáo huấn của Y Doãn. Trong năm Thái Giáp nguyên niên, trong lễ tế tiên vương vào tháng Chạp, Y Doãn đã ban lời giáo huấn này cho vua cùng bá quan. Trong bài giáo huấn ấy có nhắc đến trăm điều tốt lành do thuận theo đạo trời nên thường được văn học nhắc đến với từ ngữ *"Y Huấn chi bách tường"*. Y Doãn (1648-1549 trước Công Nguyên) tên thật là Chí, Doãn có nghĩa là Hữu Tể Tướng; do kính trọng nên không gọi tên mà gọi bằng chức vụ. Y Doãn vốn là nô lệ bồi giá của Sân thị (khi xưa, cô dâu về nhà chồng thường mang theo nô lệ, những nô lệ ấy được gọi là "nô lệ bồi giá"), giữ nhiệm vụ nấu ăn. Khi Sân thị được gả cho vua Thành Thang (Thương Thang), Y Doãn nhân cơ hội dâng cơm cho Thương Thang liền phân tích tình thế thiên hạ, rất được Thương Thang tán thưởng, bèn xóa bỏ thân phận nô lệ cho Y Doãn, phong cho ông ta làm Tể Tướng. Năm 1600 trước Công Nguyên, với sự phù tá của Y Doãn, Thương Thang diệt nhà Hạ, thành lập nhà Thương. Y Doãn tận lực chỉnh đốn chính thể, hiểu cặn kẽ dân tình nên nhà Thương lúc ấy rất cường thịnh. Khi Thành Thang mất, con là Thái Giáp kế vị, vốn là kẻ bất tài, hôn ám, nên trong giỗ đầu của tiên vương, Y Doãn đã nêu lên bài huấn dụ này để răn nhắc đương kim hoàng thượng. Do Y Doãn dùng đủ mọi biện pháp cứng rắn lẫn mềm dẻo uốn nắn nhà vua, Thái Giáp nổi giận, đày Y Doãn sang đất Đồng ba năm (có sách chép là bảy năm). Về sau, Thái Giáp hối hận, rước về, và tuân theo lời chỉ dạy của Y Doãn, bèn trở thành một bậc minh quân.

Chẳng nên hành trì!
Do tâm chúng sanh,
Chẳng khác tâm Phật,
Do bởi Hoặc nghiệp,
Trở thành khác xa,
Về tướng tuy khác,
Nhưng tánh vốn đồng,
Nên nói kinh này,
Hòng chứng Đại Hùng[17]*,*
Đã biết chúng sanh,
Đều có Phật Tánh,
Phật là đã thành,
Ta thật sẽ chứng,
Ví như cùng tử[18]*,*
Được kho báu xưa,
Được, vốn chẳng được,
Hoan hỷ vô lượng,
Đã ngộ Phật Tánh,
Phải hành Phật Hạnh,
Nghiêm tịnh Tỳ Ni[19]*,*
Cẩn thận bóng áo[20]*,*
Phát tâm từ bi,
Và tâm hiếu thuận,
Tự lợi, lợi tha,
Cùng thoát vòng khổ,
Người được như thế,
Là chân Phật tử,
Những gì Phật đắc,
Ta sẽ giống thế,
Phải biết kinh này:
Khuôn lành đúc Phật,
Tận lực tu theo,
Liền chứng Vô Dư[21]*,*

---

[17] Đại Hùng (Mahā-vīra), có nghĩa là vĩ đại, anh hùng, là một trong những đức hiệu của đức Phật. Do đức Phật có đại trí lực, hàng phục ma chướng không ngăn ngại, run sợ nên được tôn xưng là Đại Hùng.
[18] Cùng tử: Đứa con nghèo đói.
[19] Tỳ Ni (Vinaya): Giới luật.
[20] Trích từ thành ngữ *"thận độc khâm ảnh"*: Ý nói dè dặt, cẩn thận, dẫu chỉ có một mình vẫn cẩn thận, nghiêm cẩn, chẳng làm chuyện gì để thẹn với ngay cả bóng vạt áo của chính mình.

Nguyện người thấy nghe,
Cùng chăm thọ trì,
Tiêu trừ Hoặc nghiệp,
Viên mãn Bồ Đề.

7. Lời tựa cho sách Phổ Môn Phẩm Giảng Nghĩa

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Quán Thế Âm Bồ Tát trong vô lượng kiếp trước đã sớm thành Chánh Giác, hiệu là Chánh Pháp Minh[22], nhưng do thệ nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn, chẳng lìa cõi Tịch Quang, hiện hình trong chín giới, tùy loại hiện thân, tầm thanh cứu khổ. Nên dùng thân nào để độ được liền hiện thân ấy để thuyết pháp, nguyện cho hết thảy chúng sanh trong hết thảy thế giới đều được lìa khỏi nỗi khổ huyễn vọng trong hiện tại, hưởng pháp lạc chân thường, nhưng Ngài lại thương xót thế giới Sa Bà nhất. Do vậy, trong hội Pháp Hoa, Thích Ca Thế Tôn muốn cho chúng sanh cõi Sa Bà luôn được che chở, bèn đặc biệt nhân lời hỏi của Vô Tận Ý Bồ Tát[23] mà trình bày rõ ràng thệ nguyện từ bi, công đức, oai thần của đức Quán Âm để hết thảy chúng sanh trong chín giới đều được nương tựa.

Cho đến khi [Phật] pháp được truyền sang xứ này, đến đời Tấn, pháp sư La Thập riêng dịch kinh Pháp Hoa, [mọi người] mới biết đức Quán Âm dù Bổn địa hay Tích môn đều khó nghĩ lường! Trong hội Lăng Nghiêm, đức Quán Âm tự thuật pháp Viên Thông; trong hội Hoa Nghiêm, đức Quán Âm chỉ dạy Thiện Tài, đều phù hợp khít khao với ý chỉ Pháp Hoa. Do vậy, biết: Đại Sĩ vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm [của chính mình], cho nên hễ cảm liền ứng, trọn chẳng sai chạy! Vào cuối đời Tấn, Thư Cừ Mông Tốn[24]

---

[21] Vô Dư ở đây là Vô Dư Niết Bàn (Nirupadhiśesa-Nirvāna). Đôi khi còn được dịch là Vô Dư Y Niết Bàn. Có nghĩa là đoạn sạch phiền não, diệt hết những dị thục khổ quả do Ngũ Uẩn tạo thành, chứng Niết Bàn rốt ráo không còn vướng mắc vào đâu nữa.

[22] Theo kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, trong quá khứ vô lượng kiếp, đức Quán Thế Âm đã thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, nhưng do nguyện lực độ sanh nên luôn thị hiện thân phận Bồ Tát hòng phù tá hết thảy Như Lai độ sanh.

[23] Vô Tận Ý Bồ Tát (Aksayamatir Bodhisattvah), còn được phiên âm là A Sai Mạt Bồ Tát, hoặc dịch nghĩa là Vô Tận Huệ, Vô Lượng Ý, còn có tên là Vô Tận Kim Cang, hay Định Huệ Kim Cang, là một trong mười sáu vị đại Bồ Tát của Hiền Kiếp. Do Bồ Tát quán hết thảy nhân duyên quả báo đều vô tận bèn phát tâm cầu chứng công đức vô tận của chư Phật nên được danh xưng này. Theo hội A Sai Mạt trong kinh Đại Tập, Bồ Tát hiện đang trụ trong cõi nước Bất Thuấn của đức Phổ Hiền Như Lai ở phương Đông.

[24] Thư Cừ Mông Tốn (368-433) là người sáng lập triều đại Bắc Lương vào thời Nam Bắc Triều cuối đời Tấn, thuộc sắc dân Hung Nô. Thoạt đầu Mông Tốn ủng hộ Lữ Quang ly khai nhà Diêu Tần, lập ra nhà Hậu Lương; sau đó, lại chống Lữ Quang, chiếm lãnh miền Cô Tạng, tự xưng là Tây Vương. Về sau, Mông Tốn diệt nhà Hậu Lương, khống chế đường giao thông Tây Vực, trở thành vua một nước hùng mạnh. Thư Cừ Mông Tốn rất

nhà Bắc Lương bị bệnh, ngài Đàm Vô Sấm[25] dạy tụng phẩm Phổ Môn, [Mông Tốn] liền được lành bệnh. Do vậy, phẩm này được lưu truyền riêng. Đời Tùy - Trần, đại sư Trí Giả chú giải kinh Pháp Hoa, đặc biệt giải thích cặn kẽ phẩm này. Đủ thấy tâm của Phật, Bồ Tát, tổ sư chỉ mong cho hết thảy chúng sanh lìa hết thảy khổ, được hưởng hết thảy vui.

Pháp sư Đế Nhàn tận lực hoằng dương tông Thiên Thai, kiêm tu Tịnh Độ. Mùa Hạ này, Sư hoằng giới (diễn giảng về giới luật) tại Cáp Nhĩ Tân (Harbin), trở về đi ngang qua Đại Liên, các cư sĩ Phan Đối Phù, Thi Tỉnh Chi v.v… thỉnh Sư giảng diễn kinh này. Lại sợ tiếng địa phương Nam - Bắc không thông, nhân đấy bèn đem những nghĩa đã giảng trước đó, in ra năm trăm bản, tặng cho mọi thính giả để họ đều được tận mắt thấy lời dạy; nhưng do thời gian vội vã, chẳng tránh khỏi sai sót. Cư sĩ Phan Đối Phù muốn [bài giảng ấy] được lưu truyền rộng rãi trong cõi đời; do vậy, bèn gởi cho tôi một bản và cậy viết lời tựa.

Trộm nghĩ kinh tạng Pháp Hoa sâu thẳm u viễn, không ai có thể thấu đạt được, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu triệt rốt ráo, Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, làm sao có thể nêu tỏ đến mức tột bậc cho được? Đành lược thuật Bổn - Tích[26] của đức Quán Âm và lai lịch lưu

---

tôn sùng Phật giáo, từng thỉnh ngài Đàm Vô Sấm dịch kinh Phương Đẳng, Niết Bàn v.v… Em họ Mông Tốn là Thư Cừ Kinh Thanh (?-464) là một cư sĩ học rộng, từng sang Vu Điền học tiếng Phạn, thông thạo Phạn Văn. Chính Kinh Thanh đã đích thân thỉnh ngài Đàm Vô Sấm đến đất Lương và chính ông ta đã dịch các bộ Thiền Yếu Bí Mật Trị Bệnh Kinh, Bát Quan Trai Giới Kinh, Quán Di Lặc Bồ Tát Thượng Sanh Đâu Suất Kinh v.v…

[25] Đàm Vô Sấm (385-433), tên Phạn ngữ là Dharma-raksa, đôi khi còn phiên là Đàm Ma La Thức, Đàm Ma Sám, Đàm Mô Sấm, Đàm La Vô Sấm, dịch nghĩa là Pháp Phong. Ngài xuất thân từ dòng Bà La Môn tại Trung Ấn Độ, thoạt đầu tu học Tiểu Thừa. Sau gặp được Bạch Đầu thiền sư truyền thụ kinh Đại Niết Bàn bèn phát tâm học Đại Thừa. Năm hai mươi tuổi Sư đã thông thạo các kinh Đại Thừa, kiêm hiểu Mật chú nên được gọi là Đại Chú Sư. Sau Sư mang kinh Đại Bát Niết Bàn, Bồ Tát Giới Kinh, Bồ Tát Giới Bổn v.v… sang Kế Tân, đến nước Quy Tư. Do thấy hai xứ này sùng trọng Tiểu Thừa, bèn sang Đôn Hoàng. Năm Huyền Thỉ nguyên niên (412) nhà Bắc Lương, Hà Tây Vương Thư Cừ Mông Tốn sai Thư Cừ Kinh Thanh cung thỉnh Sư đến Cô Tạng để Sư học tiếng Hán trong vòng ba năm, rồi bắt đầu phiên dịch kinh Đại Bát Niết Bàn, hai vị Huệ Tung và Đạo Lãng giữ nhiệm vụ Bút Thọ. Do kinh Niết Bàn Sư mang theo chưa trọn vẹn, Sư bèn trở về Vu Điền, tìm được một phần cuối kinh ấy, mang về Cô Tạng tiếp tục dịch. Nhận lời thỉnh của Huệ Tung và Đạo Lãng, Sư chủ trì công việc phiên dịch các kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, Kim Quang Minh Kinh, Bi Hoa Kinh, Bồ Tát Địa Trì Kinh, Bồ Tát Giới Bổn… Do Thái Võ Đế nhà Bắc Ngụy nghe tin Sư thông thạo phương thuật, bèn sai sứ sang thỉnh, Thư Cừ Mông Tốn sợ Sư sẽ sang đất Ngụy, liền giả vờ sai Sư sang Tây Vực tìm kiếm phần sau kinh Niết Bàn (phần này về sau được ngài Nhã Na Bạt Đà La dịch tiếp vào đời Đường), rồi ngầm sai thích khách giết chết Sư giữa đường. Bản kinh Đại Bát Niết Bàn của Sư được gọi là Bắc Bản Niết Bàn để phân biệt với bản dịch Nê Hoàn Kinh của ngài Pháp Hiển dịch (thường gọi là Nam Bản Niết Bàn Kinh).

[26] Bổn Tích: Bổn thường được hiểu là chánh nhân, chánh vị của chư Phật, Bồ Tát. Tích là phương tiện quyền biến thị hiện. Chẳng hạn, đức Quán Thế Âm Bồ Tát là Phật (như vậy

thông, chú thích kinh này cho xong trách nhiệm. Nguyện khắp các đồng nhân thường niệm thánh hiệu Quán Âm. Nếu đạt đến mức "niệm cực tình vong", tâm lẫn cảnh cùng vắng lặng thì hằng sa công đức, vô lượng diệu nghĩa sẽ tự hiển hiện trọn vẹn trong một niệm. Do vậy, chẳng cần phải trình bày rườm rà chi nữa!

8. Lời tựa cho [ấn bản] Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh được viết theo lối chữ Khải để tặng đại chúng đọc tụng

Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh chúng sanh và Phật cùng sẵn đủ, trọn chẳng hề tăng - giảm. Phật do rốt ráo chứng nên an trụ Tịch Quang, thụ hưởng pháp lạc Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Chúng sanh do triệt để mê nên khởi Hoặc tạo nghiệp, chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi huyễn vọng. Tuy là tịnh - nhiễm bất đồng, khổ - vui sai khác, nhưng tánh Chân Như mầu nhiệm sẵn có vẫn tự chẳng tăng, chẳng giảm! Chúng sanh chỉ có Tánh Đức, trọn chẳng có Tu Đức, nên chẳng thể thụ dụng được, ngược ngạo nương theo sức công đức của diệu tánh ấy để tạo ra cái nhân sanh tử, chịu quả luân hồi. Do nhân duyên ấy cảm Phật dấy lòng từ bi, thị hiện sanh trong thế gian, tùy cơ thuyết pháp, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, biết lấy hạt châu trong chéo áo, ngõ hầu chẳng đến nỗi cô quạnh, lênh đênh, không nơi nương tựa.

Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh chính là nhân bí mật để viên mãn Bồ Đề của tam thế chư Phật, là diệu hạnh để tiến về giác đạo của hết thảy Bồ Tát, cho nên gọi là Thủ Lăng Nghiêm (Śūrangama). Tiếng Phạn Thủ Lăng Nghiêm, tiếng Hán là Nhất Thiết Sự Cứu Cánh Kiên Cố (hết thảy sự rốt ráo cứng chắc). Nhất Thiết Sự là gì? Chính là hai pháp tâm và cảnh; nói rộng ra là Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại. Nhất Thiết Sự (hết thảy mọi sự) này đều là toàn thể đại dụng của Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, vốn tự cứng chắc, trọn chẳng có các tướng sanh, diệt, sạch, nhơ, tăng, giảm, nhưng chúng sanh mê chân đuổi theo vọng, trái giác hợp trần, dù tâm hay cảnh đều thành huyễn vọng, đều là sanh diệt, đều chẳng cứng chắc!

Vì thế, do ngài A Nan thưa hỏi phương tiện ban đầu để mười phương Như Lai thành tựu Bồ Đề, Xa Ma Tha, Tam Ma[27], Thiền Na mầu nhiệm,

---

về mặt Bổn ngài là một vị Phật, đã thành Phật từ vô lượng kiếp), nhưng vì lòng từ bi thị hiện thân Bồ Tát (đấy là Tích). Hoặc có thể hiểu ngài là một vị Bồ Tát (Bổn), nhưng lại hiện vô số ứng thân nhằm hóa độ mọi loài chúng sanh (đấy là Tích).

[27] Xa Ma Tha (Śamatha) có nghĩa là Chỉ (ngưng dứt), Tịch Tĩnh, hay Năng Diệt, là một trong bảy tên của Thiền Định. Do chú trọng đến tác dụng lắng đọng tâm không bị ngoại cảnh lay động khiến tâm được tịch tĩnh, nên gọi là Chỉ, hàm nghĩa ngưng dứt mọi tán loạn.

Tam Ma là gọi tắt của Tam Ma Địa (Samādhi), hay còn được phiên âm là Tam Muội hay Tam Ma Đề. Dịch nghĩa là Đẳng Trì, Chánh Định, Định Ý v.v… tức là xa lìa hết thảy lao chao, hôn trầm, chuyên tâm nơi một cảnh.

Như Lai liền gạn hỏi cái tâm, chỉ rõ cái Thấy, lần lượt [giảng về] Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại để hiển thị "mỗi mỗi đều là Như Lai Tạng, thuận theo tâm chúng sanh, thuận theo nghiệp mà tỏ lộ" khiến cho họ khai ngộ. Kế đó, hai mươi lăm vị thánh nhân, mỗi vị chứng [một pháp] Viên Thông [riêng biệt] trong hai mươi lăm pháp, [mỗi vị tường thuật pháp Viên Thông do chính mình đã chứng] nhằm chứng thực lời giảng ấy. Kinh này nhằm thích ứng với [năng lực] đa văn của A Nan và căn cơ "tánh nghe nhạy bén nhất" của cõi Sa Bà. Do vậy, đức Văn Thù chọn lựa [pháp Viên Thông] bèn chỉ chọn [phápViên Thông của] Quán Âm.

Pháp môn Tịnh Độ Niệm Phật thích hợp trọn khắp căn cơ của hết thảy chúng sanh trong mười phương ba đời; do vậy, được kể sau pháp [Viên Thông] của ngài Di Lặc, trước [pháp Viên Thông của đức] Quán Âm, nhằm ngầm nêu ý nghĩa thích hợp khắp mọi căn cơ! Nếu không, sẽ kể pháp này sau pháp của ngài Hư Không Tạng[28], trước pháp của ngài Di Lặc. Luận sát sao về những pháp môn thông thường thì phải đoạn sạch Phiền Hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử, chỉ có bậc thượng thượng lợi căn nhất mới có thể giải quyết xong ngay trong đời này! Nếu chẳng phải là loại căn tánh ấy thì hoặc hai, ba, bốn, năm đời, hoặc hai, ba, bốn, năm kiếp, hoặc thậm chí từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn luân hồi trong lục đạo, [kẻ như vậy] nhiều lắm! Bởi cậy vào sức Giới - Định - Huệ của chính mình để đoạn sạch Hoặc nghiệp phiền não tham - sân - si cho nên khó khăn. Huống chi đang nhằm thời Mạt Pháp, căn cơ con người hèn kém, thọ mạng ngắn chủn, tri thức hiếm hoi, tà ma, ngoại đạo tung hoành, hễ chánh kiến hơi thiếu liền bị đọa vào lưới ma ư? Chỉ có pháp môn Tịnh Độ đặc biệt "cậy vào thệ nguyện từ bi của đức Di Đà và sức tín nguyện ức niệm của chính mình", đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương [là thỏa đáng]! Nếu là hạng Thượng Thượng Căn sẽ mau chứng Vô Sanh, dẫu là kẻ Hạ Hạ Căn vẫn được dự vào dòng thánh! Lợi ích ấy làm sao diễn tả được? Nghĩa này là nghĩa quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm; đừng vì Quang là kẻ kém cỏi mà cho là sai lầm, bịa đặt!

Nếu chúng ta có thể đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha như con nhớ mẹ, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối để niệm, thì hai tầng công phu "xoay cái niệm để niệm nơi tự tánh" của đức Thế Chí và "xoay cái nghe để

---

[28] Hư Không Tạng (Ākāśa-garbha) có nghĩa là phước trí hai tạng đều vô lượng, rộng lớn như hư không, không có ngằn mé. Ngài lưu xuất vô lượng pháp bảo, thí khắp cho người cầu muốn, lợi lạc chúng sanh. Ngài được đặc biệt tôn sùng trong Mật giáo và Thiên Đài Tông Nhật Bản. Đông Mật Chân Ngôn Tông Cao Dã Sơn phái của Nhật Bản còn lưu truyền câu chuyện tổ sư Không Hải nhờ trì chú của Hư Không Tạng Bồ Tát mà trí huệ mở mang, sang Trung Hoa học Mật với ngài Huệ Quả, lãnh hội được tinh nghĩa của Mật giáo chỉ trong vài ba năm, trở thành Sơ Tổ Mật Tông Nhật Bản. Trong kinh Đại Tập có hai pháp hội chuyên giảng về Hư Không Tạng Bồ Tát. Trong kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát dạy về pháp Viên Thông quán Không Đại.

nghe nơi tự tánh" của đức Quán Âm sẽ hòa lẫn trong một tâm để niệm hồng danh vạn đức của Như Lai. Lâu ngày chầy tháng, cái tâm nghiệp thức chúng sanh sẽ trở thành Như Lai Bí Mật Tạng, đấy gọi là *"dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, cho nên nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân"*. Người có duyên gặp được, mong chớ coi rẻ. Đấy là đường vào cửa Niết Bàn của vi trần đức Phật, huống gì chúng ta là người đời Mạt Pháp há dám chẳng noi theo? Cuối cùng, [kinh] chỉ bày nghiêm ngặt bốn thứ giới luật để bồi đắp nền tảng ấy, nói cặn kẽ công đức của thần chú [Lăng Nghiêm] ngõ hầu [hành nhân] được nương tựa, bảo vệ.

Kinh giảng cặn kẽ nhân quả của mười pháp giới, mỗi mỗi đều là theo nghiệp hiện ra. Chỉ rõ cảnh Ngũ Ấm Ma hòng [người nghe] biết kẻ công hạnh sâu vẫn còn có chuyện bị ma dựa tạo tội đọa địa ngục, huống hồ kẻ sơ tâm ư? Xem kinh thoạt đầu là bảy chỗ gạn tâm, mười phen tỏ rõ cái Thấy, lần lượt giảng đến Ấm, Nhập, Xứ, Giới, Đại, tầng tầng khai thị khiến cho vị căn tánh nhạy bén nhất là A Nan viên ngộ Tạng tánh (tức là cái được nhà Thiền gọi là đích thân thấy được "bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra"), vậy thì đại triệt đại ngộ quả thật chẳng dễ dàng gì! Phần sau kinh [nói về hành giả đã có] sức Thiền Định sâu rồi, đã phá được hai Ấm là Sắc và Thọ, vẫn bị ma mê hoặc, đánh mất chánh kiến, tạo các ác nghiệp, sống vướng phép vua, chết đọa địa ngục. Do vậy biết: Muốn liễu sanh tử chỉ cậy vào Tự Lực thì nguy hiểm, khó khăn chẳng thể nào sánh ví được! Nguyện những người cùng hàng hãy nương theo pháp "nhớ Phật, niệm Phật" của đức Thế Chí và lời dạy mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc của đức Phổ Hiền để cùng với các vị Bồ Tát trong Hoa Tạng Thế Giới Hải nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương, đấy mới thật là kế sách vẹn toàn vậy!

Cư sĩ Trí Mậu Hứa Văn Thanh chép kinh Lăng Nghiêm theo lối chữ Khải để tặng những liên hữu trong Giác Xã đọc tụng; hai vị cư sĩ Cù Trí Hồng, Diệp Thánh Phương mua giấy. Chép xong, xin Quang viết lời tựa. Do Quang thấy Giác Xã là đạo tràng niệm Phật, theo đúng lý thì phải nêu tỏ ý nghĩa thắng diệu của pháp môn Tịnh Độ, ngõ hầu những kẻ ham cao chuộng xa chẳng đến nỗi chuyên trọng tự lực, vứt bỏ Phật lực, rốt cuộc trở thành kết quả "cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng!" Vì vậy, lời lẽ tựa hồ bàn luận tràn lan, viễn vông, hủ bại. Dẫu có ai vì điều này mà quở trách, cũng chỉ thưa A Di Đà Phật, A Di Đà Phật mà thôi!

9. Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thập Yếu

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Hết thảy các pháp môn do đức Như Lai đã nói trong suốt cả một đời tuy là Đại, Tiểu, Đốn, Tạm bất đồng, Quyền, Thật, Thiên, Viên sai khác, nhưng không pháp nào chẳng nhằm khiến cho hết thảy chúng sanh đều theo đường về nhà, khôi phục tâm tánh mà thôi! Nhưng những pháp ấy đều cần tự lực tu

trì để đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử, hoàn toàn không được một sức nào khác nhiếp trì hòng chắc chắn được siêu phàm nhập thánh, thành tựu sở nguyện ngay trong đời này! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào sức thệ nguyện, nhiếp thọ của Phật và lòng thành tín nguyện niệm Phật của chính mình, bất luận đã chứng ngộ hay không; thậm chí kẻ chưa đoạn mảy may Phiền Hoặc nào vẫn đều có thể cậy vào Phật từ lực liền được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Đã được vãng sanh, nếu là người đã chứng ngộ liền lên thẳng Thượng Phẩm, kẻ chưa đoạn Hoặc vẫn dự vào dòng thánh.

Do vậy biết pháp môn Tịnh Độ rộng lớn không có gì ra ngoài được, như trời che khắp, dường đất chở đều, thống nhiếp các căn cơ trọn chẳng sót vật nào! Thật có thể nói là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, thâu trọn lợi căn và độn căn. Trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được; dưới là phàm phu nghịch ác vẫn có thể dự vào trong đó. Thỏa thích bản hoài xuất thế của đức Như Lai, mở ra con đường chánh để chúng sanh trở về nguồn. Vì thế, [pháp này] được chín giới cùng quay về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Huống chi đang nhằm thời Mạt Pháp, căn cơ con người kém hèn, bỏ pháp này tu pháp khác thì chẳng những hàng phàm phu bộn bề phiền não chẳng có cách nào thoát ly sanh tử, mà ngay cả bậc thánh nhân Thập Địa cũng khó viên mãn Bồ Đề! Vì vậy, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Viễn Công, Trí Giả, Thanh Lương, Vĩnh Minh đều phát tâm Kim Cang hoằng truyền, tán dương, ngõ hầu lục đạo, tam thừa đều được vượt ngang ra khỏi tam giới, khôi phục lại tâm tánh vốn có. Trước thuật tại Thiên Trúc và Chấn Đán (Trung Hoa) [để tuyên giảng pháp môn này] nhiều khó thể kể xiết! Đại sư Ngẫu Ích chọn lấy chín tác phẩm khế hợp thời cơ nhất và bộ Di Đà Yếu Giải do chính mình trước tác, [gộp thành một bộ sách] đặt tên là Tịnh Độ Thập Yếu, muốn cho người học nhờ [xem] những tác phẩm này sẽ hiểu trọn vẹn chỗ trọng yếu trong sự độ sanh của đức Như Lai và nguyên do pháp này thống nhiếp khắp hết thảy các pháp.

Đại Sư mất rồi, môn nhân là Thành Thời muốn [tác phẩm này] được lưu truyền trọn khắp pháp giới, nhưng sợ văn từ dài dòng, số lượng quyển quá lớn, chi phí lớn lao, khó thể [lưu truyền] rộng khắp được, bèn tóm lược câu chữ, đối với mỗi tác phẩm chỉ trình bày đại lược những ý chánh quan trọng, thêm vào những điều bình luận, quả thật hết sức lao tâm khổ tứ! Tiếc rằng Sư ỷ mình trí có thể chiếu soi trọn vẹn, đọc đến đâu, trích lược đến đấy, chẳng bỏ công tra duyệt lại, cứ cho khắc in ngay, đến nỗi lời văn nhiều chỗ mù mờ, lại thêm giọng điệu sai lầm, lời lẽ chẳng đạt ý vậy!

Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), cư sĩ Từ Úy Như đến thăm Quang; do ông ta lo liệu việc khắc in Tạng kinh, tôi bèn cậy ông ta sưu tập, khắc in bản gốc [của bộ Tịnh Độ Thập Yếu]. Sau đấy, ông ta bèn khắc in hai tác phẩm là

Di Đà Yếu Giải và Tây Phương Hiệp Luận. Nay đã có được nguyên bản đầy đủ, cư sĩ Lý Viên Tịnh tính tái bản theo đúng như hình thức sách Tịnh Độ Thập Yếu [đã được in] trước kia: Phàm mỗi một lời bình luận do sư Thành Thời đã viết đều chiếu theo đó sao lục, chỉ bổ sung những chỗ sư Thành Thời khiếm khuyết, hòng chẳng diệt mất sự cực trí của sư Thành Thời, soạn thành bốn quyển. Do những chỗ trích lược khác nhau bao nhiêu đó chỗ, cho nên phải sắp xếp lại thứ tự từng quyển. Trước kia, Tây Trai Thi, Niệm Phật Trực Chỉ thứ tự trước - sau bị đảo lộn, nay sắp xếp lại cho thích đáng; cuối mỗi quyển đều kèm theo những bài văn quan trọng và [những đoạn trích từ] Triệt Ngộ Ngữ Lục. Lại còn đem Vãng Sanh Luận Chú và Liên Hoa Thế Giới Thi gộp thành một quyển để làm phụ bản, tổng cộng là năm quyển, thảy đều phù hợp với lời văn, ý nghĩa và tông chỉ của sách Thập Yếu, hoàn toàn chẳng khác biệt. Giống như những hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế soi bóng lẫn nhau, khiến cho những người đọc biết sâu xa pháp môn Tịnh Độ chính là chỗ quy túc của hết thảy các pháp. Hết thảy các pháp, không pháp nào chẳng lưu lộ từ pháp giới này, chẳng trở về pháp giới này!

10. Lời tựa sách Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận Sớ

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Triệu pháp sư[29] nói: *"Trong trời đất, giữa vũ trụ, có một vật báu giấu kín trong núi hình"*. Lời này nói về kẻ chưa ngộ chưa chứng, chứ thật ra vật báu ấy bao quát thái hư, cùng tột theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang, hằng cổ, hằng kim, luôn luôn hiển lộ! Đấy chính là như câu nói: *"Thời thời thị thời nhân, thời nhân tự bất thức"* (Luôn luôn chỉ dạy cho người, mà người vẫn cứ chẳng hề biết cho), chẳng đáng buồn sao? Chỉ có mình đức Thích Ca Thế Tôn ta đích thân thụ dụng được, những chúng sanh khác trải kiếp này sang kiếp khác dựa vào sức oai thần của vật báu ấy để khởi Hoặc

[29] Triệu Pháp Sư chính là ngài Tăng Triệu (384-414), môn nhân nổi tiếng nhất của đại sư Cưu Ma La Thập. Sư là con nhà nghèo, phải chép sách thuê để kiếm sống. Do vậy, thông hiểu kinh sử rất sâu. Thoạt đầu, Sư hâm mộ thuyết Lão Trang, sau do đọc kinh Duy Ma Cật bèn cảm ngộ, đi xuất gia. Ngài thông hiểu kinh Phương Đẳng, thanh danh lẫy lừng miền Bắc Trung Hoa. Nghe pháp sư Cưu Ma La Thập đến đất Lương, bèn xin theo học, được ngài Cưu Ma La Thập khen là bậc kỳ tài. Đến khi Diêu Tần diệt nhà Lương, Sư bèn theo ngài La Thập sang Trường An. Tuân sắc lệnh của Diêu Hưng, Tăng Triệu cùng với Tăng Duệ lo phù tá ngài La Thập phiên dịch kinh điển. Do vậy, giải ngộ càng sâu, được tôn xưng là bậc Giải Không Đệ Nhất. Năm Hoằng Thỉ thứ sáu (404), khi ngài La Thập dịch xong bộ Đại Phẩm Bát Nhã, Sư soạn cuốn Bát Nhã Vô Tri Luận trình lên, được hai vị La Thập và Huệ Viễn nồng nhiệt tán thán. Sau đó, Sư còn soạn Phá Không Luận, Vật Bất Thiên Luận, Niết Bàn Vô Danh Luận, Chú Duy Ma Cật Kinh v.v… Tiếc là Sư mất rất sớm, chỉ thọ được 31 tuổi. Những bài luận của Sư được thâu thập thành cuốn Triệu Luận.

tạo nghiệp, luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có thuở ra! Ví như kẻ mù đích thân lên núi báu chẳng những không thụ dụng được, trái lại còn bị thương!

Do vậy, đức Thế Tôn tùy thuận cơ nghi mà khai thị, khiến cho bọn họ ai nấy đều theo đường trở về nhà, nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, tùy theo từng hoàn cảnh mà quán sát kỹ càng mong họ đích thân thấy được vật báu ấy. Nhưng bậc có đủ trí chiếu Bát Nhã liền lập tức rỗng không các uẩn, hết sạch mọi khổ ách, tuy có nhiều vị [làm được] như vậy, nhưng đấy chẳng phải là điều bọn chúng sanh độn căn đời Mạt mà hòng mong mỏi được! Bởi vậy, [đức Phật] mở ra một pháp môn đặc biệt ngõ hầu thượng - trung - hạ căn đều đạt được lợi ích thật sự ngay trong đời này, dạy họ dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha chuyên niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày chầy tháng, chính cái tâm nghiệp thức chúng sanh này sẽ trở thành Như Lai Bí Mật Tạng, tức là do báu Tam Muội chứng được báu Thật Tướng, mới biết vật báu này trọn khắp pháp giới, lại đem vật báu này thí khắp hết thảy.

Do vậy, từ khi đức Phật mở ra pháp môn này, hết thảy Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức thảy đều tuân hành pháp này do pháp này trọn đủ tự lực và tha lực, so với những pháp chuyên cậy vào tự lực thì khó - dễ khác nào một trời, một vực! Pháp sư Phi Tích đời Đường trụ tích[30] tại chùa Thảo Đường núi Tử Các trong rặng Chung Nam, hoằng dương giáo hóa rộng lớn pháp môn Tịnh Độ, đặc biệt soạn ra bộ Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận để hết thảy tứ chúng niệm trọn vẹn tam thế Phật, nhưng chuyên chú nơi Tây Phương A Di Đà Phật. Do nếu chẳng niệm chư Phật vị lai sẽ chẳng thể phát đại Bồ Đề tâm, chiết phục tràng ngạo mạn, trong hết thảy cảnh vẫn còn có tình kiến phàm - thánh, làm sao lìa trọn vẹn bốn tướng, triệt chứng Nhất Chân cho được? Nếu thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật thì tâm sẽ tự chẳng còn có tình kiến phàm - thánh để được nữa, nên mới rốt ráo đoạn trừ phiền não, rốt ráo viên chứng tự tâm. Nếu chẳng niệm trọn vẹn chư Phật trong quá khứ và hiện tại thì có lẽ cái tâm niệm A Di Đà Phật sẽ bị câu nệ, hạn cuộc, chẳng thể viên mãn, trọn khắp. Vì thế, dạy người niệm Phật *"dẫu niệm một đức Phật nhưng niệm trọn tam thế chư Phật; tuy niệm trọn hết tam thế chư Phật nhưng ắt phải chuyên dốc sức nơi A Di Đà Phật, ngõ hầu cái tâm niệm Phật theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tột cùng ba đời!"* Đây chính là cái tâm niệm Phật này và tâm của mười phương ba đời chư Phật không lúc nào chẳng khế hợp nhau!

Bộ luận này ý nghĩa sâu rộng, nếu chẳng chú thích chắc có lẽ [người đọc] sẽ gặp tận mặt mà bỏ lỡ, cũng như chưa chắc đã khỏi hiểu lầm lý sự. May mà lão pháp sư Đế Nhàn thuộc tông Thiên Thai chẳng tiếc tinh lực, riêng soạn sớ giải để dù văn hay nghĩa đều được sáng tỏ. Lợi ích ấy há diễn tả

---

[30] Trụ tích: Còn gọi là "quải tích". Khi một vị pháp sư trụ ở tại nơi đâu thì gọi là trụ tích tại nơi đó. Tích ở đây là tích trượng.

được ư? Cư sĩ Chí Tịnh tu Tịnh nghiệp đã lâu, tâm lợi người tha thiết, phát tâm in năm ngàn bộ để tặng cho các vị Tăng - tục tu Tịnh Độ, xin tôi trình bày đại ý của bộ luận, ngõ hầu người đọc ngay từ đầu đã thấy được chỗ chỉ quy [của bộ luận]. Do vậy, chẳng nài thô lậu, trình bày đại lược những điều ẩn chứa, để [người đọc] biết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn vừa cạn vừa sâu, vừa là Quyền vừa là Thật. Hết thảy pháp môn, hà sa diệu nghĩa, không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu lộ, không pháp nào chẳng trở về pháp giới này, do pháp này chính là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu thấy lời này chẳng thích đáng, xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ Tát là vị đã khuyên phát mười đại nguyện vương, hướng dẫn về Cực Lạc!

11. Lời tựa cho bộ Di Đà Thánh Điển

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Một pháp Niệm Phật chính là tổng trì lời Phật dạy, nhưng có người chuyên niệm Tự Phật, có người chuyên niệm Tha Phật, hoặc niệm Tự Phật lẫn Tha Phật bất đồng! Kẻ chuyên niệm Tự Phật là như tham cứu sâu xa đến cùng tận Thật Tướng trong các kinh để mong ngộ chứng, dùng trí chiếu Bát Nhã để thấu hiểu trọn vẹn đương thể của hết thảy các pháp Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại v.v… toàn là không, đích thân thấy được tánh Chân Như mầu nhiệm vốn sẵn có, hoặc như Thiền Tông khán những câu thoại đầu như *"người niệm Phật là ai?"* v.v… để mong đích thân thấy được "bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra". Trong bốn loại Niệm Phật, [cách này] được gọi là Thật Tướng Niệm Phật.

Chuyên niệm Tha Phật thì có ba cách niệm:

1) Một là quán tưởng, nghĩa là dựa theo Thập Lục Quán Kinh để quán, hoặc chuyên quán tướng bạch hào[31], hoặc chỉ quán thân Phật một trượng sáu, hay thân tám thước, hoặc quán Pháp Thân rộng lớn và quán trọn vẹn mười sáu phép Quán.

2) Hai là quán tượng, tức là đối trước hình tượng Phật, tưởng tướng hảo, quang minh của Phật v.v…

---

[31] Bạch Hào Tướng (Ūrna-laksana): Đôi khi còn dịch là hào tướng, hào mi, bạch mao tướng, mi gian bạch hào tướng, bạch hào trang nghiêm tướng, mi gian bạch hào nhuyễn bạch đâu-la-miên tướng v.v…là một trong ba mươi hai tướng của đức Như Lai. Đấy chính là một sợi lông trắng trong ngần, sáng ngời như ngọc lưu ly, thường tỏa quang minh, nằm giữa hai chân mày, cuộn tròn lại, quấn quanh theo chiều bên phải, nếu kéo dài ra sẽ dài đến một tầm (Tầm là đơn vị đo lường thời cổ, có chiều dài bằng khoảng cách giữa hai cánh tay giang thẳng ra hai bên). Theo kinh Vô Thượng Y, quyển Hạ, tướng này do lúc tu nhân Phật thường tán thán mỗi khi thấy có chúng sanh nào tu tập Giới - Định - Huệ. Theo kinh Quán Phật Tam Muội Hải thì quang minh tỏa ra từ tướng bạch hào có công năng trừ được tội lỗi trong trăm ức na-do-tha hằng sa kiếp sanh tử, nên là tướng thù thắng nhất trong vô lượng tướng của đức Phật.

3) Ba là trì danh, tức là nhất tâm xưng niệm thánh hiệu A Di Đà Phật.

Ba cách niệm Phật này tuy cách thức khác nhau, nhưng đều cần phải có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì mới cảm ứng đạo giao cùng đức Phật được, mới có thể chắc chắn trong đời này lìa khỏi cõi Sa Bà này, sanh sang cõi Cực Lạc kia.

Trong bốn thứ niệm Phật này, chỉ có Thật Tướng Niệm Phật là đế lý sâu xa nhất, nhưng chẳng dễ gì tu được! Do cậy vào Giới - Định - Huệ và sức tham cứu, quán chiếu, soi xét của chính mình, chứ không có Tha Lực nào khác phụ trợ, nếu chẳng phải là hạng túc căn chín muồi thì ngộ còn chưa dễ gì đạt được, huống là thật chứng! Chỉ có Trì Danh Niệm Phật, thực hiện dễ dàng nhất, thành công nhanh nhất! Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục ắt sẽ đích thân chứng được Niệm Phật tam-muội ngay trong đời này, lâm chung chắc chắn vãng sanh Thượng Phẩm. Dẫu căn cơ hèn kém, chưa chứng được tam-muội, chỉ dùng lòng tin chân thành trì danh hiệu Phật như con nhớ mẹ, luôn luôn chẳng gián đoạn, đến khi lâm chung cảm ứng đạo giao, nương theo Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Chúng sanh đời Mạt chỉ có pháp này để nhờ cậy. Nếu không, chỉ gieo được cái nhân cho đời sau, khó được lợi ích thật sự!

Nếu có thể chí tâm trì niệm, niệm đến khi *"toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, không niệm mà niệm, niệm mà không niệm, tâm lẫn Phật cùng tỏ rạng, lại cùng mất hẳn"* thì diệu lý Thật Tướng sẽ hiện rõ rành rành, y báo, chánh báo cõi Tây Phương triệt để hiện trọn vẹn. Tuy trì danh nhưng đạt Thật Tướng sâu xa, chẳng quán tưởng mà đích thân thấy được Tây Phương! [Pháp trì danh] nhiếp thọ căn cơ phổ biến nhất, được lợi ích sâu xa nhất, lợi lạc nhất cho kẻ độn căn trong đời Mạt Pháp, thỏa thích lớn lao bản hoài xuất thế của Như Lai. Vì thế, từ xưa hàng tri thức phần nhiều đều chuyên chú nơi một môn Trì Danh. Đây là nói đại lược về cách niệm Tha Phật vậy.

Còn như niệm Tự Phật lẫn Tha Phật thường được gọi là Thiền Tịnh Song Tu, có người chuyên khán câu *"người niệm Phật là ai?"* để mong minh tâm kiến tánh, chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh. Tuy tợ hồ Thiền Tịnh Song Tu, nhưng thật ra là "có Thiền, chẳng có Tịnh". Đã không có tín nguyện, sẽ không có cách nào cậy vào Phật lực để đới nghiệp vãng sanh được! Nếu chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không, vẫn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử! Do vậy biết: Thiền Tịnh Song Tu chỉ hạng người có đầy đủ tín nguyện sâu xa mới có thể được lợi ích. Nếu không, đương nhiên chẳng bằng chuyên dốc sức nơi một môn trì danh hiệu Phật! Pháp môn Tịnh Độ thật là pháp môn đặc biệt khế lý khế cơ trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai. Vì thế, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ bảo hướng về.

Ông X… ở Đông Doanh (Nhật Bản), trích lục những nghĩa lý xiển dương pháp Niệm Phật từ các kinh luận, soạn thành bộ Di Đà Thuyết Lâm,

nội dung phân thành mười môn, diễn giảng thông suốt Nhất Hạnh[32], đáng là một bộ sách trợ giúp cho việc tu Tịnh nghiệp. Cư sĩ Phạm Cổ Nông đích thân giảo chánh, tra cứu, đổi tên thành A Di Đà Phật Thánh Điển nhằm tỏ rõ ý nghĩa tôn sùng; nhưng những phần trích lục hoàn toàn chẳng nêu rõ nguồn gốc, đợi khi nào có thời gian rảnh rỗi, cư sĩ sẽ dựa theo kinh mà phân định tường tận để hết thảy mọi người biết một pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là đạo để hết thảy thượng thánh hạ phàm cùng tu, ngõ hầu chẳng đến nỗi phạm những lỗi như sanh lòng tự phụ "ta là bậc thượng căn", chẳng chịu tu trì, hoặc tự hạ thấp "ta là hạ căn chẳng thể tu trì được"! Thợ sắp chữ gần xong, cậy Quang viết lời tựa, bèn ước theo những điều mình biết để giãi bày. Nên biết rằng: Một pháp Niệm Phật chính là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu chẳng tin tưởng được, xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ Tát!

12. Lời tựa sách Tịnh Độ Tập Yếu

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Thuốc không quý - hèn, thuốc nào trị được bệnh [thì thuốc ấy] là thuốc hay. Pháp chẳng cạn - sâu, [pháp nào] hợp căn cơ sẽ là pháp mầu nhiệm. Đang thời Mạt Pháp, căn cơ con người kém hèn, nếu chẳng nương vào hoằng thệ nguyện lực của đức Như Lai, ai có thể đoạn Phiền Hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng vô sanh? Ví như bệnh đã lậm vào tạng phủ, tuy [bệnh tình] hòa hoãn vẫn không thể làm gì được, nhưng nếu chịu uống thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh này, thì chuyện "đoạn Phiền Hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng Vô Sanh" vừa nói trên đây ai nấy đều đích thân chứng được, hoàn toàn chẳng khó khăn gì! Vì sao vậy? Do người ấy dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, lâm chung chắc chắn sẽ được Phật tiếp dẫn, liền được vãng sanh. Đã được vãng sanh, thân cận Phật Di Đà dài lâu, theo gót hải chúng, còn có thể viên mãn Bồ Đề, triệt chứng Niết Bàn rốt ráo, huống là những chuyện "đoạn Phiền Hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng Vô Sanh" vừa mới nói đó ư? Do vậy, biết rằng: Trong thời tiết[33] này, chỉ có một pháp này thích hợp căn cơ nhất. Nếu bỏ pháp môn cậy vào Phật lực này để tu những pháp môn tự lực khác, đừng nói hạng trung - hạ căn không cách chi mong mỏi, dẫu là thượng căn chắc chắn cũng khó lòng thành tựu ngay trong một đời được; phần nhiều chỉ gieo nhân cho đời sau, khó

[32] Nhất Hạnh: Có nghĩa là chuyên chú nơi một sự, là một từ ngữ đặc biệt chỉ hạnh Niệm Phật. Do vậy, Niệm Phật tam-muội còn gọi là Nhất Hạnh tam-muội.

[33] Xin đừng hiểu lầm chữ "thời tiết" ở đây là weather, mà có nghĩa là thời thế, đúng dịp, đúng lúc nhân duyên chín muồi, các duyên hội đủ, như trong thành ngữ "nhân duyên thời tiết" thường được dùng trong kinh sách.

được lợi ích thật sự! Vì thế, hàng tri thức xưa nay cực lực hoằng dương pháp này để mong trên báo ơn Phật, dưới độ những người cùng hàng.

Các ông Phan Huệ Thuần và Thiệu Huệ Viên ở Lưu Dương (thuộc tỉnh Hồ Nam) dốc lòng tin tưởng Phật pháp, xem xét thời tiết, căn cơ; do vậy, bèn tập hợp những ý nghĩa trọng yếu đề xướng Tịnh Độ xưa nay, tạo thành một cuốn sách, chia làm ba thiên. Thiên đầu là tập hợp sao lục, biên tập những lời dạy từ tướng lưỡi rộng dài [của đức Phật], hơi tóm gọn một chút, để làm bậc thang nhập môn đầu tiên cho hàng sơ cơ. Thiên giữa gồm những phần trích lục những lời khai thị thiết yếu nhất, viên đốn nhất [trích] từ sách Long Thư Tịnh Độ Văn, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, và [ngữ lục của] các đại sư Thiện Đạo, Vĩnh Minh, Ưu Đàm, Thiên Như[34], Liên Trì, Hám Sơn, Ngẫu Ích, Triệt Lưu, Tỉnh Am, Triệt Ngộ, và gần đây nhất là cư sĩ Bành Nhị Lâm, ngõ hầu [người đọc] từ cạn tiến đến sâu, lãnh ngộ đại lược chỉ thú của pháp môn Tịnh Độ. Thiên cuối cùng tập hợp những ghi chép về nghi thức Niệm Phật, những kinh chú Tịnh Độ trong khóa tụng hằng ngày và các bài văn hồi hướng để dùng làm nghi thức cho khóa tụng sáng tối. Cuối cùng là phần Phụ Lục về nhân duyên ứng hóa của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát và Đa Đa Ha Bồ Tát để nêu bật pháp môn Tịnh Độ khế hợp thời cơ sâu xa. Họ tính ấn hành lưu thông để biếu những ai có cùng chí hướng trong khắp cõi xem đọc; do vậy, bèn đặt tựa đề là Tịnh Độ Tập Yếu, và lược thuật nguyên do của pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu người đọc lẫn người nghe đều cùng sanh chánh tín, cùng tu Tịnh nghiệp, để có thể cùng sanh về Tịnh Độ, cùng chứng Vô Sanh, để rồi cùng thành Chánh Giác!

13. Lời tựa cho bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Lịch Sử tường thuật những chuyện thanh bình hay loạn lạc, hiền hay ngu xưa nay. Cảm Ứng là những chứng nghiệm về sự được - mất, tốt - xấu xưa nay. Lịch sử nhiều quá, ai có thể đọc trọn khắp từng chuyện cho được! Vì thế, đặc biệt chọn lấy những sự tích cảm ứng rõ ràng nhất ghi lại hết để cống hiến cho những người cùng hàng, hòng làm tấm gương "cách vật, trí tri, thành tâm, chánh ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" ngõ hầu tâm hợp

---

[34] Thiên Như Duy Tắc (không rõ năm sanh -1354), là một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế sống vào thời Nguyên, xuống tóc từ nhỏ tại Hòa Sơn, về sau qua Thiên Mục, đắc pháp với ngài Trung Phong Minh Bản, được nối pháp của ngài Trung Phong. Sư cực lực hoằng dương Thiền Tông nhưng chuyên tu Tịnh nghiệp, được vua ban danh hiệu Phật Tâm Phổ Tế Văn Huệ Đại Biện Thiền Sư. Sư chú thích kinh Lăng Nghiêm đồng thời tổng hợp, chín tác phẩm chú giải đã có từ thời Đường và Tống, tạo thành bộ Lăng Nghiêm Kinh Hội Giải 20 quyển, lại soạn bộ Lăng Nghiêm Kinh Viên Thông Sớ 10 quyển. Để xiển minh giáo nghĩa Tịnh Độ, Sư soạn bộ Tịnh Độ Hoặc Vấn nhằm phá trừ những nghi vấn về Tịnh Độ, sách tấn người học tu tập Tịnh nghiệp. Ngoài ra, Sư còn để lại những tác phẩm như Ngữ Lục, Thập Phương Giới Đồ Thuyết v.v…

với đạo, tâm hợp với Phật, thiên hạ sẽ thái bình, nhân dân sẽ yên vui. Phải biết: Nói đến cảm ứng chính là nói đến nhân quả vậy. Tu nhân như thế nào sẽ được quả như thế ấy như trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu. Nếu muốn tránh khỏi quả ác, ắt phải tu nhân lành; nếu tạo ác nhân, quyết khó thể được thiện quả! Tôi thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh"*.

Nếu không có nhân quả, thiện sẽ không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, há còn bàn đến chuyện "làm sáng tỏ Minh Đức để đạt đến chí thiện, đoạn Phiền Hoặc, chứng Bồ Đề" nữa ư? Do những ai biết có nhân quả ắt sẽ hướng lành, lánh dữ, sửa lỗi hướng thiện, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, ngõ hầu được dự vào bậc thánh, mong lên được cõi Cực Lạc. Bậc thượng bèn yên vui mà làm, bậc trung bèn vì lợi mà làm, bậc hạ bèn miễn cưỡng làm, đều cùng trừ khử được vật dục để tỏ lộ lương tri, thoát đường mê, lên bờ giác. Do vậy, biết thánh hiền, Phật, Bồ Tát tham dự, giúp đỡ cho đạo sanh thành, dưỡng dục, xét từ cội nguồn đến kết thúc chẳng ngoài hai chữ "nhân quả"; đấy là căn cứ lớn lao khiến cho thiên hạ xưa nay thanh bình hay loạn lạc, vững vàng hay nguy ngập và [để được] yên thân, giác ngộ cõi đời, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu muốn vãn hồi thế đạo, lòng người, mà bỏ đi việc đề xướng nhân quả báo ứng, dẫu cho người ấy học thức, đạo đức, thần thông, trí huệ ngang bằng thánh hiền, Phật, Bồ Tát vẫn chẳng làm gì được, huống là những kẻ kém cỏi hơn ư?

Người đời thường tưởng nhân quả diệt mất không dấu vết, thường hay coi thường, chẳng chịu suy xét sâu xa. Đối với những thứ [nhân quả] rõ ràng dễ thấy, có thể có những thứ nhân quả khác xen lẫn vào khiến cho khó thấy được sự báo ứng; phàm phu mắt thịt chẳng biết nguyên do, bèn bảo "thiện ác đều rỗng không, chẳng có nhân quả". Do vậy, cậy vào thiên kiến của chính mình, cho là đích xác không lầm lẫn, coi lời của thánh hiền, Phật, Bồ Tát đều là hoang đường, vô căn cứ, chẳng đáng noi theo! Từ đấy, phô phang tà kiến của chính mình, lầm lạc khoe khoang là bậc thông gia, lập ra những nghị luận tự lầm, lầm người. Do một đồn thành nhiều, biến đổi tận gốc càng thêm tệ hại đến nỗi ào ạt biến thành những thảm kịch "phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, mặc kệ lòng hổ thẹn, tranh thành, đoạt đất, tàn sát lẫn nhau" mỗi mỗi đều diễn ra, đến nỗi thiên tai nhân họa giáng xuống hằng ngày, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Xét đến cội nguồn, nói chung là do chẳng biết nhân quả báo ứng mà ra!

Năm Dân Quốc 13 (1924), vùng Giang - Chiết đánh nhau, cư sĩ Ngụy Mai Tôn tản cư sang Thượng Hải, nghĩ cách muốn dứt sát kiếp để chấm dứt họa loạn cho tương lai. Tôi khuyên ông ta nên đọc khắp hai mươi bốn bộ sử, chọn lấy những chuyện nhân quả báo ứng rõ ràng nhất, chép thành một bộ sách để làm gương răn mình cho các giới trong thiên hạ đời sau. Ông Mai Tôn rất hoan hỷ, từng nhiều lần thương lượng biện pháp, nhưng vì tuổi già,

tinh thần chẳng đủ, lại không có sức thỉnh người khác chịu nhọc nhằn thay cho [chính mình] nên đành buồn bã bỏ dở giữa chừng. May sao, tháng Chín năm Dân Quốc thứ 16 (1927), cư sĩ Nhiếp Vân Đài thỉnh được cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh biên tập, vâng lệnh của thái phu nhân cung cấp chi dụng. Đến tháng Tám năm nay hoàn thành bản thảo, gặp đúng dịp ông Nhiếp Vân Đài dưỡng bệnh tại Lô Sơn, tôi bèn vượt quyền tiếm phận, lo toan những chuyện trình bày, ấn hành v.v… Do thỏa lòng mong mỏi của tôi, ông Nhiếp Vân Đài bèn vui vẻ giảo định và gom góp tiền bạc để khắc in rộng rãi. Lần đầu in hai vạn bộ; nay lại dùng loại giấy in báo, in một bản với kiểu chữ Tứ Hiệu Tự[35] để mong cho giới thanh niên học sinh đều mua đọc được. Hai loại sách này mỗi thứ đều cho đánh máy thành ba bản, tận hết sức chắc cũng in được mấy chục vạn bộ, khiến cho người đời đều biết nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai! Do vậy sẽ giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ngõ hầu thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui sẽ trở thành sự thật, chứ không phải chỉ là niềm hy vọng xuông!

14. Lời tựa sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Con người tánh vốn lành, do đối cảnh chạm duyên nhưng chẳng ra sức kiểm điểm, xem xét, cho nên khởi lên các chấp trước tốt - xấu, đủ mọi thứ tình kiến khiến bản tánh bị mai một, đều luôn là như thế. Do vậy, những vị thánh nhân thời cổ vị nào cũng để lại ngôn giáo, mong cho con người hành theo để trở lại [thuần thiện như] thuở ban đầu. Những lời dạy ấy tuy nhiều, nhưng chẳng ngoài "cách vật trí tri, làm sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi sự tốt lành tột cùng" mà thôi.

Trong chữ "cách vật" vừa nói đó, "cách" (格) giống như "cách đấu" (格鬬: trừ khử, chiến đấu), giống như một người chống lại muôn người; "vật" (物) là phiền não, vọng tưởng, mà cũng là cái được gọi là "nhân dục" (lòng ham muốn của con người) trong cõi đời. Chiến đấu với lòng nhân dục vọng tưởng phiền não, ắt một phen phải đầy đủ ý chí chẳng khiếp nhược thì mới có hiệu quả thật sự. Nếu không, tâm bị chuyển theo vật, làm sao trừ khử vật cho được? "Trí" (致) có nghĩa có là thúc đẩy, mở rộng đến cùng cực. "Tri" (知) chính là lương tri "yêu thương cha mẹ, kính trọng anh" sẵn có của chúng ta, chứ không phải do dạy dỗ, do học hành rồi mới có. Nhưng thường nhân trong xử sự thường ngày, nếu chẳng phản tỉnh, soi xét, kiểm điểm, thì từ đấy sẽ bị vật chuyển, chắc là lương tri "yêu thương cha mẹ, kính trọng anh" ấy cũng bị mất đi, còn mong chi thúc đẩy lương tri ấy đến cùng cực để đối phó

---

[35] Một kiểu chữ cỡ lớn vừa phải, tương đương với font chữ size 24 trong Microsoft Word.

khắp vạn sự, hàm dưỡng tự tâm nữa ư? Do vậy, thánh nhân muốn con người làm sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi chỗ tốt lành tột cùng, bèn dạy con người chỗ thực hiện đầu tiên chính là trước hết phải khởi sự từ cách vật trí tri. Công phu vừa nói ấy mầu nhiệm không chi hơn được!

Nhưng muốn cho thường nhân y theo đó tu trì, phải có khuôn phép đã hoàn chỉnh thì mới dễ được lợi ích. Ngũ Kinh, Tứ Thư đều là những khuôn phép đã hoàn chỉnh, nhưng do lời lẽ mênh mông, lại còn rải rác trong các sách, chẳng được tập hợp lại chia theo từng loại, hơi khó để bắt chước theo. Kẻ chưa đọc nhiều sách càng chẳng thể nhờ vào đâu để vâng theo những khuôn mẫu ấy. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên thâu tóm những lý lẽ tột cùng *"thuận theo [chánh đạo] thì tốt lành, trái nghịch thì xấu, phước thiện, họa dâm"*, thốt ra lời nghị luận rung trời rúng đất, mắt nhìn vào, tâm kinh hãi: "Thế nào là thiện? Thế nào là ác? Kẻ làm lành sẽ đắc thiện báo nào? Kẻ làm ác sẽ mắc ác báo nào?" đều thấy rõ cội nguồn sáng tỏ như xem ngọn lửa, nhưng kẻ ngu chẳng chịu làm lành, cứ mặc tình làm ác! Ấy là vì cái tâm tự tư tự lợi xui khiến như thế. Nay biết: Kẻ tự tư tự lợi đâm ra sẽ đánh mất lợi ích lớn lao, mắc họa ương lớn lao, há dám chẳng gắng sức lương thiện để mong họa diệt, phước nhóm ư? Do vậy, bèn nói rằng: Sách này tạo lợi ích cho con người cũng sâu xa lắm. Vì thế, bậc Đại Nho thời cổ phần nhiều đều ngầm tu tập theo sách này.

Đời Thanh, ông Bành Ngưng Chỉ ở Trường Châu phụng hành sách này từ bé, đến lúc vinh hiển đậu kỳ thi Đình, đạt đến địa vị Thượng Thư rồi, vẫn hằng ngày đọc sách này, lại còn đem tặng người khác, ghi tựa đề là Nguyên Tể Tất Độc Thư (sách phải đọc của Trạng Nguyên, Tể Tướng). Lại còn giải thích rằng: *"Chẳng có nghĩa là đọc sách này liền có thể làm Trạng Nguyên, Tể Tướng, mà nghĩa là Trạng Nguyên, Tể Tướng nhất quyết không thể không đọc sách này!"* Sự nêu tỏ ý nghĩa ấy có thể nói là thấu triệt đến tột bậc! Nhưng "người nhân thấy là nhân, kẻ trí thấy là trí", đều tùy theo tánh chất của từng người. Sách này luận đến tột cùng thì chỉ có thể thành tiên. Nếu dùng đại Bồ Đề tâm để thực hành sẽ có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, đoạn Tam Hoặc, chứng Pháp Thân, viên mãn phước huệ, thành tựu Phật đạo; huống hồ cứ khăng khăng nơi những quả báo nhỏ nhoi trong cõi trời người như thành tiên ư?

Sách này được chú giải rất nhiều, chỉ có bản Tiên Chú của Nguyên Hòa Huệ Đống[36] đời Thanh tinh xác, sâu xa, rộng rãi, thông suốt nhất, tiếc rằng

[36] Huệ Đống (1697-1758), tự Định Vũ, hiệu Tùng Nhai, là một nhà kinh học gia (chuyên gia nghiên cứu kinh truyện) đời Thanh, người huyện Nguyên Hòa (nay là Ngô Huyện, Tô Châu), tỉnh Giang Tô, nên thường được gọi là Nguyên Hòa Huệ Đống. Ông nội Huệ Đống là một nhà nghiên cứu kinh Dịch rất nổi tiếng thời ấy, cha Huệ Đống cũng là một nhà nghiên cứu cổ thư rất nổi tiếng. Ông chống đối cách giải thích kinh điển theo quan điểm Tống Nho, chủ trương để hiểu cổ thư phải đọc thẳng vào kinh điển, đừng dựa dẫm theo cách giải thích xuyên tạc, thiên kiến của Tống Nho.

nếu chẳng phải là hạng học rộng sẽ không thể đọc nổi! Kế đến là bộ Vựng Biên quả thật là bản hay nhất để người nhã, kẻ tục đều cùng xem được, nhưng đàn bà, trẻ nít không thông thạo chữ nghĩa lắm thì vẫn khó thể lãnh hội được. Chỉ có mỗi một cuốn Trực Giảng là có thể lợi ích trọn khắp, lời văn tuy nông cạn, dễ hiểu, nhưng từ ngữ thật hay đẹp, giản dị nhưng không thô thiển, dễ cảm động con người nhất. Cư sĩ Hương Đào bỏ ra một ngàn đồng ấn hành để lưu thông rộng khắp. Cũng có những người cùng chí hướng đều giúp sức, nguyện cho cuốn sách này được [phổ biến] trọn khắp vũ trụ, ngõ hầu người người tu Thập Thiện, nhà nhà tôn sùng hiếu đễ. Biết họa - phước chỉ do con người tự chuốc lấy, thiện hay ác đều có báo ứng thì có ai còn chịu làm ác để chuốc họa nữa đây? Phong tục ấy vừa được lưu hành thì điều thiện sẽ có thiện báo: Lễ nghĩa, nhân nhượng sẽ hưng thịnh, can qua vĩnh viễn chấm dứt, nhân dân yên vui, thiên hạ thái bình. Nguyện những ai có tài lực hay trí lực hoặc in rộng rãi sách này để lưu truyền, hoặc thuyết pháp để giảng diễn khiến cho những kẻ chưa đánh mất bản tánh sẽ càng thêm thuần chân, kẻ đã mất bản tánh sẽ mau khôi phục cái tánh ban đầu. Hành vi ấy có công đức há thể diễn tả được ư?

15. Lời tựa sách Sức Chung Tân Lương
(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, phàm - thánh như một. Do Phật rốt ráo ngộ được tâm này nên triệt chứng Niết Bàn, chúng sanh do rốt ráo mê cái tâm này nên luân hồi sanh tử dài lâu. Nghĩ lại từ vô thủy đến nay, bọn chúng sanh ta và đức Thích Ca Thế Tôn cùng là phàm phu, cùng chịu nỗi khổ sanh tử dữ dội. Đức Thế Tôn do tự phát khởi hùng tâm, trọn đủ sức đại hùng mãnh, tu ròng Giới - Định - Huệ, nên đoạn trọn vẹn Tam Hoặc, hai thứ Tử (Biến Dịch và Phần Đoạn) vĩnh viễn mất, an trụ trong Tam Đức bí tạng, phổ độ quần manh thuộc chín giới. Luận về thời kiếp, dù có dùng hết số vi trần trong một cõi nước cũng chẳng thể tính toán được! Luận về pháp môn thì cạn hết biển mực vẫn khó chép được!

Trong thời kiếp ấy, ban sự pháp hóa này, bọn chúng sanh ta há chẳng nghe pháp tu hành, muốn chứng được tâm này trong một đời hay sao? Chỉ vì Phiền Hoặc sâu dầy, không sức nào đoạn trừ được, hễ thọ sanh lần nữa lại bị mê mất. Cũng như do chưa gặp được pháp cậy vào Phật từ lực để vãng sanh ngay trong đời này, hoặc do tu pháp này, nhưng tự lực mỏng yếu, không người giúp đỡ, hoặc tuy tự lực sung túc nhưng lâm chung bị quyến thuộc lầm cách phá hoại! Do đấy, trải cả kiếp dài lâu, luân hồi sanh tử. Dẫu được Phật giáo hóa, vẫn y như cũ uổng mang cái tâm chẳng khác gì tâm Phật, nhưng chẳng thể chứng được quả chân thường giống như đức Phật! Trên đã

cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới phụ bạc tánh linh của chính mình. Mỗi phen nghĩ đến, ngũ tạng[37] như lửa đốt.

Nay may được nghe đức Như Lai vì thương xót chúng sanh thuở mạt kiếp không có sức đoạn Hoặc, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ để hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này vãng sanh Tây Phương: Kẻ đã đoạn Hoặc sẽ cao đăng Bổ Xứ, kẻ vẫn còn đầy dẫy phiền não cũng dự vào dòng thánh. Thật là một pháp môn đặc biệt trong suốt cả một đời giáo hóa của đức Như Lai; thích hợp khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều thâu tóm. Trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát còn chẳng thể vượt ra ngoài [pháp môn] này được; dưới là phàm phu Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể dự vào trong số ấy. Vì thế, [pháp môn này] được mười phương cùng khen ngợi, chín giới cùng tuân hành. Huống hồ bọn phàm phu chúng ta bỏ đi pháp này thì lấy đâu để nhờ cậy?

Gần đây, đời đã loạn đến cùng cực, thiên tai, nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống! Người có chánh tri kiến đều biết thế giới này là nơi không yên ổn, Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là quê nhà ta sẵn có. Do vậy, tính kế trở về nhà, cùng tu Tịnh nghiệp. Lại sợ khi lâm chung tự lực mỏng yếu, không ai phụ trợ, và bị quyến thuộc vô tri phá hoại chánh niệm đến nỗi vẫn lưu lại trong thế giới này, chẳng được vãng sanh. Do vậy, mọi người đề xướng chuyện trợ niệm hòng phụ trợ kẻ lâm chung. Như các hội Phật Học ở Thiệu Hưng, Dư Diêu, Vân Nam, Thượng Hải hoặc soạn định chương trình, hoặc xiển dương sự lợi - hại, đều nhằm mong sao người mạng chung chắc chắn được sanh về Tây Phương mới thôi! Tâm ấy, chuyện ấy thật đáng khâm phục!

Cư sĩ Lý Viên Tịnh vẫn sợ [những chương trình ấy] quá giản lược, rất có thể người ta chẳng lưu ý, bèn tuyển chọn những điểm hay nhất của chương trình các nơi và các ngôn luận, lại còn chọn lọc những bài văn nêu rõ lẽ lợi - hại lúc lâm chung của xưa nay và những câu chuyện vãng sanh do được trợ niệm gần đây, biên soạn thành bốn thiên. Thiên đầu tiên là Sức Chung Chương Trình (chương trình trợ niệm cho kẻ lâm chung), thiên thứ hai là Sức Chung Ngôn Luận (những bàn luận về việc trợ niệm cho kẻ lâm chung), thiên thứ ba là Dự Tri Lợi Hại (biết sẵn những điều lợi - hại), thiên thứ tư là Sức Chung Thật Hiệu (hiệu quả thật sự do trợ niệm lúc lâm chung), đặt tên [cho cả tập sách] là Sức Chung Tân Lương (những hướng dẫn về việc trợ niệm khi lâm chung), xin Quang viết lời tựa.

Quang đã ở vào tuổi bảy mươi, học chẳng thành được gì, trộm sợ một hơi thở ra không hít vào được sẽ lại bị luân hồi trong sáu nẻo thì khổ chẳng thể nào tưởng tượng được! Do vậy bèn giấu tung tích, ẩn dật lâu dài, chuyên tu Tịnh nghiệp, ngõ hầu chẳng đến nỗi thường luôn khuyên người khác mà

---

[37] Nguyên văn "ngũ nội", tức là một danh xưng khác của Ngũ Tạng, tức tim, gan, lá lách, phổi, thận.

ngược lại chính mình chẳng có phần, khiến cho kẻ vô tri do đấy sẽ báng pháp rồi đọa ác đạo. Trước lúc bế quan, nhận được thư của ông ta, lòng khôn ngăn cảm động, bèn nêu đại lược đại ý của pháp môn Tịnh Độ và lợi ích của sự trợ niệm, mong sao những người học Phật trong cõi đời ai nấy đều chú ý, ngõ hầu thỏa thích lớn lao bản hoài phổ độ chúng sanh của đức Như Lai cũng như nhằm để làm chín muồi cái nhân thù thắng đã được vun bồi từ nhiều kiếp!

16. Lời tựa bộ Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Quán Thế Âm Bồ Tát thệ nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn; vì thế, phân thân trong các cõi nhiều như số vi trần, tùy loại hiện hình, tầm thanh cứu khổ độ thoát chúng sanh, nhưng đối với thế giới Sa Bà, Ngài lại càng nghĩ thương xót trọn khắp, tha thiết, cứu vớt chẳng sót. Huống chi trong những năm gần đây, nhân dân hằng ngày gặp cảnh hoạn nạn, dù muốn trốn tránh quả thật cũng không có chỗ nào để lánh mình được, mà cũng chẳng có cách nào trốn lánh được; bởi thế đạo nhân tâm gần đây đã bại hoại đến cùng cực! Ngay như đại ân sanh thành, nuôi dạy của cha mẹ, vẫn cứ công khai đề xướng bỏ đi lòng hiếu và coi giết hại cha mẹ là chuyện đại nghĩa diệt thân! Người dân sống trong cõi đời này chẳng đáng thương ư? Do vậy, phàm những ai có chánh tri kiến không ai chẳng nghiên cứu Phật học, tu trì Tịnh nghiệp để cầu thoát lìa đời ác Ngũ Trược này, mau được dự vào Liên Trì Hải Hội, ngõ hầu vĩnh viễn lìa mọi sự khổ, chỉ hưởng các sự vui.

Trong thời thế này, Quán Thế Âm Bồ Tát đặc biệt dấy lên lòng đại từ Vô Duyên, vận lòng đại bi Đồng Thể, trong đủ mọi khổ nạn, rủ lòng nghĩ nhớ, bảo vệ, che chở. Xưng hồng danh của Ngài gặp dữ sẽ hóa lành, gặp nạn lại trở thành điều may mắn, làm sao kể xiết? Những sự tích Bồ Tát cảm ứng đã được ghi chép thấy rải rác khắp các sách. Những sách chuyên ghi chép thì có bộ Quán Âm Từ Lâm Tập của ngài Hoằng Tán, Quán Âm Trì Nghiệm Ký của ông Châu Khắc Phục[38], Quán Âm Linh Cảm Lục của ông Vưu Tích Âm,

---

[38] Quán Âm Từ Lâm Tập được ngài Hoằng Tán biên soạn vào năm Khang Hy thứ bảy (1668), được đưa vào tập 149 của Vạn Tục Tạng, gồm ba quyển. Quyển Thượng trích lục những kinh điển trọng yếu về bổn địa của ngài Quán Âm như Bi Hoa, Quán Thế Âm Đại Thế Chí Thọ Ký, Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương, Thỉnh Quán Thế Âm Bồ Tát Tiêu Phục Độc Hại Đà La Ni v.v… Quyển Trung và Hạ chép 154 câu chuyện cảm ứng ở Ấn Độ và Trung Hoa từ đời Tấn đến đầu đời Thanh.
Quán Âm Kinh Trì Nghiệm Ký gồm hai quyển do Châu Khắc Phục soạn vào năm Thuận Trị 16 (1659), còn có tên là Quán Thế Âm Kinh Chú Trì Nghiệm Ký, được xếp vào tập 134 của Vạn Tục Tạng. Nội dung bao gồm 118 câu chuyện cảm ứng do trì chú Đại Bi, xưng danh hiệu Ngài hay tụng trì phẩm Phổ Môn v.v… Cuối sách lại còn chép các bài kinh như Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni (do ngài Bất Không dịch), Bạch Y Đại Bi

Quán Âm Bổn Tích Tụng của ông Hứa Chỉ Tịnh, Quán Âm Linh Nghiệm Kỷ của ông Nhiếp Vân Đài, đều là những sách do được thấy nghe rồi bèn ghi lại.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh lại tổng hợp từ tất cả các sách [nói trên] soạn [thành một tác phẩm], đặt tên là Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục, có thể gọi là tập hợp tất cả những chuyện linh cảm của đức Quán Âm, là chỗ y cứ cho hết thảy những người tín phụng, trì niệm. Tuy nhiên, cần phải biết vì sao đức Quán Âm có thể linh cảm như thế? Ấy là vì Ngài xoay được Tánh Nghe để nghe nơi tự tánh và chiếu soi Ngũ Uẩn đều không. Đọc bộ sách này rồi, có thể chí thành khẩn thiết niệm hồng danh của Quán Âm Đại Sĩ, niệm đến khi niệm cực tình vong thì bản thể của hết thảy phiền não ác nghiệp đều là không, ngó lại hết thảy cảnh duyên sướng - khổ đều là chẳng thể được! Trong cái "chẳng thể được" ấy, chẳng ngại gì hưng lòng Từ, vận lòng Bi, tùy cơ tiếp dẫn, lấy tâm của đức Quán Âm làm tâm mình, lấy sự nghiệp của đức Quán Âm làm sự nghiệp của mình, làm cho khắp hết thảy chúng sanh đang chịu khổ cùng được gội ân trạch của đức Quán Thế Âm để rồi trong đời vị lai sẽ cùng hành đạo Quán Thế Âm xoay vần cứu độ vậy!

17. Lời tựa cho Địa Tạng Bồ Tát Bổn Tích Linh Cảm Lục

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Địa Tạng Bồ Tát thệ nguyện rộng sâu, tuy đã chứng cùng tột pháp tánh từ lâu, nhưng vẫn chẳng trụ Tịch Quang, chẳng chứng Phật quả, do lòng đại từ bi tùy loại hiện thân độ thoát hữu tình trọn khắp các cõi nước nhiều như số vi trần. Ngài lại còn thường ở trong chốn u minh nhằm cứu bạt chúng sanh tội khổ cực nặng trong địa ngục. Do Bồ Tát xưa kia từng phát đại nguyện: *"Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ Đề, địa ngục vị không thệ bất thành Phật"* (Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ Đề; địa ngục chưa trống không, thề chẳng thành Phật). Ấy là vì tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của Phật chẳng hai; do mê muội nên đối với chân thường lầm sanh mê hoặc, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm đến nỗi luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Lúc sanh vào trời người thì ít, khi đọa tam đồ lại nhiều! Bồ Tát riêng rủ lòng từ mẫn, nhiều cách cứu vớt, mong sao chúng sanh sẽ bỏ vọng về với chân, trừ mê, được ngộ, để khôi phục lại Chân Như Phật Tánh sẵn có mới thôi. Ví như bảo châu Ma Ni[39] vô giá, rớt trong nhà xí,

---

Ngũ Ấn Tâm Đà La Ni Kinh, Lễ Quán Âm Văn và một chương sách giải trừ những điều ngoa truyền về đức Quán Âm.

[39] Ma Ni (Mani) gọi đủ là Chân Đà Ma Ni (Cintāmani), còn được phiên âm là Chấn Đà Mạt Ni, dịch nghĩa là Như Ý Bảo Châu, Như Ý Châu, hoặc Như Ý Ma Ni, Vô Giá Bảo, đều có nghĩa là một viên ngọc quý có thể thỏa mãn mọi ước vọng. Kinh luận chép có nhiều loại Ma Ni, chẳng hạn như Đại Tỳ Bà Sa Luận nói có 102 loại Ma Ni như Quang Minh Ma Ni, Thanh Thủy Ma Ni, Phương Đẳng Ma Ni, Nguyệt Tràng Ma Ni, Diệu Tạng

kẻ ngu coi như đồ dơ, chẳng thèm mến tiếc! Người trí biết là bảo châu vô giá, vào nhà xí nhặt lấy, gột trừ phân dơ, dùng nước thơm gột rửa, treo trên tràng cao, tỏa sáng chiếu trời soi đất, mưa ra khắp đủ mọi thứ báu. Tâm tánh của chúng sanh cũng giống như vậy, tuy còn mê muội tạo nghiệp, đọa lạc trong ác đạo, nhưng Chân Như Phật Tánh sẵn có vẫn trạm tịch thường hằng, bất sanh, bất diệt, trọn chẳng có tướng biến đổi, tổn thất. Vì thế, bất luận kẻ nghiệp nặng tội sâu đến đâu, tâm Bồ Tát trọn chẳng có một niệm vứt bỏ, đối với chúng sanh khổ sở nhất càng riêng rủ lòng thương xót hơn, gấp gáp muốn độ thoát hơn.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh cảm lòng từ bi của Bồ Tát, tiếc cho chúng sanh mê muội, do vậy bèn dùng thể văn Bạch Thoại, biên soạn trình bày những chuyện thuộc về mặt Bổn lẫn mặt Tích của Bồ Tát. Lại sao lục mười tám chương sự tích cảm ứng của Ngài từ Tục Tạng của Nhật Bản, cho ấn hành lưu thông, mong sao hết thảy hữu tình đều biết Bồ Tát từ vô lượng kiếp đến nay khởi lòng Từ, vận lòng Bi, ngõ hầu hết thảy chúng sanh được thoát khỏi sanh tử, chứng được Phật tánh vốn có. Từ đấy, chúng sanh đều quy mạng, cung kính, cúng dường, xưng niệm hồng danh để được nương cậy, được thoát khỏi cõi Ngũ Trược này, sanh sang cõi sen chín phẩm kia, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, lấy tâm Bồ Tát làm tâm của chính mình, lấy sự nghiệp của Bồ Tát làm sự nghiệp của chính mình, ngõ hầu chẳng cô phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình mà thôi. Do vậy, tôi bèn viết duyên khởi để thưa với những bậc thông sáng mai sau vậy.

18. Lời tựa sách Quán Âm Cảm Ứng Khóa

Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát nghĩ thương chúng sanh, chẳng thể dùng ngôn ngữ để hình dung được! Dẫu lấy trời đất, cha mẹ, vẫn chưa đủ để sánh ví chút phần! Làm cho kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa độ thoát, liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát. Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa ban ngày, muôn vật đều được chiếu tỏ. Xuân về trên lãnh thổ vua Vũ, trăm loài thảo mộc đều được sanh thành. Có cảm liền thông, không chuyện mưu cầu gì chẳng ứng. Ấy là vì Bồ Tát vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm [của chính Ngài], nên hễ khắp pháp giới cảm, liền ứng khắp pháp giới, đều đáp ứng tâm niệm của họ trọn chẳng sai biệt. Quán Âm Cảm Ứng Khóa[40] là phương tiện

---

Ma Ni, Đại Đăng Ma Ni v.v… Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh nêu tên của bốn mươi bảy loại Ma Ni như Tỳ Lăng Già Ma Ni, Phạm Thiên Quang Tràng Ma Ni v.v… Pháp tướng Thiên Thủ Thiên Nhãn của đức Quán Âm cũng cầm hai viên Ma Ni: Nhật Tinh Ma Ni và Nguyệt Tinh Ma Ni.

[40] Quán Âm Cảm Ứng Khóa là tên gọi khác của Quán Âm Linh Thiêm, tức Xăm Quán Âm.

mầu nhiệm lớn lao thuận theo thói đời để bói tốt - xấu ngõ hầu cùng gieo thiện căn. Phàm những người xem bói đều phải xưng niệm danh hiệu Bồ Tát. Như trẻ nhỏ bị bệnh chẳng chịu uống thuốc, bèn bôi thuốc lên vú, thì trẻ nhỏ không uống thuốc mà vẫn uống thuốc[41]. Danh hiệu của Bồ Tát như Phản Hồn Hương, nếu được thấy nghe, túc nghiệp tự tiêu, túc thiện (sự lành trong đời trước) sẽ tự sanh, dần dần cho đến trên là noi theo chí hướng, sự nghiệp của đức Quán Âm, rốt ráo tự lợi - lợi tha nơi vô ký. Sách này do cư sĩ Từ Tích Dư và phu nhân tìm được cổ bản thuộc đời Minh trước kia, đem in thạch ấn một ngàn quyển để kết Tịnh duyên. Tôi bèn lược thuật ý nghĩa Bồ Tát hành lòng Từ như vậy đó.

19. Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh Độ rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không. Hết thảy các pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy các hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Người thiên tư thông minh thường vì [tưởng lầm pháp này] sự giản dị, lý tầm thường nên chẳng bỏ công xét kỹ, chẳng những chính mình không tu tập, lại còn thốt lời bàn luận, ngăn trở, phá hoại, bài xích người khác tu trì, nhằm tỏ vẻ chính mình cao minh. Điều này đúng là *"biến quán lục hợp nhi bất kiến lai mao"* (thấy trọn vũ trụ nhưng chẳng thấy được sợi lông nơi khóe mắt), biết trọn các pháp nhưng chẳng biết chính mình thế trí biện thông, tự coi mình Tông - Giáo đều thông, đức Phật gọi [kẻ ấy] là kẻ đáng thương xót! Họ chẳng nghĩ chỗ quy tông của kinh Hoa Nghiêm là cầu sanh Tịnh Độ. Văn Thù, Phổ Hiền thảy đều phát nguyện vãng sanh. Những vị ấy là người như thế nào, chuyện ấy là chuyện như thế nào? Dẫu bọn ta có hiểu được chút giáo nghĩa, nhưng Phiền Hoặc chưa đoạn, sanh tử chưa giải quyết xong, hễ trải qua một phen biến đổi sanh sang kiếp sau, há có thể chẳng mê mất được ư? Chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Nguyên do đức Như Lai đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ này là nhằm làm cho thượng thánh hạ phàm đều cùng thoát được sanh tử ngay trong đời này. Huống chi hai vị Đại Sĩ kia thành Phật đã lâu, thị hiện thuộc địa vị Đẳng Giác, lấy thân làm gương cho kẻ khác phát nguyện cầu sanh; ta là hạng người nào mà dám chống đối các vị ấy?

Nghĩ kỹ như thế, chắc chắn sẽ nhanh nhảu thay đổi, tuân theo giáo huấn phổ độ thánh - phàm của đức Như Lai, noi theo Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Viễn Công, Trí Giả, Thiện Đạo, Vĩnh Minh v.v… các vị đại Bồ Tát, Tổ Sư mà nhất trí tiến hành, dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu viên mãn Phật quả, làm bậc đại trượng phu rốt ráo. Ai chịu cam lòng nhường đại lợi ích này cho

---

[41] Đây là một ví dụ được nói trong kinh Niết Bàn nhằm diễn tả phương tiện độ sanh thiện xảo của hàng đại Bồ Tát.

người khác, rồi tự mình ở yên trong nhà lửa tam giới, thường bị thiêu đốt vậy thay? Từ khi đại pháp được truyền sang phương Đông, người đích thân chứng được tam-muội, đắc đạo, vãng sanh trong hiện đời và kẻ đầy dẫy Phiền Hoặc cậy vào Phật từ lực được đới nghiệp vãng sanh kể sao cho xiết?

Trong thời Càn Long đời Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh sai cháu trai là Hy Tốc tập hợp, sao lục những câu chuyện vãng sanh Tịnh Độ, đầu tiên thuật chuyện Phật Di Đà nhằm chỉ rõ đấng giáo chủ lập ra pháp môn này. Kế đến là Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v… nhằm tỏ rõ thánh chúng xiển dương pháp môn này. Tiếp đó là tỳ-kheo tăng ni, vua chúa, quan lại, thường dân, nữ nhân, các loài vật vãng sanh, nhằm kể ra tứ chúng vãng sanh Tịnh Độ, tổng cộng hơn năm trăm người, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Đấy chính là bộ Sơ Biên. Trong số ấy, dù thánh hay phàm, dù trí hay ngu, đều cùng vào trong biển đại thệ nguyện của đức Như Lai, rồi dần dần chứng được sự vui sướng trong cõi Thường Tịch Quang. Nhìn từ chỗ này, biết pháp môn Tịnh Độ dường như biển cả dung nạp khắp mọi dòng chảy, cũng giống như thái hư bao hàm khắp vạn tượng. Chúng sanh trọn khắp pháp giới không một ai chẳng được nhiếp vào đây! Các pháp trong khắp cả pháp giới đều do pháp môn này mà đắc Thật Tế, bởi nó là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, là đạo tổng trì trọng yếu của tam thế chư Phật.

Đến cuối niên hiệu Đạo Quang, cư sĩ Liên Quy Hồ Đĩnh tập hợp [hành trạng của] những vị vãng sanh sau thời Càn Long được hơn một trăm mấy chục người, [soạn thành sách] đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục Tục Biên. Vào đời Hàm Phong - Đồng Trị, giặc giã tràn lan, người đề xướng ít ỏi, gần như quạnh quẽ. Gần đây, thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, phàm những ai có con mắt thông suốt, mang lòng cứu đời, không ai chẳng đề xướng nhân quả báo ứng và pháp tín nguyện niệm Phật. Người có chánh tri kiến, không ai chẳng thuận theo chiều gió. Vì thế, trong mấy chục năm qua, lại tập hợp được [chuyện vãng sanh của] hơn hai trăm người nữa, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục Tam Biên. Bản thảo này do thầy Đức Sâm biên tập, nay đã sắp chữ xong. Vì thế, tôi thuật duyên khởi.

Khi xưa không có thuyền máy, xe lửa, bưu cục, tòa báo, tuy từng địa phương ở sát cạnh nhau nhưng thường chẳng hay biết, cho nên thời cổ pháp đạo hưng thạnh lớn lao, nhưng số người vãng sanh được ghi chép lại trong một ngàn mấy trăm năm chỉ được mấy trăm người mà thôi! Một là vì thiếu ghi chép, hai là vì sách vở xưa thất lạc. Nếu mọi chuyện đều tiện lợi như ngày nay, dẫu cả mấy chục vạn vẫn là chưa nhiều. Người đọc chớ nên đem xưa để luận nay, nghĩ chưa chắc đã đều là chuyện thật; mà cũng đừng dùng nay luận xưa, cho là pháp [khi xưa] chẳng hưng thịnh lớn lao! Hãy thử nghĩ ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiếu Khang tại Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp nẻo đường, những người vãng sanh đương nhiên chẳng phải chỉ có trăm ngàn vạn ức! Nay thì xa cách ngàn dặm, sáng vừa gởi đi, tối đã đến, lại thêm bưu điện, báo chí; vì thế, tuy ngoài ngàn dặm thảy đều biết

được liền. Nhưng vẫn còn nhiều người [vãng sanh] chưa được ghi chép, nếu mỗi chuyện đều chép, quả thật còn nhiều hơn thế nữa! Nguyện người trong khắp cõi đời, ai nấy đều lấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành làm nền tảng, lấy "thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để tu trì, thì sống sẽ là bầu bạn của thánh hiền, thác sẽ vào cõi nước của Như Lai, lợi ích ấy nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể nào biết được! Nguyện khắp những ai thấy nghe đều gắng công!

20. Lời tựa cho sách Trùng Đính Tây Phương Công Cứ

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Sách Tây Phương Công Cứ lưu truyền trong cõi đời đã lâu; tuyển chọn sao lục những ngôn luận hoặc tỉ mỉ hoặc giản lược khác nhau. Có bản xếp kinh Di Đà, chú Vãng Sanh vào đầu sách, cũng có bản chẳng chép. Nhưng bên trong có in hình Tam Thánh, đài sen chín phẩm, trên đài sen có những vòng tròn để người [niệm Phật] chấm vào đấy hòng ghi nhớ số [câu đã niệm] thì [các bản in] đều giống nhau. Đa số các bản in, với mỗi đài sen thuộc chín phẩm đều vẽ một tượng Phật. Tiếp đó, chọn lọc những khai thị thiết yếu xưa nay và những sự tích rõ ràng, ngõ hầu người đọc sanh lòng tín nguyện quyết định, chắc chắn nhờ vào đó để vãng sanh. Dụng ý sâu đậm, chu đáo làm sao, nhưng do niệm xong, hoặc [do người niệm] đã khuất, bèn đốt đi, thật cảm thấy mắc lỗi hủy hoại kinh tượng. Một cuốn sách tốt đẹp lợi người rốt cuộc bị phó cho ngọn lửa, chẳng những uổng phí một món vật quý báu, lại còn chẳng thể lợi lạc rộng khắp. Nếu giữ lại để truyền cho đời sau thì do khuyên chấm đen đúa, lem luốc, khó gợi hứng thú cho người đọc được. Suy đi nghĩ lại, thật khó thể nào thích hợp!

Bạn tôi là Dật Nhân sắp xếp nội dung sách lại theo một thứ tự khác: Đầu tiên là kinh, chú, nghi thức niệm Phật. Kế đến liệt kê các khai thị rõ ràng, rộng rãi, giản dị, gần gũi từ xưa đến nay, rồi lại chú trọng đến cách thức trợ niệm khi lâm chung, ngõ hầu chẳng đến nỗi công lao [niệm Phật] sắp thành công lại bị quyến thuộc vô tri phá hoại. Tiếp đó là những giải thích đại lược về Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, Tứ Đế, Tứ Liệu Giản và một trăm bài ca tụng Phật hiệu để cho người sơ phát tâm biết đại lược ý nghĩa. Tu chỉnh thành một bản hòng giữ lại đọc vĩnh viễn. Cách thức dùng chín phẩm [đài sen] để ghi nhớ số [câu đã niệm] được in riêng thành một quyển, kèm theo cuốn chánh để giúp hành giả nhớ số rồi thiêu đi trong tương lai. Cách này rất hay, bèn cho ấn hành để biếu tặng rộng rãi, mong sao hết thảy những người cùng hàng đều được vãng sanh.

Phải biết lợi ích của [pháp môn] Tịnh Độ nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể biết được! Do vậy, trong hội Hoa Nghiêm, những vị [Bồ Tát] sau khi đã chứng Đẳng Giác vẫn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng

sanh. Trong Quán Kinh, [kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác] lúc sắp đọa A Tỳ, niệm chưa đủ mười tiếng liền dự vào chín phẩm, quả thật có thể nói là mười phương tam thế hết thảy Như Lai, trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, không vị nào chẳng bắt đầu bằng pháp này và đến cuối cùng quy kết về pháp này! Nguyện khắp những người cùng hàng ai nấy đều sanh chánh tín.

21. Lời tựa cho bộ Phổ Đà Lạc Già Tân Chí

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian, đều do thời tiết nhân duyên mà phát khởi. Vì thế, cổ đức nói: *"Thời tiết nhược chí, kỳ lý tự chương"* (Nếu đến thời tiết, lý sẽ tự được tỏ rõ), thật là đúng lắm! Quang vì tầm thường, kém cỏi, trăm chuyện chẳng làm được một chuyện nào, ăn bám chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà ba mươi hai năm. Trước kia đọc Phổ Đà Chí, thấy những điều được ghi chép đều là chuyện đạo tràng hưng - suy và những chuyện tầm thường giống như vậy; còn đối với sự lý Bổn - Tích trong các kiếp xưa của Quán Âm Đại Sĩ và nhân duyên cảm ứng nơi phương này thảy đều thiếu sót, sơ sài, khôn ngăn người ta phải thở dài!

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ba vị cư sĩ Vương Thái Thần, Châu Hiếu Hoài, Trần Tích Châu tới núi thăm viếng. Ông Vương và ông Châu nói: "Phổ Đà là thánh địa đạo tràng của Quán Âm Đại Sĩ, trong nước lẫn ngoài nước đều kính ngưỡng, cớ sao dẹp bỏ giảng tòa đã lâu, nỡ để cho pháp đạo tịch mịch vậy? Xin thầy hãy phát tâm giảng kinh, chúng con sẽ lo liệu chi dụng đầy đủ". Quang viện cớ kém cỏi cực lực chối từ. Ông Tích Châu liền nói: "Bộ Sơn Chí chưa được tu chỉnh đã lâu, bản in đã mờ mịt rồi, nếu thầy chịu sửa chữa, con sẽ cho khắc in". Quang nói:

- Chuyện ấy nào phải dễ dàng! Nếu theo như lệ cũ thì bậc văn nhân mới có thể làm được. Nếu đem sự tu chứng về mặt Bổn lẫn mặt Tích của Đại Sĩ trong những kiếp xưa và sự tích cảm ứng nơi phương này mỗi mỗi đều lược thuật những nét chánh yếu khiến cho người đọc đều biết ân Đại Sĩ trọn khắp các cõi nước số lượng nhiều như cát, lòng Từ cứu vớt không ngằn mé; từ đấy phát khởi chánh tín, thân lẫn tâm đều quy y thì gần là được hưởng phước trong cõi trời người, xa là chứng quả Bồ Đề. Nếu không đọc trọn khắp Đại Tạng, tham khảo trọn khắp các sách sẽ không thể [làm được]. Nếu chẳng tỏ rõ các sự lý cảm ứng về mặt Bổn lẫn mặt Tích của Đại Sĩ sẽ trở thành bỏ chủ trọng khách, bỏ gốc lấy ngọn, có khác gì những sơn kinh thủy chí[42] tầm thường đâu? Làm sao có thể tỏ rõ Phổ Đà chính là đạo tràng ứng hóa của Đại Sĩ, lại làm sao có thể tỏ rõ Đại Sĩ chính là cha mẹ đại từ bi của chúng sanh trong pháp giới, có nhân duyên sâu đậm nhất đối với chúng sanh

---

[42] Sơn kinh thủy chí: những sách ghi chép về đặc điểm, lịch sử sông, núi.

cõi Sa Bà? Nhưng Quang do túc nghiệp, đến nỗi tâm không hiểu biết, mắt gần như lòa, vẫn cần phải sám hối một hai năm, đợi khi nghiệp tiêu trí rạng, chướng hết, mắt sáng, sẽ chẳng tiếc thân mạng, gắng sức thành tựu. Nếu như nghiệp nặng, chẳng thể cảm ứng, trừ khử được nghiệp chướng, thì sẽ qua Giang Tây, cầu cư sĩ Lê Đoan Phủ thay tôi lo liệu công việc này. Vị ấy học thông suốt cả Nho lẫn Thích, văn chương hơn người, ắt sẽ có thể nêu tỏ tấm lòng, sự tích từ bi của Đại Sĩ được!

Năm sau, cư sĩ Từ Úy Như đem Văn Sao ấn hành, khiến cho những người không suy xét tường tận, tưởng lầm Quang là tri thức, từ đấy thư từ qua lại, hằng ngày chẳng rảnh rỗi! Giữa Xuân năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông Đoan Phủ quy Tây, cái tâm đã phát trước kia rốt cuộc trở thành lời nói xuông! Mùa Xuân năm Dân Quốc 11 (1922), Tri Sự[43] huyện Định Hải là ông Đào Tại Đông lên núi, nói: "Sơn Chí lưu thông sẽ khiến cho người ta do tin tưởng, đổi dữ hướng lành, bỏ vọng về với chân, quả thật là nhiệm vụ trọng yếu căn bản để vãn hồi thế đạo nhân tâm, hãy nên gấp rút sửa chữa, tu chỉnh". Do ông Đào tâm hộ pháp tha thiết, lòng cứu thế ân cần, Quang liền cậy chủ nhân hai chùa Phổ Tế, Pháp Vũ khẩn khoản thỉnh ông Đào đích thân đảm nhiệm chuyện ấy. Ông Đào do việc công chẳng rảnh rỗi, bèn ủy thác một vị hương thân trong vùng là ông Vương Nhã Tam đảm nhiệm. Hết thảy sự việc cần thiết thì bên ngoài có ông Đào, trong núi có [hòa thượng] Khai Như đã về hưu[44] châm chước lo liệu. Do không rảnh rỗi nên Quang trọn chẳng hề hỏi đến. Năm sau, ông Đào được thăng chức lên huyện Hàng, nhưng vẫn thư từ qua lại, bàn soạn, lo liệu mọi sự. Nếu chẳng phải là do đời trước đã nhận sự phó chúc của Đại Sĩ, há có thể được như thế chăng?

Thoạt đầu vừa bàn bạc về chuyện tu chỉnh Sơn Chí xong, chưa đầy một tháng, cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh ở Bành Trạch tỉnh Giang Tây đến thăm, vừa gặp mặt đã trở thành bạn thiết. Quang thuật lại nỗi niềm trước kia, rồi đem chuyện soạn Đại Sĩ Tụng gởi gắm, ông ta liền nhận lời. Nếu không phải là Đại Sĩ thầm rủ lòng gia hộ, há có dịp gặp gỡ như vậy hay chăng? Ông Hứa bèn tra duyệt, sưu tập trong khắp kinh tạng và các sách vở, mất cả hai năm mới hoàn thành bản thảo, soạn ra lời văn ca tụng gần đến hai vạn chữ, lại còn chú thích ý nghĩa liền ngay sau đó để người đọc đều biết rõ nguyên do. Lại còn trích lục các kinh để làm chứng cớ rõ ràng. Lời văn ca tụng gồm ba quyển, kinh văn trích dẫn để làm chứng gồm một quyển, tổng cộng hơn ba trăm bảy mươi trang, gởi tới [Phổ Đà] vào đầu Hạ. Ý nghĩa bài tụng đã được trình bày trong lời tựa của ông Hứa, ở đây không nhắc lại nữa.

---

[43] Vào đầu thời Dân Quốc, chánh quyền đổi chức vụ Tri Châu, Tri Huyện thành Tri Sự, nhưng chức trách vẫn là người đứng đầu ngành hành chánh một huyện.

[44] Nguyên văn là "thoái cư", tức là đã từng làm Trụ Trì, rồi nại cớ tuổi già xin thôi, không làm Trụ Trì nữa.

Thoạt đầu, Quang muốn đặt cuốn này vào đầu bộ Sơn Chí, nay vì số quyển quá nhiều, bèn cho lưu hành riêng ngõ hầu được lưu truyền rộng khắp trong thiên hạ đời sau. Nếu in chung với Sơn Chí sẽ khó thể lưu hành rộng rãi được! (Về sau, ông Đào thấy tụng văn cao trỗi, tuyệt diệu, bảo phải đặt vào đầu bộ Sơn Chí, bèn lược bớt lời chú thích và các dẫn chứng từ kinh điển, chỉ sao lục chánh văn, gộp chung thành một quyển, đặt tên là Bổn Tích Môn, tức quyển thứ nhất [của bộ Sơn Chí]). Nhưng Đại Sĩ từ vô lượng kiếp đến nay, phân thân trong các cõi nước số nhiều như vi trần, cảm ứng dù Bổn hay Tích nếu không phải là đức Phật sẽ chẳng thể biết được! Mấy quyển tụng ấy bất quá là một hạt bụi trong đại địa, là một giọt nước trong biển cả, để kẻ chẳng biết đến lòng đại từ bi sâu xa của Đại Sĩ sẽ tạm biết đại khái! Từ đấy sẽ thẹn thùng, xấu hổ, hào khí bừng bừng nói:

- Cái tâm của chúng ta và tâm Đại Sĩ không hai, không khác, nhưng Đại Sĩ viên thành Phật đạo đã trải kiếp lâu xa, lại do Bi tâm vô tận chẳng lìa cõi Tịch Quang, hiện hình trong chín giới, hiện khắp các sắc thân độ thoát chúng sanh. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay luân hồi sáu nẻo, những kẻ được nhờ ơn Bồ Tát đích thân dẹp khổ ban vui, chẳng biết là bao nhiêu? Mãi cho đến ngày nay, ta vẫn còn là phàm phu, trên đã phụ bạc ân sâu Đại Sĩ cứu vớt, dưới ruồng rẫy Phật Tánh sẵn có của chính mình. Lặng im suy nghĩ, há chẳng thẹn đến chết ư? Ngài đã là trượng phu, ta cũng thế, chẳng nên tự khinh rồi lùi bước, thua sụt.

Do vậy, chuyển phàm tình để dõi theo dấu thánh, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, dứt lòng tà, giữ lòng thành, sốt sắng làm các điều lành thế gian, kiêm tu Tịnh nghiệp. Lâu ngày chầy tháng sẽ cùng được biến đổi. Bậc thượng sẽ liền có thể đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này; bậc hạ đến khi lâm chung, sẽ nương vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương. Được như thế thì ai nấy đều giữ vẹn lễ nghĩa, ai nấy biết nhân quả, tự nhiên can qua vĩnh viễn dứt, nhân họa vĩnh viễn diệt, mưa nắng đúng thời, quyến thuộc trời thường giáng xuống. Nhiệm vụ căn bản trọng yếu để vãn hồi thế đạo nhân tâm như ông Đào đã nói có phải là đấy hay chăng? Nguyện cho người thấy, kẻ nghe đều cùng phát tâm ngưỡng mộ Đại Sĩ, gắng sức tu tập, may mắn vô cùng! Tán rằng:

Quán Âm thệ nguyện diệu nan tư,
Phó cảm ứng cơ bất thất thời,
Cứu khổ tầm thanh từ hấp thiết,
Hiện thân thuyết pháp nguyệt ấn trì,
Trần sát quốc trung hàm sự tế,
Sa Bà giới nội cánh thùy từ,
Thâm ân cùng kiếp mạc năng tán,
Ký mẫn quần manh phổ hộ trì.

(Quán Âm thệ nguyện diệu khôn lường,

Cảm ứng tùy cơ há trễ tràng,
Cứu khổ tầm thanh: từ hút sắt[45],
Hiện thân thuyết pháp: nước in trăng,
Cứu vớt muôn sự trần sát cõi
Sa Bà càng nặng tấm lòng Từ,
Ân sâu hết kiếp khen sao trọn,
Che chở quần manh khắp xót thương)

22. Lời tựa cho bản tu chỉnh Thanh Lương Sơn Chí

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Văn Thù Bồ Tát đạo chứng Nhất Chân, đức vượt trỗi Thập Địa, nhập bí tạng Tam Đức, thường trụ trong Tịch Quang, nhưng do lòng cứu khổ ân cần, niệm độ sanh thiết tha, nên chẳng lìa cõi Tịch Quang, hiện thân trong các cõi nhiều như số vi trần, đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh. Ngài là thầy của bảy đức Phật, là mẹ của các Bồ Tát, đấy vẫn là những sự thuộc về Tích Môn. Luận về Bổn Địa, nếu chẳng phải là đức Phật sẽ không thể biết được. Dù trọn hết các cõi nhiều như số vi trần trong một cõi nước, không cõi nào Ngài chẳng trụ, nhưng phàm phu chướng nặng không cách nào biết được diệu dụng, chiêm ngưỡng pháp phạm (khuôn mẫu về đạo pháp)! Vì thế, chẳng thể không vì kẻ sơ cơ bày ra một cuộc đất ứng hóa để họ có chỗ hướng về hòng gieo thiện căn xuất thế. Do vậy, từ xưa đến nay, Ngài cùng với một vạn Bồ Tát thường trụ tại núi báu Thanh Lương, diễn thuyết đạo Nhất Thật, đồng thời thị hiện đủ mọi thứ biến hóa thần dị chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho kẻ thiện căn chín muồi liền chứng chân thường, kẻ chưa chín muồi do đó sẽ được tăng trưởng.

Phải biết: Bồ Tát chẳng dấy niệm mà tùy cơ thị hiện thuyết pháp, trọn chẳng khác biệt gì! Như vầng trăng giữa trời, in bóng trong các chỗ có nước. Chẳng những sông to rạch lớn mỗi nơi đều hiện một vầng trăng, ngay cả một chước[46], một giọt cũng đều hiện một vầng trăng. Vầng trăng trong sông rạch, một người nhìn vào chỉ thấy một vầng trăng; trăm ngàn vạn người ở trăm ngàn vạn nơi nhìn vào, ai nấy cũng đều thấy một vầng trăng. Nếu con người đi qua phía Đông, trăng cũng theo sang Đông. Nếu ai đi sang Tây, trăng cũng theo sang Tây. Nếu con người đứng yên, trăng cũng bất động. Sắc pháp trong thế gian còn hay khéo như thế, huống là bậc Bồ Tát triệt ngộ duy tâm, viên chứng tự tánh, vận lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên ư? Sợ những kẻ câu nệ hẹp hòi thấy tất cả những chuyện thần diệu trong Sơn Chí sẽ ôm lòng ngờ vực, cho nên mới bày tỏ căn cội. Hiểu được điều này thì đọc khắp kinh điển Đại Thừa sẽ chẳng đến nỗi kinh nghi, sợ hãi, chẳng uổng

[45] Từ hút sắt: Nam châm hút sắt.
[46] Chước: Là một đơn vị đo lường thời cổ rất bé, bằng một phần trăm của một Thăng. Do Thăng thay đổi tùy theo thời đại nên ta có thể tạm hiểu Chước chừng bằng 10ml.

công đọc bộ Sơn Chí này để làm phương tiện dẫn đường! Bộ Sơn Chí cũ được pháp sư Trấn Trừng[47] tu chỉnh vào thời Vạn Lịch nhà Minh nói chung rất hay, nhưng trong ấy có những lỗi chưa khảo cứu tường tận. Lúc ấy, [các vị] Hám Sơn, Tử Bách, Diệu Phong đều là bạn thiết, chẳng những có quan hệ lớn lao với núi này, mà thật ra còn có quan hệ lớn lao với Phật pháp, thế đạo, [nhưng trong Sơn Chí] đều chẳng thuật truyện các Ngài! Dưới thời Khang Hy đời Thanh, lại có người tu chỉnh, trọn chẳng tham khảo rộng khắp, đối với những phần văn tự quan hệ lớn lao lại mặc tình cắt xén; do vậy, chẳng được lưu truyền. Nay y theo bộ Sơn Chí đời Minh, khảo cứu, hiệu đính, bổ túc, tu chỉnh đại lược mà thôi! Mùa Xuân năm ngoái, một đệ tử là Lý Viên Tịnh nói:

- Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng, bốn đại Bồ Tát quả thật là chỗ nương cậy cho hết thảy chúng sanh. Thầy ở tại Phổ Đà từng thỉnh cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh soạn Quán Âm Bổn Tích Tụng, nêu rõ ân sâu đức nặng của ngài Quán Âm thật là chu đáo! Thầy lại còn sửa chữa bản Phổ Đà Chí do ông Vương Nhã Tam đã tu chỉnh, sao chẳng đem Sơn Chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa tu chỉnh đúng theo lệ ấy? Huống chi Thanh Lương Chí không thỉnh ở đâu được, nhưng thể tài còn khá, chứ Nga Mi Chí thì chỉ chú trọng đến thế núi, vẫn chẳng chú trọng nêu tỏ đạo của ngài Phổ Hiền. Cửu Hoa Chí càng đau lòng đáng than hơn nữa! Đang trong lúc thế đạo, lòng người suy yếu đến cùng cực này, cố nhiên càng phải khăng khắng sửa chữa cho lưu thông hòng làm căn cứ vãn hồi vậy!

Do vậy, bèn quên mình hèn tệ, gắng sức theo đuổi, bèn thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh trình bày những nét chánh, còn việc tu chỉnh, sửa chữa do Quang đảm nhiệm. Việc giảo chánh, đối chiếu do thầy Đức Sâm lo. Nay đã hoàn thành bản thảo, dẫu chưa thể nêu tỏ lớn lao, nhưng cũng bổ túc không ít. Đối với những chuyện gần đây, do thân chẳng ở nơi ấy, lại tuổi đã “sáng không bảo đảm được chiều”, cũng chẳng dám cậy người hỏi dò. Sợ chưa tập hợp

---

[47] Trấn Trừng (1547-1617) là một vị danh tăng thuộc tông Hoa Nghiêm, pháp tự Không Ấn, thông minh từ nhỏ. Năm mười lăm tuổi xin xuất gia với Dẫn Công chùa Quảng Ứng ở Tây Sơn, chỉ ba năm sau được Bổn Sư hứa khả cho thọ Cụ Túc, chuyên học Tánh Tướng Tông và kinh Hoa Nghiêm hơn mười năm. Sau Sư tham yết ngài Tiếu Nham được ấn khả Thiền chỉ. Năm Vạn Lịch thứ 10 (1582), Sư cùng ngài Hám Sơn Đức Thanh lập hội Vô Già tại Ngũ Đài, rồi ngồi nhìn vách suốt ba năm tại Tử Hà Lan Nhã mà đại ngộ. Năm Vạn Lịch 24 (1596), Sư tu chỉnh Thanh Lương Chí, rồi cùng bạn là Tuyết Phong sáng lập Sư Tử Quật tại Ngũ Đài, dựng Vạn Phật Lưu Ly Tháp, giảng kinh Hoa Nghiêm, thính chúng rất đông, được Từ Thánh Thái Hậu ban tặng Đại Tạng Kinh. Tuân sắc chỉ của Thái Hậu, Sư giảng bộ Lăng Nghiêm Chánh Quán do chính mình soạn tại chùa Thiên Phật ở Bắc Kinh, rồi giảng các kinh khác ở chùa Từ Ân. Ngoài các bộ sách kể trên, Sư còn để lại Kim Cang Kinh Chánh Nhãn, Bát Nhã Chiếu Chân Luận, cũng như những bài giảng về Nhân Minh, Khởi Tín Luận, Nhiếp Luận, Vĩnh Gia Tập Chư Giải v.v…Khi Sư mất, chính ngài Hám Sơn viết lời minh đề trên tháp và còn chép bài minh ấy vào bộ Mộng Du Tập.

được [đầy đủ tài liệu] mà người đã mất, đến nỗi trở thành chuyện nói xuông. Vì thế để lại những chuyện gần đây cho bậc thông suốt đời sau [tu chỉnh]!

Nhớ năm Quang Tự 13 (1887) khi trước, tại núi Hồng Loa, xin nghỉ phép đi triều bái Ngũ Đài (tức tên khác của Thanh Lương), muốn thỉnh Thanh Lương Sơn Chí, tới xưởng lưu ly ở kinh đô, hỏi khắp các tiệm bán sách cũ, chỉ tìm được một bộ, do vậy bèn mua về. Nay cho ấn hành lưu thông để người đời sau dễ tìm được hầu cởi gỡ mối tiếc nuối của chính mình thì may mắn nào hơn! Ngũ Đài tuy là đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát, nhưng chưa hề thấy khi niệm [danh hiệu] Bồ Tát bèn cất lên lời tán tụng. Mùa Hạ năm nay, một vị sư ở Hoa Nghiêm Lãnh là Tĩnh Thê xin tôi viết một bài tán để nghi thức niệm tụng được đầy đủ, bèn ghép thành tám câu gởi cho thầy ấy. Tán rằng:

Văn Thù Bồ Tát đức nan lượng,
Cửu thành Long Chủng Thượng pháp vương
(Long Chủng Thượng Phật chính là danh hiệu khi ngài Văn Thù thành Phật trong một đời thuộc quá khứ. Long Chủng Thượng Tôn Vương trong Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội Kinh lại là một đức Phật khác, chẳng thể lầm lẫn dùng làm dẫn chứng được!)
Nhân mẫn chúng sanh mê tự tánh,
Đặc phụ Thích Ca chấn huyền cương,
Vi thất Phật sư thể mạc trắc,
Tác Bồ Tát mẫu dụng vô phương,
Thường trụ Tịch Quang ứng chúng cảm,
Vạn xuyên nhất nguyệt ảnh hàm chương
(Văn Thù Bồ Tát đức khôn lường,
Quá khứ thành Phật Long Chủng Thượng,
Do thương chúng sanh mê tự tánh,
Riêng giúp Thích Ca mở đạo huyền,
Thầy bảy vị Phật thể khôn thấu,
Mẹ chư Bồ Tát dụng khôn ngằn,
Thường trụ Tịch Quang ứng mọi cảm,
Muôn sông trăng hiện bóng muôn gương)

23. Lời tựa bản tu chỉnh Nga Mi Sơn Chí
(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Phổ Hiền Bồ Tát đạo chứng Nhất Chân, đức viên mãn Lưỡng Túc[48], trụ cõi Tịch Quang, nhưng hưng khởi lòng Từ, vận dụng lòng Bi, phù tá đấng Thiện Thệ dùng quả để tu nhân. Trọn đủ toàn thể của đức Giá Na[49], thị hiện thuộc địa vị Bổ Xứ, kết quy đại nghĩa Hoa Nghiêm chỉ về Tây Phương. Tuy trọn hết mười phương pháp giới, nhưng không nơi nào chẳng trụ trong chân

[48] Trí huệ lẫn phước đức đều trọn vẹn.
[49] Xá Na, tức Tỳ Lô Giá Na (Vairocana), Pháp Thân Phật.

cảnh. Hòn núi Đại Quang Minh này thật ra là đạo tràng ứng hóa vậy. Xét đến ý nghĩa đặt tên thì chính là vì Phật quang hiện trong ban ngày, thánh đăng xuất hiện trong đêm, xưa nay vẫn thường chẳng hề ẩn diệt cho đến tận đời vị lai hòng khơi gợi quần sanh. Do vậy, núi báu Nga Mi[50] này còn gọi là Đại Quang Minh. Một tên đặt theo hình thế [của núi], tên kia đặt theo thánh tích, cố nhiên chẳng có nhân duyên gì khác, nhưng những kẻ không biết đến đức tướng của Bồ Tát, cứ muốn dựa vào lời kinh để làm bằng chứng rất thuyết phục, bèn lầm lạc dẫn [câu kinh trong] phẩm Bồ Tát Trụ Xứ của kinh Hoa Nghiêm: *"Phương Tây Nam có chỗ tên là Quang Minh Sơn, từ xưa đến nay các vị Bồ Tát trụ ở trong đó, hiện đang có vị Bồ Tát tên là Hiền Thắng và các vị Bồ Tát quyến thuộc ba ngàn người cùng thường trụ trong ấy để diễn thuyết pháp"*.

Đức Như Lai ở bên Thiên Trúc, thành Đẳng Chánh Giác tại nước Ma Kiệt Đề, giảng kinh Hoa Nghiêm lần lượt tại bảy chỗ, [tổng cộng] chín hội. Hội đầu tiên được nói tại Bồ Đề Tràng. Hội thứ hai, hội thứ bảy, hội thứ tám đều giảng trong điện Phổ Quang Minh. Điện này cũng nằm trong Bồ Đề Tràng. Phẩm Bồ Tát Trụ Xứ là một phẩm được giảng trong hội thứ bảy. Trước hết, nói đến bốn phương Đông, Nam, Tây, Bắc, rồi đến bốn phương bàng Đông Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc. Thứ tự của các phương vị rạch ròi chẳng loạn. Những kẻ ấy thấy có ba chữ "Quang Minh Sơn" liền tưởng [ngọn núi ở] phía Tây Nam [được nói trong kinh Hoa Nghiêm] ấy chính là Nga Mi của nước Chấn Đán (Trung Hoa), [vì Nga Mi] nằm ở phía Tây Nam Trung Quốc. [Đối với câu kinh] *"nay có Bồ Tát tên là Hiền Thắng"*, bèn lầm lạc chú thích rằng: *"Tức là Phổ Hiền"*. Đức Phổ Hiền còn có tên là Biến Cát, chưa hề thấy Ngài còn có tên là Hiền Thắng! Viện dẫn kinh nhưng trái nghịch kinh sâu xa, ấy là muốn làm cho người khác sanh lòng tin lại ngược ngạo khiến cho người ta dấy lòng nghi!

Chẳng biết: Dẫu [vận dụng] trí huệ của Như Lai hết cả kiếp cũng chẳng thể nói hết đức tướng của ngài Phổ Hiền! Trong tám mươi mốt quyển của bộ kinh Hoa Nghiêm, thần thông, trí huệ, đức tướng, đạo đức, công nghiệp của Phổ Hiền Bồ Tát được phô diễn rõ ràng đến hơn mười quyển! Nếu bỏ công nghiên cứu một chút, há chịu dẫn giải sai lầm! Giống như chỗ Luân Vương ngự chính là vương đô (kinh thành), chỗ được quang minh chiếu đến sẽ trọn

---

[50] Núi Nga Mi thuộc huyện Nga Mi tỉnh Tứ Xuyên, còn có những tên gọi khác là Quang Minh Sơn, hay Hư Linh Đỗng Thiên. Đây là một nhánh của rặng Dân Sơn. Thế núi chập chùng, trông xa như một cái cầu vồng, quanh co đến hơn tám trăm cây số. Cao nhất là ba ngọn chính: Đại Nga, Trung Nga và Tiểu Nga. Từ chân núi lên đến đỉnh có hơn 70 ngôi chùa, đạo tràng Thánh Thọ Vạn Niên Tự được coi là đạo tràng trung tâm. Chùa này được khởi công xây từ đời Tấn do Bồ Ông thấy Phổ Hiền Bồ Tát hiển hiện, bèn dựng Bạch Thủy Phổ Hiền Tự. Chùa này được đổi tên thành Vạn Niên Tự vào đời Vạn Lịch nhà Minh, trong chùa có đúc tượng Phật bằng đồng, được coi là văn vật trân quý của Phật giáo Trung Hoa. Những chùa rất nổi tiếng khác tại đây là Phục Hổ Tự, Báo Quốc Tự, Thanh Âm Các, Tiên Phong Tự, Kim Đảnh Tự, Quang Tướng Tự v.v…

chẳng tối tăm. Do vậy, trong bộ Sơn Chí hiện tại, đặc biệt lập ra một môn gọi là Bồ Tát Thánh Tích. Trong môn ấy, chia thành sáu chương:

1) Một là Thích Danh, [tức phần] giải thích đại lược ý nghĩa danh hiệu Phổ Hiền.

2) Hai là Tu Chứng: Trích lục hai kinh Bi Hoa và Lăng Nghiêm để chỉ rõ nhân địa và công phu tu chứng của Bồ Tát. Theo kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới[51] thì Bồ Tát thành Phật đã lâu, bổn địa của Ngài nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể biết được.

3) Ba là Đức Tướng: Trích dẫn đại lược [những đoạn] kinh Hoa Nghiêm xưng tán Bồ Tát thần thông đạo lực chẳng thể nghĩ bàn.

4) Bốn là Pháp Yếu: Nêu đại lược những pháp trọng yếu do Bồ Tát đã nói, nhưng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc, khuyên Thiện Tài và khắp Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới ngõ hầu viên mãn Phật Quả, đấy chính là chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm. Do vậy, biết một quyển kinh này rộng mở pháp môn Tịnh Độ, quả thật là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, phàm lẫn thánh đều cùng nhiếp thọ, hành nhân đời Mạt đều nên y chỉ. Vì thế, sao lục toàn văn để mong [mọi người] cùng chứng Liên Bang.

5) Năm là Lợi Hành: Trích lục kinh Pháp Hoa, kinh Quán Phổ Hiền Hành Pháp[52] để nêu đại lược những chuyện Bồ Tát bảo vệ, che chở hành nhân.

---

[51] Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh do ngài Thật Xoa Nan Đà (652-710) dịch vào đời Đường, còn có tên là Đại Phương Quảng Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh, hoặc gọi tắt là Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh. Theo kinh chép, khi đức Phật vừa thành Chánh Giác dưới gốc Bồ Đề tại nước Ma Kiệt Đề thì Phổ Hiền Bồ Tát, Quán Tự Tại Bồ Tát, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ba Xà Ba Đề, Thích Phạm Hộ Thế, thiên long bát bộ v.v… các vị thánh giả cùng nhóm đến, đức Phật muốn cho đại chúng hiểu rõ sức oai thần Thiền Định bí mật cực sâu của chư Phật liền nhập Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Tam Muội. Khi ấy, trong mỗi tướng của ba mươi hai tướng đều hiện ra vô lượng cõi Phật trong mười phương, trong mỗi tướng hảo của tám mươi tướng hảo lại hiện ra đủ mọi phương tiện tu hành của đức Như Lai khi còn tu hạnh Bồ Tát. Vì thế, Đức Tạng Bồ Tát bèn hỏi Phổ Hiền Bồ Tát về danh nghĩa, cách chứng nhập cũng như phước đức, nhân duyên của tam-muội này. Phổ Hiền Bồ Tát bèn giảng cặn kẽ từng điều một. Kinh này chính là bản dịch khác của pháp hội Hoa Nghiêm được giảng tại Phổ Quang Minh giảng đường.

[52] Quán Phổ Hiền Bồ Tát Hành Pháp Kinh do ngài Đàm Ma Mật Đa (Dharmamitra) dịch vào đời Lưu Tống, còn có tên là Xuất Thâm Công Đức Kinh, thường được gọi tắt là Phổ Hiền Quán Kinh. Theo kinh chép, sau khi đức Phật nói kinh Pháp Hoa, đã giảng kinh này tại Đại Lâm Tinh Xá trong nước Tỳ Xá Ly, rồi tuyên cáo ba tháng nữa Phật sẽ nhập Niết Bàn. Các vị đệ tử như A Nan liền thưa hỏi Phật nhập diệt rồi thì nên tu hành như thế nào cũng như các pháp nghĩa Đại Thừa quan trọng, đức Phật bèn dạy phương pháp quán tưởng đức tướng của ngài Phổ Hiền, cách sám hối để diệt tội nơi lục căn và công đức do

6) Sáu là Ứng Hóa: Chỉ rõ Bồ Tát chứng trọn cùng pháp giới, tùy loại hiện thân trong mười phương pháp giới, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Vì vậy, mười phương pháp giới [chỗ nào] cũng đều có thể là đạo tràng của Bồ Tát; nhưng Ngài muốn cho chúng sanh có chỗ để gieo lòng thành nên mới đặc biệt thị hiện ứng hóa ở núi Nga Mi. Phải biết: Bồ Tát ứng hóa gồm có Phổ và Chuyên. Phổ là đại chúng đều được đích thân trông thấy, Chuyên là chỉ có chính mình tự hiểu rõ trong tâm. Ví như hiện tướng trên chót mây, mọi người đều cùng thấy; [Bồ Tát hiện] tướng đứng với viên quang trùm thân, dẫu có rất nhiều người cùng đứng sát bên nhau nhưng mỗi người mỗi thấy thân [Bồ Tát hiện cho] chính mình, chẳng thấy thân [hiện cho] người khác. Đối với hai điều này, đủ biết Bồ Tát thần thông ứng hiện không ngằn mé; phàm phu, Nhị Thừa chẳng thể suy lường được! Đã có những nghĩa chẳng thể nghĩ bàn như thế, cần gì cứ phải lầm lạc dẫn kinh văn để tự vu báng, trở thành trò cười cho người khác ư?

Những điều được chép trong bộ Sơn Chí cũ sai lạc rất nhiều. Như với truyện Thiên Tuế Bảo Chưởng[53] trong quyển hai, nơi phần Nêu Tỏ Ý Nghĩa Các Kinh đã nói: Trước năm Quý Hợi (63) thuộc niên hiệu Vĩnh Bình đời Hán, [Thiên Tuế Bảo Chưởng] đã trụ tại núi này, Bồ Công thấy dấu chân nai giống như hoa sen, liền theo đường tắt đến hỏi chuyện ngài Bảo Chưởng. Ngài Bảo Chưởng dạy [Bồ công] qua Lạc Dương hỏi đạo với hai vị sư Ma Đằng và Pháp Lan. Năm Giáp Tý, Bồ Công qua Lạc Dương, yết kiến hai vị Sư. [Người biên soạn Sơn Chí] chẳng biết Giáp Tý (64) chính là năm thứ bảy đời Hán Minh Đế (58-75), [năm ấy, vua] mới sai Thái Âm, Tần Cảnh, Vương Tuân v.v… sang Tây Vực tìm kiếm Phật pháp. Đến năm Đinh Mão (67), tức năm thứ mười [đời Hán Minh Đế], hai vị Sư mới theo những người ấy đến Lạc Dương. Theo truyện Bảo Chưởng trong Truyền Đăng Lục, ngài Bảo Chưởng đến Trung Quốc vào năm Kiến An hai mươi bốn (219) đời Hiến Đế (196-220) nhà Đông Hán. Vào thời Ngụy - Tấn, Sư vào đất Thục lễ đức Phổ Hiền, ở lại chùa Đại Từ. Trong bản Sơn Chí cũ, truyện này chỉ bỏ đi một câu "*Đông Hán, Hiến Đế…*", sao chẳng lấy điều này để chứng tỏ sự

---

sám hối. Kinh này được tông Thiên Thai coi là phần kết thúc của kinh Pháp Hoa, do vậy cùng với Vô Lượng Nghĩa và kinh Pháp Hoa hợp thành Pháp Hoa Tam Bộ.

[53] Ngài Bảo Chưởng (?-657) là người Trung Ấn Độ, được cõi đời xưng tụng là Bảo Chưởng Thiên Tuế Hòa Thượng (vị Hòa Thượng tay báu ngàn tuổi). Theo truyền thuyết, lúc ngài sanh ra tay trái nắm chặt mãi đến bảy tuổi mới mở ra, nên có tên là Bảo Chưởng. Ngài đến Trung Hoa vào thời Ngụy - Tấn, vào đất Thục (Tứ Xuyên) tham lễ Phổ Hiền. Sư thường nhịn ăn, hằng ngày tụng kinh Bát Nhã đến hơn một ngàn quyển. Một bữa, đột nhiên bảo đại chúng: "Ta nguyện trụ thế một ngàn năm, nay đã sáu trăm hai mươi sáu năm rồi!" Vì thế, có danh xưng là Thiên Tuế. Sư từng tham phỏng Ngũ Đài, Lô Sơn v.v… Không lâu sau gặp Đạt Ma sang Trung Hoa bèn đến hỏi đạo, được khai ngộ. Từ năm Trinh Quán 15 (641), Sư ở lại chùa Bảo Nghiêm tại Bồ Giang, chơi thân với Lãng Thiền Sư, thường sai một con chó trắng đưa thư, Lãng sư sai con vượn xanh đưa thư đáp lời. Sư thị tịch năm Hiển Khánh thứ hai.

sai ngoa trong phần trên? Cả hai cảnh ấy đều còn mà vẫn chẳng thể nói ai đúng, ai sai được ư?

Trí Giả đại sư cả đời chẳng đến Tây Thục, mà [bản Sơn Chí cũ] cũng lập truyện. Lại còn nói đại sư với tôn giả Mậu Chân, Tôn Chân Nhân, đấu cờ vây trên bàn cờ khắc trên tảng đá dưới chân ngọn Hô Ứng. Lại còn dựng Hô Ứng Am để ở, đều dùng tiếng hô, tiếng đáp trong khi đấu cờ vây để đặt tên cho ngọn núi và am! Kẻ đặt ra thuyết này chẳng những không biết gì về ngài Trí Giả, mà còn hoàn toàn chẳng thông Phật pháp. Ngài Trí Giả cả đời đem thân phụng sự pháp, làm gương mẫu cho hàng hậu học, làm sao có thể hằng ngày cùng với ông tăng, đạo sĩ nhàn tản thường làm chuyện phạm giới cấm nhà Phật, vui chơi, đánh mất chí hướng cho được?

Ngài Huyền Trang sanh vào năm Giáp Tý, tức năm Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy Văn Đế. Anh Ngài là Tiệp pháp sư cho Ngài đi xuất gia, sống tại chùa Tịnh Độ ở Lạc Dương. Năm 15 tuổi, do nhà Tùy sụp đổ, bèn đến Trường An, khi ấy nhà Đường mới thành lập, vẫn còn nhiều chuyện chưa thể giải quyết xong, chưa rảnh rỗi để hoằng pháp được. Ngài cùng với anh qua Thành Đô cầu học, chẳng bao lâu, tiếng tăm lan xa. Năm Vũ Đức thứ năm (622), thọ giới Cụ Túc ở Thành Đô. Sư tính lên kinh đô để mong nghe được những điều chưa từng nghe. Bị anh giữ lại, Sư bèn lén ra đi, theo đường Tam Hiệp đến Hán Dương, tới Tương Châu, theo đuổi chuyện cầu học, hoằng pháp. Sau đó đến Trường An, muốn theo gót các vị Pháp Hiển, Trí Nghiêm, bèn kết bạn, dâng sớ xin qua Tây Vực để cầu những kinh chưa có [tại Trung Hoa]. Thuở ấy, cõi đời mới thái bình, Trung Hoa và ngoại quốc còn chưa qua lại, nên vua xuống chiếu không chuẩn tấu. Mọi người đều ngã lòng, riêng Sư chẳng khuất phục, vào tháng Tám năm Trinh Quán thứ ba (629) bèn lén ra đi, suốt cả mười bảy năm mới trở về Trung Quốc. Đến Vu Điền[54], Sư liền sai người dâng biểu lên Đường Thái Tông. Thái

[54] Vu Điền (Kustana, Khotan), còn có tên là Hòa Điền, là một vương quốc cổ thuộc Tây Vực, thuộc vùng trũng Tarim, nằm trong miền Tây xứ Tân Cương ngày nay, có quan hệ rất lớn đối với Phật giáo Đại Thừa. Kustana có nghĩa là Địa Nhũ (sữa đất). Trung Hoa đã biết đến xứ này từ thời Tây Hán. Đời Hán Minh Đế, năm Vĩnh Bình 16 (73), Ban Siêu từng đem quân tấn công Vu Điền, vua Vu Điền chấp nhận trở thành chư hầu nhà Hán. Theo Đại Đường Tây Vực Ký quyển 20, xứ này quá nửa là lũng cát, nhưng khí hậu ôn hòa, có nhiều bảo ngọc, sản vật phong phú, dân chúng hòa hoãn, sùng mộ Phật pháp. Từ Ấn Độ vào Trung Hoa, phần lớn phải đi qua xứ này nên tại đây giữ được rất nhiều kinh Phật. Vào năm Thái Khang thứ bảy (286) đời Tây Tấn, ngài Kỳ Đa Mật Tề là người Vu Điền đã dịch Quang Tán Bát Nhã tại đây. Ngài Chi Pháp Lãnh cũng tìm được bộ Lục Thập Hoa Nghiêm tại xứ này. Cũng tại Vu Điền, vào thời Bắc Lương, ngài Đàm Vô Sấm cầu được kinh Đại Bát Niết Bàn, Thư Cừ Kinh Thanh tìm được Thiền Pháp Yếu Giải, Thiền Tông Bí Yếu Trị Bệnh Kinh; vào thời Tiêu Tề, ngài Pháp Hiến tìm được Quán Thế Âm Sám Hối Trừ Tội Chú Kinh. Vào thời Lương (548), ngài Cầu Na Bạt Đà người xứ Vu Điền mang kinh Thắng Thiên Vương Bát Nhã từ Vu Điền đến Trung Hoa. Đến đời Đường, ngài Thật Xoa Nan Đà là người xứ Vu Điền đã mang Bát Thập Hoa Nghiêm sang Đông Thổ. Đến thế kỷ thứ 9, vương triều Karakhanids (sử Tàu gọi là Mặc Hãn vương

Tông ưu ái xuống chiếu đáp lời, lại còn hạ lệnh cho các quan chức có trách nhiệm dọc theo đường đi đều phải hộ vệ, đưa đón. Sư nghe vua muốn hỏi tội xứ Liêu Tân, sợ trùng trình sẽ chẳng gặp được [nhà vua] bèn lên đường đi suốt ngày đêm. Từ Lưu Sa đến Sa Châu, đều do đường Cam Túc mà đến, vua sắc các quan chức có trách nhiệm phải chuẩn bị nghi trượng nghênh tiếp. Đột nhiên Sư đã đến Tây Tào của kinh thành, vị quan chịu trách nhiệm nơi đó không biết xoay trở ra sao! (Do căn cứ theo hành trình mà chuẩn bị nghi trượng, nhưng vì Sư đi suốt ngày đêm nên mới đón hụt). Từ đấy, hằng ngày Sư lo phiên dịch. Sự nghiệp chưa hoàn tất đã tịch, lẽ nào có chuyện Ngài còn trở sang Tây Vực, đến động Cửu Lão núi Nga Mi, gặp đức Thánh nói kệ, truyền dạy kinh ư? Chỉ vì đời đã xa, người đã khuất, qua bao lượt biển dâu, sách vở thất lạc, thiếu chứng cứ đến nỗi đem chuyện sai lầm truyền tụng sai lầm, không cách nào khảo cứu để sửa cho đúng được, nên mới thành ra như thế!

Vào cuối đời Minh, ông Hồ Thế An[55] thích đi chơi núi, tuy tin Phật, nhưng chẳng lắng lòng nghiên cứu. Vì vậy, thâu thập rộng rãi những sáng tác nghệ thuật, biên tập thành bộ sách Dịch Nga Lại, thật ra [Dịch Nga Lại] chính là công trình sưu tập văn học[56] cho bộ Sơn Chí của Tưởng Hổ Thần đời Thanh. Hổ Thần tự cho là bộ Dịch Nga Lại [đã thâu thập hết những trước tác] chẳng sót một chữ nào, nhưng những gì ông ta sao lục chẳng ngoài mô tả những ngọn núi chót vót, vách núi đẹp tót vời, tình huống gió mây biến chuyển, chùa chiền hưng thịnh hay suy sụp mà thôi! Còn đối với nguyên do đức Phổ Hiền khởi lòng Từ, vận lòng Bi và tại sao tứ chúng cạn lòng thành tận lòng kính thì vẫn chưa thể hình dung được chút nào; huống

---

triều) tấn công, chiếm đóng Vu Điền, buộc dân chúng cải theo đạo Hồi, đạo Phật dần dần suy vong, ngôn ngữ bị cải biến theo giọng của các sắc dân Đột Quyết (Turkic). Sau khi vương triều Mặc Hãn bị diệt vong, Vu Điền lần lượt rơi vào ách thống trị của Tây Liêu, Mông Cổ, rồi bị Càn Long nhà Thanh diệt quốc, biến Vu Điền thành một châu huyện của Trung Hoa (năm 1759). Đến đời Quang Tự, Vu Điền bị đổi tên thành huyện Hòa Điền, trực thuộc Khang Châu.

[55] Hồ Thế An (không rõ năm sinh-1663), tự là Xử Tĩnh, biệt hiệu Cúc Đàm, người huyện Khai Tỉnh, Tứ Xuyên, đỗ Tiến Sĩ năm đầu Sùng Trinh (1628) đời Minh, đến thời Thuận Trị làm quan đến chức Vũ Anh Điện Đại Học Sĩ, kiêm Binh Bộ Thượng Thư, tước Thái Tử Thái Bảo và Thái Tử Thái Phó. Ông thích du sơn ngoạn thủy, trước tác rất nhiều tác phẩm ca ngợi cản núi sông xinh đẹp, nổi tiếng nhất là bộ Tú Nham Tập (11 quyển). Những tác phẩm nổi tiếng khác là Đại Dịch Tắc Thông, Hễ Thiếp Tổng Văn, Dị Ngư Đồ Tán Tiên, Dị Ngư Đồ Tán Bổ v.v… Những tác phẩm này đều được đưa vào bộ Tứ Khố Toàn Thư.

[56] Nguyên văn là "quyền dư": Quyền Dư là tên một bài thơ trong phần Tần Phong (dân ca đất Tần) thuộc thiên Quốc Phong trong kinh Thi. Về sau, Quyền Dư được dùng như một từ ngữ chỉ công việc thu thập những sáng tác dân gian. Hiện thời, đa phần tăng nhân ở Nga Mi vẫn tin bộ Nga Mi Sơn Chí được biên soạn dựa trên bộ Dịch Nga Lại do Hồ Thế An (tuy tác giả thật sự của bộ Dịch Nga Lại là Tưởng Hổ Thần) biên tập vào thời Vạn Lịch nhà Minh.

hồ là quang cảnh rạng ngời nơi bổn địa của Bồ Tát, tâm tứ chúng khế hợp biển giác thì làm sao có thể hình dung cho được?

Thêm nữa, núi này xưa kia có [quán, miếu của] Đạo Giáo. Từ khi đại pháp hưng thịnh, họ lần lượt trở về với lẽ chân. Quả sáng diệt yêu quái, chói ngời dựng chùa nơi ngọn núi Trung Ương. Bọn khoác áo lông (đạo sĩ) cảm đức, lũ đội mão vàng trở thành Tăng sĩ mặc áo thâm. Từ đấy, nhất trí tiến hành, quy y Tam Bảo, Đạo giáo mất tăm mất tích đã hơn một ngàn năm. Đối với những chuyện về đức Phổ Hiền và bậc cao tăng thuở trước đã có kinh truyện để khảo chứng mà bộ Sơn Chí cũ vẫn còn [ghi chép] lắm [điều] sai ngoa, huống hồ là những sự thực về Đạo Giáo vốn bị tuyệt tích đã lâu, há lại chẳng thể sai ngoa được ư? Hoàng Đế[57] đến núi Không Động, hỏi đạo với Quảng Thành Tử[58], [như đã] chép trong thiên Tại Hựu sách Trang Tử thì

[57] Hoàng Đế là một vị thánh quân thời cổ theo huyền sử Trung Hoa. Vua họ Công Tôn (có thuyết nói là họ Cơ), tên là Hiên Viên, hiệu là Hiên Viên Thị, hoặc Hữu Hùng Thị, là con của Thiếu Điển, họ Công Tôn, đóng đô tại gò Hiên Viên thuộc Trịnh Châu (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Mẹ Hoàng Đế thấy tia sáng Bắc Cực bèn có thai, rồi sanh ra ông. Hoàng Đế dẹp yên các bộ tộc đối kháng, được tôn làm Cộng Chủ, tức vua Trung Nguyên. Kẻ thù đáng gờm nhất của ông ta là Si Vưu, vua của bộ tộc Cửu Lê ở phía Đông. Sau ba năm giao tranh dai dẳng, cuối cùng Hoàng Đế đánh bại được Si Vưu tại cánh đồng Trác Lộc (thuộc địa phận Hà Nam), thống nhất Trung Nguyên. Tuy thế, theo các sử gia, thời ấy vẫn chưa thể nào có một chế độ quân chủ trung ương tập quyền như thời Hán sau này, Cộng Chủ chỉ là thủ lãnh tối cao của tù trưởng các bộ tộc. Do đất của bộ tộc Cửu Lê nằm trong lưu vực sông Dương Tử và phía Nam Hoàng Hà, không thuộc địa bàn cai trị của Hoàng Đế, sau khi đánh bại tộc Cửu Lê, vua phải lo tổ chức guồng máy cai trị cũng như khai khẩn tại phía vùng đất mới, phải tốn rất nhiều thời gian và sức lực để giữ yên dân tình, hầu như không thể nào có thời gian rảnh rỗi để trèo đèo lặn suối sang tận núi Nga Mi ở phía Tây để gặp Quảng Thành Tử hỏi đạo! Đường vào đất Thục (Tứ Xuyên) còn hiểm trở hơn nữa. Ngay đến thời Hán Cao Tổ, khi bị Sở Bá Vương Hạng Vũ phong cho đất Ba Thục (Tứ Xuyên), đường vào Tứ Xuyên vẫn còn rất hiểm trở đến nỗi khi Trương Lương lập kế nghi binh, cho đốt sạn đạo, Hạng Vũ bèn an tâm ngủ say trên chiến thắng, cho rằng Lưu Bang không còn đường nào khác để thoát ra khỏi Ba Thục được. Tới thời An Lộc Sơn làm phản, vua tôi nhà Đường phải chạy vào Tứ Xuyên, đường vào đất Thục vẫn còn rất hiểm trở đến nỗi thi nhân thời ấy than thở *"đường vào đất Thục cheo leo tận trời thẳm"*.

[58] Quảng Thành Tử được nhắc đến đầu tiên trong thiên Tại Hựu của Trang Tử. Theo đó, Quảng Thành Tử đang tu tại núi Không Động, Hoàng Đế đến hỏi đạo hai lần. Quảng Thành Tử dạy về thuyết Tinh - Khí - Thần, chú trọng tu dưỡng nội tâm. Có thể đây là một câu chuyện ngụ ngôn do Trang Tử đặt ra nhằm trình bày quan điểm triết học của chính ông vì Trang Tử rất nổi tiếng về những câu chuyện ngụ ngôn, đến nỗi người Hán thường gọi những chuyện bịa đặt nhằm gởi gắm ý riêng là "Trang Tử ngụ ngôn"; nhưng Đạo Giáo bèn vịn vào đó, đặt ra rất nhiều thuyết để khẳng định Quảng Thành Tử chính là do Thái Thượng Lão Quân (Lão Tử) hóa thân. Họ còn soạn ra Thái Thượng Lão Quân Khai Thiên Kinh để làm căn cứ chứng minh cho câu chuyện này và tôn xưng Không Động Sơn là Đạo Giáo Đệ Nhất Sơn. Điều đáng nói là thuyết Tinh - Khí - Thần là một thuyết được lập ra rất trễ sau khi Đạo Giáo đã phát triển; ngay cả thời Trương Lăng sáng lập Ngũ Đấu Mễ đạo (tiền thân của Đạo Giáo), cũng chưa thấy nói đến khái niệm Tinh - Khí - Thần!

làm sao lại có thể đến núi Nga Mi hỏi đạo nơi Thiên Hoàng chân nhân cho được?

Thiên Hoàng chân nhân chính là Quảng Thành Tử! Hoàng Đế là người có trách nhiệm với thiên hạ, đâu thể nào sánh với tăng sĩ hay đạo sĩ nhàn tản, tùy ý vân du! Đã đến Không Động hai lần, ắt có sở ngộ. Dẫu cho Quảng Thành Tử dời sang sống tại Nga Mi, lẽ nào Hoàng Đế lại tới Nga Mi? Huống chi đường sang đất Thục gian nan, đến nay vẫn còn nghe tiếng than vang dậy. Trong thời Hoàng Đế, chẳng lẽ không khó khăn hơn hiện thời trăm ngàn lần ư? Vì thế, biết những điều ghi chép ấy đều là bịa đặt. Dẫu cho cực đích xác đi nữa, cũng chẳng liên quan khẩn yếu, bởi những pháp được nói ấy đều là pháp thuộc về Nhân thừa và Thiên thừa trong Phật pháp. Đạo giáo ở Nga Mi đã tuyệt tích từ lâu, sao lại còn lập riêng pháp ấy để đến nỗi đời sau bị phân vân đôi đường, chẳng biết theo ngả nào? Bởi thế, đem những chuyện ghi chép ấy bỏ đi gần hết, hòng giương cao Phật nhật thích hợp khắp ba căn, chắc cũng được Thiên Hoàng chân nhân tán thành, chấp thuận!

Quang là một ông Tăng tầm thường, sao dám dối xưng là bậc thông gia hòng tu chỉnh [bốn bộ] Sơn Chí của Tứ Đại Danh Sơn! Nhưng do ở đậu núi Phổ Đà hơn ba mươi năm; năm Dân Quốc 11 (1922), Tri Sự huyện Định Hải là ông Đào Tại Đông đề xướng tu chỉnh bộ Phổ Đà Sơn Chí, thỉnh bậc túc nho trong vùng là tiên sinh Vương Nhã Tam chủ trì việc ấy. Đối với đạo Nho, có thể xưng tụng ông Vương là bậc bác lãm, nhưng đối với đạo Phật ông ta chưa hề nắm được đường lối. [Ông ta] tu chỉnh Sơn Chí xong, bậc kỳ túc trong núi sai Quang sửa chữa lại. Gần đây, Quang do khắc in các sách trọn chẳng được rảnh rỗi. Đến năm Dân Quốc 19 (1930), yểm quan tại thành Tô Châu, mới in ra sách, thì một đệ tử là Lý Viên Tịnh, nhiệt tâm làm chuyện công ích, nói: "Phổ Đà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa là Tứ Đại Danh Sơn của Trung Quốc, thầy đã sửa đổi bộ Phổ Đà Sơn chí thỏa đáng rồi đem ấn hành, nhưng ba bộ Sơn Chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa cũng chớ nên mặc kệ không quan tâm đến!"

Do vậy, đặc biệt cầu thỉnh người trước kia đã soạn Quán Âm Bổn Tích Cảm Ứng Tụng, Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, và Phật Học Cứu Kiếp Biên là một đệ tử quy y ở Bành Trạch tỉnh Giang Tây tức cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh soạn cương yếu. Quang chỉ đảm nhiệm việc cắt xén cho thỏa đáng và ấn hành, còn việc giảo chánh đưa về cho vị hiện đang ở nơi xa lãnh nhiệm vụ Trụ Trì chùa Thọ Lượng ở Cám Châu là pháp sư Đức Sâm và cư sĩ Trần Vô Ngã. Thanh Lương Chí đã in thành sách vào năm ngoái. Nga Mi Chí chẳng bao lâu nữa cũng sẽ cho ấn hành. Cửu Hoa Chí chắc là trong khoảng từ

Nếu Quảng Thành Tử thật sự là Thái Thượng Lão Quân, sao Đạo Đức Kinh không hề nhắc đến Tinh - Khí - Thần? Đến thời Minh, qua sự miêu tả của Hứa Trọng Lâm trong Phong Thần Diễn Nghĩa, Quảng Thành Tử là thủ lãnh của mười hai vị Kim Tiên thuộc phe Xiển Giáo, sống tại Đào Nguyên thuộc Cửu Tiên Sơn, khiến cho bọn đạo sĩ càng thêm sùng bái vị tiên này.

Xuân sang Hạ năm sau sẽ in ra được. Bốn bộ Sơn Chí cũ chỉ có Thanh Lương Chí là hay nhất, kế đến là Phổ Đà Chí, Nga Mi Chí lại kém hơn nữa, Cửu Hoa Chí đứng hạng bét. Ấy là vì ba bộ Sơn Chí đều do hạng Nho sĩ chẳng thông hiểu Phật học sửa chữa, mới đến nỗi mua rương trả lại ngọc[59], kính trọng lính hầu, khinh mạn chủ nhân, chỉ dốc sức [miêu tả] hình thế núi non huyễn vọng, chẳng hình dung được chỗ Bồ Tát khởi lòng Từ, vận lòng Bi cứu khổ, ban vui. Chú trọng đến núi, chẳng chú trọng vào Phật, làm việc điên đảo. Tuy có Sơn Chí nhưng chẳng thể làm cho người thấy, kẻ nghe tăng trưởng thiện căn, gieo nhân Bồ Đề. Đấy là chỗ ngụ ý sâu xa của bộ Sơn Chí hiện thời, nên tôi trình bày đại lược ý ấy. Nhưng vì chẳng phải là người đích thân trải qua cảnh sắc nơi ấy, nên chẳng thể hỏi han tường tận được, chỉ dựa theo bộ Sơn Chí cũ và các kinh truyện để tra cứu, điều chỉnh. Đối với những bậc danh đức gần đây và những kiến trúc mới đều nhất loạt chẳng ghi thêm vào, để khỏi vướng lỗi sót tên bậc danh đức, bị chê bai "ghi tên một vị để sót cả vạn". Người sáng mắt hiểu biết ắt sẽ lượng thứ cho!

24. Lời tựa tu chỉnh Cửu Hoa Sơn Chí

(năm Dân Quốc 26 - 1937)

Chân Như Phật Tánh, chúng sanh và Phật đồng thể, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng. Dẫu Tánh Đức tuy đồng, Tu Đức khác biệt, nên đến nỗi chúng sanh và Phật khác xa, khổ - vui khác biệt vời vợi! Chư Phật vì thuận tánh tu hành, do đấy bỏ vọng về chân, trái trần hợp giác, đoạn sạch Phiền Hoặc, triệt chứng Chân Như Phật Tánh sẵn có trong chính cái tâm này. Vì thế, được yên trụ trong Tịch Quang, vĩnh viễn hưởng pháp lạc Niết Bàn thường trụ. Chúng sanh vì nghịch tánh mà tu, do vậy mê chân đuổi theo vọng, trái giác hiệp trần, khởi Hoặc tạo nghiệp, hoàn toàn bị mê nơi Chân Như Phật Tánh sẵn có trong chính cái tâm này. Do vậy, thường trụ trong Sa Bà, luôn chịu nỗi khổ huyễn vọng luân hồi trong sáu nẻo. Do chư Phật thấy chúng sanh về tâm thể thì đồng nhưng tâm tướng lại khác, nên thương xót khôn ngằn, chẳng nài khổ nhọc, phát hoằng thệ nguyện độ thoát chúng sanh, bởi coi hết thảy chúng sanh đều là Phật vậy! Vì thế, kinh Phạm Võng nói: *"Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh"*. Lại nói: *"Ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành. Thường tin được như vậy thì giới phẩm đã trọn đủ"*. Bởi lẽ, nếu đã tin chính mình là Phật trong tương lai, chắc chắn sẽ chẳng chịu tùy thuận phàm tình tạo nghiệp sanh tử, chắc chắn lập tức tin nhận lời Phật dạy, tu đạo Bồ Đề.

Có kẻ mê muội cạn, túc căn sâu xa, vừa nghe lời Phật dạy, liền được liễu ngộ, tin nhận phụng hành. Có những kẻ mê muội sâu xa, túc căn nông cạn, vừa nghe lời Phật dạy, liền ngược ngạo sanh lòng phỉ báng, hoặc còn hủy

---

[59] Nguyên văn *"mãi độc hoàn châu"* là một thành ngữ ngụ ý chỉ chú trọng bề ngoài không trọng thực chất.

diệt cho hết sạch chẳng còn sót gì, bởi họ coi Phật là chúng sanh vậy! Dùng cái tâm chúng sanh tham - sân - si của chính mình để suy lường tâm Phật, cho những gì Ngài đã nói đều là những lời dối trá nhằm lừa bịp ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Phật, hoàn toàn chẳng chân thật, chẳng thể tin cậy được! Nếu tin theo sẽ vĩnh viễn đi vào nẻo mê, không cách gì thoát ra được. Đối với loại chúng sanh ấy, tâm chư Phật trọn chẳng có một niệm vứt bỏ, càng sanh lòng xót thương yêu tiếc gấp bội. Như kẻ mắc bệnh cuồng, đánh chửi cha mẹ, cha mẹ chẳng trị tội mà lòng càng thêm thương xót, biết hắn đã mất bản tâm rồi! Nếu lành bệnh cuồng sẽ tự chẳng mắc lỗi ấy.

Nếu là kẻ mê cực sâu, từ kiếp này sang kiếp khác cũng khó tỉnh ngộ, cho nên chư Phật thệ nguyện "độ thoát chúng sanh đến hết đời vị lai", những vị Bồ Tát đã chứng Pháp Thân không vị nào chẳng đều như vậy. Những kẻ do tự tư tự lợi bèn báng Phật nếu biết được nghĩa này há chẳng thẹn đến chết ư? Kẻ mê cạn, túc căn sâu xưa nay chẳng thiếu người. Nay nêu lên những trường hợp đặc sắc nhất, như Thừa Tướng Trương Thương Anh đời Tống, cư sĩ Chung Đại Lãng thời Minh.

Thương Anh thoạt đầu chẳng biết đến Phật pháp, do đến chơi một ngôi chùa, thấy kinh Phật trang nghiêm thù thắng, giận dữ nói: "Sách của người Hồ lại được trang nghiêm như vậy, sách của bậc thánh nước ta vẫn chưa thể sánh bằng". Tối đến, cầm bút, rên rỉ, không viết được một bài nào. Phu nhân là Hướng Thị khá tin Phật, thấy vậy bèn hỏi chồng rên rỉ về chuyện gì. Ông đáp: "Ta định viết bài luận [chứng minh] không có Phật". Phu nhân nói: "Đã là không có Phật, cần gì phải luận nữa! Mà ông đã từng đọc kinh Phật chưa vậy?" Đáp: "Ta đời nào chịu đọc loại kinh ấy!" Phu nhân nói: "Đã chưa đọc kinh của người ta thì dựa vào ý nghĩa nào để luận định đây!" Ông bèn thôi.

Sau đấy, ở chỗ bạn đồng liêu, thấy trên bàn có cuốn kinh Duy Ma Cật bèn ngẫu nhiên mở ra xem, cảm thấy từ lý cao siêu, tuyệt diệu, nhân đấy bèn thỉnh về đọc cho hết. Chưa được quá nửa, bèn sanh lòng hối hận, ngộ đạo lớn lao, phát nguyện hết báo thân này hoằng dương pháp hóa. Đối với Giáo lẫn Tông thảy đều tâm đắc, soạn cuốn Hộ Pháp Luận cực lực tán dương, [luận ấy] được đưa vào Đại Tạng. Ông ta vào triều làm Thừa Tướng đời Tống Huy Tông, lúc ấy hạn hán đã lâu, ngay đêm đó trời liền đổ mưa ngọt lai láng, Huy Tông viết hai chữ to "Thương Lâm" thưởng cho ông. Ấy là lấy ý nghĩa trong thiên Thuyết Mạng của sách Thương Thư: *"Nhược tuế đại hạn, dụng nhữ tác lâm vũ"* (Như gặp năm bị hạn hán to, dùng ngươi như được trận mưa dầm) để khen ngợi vậy.

Chung Đại Lãng[60] người trấn Mộc Độc, Tô Châu, cha mẹ cầu đảo Quán Âm sanh được ông. Thuở nhỏ theo cha mẹ lễ tụng, nhưng đến khi đi học,

---

[60] Tổ Ngẫu Ích tên thật là Chung Tế Minh, sau khi đọc cuốn Tự Tri Lục và Trúc Song Tùy Bút của tổ Liên Trì, Ngài tự biết trước kia mình đã sai trái, bèn đốt hết những bài văn báng Phật. Năm 20 tuổi, do đọc kinh Địa Tạng Bản Nguyện bèn phát chí xuất gia, đến

nghe được cái học của đạo Nho bèn lấy việc hoằng dương đạo Nho làm trách nhiệm của chính mình. Do vậy, chẳng những không lễ tụng mà còn tự tiện viết văn báng Phật. Về sau, đọc bài tựa cuốn Tự Tri Lục của Liên Trì đại sư mới biết hổ thẹn, chẳng còn báng Phật nữa. Đọc Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh, ông liền phát tâm học Phật làm cư sĩ, rồi nghiên cứu các sách của Thiên Thai và Thiền Tông, mỗi mỗi đều có sở đắc, bèn lễ môn nhân[61] của Hám Sơn đại sư xin xuất gia, pháp danh là Trí Húc, tự là Ngẫu Ích. Giới hạnh trong sạch như băng tuyết, kiến địa sáng tỏ như nhật nguyệt, nhưng Ngài chú trọng một pháp Tịnh Độ. Do chúng sanh đời Mạt chẳng nương theo Phật lực, quyết khó thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Cả đời hoằng pháp, chẳng làm Trụ Trì, [do] thường ngụ tại chùa Linh Phong ở núi Bắc Thiên Mục nên người đời sau thường gọi ngài là Linh Phong, chứ thật ra Ngài chẳng phải là chủ nhân của Linh Phong!

Như bọn Hàn, Âu báng Phật, chỉ căn cứ theo những hành vi luân thường gần gũi của đạo Nho và lấy lễ nhạc, hình phạt, sự cai trị để luận, trọn chẳng dẫn kinh văn nhà Phật để luận. Do vậy, biết những lời chê bai của bọn họ đều là chưa thấy màu sắc đã bàn luận mù quáng. Họ Hàn (Hàn Dũ) do gặp được thiền sư Đại Điên[62], họ Âu (Âu Dương Tu) do gặp được đại sư Minh Giáo[63] mới hơi biết về Phật, nên chẳng thể hoằng dương như họ Trương, họ

---

năm 23 tuổi, tự phát ra 48 nguyện, tự xưng là Đại Lãng Ưu Bà Tắc. Do vậy, đa số sách vở khi viết về giai đoạn trước khi Ngài xuất gia đều gọi là ngài là cư sĩ Chung Đại Lãng.

[61] Tổ Trí Húc xin xuất gia với ngài Tuyết Lãnh, đệ tử của đại sư Hám Sơn.

[62] Đại Điên Bảo Thông (732-824), người xứ Dĩnh Châu, họ Trần, pháp hiệu Bảo Thông, tự đặt hiệu là Đại Điên Hòa Thượng. Trong niên hiệu Đại Lịch, Sư theo học với ngài Dược Sơn Duy Nghiễm, rồi qua Nam Nhạc tham yết ngài Thạch Đầu Hy Thiên, đại ngộ tông chỉ, được nối pháp Tào Khê. Sư dựng Linh Sơn thiền viện tại dưới rặng Tây U ở Triều Châu, ra vào thường có cọp đi theo, môn nhân hơn ngàn người. Lúc ấy, Đường Hiến Tông thờ phụng xá-lợi trong cung, cảm được xá-lợi phóng quang, quần thần dâng biểu chúc mừng, riêng Hàn Dũ lại dâng sớ can vua đừng mê tín đạo Phật, đòi đốt kinh Phật, dẹp chùa, đuổi Tăng về làm dân. Vua tức giận, đày Hàn Dũ đi Triều Châu. Tới Triều Châu, nghe danh Đại Điên, Hàn Dũ bèn mời tới, giữ lại hơn mười ngày, định dùng lời lẽ đánh bại Sư. Rốt cuộc, Hàn Dũ hết sức khâm phục Sư, thường lui tới hỏi đạo, tà kiến báng Phật cũng giảm dần. Sư từng tự chép kinh Kim Cang một ngàn năm trăm biến, chép Pháp Hoa, Duy Ma mỗi kinh ba mươi bộ. Trước thuật gồm hai bộ Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh Thích Nghĩa và Kim Cang Kinh Thích Nghĩa. Tháp Sư được dựng bên chùa. Cuối đời Đường, giặc giã phá tháp, thấy xương sọ đã tiêu hết, chỉ còn lưỡi vẫn tươi nhuận như khi còn sống, bèn chôn đàng hoàng, gọi là Ế Thiệt Trủng (mồ chôn lưỡi). Đến niên hiệu Chí Đạo đời Tống, người trong vùng lại đào lên, chỉ thấy lưỡi vẫn còn, bèn chồng đá dựng tháp, đặt tên là Thiệt Kính Tháp (Tháp gương lưỡi).

[63] Minh Giáo Đại Sư chính là ngài Khế Tung (1007-1072), một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn sống vào đời Tống, quê ở Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng tỉnh Quảng Tây), tự Trọng Linh, hiệu Tiềm Tử. Sư xuất gia năm bảy tuổi, mười ba tuổi được thế phát, thọ giới, mười chín tuổi đi tham học khắp nơi, đầu thường đội tượng Quán Âm, mỗi ngày trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát mười vạn câu. Về sau, Sư đắc pháp nơi thiền sư Hiểu Tông thuộc tông Tào Động. Sư đọc trọn khắp các kinh điển, sách vở, rất

Chung được! Nhưng những ông Châu, Trình, Trương, Châu đời Tống là người tiếp nhận được đạo tâm truyền của Khổng Mạnh xét về nguồn gốc đều do học Phật mà được. Ông Châu Mậu Thúc người cực thuần hậu, trọn chẳng báng Phật một chữ. Hai ông Trình, họ Trương và họ Châu[64] thì ngấm ngầm khâm phục, ngoài mặt chống đối, họ lấy những ý nghĩa sâu thẳm trong kinh Phật để giải thích kinh điển đạo Nho, sợ người đời sau bảo những gì họ nói đều phát xuất từ kinh Phật bèn cực lực báng bổ thật sự, thật lý "nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo" do đức Phật đã nói, cho là Phật bịa chuyện để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu, ngu phụ tin thờ giáo pháp của Phật, chứ thật sự không hề có chuyện ấy!

Từ đấy trở đi, phàm là nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả, sợ bị người khác công kích là dị đoan. Phàm bọn Lý Học đều lén lút xem kinh Phật để tự hùng, nhưng đều cực lực báng Phật để tự củng cố [địa vị, danh tiếng], đến nỗi càng lúc càng đi xuống, cho nên mới diễn ra thảm kịch tai họa liên miên, dân không lẽ sống! Nếu như mọi người đều đề xướng nhân quả sẽ hoàn toàn chẳng đến nỗi cùng cực như thế này. Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để chư Phật độ chúng sanh. Bỏ nhân quả đi sẽ không thể lập ra cách nào khác được! Nay đời loạn đến cùng cực, mong cõi đời yên ổn, mà nếu vẫn chẳng lấy nhân quả làm gốc thì cái họa mai sau sẽ còn thê thảm kịch liệt hơn nữa!

Cửu Hoa Sơn là đạo tràng ứng hóa của Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát trong vô lượng kiếp trước đã chứng Pháp Thân từ lâu, đã thành Phật đạo, nhưng chẳng ở địa vị Phật. Do phát nguyện *"độ hết chúng sanh mới chứng Bồ Đề, địa ngục chưa trống thề chẳng thành Phật"*, tâm xót thương chúng sanh chịu nỗi khổ sanh tử sâu đậm, thiết tha không cách nào diễn tả được! Vì thế, khi đức Phật vì mẹ thuyết pháp trên cung trời Đao Lợi, mười phương thế giới chư Phật, Bồ Tát, thiên long bát bộ đều đến dự hội, dẫu dùng Phật nhãn vẫn chẳng thể tính biết được! Những vị Phật, Bồ Tát ấy đều do ngài Địa Tạng giáo hóa nên mới đắc đạo quả, nhưng ngài Địa Tạng vẫn hiện thân

---

giỏi văn chương, thường nhấn mạnh thuyết "Nho - Phật nhất trí". Khi Âu Dương Tu cực lực bài xích đạo Phật, dùng những lời lẽ báng Phật để mê hoặc Tống Nhân Tông, Sư soạn Phụ Giáo Biên dâng lên vua, vua đọc xong hết sức khâm phục, sai Hàn Kỳ đưa cho Âu Dương Tu coi, họ Âu kinh ngạc, nói: "Không ngờ trong Tăng chúng có được người như thế?" bèn xin Hàn Kỳ cho gặp mặt. Khi gặp Sư, Âu Dương Tu cật vấn suốt cả ngày, bị Sư hoàn toàn khuất phục, từ đó không báng Phật nữa. Ngoài bộ luận Phụ Giáo Biên nổi tiếng ra, Sư còn trước tác những cuốn Truyền Pháp Chánh Tông Định Tổ Đồ, Truyền Pháp Chánh Tông Ký v.v… Những trước tác của Sư được Tống Nhân Tông hết sức ngưỡng mộ, hạ lệnh đưa vào Đại Tạng, ban tặng cho Sư ca-sa tía và ban hiệu là Minh Giáo đại sư. Sau khi Sư thị tịch tại chùa Linh Ẩn vào năm Hy Ninh thứ năm (1072), môn nhân thâu thập những ngữ lục của Sư soạn thành bộ Đàm Tân Văn Tập, 20 quyển

[64] Hai ông Trình là anh em Trình Di, Trình Hạo, Trương là Trương Tải, Châu là Châu Hy, đều là những nhà sáng lập ra Lý Học. Mậu Thúc là tên tự của Châu Đôn Di, cũng là một nhà Lý Học.

dưới hình thức Thanh Văn. Ngoài việc hiện đủ mọi loại thân để thuyết pháp trong mười phương thế giới ra, Ngài lại thường trụ trong chốn u minh khổ sở tột bậc để cứu độ. Mười phương chư Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng tán thán tấm lòng sâu thẳm "hưng lòng Từ, vận lòng Bi" của Ngài. Đại sư Ngẫu Ích vừa đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện liền phát đại Bồ Đề tâm, do đức Địa Tạng là thầy của chư Phật, là mẹ của các Bồ Tát vẫn còn miệt mài chuyên chú độ bọn ta, nếu [bọn ta] chẳng coi "ta và người cùng thoát sanh tử" là chí hướng, sự nghiệp thì cô phụ từ ân cũng lớn lắm thay!

Bồ Tát thị hiện giáng sanh tại nước Tân La vào đời Đường (Trước thời Đường Cao Tông, vốn có ba nước Cao Câu Ly, Tân La, Bách Tế riêng biệt. Đường Cao Tông diệt Cao Câu Ly, đất đai của Bách Tế đều gộp vào nước Tân La, hợp thành một nước. Thời Ngũ Đại, Vương Kiến kế thừa [nước Tân La], đặt quốc hiệu là Cao Ly. Từ đầu đời Minh đến nay, đặt tên nước là Triều Tiên. Người ta thường cho Tân La chính là Tiêm La[65], thật lầm vậy), dòng dõi nhà vua, họ Kim, tên Kiều Giác, đến năm Vĩnh Huy thứ tư (653) đời Đường Cao Tông, Sư đến núi Cửu Hoa, sự khổ hạnh tu tập của Ngài trong cõi đời không ai hơn được. Thức giả coi Ngài là Địa Tạng thị hiện, xin coi chi tiết trong Sơn Chí, ở đây không cần phải viết nhiều. Nhưng những kẻ câu nệ, hẹp hòi, chẳng biết hành trạng phân thân ứng hóa trong cõi nước nhiều như số vi trần của Bồ Tát, thường nói vị Địa

---

[65] Tân La (Silla) là một trong ba vương quốc cổ thuộc lãnh thổ Đại Hàn hiện thời, còn Tiêm La là gọi tắt từ chữ Tiêm La Hộc (tức tên gọi gộp chung của hai vương quốc Siam và Lwo), một vương quốc cổ tại Thái Lan. Trong ba nước cổ của Đại Hàn, Cao Câu Ly (Koguryo) lớn nhất, tồn tại từ năm 37 trước Công Nguyên cho đến năm 668. Địa phận nước này bao gồm vùng Đông Bắc Trung Hoa (gần trọn vùng Mãn Châu hiện thời) và ¾ bán đảo Triều Tiên (Joseon). Quốc gia này do Đông Minh Thánh Thái Vương Cao Châu Mông (Jumong) sáng lập. Bách Tế (Baekje) khá nhỏ, nằm ở vùng Tây Nam của bán đảo Triều Tiên, tồn tại từ năm 18 trước Công Nguyên đến năm 660 thì bị Tân La liên minh với nhà Đường thôn tính tiêu diệt. Theo truyền thuyết, Bách Tế được sáng lập bởi Ôn Tộ (Onjo), con thứ của Châu Mông, sau khi bị anh dòng đích là Lưu Ly Vương (Yuri) đàn áp phải trốn khỏi Cao Câu Ly. Ôn Tộ đặt quốc đô tại Úy Lễ Thành (Wiryeseong, nay thuộc phụ cận Seoul). Tân La (57 trước Công Nguyên đến 935) nhỏ nhất, nằm ở Đông Nam Hàn quốc hiện thời. Theo truyền thuyết, vua sáng lập Tân La là Hách Cư Thế (Hyeokgeose) vốn là thần nhân từ trên trời cưỡi bạch mã xuống nhân gian, đóng đô tại Kim Thành (Geumseong, nay là Khánh Sơn - Gyongsan), xưng quốc hiệu là Từ La Phạt (Seora-beol). Vào thời kỳ đầu, ba bộ tộc lớn là họ Phác (Pak), họ Tích (Seok) và họ Kim tranh giành quyền cai trị Từ La Phạt. Đến năm 356, Nại Hốt Vương (Naemul) họ Kim giành được uy quyền tuyệt đối, trở thành hoàng gia vĩnh viễn của Từ La Phạt. Như vậy, ngài Kim Kiều Giác là hậu duệ của Nại Hốt Vương. Đến năm 503, mới chánh thức đổi tên vương quốc Từ La Phạt thành Tân La. Khi nhà Đường diệt Bách Tế và Cao Câu Ly, Tân La thừa cơ chiếm trọn bán đảo Triều Tiên, trở thành một vương quốc hùng mạnh. Đến năm 780, khi Huệ Cung Vương (Hyegong) chết, trong triều đình xảy ra chuyện tranh giành ngôi vua, vương quốc Tân La lâm vào cảnh quân phiệt cát cứ. Cho đến năm 901, Tân La bị chia thành ba mảnh nhỏ: Tân La, Hậu Bách Tế và Hậu Cao Câu Ly. Sử gọi là Hậu Tam Quốc thời đại. Về sau, Vương Kiến (Wang Geon) xứ Hậu Cao Câu Ly đánh bại hoàng tộc ba nước, thống nhất sơn hà, đổi tên nước thành Cao Ly (Goryeo).

Tạng này chẳng phải là Địa Tạng trong kinh [Địa Tạng Bồ Tát] Bổn Nguyện. Nếu vậy thì cũng có thể nói Bố Đại Hòa Thượng chẳng phải là Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Bồ Tát hay sao? Núi này kể từ khi được Bồ Tát kiến lập đạo tràng trở đi, sau nhiều năm tháng sâu xa, bao lượt đổi thay, đến nỗi sách vở thất truyền. Đến thời Gia Tĩnh nhà Minh, mới biên tập Sơn Chí. Từ thời Vạn Lịch, Sùng Trinh [nhà Minh] cho đến Khang Hy, Càn Long, Quang Tự nhà Thanh, trải qua sáu lần [biên soạn Sơn Chí] đều do triều đình chủ trì, do Nho sĩ biên tập. Đối với lòng hoằng từ đại bi của Bồ Tát, ý nghĩa tinh diệu của pháp môn đều chưa nêu tỏ được, nên chẳng khác gì những sơn kinh thủy chí tầm thường, thật đã mất đi ý nghĩa của một đạo tràng vì nước cầu an, vì dân chúc phước nơi danh sơn, nhưng cũng không có câu chữ nào hủy báng Phật pháp. Bộ Sơn Chí thời Quang Tự, khi Châu Sơn Môn tu chỉnh đã đưa thêm vào rất nhiều lời văn hủy báng hòng phô phang tri kiến cao minh của chính mình, buộc Tăng chúng bỏ tiền, nhưng bản thảo vẫn giữ tại công đường nơi huyện lỵ, không cho phép khắc in, tôi chẳng biết ý ông ta như thế nào!

Do ông Lý Viên Tịnh xin tu chỉnh, tôi bèn cậy cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh xem xét, hiệu đính, nhờ thầy Đức Sâm biên tập. Sách đã hoàn thành (hết thảy nhân duyên thành tựu, trong lời bạt của thầy Đức Sâm nơi quyển cuối đã nêu cặn kẽ, ở đây không nhắc lại nữa). Do vậy, trình bày đại lược lòng đại từ bi sâu xa của Bồ Tát hòng người thấy kẻ nghe ai nấy đều sanh chánh tín, ngõ hầu cậy vào từ lực của Bồ Tát thoát khỏi nỗi khổ huyễn vọng, được sự vui rốt ráo. Nhân đó, bèn tán rằng:

Đại Sĩ thệ nguyện bất khả trắc,
Vận bi châu biến trần sát quốc,
Chúng sanh tận hậu thệ phương hưu,
Địa ngục không thời nguyện thỉ tức,
Thọ hóa đa thành vô thượng đạo,
Tự thân do thị Thanh Văn tích,
Chỉ duyên sanh Phật tánh duy nhất,
Dục linh đồng hoạch Cứu Cánh Tức.
(Đại Sĩ thệ nguyện há thể lường,
Lòng bi trọn khắp cõi vô ương,
Chúng sanh độ hết mới xong thệ,
Địa ngục trống rồi nguyện mới thôi.
Giáo hóa nhiều người thành Phật đạo,
Tự thân vẫn hiện tướng Thanh Văn,
Chúng sanh và Phật tánh vốn một,
Cùng muốn ta người chứng Pháp Vương)

25. Lời tựa cho cuốn Nhật Tụng Kinh Chú Tuyển Lục
(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao trùm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng được nêu lên, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Bậc Đăng Địa Bồ Tát[66] vẫn chưa thể thấu hiểu triệt để đến tột nguồn tận đáy được, huống là phàm phu sát đất đầy dẫy Hoặc nghiệp ư? Nhưng rút lấy những ý nghĩa trọng yếu [trong giáo pháp nhà Phật] thì chỉ là mong sao [chúng sanh] hiểu rõ tự tâm, chứng Phật tánh triệt để. Muốn hiểu rõ tự tâm để chứng Phật tánh, ắt phải dùng Giới để trói buộc cái thân, dùng Định để dứt vọng, dùng Huệ để đoạn Hoặc ngõ hầu có thể tự thoát khỏi sanh tử huyễn vọng, chứng Niết Bàn chân thường. Về thứ tự tu trì thì nên lấy việc mở mang tri kiến của chính mình để dẫn đường, dùng Tín - Nguyện - niệm Phật làm Chánh Hạnh, lấy vạn thiện trang nghiêm làm Trợ Tu. Vì thế, [sách này] xếp Kim Cang Kinh lên đầu, [rồi đến] Tâm Kinh, Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm, Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương, A Di Đà Kinh, Vãng Sanh Chú, Niệm Phật Khởi Chỉ Nghi (nghi thức niệm Phật), Phát Nguyện Văn, và các chú Đại Bi, Chuẩn Đề, hoặc kiêm trì các thứ, hoặc chuyên trì một thứ đều nhằm để giúp cho sự tu trì Tịnh nghiệp ngõ hầu triệt ngộ *"Ngũ Uẩn vốn là không, các pháp chẳng có tướng"*, hành khắp muôn hạnh nhưng chẳng thấy tướng năng hành, chuyên chí niệm Phật mà hiểu rõ *"tâm làm, tâm là"*.

Tu được như thế sẽ nhanh chóng ra khỏi đường mê, lên thẳng bờ giác! Ấy là vì chúng sanh đời Mạt chướng sâu, huệ cạn, nếu chẳng cậy vào Phật lực, thật khó thể giải thoát, bởi một pháp Niệm Phật chính là pháp môn vô thượng thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh; so với hết thảy những pháp cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử thì khác biệt một trời, một vực! Lại muốn cho sơ cơ hành nhân biết sâu xa nguyên do của các pháp môn, hai chúng tại gia trong cuộc sống hằng ngày và trong luân thường có thể dung thông cả Chân lẫn Tục, trọn hết cả Phật lẫn Nho, nên bèn in kèm theo Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Giác Thế Kinh và những khai thị về tu trì Tịnh Độ để làm quy củ, chuẩn mực hòng cải ác hướng thiện, hướng lành tránh dữ, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, ngõ hầu ngay trong đời này liền vượt ra ngoài tam giới lục đạo, vào thẳng chín phẩm sen bảy báu. Nguyện những người tu đều cùng ra sức chú ý.

26. Lời tựa sách Tịnh Độ Thiên

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Pháp môn Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, đối với người tại gia lại càng khẩn yếu; vì người tại gia ai nấy đều có công việc, chẳng dễ gì tham cứu những pháp như Thiền, Giáo v.v… được! Chỉ có pháp Niệm Phật này là khế

[66] Đăng Địa Bồ Tát: Hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên.

lý, khế cơ nhất. Thật thà cắm cúi niệm Phật, niệm đến lúc nghiệp tận tình không thì *"bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra"*, Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh thảy đều tỏ lộ trọn vẹn sát sao. Đến khi lâm chung, chắc chắn lên Thượng Phẩm. Nếu như căn cơ kém hèn chưa thể nghiệp tận tình không, nhưng do lòng thành tin tưởng chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, ắt sẽ có thể cảm ứng đạo giao với Phật, đích thân được Phật tiếp dẫn, liền được đới nghiệp vãng sanh. Tịnh Độ mầu nhiệm chính là ở chỗ này đây!

Nếu chẳng biết nghĩa này, dẫu tham thiền đạt được cốt tủy, khán Giáo minh tâm, hễ còn mảy may Hoặc nghiệp chưa hết sạch thì vẫn luân hồi sanh tử y như cũ, chẳng thể thoát lìa được! Hãy chớ nên tự ỷ lại, để đến nỗi bị hàng ngu phu ngu phụ do niệm Phật cầu sanh Tây Phương được đới nghiệp vãng sanh phải thương xót! Than ôi! Kẻ ngu dại tầm thường tột bậc phần nhiều đạt được lợi ích thật sự, còn người đại thông minh chẳng mong chi sát cánh kề vai! Phần đông là vì ỷ mình thông minh, tuy có Phật lực vẫn chẳng chịu nương cậy, rốt cuộc phải luân chuyển số kiếp dài lâu, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Từ xưa, bậc cổ đức vốn sẵn mang lòng Bi của Phật đề xướng Tịnh Độ, bao nhiêu trước thuật nhiều khôn kể xiết, nhưng phần lớn viết bằng thể loại Văn Ngôn, chẳng thuận tiện cho hạng bình dân.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh vốn dựa theo bốn kinh Tịnh Độ và ý tứ từ những trước thuật của cổ đức, dùng lối văn nói (Bạch Thoại) để xiển dương Tịnh tông. Tuy [nội dung sách] được chia thành mười môn, lời văn gần đến một vạn chữ, nhưng mỗi chữ mỗi nghĩa đều xuất phát từ kinh Phật hay lời Tổ, trọn chẳng tự lập ý kiến để tự khoe khoang đến nỗi mắc lỗi "lầm người, hoại pháp"! Do thấy [sách này] có ích cho kẻ sơ cơ, Phật Học Thư Cục đặc biệt xếp nó vào loại tiểu tùng thư để sách được lưu truyền rộng rãi. Nay lại in riêng theo lối chữ Tam Hiệu Đại Tự để những người lớn tuổi mục lực suy yếu chẳng bị khó đọc. Lại cậy Quang viết lời tựa dẫn giải hòng khơi gợi chánh tín. Những nghĩa trọng yếu khác trong sách đã tự có đủ, không cần phải rườm lời! Phải biết pháp môn Tịnh Độ là biển pháp để hết thảy các pháp đổ về. Nếu ai tin được như thế, người ấy liền có thể cao đăng chín phẩm ngay trong đời này, tương lai chắc chắn viên mãn Tam Giác[67]. Có kẻ cho lời ấy nói quá lố, tôi thưa: "Tội lỗi này tôi đâu dám gánh vác, đã có Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật gánh chịu rồi!"

27. Lời tựa cho bản in gộp chung hai sách Tịnh Độ Vấn Biện và Công Quá Cách

[67] Tam Giác có thể hiểu theo hai cách:
1) Tự Giác, Giác Tha, và Giác Hạnh Viên Mãn.
2) Bổn Giác (tâm thanh tịnh sẵn có trong tự tánh), Thỉ Giác (sự giác ngộ có được do Bổn Giác huân tập và do tu tập) và Cứu Cánh Giác (Bổn Giác lẫn Thỉ Giác đạt đến cùng cực, hợp nhất).

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Cổ nhân nói: *“Tử sanh diệc đại hỹ, khả bất bi tai!”* (Chết - sống cũng lớn thay, chẳng đáng buồn ư?) Biết chết - sống đáng buồn, hãy nên cầu lấy pháp có thể liễu được sanh tử thì chuyện đáng buồn sẽ biến thành đáng vui. Nếu chẳng cầu pháp liễu sanh tử, sanh lòng bi cảm xuông, có ích chi đâu? Đại trượng phu sống trong thế gian, không chuyện nào chẳng tính toán sẵn, nhưng chỉ có mỗi một chuyện sanh tử đa số đều ngược ngạo bỏ mặc không hỏi tới, mãi cho đến khi báo hết mạng tận phải theo nghiệp chịu báo, chẳng biết một niệm tâm thức này sẽ lại đi thọ sanh trong đường nào! Cõi trời người là quán trọ, tam đồ là quê nhà! Mỗi lần thọ báo trong tam đồ là trăm ngàn kiếp, trọn chẳng có dịp nào lại được sanh trong cõi trời người! Do vậy nói rằng: “Đương nhiên không thể nào không miệt mài cầu tìm pháp liễu sanh tử!” Phải biết: Pháp môn vô lượng, nhưng đều phải dùng tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân thì mới có phần liễu sanh tử, nên chúng sanh đời Mạt hơi khó thể được lợi ích thật sự ngay trong đời này. Chỉ có tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thật là bậc nhất, do cậy vào Phật từ lực nên dẫu là kẻ chưa đoạn được Hoặc nghiệp vẫn có thể thoát khỏi cõi Sa Bà này, lên cõi Cực Lạc kia. [Pháp môn Tịnh Độ] quả thật là một sự nương tựa lớn lao cho hạng không có sức đoạn Hoặc như lũ chúng ta.

Vì thế, cư sĩ Châu Tiếp Thần chỉ sợ người đời quen thói chấp thường, chẳng chịu tu tập đến nỗi tự lầm. Do vậy, đem những thứ nghi tình chính mình từng ôm ấp trước kia, mỗi mỗi đều mổ xẻ rạch ròi để hướng dẫn hết thảy mọi người cùng hàng. Lại còn đính kèm những thiên sách khuyên hiếu răn dâm để làm [những hướng dẫn] hòng nghiêm ngặt vâng giữ điều thiện tột bậc, răn dè điều ác tột bậc, ngõ hầu nền tảng vững vàng, tiến tu không bị vướng mắc. Lại sợ bị sai sót trong luân thường và xử sự hằng ngày nên đem Công Quá Cách in kèm vào phần sau. Trộm nghĩ: Công Quá Cách này chính là nhiệm vụ trọng yếu để cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, hễ tận hết tâm lực thực hiện thì lo chi chẳng đạt đến địa vị thánh hiền. Phàm những ai có chí mong thành thánh thành hiền, xin chớ vì pháp này vụn vặt rồi xem thường thì tốt đẹp lắm thay!

Thêm nữa, Công Quá Cách viết theo thể văn xuôi, chẳng thuận tiện tụng thuộc. Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn thật sự là cội nguồn của Công Quá Cách; vì thế, cung kính chép vào đầu sách để mong sao sáng chiều tụng đọc, chiếu rọi lẫn nhau, ngõ hầu ba nghiệp thanh tịnh, một dạ thuần thành, chuyên dốc, hòng đấng sanh ra ta khỏi thẹn, hành vi trở thành mẫu mực cho cõi đời. Do vậy, thế pháp lẫn Phật pháp một bề cùng tu, thành tựu chính mình, thành tựu người khác, trọn chẳng sai biệt. Trước là kế thừa bậc thánh đời trước, sau là mở mang nếp học cho người sau, tán trợ quyền sanh trưởng, giáo hóa của [trời đất], giúp cho đất nước yên lành, đều do những lời lẽ tầm thường, hành vi tầm thường ấy mà đạt được! Nếu bỏ đi những điều này

chẳng thực hành, cầu lấy pháp huyền diệu nào khác, dẫu cho sở đắc lớn lao vẫn chỉ có thể lợi lạc cho hạng căn tánh nào đó mà thôi, huống chi là kẻ chuyên chuộng bàn xuông [mà hòng được lợi ích] ư?

28. Lời tựa cho bộ Giác Hậu Biên

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Khổng Tử nói: *"Tánh tương cận dã, tập tương viễn dã"* (Tánh thì gần giống như nhau, nhưng do rèn luyện mà thành khác xa nhau). Tánh chính là bản thể của Giác, Tập chính là công dụng của Giác. Tánh thì phàm - thánh, chúng sanh - Phật trọn chẳng khác nhau, nên nói *"tương cận"*, cũng giống như nói: *"Nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý"* (con người có cùng một cái tâm này, tâm có cùng một lý này). "Tập" thì có thuận tánh, nghịch tánh sai khác. Thuận theo tánh thì suy tư, nẩy sanh ý niệm, xử sự đều tự có thể nén giận, khắc chế được ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành. Cho đến khi nhân dục hết sạch, thiên lý thông suốt, sẽ khôi phục trọn vẹn giác tánh nơi bản thể, cho đến trở thành hiền thành thánh, vượt ra ngoài điều mong đợi lúc ban đầu. Người như thế gọi là Giác Giả. Người đã giác ngộ trước (tiên giác) đem điều chính mình đã giác để giác ngộ kẻ chưa giác, khiến cho họ đều cùng được giác, khiến cho những kẻ chưa giác sau đấy mỗi mỗi đều giống như bậc tiên giác vậy.

Đại pháp để kế thừa đời trước, mở mang cho đời sau, tham dự quyền sanh thành giáo hóa [của trời đất], duy trì thiên hạ hậu thế ấy cũng chính là nguyên do vì sao con người cùng với trời đất được xưng là Tam Tài vậy. Vì thế, Y Doãn nói: *"Dư thiên dân chi tiên giác giả dã, dư tương dĩ tư đạo giác tư dân dã, phi dư giác chi nhi thùy dã"* (Ta là người giác ngộ trước hết thảy nhân dân, ta phải đem cái đạo ấy để giác ngộ cho những người dân ấy. Chẳng phải là ta giác ngộ họ thì còn ai vào đây nữa?). Ông ta đã coi hết thảy nhân dân như thánh hiền, nhân dân nghe được lời lẽ ấy, ai chịu tự hạn cuộc trong phận ngu hèn, chẳng thể không sốt sắng tu trì để tiến thẳng vào địa vị thánh hiền ư? Tiếc cho đời sau chưa được bậc tiên giác chỉ dạy, thường mê chân, đuổi theo vọng, trái giác, xuôi trần, rong ruổi trong thanh, sắc, của cải, lợi lộc, đến nỗi đạo đức, nhân nghĩa đều bị bỏ lửng hết. Tuy cùng sẵn có giác tánh ấy, nhưng vì trái nghịch nên không những chẳng thể là hiền thánh, mà trái lại còn đọa xuống phận ngu tối, tầm thường, thành phường bạo loạn, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư?

Kinh Thư dạy: *"Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh"* (Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh) nên chẳng thể không miệt mài tìm tòi đạo hậu giác (giác ngộ cho người chưa giác)! Cư sĩ Chánh Định Vương Khắc Am là một vị ẩn sĩ vào đời Thanh xưa kia, do cõi đời đang trong thuở Mạt, khó thể thân cận thánh hiền, không thể do đâu mà bắt chước theo khuôn phép được, hạng

người bình thường lại chẳng thể lãnh hội những lời lẽ trong sáu kinh, Luận Ngữ, Mạnh Tử. Do vậy, bèn chọn lọc những lời dạy trong Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Công Quá Cách… và những lời lẽ tốt lành về hiếu thảo cha mẹ, kính trọng bậc trưởng thượng, giữ thân, xử thế, sửa lỗi hướng thiện từ những trước tác của những bậc hiền triết xưa nay, biên soạn thành một tập sách, tổng cộng gồm mười bốn môn. Đầu tiên là Minh Tông (nêu rõ tông chỉ), sao lục ba thứ cảm ứng để làm tổng cương (cương lãnh tổng quát), mỗi môn sau đó đều nhằm nêu tỏ ý nghĩa "những khuôn phép nên tuân theo, những điều nên răn dè" thuộc về ba thứ cảm ứng ấy.

Nếu người đời sau đọc được cuốn sách này [sẽ giống như] giở cái lưới lên, mọi mắt lưới đều căng ra, gốc đã lập đạo bèn sanh, phàm mỗi lời nói, mỗi hành động không gì chẳng theo đúng khuôn khổ. Giống như vàng lỏng đổ vào cái khuôn tốt đẹp, lẽ đương nhiên phải trở thành món vật đàng hoàng; như giống lúa tốt được đẫm mưa ngọt, chắc chắn mùa màng bội thu. Thiện quả thế gian đã đạt được thì ai chịu vạch đất tự hạn chế, chẳng chịu chăm chú tu trì pháp môn Tịnh Độ để mong chứng trọn vẹn giác tánh ấy, để trở thành vô thượng đại giác trong thế gian lẫn xuất thế gian ư? Em ông ta là Lôi Hạ tính lưu truyền sách này, đưa cho tôi xem. Do vậy bèn quyên mộ tiền bạc ấn loát để lưu truyền rộng rãi. Người có duyên gặp được hãy nên đọc kỹ, nghĩ chín, đừng để luống qua thì may mắn lắm thay!

29. Lời tựa sách Học Phật Thiển Thuyết

(năm Dân Quốc 13 - 1924)

Phật pháp rộng sâu như biển cả, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu tột nguồn đáy. Chín pháp giới kia dù thánh - phàm, lợi - độn khác nhau, ai nấy đều tùy theo khả năng của chính mình để tu tập hòng chứng nhập. Ví như Tu La, hương tượng[68] và muỗi mòng uống nước biển cả, mỗi loài uống no bụng rồi đi. Nếu muốn một hơi hút cạn hết, trừ phi là kẻ có dung lượng bằng biển cả mới làm được. Nếu không, chỉ có thể đích thân nếm vị nước biển, chưa dễ gì thấu tột nguồn đáy được! Nhưng Phật pháp chính là pháp sẵn có trong tâm của hết thảy chúng sanh, ngoài cái tâm của chúng sanh ra, trọn chẳng có pháp nào thêm vào được vì bản thể của tâm hết thảy chúng sanh và tâm Phật chẳng hai! Nhưng do mê muội chưa ngộ, bèn khởi Hoặc tạo nghiệp, theo nghiệp chịu khổ, đến nỗi trí huệ đức tướng sẵn có nơi cái tâm ấy bị phiền não, ác nghiệp che lấp giống như mây phủ kín mặt trăng, chẳng thấy được

[68] Hương tượng (Gandha-hastin) là một loài voi lớn thân có mùi thơm nồng gắt thường tỏa mùi rất hăng trong thời kỳ nó động dục. Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận, quyển 30 chép: *"Trong thời kỳ ấy, hương tượng rất mạnh, tánh chất cực hung bạo, khó thể chế ngự, sức của nó mạnh bằng mười con voi thường"*. Vì loài voi này rất mạnh có thể vượt sông dễ dàng, nên kinh thường dùng hình ảnh *"hương tượng độ hà"* (voi thơm vượt sông) để chỉ bậc đại căn đại lực có thể dũng mãnh thoát dòng sanh tử.

tướng sáng. Tuy chẳng thấy được tướng sáng, nhưng tướng sáng của mặt trăng vẫn tự thường chẳng biến đổi, trọn chẳng bị giảm suy. Do vậy, đức Như Lai khởi lòng Từ vô duyên, vận lòng Bi đồng thể, tùy thuận cơ nghi thuyết pháp. Tuy tùy theo căn cơ đặt ra Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, đủ mọi thứ sai khác, nhưng bổn ý của đức Phật không lúc nào chẳng nhằm làm cho hết thảy chúng sanh đều trái trần hiệp giác, bỏ mê về với ngộ, thoát khỏi sanh tử huyễn vọng, thành tựu Phật đạo vốn sẵn có mới thôi!

Do chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng chưa dễ gì tiêu trừ, nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ tín nguyện niệm Phật để hết thảy dù phàm hay thánh, dù ngu hay trí, đều cùng nương vào hoằng thệ nguyện lực của đức Di Đà vãng sanh Tây Phương hòng khôi phục tâm tánh sẵn có, thành vô thượng Bồ Đề dễ dàng. Từ khi Phật pháp được truyền vào Chấn Đán (Trung Hoa), hơn một ngàn tám trăm năm qua, phàm là bậc vua thánh, tôi hiền, vĩ nhân, danh sĩ, không ai chẳng tuân phụng lời Phật dặn dò mà hộ trì, lưu truyền, bởi lẽ Phật pháp tuy thuộc pháp xuất thế, nhưng tất cả đạo xử thế trong cõi đời đều được bao gồm chẳng sót. Phàm những gì Phật pháp đã nói về cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành đều chẳng khác gì với những điều thánh nhân thế gian đã nói. Thánh nhân thế gian chỉ dạy dỗ con người trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, còn đức Phật dạy rõ báo ứng thiện - ác của việc trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận và không trọn hết tình nghĩa, không trọn hết bổn phận. Trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận thì chỉ có thể dạy bậc thượng trí; còn nếu là kẻ bẩm tánh ương bướng, kém cỏi, nếu không giả vờ làm, ắt sẽ chống trái. Nếu biết báo ứng thiện - ác thì muốn làm lành ắt sẽ gắng sức, muốn làm ác ắt chẳng dám làm. Đối với những pháp nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Như Lai đã nói, kẻ sâu sắc sẽ thấy là sâu sắc, kẻ nông cạn sẽ thấy là nông cạn. Dùng những pháp ấy để tu tâm sẽ có thể đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử. Dùng những pháp ấy để giữ yên cõi đời sẽ thắng được tàn bạo, bỏ được giết chóc, bỏ sự bạc ác trở thành thuần lương. Gần đây, thế đạo nhân tâm suy hãm đã đến cực điểm, đua nhau đề xướng cách thức mới, vứt bỏ đường lối cũ. Ngay như cả mối quan hệ cha - con, vợ - chồng họ còn muốn đạp đổ, huống chi những mối quan hệ nhỏ hơn ư?

Vì thế, thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống! Những người có tâm lo cho thế đạo muốn cứu vãn, đều khuyên khắp mọi người nghiên cứu Phật học, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, từ một truyền mười, từ mười truyền trăm, cho đến ngàn, đến vạn, không ai chẳng ngả theo chiều gió mong sao thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Đây quả thật là pháp luân căn bản để dứt đời loạn, vãn hồi vận nguy, uốn nắn thế đạo lòng người vậy. Đang trong thời này, nếu chẳng dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để dạy dỗ, dù thánh hiền đều cùng xuất hiện trong cõi đời

cũng chẳng biết phải làm như thế nào! Nếu chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để tu, dẫu là kẻ thiên tư cao thượng cũng khó lòng đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử!

Cư sĩ Vương Bác Khiêm túc căn sâu dầy, tâm cứu đời tha thiết, lại còn là chủ bút một tờ báo, nắm mấu chốt thao túng ngôn luận, muốn khiến cho mọi người cùng hàng đều cùng học Phật. Do kinh luận, trước thuật Phật giáo văn sâu nghĩa thẳm, dẫu là văn nhân sẵn đủ trí huệ nghiên cứu lâu ngày vẫn khó thể hiểu được mấu chốt để bước vào chỗ sâu thẳm, huống hồ ngu phu ngu phụ ư? Do vậy, ông ta đem những lý chính mình đã thấy soạn thành Học Phật Thiển Thuyết (những lời bàn nông cạn về sự học Phật) gồm hai mươi thiên, nhất loạt dùng những chữ nghĩa thông tục, nhưng những lời lẽ ấy vốn đều xuất phát từ kinh luận của Phật, Tổ, chẳng qua mượn lối văn đơn sơ, rõ ràng để trình bày, mong sao người nhã kẻ tục cùng xem, trí hay ngu đều thấu hiểu vậy! Do Quang hình tích tuy khác, nhưng chí đạo vốn đồng, [ông Bác Khiêm] đã trống lòng hỏi xuống[69], đem bản thảo gởi cho xem, lầm lạc cậy Quang giám định, sửa chữa để tiện lưu truyền. Do vậy bèn đọc kỹ càng, khôn ngăn hoan hỷ, bày tỏ nỗi lòng ngu độn để tỏ sự đồng ý. Nguyện khắp những người đọc đều sanh lòng tin, bao nhiêu lợi ích sẽ tự chứng biết.

30. Lời tựa lưu thông cho bản in gộp chung hai sách Phật Tổ Tâm Đăng và Thiền Tịnh Song Úc

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Tâm đăng của Phật - Tổ thường luôn sáng ngời. Lý tột cùng Thiền -Tịnh tràn ngập pháp giới, ai nấy đều sẵn có, cần chi phải tán dương? Do vì kẻ chưa hiểu rõ mà phải ghi chú tỉ mỉ bên dưới! Kinh Phạm Võng dạy: *"Hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh"*. Lại nói: *"Ngươi là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành"*. Trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ Tát trông thấy tứ chúng đều lễ bái thưa: *"Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật"*. Trong hội Hoa Nghiêm, khi đức Như Lai thành Đẳng Chánh Giác, than rằng: *"Lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí sẽ được hiện tiền"*. Do vậy biết chúng sanh về bản thể là Phật, nhưng vì mê muội nên chưa ngộ, hoặc ngộ nhưng chưa chứng, nên chẳng thể tránh khỏi vẫn là chúng sanh!

Pháp khiến cho họ được ngộ, không chi hơn tham Thiền, tức [tham cứu] điều thường được gọi là *"thấy được bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra"* nhằm dạy con người hướng về lúc trước khi dấy lên ý niệm để đích thân thấy được chủ nhân ông. Nếu có thể thấy triệt để thì gọi là Ngộ; nhưng phiền

---

[69] Nguyên văn là "hạ vấn": Một cách nói khiêm tốn, ngụ ý chính mình ngu hèn, tối tăm, ý kiến không ra gì, hiểu biết thua xa người ta, nhưng người ta vẫn khoan dung, rộng lòng hỏi đến.

não chưa đoạn thì vẫn chẳng thể thoát khỏi luân hồi y như cũ! Nếu có thể đoạn hết sạch Phiền Hoặc thế gian thì mới vượt khỏi được ba cõi. Do vậy, biết rằng Chứng là chuyện lớn lao, chẳng dễ dàng gì! Vì thế, chẳng thể không nương vào tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để mong cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh! Suy nghĩ chín chắn nghĩa này, sẽ biết Như Lai đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ chẳng phải chỉ để tiếp dẫn riêng hạng hành nhân tầm thường mà thật ra còn nhằm bảo vệ những người đã có ngộ chứng trong Tông, trong Giáo, nhưng chưa đạt đến mức "phàm tình lẫn thánh kiến đều bất khả đắc".

Phiền Hoặc hết sạch đương nhiên sẽ giải thoát. Người đã ngộ đã chứng nhưng chưa đạt đến mức cùng cực, nếu không có pháp môn Tịnh Độ che chở, nhiếp trì thì những hành nhân ấy lại phải thọ sanh, kẻ bị chìm đắm thì nhiều mà kẻ tấn tu thật ít! Cảm ân đức của Phật khiến con người khôn ngăn nghẹn ngào ứa lệ! Đại sư Liễu Nhiên túc căn sâu dầy, từ lúc mới xuất gia bèn dốc chí nơi Tông thừa, nhọc nhằn tận lực tham cứu, lãnh hội được chỗ chỉ quy. Do những bài kệ của Thất Phật[70] và ba mươi ba vị Tổ[71] của Tây Trúc, Đông Chấn (Trung Hoa) văn sâu nghĩa thẳm, thật khó thể lãnh hội, Sư bèn chú thích rõ ràng, thêm vào một vài câu chữ khiến ý nghĩa càng được sáng tỏ, bèn đặt tên là Phật Tổ Tâm Đăng.

Tiếp đó, Sư vân du các phương, nghiên cứu cùng tột kinh luận, mới biết pháp môn Tịnh Độ quả thật là biển pháp rất sâu để chư Phật, chư Tổ tự lợi, lợi người rốt ráo, hết thảy các pháp, không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp này, không pháp nào chẳng quy hoàn pháp này. Do vậy, sanh lòng tin chân thật, tận lực tu trì để mong được vãng sanh ngay trong đời này hòng thỏa ý nguyện ban đầu, lúc nhàn hạ bèn nêu tỏ những lý cốt yếu của Thiền và Tịnh, lời lẽ đích xác, thiết thực, khiến người khác tỉnh ngộ sâu xa, đặt tên Thiền Tịnh Song Úc (Thiền và Tịnh cùng ra công gắng sức).

Tuy đề xướng Thiền Tông, nhưng thật ra chú trọng Tịnh Độ ngõ hầu người đã ngộ chứng lẫn kẻ chưa ngộ chứng đều cùng được liễu thoát ngay

---

[70] Thất Phật là Tỳ Bà Thi Phật, Thi Khí Phật, Tỳ Xá Phù Phật, Câu Lưu Tôn Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật. Sáu vị trước đều là những vị Phật tại thế giới Sa Bà trong quá khứ. Những bài kệ truyền pháp của các vị Phật này được chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục.

[71] Ba mươi ba vị Tổ là những tổ sư nhà Thiền, theo truyền thống Thiền Tông Trung Hoa gồm 28 vị Tổ Ấn Độ và sáu vị tổ Trung Hoa (tổ Đạt Ma được kể là tổ 28 của Thiền Tông Ấn Độ, đồng thời là sơ tổ Thiền Tông Trung Hoa) gồm: 1) Ma Ha Ca Diếp 2) A Nan 3) Thương Na Hòa Tu 4) Ưu Ba Cúc Đa 5) Đề Đa Ca 6) Di Già Ca 7) Bà Tu Mật 8) Phật Đà Nan Đề 9) Phục Đà Mật Đa 10) Hiếp tôn giả (vị này do chưa bao giờ đặt lưng nằm xuống giường nên có tên như vậy) 11) Phú Na Dạ Xa 12) Mã Minh Bồ Tát 13) Ca Tỳ Ma La 14) Long Thọ Bồ Tát 15) Ca Na Đề Bà 16) La Hầu La Đa 17) Tăng Già Nan Đề 18) Già Da Xá Đa 19) Cưu Ma La Đa 20) Xà Dạ Đa 21) Bà Tu Bàn Đậu 22) Ma Noa La 23) Hạc Lặc Na 24) Sư Tử 25) Bà Xá Tư Đa 26) Bất Như Mật Đa 27) Bát Nhã Đa La 28) Bồ Đề Đạt Ma 29) Huệ Khả 30) Tăng Xán 31) Đạo Tín 32) Hoằng Nhẫn và 33) Huệ Năng.

trong đời này. Bạn của Sư là đại sư Đức Sâm muốn ấn hành lưu truyền, cậy tôi thẩm định và thuật những ý nghĩa cốt yếu; do vậy, bèn thâu tóm những ý nghĩa quan trọng để giãi bày. Điều đáng tiếc là văn tự lẫn ý nghĩa [của hai cuốn sách ấy] hơi sâu, kẻ sơ cơ thông thường chưa thể vừa đọc đã hiểu rõ được ngay, nhưng sách tiếp dẫn kẻ sơ cơ rất nhiều, nên điều này vẫn chưa phải là điều đáng ân hận vậy. Tuy thế, sách này cũng có thể khiến cho kẻ tham thiền nhưng chưa ngộ chứng sẽ có được đạo để hoàn tất ngay trong đời này, có ích cho kẻ tu Thiền lớn lắm. Nguyện những ai thấy nghe đều cùng sanh lòng tin tưởng.

31. Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Tề Chú

(Bài tụng vỡ lòng cho trẻ bằng thể loại ba chữ nhằm hướng dẫn về cái học chánh đáng với lời chú giải của ông Tề Dụng Tu)
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, thánh - phàm như một. Thánh nhân đạo Nho đạo Thích là những bậc đã thấu hiểu "tâm của chúng ta giống hệt như nhau" trước hết, thương xót chúng sanh vì mê hoặc nên chưa ngộ được [lý ấy], chưa thụ dụng được. Do vậy, mỗi vị đều lưu lại ngôn giáo để dẫn dắt, khơi gợi, mong sao ai nấy đều đích thân chứng được lý đó. Lại còn dùng tiên giác để giác kẻ hậu giác. Nhưng đạo Nho chú trọng cách xử thế nên chú trọng giảng về luân thường, đối với lý tột bực về tâm tánh bất quá chỉ trình bày đại lược đầu mối mà thôi! Nếu có thể nghiên cứu Phật học đến tột cùng, hễ có sở ngộ, lãnh hội thì ngay trong luân thường xử sự hằng ngày sẽ không một điều nào chẳng thấm đẫm Nhất Chân, đâu đâu cũng gặp nguồn. Vì thế, xưa nay những vị lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng tinh trung chói lòa nhật nguyệt, hạo khí lấp trời đất, phần nhiều là do học Phật đắc lực mà ra. Đó gọi là *"chẳng biết đến Phật pháp sẽ không thể nào biết đạo Nho được!"* Chẳng biết đến cái hay của pháp xuất thế sẽ không có cách nào xử thế trọn vẹn được!

Đạo Thích đặt nặng xuất thế; vì vậy, toàn bộ luân thường thế gian và lẽ tột bực về tâm tánh mỗi mỗi đều nêu tỏ đến triệt để, tùy theo căn cơ mà lập giáo, đối bệnh phát thuốc, ngõ hầu hết thảy chúng sanh ai nấy tùy theo cơ nghi đều được lợi ích thật sự. Do đấy, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, mỗi mỗi đều dạy về nhân đời trước, quả hiện tại, nhân hiện tại, quả đời sau, khiến cho con người có muốn làm ác cũng chẳng dám, không muốn làm điều thiện cũng không thể được! Nếu ai nấy đều biết nghĩa này, há luân thường chẳng được chỉnh đốn, thiên hạ thái bình ư? Phật pháp dạy về Nhân Thừa, Thiên Thừa mà hiệu quả còn được như thế ấy, nếu lại xét đến lợi ích của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật Thừa, há còn có thể suy lường được ư?

Điều đáng tiếc là Tống Nho hẹp lượng! Do học Phật pháp, họ hiểu được tâm pháp của thánh nhân, nhưng muốn suy tôn Nho giáo bèn ngược ngạo bài bác Phật pháp. Thật ra, về căn bản, họ bài bác là vì muốn cho con người thành ý chánh tâm, trọn hết tình nghĩa, bổn phận; nhưng nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là thật lý, thật sự trong thiên hạ xưa nay. Nếu con người biết điều này, há có dám trái tâm nghịch lý để chuốc lấy tội lệ đến nỗi tương lai bị đọa vào chỗ chẳng vừa ý, ắt sẽ tự nhiên chánh tâm, thành ý, trọn hết tình nghĩa, bổn phận! Tống Nho nói: "Phật dùng nhân quả báo ứng, luân hồi sanh tử để dụ dỗ, mê hoặc kẻ ngu tục, chẳng biết con người do bẩm thụ khí trời đất mà sanh, đến khi đã chết rồi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dẫu có hình phạt, lấy gì để thi thố đây?" Họ lầm lạc tưởng chết đi là diệt mất vĩnh viễn, trở thành đại tà kiến. Từ một truyền ra nhiều, di hại cho đời sau, rất trái nghịch đạo *"nguyên thủy phản chung, cố tri sanh tử chi thuyết*[72]*"* (truy xét đến tận nguồn gốc ban đầu cho nên hiểu được lời nói về sanh tử) và ý nghĩa *"tinh khí vi vật, du hồn vi biến, cố tri quỷ thần chi tình trạng*[73]*"* (tinh khí là vật, du hồn biến đổi; từ đó biết được tình trạng của quỷ thần) của thánh nhân. Do vậy, phường gian tà dám làm ác, vì hễ chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả, sao còn khư khư giữ chừng mực, chịu đựng ràng buộc, đến nỗi uổng công nhọc nhằn cả đời, sao không buông lung tình ý, mặc lòng thích gì cứ làm để hưởng hạnh phúc tự do tự tại ư? Do đấy, thiện không có gì để khuyên, ác chẳng có gì để phạt, đây - kia bắt chước nhau đến nỗi trở thành hiện tượng phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường. Trong ý bọn họ (tức bọn Tống Nho), cứ sợ đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, con người đa số sẽ theo về đạo Phật, nên mới đặc biệt xướng ra chuyện bài xích để ngăn chặn hòng con người không cách

---

[72] *"Nguyên thủy phản chung"*: Phản là suy ngược lại, tìm đến tận cội nguồn. Pháp sư Nguyệt Khê giảng: *"Nguyên thủy phản chung là truy ngược lại cái nguồn để biết sanh ra từ đâu, quay ngược lại xem xét chỗ kết thúc để biết vì sao chết"*. Giáo sư Cái Kiến Dân lại giảng *"nguyên thủy phản chung"* là truy xét đến tận nguồn gốc sự vật từ ban đầu cho đến kết thúc. Tổng hợp hai cách giải thích này thì *"nguyên thủy phản chung"* là cách suy luận dựa trên tình trạng nguyên sơ của sự vật và tình trạng lúc chung cục của chúng để quy nạp lại mà phán đoán, nhận định.

[73] Theo chương Nội Nghiệp trong sách Quản Tử thì *"tinh khí"* phải hiểu là "hồn thần". Trịnh Huyền giảng câu *"Tinh khí vi vật, du hồn vi biến"* như sau: *"Tinh khí là thần, du hồn là quỷ"*. Tức là: Quỷ thần là hình thái do tinh khí biến hóa ra. Sách Lễ Ký cũng giảng: *"Thể phách tụ xuống đất thành quỷ, bốc lên không thành thần. Những thứ này có tri giác, hưởng thụ nhân gian cúng tế"*. Hàn Khang Bạch đời Tấn còn đi xa hơn, chú giải rằng: *"Khí tụ lại hiển hiện thành vật chất là Thần, phân tán, ẩn kín thì gọi là Hồn"*. Trang Tử, Liệt Tử đều cho rằng Tinh Khí phải hiểu là hình hài thể chất (do đó về sau Đạo Gia chủ trương con người gồm ba phần là Tinh - Khí - Thần), còn du hồn (linh hồn lãng đãng vô định) chính là tinh thần. Nói cách khác, đạo Nho, đạo Lão thừa nhận con người gồm hai phần là tinh thần và vật chất, vật chất (tức thể xác) có biến đổi, hư hoại, nhưng tinh thần còn tồn tại. Thế mà Tống Nho lại chủ trương con người chết đi, thể xác đã diệt mất, thần hồn cũng phiêu tán, không còn đời sau nữa!

nào tiến nhập đạo Phật được, ngõ hầu Nho Giáo hưng thịnh, vĩnh viễn không bị suy sụp. Nào biết là ngược lại khiến cho đạo thánh nhân do vậy bị diệt mất, chẳng đáng buồn ư?

Cư sĩ Giang Dịch Viên[74] ở Vụ Nguyên xưa đã trồng cội đức, phẩm đức cao cả, học vấn ưu tú, thoạt đầu chuyên đề cao Trình - Châu, chẳng biết Phật là người như thế nào; về sau, do đã từng trải sâu xa, tri kiến câu nệ dần dần tiêu tan, thử đọc kinh Phật mới biết giống như lên non Thái, nhìn khắp bốn phương, tâm thần thông suốt, vui sướng không chi ví được, mới biết tiên Nho do tri kiến môn đình khiến cho hậu thế chẳng được hưởng lợi ích nơi pháp, đau tiếc khôn cầm. Vì thế, ẩn cư ở quê nhà, noi theo tu trì; người trong cả làng đều được ông giáo hóa. Lại mong khơi gợi, dẫn dắt cho thế hệ tương lai, mong sao họ được hưởng lợi ích thật sự. Do vậy bèn soạn bài tụng [mỗi câu gồm] ba chữ, lược thuật ý chỉ lớn lao vì sao Nho, Phật lập giáo giác ngộ cõi đời và những nét chánh về [hành trạng] của chư tử[75] trong lịch sử, ngõ hầu người học chẳng bị lầm lạc bởi những lời lẽ mang tính chất môn đình

---

[74] Giang Dịch Viên (1876-1942), tên thật là Giang Khiêm, hiệu Dương Phục, người huyện Vụ Nguyên, tỉnh An Huy, vốn thuộc dòng danh sĩ (ông là hậu duệ của học giả Giang Thận Tu). Dịch Viên nổi tiếng thông minh từ nhỏ, năm mười ba tuổi đã biết làm thơ văn, đậu được danh hiệu Bác Sĩ Đệ Tử Viên trong khóa thi Đồng Tử năm mười bảy tuổi. Năm Quang Tự 28 (1902), bỏ thi cử theo lề lối cũ, Trương Quý Trực ở Nam Thông bèn mở trường Sư Phạm, mời Dịch Viên cộng tác, giữ chức Hiệu Trưởng. Ông cực lực áp dụng thuyết "tri hành hợp nhất" của Vương Dương Minh vào đường lối giáo dục trong nhà trường. Vào đời Tuyên Thống, khi bộ Học lập ra phân cục thống nhất Quốc Ngữ, do biết Dịch Viên tinh thông về ngôn ngữ học đã cung thỉnh ông làm Cục Trưởng. Ông đã nghiên cứu đưa ra đề nghị rất có giá trị về cách dùng phù hiệu để ghi âm tiếng Hán. Ông từng đảm nhiệm các chức vụ hội trưởng hội giáo dục tỉnh An Huy, nghị viên hội đồng tỉnh An Huy v.v… Năm Dân Quốc thứ ba (1914), ông được cử làm trưởng ty giáo dục tỉnh An Huy, rồi được đưa về làm hiệu trưởng trường Cao Đẳng Sư Phạm Nam Kinh, lần lượt giữ nhiều địa vị danh giá trong giới giáo dục. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), trong khi dưỡng bệnh, ông đã đọc bản Vô Lượng Thọ Kinh do Bành Thiệu Thăng biên tập và Luận Khởi Tín, sanh lòng tin sâu xa, quy mạng Di Đà, nhất tâm niệm Phật, không thuốc thang mà bệnh tự lành. Do vậy, năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông từ bỏ mọi chức vụ, chuyên tâm học Phật, giao du mật thiết với các vị đại lão đương thời như Đế Nhàn, Ấn Quang v.v… nghiên cứu rộng khắp kinh tạng. Ông sáng lập Phật Quang Xã ở làng Giang Loan thuộc huyện Vụ Nguyên để đề xướng Tịnh tông. Năm Dân Quốc 12 (1923), ông Giang đến Thượng Hải, gặp được pháp sư Hoằng Nhất và cư sĩ Vưu Tích Âm đang họp nhau ở đó cùng nhau soạn bài văn Công Đức In Kinh Tạo Tượng. Ngài Hoằng Nhất khuyên Dịch Viên nên đọc bộ Linh Phong Tông Luận. Đọc xong, Dịch Viên vô cùng ngưỡng mộ tổ Ngẫu Ích nên đã đề xướng sáng lập Linh Phong Học Xã với mục đích nghiên cứu Nho giáo lẫn Phật giáo. Tiếc rằng ông ta quá say mê cầu cơ nên về sau này đã có nhiều luận thuyết khiên cưỡng, thậm chí pha tạp những tà thuyết của cầu cơ vào trong các tác phẩm của mình cũng như nghiên cứu Phật pháp chưa chuyên tinh, thường ỷ vào trí thông minh để tự diễn giải Phật pháp theo ý riêng. Vì thế, tuy trước tác khá nhiều, các tác phẩm diễn giảng Phật pháp của ông không được những vị tôn túc thời ấy coi trọng.

[75] Các vị triết gia của cổ Trung Hoa, sống vào thời Xuân Thu Chiến Quốc như Mạnh Tử, Tuân Tử, Cáo Tử, Liệt Tử v.v…

của người xưa, để đều cùng trọn hết luân thường học Nho, tận hết tánh học Phật, lo toan cõi đời hay xuất thế đều gộp thành một việc. Sáng tỏ Minh Đức để ở yên nơi chí thiện, không trụ vào đâu mà sanh tâm, chẳng chấp một pháp nào, tu trọn các điều lành, vĩnh viễn lìa khỏi bốn tướng, phô trọn vạn đức, chứng pháp sẵn có trong tâm ta, kế tục đạo Như Lai đã đắc, xa là thỏa thích bổn hoài của tiên thánh, gần là bù đắp cho lỗi lầm của Tống Nho. Công đức ấy thật chẳng cạn cợt!

Môn hạ của ông ta là Tề Dụng Tu lại chú giải [bài tụng ấy] để người đọc vừa xem liền hiểu rõ. Cư sĩ Lý Viên Tịnh đặc biệt cho ấn hành, cậy tôi viết lời tựa, ngõ hầu lưu truyền rộng rãi. Do vậy, chẳng nài kém cỏi, trình bày đại lược. Nguyện những vị phụ huynh và những người mang chức trách giáo dục hãy bảo con em cùng đọc tụng sách này thì sẽ biết dù Nho hay Thích đều trọn chẳng phải là hai đạo, lo toan cõi đời hay xuất thế vốn là một pháp. Nhân quả tỏ thì tâm tánh tự ngộ, luân thường rành mạch, thiên hạ thái bình, lẽ tất nhiên là như thế ấy! Người sáng mắt chớ nghĩ lời tôi là viễn vông vậy!

32. Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Du Chú

(năm Dân Quốc 27 - 1938. Khi soạn hai bài tựa này, vẫn chưa biết nhóm Giang cư sĩ đã chìm đắm quá sâu vào chuyện 'mâm cát bút gỗ' (cầu cơ))

Lòng người suy hãm, chánh đạo khó nghe lắm thay! Con người tánh vốn lành, sẵn có Minh Đức, nhưng vì không có người chỉ dạy nên tối tăm chẳng biết. Nhưng có kẻ được chỉ dạy càng thêm mê muội, đến nỗi suốt cả đời chẳng được nghe chánh đạo. Vì thế, Khổng Tử nói: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!"* (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được), đủ thấy cõi đời kẻ sống uổng chết phí nhiều lắm thay! Ấy là vì đạo ở gần lại cầu nơi xa, sự tuy dễ mà cầu nơi khó. Kẻ giảng giải đạo học toan làm sáng tỏ đạo của thánh nhân, lại ngược ngạo làm cho tâm thánh nhân bị tối tăm che lấp là vì chẳng khởi sự từ cội rễ, cứ dốc sức nơi nhánh ngọn, lại còn tưởng cội rễ là nhánh ngọn, tưởng nhánh ngọn là cội rễ. Tuy muốn thành ý chánh tâm, nhưng chẳng chú trọng trừ sạch món vật tư dục trong tâm thì cái tâm này đã bị món vật tư dục che lấp, nên tri kiến đều lấy tư dục trong tâm làm chuẩn mức. Như kẻ yêu vợ thương con, dù vợ con tồi tệ đến đâu đi nữa vẫn cứ cảm thấy là tốt, trọn chẳng biết là tồi tệ. Do tâm chìm đắm trong tình yêu thì sẽ không có chánh tri chánh kiến. Nếu trừ sạch được tư dục yêu thương thì vợ con tốt hay xấu sẽ như gương hiện bóng, tốt - xấu thấy ngay lập tức.

Tư dục đã không có thì chân tri sẽ tự hiện, ý chẳng mong thành mà tự thành, tâm chẳng mong chánh mà tự chánh, thân chẳng mong tu mà tự tu! Tri chính là Minh Đức, "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân" chính là công phu để làm sáng tỏ Minh Đức vậy. Đầy đủ năm điều này thì Minh

Đức sẽ sáng tỏ, sau đấy sẽ chú trọng tề gia, trị quốc cho đến thân dân[76] để ở yên nơi chí thiện vậy. Sự lý nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch cũng như Sử Ký, Hán Thư đều đã có ghi, chẳng qua chưa thể nói tường tận nguyên do đấy thôi! Có những chuyện ấy thì kẻ [căn cơ] hạng trung hạng hạ biết *"làm lành sẽ được điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành, tai ương sẽ giáng xuống"*. Đã có những điều mong mỏi, hâm mộ, có những điều sợ hãi [như vậy] thì chẳng muốn "thành ý chánh tâm, mong mỏi thiện báo" cũng không thể được, vì sợ ác báo mà chẳng dám làm [chuyện ác]. Nay có kẻ cho rằng "sự lý nhân quả luân hồi ấy chính là do đức Phật bịa ra để gạt gẫm ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy". Lại còn cho rằng: "Con người chết đi thần hồn diệt mất, còn ai để chịu hình phạt và thác sanh? Hễ chết sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu lẫn Kiệt đều chết sạch". Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, đến nỗi ùa nhau phế kinh điển, phế luân thường, thực hành biến con người thành loài thú, chẳng đáng buồn ư?

Cư sĩ Dịch Viên thoạt đầu chẳng biết Phật, cũng chẳng khỏi "người ta nói sao mình bảo vậy". Đến khi xem kinh Phật, mới biết trước kia sai lầm, bèn ngầm tu tại gia, người trong cả một làng đều được ông giáo hóa. Do muốn tạo sự hướng dẫn sáng suốt cho thiên hạ đời sau, bèn soạn bài tụng theo lối ba chữ để nêu rõ vì sao Phật là Phật, Khổng, Lão và Phật tuy giống nhau nhưng chẳng giống nhau, Phật và Khổng, Lão tuy khác nhau nhưng chẳng khác nhau. Do con người chưa xem kinh Phật thì không những chẳng biết Phật mà cũng chẳng biết Nho. Đã xem kinh Phật, mới thật sự biết Nho. Vừa xuất thế vừa lo toan cõi đời, vừa tiêu cực vừa tích cực. Tâm pháp nhà Nho, nhà Phật một mực thông suốt. Lại còn trình bày đại lược những điểm quan trọng trong lịch sử đạo học, ngõ hầu mở toang rào giậu, cùng trở về đại đồng. Môn nhân là Tề Dụng Tu đã đặc biệt soạn "tiên chú" (lời chú giải đại lược) để người đọc đều hiểu. Đến năm Dân Quốc 20 (1931), ấn hành lưu truyền trong đời, Quang từng viết lời tựa.

Nay môn nhân là Du Hữu Duy do thấy bản chú giải của ông Tề quá đại lược, kẻ chưa đọc kinh Phật và các sách vở Nho giáo sẽ khó thể thấu triệt, do vậy, bèn viện dẫn kinh luận để [diễn giải] thông suốt, lợi ích không thể kể xiết. Nếu chịu nghiên cứu, ắt mong thâm nhập, từ đấy tuân theo lời Khổng - Mạnh dạy để duy trì thế đạo, tu pháp của Như Lai để triệt chứng tự tâm, ắt sẽ tuân giữ lòng dè dặt kinh sợ tu trì "ba điều phản tỉnh"[77], vâng lãnh "bốn

[76] Theo Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích, chữ Thân trong "thân dân" đúng ra phải đọc là Tân vì thời cổ không phân biệt giữa chữ Thân và Tân. Theo sách ấy, "thân dân" là làm cho dân chúng ngày một đổi mới, tiến bộ không ngừng.

[77] Ba điều phản tỉnh: Trong Luận Ngữ, Tăng Tử đã nói: *"Ngô nhật tam tỉnh, hồ ngô thân vi nhân mưu nhi bất trung hồ? Dữ bằng hữu giao nhi bất tín hồ? Truyền bất tập hồ?"* Sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích giảng nghĩa câu này như sau: *"Ta hằng ngày ba lần phản tỉnh: Mưu tính công việc cho người khác, bản thân ta có tận hết sức hay không?*

điều đừng”[78], để chẳng thẹn vì phải ẩn giấu những điều nhỏ nhặt, Ngũ Uẩn rỗng rang, chẳng lập mảy trần, tịnh sáu căn, lìa trọn các tướng, đạt thẳng đến chỗ trở về chỗ “không có gì để đạt được” thì mới đắc Bồ Đề viên mãn, làm bậc trượng phu điều ngự, làm đạo sư cho trời người, đều do lấy những điều này làm nền tảng vậy!

33. Lời tựa cho bộ Tấn Liên Tông Sơ Tổ Lô Sơn Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Đại pháp của Như Lai bao trùm pháp giới, bao quát có - không, chỉ dạy chân tâm sẵn có, tỏ rõ diệu dụng tùy duyên. Tâm thể ấy chúng sanh và Phật giống hệt như nhau, phàm - thánh chẳng hai, chân thường bất biến, tịch chiếu viên dung. Do Phật chứng rốt ráo nên được Ngũ Uẩn đều là không, vượt khỏi các khổ, chẳng lập mảy trần, phô bày trọn vẹn vạn đức. Do chúng sanh triệt để mê nên đến nỗi mê chân đuổi theo vọng, trái giác, hiệp trần, luân hồi sanh tử, trọn không có lúc thoát ra. Do vậy, đức Như Lai tùy theo căn cơ của chúng sanh nói đủ mọi pháp khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, đích thân thấy được cha mẹ vốn có. Lần chéo áo tìm được hạt châu, liền được của báu vô tận nhà mình sẵn có. Bậc thượng căn cố nhiên được giải thoát, nhưng hàng trung - hạ vẫn trong luân hồi, nên đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ “vượt ngang ra khỏi tam giới”, khiến cho khắp các hạng trung - hạ nối gót bậc thượng căn. Lợi ích ấy không thể nào diễn tả được! Nghĩa này tuy phát xuất từ hội Phương Đẳng, nhưng thật ra đạo ấy bắt nguồn từ hội Hoa Nghiêm, chỉ vì phàm phu, tiểu thánh chẳng thể dự hội [Hoa Nghiêm] nên không có cách chi vâng nhận được. Trước khi kinh Hoa Nghiêm được truyền đến [Trung Quốc, pháp môn Tịnh Độ] thường bị coi là đạo phương tiện hay Tiểu Thừa. Sau khi phẩm [Phổ Hiền] Hạnh Nguyện đã được dịch ra rồi, mới biết đây là lời giảng chân thật về pháp thành Phật.

Viễn Công ở Lô Sơn xưa đã vâng lời Phật phó chúc, thừa nguyện tái lai. Chưa được thấy kinh Niết Bàn đã soạn luận Pháp Tánh Thường Trụ; chưa xem kinh Hoa Nghiêm đã xiển dương tông chỉ hướng dẫn về Cực Lạc, lập pháp ngầm hợp với các kinh, đạo thích hợp khắp ba căn, thông trên, thấu dưới, thỏa thích bổn hoài xuất thế của đức Như Lai, giải quyết trọn vẹn đại sự sanh tử của hàm thức. Nếu chẳng phải là bậc Đại Quyền thị hiện[79], làm

Chơi với bạn có giữ được chữ tín hay không? Thầy dạy dỗ có thực hiện, tập luyện được hay không?”

[78] Trong Luận Ngữ, Nhan Hồi hỏi về cách thực hiện lòng Nhân, Khổng Tử dạy: “*Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động”* (Điều phi lễ đừng nhìn, chuyện phi lễ đừng nghe, lời phi lễ đừng nói, chuyện phi lễ đừng làm). Câu nói này thường được biết đến với thành ngữ *“Nhan Hồi tứ vật”* (bốn điều đừng của Nhan Hồi).

[79] Đại Quyền: Có thể hiểu theo hai cách:

sao có thể dự đoán như vậy được? Vì thế, pháp sư La Thập nói: *"Kinh dạy: Trong đời Mạt sau này, phương Đông sẽ có vị Bồ Tát hộ pháp. Gắng lên nhân giả! Hãy khéo hoằng dương chuyện này"*. Tăng chúng Tây Vực đều nói đất Hán có bậc Khai Sĩ[80] Đại Thừa, liền hướng về phương Đông cúi lạy, dâng lòng lên rặng Lô Sơn. Tung tích thần lý chẳng thể lường được!

Xét ra Viễn Công, vào năm Giáp Thân tức năm Thái Nguyên thứ chín (384) đời Hiếu Vũ Đế nhà Đông Tấn mới đến Lô Sơn, trụ tại chùa Tây Lâm của đồng môn là pháp sư Huệ Vĩnh. Sau này, do người đến học đông đảo, Tây Lâm chật hẹp không chứa hết nổi, nên lại dựng chùa Đông Lâm. Lúc mới lo liệu, sơn thần hiển linh, gỗ rường tự đưa đến, Thứ Sử[81] Hoàn Y bèn đứng ra xây cất, đặt tên cho điện ấy là Thần Vận để biểu thị sự linh dị. Do vậy, bậc cao hiền Tăng - tục lũ lượt tìm đến. Đến ngày Hai Mươi Tám tháng Bảy năm Canh Dần (390), tức năm Thái Nguyên mười lăm, Sư cùng Tăng - tục một trăm hai mươi ba người kết xã niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Những người ấy lúc lâm chung đều ứng hiện tướng lành, đều được vãng sanh. Ấy là vì mọi người đều có trí huệ siêu quần bạt tụy, lại được Viễn Công chỉ dạy và được sức giùi mài, gọt giũa của các bạn nên đạt được lợi ích ấy. Đấy chính là những người kết xã đầu tiên. Nếu xét theo cả một đời Viễn Công, trong hơn ba mươi năm, những người được hưởng sự pháp hóa tu trì Tịnh nghiệp, đắc tam-muội lên liên bang kể sao cho xiết! Xét từ năm Giáp Thân tức năm Thái Nguyên thứ chín (384), Viễn Công đến Lô Sơn, về Tây vào ngày mồng Sáu tháng Tám năm Bính Thìn tức năm Nghĩa Hy 12 (416), suốt ba mươi hai năm không ra khỏi núi, chẳng dấn mình vào cõi tục. Những trước thuật hoằng dương pháp hóa, hộ trì Phật giáo của Ngài được chép đầy đủ trong Lô Sơn Tập. Trải bao cuộc biển dâu, thất lạc gần hết. May là trong những bộ Hoằng Minh Tập, Quảng Hoằng Minh Tập đều có sao lục khiến cho dấu thơm của cổ đức được truyền mãi mãi trong cõi đời.

---

1. Phật, Bồ Tát vì cứu vớt chúng sanh nên hiện ra đủ mọi thân hình sai khác, thậm chí thị hiện những hạnh Ngũ Nghịch, Thập Ác để hóa độ chúng sanh. Như Vy Đề Hy phu nhân và vua A Xà Thế đều là những bậc đại quyền thị hiện.
2. Riêng chỉ Đại Quyền Tu Lý Bồ Tát, còn gọi tắt là Đại Quyền Bồ Tát, là thần hộ pháp cho Thiền Tông Trung Hoa tại các vùng duyên hải thuộc tỉnh Chiết Giang, thường được coi là vị Bồ Tát bảo hộ cho những người đi biển.

Ở đây, chữ Đại Quyền được dùng theo nghĩa thứ nhất.

[80] Khai Sĩ là một cách dịch khác của chữ Bồ Tát. Khai có nghĩa là mở thấu hiểu thông đạt, chỉ dạy chánh đạo, dẫn dắt chúng sanh. Sách Thích Thị Yếu Lãm, quyển Thượng, viết: *"Trong kinh thường gọi Bồ Tát là Khai Sĩ, thời Phù Kiên nhà Tiền Tần thường phong tặng danh hiệu Khai Sĩ cho những vị Tăng có đức hạnh, thông suốt giáo lý"*.

[81] Thứ Sử là một chức quan được đặt ra từ đời Hán, tùy theo mỗi thời đại có nhiệm vụ quyền hạn khác nhau. Thời Hán chia toàn quốc thành mười ba châu, mỗi châu có một quan Thứ Sử. Chức vụ Thứ Sử khi ấy tương đương với chức Ngự Sử Trung Thừa đời Tần, đóng vai trò giám sát quan lại tại mỗi châu. Đến thời Ngụy - Tấn, chức Thứ Sử là quan cai trị đứng đầu một châu. Đến đời Tống, Thứ Sử quyền lực rất nhỏ, chỉ còn chuyên đảm nhiệm việc thuyên chuyển các quan võ trong một châu.

Thái Sử[82] Sa Kiện Am ở Như Cao đến tuổi già dốc lòng tin tưởng Phật pháp, chuyên tu Tịnh nghiệp, xem rộng khắp các sách, phàm những trước thuật Viễn Công và những bài truyện, tán, ký, tụng v.v… do người đời sau soạn ra đều sao lục đầy đủ, [tập hợp thành sách] đặt tựa đề là Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao, phân thành hai bộ Chánh Biên và Phụ Biên. Môn nhân là Hạng Trí Nguyên lại còn sao lục bổ sung, ủy thác Quang giảo chánh và ấn hành. Trộm nghĩ: Viễn Công là Liên Tông Sơ Tổ, sách ấy được lưu truyền rộng rãi người đọc sẽ có dấy lòng tu trì, nhưng do tài lực không đủ, trước hết bèn in một vạn bản để xướng suất, sau này sẽ có người kế tiếp liên tục in thì làm sao biết được con số. Người học đời sau do cuốn sách này đều biết cội nguồn của pháp môn Tịnh Độ, ắt đều gặp việc nhân chẳng chịu nhường, nối gót bậc tiên giác, cùng thoát khỏi Ngũ Trược, cùng lên chín phẩm sen. Vì thế, trước lúc sắp chữ, bèn lược thuật lai lịch. Còn như đạo đức, công nghiệp, văn chương, sự cảm thông của Viễn Công đã được chép đủ trong Chánh Biên và Phụ Biên của [Huệ Viễn Pháp Sư] Văn Sao, ở đây không cần rườm lời tường thuật nữa!

Cõi đời truyền tụng Viễn Công và mười tám vị cao hiền, một trăm hai mươi ba người kết xã. Trong số mười tám vị ấy, Viễn Công đứng đầu. Mười lăm người kia đa số là những vị kết xã đầu tiên. Nếu ngài Phật Đà Bạt Đà La vào năm Nghĩa Hy thứ hai (406) đời Tấn An Đế mới dự vào liên xã, tức là năm thứ mười bảy sau khi [Lô Sơn] kết xã. Ngài Phật Đà Da Xá dự vào liên xã trong năm Nghĩa Hy thứ mười (414) thì đấy là năm thứ hai mươi lăm sau khi [Lô Sơn] kết xã. Trong Bảo Vương Luận, pháp sư Phi Tích có nói Viễn Công nhận lãnh phép Niệm Phật tam-muội từ ngài Phật Đà Bạt Đà La xong bèn cùng những vị cao hiền Tăng - tục kết xã niệm Phật. Đấy chính là đề cao những vị Tăng Tây Trúc, nhưng chưa khảo cứu tường tận thời gian [ngài Phật Đà Bạt Đà La] dự vào Liên Xã vậy.

34. Lời tựa bộ Vệ Sinh Tập

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Giữa khoảng trời đất hoàn toàn là một khối nguyên khí thái hòa. Vì thế mưa gió đúng thời, lúa thóc chín rộ, các loài động thực vật đều được sanh trưởng. Nếu con người thấu hiểu, hành theo điều này cố nhiên chẳng thẹn

---

[82] Thái Sử là một chức quan đã có từ thời nhà Thương, đứng đầu cơ quan Thái Sử Liêu, tức cơ quan chuyên trách khởi thảo văn thư, chiếu chỉ, sách vở, thiên văn, lịch pháp, nghi thức tế lễ cho triều đình. Tư Mã Thiên từng đảm nhiệm chức vụ này nên những lời bàn của ông được ghi trong bộ Sử Ký đều mở đầu bằng từ ngữ *"Thái Sử Công viết"* (ông Thái Sử nói). Nhưng chức quan này ngày càng bị giảm vai trò quan trọng, đến đời Tấn trở đi chỉ đảm nhiệm việc tính toán lịch pháp. Đời Minh - Thanh, Thái Sử là một tên gọi khác của chức quan Hàn Lâm Biên Tu vì Hàn Lâm Viện đảm nhiệm việc biên soạn sử sách.

đứng chung với trời đất thành ba ngôi, xưng là Tam Tài. Từ đấy, sẽ tự bảo vệ, bảo vệ kẻ khác, cốt sao hết thảy hàm thức đều được sống yên ổn, cùng vui lẽ thiên chân. Đấy chẳng phải là "kế thừa đời trước, mở mang đời sau, dùng tiên giác để giác hậu giác, bù đắp cho chỗ thiếu sót của trời đất, giúp cho quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất" đó ư? Nhưng người đời do tham vui sướng bụng miệng, bắt lấy các loài vật bơi dưới nước, chạy trên đất, bay trên không để giết ăn, cốt sao thỏa thích bụng miệng mình, bảo vệ cái sanh mạng của ta, [như vậy thì] muốn cầu giữ gìn mạng sống lại đâm ra gặt phải kết quả trái ngược. Do sát sanh nên gây ảnh hưởng lớn lao đến thiên hòa, cảm lấy lệ khí (khí hung dữ, độc hại), đến nỗi những thiên tai như lụt lội, hạn hán, ôn dịch, sâu rầy v.v… Do kết quả của sát nghiệp, phát sanh những nhân họa (tai họa do con người gây ra) như đôi bên chiến tranh.

Xét đến nguyên do của những tai họa ấy, nói chung là do trong đời trước hay đời này đã sát sanh ăn thịt mà ra! Tai họa do ăn thịt cực kỳ khốc liệt! Không chỉ gây hại cho đời này mà còn gây lụy đến nhiều kiếp. Phàm những ai muốn tự bảo vệ cuộc sống của chính mình, không thể nào không bảo vệ cuộc sống của khắp hết thảy các loài dưới nước, trên hư không, trên mặt đất, vậy thay! Ăn thịt để bảo vệ mạng sống là chuyện lạ lùng quá sức! Do thói quen, cứ coi đó là thường. Như người Phi Châu giết người làm tiệc, người xứ ấy cứ điềm nhiên chẳng lấy gì làm lạ cả! Nghĩ lại thuở xưa thánh nhân ngự trên ngôi, [kinh Thư] đã chép: *"Điểu thú ngư miết hàm nhược"* (Chim, thú, cá, ba ba đều sống yên vui). *"Nhược"* nghĩa là thuận. *"Hàm nhược"* nghĩa là đều thuận theo thiên tánh của nó, chẳng mắc nỗi khổ giết hại và sợ hãi kinh hoàng chạy trốn. Đấy quả thật là nói đến hoài bão: *"Càn vi đại phụ, Khôn vi đại mẫu, dân ngô đồng bào, vật ngô dữ dã"* (Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt với ta, loài vật giống như ta vậy). Được như thế thì chẳng xứng là một vị bảo vệ cuộc sống lớn lao ư? Tiếc rằng những chuyên viên vệ sinh học[83] hiện thời cứ hại sanh mạng kẻ khác để bảo vệ cuộc sống của chính mình, rốt cuộc đời này, đời sau khổ báo vô cùng. Dê và người lần lượt xoay vần, mạnh - yếu lần lượt thay đổi vai trò đến tận đời vị lai cũng khó thể kết thúc được. Do vậy, những bậc bảo vệ sanh mạng lớn lao xưa nay đều đề xướng yêu thương loài vật, thực hành lòng Từ, kiêng giết, phóng sanh, trì trai, ăn chay, tín nguyện niệm Phật, quả thật là nghĩa cử bảo vệ sanh mạng rốt ráo, viên mãn đến tột bậc vậy.

---

[83] Vệ Sinh theo nghĩa gốc là bảo vệ tánh mạng, giữ cho thân thể khỏe mạnh. Khái niệm này được Đạo Gia diễn dịch như những phương pháp tập luyện hít thở (Đạo Dẫn), uống các thứ thuốc, không nhổ nước miếng v.v… để được trường thọ, không bệnh tật. Về sau, Vệ Sinh được hiểu theo nghĩa rộng là những phương pháp giữ gìn sức khỏe, kể cả những phương pháp dinh dưỡng và thậm chí Bộ Y Tế cũng được gọi là Vệ Sinh Bộ. Ở đây, Tổ nói đến quan điểm dinh dưỡng của Tây Phương, phải ăn thịt động vật cơ thể mới khỏe mạnh được. Xin lưu ý chữ Vệ Sinh ở đây không có nghĩa hẹp như chữ "vệ sinh" (hygiene) trong tiếng Việt.

Cư sĩ Hoa Ngộ Thê dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu trì Tịnh nghiệp, muốn vãn hồi thế đạo, nhân tâm, đặc biệt tập hợp những ngôn luận của các bậc danh nhân xưa nay và đủ mọi [chuyện] quả báo do sát sanh hay phóng sanh, đặt tên là Vệ Sinh Tập, mong sao người đời muốn bảo vệ sanh mạng của chính mình thì trước hết hãy bảo vệ mạng sống của những sanh vật bơi dưới nước, sống trên mặt đất, bay trên không kia. Tự bảo vệ sanh mạng như vậy thì chẳng phải chỉ trong một đời này mà còn khiến cho đời đời kiếp kiếp phàm sanh vào nơi đâu đều được tốt lành, không có các tai họa. Nếu lại niệm Phật, đem công đức bảo vệ sanh mạng này hồi hướng vãng sanh thì sẽ có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, đoạn hết sạch Phiền Hoặc, đắc đại vô úy, bảo vệ sanh mạng cho khắp hết thảy những chúng sanh cô đơn, lênh đênh không nơi nương tựa trong sáu nẻo. Đấy gọi là ý nghĩa nhỏ nhiệm của việc bảo vệ sanh mạng vậy.

Cư sĩ Quách Hàm Trai do thấy mấy lúc gần đây sát nghiệp ngút ngàn, trọn chẳng ngơi dứt, liền muốn lưu truyền tập sách này, ngõ hầu người đọc đều cùng phát tâm bảo vệ sanh mạng hòng dứt sát kiếp, uốn nắn phong hóa, cậy tôi giảo duyệt. Do vậy, tôi sửa đổi đôi chút thứ tự, danh xưng, số quyển. Lại đăng kèm vào theo mấy đoạn phê phán của tiền nhân dưới mỗi đoạn văn, đăng kèm theo Khuyến Hiếu Ca và Bát Phản Ca[84] của người đời Đường vào sau sách, ngõ hầu ai nấy đều coi trọng bảo vệ sanh mạng, đều vâng giữ lòng hiếu để mở rộng lòng nhân đức hầu báo ân cha mẹ; nhưng hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh, đều sẽ thành Phật, đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong tương lai, ắt sẽ mở rộng lòng hiếu kính để mong rốt ráo tự bảo vệ sanh mạng, bảo vệ sanh mạng kẻ khác vậy.

35. Lời tựa cho bộ Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lưỡng Phong

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Vì thế, đức Phật coi hết thảy chúng sanh đều là Phật, thương họ trái giác hiệp trần, luân hồi sáu nẻo, trải kiếp số nhiều như mảy trần không cách gì thoát lìa được. Do vậy, tùy theo căn cơ lập giáo, đối bệnh cho thuốc, đủ mọi phương tiện chỉ dạy, mong sao họ sẽ trái trần hiệp giác, bỏ vọng về với chân, tiêu trừ Hoặc nghiệp vốn chẳng có, chứng trọn vẹn Phật tánh sẵn có mới thôi. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh cho nên nghe lời Phật, nhìn hành vi của

---

[84] Bát Phản Ca là một bài ca đã có từ thời Đường, không rõ ai là tác giả, gồm tám khổ thơ, có nội dung khuyến cảnh tỉnh người đời về lòng hiếu, lòng nhân, xin trích dẫn một hai đoạn: *"Ấu nhi hoặc mạ ngã, ngã tâm giác hỷ hoan, phụ mẫu sân nộ ngã, ngã tâm phản bất cam. Nhất hoan hỷ, nhất bất cam, đãi nhi đãi phụ hà tâm huyền? Khuyến quân kim nhật phùng thân nộ, dã tương thân tác ấu nhi khan"* (Con thơ mắng chửi ta, lòng ta sao hớn hở, cha mẹ quở mắng ta, sao ta chẳng cam lòng, một đằng thì hoan hỷ, một đằng lại bực mình, đối cha, đối con cái, sao lại khác xa nhau? Gặp lúc cha mẹ giận, xin anh hãy nhủ lòng, coi hệt như con thơ).

Phật, chẳng thể tin nhận ngay, có kẻ cho là huyễn vọng chẳng thật, [chỉ nhằm] gạt gẫm kẻ ngu tục. Có kẻ cho rằng [đạo Phật] phế bỏ luân lý, làm hại chánh đạo. Có kẻ cho rằng càng gần lý, càng gây loạn lớn lao cho lẽ chân. Nhưng đức Phật chẳng vì những điều ấy mà vứt bỏ họ, chỉ đợi khi thời tiết nhân duyên chín muồi sẽ ra tay độ thoát.

Có lắm kẻ vì thoạt đầu chẳng hay biết nên lầm lẫn bài xích, tiếp đến do hiểu biết sâu xa bèn tận lực tu, sau đấy do chân tu nên ngộ chứng. Do vậy liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, rộng để lại ngôn giáo nhằm khơi gợi người sau. Do họ đã biết rõ đức Phật lập pháp bao gồm trọn vẹn hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, không những chẳng trái pháp thế gian mà còn hữu ích lớn lao cho pháp thế gian. Luận về mặt tu trì thì chẳng bỏ sót điều thiện mảy may nào, nhưng nhất tâm vô trụ. Bàn đến đế lý, chẳng lập mảy trần nhưng vạn đức đều tỏ lộ trọn vẹn. Vì thế, những người có tri kiến lỗi lạc, có chí đặc biệt quy hướng, không một ai chẳng dốc lòng sùng phụng để mong tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha.

Cũng có kẻ ăn trộm những nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để hoằng dương đạo Nho, lại ngược ngạo ra sức bài bác Phật pháp hết sức dữ dội hòng ngăn chặn người trong thiên hạ đời sau đừng bước vào Phật pháp. Bổn ý của họ chẳng qua là do tri kiến môn tường nặng nề, sợ chẳng ra sức ngăn lấp thì mọi người đua nhau theo Phật, cửa Nho do đó sẽ bị lạnh lẽo, điêu tàn! Họ chẳng biết bậc thượng căn thật sự quyết chẳng bị ngăn chặn, nhưng kẻ trung - hạ do họ bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, sẽ cho đó là những điều đức Phật dùng làm căn cứ để gạt gẫm kẻ ngu tục. Đối với những pháp đức Phật dạy như sửa lỗi hướng thiện và liễu sanh thoát tử v.v… họ chê bai là tự tư, tự lợi, hễ có điều gì để làm lành thì đấy chính là ác, ắt sẽ mong sao không làm gì mới là làm lành, trái nghịch ý chỉ “đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình, giảm bớt lỗi, bậc hạ thì học, bậc thượng thì thấu đạt” của thánh hiền quá lớn, cũng như trái nghịch đạo *“hướng theo thì lành, trái nghịch thì xấu, xuôi theo thì tốt lành, trái nghịch thì hung hiểm”* của kinh Dịch, kinh Thư, vận dụng xuông thuật “trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm” nhằm yên đời và tạo ra phong tục tốt đẹp! Đối với căn bản khiến cho con người không thể nào không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm lại hoàn toàn vứt bỏ, đem chuyện thuộc về khả năng của thánh nhân giao cho phàm phu thực hành; cho nên đến nỗi thiện không có gì để khuyên, ác chẳng có gì để phạt. Đến khi gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, đủ mọi vở tuồng xấu ác như phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường đều được diễn ra. Cái gốc họa quả thật là do cái tâm trộm cướp bài xích nhân quả, báo ứng, sanh tử luân hồi và [quan niệm] “có làm gì để làm lành thì đó chính là ác” và “tự lợi, lợi tha, liễu sanh thoát tử” là tự tư tự lợi mà ra! Do vậy, người có tâm lo cho thế đạo liền xúm nhau nghĩ cách cứu vãn.

Khéo sao, tôi được tặng cuốn Chánh Tín Lục do cư sĩ La Lưỡng Phong biên soạn. Đọc xong, nỗi canh cánh bên lòng được cởi gỡ! Cư sĩ thừa nguyện tái lai, dùng tầm mắt thông suốt lớn lao vô ngại, đối với những chuyện thế tục nghi ngờ như thiên đường, địa ngục, con người và súc vật luân hồi, thân trước, thân sau v.v… mỗi mỗi đều dựa theo kinh, dẫn chứng từ sử để chứng minh những chuyện đó. Đạo học uyên nguyên, những lời bàn luận tột cùng của các bậc danh nhân và các lối tu trì, cũng như pháp cậy vào Phật từ lực để vượt ngang ra khỏi tam giới thảy đều chỉ bày tường tận duyên do khiến cho con người biết được cửa nẻo, có chỗ dựa nương, cốt sao kẻ câu nệ hẹp hòi thấy được vầng mặt trời, khiến cho những kẻ cô đơn, lênh đênh trở về quê nhà vốn có, tạo lợi ích không thể nào diễn tả được! Tôi bèn giảo chánh câu chữ, tính in ra trước hết một vạn cuốn để đề xướng. Sau đấy, mặc lòng những nhà từ thiện bao lượt tái bản ngõ hầu lưu truyền khắp toàn quốc. Bạn tôi là đại sư Thể Phạm nguyện bỏ tiền ấn loát, cư sĩ Quách Phụ Đình ở Triều Châu muốn khắc mộc bản cho tinh tường, cậy tôi giảo duyệt bản in gốc và viết lời tựa ngõ hầu được lưu truyền rộng rãi.

Đủ thấy con người có cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, [người] có tâm ưa điều lành ai mà chẳng giống như ta! Trong cùng một lúc vừa được sắp chữ vừa được khắc in, đúng là một chuyện may mắn lớn lao trong hiện thời. Nguyện những ai thấy nghe, do những điều ông Lưỡng Phong đã nói sẽ tin sâu xa vào lời Phật, dùng Ngũ Giới, Thập Thiện, Lục Độ, vạn hạnh tùy phần tùy sức tu trong luân thường hằng ngày, lúc sống sẽ dự vào địa vị thánh hiền, mất đi sẽ lên cõi Cực Lạc, ngõ hầu chẳng phụ Chân Như Phật Tánh sẵn có và lòng đại từ phổ độ của Như Lai, cũng như một phen ông Lưỡng Phong khổ tâm đề xướng, hướng dẫn vậy!

36. Lời tựa nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của sách Khuyến Thế Bạch Thoại Văn
(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Thế đạo nhân tâm ngày nay đã suy hãm đến cùng cực lắm thay! Những người mang tâm lo lắng cho đời bày đủ mọi cách để duy trì. Nếu không, đạo làm người gần như diệt mất, thật đáng sợ thay! Tuy nhiên, muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm hãy nên giải quyết từ căn bản thì dùng sức ít mà được hiệu quả lớn lao. Người có tri kiến chân chánh đích xác ắt sẽ ùa nhau vâng theo như gió lùa cỏ rạp. Thầy thuốc trị bệnh có bệnh đằng gốc, có bệnh đằng ngọn, xét coi bệnh tình gấp rút hay hòa hoãn để trị liệu, chẳng thể chấp vào một phía để luận định. Nay chứng bệnh nơi thế đạo nhân tâm đã sâu lắm rồi; nếu chỉ dựa trên mặt Sự để khuyên dụ, tuy cũng đạt được hiệu quả biến đổi phong tục, nhưng cố nhiên chẳng thể đạt hiệu quả bằng cách dốc sức nơi căn bản được! Nói đến chuyện dốc sức nơi căn bản chính là đề xướng giáo dục trong gia đình, đề xướng nhân quả báo ứng, sao cho hết thảy mọi người ai nấy biết đạo làm người, ai nấy trọn hết bổn phận của chính mình, cha từ, con

hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành. Nếu ai nấy đều được như vậy thì cửa nhà hưng thịnh, con cháu hiền thiện. Lại phải biết thường nghiêm giữ những lời về "phước thiện, họa dâm, thiện ác, tai ương, may mắn" để tự tu, lại còn [dùng những điều ấy] dạy người trong nhà thì người nhà sẽ dự vào địa vị thánh hiền tốt đẹp mà chẳng tự biết.

Vì thế, Khổng Tử nói: *"Thiên hạ chi bổn tại quốc, quốc chi bổn tại gia, gia chi bổn tại thân"* (Gốc của thiên hạ là đất nước, gốc của đất nước là nhà, gốc của nhà là thân). Lời này đâu phải nói riêng với người mang tước vị, mà thất phu thất phụ đều cùng mang trách nhiệm này! Cổ nhân đã nói: *"Thiên hạ bất trị, thất phu hữu trách"* (Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm). Bởi lẽ, nhân tài trong thiên hạ đều từ gia đình mà ra. Gia đình khéo dạy, con cái tự nhiên đều hiền thiện. Gia đình không khéo dạy, đứa con nào có thiên tư sẽ quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư sẽ quen nết bướng bỉnh, hung ác. Hai loại ấy đều là sâu mọt cho quốc gia, xã hội! Do vậy, biết giáo dục gia đình chính là căn bản để trị quốc, bình thiên hạ, còn nhân quả báo ứng là đạo trọng yếu để phụ trợ cho giáo dục gia đình. Từ đứa bé con cho đến kẻ bạc đầu, từ chính bản thân cho đến xã hội, từ làm người cho đến thành thánh hiền, từ tu thân cho đến bình thiên hạ đều phải nương theo những điều ấy để được thành tựu, thật đúng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, thành thủy thành chung vậy, là đại pháp để cùng trị cả gốc lẫn ngọn, phàm lẫn thánh đều phải tuân theo.

Những nhà Nho đời sau chẳng biết đến ý nghĩa này, xằng bậy bài bác, đến nỗi thành ra thái độ xấu xa không kiêng dè ngày nay. Nguyện những ai có chí giác thế yên dân vãn hồi kiếp vận hãy dốc sức nơi đây thì chẳng mấy chốc [sẽ được thỏa nguyện] vậy! Cư sĩ Hoàng Hàm Chi lòng tha thiết vì người khác, dùng thể văn Bạch Thoại viết ra hơn hai mươi loại, không loại nào chẳng phanh gan phơi mật, đi vào từng chi tiết sát sao. Người có thiên lương xem đến ắt sẽ rửa lòng gột ý, sửa lỗi hướng lành, hòng khôi phục chân tâm vốn có thì thật là hạnh phúc lớn lao không chi hơn được nữa!

37. Lời tựa tái bản hai thiên sách Đạt Sanh và Phước Ấu
(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Kẻ khéo trị bệnh sẽ trị từ lúc bệnh chưa phát, sẽ được lợi ích sâu xa mà chẳng tốn kém. Vì thế, nói: *"Chí trị vu vị loạn, bảo bang vu vị nguy"* (Đạt đến yên ổn khi chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy). Như vậy là đã không có cái gọi là bệnh thì đâu cần phải trị nữa? Tuy nhiên, người làm được như vậy có mấy ai? Con người sống trong thế gian, chỉ có sống và chết là quan trọng nhất. Nếu chẳng hiểu thấu đạo ấy thì khi sanh nở, rất có thể mẹ lẫn con cùng chết. Dẫu cho chẳng chết, chắc cũng oan uổng chịu đủ mọi thống khổ, trong khi chết chắc vạn phần may lại được sống, thật đáng

thương xót quá! Cư sĩ Cức Trai đặc biệt soạn ra Đạt Sanh Thiên để chỉ rõ sản nạn trong thế gian, phần nhiều là vì tưởng lầm những cơn đau bụng quặn lên[85] là vì sắp sanh, đến nỗi sanh ra đủ mọi hiểm nạn như sanh ngang, sanh ngược v.v… Đấy là một điều quan hệ lớn lao khi sanh nở.

Lại nói: *"Dưỡng thai bằng cách tuyệt dục, đấy là ý nghĩa bậc nhất"*. Vì thế, tâm pháp đầu tiên để dưỡng thai là phải kiêng ăn nằm. Thiên sách ấy ghi: *"Hễ vợ có thai rồi thì phải hết sức kiêng ăn nằm. Đó là lý do vì sao người xưa hễ có thai bèn ở phòng khác, chẳng ngủ chung với nhau nữa vì sợ dấy lên dục niệm. Nói chung, trước khi thai được ba tháng mà phạm [chuyện cấm kỵ ấy] thì, do dục niệm dấy lên, tử cung lại bị mở ra, rất dễ bị nguy cơ chảy máu, động thai. Sau khi thai đã được ba tháng mà phạm lỗi ấy thì bọc thai sẽ dầy, khó sanh. Phải biết lửa dục làm tổn thương thai đến nỗi những chất nhơ bẩn lắng đọng. Hơn nữa, những đứa nhỏ thân có chất nhơ màu trắng, đậu mùa, ghẻ chốc khó chữa lành được đều là vì cha mẹ chẳng cẩn thận"*. Đây chính là điều có quan hệ lớn lao lúc mới thọ thai vậy.

Nếu biết mối quan hệ giữa chuyện thọ thai và sanh nở thì hễ sanh nở chẳng bị các nguy cơ sẩy thai hay khó sanh, mà con cái sanh ra đều có thể chất mũm mĩm, tánh tình dịu dàng, hiền lành, đã ít bị lên sởi, lên đậu v.v… lại sống lâu, mạnh khỏe. Nếu con người sẵn biết những nghĩa này, thân tâm ắt sẽ yên vui, con cháu hiền thiện, gia tộc tiếng tăm rạng rỡ, hữu ích cho xã hội. Đấy gọi là *"trị bệnh phải trị từ lúc chưa có bệnh"*, mà cũng bao gồm những lợi ích thù thắng như *"đạt đến yên ổn từ lúc chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy ngập"*. Vì thế, nói rằng cuốn sách này cũng quan trọng lắm!

Ông Trương Thiện Trưng ở Duy Dương do mẹ là phu nhân họ Lưu qua đời lúc tuổi còn rất bé, chưa thể phụng dưỡng ngọt bùi trong thuở sanh tiền, muốn vì báo đáp mẹ sẽ khiến cho hết thảy những người làm mẹ, những kẻ làm con đều được hưởng thụ lợi ích yên vui, trường thọ, bèn phát tâm ấn hành bốn vạn cuốn sách này để tặng hết thảy những ai hữu duyên, khiến cho họ đều biết cách trị bệnh từ lúc chưa bệnh và cách trị khi đang bị bệnh, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị đau khổ trong khi sanh nở và mang nỗi lo sanh con nhưng chẳng nuôi lớn được!

Hơn nữa, từ xưa đến nay, những đứa mắc chứng kinh phong lâu ngày, mười đứa hết chín bị chết rất nguy hiểm, nhưng y theo thiên sách Phước Ấu do tiên sinh Trang Nhất Quỳ biên soạn để trị thì mười đứa sống được cả mười, quả thật là cuốn sách quan trọng nhất về bệnh tật trẻ nhỏ, nên cũng in kèm vào cuối sách để được lưu truyền rộng rãi. Nhân đấy, bèn cho đánh máy

---

[85] Nguyên văn là "thí thống": Theo Trung Y Từ Điển và Dựng Sanh Tập (của Trương Diệu Tôn), Thí Thống là một chứng bệnh đau bụng quặn lên nơi sản phụ thường vào tháng thứ tám hoặc đầu tháng thứ chín, hoặc đau liên tiếp vài ba trận, hoặc cách quãng. Nguyên nhân vẫn chưa rõ vì sao, nhưng dễ khiến cho sản phụ tưởng lầm là sắp sanh đến nơi.

thành bốn bản để những người sau này muốn tạo phước lợi cho người khác sẽ ấn loát thuận tiện.

Hơn nữa, cái nhân gần của tai biến khi sanh nở, đã được trình bày như trên rồi. Nếu bàn về cái nhân xa thì phần nhiều do sát nghiệp trong đời trước hay đời này chiêu cảm. Nếu con gái từ lúc thơ ấu thường niệm thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật và Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ tự tiêu trừ được sát nghiệp trong đời trước và đời này. Hễ sát nghiệp tiêu thì sanh nở sẽ chẳng bị [oán gia] gây chướng ngại chẳng sanh được. Đấy cũng là một cách trị sẵn trước khi chưa bệnh. Hoặc nếu có kẻ chưa được nghe Phật pháp, nhưng tới lúc sanh nở, nếu chẳng sanh được ngay, hãy nên dạy sản phụ và những kẻ thân thuộc chăm sóc bên cạnh đều dùng tâm chí thành niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát thì tất cả những oán gia đời trước gây chướng ngại [khiến cho sản phụ] chẳng thể sanh vừa được nghe danh hiệu Bồ Tát sẽ do oai đức, thần lực của Bồ Tát mà liền tránh xa, chẳng dám khuấy rối nữa! Có kẻ nói đang sanh nở lõa lồ bất tịnh, niệm danh hiệu Bồ Tát chắc sẽ mắc tội khinh nhờn. Đấy chính là đem tình kiến phàm phu để lầm lạc suy lường tâm hạnh của Bồ Tát. Chẳng biết đấy là lúc liên quan đến tánh mạng, chẳng thể đem lúc bình thường trọn chẳng bị bệnh khổ để bàn luận. Ví như con cái té vào lửa nước, gọi cha mẹ cầu cứu, cha mẹ nghe được liền đến cứu ngay, trọn chẳng vì [đứa con] áo mũ không tề chỉnh, thân thể chẳng sạch sẽ mà chẳng chịu cứu giúp.

Một đệ tử của tôi mấy năm trước ở Tứ Xuyên đến nhà một người bạn, nghe người vợ bạn kêu gào rất thương tâm, nhân đó hỏi thăm duyên cớ. Người bạn đáp: "Vợ đã hai ngày không sanh con ra được, sợ chẳng giữ được tánh mạng". Ông ta nói: "Hãy gấp bảo sản phụ niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, còn ông ở ngoài giếng trời[86], đốt hương quỳ niệm, đảm bảo sẽ sanh ngay". Người ấy liền nói với vợ, lại còn tự niệm. Chẳng mấy chốc liền sanh ra đứa nhỏ mà người vợ vẫn chưa hay. Đến khi nghe con khóc mới biết đã sanh rồi. Người vợ kể: "Khi trước lúc sắp sanh, thấy một người dùng vải chèn kín phần dưới thân thể nên sanh không được. Đến khi niệm thánh hiệu Quán Thế Âm thấy vải bị tuột ra, nên sanh rồi mà vẫn không biết, nghe con khóc mới biết là con đã sanh!"

Cổ nhân nói: *"Tử sanh diệc đại hỹ, khả bất bi tai!"* (Chết - sống cũng lớn lao thay, chẳng đáng buồn ư?) Pháp môn Tịnh Độ đặc biệt lập ra cho lúc chết và sau khi chết đi thần hồn sẽ siêu sanh Tịnh Độ. Sách này lập ra cho khi sắp sanh và những cách bảo vệ, che chở sau khi đã sanh. Nguyện khắp những bậc nhân từ, quân tử lần lượt lưu truyền ngõ hầu nhà nào cũng có một bản, cùng nhau dốc sức vun bồi đức, tiết dục thì những điều đã được nói trong sách này sẽ đều chẳng cần đến nữa, và ý niệm của tiền nhân lưu thông,

---

[86] Giếng trời (thiên tỉnh - courtyard) là khoảng sân trống, bốn phía là nhà xây bọc kín. Mục đích của thiên tỉnh trong những khu cao ốc là vừa để làm sân chung, vừa để giúp khí trời được lưu thông, tạo sự thoáng mát cho toàn bộ khu cao ốc.

và ông Thiện Trưng in tặng, cũng như ý Bất Huệ trình bày hai mối quan hệ mới trọn chẳng còn tiếc nuối nữa!

38. Lời tựa cho sách tường trình hoạt động cứu trợ lũ lụt của hội Cứu Trợ Từ Thiện tỉnh Giang Tô

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là ruột thịt của ta, loài vật giống hệt như ta. Vì thế, ông Vũ, ông Tắc[87] thấy thiên hạ đói kém như chính mình bị đói kém. Y Doãn thấy một người chẳng được hưởng ân trạch khác nào chính mình xô đẩy người ấy xuống ngòi rãnh vậy. Phật xem hết thảy chúng sanh dường như con một, nói đủ mọi pháp để độ thoát. Người đời sau tuy chẳng có quyền như ông Vũ, ông Tắc, Y Doãn, chẳng có đạo như đức Phật, vẫn chẳng ngại gì tùy sức mình thực hiện hầu trọn hết tấm lòng vậy! Vì thế, ông Tào Tung Kiều nhiều năm chuyên đảm nhiệm nghĩa cử cứu giúp, châu cấp dân nghèo tại địa phương. Lại còn trù tính cứu trợ cho Thiểm Tây hơn mười vạn đồng. Trước kia, cha ông ta từng làm Phiên Đài tại đất Dự (tỉnh Hà Nam), nặng lòng yêu dân. Nay ông Tào lại mở rộng lòng thương dân ấy sang đất Thiểm, càng chẳng nài nhọc nhằn, vì trăm vạn sinh linh vùng Giang Bắc trù tính kế sách an ổn. Có thể nói là người có đức trong cõi đời, không ai hơn được!

Ông Viên Hiếu Cốc người huyện Đan Đồ, ông nội cũng từng làm Thái Sử, vốn làm quan ở đất Tô nhiều năm, giữ lẽ công chánh, tuân thủ pháp tắc, có cảm tình sâu đậm với người địa phương, bèn đến kiều ngụ[88] nơi thành Tô Châu, thong dong tu Tịnh nghiệp. Giữa Thu, vùng Giang Bắc bị thủy tai thật là từ trước đến nay chưa hề có. Vào ngày Hai Mươi Tám tháng Tám, hội Từ Thiện Cứu Trợ Lũ Lụt tỉnh Giang Tô cấp tốc gọi điện cho hai ông Tào và Viên hãy đi cứu trợ trước, đừng chần chờ. Họ liền khởi hành đến đất Dương, trước hết hội họp quan viên, thân sĩ, rồi lập cơ sở cứu trợ. Tiếp đó, mới chia

---

[87] Vua Đại Vũ họ Tự, tên Văn Mạng, thuộc thị tộc Hạ Hậu, chắt của Chuyên Húc, là con ông Cổn. Thời vua Thuấn, lũ lụt lớn, ông Cổn trị thủy thất bại, bị phạt tội chết. Ông Vũ kế nhiệm, trị thủy thành công nên được vua Thuấn truyền ngôi, lập ra nhà Hạ.
Ông Tắc còn gọi là Châu Hậu Tắc, tên thật là Khí, con Đế Khốc (thuộc dòng dõi Hoàng Đế). Mẹ là bà Khương Nguyên ra đồng thấy một dấu chân rất lớn, ướm thử, bèn hoài thai, sanh ra ông. Đến khi sanh ra, cho là bất tường, bèn đem vứt ngoài ngõ, nhưng trâu ngựa đi qua đều đi vòng, tránh giẫm vào đứa bé. Lần lượt đem vứt vào rừng, vào suối, nhưng đều vô sự. Khương Nguyên thấy lạ bèn đem về nuôi. Do bị vứt đi, ông được đặt tên là Khí. Khí từ nhỏ đã thích trồng trọt, trồng mè, trồng bắp rất xanh tốt, khéo cày bừa, chọn đất, dân chúng học theo. Đế Nghiêu nghe tiếng bèn phong cho Khí làm Nông Sư. Do có công phát triển nông tang, ông được Đế Nghiêu phong cho ở đất Thai, với danh xưng là Châu Hậu Tắc (Tắc là tên một loại lúa ngon), và ban cho quốc tính là Cơ.

[88] Không phải quê quán tại nơi đó mà dọn đến sinh sống, lập nghiệp tại đó thì gọi là "kiều ngụ".

nhau điều tra tình hình lũ lụt các nơi, rồi gởi thư hay gọi điện thoại cho những nhà từ thiện ở Tô Châu và các nơi kêu gọi đóng góp, vì những người dân bị nạn mà van xin, lần lượt được số tiền khoảng mười lăm vạn. Áo đơn, áo kép, áo bông, giày, vớ v.v… mới hay cũ tổng cộng hơn mười vạn bộ, mền bông hơn một ngàn cái. Nồi niêu, thuốc men số lượng thật nhiều. Khoản đóng góp của những nơi khác được bốn phần mười, khoản tiền và quần áo, đồ đạc đóng góp lớn nhất đều do Tô Châu quyên tặng:

Một là vì hai ông Tào và Viên được người địa phương kính tin; hai là vì Tô Châu là chỗ hai đức Phật Duy Vệ[89] và Ca Diếp từng ở, cũng như do phong cách, sự cai trị tốt lành của Lục Nguyên Phương[90] đời Đường, Phạm Văn Chánh[91] đời Tống vẫn còn giữ lại. Vì thế, nhân dân phần nhiều đều từ thiện, nhân ái, coi người khác như chính mình, nên mới đóng góp một khoản lớn lao như thế. Đối với mỗi một biện pháp tiến hành đều thuật rõ tình hình, tổng cộng mười bảy điều, đọc đến liền biết rõ. Những khoản chi tiêu được nêu trong điều thứ tư, chủ yếu là cứu trợ dân chúng bị thiên tai tại các địa phương. Điều thứ bảy là những chuyện phải gấp rút tiến hành. Điều thứ tám là bảo vệ trâu cày. Điều thứ chín những việc phải sử dụng nhiều nhân công như tu bổ đê điều, cầu cống. Điều thứ mười là cho vay hay cấp thóc giống. Điều thứ mười một là nuôi nấng trẻ bị thiên tai. Điều thứ mười hai là trù tính lập ra những địa điểm phát cháo. Điều thứ mười ba là phân phát quà cứu trợ giúp dân nghèo ổn định cuộc sống. Điều thứ mười bốn là duy trì cơ sở phước lợi. Điều thứ mười lăm là duy trì những văn phòng giúp đỡ tiền bạc, củi, gạo v.v… Những duyên do, biện pháp đều được chép tường tận trong cuốn sách này.

Nhưng điều thứ mười bảy là phát chẩn vào mùa Đông: Do ngày dài quá, sẽ cần đến một khoản tiền rất lớn, vẫn mong những nhà đại từ thiện mọi giới nghĩ thương nỗi khổ của người dân bị thiên tai, lại quyên tặng những khoản tiền lớn để cứu dân mắc phải thiên tai, làm nhẹ vận nước, để cầu quyến thuộc cõi trời [đến giúp] tránh khỏi sát kiếp, sẽ thấy Phật trời che chở như mây nhóm, tốt lành, may mắn ùa nhau kéo đến, giàu, thọ, yên ổn, hiện đời được hưởng Ngũ Phước như Cơ Tử đã luận, hiền lương, tước lộc, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như Y Doãn đã dạy. Kinh dạy: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả"*. Sợ nhân sẽ chẳng gây nhân ác, nào có quả ác? Sợ quả

---

[89] Duy Vệ Phật: Theo Thất Phật Phụ Mẫu Tánh Tự Kinh, Duy Vệ Phật chính là cách phiên âm khác của chữ Tỳ Bà Thi (Vipashin), tức là vị Phật đầu tiên trong quá khứ thất Phật.

[90] Lục Nguyên Phương là một vị đại thần sống vào thời Võ Tắc Thiên đời Đường, làm quan đến chức Loan Đài Thị Lang, kiêm Đồng Bình Chương Sự, nổi tiếng là người trung thực, công bình, liêm chánh, hễ đã hứa thì dù chết vẫn giữ lời.

[91] Văn Chánh là thụy hiệu của Phạm Trọng Yêm, ông từng làm đến chức Tham Tri Chánh Sự (Phó Tể Tướng) kiêm Khu Mật Phó Sứ, đời Tống Nhân Tông, nổi tiếng nhân từ. Lúc sinh thời, vợ chồng con cái sống đạm bạc, bao nhiêu tiền của dùng hết vào việc chu cấp cơm áo cho người nghèo khổ, giúp đỡ con cháu nghèo hèn đi học.

thì nhân ác đã chín, khó tránh quả ác! Dẫu sanh lòng sợ hãi, trọn chẳng ích gì! Sao bằng sửa lỗi hướng thiện để tiêu nghiệp cũ, gieo phước cho tương lai, để làm biện pháp căn bản rốt ráo hòng tránh khỏi ác quả ư?

Hơn nữa, bố thí có ba loại:

- Một là Tài Thí, tức là dùng tiền tài và quần áo, thức ăn, chỗ ở để châu cấp hay giúp đỡ người bần cùng, khốn khổ.

- Hai là Pháp Thí, đối với người chẳng biết thiện - ác, tà - chánh và nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo và pháp môn thiết yếu để liễu sanh thoát tử bèn dùng phương tiện khéo léo tuyên nói, hoặc ấn tống, lưu thông những sách ghi chép những câu nói khế lý khế cơ của chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư, thiện tri thức ngõ hầu người thấy nghe sanh lòng chánh tín, dần dần thâm nhập cho đến khi liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Đó đều gọi là Pháp Thí.

- Ba là Vô Úy Thí: Hết thảy chúng sanh ham sống sợ chết, khuyên khắp những người cùng hàng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, và hễ ai có điều sợ hãi thì hoặc là dứt tai họa ấy, hoặc bày tỏ lòng quan tâm. Đấy chính là Vô Úy Thí nhỏ nhoi. Hết thảy chúng sanh rốt cuộc khó tránh khỏi cái chết, chết rồi lại sanh, sanh rồi lại chết, bao kiếp vĩnh viễn ôm nỗi lo sợ ấy, dạy cho họ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương dần dần tấn tu, cho đến khi thành Phật đạo. Đấy gọi là Đại Vô Úy Thí.

Trong ba thứ Bố Thí này, Tài Thí chỉ thuộc đời này, hai thứ sau tồn tại mãi đến đời vị lai. Phàm những ai muốn lợi người để trọn thành phước huệ của chính mình, hãy nên tùy theo sức mình để thực hành thì nhân dân may mắn, nước nhà may mắn lắm thay!

39. Lời tựa cho sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Hiện nay thế đạo loạn lạc quả thật là từ ngàn xưa chưa hề nghe thấy! Xét đến nguồn gốc đều do cái tâm tự tư tự lợi ươm thành. Vì hễ ôm lòng tự tư tự lợi sẽ mặc tình giành nhau làm chuyện tổn người, lợi mình, thương thiên, hại lý, coi rẻ đạo "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" chẳng đoái hoài! Do vậy, thế đạo nhân tâm ngày càng thêm tăm tối, không cách nào đạt đến chỗ chánh đại quang minh. Nếu như biết *"họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy"*, thiện báo, ác báo như bóng theo hình, lợi người chính là lợi mình, hại người còn quá hại mình, giết cha người ta thì người ta cũng giết cha mình, giết anh người ta, người ta cũng sẽ giết anh mình. Khéo thờ cha mẹ, ắt con ta có hiếu. Khéo thờ anh, ắt con ta hòa thuận. Như giọt nước rỏ nơi mái hiên, giọt sau tiếp nối giọt trước!

Xem đó, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng anh, yêu người, lợi vật đều là nền phước về sau cho chính mình! Tổn người, lợi mình, thương thiên, hại lý đều là gốc họa về sau cho chính mình. Người dẫu chí ngu chắc chắn chẳng sung

sướng vì mắc tai, gặp họa, theo dữ, tránh lành! Nhưng xét đến hành vi thì lại hoàn toàn trái nghịch, vì sao thế? Do chưa gặp được người hiểu rõ lý giảng giải tường tận sự lý nhân quả báo ứng cho kẻ đó. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Thất phu sao có thể làm cho thiên hạ yên ổn được? Nếu người trong thiên hạ đều cùng biết nhân hiểu quả, thì cái tâm tham - sân - si chẳng đến nỗi lẫy lừng, nghiệp giết - trộm - dâm chẳng dám làm càn. Yêu người, lợi vật, biết vui theo mạng trời, tâm địa đã chánh đại quang minh thì tương lai đi đến đâu, không chỗ nào chẳng phải là chỗ quang minh!

Cư sĩ Lý Viên Tịnh thương cõi đời suy hãm, đặc biệt viết sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh. Điểm quan trọng là đề xướng nhân quả báo ứng. Ông Châu An Sĩ nói: *"Nhân nhân tri nhân quả, đại trị chi đạo dã. Nhân nhân bất tri nhân quả, đại loạn chi đạo dã"* (Ai nấy đều biết nhân quả thì là đạo để bình trị lớn lao vậy. Ai cũng chẳng biết nhân quả, đấy là đường lối dẫn đến đại loạn vậy). Do vậy biết nhân quả báo ứng quả thật là đạo trọng yếu từ đầu đến cuối để giữ thân, tiếp vật, yên đời, hiền dân, mong thành thánh, thành hiền, làm Phật, làm Tổ vậy! Mong sao những người đọc đều triệt để gột sạch cái tâm tự tư tự lợi, để tự sáng tỏ Minh Đức thì thiên hạ may mắn lắm thay!

40. Lời tựa cho bộ Dương Tiêu Sơn Tiên Sinh Ngôn Hạnh Lục
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Con người bẩm thụ chánh khí của thiên địa mà sanh ra, thường phỏng theo đức cao dầy, che chở của trời đất để giúp cho sự sanh thành, trưởng dưỡng, kế tục đời trước, mở mang đời sau, ngõ hầu chẳng thẹn đứng cùng trời đất thành ba ngôi, xưng tên là Tam Tài. "Trung, hiếu, tiết, nghĩa" chính là giềng mối chánh yếu của đạo làm người. Nếu không có những điều ấy, con người khác gì cầm thú? Dẫu vào thời dân chủ, cũng chẳng thể nào không dạy trung nghĩa! Bởi "trung" chẳng phải chỉ có nghĩa là trung với vua. Vì thế, Tăng Tử dùng "trung thứ" (trung thành, rộng lượng) để tỏ rõ đạo của Phu Tử, thường phản tỉnh *"hằng ngày vì người khác mưu toan công việc, bản thân có hết lòng trung hay không"*. Vì thế, biết một chữ Trung có ý nghĩa xuyên suốt vạn hạnh! Thờ vua chỉ là một khía cạnh mà thôi!

Trộm nghĩ: Trung có nghĩa là "tận hết tấm lòng của chính mình, chân thành, không dối trá". Nếu con người giữ tấm lòng trung, ắt sẽ có hiếu với cha mẹ, kính anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, xót thương kẻ côi cút, giúp đỡ người góa bụa, nhân từ với mọi người, yêu thương loài vật, chẳng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, vì sao vậy? Do trung nên chẳng dối, do chẳng dối nên trọn hết bổn phận. Do trọn hết bổn phận nên đối với những chuyện thuộc về bổn phận của chính mình đều chăm chú thực hiện, quyết chẳng mắc lỗi đối phó vờ vĩnh cho xong chuyện, chẳng tận hết lòng, hết sức mình. Trong đời gần đây, tuy đã lật đổ đế chế nhưng mọi sự

đều phải nói đến trung thì mới chẳng đến nỗi “ta dối gạt, ngươi mắc lừa”, luông tuồng, không chuẩn mực vậy! Đắc thế bèn hùa nhau phò tá, sa cơ kéo nhau bỏ đi, hoặc còn đâm ra công kích, chà đạp lẫn nhau, trọn chẳng ngưng dứt. Đấy đều là vì chẳng màng đến trung nghĩa mà ra. Trung nghĩa chẳng màng tới thì quan hệ cha - con, vợ - chồng đều coi như mảy lông! Coi nhẹ lâu ngày, những quan hệ ấy sẽ trở thành gông cùm. Mang những gông cùm ấy chẳng được tự do, chẳng thể nào không diễn ra những vở tuồng tồi tệ giết cha, giết mẹ, nghịch trời, trái lý, hòng mặc tình tùy ý, chẳng bị câu thúc gì! Than ôi! Chẳng nói đến trung nghĩa, họa hại tới mức cùng cực như thế đó, há chẳng đau đớn tuôn lệ, thở dài sườn sượt ư?

Cư sĩ Trầm Di Sanh muốn đẩy lùi ngọn sóng cuồng, tính ấn hành những chuyện tận trung báo quốc, tận tụy hành hiếu đễ, di huấn [để lại] cho con cháu của tiên sinh Dương Tiêu Sơn[92] hòng lưu truyền rộng rãi để mong sao ai nấy có hiếu với cha mẹ, kính trọng anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, thương kẻ côi cút, giúp người góa bụa, nhân từ với người khác, yêu thương loài vật, lòng thành sắt son vì nước, nhiệt tâm cứu đời, mỗi mỗi đều phỏng theo tiên sinh Tiêu Sơn để thực hiện, cốt sao trọn hết chức phận của chính mình, chẳng ôm lòng chần chừ, lười nhác, hư giả chút nào! Như vậy thì lòng người đã chuyển, nhân họa tự mất. Một khi nhân họa đã mất, lòng trời tự thuận; đương nhiên sẽ mưa nắng đúng thời, vật mạnh, dân khỏe, thiên hạ, thái bình, nhân dân yên vui!

Đọc hai tờ sớ xin dẹp chợ bán ngựa, giết tặc thần, có thể nói là [tiên sinh] chỉ biết vì nước, chẳng màng đến thân. Đang trong lúc tặc thần chuyên quyền, bậc chánh nhân quân tử hễ hơi kình chống bèn mắc họa ngay, [tiên sinh] vẫn dám dâng sớ, xin bãi chức, xin giết, nếu không phải là hạo khí ngập trời đất, lòng tinh trung lòa nhật nguyệt, há được như thế ư? Tuy vì thế mà mất mạng, nhưng người trăm ngàn năm sau thảy đều kính ngưỡng. So ra những kẻ địa vị chót vót một thời, nhưng chẳng tạo lập công nghiệp gì làm sao bằng được? Huống chi lúc sắp bị hành hình, [tiên sinh] soạn ra Niên Phổ và những bài văn khuyên vợ, răn con, đúng là tâm như gương sáng, chiếu rọi

---

[92] Dương Kế Thịnh (1516-1555), tự Trọng Phương, hiệu Tiêu Sơn, người Dung Thành, tỉnh Hà Bắc, làm quan nhà Minh nhằm thời Gia Tĩnh. Ông tánh tình thẳng thắn, cương nghị, không xu nịnh, làm quan đến chức Thị Lang bộ Binh. Khi quân Thát Đát (Tartar) xâm nhập biên giới cướp phá, Hàm Ninh Hầu Cừu Loan dâng sớ xin triều đình mở chợ buôn bán ngựa với bọn Thát Đát để xoa dịu quân cướp. Kế Thịnh dâng sớ đàn hặc, nhưng gian thần Nghiêm Tung bênh vực Cừu Loan, sàm tấu với vua, nên Kế Thịnh bị giáng chức làm Địch Đạo Điển Sứ. Sau đó, ông lại dâng sớ đàn hặc, xin vua tru diệt gian thần Nghiêm Tung, chỉ đích danh Nghiêm Tung phạm năm tội gian, mười đại tội. Nghiêm Tung bèn giả mạo thánh chỉ, tống giam Kế Thịnh vào ngục, phạt đánh một trăm trượng, cắt đứt gân cốt, bêu xác ngoài chợ. Lúc sắp chết, ông ung dung đọc thơ: *“Hạo khí hoàn thái hư, đan tâm chiếu thiên cổ”* (khí thiêng trả lại hư không, tấm lòng son sắt chiếu ngời ngàn năm). Mười hai năm sau, khi Minh Mục Tông lên ngôi, ông mới được minh oan, được phong thụy hiệu là Trung Mẫn.

tỉ mỉ, nếu chẳng phải là người hàm dưỡng thuần túy, gác chuyện sống chết ra ngoài thì làm sao được như vậy?

Nay để thuận tiện cho những người bình thường nên xếp bài răn dạy con lên đầu, kế đến là lời khuyên vợ, tiếp đó là Niên Phổ, rồi đến hai bài sớ. Tiếp đó là tiểu truyện của tiên sinh, sao cho vừa mở sách ra liền được lợi ích thật sự, chẳng đến nỗi do văn chương dài dòng, chẳng liên quan thiết thực đến phận mình bèn ngán đọc! Lòng Trung của Tiêu Sơn, chẳng phải chỉ là thờ vua. Đọc kỹ lưỡng Niên Phổ của ông, thì thờ cha mẹ, kính anh, đãi người, tiếp vật, không một chuyện nào chẳng bắt nguồn từ lòng Trung. Phải biết tám sự "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", tám pháp "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" đều phải lấy Trung làm giềng mối! Do Trung nên tận tâm thực hiện sao cho trọn vẹn hết khả năng mới thôi. Do vậy, nên nói: Đạo Trung xuyên suốt muôn hạnh, lòng Trung tăng thêm sự thành tựu cho muôn sự. Bất luận chuyện mình hay chuyện người, không có lòng Trung quyết khó thể thành tựu lớn lao được! Xưa nay, những vị lập đại công, tạo đại nghiệp, cùng lý tận tánh, mong thành thánh thành hiền, ai không lấy lòng Trung làm gốc? Vì nếu chẳng dốc sức nơi lòng Trung, sẽ ngả theo biếng nhác, chần chừ, vì chính mình còn chưa thể được, huống là vì xã hội, nước nhà ư? Người thời nay chẳng những không màng đến thực hiện lòng Trung mà ngay cả hiếu và tiết nghĩa cũng chẳng chú ý. Tôi thường muốn khuyên chỉ, nhưng chẳng cách nào phát khởi được!

Khéo sao cư sĩ Bành Mạnh Am đưa truyện người con gái có hiếu ở Hồ Nam cho đọc. Cô con gái có hiếu ấy chỉ biết có mẹ, người con gái tiết hạnh chỉ biết đến nghĩa, sự sống chết của chính mình chẳng thèm màng đến nữa. Tuy đã thể hiện gương táng thân vì mẹ, vì nghĩa, nhưng chẳng thể [dùng gương ấy để] răn dạy người tầm thường được; tuy vậy, lòng thành tận hiếu, tận nghĩa, ngay đến cả thiên địa, quỷ thần cũng bị cảm động, huống chi những người sẵn cùng một cái tâm ấy ư? Những kẻ chẳng nghĩ đến ân dưỡng dục, tùy ý tự do luyến ái, thấy nghe những chuyện này há chẳng thẹn muốn chết, do đó bèn đau đáu sửa đổi lỗi trước, dốc lòng tu đức sau ư? Điều này liên quan đến thế đạo nhân tâm cũng lớn lắm. Hơn nữa, tiết tháo như Tần Chiêu[93], ngay trong khi ấy mà giữ được lòng chẳng loạn lại càng sâu sắc

[93] Theo sách Thọ Khang Bảo Giám, câu chuyện này như sau: Tần Chiêu là người đời Nguyên, quê ở Dương Châu, đến năm 20 tuổi lên kinh sư, lúc lên thuyền, bạn của ông ta là Đặng X… đem rượu tiễn chân. Hai người đang chén chú, chén anh, chợt một cô gái xinh đẹp bước tới. Họ Đặng bảo cô ta chào Tần Chiêu, rồi nói: "Cô gái này do tôi mua cho vị đại nhân nọ ở bộ kia làm thiếp, nhân tiện nhờ anh dẫn theo lên kinh". Tần Chiêu ba bốn lần chối từ, họ Đặng nghiêm mặt bảo: "Sao anh cố chấp thế? Nếu anh không kiềm chế được, cô gái này liền thuộc về anh, chẳng qua chỉ có hai ngàn năm trăm đồng thôi mà". Tần Chiêu bất đắc dĩ phải nhận lấy, đem theo. Khí trời đã nóng, muỗi mòng quá nhiều, cô gái khổ sở vì không có màn, Tần Chiêu đành phải cho cô ta nằm chung màn. Thuyền đi mấy chục ngày mới đến kinh đô. Họ Tần dẫn cô ta đến giao cho chủ nhân. Chủ

gấp trăm lần. Do [giữ cho] một lúc chẳng loạn thì dễ, nhưng nhiều ngày chẳng loạn thì khó lắm. Huống chi ông Đặng X… đã nói: “Nếu chẳng thể kiềm chế được thì cô gái ấy sẽ thuộc về anh” đó ư? Thêm nữa, thiếu niên nam nữ trong mấy chục hôm, ngày cùng ăn, đêm cùng ngủ, mà có thể trọn chẳng có chuyện nam nữ tình dục, chẳng xáo trộn thiên lý, chẳng phải là kẻ trọn chẳng có nhân dục mà làm được ư? Tôi đem chuyện này ghi thêm vào An Sĩ Toàn Thư và Thọ Khang Bảo Giám. Hai cuốn sách ấy đã in hơn hai mươi vạn cuốn, nay lại ghi kèm [câu chuyện trên đây] vào cuốn sách này, hợp thành truyện trung hiếu tiết nghĩa để làm nhát kim đâm xuống đỉnh đầu những gã phế trừ luân lý, ngõ hầu căn bệnh đã lậm vào tạng phủ được mau lành, khôi phục chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, không làm các điều ác, vâng giữ những điều lành. Gia huấn của Lục Phóng Ông chú trọng nơi kiệm ước, trung hậu, khoan dung, phần dạy về tang chế quả thật là món thuốc mầu nhiệm để trị chứng bạc bẽo của thế tục, nên cũng in kèm vào sau sách để cùng được phổ biến lưu truyền, ắt những vị nhân từ, đầy đủ chánh tri chánh kiến, quan tâm đến thế đạo lòng người sẽ đề xướng lớn lao, khiến cho [mọi người] trở về với sự thuần chân, chất phác, khôi phục lại cõi đời hưng thịnh bình trị tột bậc!

41. Lời tựa tái bản bộ Hoàn Cầu Danh Nhân Đức Dục Bảo Giám

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Thiên hạ không hai đạo, thánh - phàm chẳng hai tâm. Khắp xưa nay, trong nước, ngoài nước, không đâu chẳng dùng hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ và sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để làm căn bản lập thân hành đạo và trị quốc an dân. Ấy là vì những sự lý này đều là những giềng mối thường hằng vốn sẵn có trong tâm tánh của chúng ta, bất luận trí - ngu, hiền - tệ đều sẵn đủ, nhưng có những hành động, cử chỉ phù hợp hay trái nghịch [với những điều ấy] sai khác là vì “dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ điều ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa” hay vì “mê tâm chạy theo vật, phóng túng tình ý” mà ra. Vì thế, kinh Thư có lời giáo huấn: *“Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh”* (do thánh mất niệm nên thành cuồng, do cuồng khắc chế được ý niệm nên thành thánh). Phật dạy đạo *“mê thì Phật là chúng sanh, ngộ thì chúng sanh chính là Phật”.* Do vậy, biết: Thánh hay cuồng, chúng sanh hay Phật chỉ trong khoảng một niệm mê hay ngộ. Do thoạt đầu lập tâm sai khác

---

nhân hỏi: “Anh có dẫn theo gia quyến hay không?” Tần Chiêu thưa: “Chỉ có một mình tôi!” Chủ nhân lộ vẻ khó chịu, nghi ngờ, nhưng do có thư giới thiệu của Đặng X… nên miễn cưỡng tiếp nhận. Đến tối, mới biết cô ta vẫn còn trong trắng, cảm thấy rất xấu hổ đã nghĩ oan cho Tần Chiêu, cấp tốc gởi thư cho họ Đặng biết chuyện, rồi đến xin lỗi Chiêu, nói: “Các hạ đúng là bậc quân tử thịnh đức”.

đôi chút, rốt cuộc đến nỗi cách biệt một trời, một vực, con người há chẳng nên tự gắng sức để mong thành thánh thành hiền ư?

Trăm nghề hay khéo trong thế gian mỗi nghề đều có quy củ, chuẩn mực. Căn cứ theo quy cách do cổ nhân đã thành lập để tập luyện, đến khi đã nhuần nhuyễn tột bậc rồi thì không chuyện gì chẳng "tùy lòng nghĩ đến, tay liền hoàn thành". Mong thành thánh thành hiền cũng giống như vậy đó! Nêu lên đại cương thì chỉ có ba điều "làm sáng tỏ Minh Đức, làm cho dân mỗi ngày một tiến bộ, an trụ nơi chí thiện" mà thôi. Nhưng muốn làm sáng tỏ Minh Đức thì trước hết phải thực hiện bằng trừ khử vật dục phiền não, thúc đẩy lương tri vốn sẵn có. Có nghĩa là "dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa," mãi cho đến khi trừ khử, thấu hiểu đến tột cùng rồi thì nhân dục đã hết sạch, thiên lý sẽ tự lưu hành. Đại cương "làm sáng tỏ Minh Đức" đã đạt được rồi thì những chuyện khác hễ làm bèn được, không chuyện gì chẳng thuận theo lòng nghĩ tay liền thực hiện thành tựu. Nhưng cần phải biết nhiều về ngôn hạnh của người xưa để phụ trợ cho việc duy trì, trưởng dưỡng suy xét phản tỉnh.

Cư sĩ Dương Chương Phủ ở Vô Tích tập hợp những lời hay hạnh đẹp của các bậc danh nhân xưa nay trong nước, ngoài nước, soạn thành tám quyển. Đầu tiên là luân lý, rồi đến những sự tu tỉnh, lòng từ thiện của quan viên, thân sĩ, thương nhân, khuê các, và những lời hay ý đẹp nên vâng giữ trong gia đình, xã hội, quốc gia của Trung Hoa và Tây Phương. Khi ấy, sách được in hơn một vạn cuốn, gởi đi khắp các huyện trong toàn quốc. Lợi ích quả thật chẳng nông cạn vậy. Từ đấy, một nhà đại từ thiện ở Thượng Hải là cư sĩ Vương Nhất Đình cho rằng sách này khá hợp thời cơ, tính in mấy ngàn cuốn để đề xướng, ngõ hầu ai có tâm cứu vãn thế đạo nhân tâm sau này sẽ tiếp tục ấn hành sao cho [sách được] lưu truyền khắp hoàn cầu hòng ai nấy biết rõ sự lý "nhân quả, báo ứng, sanh tử luân hồi", sẽ miệt mài hành những mối luân thường "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ". Như vậy thì nhà nhà hành hiếu đễ, người người giữ vẹn lễ nghĩa, nhân nhượng, dẫu ở trong nhà tối vẫn như đối trước Phật, trời, hòng lương tri chẳng bị vật dục che lấp. Rốt cuộc Minh Đức được sáng ngời, lẽ đâu thiên hạ chẳng thái bình, nhân dân chẳng yên vui ư? Do vậy, tôi bèn viết đại lược để phô rõ ý nghĩa ẩn kín này. Sau đấy, do lại có được những lời hay đẹp về mặt đức dục của các danh nhân hoàn cầu bèn cho in chung vào sách này để hết thảy những ai muốn tự lợi, lợi người đều có căn cứ. Do vậy, bèn ghi kèm vào đây thêm mấy câu nữa!

42. Lời tựa cho sách Phật Học Cứu Kiếp Biên

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Đời loạn đến cùng cực, con người hết sức mong mỏi bình trị. Đạo để bình trị vốn thật gần, thật dễ, nhưng những kẻ thông minh trong thế gian

thường muốn lập dị để mong lấn áp cổ nhân. Vì thế, họ coi thường những điều gần gũi, dễ dàng, chẳng thèm sử dụng, cứ muốn coi trọng những điều xa xôi, khó khăn để tỏ rõ bản lãnh của chính mình. Rốt cuộc chỉ thành rối ren, đạt hiệu quả trái ngược, nước loạn, dân khốn khổ hết thuốc chữa, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư? Chẳng biết thánh nhân vốn từ thiên lý, luân thường để lập pháp, khiến cho ai nấy đều giữ vẹn bổn phận, tôn trọng luân thường, tận tụy hành hiếu để, nên mới nói: "*Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu để nhi dĩ hỹ"* (Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu - để mà thôi). *"Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu, trị thiên hạ khả vận chi chưởng thượng"* (Dùng lòng phụng dưỡng, tôn kính người già cả của ta để phụng dưỡng, tôn kính người già cả của kẻ khác, đem lòng thương yêu con thơ của ta để thương yêu con thơ của người khác, thì giữ cho cõi đời bình trị sẽ là chuyện nắm chắc trong tay). Nếu ai nấy đều giữ được tấm lòng trung hậu, khoan thứ, cùng thấu hiểu sâu xa "mọi người là ruột thịt của ta, muôn vật cũng giống như ta" thì lễ nghĩa, nhân nhượng sẽ thịnh hành, thắng hung tàn, bỏ giết chóc, phong tục thuần thiện, thiên hạ thái bình.

Thánh nhân lại lo con người không nghĩ chín chắn tới nơi tới chốn, bèn dùng sự lý nhân quả báo ứng để răn dạy. Vì thế, kinh Thư chép: *"Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng"* (thuận theo đạo thì tốt lành, trái nghịch thì xấu xa, giống như bóng theo hình, như tiếng vọng theo âm thanh vậy)[94]. Lại chép: *"Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương"* (Làm lành trăm điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành, trăm tai ương giáng xuống). Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích chứa điều thiện, sự vui có thừa. Nhà làm điều chẳng lành, tai ương có thừa). Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối [thiên sách] mới nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu nỗi cực nhọc). Những nhà Nho về sau chẳng biết nhân quả ba đời, gom hết ngũ phước, lục cực về sự cai trị của nhà vua. Chẳng những vu báng sự cai trị của vua là bạo ngược, mà còn vu báng cả từ ngữ "phước, cực" nữa. Vì thế, khó thể nào giải thích không khập khiễng cho được!

Nay lại dùng lẽ nhân quả rõ ràng để nói thì: *"Ái nhân giả, nhân hằng ái chi; kính nhân giả, nhân hằng kính chi"* (Yêu người, người mãi thương yêu; kính người, người sẽ luôn thường kính ta). Nói ra lời trái tai thì sẽ nghe lời trái tai. Cho vay sự trái nghịch thì cũng sẽ nhận lại sự trái nghịch. Giết cha người khác, người ta cũng sẽ giết cha ta. Giết anh người ta, người ta cũng sẽ giết anh mình. Phàm những gì đã làm cho người khác thì không chuyện gì [bản thân ta sẽ gặp phải] lại chẳng giống như vậy. Còn đối với nhân quả tự

---

[94] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giảng của Khổng An Quốc, trích dẫn bởi Hà Yến và Hình Bính trong cuốn Luận Ngữ Chú Sớ. Câu nói này lấy từ thiên Đại Vũ Mô trong sách Thượng Thư.

tu thì nói: *"Thánh do mất niệm thành cuồng, cuồng do khắc chế được ý niệm bèn thành thánh"*. Thánh hay cuồng chỉ do mất niệm hay khắc chế được ý niệm mà thôi! Như câu nói: *"Cẩu chí ư nhân hỹ, vô ác dã. Năng chí ư nhân, tắc kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri ư khâm ảnh. Bất chí ư nhân tắc nhân dục nhật tứ, thiên lý nhật mẫn, tiện dữ cầm thú cơ hy hỹ!"* (Nếu dốc chí vào lòng nhân thì không ác, dốc chí nơi nhân sẽ thấy bậc tiên triết trong canh, nơi tường, cẩn thận dè dặt như sợ cả bóng áo [của chính mình] sẽ biết được [tội lỗi của chính mình]. Nếu lòng chẳng hướng về điều nhân thì lòng ham muốn ngày một phóng túng, thiên lý ngày một mất đi, có khác gì cầm thú cho mấy). Mạnh Tử nói: "*Tây tử mông bất khiết, tắc nhân giai yểm tỵ nhi quá chi*" (Tây Thi bôi đồ dơ thì mọi người đều bịt mũi, quở trách) (Tây Tử (tức nàng Tây Thi) cực đẹp, nhưng bôi phân khắp mặt thì mọi người đều sợ hôi thối, chẳng những không chịu nhìn mà còn bịt mũi chê trách). *"Tuy hữu ác nhân* (ác ở đây là xấu xa, "ác nhân" là người diện mạo xấu xí), *trai giới mộc dục, tắc khả dĩ sự Thượng Đế"* (Tuy người xấu xí, nhưng trai giới tắm gội sẽ có thể thờ Thượng Đế). Đấy đều là sự lý nhân quả báo ứng vậy! Thánh nhân dạy người, trước hết nói thẳng vào những cách thức nên làm, rồi lại dạy những lẽ lợi - hại, được - mất do tuân thủ hay chống trái [những phương cách ấy]. Hai điều này tiến hành song song thì sẽ chẳng thể nào lệch lạc hay phế bỏ được.

Thánh nhân muốn cho con người ai nấy đều tu đức, đều trọn hết phận mình, chỉ sợ có kẻ coi thường, nên dùng sự lý nhân quả báo ứng để đôn đốc sao cho họ nghiêm túc tuân thủ, chẳng trái nghịch vậy. Nhưng nhân quả được thánh nhân nói đến chỉ là nói về bản thân và con cháu mà thôi! Do chẳng nói đến chuyện trước khi sanh ra và sau khi đã mất, nên đối với chuyện quá khứ, vị lai của người ấy dù nhân hay quả đều chẳng nhắc tới. Cơ Tử nói đến ý nghĩa Ngũ Phước, Lục Cực, chính là chỉ rõ cái nhân quá khứ tạo thành cái quả trong hiện đời. Vì thế biết rằng: Do kẻ tầm thường chẳng dễ gì hiểu được nên thánh nhân chẳng nói, chứ không phải là chẳng biết có nhân quả ba đời! Từ khi Phật giáo truyền sang phương Đông, nêu rạng rỡ lý "tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt" và sự "nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi", nhân dân được hưởng ngầm lợi ích chẳng thể kể xiết. Thử nêu ra một hai điều ắt sẽ biết rõ.

Vào đầu đời Châu, ân trạch của Văn Vương thấm đến cả xương khô, nhưng chưa đầy ba bốn trăm năm, tục lệ giết người tuẫn táng đã phổ biến cả thiên hạ. Thiên tử, chư hầu, đại phu, kẻ sĩ đều tùy sức giết người để tuẫn táng. Những kẻ có thế lực mạnh mẽ đều cho rằng càng giết nhiều càng sang! Mục Công là vua hiền của nước Tần còn giết một trăm bảy mươi bảy người. Ba vị họ Tử Xa đều là hiền thần của nước Tần, vẫn chẳng thể vì nước vì dân mà được miễn khỏi [cái chết]. Trong các nước còn có mấy trăm mấy ngàn người bị tuẫn táng theo. Từ khi Phật giáo xiển minh sự lý nhân quả ba đời thì tục lệ này mới vĩnh viễn chấm dứt. Nếu không, cũng hiếm người được

hưởng hết tuổi thọ rồi mới chết! Lợi ích ấy, nếu chẳng suy nghĩ sâu xa, ai hòng biết được!

Tống Nho trộm lấy nghĩa lý sâu thẳm về tâm tánh trong kinh Phật để hoằng dương, xiển phát đạo Nho, quá sợ người đời sau học Phật sẽ khiến cho môn đình Nho Giáo bị lạnh lẽo, đìu hiu, nên đã học từ nơi người ta lại ngược ngạo bảo người ta chẳng bằng mình, tà vạy bài bác, bảo Phật dùng nhân quả luân hồi để làm căn cứ phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tin thờ giáo pháp của Ngài. Hơn nữa, con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dẫu có những dụng cụ hành hình trong địa ngục thì sẽ thi thố vào đâu? Nếu đúng như họ nói thì con người sanh ra không từ đâu đến, chết rồi cũng chẳng đi về đâu, Nghiêu lẫn Kiệt đều chết sạch cả rồi, dẫu thiện hay ác hễ chết đều là không cả! Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, chỉ dạy dỗ tận nghĩa, tận phận, thành ý, chánh tâm xuông, nhưng lại ra sức bài xích phương tiện đôn đốc con người chẳng thể không tận nghĩa, tận phận, thành ý, chánh tâm. Sai lầm của kế sách ấy chẳng thể nói xiết!

Do vậy, nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả, cũng chẳng dám dạy con người nỗ lực làm lành, do họ thường cho rằng "hễ có làm gì để làm lành thì đấy chính là ác", tức là dạy [con người] tự tư tự lợi vậy! "Không làm gì để làm lành quả thật là làm lành đến cùng cực", đấy chính là chuyện của bậc thánh nhân, sao lại đem chuyện này dạy người bình thường? Nếu dạy [điều ấy cho] người bình thường thì sẽ ngăn trở người ta làm lành, hướng dẫn người ta làm chuyện chẳng lành! Tuy "thánh nhân không làm gì là làm lành" nhưng thánh nhân cũng thường có chuyện để làm, chứ không phải là hoàn toàn chẳng làm gì hết! Ông Cừ Bá Ngọc[95] tuổi tròn hai mươi biết mười chín năm trước sai trái. Đến khi năm mươi tuổi, biết bốn mươi chín năm trước sai quấy, muốn giảm bớt lỗi nhưng chưa thể được. Đấy chính là những gì bình sinh ông ta đã thực hiện vậy. Tăng Tử hằng ngày dùng ba chuyện để tự phản tỉnh, đến lúc lâm chung mới nói: *"Kinh Thi chép: 'Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phù"* (dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, từ rày mai sau, ta biết thoát rồi). Đấy là từ đầu đến cuối "có làm" vậy.

---

[95] Cừ Bá Ngọc: Tên thật là Cừ Viện, Bá Ngọc là tên tự, vốn giao du thân thiết với Khổng Tử. Ông là người nước Vệ, nổi tiếng là người hiền, giữ lễ, làm đại phu dưới thời Vệ Linh Công, ông thường được coi như học trò của Khổng Tử. Một buổi nọ, Vệ Linh Công và phu nhân tên Nam Tử đang ngồi trong cung nghe tiếng xe lăn bánh đến gần cửa cung, đột nhiên tiếng xe im bặt. Bà Nam Tử nói: "Người ngồi xe đến đây chắc chắn là Cừ Bá Ngọc!" Vệ Linh Công ngạc nhiên: "Sao bà biết?" Nam Tử trả lời: "Phàm người hiền giữ lễ, đến trước cửa nhà vua ắt phải xuống xe đi bộ vào, đang cưỡi ngựa thấy người hiền phải xuống ngựa chào hỏi". Cừ Bá Ngọc là một người trong số Thất Thập Nhị Hiền được thờ phối hưởng với Khổng Tử ở Văn Miếu.

Nhan Uyên hỏi về lòng nhân, Khổng Tử bảo *"dùng đánh đổ điều ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa"*. Hỏi đến chi tiết, Ngài dạy: "*Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động"* (Điều phi lễ đừng nhìn, chuyện phi lễ đừng nghe, lời phi lễ đừng nói, chuyện phi lễ đừng làm). Cả hai câu đáp đều là "có làm", chứ không phải là không làm gì! Khổng Tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng. Tuổi đã bảy mươi vẫn mong trời cho sống thêm vài năm nữa để học kinh Dịch hòng tránh được lỗi lớn, đều là "có làm" sâu xa!

Tống Nho cất giọng cao xa, muốn tự khoe khoang cao minh, chẳng hề biết đã trái nghịch đạo "khéo léo khuyên dụ dần dần" của thánh nhân. Họ tự lầm, gây lầm lạc cho người và cả thiên hạ đời sau cũng lớn lắm. Từ sau khi Tống Nho bài xích nhân quả luân hồi, phàm là người đọc sách đều chẳng dùng những gì được nói trong Ngũ Kinh để luận định mà cứ coi những thuyết của Tống Nho như khuôn thước. Nếu có ai biết thì sợ bị mang tiếng "trái nghịch tiên Nho", hoặc nếu có thành tựu đáng dự vào Văn Miếu nhưng vì đã dự phần học Phật thì sẽ trở thành tuyệt vọng. Do vậy, chẳng dám hé răng! Nhưng kẻ hiểu Phật lý sâu xa, đem những pháp ấy diễn tả rõ ràng ra, nhưng vẫn kèm theo lời lẽ bài bác, chỉ vì muốn có chỗ đặt chân hòng được dự vào Văn Miếu trong mai sau! Vì thế, mấy trăm năm qua, phương tiện lớn lao để khuyên lành phạt dữ đã nhất loạt bị bỏ lửng, dù có khuyên hay phạt đều là chuyện thuộc về cành nhánh, chẳng đạt được cội rễ, được lợi ích quá ít! Gần đây, do gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, những kẻ ham mới chuộng lạ đối với những chuyện người Âu Tây làm, không gì chẳng bắt chước, biến đổi dữ dội tận gốc càng nhiều gấp mấy lần hơn nữa, đến nỗi đối với những chuyện "vì nước, vì lẽ công" họ bỏ mặc, coi như không nghe thấy, nên mới đề xướng những đường lối phế kinh điển, phế luân thường, phế bỏ lòng hiếu, không hổ thẹn v.v… chẳng nỡ thấy nghe! Cả nước thành cuồng không sao kể xiết!

Nếu hết thảy mọi người đều biết có sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, dẫu dùng cái chết để uy hiếp họ, ép họ phải làm những chuyện như trên đây thì họ sẽ thà chết chứ chẳng dám làm những chuyện đại ác ấy! Do vậy, biết cái gốc họa của chuyện diệt Nho giáo, diệt luân lý để mong thực hiện biến con người thành cầm thú, đều từ học thuyết bài xích nhân quả của Tống Nho ươm thành, thật vậy đó! Học thuyết gây lầm lạc cho con người, dù nước lũ, mãnh thú, cũng chẳng gây họa khốc liệt như vậy.

Trước kia, có người hỏi tôi: "Đời đã loạn tột bậc, nên bình trị như thế nào?" Tôi nói: "Nếu ông biết được nguyên nhân của sự loạn lạc thì sẽ biết được pháp tắc để bình trị". Ông Châu An Sĩ nói: *'Ai nấy đều biết nhân quả, đó là đạo để bình trị lớn lao. Ai nấy đều chẳng biết nhân quả thì đấy là con đường dẫn đến đại loạn vậy"*. Do nhà Nho kỵ nói đến nhân quả khiến cho thế đạo, nhân tâm ngày càng bạc bẽo dần dần, cho đến tận ngày nay rốt cuộc

có kẻ dám đề xướng phế kinh điển, phế luân thường v.v… Nếu thật sự biết nhân quả thì chẳng những miệng không dám thốt ra lời ấy, mà cũng chẳng dám để lọt vào tai! Bởi đấy là những tiếng xấu xa, bạc ác, người có tấm lòng lo cho con người chẳng nên nghe! Hễ nghe sẽ khiến cho con người đau lòng buốt óc, không làm sao được! Nay muốn biến loạn lạc thành bình yên mà nếu chẳng cực lực đề xướng giáo dục trong gia đình thì sẽ không thể thực hiện được. Nhưng giáo dục trong gia đình thì điều đầu tiên là lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" làm gốc. Lại phải thường bàn về sự lý nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo thì những nhân tài xuất hiện trong gia đình đều là bậc hiền thiện. Trong gia đình đã có nhân tài hiền thiện xuất hiện thì thiểu số chẳng hiền thiện cũng sẽ được un đúc, đều được cảm hóa. Vì thế nói: *"Thiên hạ bất trị, thất phu hữu trách"* (thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm). Đấy là lời bàn luận xác định: "Do cái nhân suy sụp mà đời yên bèn thành loạn, do cái nhân được hưng thịnh mà đời loạn bèn thành yên" vậy. Chẳng nương theo đó mà muốn đất nước được bình trị thì làm sao thực hiện cho được? Đấy là điều những người có tâm lo cho thế đạo, nhân tâm đều cùng lo nghĩ.

Cư sĩ Phan Đối Phù thấy được điều này, vào năm trước đã thỉnh cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh biên soạn cuốn Phật Học Cứu Kiếp Biên, dùng Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện để sửa lỗi hướng lành, bỏ mê trở về với ngộ, giữ ba nghiệp thân - khẩu - ý thanh tịnh, tu Tam Học Giới - Định - Huệ để mong trừ khử vọng nghiệp vốn chẳng hề có, khôi phục chân tâm vốn sẵn có. Lại còn dạy [người đời] tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương để vĩnh viễn lìa khỏi đời ác Ngũ Trược, thường hưởng pháp lạc Tứ Đức. Lại còn lấy mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát để làm chỗ nương về, ngõ hầu nương vào từ lực của Phật Di Đà và nguyện luân của chính mình, tùy loại hiện thân trong mười phương các cõi, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh, khiến cho khắp mọi hàm thức đều thành Phật đạo. Hư không có cùng tận, nguyện của ta vô cùng. Đấy là công lao cứu vãn kiếp nạn đến cùng cực vậy.

Tục ngữ có câu: *"Cứu người phải cứu tới nơi tới chốn*". Cứu như vậy có thể nói là triệt để đến cùng cực! Nhưng đối với người chưa biết đến chân lý Phật pháp thì thoạt đầu chẳng thể không dùng những sự tích nhân quả nông cạn, gần gũi để khơi gợi tín tâm của họ. Đừng vì những chuyện ấy nông cạn gần gũi mà chẳng muốn đọc rồi bỏ qua, thì sẽ tự đạt được diệu đạo thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Nguyện khắp những người cùng hàng ai nấy đều cùng gắng sức.

43. Lời tựa cho bộ Vụ Bản Tùng Đàm

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Đời đã loạn tột cùng hết thuốc chữa! Xét đến cái gốc họa thì chỉ vì các tiên hiền bên Lý Học đã bài xích những sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Phật đã dạy. Họ nói: Phật bịa đặt những chuyện đó để làm căn cứ dụ dỗ, mê hoặc hàng ngu phu ngu phụ, chẳng biết *"thuận theo thiên lý thì tốt lành, trái nghịch thì xấu, tích thiện sự vui có thừa, tích bất thiện thì tai ương có thừa"*, cũng như *"tinh khí là vật, du hồn biến chuyển"* chẳng phải là nhân quả đó sao? Chẳng phải là luân hồi đó ư? Huống chi những chuyện nhân quả luân hồi được ghi chép trong sử sách kể sao cho xiết! Há họ trọn chẳng hề đọc đến hay sao? Chỉ vì tri kiến môn tường quá nặng, muốn tạo đường lối khác biệt nhà Phật để ngăn trở người đời sau, sợ họ đều học theo Phật hết thì Nho giáo sẽ bị lạnh lùng, suy sụp. Bọn họ chỉ lấy "trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm" làm đạo giáo hóa dân, để biến đổi phong tục thành tốt đẹp. Đối với phương tiện khiến cho dân không thể không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm, sửa lỗi hướng thiện, họ chẳng những phế bỏ không bàn tới mà còn bài xích sâu đậm là sai trái, chỉ sợ lỡ ra người ta tin vào nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo! Do vậy, bậc thượng trí biếng nhác tu trì, kẻ hạ ngu dám làm ác, bởi Nghiêu hay Kiệt đều cùng chết, đều mất sạch cả rồi, cần gì phải chú tâm, dè dặt, không dây mà tự buộc để tự khổ sở cả một đời ư? Sao chẳng mặc tình buông lung cốt sao đời này được sung sướng, quản chi cái danh xuông sau khi đã chết? Đến nỗi thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt! Tới khi gió Âu thổi dần sang phương Đông, biến đổi tận gốc càng thêm tệ hại, rốt cuộc đến nỗi phế kinh điển, phế luân thường v.v… lậm sâu mê hoặc bên trong, [biến thành] những chuyện tranh thành, tranh đất v.v… làm giặc bên ngoài. [Nông nghiệp] thì thiên thời lẫn địa lợi đều mất, nhân họa, thiên tai cùng xảy tới. Xót thay dân đen, mắc phải sự hung tàn này. Xét đến nguồn gốc của họa loạn chẳng thể nào không quy tội cho học thuyết bài xích "nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo"! Xưa kia, khi họ đề xướng thuyết này, chẳng qua chỉ muốn chèn ép Phật giáo để đề cao Nho giáo, chẳng biết do đấy [con người] sẽ phóng túng không kiêng dè, đến nỗi phát sanh những hiện tượng phế kinh điển, phế luân thường, phế bỏ lòng hiếu, vứt bỏ hổ thẹn.

Ôi! Tình người như nước, nhân quả như đê. Đắp cho chắc còn sợ nước ngập lênh láng, huống hồ là trừ bỏ đê đi, há nước chẳng chảy tràn lan hay sao? Học thuyết lầm người, họa đến cùng cực như thế đấy, chẳng đáng buồn ư? Gặp phải thời vận này, người có tâm sao nỡ bỏ mặc được ư? Vì thế, cư sĩ Quách Giới Mai phổ biến lưu thông sách Vụ Bản Tùng Đàm để mong cứu vãn. Sách ấy nêu tỏ từng sự lý giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, cũng như pháp tắc phát Bồ Đề tâm, tự lợi, lợi tha, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương v.v... Nếu có thể hành theo đó thì khi sống ắt sanh vào địa vị thánh hiền, khuất bóng sẽ lên cõi Cực Lạc, ngõ hầu chẳng phụ chân tâm có

thể làm Nghiêu - Thuấn, có thể thành Phật và tiếng thơm cùng sánh với Trời Đất xưng là Tam Tài vậy!

Những ai muốn mở rộng giềng mối "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" lớn lao, muốn thành tựu đại sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", muốn chứng đại quả hết sạch Phiền Hoặc, phước huệ viên mãn, xin hãy dùng sách này để làm hướng dẫn hòng dẫn dắt người khác bước vào nơi thù thắng và những ai đã vào rồi sẽ tiến sâu thêm thì cuốn sách này sẽ không thể nào diễn tả tường tận sự thành tựu của người ấy cho được. Nguyện người thấy nghe chớ có xem thường thì may mắn lắm thay!

44. Lời tựa duyên khởi cho Phật Giáo Tây Phương Liên Hoa Hội ở Côn Sơn

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, nhiếp trọn các pháp thuộc chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối, thích hợp khắp ba căn thượng - trung - hạ, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, chắc chắn thoát sanh tử trong đời hiện tại! Chẳng trải qua tăng-kỳ[96] [kiếp số] mà đích thân chứng được Pháp Thân, chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, quả thật là đạo trọng yếu để thoát khổ trong hết thảy sự tu trì của chúng sanh. Do pháp này cậy vào Phật từ lực, nên lợi ích so với những pháp chuyên cậy vào tự lực sẽ khác biệt vời vợi một trời, một vực! Vì vậy, kẻ sắp đọa A Tỳ do mười niệm liền được vãng sanh, bậc đã chứng Đẳng Giác phát ra mười nguyện để hồi hướng Tịnh Độ. Do vậy biết: Pháp môn này chính là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Bởi đó, từ hội Hoa Nghiêm hướng dẫn về, từ lúc được diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, vãng thánh tiền hiền người người hướng đến, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ về. Huống chi nay thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến tột cùng, chánh pháp suy tàn, tà thuyết hoành hành, nếu chẳng dùng những điều lành thế gian như "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" và điều lành xuất thế "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh" để duy trì thì đạo làm người chắc sẽ gần như biến mất! Do vậy, bèn tập hợp những vị Tăng - tục cùng hàng, lập ra Liên Hoa Thắng Hội cầu sanh Tây Phương này, dùng cái tâm "lập mình, lập người, tự

---

[96] Tăng Kỳ, gọi đủ là A Tăng Kỳ (Asamkhya), là một trong hai mươi lăm con số lớn nhất của Ấn Độ. Đôi khi còn được phiên âm là A Tăng Già, A Tăng Xí Da, hay A Tăng, có nghĩa là "chẳng thể tính toán được". Một A Tăng Kỳ là một vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn triệu (tám chữ vạn).

lợi, lợi tha" để hành đạo "đôn đốc luân thường, tu ròng Tịnh nghiệp", ngõ hầu làm tiêu chuẩn [uốn nắn] những kẻ xô đổ luân lý, dùng tà thuyết dối dân, để làm hướng dẫn cho kẻ mê muội tâm tánh ở trong đường hiểm không thoát ra được! Những người trong hội nếu có thể tận tụy thật sự thực hành ắt sẽ làm cho những người cùng hàng nhìn theo nhau bắt chước làm lành thì chẳng riêng gì kẻ có tín tâm được gội Phật ân sâu xa, mà ngay cả kẻ một mực phản đối cũng sẽ phát ra thiện niệm lớn lao. Ấy là vì sẵn có Phật tánh, do gặp được nhân duyên tăng thượng sẽ được hiển hiện ngay lập tức. Những điều khác đã được nói tường tận trong kinh luận Tịnh Độ, nguyện những người tham gia hội và thấy nghe đều cùng gắng công.

45. Lời tựa cho Bôi Độ Trai Văn Tập

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Đời loạn đến cùng cực, phàm những người có tâm không ai chẳng ôm lòng lo lắng. Cư sĩ Quách Giới Mai do muốn cứu vãn nên trước kia đã từng soạn bộ Vụ Bản Tùng Đàm, tiếp đó lại chọn lọc từ văn cảo nhiều năm, gạn lọc thành sách. Phàm những gì được trước thuật đều là những sự tích thiện ác, lời hay hạnh đẹp trích từ Kinh, Sử, Tử, Tập[97], các kinh luận của Phật, Tổ, và đủ mọi ngôn luận cân nhắc cặn kẽ của người đương thời, chia thành bốn môn: Một là hiếu hữu (hiếu thảo, hòa thuận), hai là chánh trị (đường lối cai trị đúng đắn), ba là hoằng pháp, bốn là đức hạnh, đặt tựa đề chung là Bôi Độ Trai Văn Tập.

Vì sao lại dùng Bôi Độ để đặt tên cho Trai[98]? Ấy là vì muốn độ người nơi biển cả phiền não ác nghiệp thì phải dùng những lời hay hạnh đẹp của cổ thánh tiên hiền và sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Như Lai đã dạy để làm căn cứ, tùy sự tùy cảnh dùng văn tự của chính mình để tỏ rõ. Đối với những chỗ nào chẳng thể dùng lý luận giảng rõ được bèn dẫn những sự tích xưa nay làm chứng cứ ngõ hầu kẻ cứng cổ phải quay đầu, kẻ tánh tình buông lung phải sửa đổi cái tâm. Nhưng vì đạo đức của chính mình nhỏ bé, mỏng manh, chẳng thể cảm hóa lớn lao, giống như dùng cái chén (Bôi) để

---

[97] Kinh, Sử, Tử, Tập là cách phân chia sách vở Trung Hoa theo quan điểm của nhóm biên soạn Tứ Khố Toàn Thư. Kinh là những trước tác của thánh hiền như Tứ Thư, Luận Ngữ, sáu kinh Nho Gia chẳng hạn. Sử là những trước tác về mặt lịch sử như Tả Truyện, Sử Ký, Hán Thư v.v… Tử là những trước tác của các triết gia thời Xuân Thu Chiến Quốc như Tuân Tử, Hữu Tử, Cáo Tử, Mặc Địch, Trang Tử… Tập là những trước tác của những văn hào các thời.

[98] Trai có nghĩa là trong sạch, chuyên chú vào một chuyện. Người xưa thường dành riêng một gian nhà cách biệt để học hành, nghiên cứu cho yên tịnh, thanh vắng, nên cũng gọi phòng học là Thư Trai, đôi khi cũng được gọi tắt là Trai. Vì thế, các danh sĩ thường thích đặt tên tự hoặc biệt hiệu có kèm theo chữ Trai như Nguyễn Trãi có tên tự là Ức Trai, Nguyễn Đình Chiểu có hiệu là Hối Trai.

độ (cứu vớt) người, nên chỉ độ được hữu hạn. Đấy chính là danh xưng tự khiêm.

Phải biết: Cái chén này thuộc loại đại nguyện thuyền của Như Lai. Chịu lên cái chén ấy sẽ có thể ngay lập tức lên thẳng thuyền đại nguyện theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, rộng lớn không bờ bến. Chín pháp giới dù phàm hay thánh đều do thuyền này đến được bờ giác Bồ Đề. Nguyện những ai trong biển khổ phiền não gặp được cái chén này chớ thấy nó nhỏ nhoi mà vứt bỏ. Nếu không, dẫu gặp được đại nguyện thuyền ắt cũng chẳng hay biết để rồi bỏ lỡ, tự mình lầm lạc cũng lớn lắm đấy! Tôi thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh"*. Bỏ nhân quả mà bàn về bình trị thì chẳng qua là trị lành đôi chút căn bệnh ngoài da! Nếu là tâm bệnh thì ngược lại, bệnh càng tăng trưởng, chẳng lẽ nào chữa lành bệnh cho được! Những người nói giọng cao xa, cứ bảo "nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi chính là lời bàn luận hư vọng để dối người của đức Phật" chẳng những không biết nhân quả mà còn hoàn toàn u mê nơi chánh lý thế gian. Thánh nhân cùng lý tận tánh, đức Như Lai đoạn Hoặc chứng Chân, đều chẳng ra ngoài nhân quả! Nếu con người tin sâu nhân quả sẽ tự nhiên ý thành, tâm chánh, thân tu!

Họ dùng thành ý, chánh tâm, tu thân để làm căn cứ khiến cho đời yên dân hiền, mong thành thánh, thành hiền, nhưng cực lực bài xích nhân quả, luân hồi, chẳng biết "chỉ có sự lý nhân quả luân hồi là phương tiện làm cho con người thành ý, chánh tâm, tu thân!" Đã không có nhân quả, luân hồi thì có mấy ai chịu theo đuổi thành ý, chánh tâm, tu thân? Muốn cho ai nấy đều thành ý, chánh tâm, tu thân, mà trước đó đã bài xích phương tiện khiến cho con người không thể không thành ý, chánh tâm, tu thân, chẳng dám không thành ý, chánh tâm, tu thân! Cái tội đã vu báng bậc thánh đời trước, gây lầm lẫn cho người học đời sau, dù hết sạch trúc cũng khó ghi trọn được! Họ vẫn tự kiêu là "đề cao điều chánh, trừ bỏ lẽ tà, khiến đời yên dân lành", đến nỗi xuất hiện những cảnh phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu thuận, bỏ hổ thẹn, tàn sát lẫn nhau, dân không lẽ sống v.v… đều là do sự bài xích nhân quả luân hồi ấy ươm thành!

Nếu họ mộng thấy được cái họa ấy, dù có bị hình phạt tan xương nát thân bức bách họ đề xướng bài xích, họ cũng chẳng dám làm! Huống là do chỉ cầu lấy hư danh chẳng liên quan khẩn yếu mà lại dám làm ư? Thật vậy, chúng sanh ác nghiệp sâu nặng, cảm phải học thuyết này, nghiệp tăng nặng thêm, há chẳng đáng thương quá ư? Nguyện cho hết thảy những người cùng hàng đều cùng ôm lòng tự lợi, lợi tha, đừng giữ những tri kiến môn đình đây kia! Do giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành mà đạt đến minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng Chân, và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì bởi cái chén này sẽ lên thẳng đại nguyện

thuyền của đức Như Lai, đến được bờ giác kia, lại còn lần lượt độ thoát đến hết đời vị lai, ngõ hầu chẳng uổng cuộc sống này và dịp gặp gỡ này!

46. Lời tựa cho bản in gộp chung Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục và các bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Phàm những loài có huyết khí đều có tri giác. Đã có tri giác ắt tham sống sợ chết, hướng lành, lánh dữ. Chim, thú, côn trùng, rận, rệp, không loài nào chẳng như vậy. Nếu coi thường bắt giết thì tuy sức chúng nó chẳng thể chống lại, đành không biết làm sao được, nhưng tâm chúng nó thù hận quả thật chẳng ngôn ngữ văn tự nào có thể hình dung được! Nếu chúng sắp bị giết mà có người mua đem thả khiến cho chúng được sống, tâm chúng nó cảm kích cũng lại chẳng thể hình dung được! Dẫu cho chúng nó hiện thời chẳng có sức báo ân, báo oán, nhưng cái duyên thiện - ác đã kết thì hoặc là trong đời này, hoặc trong tương lai, ắt sẽ có sự báo ứng chẳng ngờ được! Dẫu chúng nó chẳng thể báo đền ngay lập tức, nhưng thường hành phóng sanh hay thường hành sát sanh thì thiên địa quỷ thần đều thường soi xét để giáng phước hay giáng họa, chớ coi thường, nghĩ chúng nó yếu ớt rồi khinh khi!

Người đời chẳng biết nhân quả, coi sát sanh ăn thịt là lẽ chánh đáng, là điều nên làm; chẳng biết những tai ương thê thảm như đao binh, giặc cướp, lũ lụt, hạn hán, tật dịch v.v… phần nhiều đều do sát sanh ăn thịt mà ra! Nếu ý niệm từ bi thật sự tinh thuần, dù ở trong cùng một thời kiếp này nhưng mỗi người mỗi thọ quả báo khác biệt. Xưa kia, một đứa bé được cha dẫn đến quy y, tôi hỏi: "Con có thích ăn thịt hay không?" Nó thưa: "Thích lắm ạ!" Tôi lấy ngón tay nó bỏ vào miệng nó, bảo: "Miếng thịt này ngon lắm, ăn thử xem nào!" Nó cực lực phản đối: "Không ăn được, không ăn được đâu!" Tôi nói: "Thịt của chính mình thì không ăn được, sao lại ăn thịt của những sanh linh khác được? Hiện tại con ăn thịt nó, tương lai nó cũng ăn thịt con. So với việc ăn thịt chính mình càng khổ độc gấp vạn lần". Do vậy, thánh nhân dùng lòng trung hậu, khoan thứ dạy người, những gì chính mình không thích bị làm thì đừng làm cho người khác, không giống như người đời vô tri ỷ mạnh nuốt yếu, quen thói coi đó là chuyện thường, nào biết sát sanh ăn thịt là tội ác, là phi lễ! Thấy người không ăn thịt lại chê là hủ bại, là mê tín! Giả sử người ấy đột nhiên bị biến thành chim, thú, cá, tôm, bị người ta bắt được sắp bị giết, trong tâm liền tự nhủ đấy là chuyện đúng lẽ, là chuyện nên làm, hoan hỷ trám đầy miệng bụng người khác hay sao? Hay sẽ nói là tội ác, là phi lễ, ôm lòng hận thù không cởi gỡ được ư? Nếu lúc ấy có người kiêng giết, bảo vệ sanh mạng loài vật, chẳng ăn thịt, khuyên người ta đừng giết, sắp muốn mua đem thả, trong tâm con vật có chê người ấy là viễn vông, hủ bại, là mê tín hay không? Hay là sẽ cảm đức cứu mạng, suốt đời chẳng quên vậy? Nếu

kẻ đó đặt mình vào chỗ ấy, suy đi nghĩ lại, tôi e rằng kẻ ấy thà ăn thịt của chính mình chứ chẳng chịu ăn thịt của chúng sanh nữa! Than ôi! Ai nấy đều có thể thành Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, sao lại trái giác hiệp trần đến mức cùng cực như vậy?

Tiên sinh Giang Thận Tu[99] chính là vị quân tử ẩn dật vào đời Thanh trước kia, học vấn uyên bác, phẩm hạnh thuần chánh, tuy chưa từng nghiên cứu Phật lý đến tột cùng, nhưng tin sâu nhân quả. Vì thế, cụ sao lục những chuyện thấy nghe được về sự báo ứng do sát sanh hay phóng sanh, biên soạn thành sách. Hậu duệ của cụ là Dịch Viên đem ấn hành vào năm Dân Quốc 11 (1922), Quang đã viết lời tựa, nên ở đây không cần phải nói nhiều. Hiện nay sát kiếp ngập tràn, lại thêm lũ lụt, hạn hán, đủ mọi tai họa, dân không lẽ sống, hết cả thuốc chữa! Những người cùng hàng muốn giải quyết [vấn đề] từ căn bản, tính ấn hành rộng rãi bộ Hiện Báo Lục để làm căn cứ vãn hồi kiếp vận.

Lại do đối với lý tột cùng, bộ Hiện Báo Lục chưa nêu tỏ đầy đủ, nên đem những bài văn "kiêng giết, phóng sanh" của Quang trong phần phụ lục của cuốn Vạn Thiện Tiên Tư trước kia in gộp vào cuốn [Hiện Báo Lục] này. Do vậy, sẽ thấy tâm pháp của Nho và Phật chẳng hai, miệt mài cứu vật quả thật là miệt mài cứu người. Cách cứu vãn này chính là dốc sức từ nơi căn bản, đừng gièm chê là hoãn, gấp, nặng, nhẹ không thích đáng! Những bài văn [khuyên kiêng giết, phóng sanh] của Liên Trì, Từ Vân, Tăng Đoan Phủ[100] đều là vàng ròng trải qua trăm lần luyện, là ngọc đẹp không tỳ vết. Đọc những bài văn ấy sẽ khiến cho cái tâm tàn nhẫn của con người nhanh chóng tiêu diệt, ý niệm từ bi tràn trề nẩy sanh. Chỉ có một bài sớ [kêu gọi tu bổ ao phóng sanh] ở Nam Tầm của Quang khó tránh khỏi bị chê bai là đem thau xen lẫn vào vàng, nhưng cạn hết tấc lòng ngu thành của tôi, gắng trọn hết thiên chức, khen hay chê cũng chẳng màng!

47. Lời tựa cho bộ Viên Anh Pháp Vựng

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

---

[99] Giang Vĩnh (1681-1762), tên tự là Thận Tu, người huyện Vụ Nguyên, tỉnh Giang Tây, bác học đa văn, suốt đời không ra làm quan, chỉ lo dạy học, tinh thông rất nhiều học thuật, trước tác rất nhiều, hơn 20 tác phẩm của ông được đưa vào Tứ Khố Toàn Thư. Trước tác nổi tiếng nhất là bộ Hà Lạc Tinh Uẩn, được coi như một tác phẩm chú giải tinh vi nhất về Dịch học, cũng như chứa đựng rất nhiều kiến giải đặc sắc, mới lạ về kinh Dịch.

[100] Theo Cư Sĩ Truyện, Tăng Đoan Phủ tên thật là Tăng Đại Kỳ, người huyện Thái Hòa tỉnh Giang Tây, sống vào cuối đời Minh, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, rất có văn tài, soạn bộ sách Thông Dực để xiển dương nhân quả và các nghĩa lý khổ, không, vô thường, giải trừ nghi hoặc của người đời, vận dụng rộng rãi kinh truyện để làm chứng cứ nên rất được người đương thời tán thưởng. Ông còn soạn bài Hộ Sanh Thiên để đề xướng kiêng giết phóng sanh.

Tri kiến Như Lai chúng sanh đều cùng sẵn có; nhưng nếu đức Phật chẳng nói, ai hòng tự biết được? Vì vậy, đức Thế Tôn ta thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, vì khắp chúng sanh chín giới, tùy theo căn cơ tuyên nói diệu pháp sao cho lý lẫn cơ đều khế hợp, giải lẫn hạnh cùng trọn vẹn, ngõ hầu đoạn Hoặc chứng Chân, khôi phục tâm tánh vốn có mà thôi!

Lại do những nhân duyên như: Chúng sanh độn căn khó mong đoạn chứng được, hễ phải thọ sanh lần nữa, tiến chỉ một, lùi cả vạn; [chỉ có] bậc thượng sĩ Nhất Thừa đích thân chứng được Pháp Thân, chẳng phải trải qua tăng-kỳ [đại kiếp], mau thành Phật đạo v.v… nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, để chín pháp giới thượng thánh hạ phàm đều cùng vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Bậc thượng sĩ sẽ viên mãn Bồ Đề, kẻ hạ căn cũng đích thân lên bậc Bất Thoái. Ân che chở, vỗ về, nuôi dưỡng ấy dù hết cả kiếp cũng chẳng thể nói trọn. Do vậy biết: Một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Đang thời Mạt Pháp này, căn cơ con người kém hèn, thọ mạng ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, tà ma ngoại đạo tung hoành, nếu không có pháp này thì làm sao yên được? Vì thế, khi Phật pháp được truyền sang Chấn Đán, hai ngàn năm qua, tất cả tri thức ai nấy hoặc chuyên tu hoặc kiêm tu, hoặc hiển tu hoặc ngầm tu pháp này để mong rốt ráo tự lợi, lợi tha.

Pháp sư Viên Anh xưa đã sẵn huệ căn, nghiên cứu Giáo Quán đã lâu, tuy thị hiện dáng vẻ duy trì Tông môn, nhưng thật ra lòng chuyên chú nơi Tịnh Độ. Người căn cơ viên mãn thọ pháp, không pháp nào chẳng viên, tùy lòng người ưa thích mà giảng các kinh. Phật Học Thư Cục tập hợp những trước tác của Sư để ấn hành, lưu truyền, đặt tên là Viên Anh Pháp Vựng. Đầu sách là A Di Đà Kinh Chú (chú giải kinh A Di Đà) để nêu rõ ý pháp sư chú trọng Tịnh Độ. Trộm nghĩ vùng Chiết Giang xưa kia đã có Vân Thê Pháp Vựng, gần đây thì có Đế Nhàn Giảng Lục, Viên Anh Pháp Vựng, đều là người hướng dẫn nơi đường hiểm, là thuyền từ trong biển khổ. Kẻ có duyên gặp được may mắn chi hơn? Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, ngoài niệm Phật ra, chẳng biết một chuyện gì, được Sư chẳng chê bỏ, sai viết lời tựa dẫn giải, chỉ đành lược thuật những gì được biết cho xong trách nhiệm, nhưng lời văn chẳng ăn nhập gì đến đầu đề, đành mặc cho bậc đại thông gia chỉ trích, chê cười mà thôi!

48. Lời tựa cho Viện Mồ Côi của hội Phật giáo Thượng Hải

Nuôi dạy con người thuở bé là chuyện cấp bách. Ấy là vì lúc mới hiểu biết sẽ hấp thụ sự huân tập dễ dàng. Tập tành chuyện lành sẽ là người lành; tập thói ác sẽ thành kẻ ác, huống gì những cô nhi không cha, không mẹ, không cơm, không áo ư? Những hạng người này không được nuôi dạy thì

nếu không chết đói sẽ lưu lạc thành ăn mày, hoặc thành kẻ bậy bạ. Bởi lẽ, tài đức thiên phú do nghèo cùng nên chẳng thể bộc lộ, chẳng tiếc lắm ư? Nếu được nuôi dạy thì sẽ như Thích Đạo An đời Tấn, Thích Diệu Phong đời Minh, đạo truyền Phật tâm, trên hoằng dương, dưới hóa độ. Lã Văn Mục[101], Phạm Văn Chánh đời Tống, dùng đạo cứu giúp cõi đời hoạn nạn, kế thừa người trước, mở mang hậu học, xưa nay vốn chẳng thiếu những người [giống như thế]. Dẫu đứa không có thiên tư cũng sẽ được nuôi thành lương thiện, biết tự chủ, trở thành bậc thuần thành, cẩn thận trong một làng, một ấp, tận tụy hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", sẽ biến đổi thế đạo nhân tâm mà chẳng hay chẳng biết. Do vậy, củng cố nền tảng đất nước, giúp cho sự bình trị, cố nhiên chẳng riêng gì đứa bé côi cút được hưởng lợi ích ấy!

Nguyện những người nhân từ, những bậc quân tử, hãy đem cái lòng thương yêu trẻ thơ của ta để nhất trí tiến hành giúp đỡ cho chuyện này ngõ hầu an ủi tấm lòng thương trẻ của Khổng Tử, cái tâm [thương yêu chúng sanh như] con một của Phật Thích Ca thì cái tâm thương yêu trẻ thơ mới được viên mãn, không còn thiếu sót gì, khôn ngăn thơm thảo ngày đêm cầu khẩn vậy!

49. Bài tụng và lời tựa nêu bày ý nghĩa ẩn kín nhân dịp khánh thành công trình xây dựng thêm nhà cửa cho viện Mồ Côi của hội Phật giáo thành phố Thượng Hải

Tử Dư Thị[102] từng nói: *"Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu, trị thiên hạ khả vận chi chưởng thượng".* (Đem lòng phụng

[101] Văn Mục là thụy hiệu của Lã Mông Chánh (944-1011), tự Thánh Công, người xứ Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, làm Tể Tướng dưới đời Tống Thái Tông và Tống Chân Tông. Ông vốn thuộc dòng dõi quyền quý, cha là Lã Quy Đồ làm quan Thị Lang, nghe lời người thiếp gièm xiểm, nhẫn tâm đuổi mẹ con ông ra khỏi nhà. Mẹ phải làm thuê vất vả để kiếm sống, Mông Chánh còn bé đã phải đi đốn củi giúp mẹ đắp đổi cuộc sống. Mỗi lần gánh củi đi ngang trường học, Mông Chánh rình nghe học trò đọc sách, không bao lâu đã thông thuộc Tứ Thư, Ngũ Kinh. Mẹ thấy con chăm học, đến van nài với thầy dạy. Thầy giáo thấy Mông Chánh thông minh, hiếu học bèn châu cấp bút mực, tận lực dạy dỗ. Ông tánh tình cương trực, nói thẳng không kiêng dè. Tống Thái Tông từng khoe kinh thành giàu có, ấm no, ông liền vạch thẳng tình trạng cả đống dân chết đói, chết rét, nhưng các quan giấu diếm không báo lên vua biết, khiến vua giận xám mặt. May mắn cho ông là Tống Thái Tông không phải là hôn quân, nên ông vẫn giữ được tánh mạng! Do cương nghị, đầy tài năng, ông từng kiêm nhiệm nhiều chức vụ trọng yếu như Đồng Bình Chương Sự, Chiêu Văn Quán Đại Học Sĩ, Tư Không, Thái Tử Thái Sư, tước phong Tưởng Quốc Công.

[102] Theo Sử Ký, Tử Dư Thị là tên gọi chung của ba anh em họ nhà Tử Dư, tức Trọng Hành, Yểm Tức, và Châm Hổ. Cũng như ba anh em họ Tử Xa, họ là những vị hiền thần dưới thời Tần Mục Công. Khi Tần Mục Công chết, họ là những người bị chôn sống theo

dưỡng người già của ta để phụng dưỡng người già của kẻ khác, đem lòng thương yêu đùm bọc trẻ thơ của ta để đùm bọc, thương yêu con thơ người khác thì thiên hạ bình trị là điều nắm chắc trong tay). Từ khi cái học chân chánh bị thất truyền, nhà Nho đều lấy bài xích luân hồi làm chí hướng, sự nghiệp. Dẫu có biết cũng chẳng dám nói ra miệng. Do vậy, phụng dưỡng người già, nuôi dạy trẻ thơ của chính mình đều chẳng đạt đến đạo rốt ráo, huống hồ là với người già, trẻ thơ của người khác ư! *"Lão lão"* vừa nói đó chính là dùng đạo để [cha mẹ được] tự yên và dưỡng cái chí của cha mẹ, khuyên dụ cha mẹ hướng về đạo. Nếu không, dù có phụng dưỡng cẩn thận, vẫn chẳng thể khiến cho thân tâm cha mẹ rốt ráo yên vui, đều chẳng được gọi là thật sự *"lão ngô lão"* vậy!

Hãy để câu ấy lại mà bàn đến chuyện *"ấu ấu"*. Ấu ấu là dùng thân làm gương ngõ hầu nuôi dạy đúng đắn con thơ, mỗi một lời nói, mỗi một hành vi chẳng để vượt khỏi quy củ, sao cho đều là hiền là thiện, có ích cho nước nhà, chẳng gây hại cho xã hội thì mới được! Nếu không, dẫu chẳng tiếc tiền của cung cấp học phí, học vấn thành tựu xong, [con cái] chẳng hề chú trọng đạo nghĩa thì đều chẳng gọi là *"ấu ngô ấu"* thật sự! Con thơ của ta còn chẳng thể chân thật nuôi dạy như vậy, huống chi đối với những đứa con thơ của người chung quanh hay người đời, làm sao có thể quan tâm đến nơi đến chốn cho được? Gần đây, thế đạo hoang tàn, loạn lạc, dân không lẽ sống, bao nhiêu cô nhi không cha, không mẹ, không áo, không cơm sắp bị chết đói. Dẫu chẳng chết đói nhưng do không được dạy dỗ, ắt khó thể trở thành người đàng hoàng được! Chẳng thành gã dân ương bướng, ắt sẽ trở thành kẻ hư hỏng!

Các đại thiện sĩ như Quan Quýnh Chi v.v… nhiệt tâm làm chuyện công ích, nghĩ đến nỗi khốn khổ của cô nhi, trong năm trước đã lập một cô nhi viện Phật giáo ở nhờ chùa Bảo Liên tại Áp Bắc. Nay người đông, nhà ít, xây cất thêm bao nhiêu gian nữa, nay đã hoàn thành, cho in đặc san Kỷ Niệm, sai Quang lược thuật những nét chánh. Do vậy, bèn tụng rằng:

Giúp đỡ cô nhi,
Tài cao chót vót,
Nếu chẳng cứu giúp,
Sống bằng cách nào?
Đã được nuôi dạy,
Chánh khí ắt thành,
Hoặc là công, thương,
Học hành, cày cấy,
Là hiền, là thiện,
Tốt lành, thuần thục,

---

vua trong số một trăm bảy mươi bảy người bị tuẫn táng. Không rõ câu nói trên do ai trong số ba người này đã nói.

Chăm giữ đạo nghĩa,
Tuy hèn vẫn vinh,
Huống chi chẳng ít,
Anh tuấn lỗi lạc,
Do vậy biết rằng:
Nuôi dạy cô nhi,
Lợi ích sâu rộng,
Lời ông Tử Dư
Thật đã nghĩ chín,
Chỉ nguyện người nhân,
Cùng sẵn từ bi,
Nhà viện tuy thành,
Nhu cầu vẫn thiếu,
Ai nấy ra tay,
Giúp cho hoàn thành,
Thương con của người,
Con ta ắt nhờ.
Hiền thiện tiếp nối,
Nêu gương cho đời,
Lợi người, tự lợi,
Nhân quả như thế,
Chớ nên chẳng tin,
Lời Phật chẳng dối!

50. Lời tựa cho bộ Đạo Đức Tùng Thư

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa. Nhà tích điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa). Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối cùng mới nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (thuận theo sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều cực) đấy chính là nghĩa "nhân đời trước, quả đời này" vậy. Nho gia trong cõi đời chẳng biết nhân quả, quy hết [mọi chuyện] về sự cai trị của vua. Thế nhưng, tánh tình hung bạo, thọ mạng ngắn ngủi, tấm thân bệnh tật, nỗi lòng lo sầu, cảnh ngộ nghèo cùng, diện mạo xấu xí, thân thể yếu đuối đều do sự cai trị của vua gây ra hay sao? Vu báng sự cai trị của vua, trái nghịch tâm pháp của thánh nhân quá sức!

Đạo "sửa mình trị người" của thánh nhân lấy "sáng tỏ Minh Đức" làm gốc. Công phu bước đầu của làm sáng tỏ Minh Đức chính là cách vật. *"Vật"* chính là nhân dục tham - sân - si - mạn, trừ sạch hết đi thì lương tri sẵn có tự nhiên hiển hiện. Lương tri đã hiển hiện thì chẳng thể nào ý không thành, tâm

không chánh, thân không tu! Kẻ học phải học từ đầu nguồn như vậy mới là thật học. Người căn tánh trung hạ chẳng thể trừ khử nhân dục để thành ý, chánh tâm, tu thân thì dùng thật sự, thật lý nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo để giảng nói cho họ, ắt họ sẽ gắng sức làm lành, càng cố ý bỏ ác, dùng *"bốn điều đừng"* của Nhan Tử và *"ba điều phản tỉnh"* của Tăng Tử để làm gương báu cho suy nghĩ, khởi niệm, hành xử, sẽ dần dần tự đạt đến chỗ hết sạch nhân dục, đạt được địa vị làm sáng tỏ Minh Đức. Những nhà Nho đời sau kỵ nói nhân quả luân hồi là đã đánh mất phương tiện thúc bách con người chẳng thể không thành ý, chánh tâm, tu thân. Lại còn đặc biệt cao giọng đề xướng để tự khoe bản lãnh cao minh, cho "có gì để làm lành thì đấy chính là ác". Con người chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, dẫu bị chém - chặt - xay - giã, sẽ thực hiện vào đâu? Nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo chính là lời dối trá để phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tin phụng giáo pháp nhà Phật. Do những lời lẽ ấy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, dẫu có pháp bình trị cõi đời đi nữa cũng đều thuộc ngoài da, trọn chẳng có căn bản!

Vì thế, đến khi gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, tất cả những pháp do thánh nhân Trung Quốc lập ra đều bị bỏ đi, học theo văn hóa mới của Thái Tây, biến đổi tận gốc càng thêm dữ dội, những tấn tuồng xấu xa như phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, không hổ thẹn, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau đều thấy diễn ra, đạo làm người gần như bị diệt mất! Do vậy, người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm đua nhau cứu vãn, hoặc đề xướng Phật học, hoặc biên soạn thiện thư, không gì chẳng muốn cho con người đều biết nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo, đổi ác hướng lành, dứt lòng tà, giữ lòng thành, sốt sắng hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", luyện tập tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" hòng tự sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi địa vị chí thiện. Tự giác được giác tâm để khôi phục bầu trời sẵn có, sao cho nhân họa dứt, lễ nghĩa, nhân nhượng thịnh hành, thuận lòng trời thì mưa nắng đúng thời. Cõi đời quay lại thuở Đường, Ngu, con người trở lại hiền thiện. Đấy chính là thâm tâm cứu thế của các vị hữu tâm ở mọi nơi.

Tiên sinh Trần Kính Y ở Hải Môn bác học đa văn, chú trọng tận tụy hành thực tiễn, hiểu nhân rõ quả, cực lực mong giác thế yên dân, soạn ra bộ Đạo Đức Tùng Thư gồm mười lăm loại, văn tự lẫn ý nghĩa đều viên thông, sự lý đích xác, quả thật là món thuốc tốt lành cho căn bệnh trầm kha, là người hướng dẫn trong đường mê. Nếu có thể khắc in lưu hành rộng rãi thì lợi ích há thể tính lường được ư? Nguyện những người có tâm lực, khẩu lực, tài lực đều cùng chú ý.

51. Lời tựa nêu duyên khởi in cuốn Khuê Phạm theo lối thạch bản

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Hai khí Âm - Dương trong trời đất hóa sanh vạn vật. Thánh nhân lấy nam nữ *"chánh vị"* ("chánh vị" là hành xử đúng theo địa vị, tức là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận) để lập ra giềng mối. Trời đất rộng lớn, con người chẳng thể nào diễn tả được! Nhưng con người sống giữa trời đất, bảy thước bé tẹo, đứng cùng trời đất thành ba ngôi xưng là Tam Tài bởi có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, kế thừa người trước, mở mang cho người sau, tham dự giúp đỡ quyền sanh thành, trưởng dưỡng, chẳng đến nỗi uổng công trời đất sanh ra muôn vật. Đấy là duyên do con người là "vạn vật chi linh", chỉ riêng con người được danh xưng cực tôn quý nhất. Nếu chẳng lấy đạo nghĩa làm gốc, chỉ mải miết ham muốn ăn uống, trai gái, há có khác gì cầm thú đâu? Gần đây, thế đạo nhân tâm suy hãm đã đến mức cùng cực, những người dân vô tri bị tà thuyết bên ngoài mê hoặc, đua nhau đề xướng phế kinh điển, phế luân thường, cứ muốn cho con người trong cả cõi đời đều trọn chẳng khác gì cầm thú mới thôi! Mối họa ấy khốc liệt có thể nói là đến mức cùng cực.

Xét đến căn nguyên, đều do gia đình thiếu dạy dỗ và chẳng biết nhân quả báo ứng mà ra. Nếu con người từ lúc được sanh ra, hằng ngày được cha mẹ hiền khéo dạy và biết họa - phước, tốt - xấu khác gì bóng theo hình, tiếng vọng theo âm thanh, chẳng khác gì trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, dẫu dùng oai thế bức hiếp bắt theo tà thuyết ấy, nếu không, ắt phải chết, họ vẫn cứ nghĩ "do trọn hết luân thường mà chết cũng là may mắn", quyết chẳng đến nỗi sợ chết mà cẩu thả đi theo. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Cái gốc để thiên hạ yên ổn hay loạn lạc chính là ở chỗ thất phu thất phụ có trọn được hết luân thường, trọn hết bổn phận hay không! Vì thế, nói: *"Cái gốc của thiên hạ là đất nước, cái gốc của đất nước là gia đình. Cái gốc của gia đình là cái thân"*. Cố nhiên, đây là thiên chức của hết thảy thất phu, thất phụ, chứ không phải chỉ nói đến người có tước vị!

Trong sự dạy dỗ nơi gia đình thì sự dạy dỗ của mẹ là quan trọng nhất, bởi tánh tình của con người phần nhiều tiếp nhận từ mẹ: Lúc còn trong thai thì bẩm thụ khí phận của mẹ, lúc nhỏ quen theo oai nghi của mẹ. Nếu mẹ hiền, chắc chắn chẳng đến nỗi sanh ra con cái không ra gì! Ví như vàng lỏng đúc thành món đồ, nhìn vào khuôn liền biết món đồ ấy sẽ tốt hay hư, nào đợi phải đổ khuôn rồi mới biết hay sao? Nhân tài nước nhà đều từ gia đình. Nếu ai nấy chú trọng vào giáo dục gia đình thì chẳng đầy mấy chục năm hiền nhân sẽ xuất hiện đông đảo. Lòng người đã chuyển, lòng trời sẽ tự thuận, thời tiết hòa thuận, mùa màng sung túc, dân giàu, vật mạnh, phong thái đại đồng thuở Đường Ngu ắt sẽ được thấy trong ngày nay! Do vậy, những bậc lo cho đời không ai chẳng đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình để làm căn cứ vãn hồi thế đạo, nhân tâm.

Nhưng muốn đề xướng cần phải có trợ giúp. Bốn quyển Khuê Phạm do tiên sinh Lã Thúc Giản[103] đời Minh biên tập vào năm Canh Dần tức năm Vạn Lịch 18 (1590) đời Minh. Do vậy, được lưu truyền rộng rãi khắp nước, mọi nơi đều khắc bản, ấn hành. Gần đây, sách bị thất truyền, con người không biết đến. Ông Châu Nghiệp Cần tìm được trong tiệm sách cũ, cầm đưa cho ông Ngụy Mai Tôn coi. Mai Tôn thấy quyển một trích lục những lời hay ý đẹp dạy dỗ nữ giới trích từ Tứ Thư, Ngũ Kinh và các truyện ký. Quyển hai, quyển ba, quyển bốn chép cặn kẽ ngôn hạnh của các hiền nữ, vợ hiền và mẹ hiền. Trước mỗi chuyện có hình vẽ, sau mỗi chuyện có lời bình để mắt người vừa chạm vào liền dấy lòng cảm kích, đua nhau bắt chước làm theo; thật đáng để giữ yên phương Khôn[104] hòng giúp cho đạo bình trị, phụ trợ sự dạy dỗ trong gia đình, bồi đắp thêm cho oai nghi người mẹ, nên khôn ngăn vui thích, tán thưởng! Lý Kỳ Khanh nghe vậy, do bà vợ ông ta lúc còn sống đã tính lưu truyền những thiện thư hầu giữ yên chốn khuê các, nhưng chưa được toại nguyện, bèn tự đảm nhiệm in năm trăm bộ để hoàn thành chí nguyện ấy, xin tôi đề tựa. Tôi nghĩ cuốn sách này vừa được in ra, ắt sẽ có đông đảo bậc thục nữ anh liệt hưng khởi tấm lòng mong sao trọn hết phận mình, hoàn thành thiên chức. Trên là noi bước hai bà Phi, ba bà Thái, trong xử sự, luân thường hằng ngày, lo liệu, giúp đỡ, un đúc, giáo hóa, dạy dỗ, ngõ hầu chồng lẫn con đều thành hiền thiện hòng [cõi đời] đạt đến yên ổn tột bậc. Công đức ấy há thể diễn tả được ư? Do xét đến cội nguồn như thế liền viết thành lời tựa.

52. Lời tựa trình bày duyên khởi của Tịnh Niệm Liên Xã tại trấn Hợp Hưng, thành phố Phụ Ninh

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, hoàn toàn thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Bậc Đẳng Giác Bồ Tát sắp thành Phật chẳng thể vượt ra ngoài pháp này được; tội nhân Ngũ Nghịch, Thập Ác sắp đọa địa ngục cũng có thể dự vào trong ấy. Là con đường tắt để chúng sanh lìa khổ, thỏa thích

---

[103] Lã Khôn (1536-1618), tự Thúc Giản, biệt hiệu Tân Ngô và Tâm Ngô, quê ở Ninh Lăng (nay là huyện Ninh Lăng, tỉnh Hà Nam), đỗ tiến sĩ năm Vạn Lịch thứ hai (1574), làm quan đến chức Tả Hữu Thị Lang bộ Hình. Năm Vạn Lịch 14 (1586), do dâng sớ bày tỏ nỗi lo về sự an nguy trong thiên hạ, bị gian thần sàm tấu, phải cáo bệnh xin về hưu, chuyên lo dạy học. Ông là người cương trực, làm quan rất thanh liêm, không bận tâm đến lẽ vinh nhục. Thường nói: *"Thân ta vốn không có nghèo - giàu, quý - hèn, được - mất, vinh - nhục. Ta chỉ là ta, nên giàu sang, nghèo hèn, được - mất, vinh - nhục như gió mùa Xuân, trăng mùa Thu, tự đến tự đi, chẳng hề bận lòng!"* (trích từ thiên Tu Thân trong sách Thân Ngâm Ngữ do ông viết).

[104] Trong Dịch học, phương Khôn tượng trưng cho Đất, là quẻ thuần Âm nên thường dùng để ví cho nữ giới và đạo làm vợ.

bản hoài xuất thế của Như Lai. Vì thế, [pháp này] được vãng thánh tiền hiền, người người hướng về, ngàn kinh muôn luận chốn chốn chỉ quy. Xét từ khi đại giáo truyền sang phương Đông, Viễn Công mở Liên Xã đầu tiên, bậc cao Tăng, đại Nho dự hội gồm một trăm hai mươi ba người. Nếu xét trọn cuộc đời Ngài, trong hơn ba mươi năm những người tham gia Liên Xã tu Tịnh nghiệp được vãng sanh khi báo thân đã tận làm sao đếm xuể? Từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân hoằng dương truyền bá rộng khắp trong nước, ngoài nước. Tri thức các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật hoặc chuyên chú ngầm tu, hoặc còn tán dương rõ rệt, đều lấy Tịnh Độ làm chỗ quy túc, vì đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Gần đây, thế đạo nhân tâm đắm chìm đến cùng cực, những vở tuồng xấu ác như phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, không thẹn, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau, mỗi mỗi đều diễn ra, đến nỗi thiên tai, nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống! Người có lòng lo cho thế đạo đua nhau đề xướng Phật học, nêu tỏ nhân quả ba đời, chỉ rõ luân hồi lục đạo, chỉ ra Phật Tánh sẵn có, tu Tịnh nghiệp niệm Phật để mong đẩy lùi cơn sóng cuồng loạn, khôi phục phong hóa thuần phác, lập Cư Sĩ Lâm, Tịnh Nghiệp Xã v.v… ở các nơi để làm phương cách cứu vãn. Nếu không, đạo làm người gần như bị diệt mất!

Cư sĩ Thí Nguyên Lượng ở Hải Môn, ngụ cư[105] ở Phụ Ninh, khai khẩn đất hoang, thương người đời muốn tu Tịnh nghiệp nhưng khổ vì không có người biết pháp, rốt cuộc đi theo các thứ ngoại đạo luyện đan vận khí để cầu trường sanh và thành Đại La thần tiên, ăn trộm những câu nói trong kinh Phật để chứng tỏ đạo của chính mình là Phật pháp chân truyền, như kẻ ngu coi mắt cá là chân châu, thật đáng thương xót! Nhưng Phật pháp mênh mông, chẳng tranh với người. Nếu có thể tận lực tu trì chánh pháp, chắc chắn sẽ có ngày bọn họ nghe biết thanh danh rồi dấy lòng cải tà theo chánh. Phàm những người tham dự Liên Xã, ắt đều phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, dùng tín nguyện chân thành trì danh hiệu Phật, quyết chí cầu sanh thế giới Cực Lạc. Dùng pháp này để tự hành, lại đem giáo hóa người khác để trong là cha mẹ, anh em, vợ con, ngoài là xóm giềng, thân thích, bè bạn đều cùng được gội [ân] Phật giáo hóa, đều cùng tu Tịnh nghiệp, cùng trong đời này được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, ngõ hầu chẳng phụ một phen thành tâm dự vào Liên Xã ngày hôm nay.

Phải biết: Pháp môn Niệm Phật lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm Tông. Điều quan trọng của Niệm Phật là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*. Muốn "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" thì bất luận đi - đứng -

---

[105] Nguyên văn là *"ký cư"* (sống gởi), ngụ ý ông Thí Nguyên Lượng không phải là người có quê quán tại Phụ Ninh, chỉ đến sinh sống lập nghiệp tại nơi đó.

nằm - ngồi hãy thường niệm Phật hiệu, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, đều cần phải lắng nghe tiếng niệm Phật của chính mình. Nếu làm được như thế thì nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, phàm làm bất cứ điều gì đều thuận lợi. Đối với những nghề nghiệp sĩ - nông - công - thương chẳng những hoàn toàn không trở ngại gì mà còn có thể khơi mở tâm linh nơi nghề nghiệp của chính mình; do vì tâm không tán loạn sẽ tự chủ trong công việc. Như [đối trước] mọi lẽ rối ren, nếu tâm thần ngưng lặng sẽ [giải quyết] dễ dàng; nếu tâm thần chao động sẽ gặp khó khăn. Do vậy, những bậc lập đại công, dựng đại nghiệp thuở xưa, công huân trùm bốn biển, ngôn hạnh lưu lại ngàn thu, đều là do học Phật đắc lực mà ra!

53. Lời tựa cho sách Niệm Phật Khẩn Từ

Pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, bình đẳng nhiếp thọ phàm lẫn thánh. Trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài, dưới là tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể dự vào trong số ấy. Dạy dỗ không phân biệt, hễ ai sanh chánh tín đều được lợi ích thật sự, hoàn thành ngay trong đời này. Kẻ trọn đủ Phiền Hoặc vẫn dự vào dòng thánh. Dường như biển cả dung nạp khắp trăm sông, như thái hư chứa khắp muôn hình tượng. Nếu Như Lai chẳng lập ra pháp này thì chúng sanh đời Mạt ai có thể đoạn Phiền Hoặc để liễu sanh tử, thoát Ngũ Trược, vượt khỏi tam giới? Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải nương vào đạo lực Giới - Định - Huệ để đoạn Phiền Hoặc tham - sân - si. Nếu đạt đến mức có sức Định Huệ sâu, đoạn sạch được Phiền Hoặc thì mới có phần liễu sanh tử! Nếu chưa thể đoạn sạch Phiền Hoặc, dẫu cho anh có đại trí huệ, có đại biện tài, có đại thần thông, biết được quá khứ, vị lai, muốn đi liền đi, muốn đến liền đến, vẫn chẳng thể liễu thoát được; huống chi những kẻ kém cỏi hơn ư? Cậy vào tự lực để liễu sanh tử sẽ khó lắm, thật khó như lên trời vậy!

Nếu nương theo pháp môn Niệm Phật, sanh lòng tin phát nguyện niệm thánh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận xuất gia hay tại gia, sĩ, nông, công, thương, già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, hiền, ngu, chỉ cần nương theo giáo pháp tu trì, đều có thể nương vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì Định - Huệ chẳng mong được mà tự được, Phiền Hoặc chẳng mong đoạn mà tự đoạn. Thân cận Di Đà, thánh chúng, vẫy vùng nơi đất vàng, ao báu. Nương theo duyên thù thắng ấy để trợ thành đạo nghiệp, để những người đới nghiệp vãng sanh sẽ lên thẳng [địa vị] Bất Thoái, những vị đã đoạn được Hoặc vãng sanh sẽ mau chứng Vô Sanh. Đấy toàn là cậy vào đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật và sức tín nguyện niệm Phật của chính người ấy, cảm ứng đạo giao mà được lợi ích lớn lao ấy; so với kẻ chuyên cậy vào tự lực thì khó - dễ khác biệt vời vợi như trời với đất.

Nhưng thường có kẻ ngu cam phận kém hèn, chẳng dám gánh vác. Cũng có kẻ học đạo tự xưng là Đại Thừa, nghĩ [pháp này] chẳng xứng để tu tập. Nếu biết kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, được bạn lành dạy Niệm Phật, chưa đủ mười tiếng đã được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương thì kẻ cam phận kém hèn sẽ dấy lòng [tu trì]. Kinh Hoa Nghiêm là vua cả Tam Tạng, trong chỗ quy tông cuối cùng [của bộ kinh ấy], Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương, khuyên Thiện Tài và khắp Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật Quả. Sao lại dám coi pháp môn này là Tiểu Thừa? Huống chi Thiện Tài đã chứng Đẳng Giác, hải hội [thánh chúng] đều chứng Pháp Thân, các vị ấy còn cầu sanh, ta là hạng người nào mà [nghĩ pháp này] chẳng xứng để tu tập? Chẳng những dựng cao tràng kiêu mạn mà còn là hủy báng kinh Hoa Nghiêm. Muốn phô trương hư danh Đại Thừa, đích thân tạo cái họa báng pháp cùng cực vậy!

Nếu kẻ ấy một hơi thở ra không hít vào được nữa, cảnh giới Hoa Tạng thế giới chẳng thể nghĩ bàn vốn thường mong mỏi đều biến thành cảnh khổ A Tỳ địa ngục, chịu đựng đầy ắp [những hình phạt] để đền cái lỗi thuyết pháp trái nghịch kinh điển, tự lầm, lầm người. Đến khi nghiệp báo sắp mãn, mới tỉnh ngộ, liền phát tâm niệm Phật, liền được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Khổ thay! May mắn thay! Nguyện những ai học Đại Thừa đều dự ghé vào Hoa Tạng hải hội thì tự lợi, lợi người cũng lớn lắm. Phàm những ai tu pháp môn Niệm Phật thì phải chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, khuyên khắp những người cùng hàng cầu sanh Cực Lạc. Nếu làm được như thế thì *"vạn người tu, vạn người đến"*, quyết chẳng sót một ai!

Ông Trịnh Bá Thuần ở huyện Bảo Sơn tỉnh Vân Nam là bậc học rộng ngầm tu, thoạt đầu nghiên cứu kinh Dịch để mong hiểu thấu gốc đạo của Nho giáo, tiếp đó nghiên cứu cặn kẽ nguyên ủy kinh điển luyện đan để mong hiểu được bí quyết chân thật của thuật bảo vệ tánh mạng. Sau đấy, lại bỏ đạo luyện đan để tham Thiền, biết tự lực chẳng bằng Phật lực, cuối cùng chuyên tu pháp môn Niệm Phật, miệt mài lấy việc "mình lẫn người đều cùng sanh Tây Phương" làm chí hướng, sự nghiệp, gởi thư xin quy y, liền được pháp danh là Đức Thuần. Ấy là vì pháp môn Niệm Phật tuy nhiếp khắp các pháp Thiền, Giáo, Luật, Mật, nhưng tu trì nơi địa vị phàm phu cố nhiên phải lấy thuần nhất không tạp làm gốc. Ông ta còn phát khởi đại tâm mạnh mẽ, muốn lợi lạc khắp những người cùng hàng, do vậy bèn soạn cuốn Niệm Phật Khẩn Từ để mong trí hay ngu đều biết rõ. Lời lẽ tuy nông cạn, gần gũi, nhưng lý thật sâu xa, như cái mốc chỉ lối cho người đi đường, như kim chỉ nam cho người đi biển; nương theo đó mà hành sẽ có thể về đến quê cũ, lên được bờ kia. Do vậy, tôi bèn trình bày duyên do Tự Lực và Phật Lực ngõ hầu những ai thấy - nghe đều tu trì vậy.

54. Lời tựa cho tác phẩm Kỷ Văn Đạt[106] Công Bút Ký Trích Yếu (Trích yếu bút ký của ông Kỷ Quân)

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Nếu chẳng đề xướng nhân quả thì thiện chẳng có gì để khuyên, ác không có gì để phạt. Chỉ có bậc đại hiền mới có thể giữ phận tuân đạo, những kẻ khác ai có thể cam lòng chẳng phóng túng tình ý cho sướng khoái một đời ư? Do đã không có "nhân trước, quả sau" thì hễ chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt đều chết hết sạch, sao lại không dây tự buộc, khư khư theo lễ giữ phận để đến nỗi mọi việc đều chẳng được tự tại ư? Trong kinh sử Nho Giáo, sự lý nhân quả nhiều không xiết kể! Tiếc rằng những nhà Nho sau này chẳng chịu suy xét sâu xa, thường thấy kinh Phật nói đến nhân quả tường tận, bèn muốn [ra vẻ] khác biệt với tông chỉ nhà Phật, ngược ngạo bảo những gì đức Phật đã nói đều là hư vọng, chẳng biết là đã trái nghịch thánh đạo, diệt thiên lý, chôn vùi cái gốc bình trị, hưng khởi đầu mối loạn lạc, gây nghi ngờ, lầm lạc cho người đời sau, chôn vùi đạo thể, [những chuyện ấy] đều là do những lời lẽ này tạo ra nền tảng vậy, chẳng đáng buồn ư?

Từ khi có nhà Thanh đến nay, trong số những người bác học đa văn thì tiên sinh Giang Thận Tu là bậc nhất. Tiếp đó là ông Kỷ Văn Đạt, rồi đến ông Viên Tử Tài. Họ Giang là bậc quân tử ẩn dật cùng lý tận tánh, tuy chưa nghiên cứu Phật học, nhưng đối với Phật pháp cũng chẳng bài bác, lại còn tin sâu nhân quả báo ứng. Vì thế, đối với những quả báo do bảo vệ sanh mạng hay sát sanh, ông đều ghi chép hết để mong khơi gợi thiện niệm, dứt cơ duyên giết chóc. [Từ những điều này] có thể biết được cách suy nghĩ của ông ta. Viên Tử Tài thoạt đầu báng Phật, nhưng từ tuổi trung niên trở đi, do lịch duyệt ngày càng sâu, liền sanh lòng chân tín đối với Phật pháp. Chỉ vì cuồng vọng tự đại, lười nhác, biếng trễ, không chịu thân cận cao nhân, lắng lòng nghiên cứu, tuy những sự tích cảm ứng trong Phật pháp ông ta đều sao chép, nhưng những gì ông ta bàn luận khó thể hợp lý, thích đáng được! Ông Kỷ Văn Đạt từ bé đến già dốc lòng tin tưởng nhân quả, hễ được thấy nghe những sự tích nhân quả nào đều ghi chép hết, trình bày cặn kẽ, sáng sủa, văn bút thông suốt. Do ông ta hoàn toàn chưa từng nghiên cứu Phật pháp nhưng cứ thường muốn bàn bạc thông suốt lý sâu nên có khi bị mâu thuẫn thật nghĩa.

Phật nói *"thế trí biện thông, khó thể nhập đạo"*, ba ông Giang, Kỷ, Viên học rộng mà vẫn chẳng biết "Phật pháp chính là tâm pháp nơi chính mình" để rồi chuyên tinh nghiên cứu, hòng đích thân chứng được, chẳng đáng tiếc

---

[106] Văn Đạt là thụy hiệu của Kỷ Quân, tên tự là Kỷ Hiểu Lam. Ông Kỷ là người giữ nhiệm vụ Tổng Toản Tu (Tổng Biên Tập) bộ sách đồ sộ Tứ Khố Toàn Thư thời Càn Long.

quá ư? Nếu họ bỏ chút thời gian rảnh rỗi, nghiên cứu đại lược, lẽ đâu chẳng phát đại Bồ Đề tâm, chuyên tinh dốc sức, hoằng dương đại pháp để mong ta lẫn người đều cùng thoát khổ luân, đều cùng thành giác đạo, lẽ nào chỉ ghi chép sự tích nhân quả để mở ra một con đường hướng thiện cho người đời mà thôi! Nhưng những sao chép ấy thật sự có lợi ích lớn lao. Vì thế, cư sĩ Trần Địch Châu trích lục một trăm thiên từ bộ Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký[107], tính in ra để phổ biến lưu thông hòng làm tấm gương xét soi cho những kẻ không biết nhân quả trong cõi đời.

Nhân quả giống như bóng theo hình, tiếng vọng đi theo âm thanh. Chưa hề có hình mà không có bóng, có âm thanh mà chẳng có tiếng vọng vậy. Vì thế, kinh Thư nói: *"Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng"*. (Thuận theo đạo lý thì tốt, trái nghịch thì xấu, giống như bóng theo hình, như tiếng vọng đi theo âm thanh vậy). Những kẻ bàn chuyện cao xa, cho nhân quả là hư huyễn, khác gì chấp rằng "mẹ quyết chẳng thể sanh được con, con quyết chẳng phải do mẹ sanh ra" ư? Trong đời nếu có kẻ như vậy, ắt bị người ta coi là điên khùng! Rất lạ là nhà Nho đọc sách thánh hiền, chẳng lấy ngôn luận của thánh hiền làm chuẩn, chẳng lấy sự thật xưa nay làm chuẩn, cứ lấy sự thiên chấp, cái nhìn lầm lạc của chính mình làm chuẩn! Một người xướng, mọi người hùa theo, kẻ mù dẫn lũ đui kéo nhau vào lửa, đến nỗi thế đạo nhân tâm ngày một đi xuống, đến nỗi phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, không hổ thẹn, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau mà vẫn nhơn nhơn tự đắc, cho là ta chú trọng quay về đại đạo, chẳng bắt chước bọn hủ bại đời trước cứ luôn luôn câu nệ, trói buộc, khiến cho con người suốt đời chẳng thể tùy ý làm được gì, [nay] ai nấy đều được tự tại! Từ nay trở đi chúng ta cùng được hưởng hạnh phúc, tự do, nghĩ đến điều gì đều làm được cả! Cõi đời may sao có bọn ta cải cách, con người may sao được sống cùng thời bọn ta! Tà thuyết như vậy đều do những kẻ bài xích nhân quả ươm thành!

Nếu như lý nhân quả được nhà nhà khuyên dạy, giảng giải, cha mẹ dùng đó để dạy con cái, sư trưởng dùng đó để giáo huấn học trò thì có ai chịu diệt

---

[107] Duyệt Vi Thảo Đường chính là tên gọi một tòa biệt thự của Kỷ Quân tại Bắc Kinh. Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký là một tác phẩm mang tính tổng hợp những chuyện truyền kỳ thời ấy. Ông Kỷ đã biên soạn tác phẩm này từ năm Càn Long 54 (1789) đến năm Gia Khánh thứ 3 (1798). Ngoài những chuyện về nhân quả báo ứng, khuyến thiện trừng ác, còn có những chuyện hồ ly, thần tiên v.v… và cả những chuyện lạ lùng do chính tác giả đích thân chứng kiến. Xuyên qua những câu chuyện ấy, tác giả dí dỏm đả kích thói hư ngụy giả nhân giả nghĩa của bọn Tống Nho, thói mê tín của người đương thời cũng như kín đáo đả kích pháp luật hà khắc dưới đời Càn Long. Tác phẩm này khá đồ sộ, gồm 24 quyển, có tất cả 1.208 câu chuyện, 40 vạn chữ, và đã được Sun Haichen dịch sang tiếng Anh với nhan đề *"Fantastic Tales by Ji Xiaolan"* (Kỷ Hiểu Lam Kỳ Quái Cố Sự Tuyển Tập) do nhà xuất bản New World Press ấn hành. Bollati Boringhieri cũng đã dịch bộ sách này sang tiếng Ý với nhan đề *"Note scritte nello studio Yuewei"* và cho ấn hành tại Torino (Turin).

lý, rối luân thường, hiện dáng vẻ xấu xí trước gương sáng nữa ư? Chỉ vì bậc đại Nho trong cõi đời thường hay bài xích, kẻ tiểu Nho dẫu biết là sai mười mươi đi nữa, cũng chỉ đành người ta nói sao ta cũng ừ vậy, để khỏi bị mọi người chõ miệng chê bai, khích bác! Nơi trường học đã như vậy thì trong gia đình càng không có lý do gì để bàn đến. Rốt cuộc đến nỗi những kẻ theo tân học hoàn toàn vứt bỏ nhân luân, diệt thiên lý, muốn cho [con người] hoàn toàn chẳng khác gì cầm thú! Mối họa ấy chẳng quy vào những kẻ bài xích nhân quả thì còn quy vào ai đây? Lành thay lời nói của tiên sinh Châu An Sĩ: *"Người người đều biết nhân quả, đấy là đạo để bình trị lớn lao; ai ai cũng chẳng biết nhân quả, đấy là con đường đưa đến đại loạn"*. Tôi thường thương cõi đời rối ren, nhưng không sức cứu vãn, do lời thỉnh của Trần cư sĩ bèn trình bày đại lược cội nguồn lợi - hại như thế đó.

55. Lời tựa lưu thông sách Lịch Triều Danh Họa Quán Âm Thánh Tượng Kha La Bản Ấn

(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Quán Thế Âm Bồ Tát thành Phật đã lâu trong vô lượng kiếp trước, hiệu là Chánh Pháp Minh, an trụ trong Tịch Quang Tịnh Độ, thường hưởng pháp lạc chân thường, nhưng do Bi tâm vô tận, Từ thệ chẳng cùng, lòng cứu khổ ân cần, niệm độ sanh tha thiết, nên lại chẳng lìa Tịch Quang, hiện hình trong chín giới. Trong các cõi Phật nhiều như số vi trần trong mười phương, hiện khắp các sắc thân, tầm thanh cứu khổ; nhưng đối với thế giới Sa Bà, càng thương xót sâu đậm hơn. Có những kẻ nào thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa độ thoát, liền dạy họ gieo, khiến cho chín muồi, khiến cho độ thoát, nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Những thân đã hiện, những pháp Ngài đã nói mỗi mỗi tùy thuận cơ nghi, trọn chẳng nhất định, nhưng hiện tiền được lìa mọi khổ, tương lai thường hưởng chân lạc thì đều giống hệt. Nhiều năm gần đây, thế đạo nhân tâm càng ngày càng đi xuống, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau, nhân họa đã khốc liệt, thiên tai lại xảy đến, lũ lụt, hạn hán, sâu rầy, ôn dịch cùng lúc giáng xuống. Những tai họa ấy đều do những ác nghiệp của mọi người trong đời trước hoặc đời này chiêu cảm.

Nhưng tâm đã tạo được nghiệp thì tâm sẽ chuyển được nghiệp. Đang trong lúc thiên tai nhân họa đồng thời xảy ra này, nếu có thể phát tâm chí thành, niệm thánh hiệu *"Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát"*, thệ nguyện từ nay trở đi giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì chắc chắn sẽ được Ngài rủ lòng từ che chở, gặp dữ hóa lành, trong các hoạn nạn chẳng bị nguy hiểm, ấy là dùng biệt nghiệp niệm thánh hiệu Bồ Tát trong hiện tại để chuyển cộng

nghiệp[108] đã tạo trong đời trước hoặc đời này. Vì thế thường được tốt lành. Chư Phật, Bồ Tát coi hết thảy chúng sanh trong lục đạo như con ruột, thường muốn cho họ được lìa khổ hưởng vui. Hiềm rằng chúng sanh mê muội chẳng sanh lòng tin tưởng, đến nỗi uổng phí Từ tâm, chẳng thể được lợi ích. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa trời chiếu khắp muôn phương, kẻ đội chậu dù có đứng ngay dưới đó cũng chẳng được chiếu. Lỗi do đội chậu, chứ mặt trời đâu có lỗi!

Gần đây sát kiếp ngập tràn, nhân dân tử vong, lưu lạc, tan tác, khổ chẳng nói nổi! Cư sĩ Phí Huệ Mậu ở Nam Thông muốn bày cách cứu vãn từ lâu, nên đặc biệt sưu tầm những thánh tượng Quán Thế Âm do những nhà danh họa thuộc năm triều Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đã vẽ, được một trăm bốn mươi hai bức, dùng loại giấy Tuyên[109] tốt nhất, in theo lối Kha La Bản[110] một ngàn bộ, ngõ hầu người thấy nghe đều cùng sanh chánh tín, cùng niệm thánh hiệu, cùng tiêu trừ ác nghiệp trong đời trước và đời này, cùng gieo thiện căn Bồ Đề.

Phải biết: Bồ Tát vô tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm, Bồ Tát không cảnh, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh, vì thế hễ cảm liền thông, chẳng

---

[108] Biệt Nghiệp (Āvenika-karma) còn gọi là Bất Cộng nghiệp là những người thiện ác do mỗi cá nhân chiêu cảm, còn Cộng Nghiệp (Venika-karma) những nghiệp do mình lẫn người đều phải gánh chịu. Nói cách khác, Cộng Nghiệp là những nghiệp chung mà một tập thể, một đoàn thể, một thành phố, một quốc gia, một dân tộc, nói rộng ra là cả thế giới phải gánh chịu, do trong đời trước đã gây tạo những nghiệp giống nhau nên nay sanh cùng một chỗ, gánh chịu những quả báo do nghiệp thiện hay ác đời trước kết thành. Nhưng trong đó, mỗi cá nhân do nghiệp riêng của chính mình mà cảm thụ sắc thân, thọ mạng, tướng mạo, tài sản, tài năng, bệnh tật, tai ương v.v… khác biệt. Đấy chính là Biệt Nghiệp.

[109] Tuyên chỉ (giấy Tuyên) là một loại giấy nổi tiếng chuyên dùng trong hội họa cổ của Trung Quốc. Đây là một sản phẩm đặc thù của huyện Kính tỉnh An Huy, có những tính chất rất quý như không giòn gãy khi để lâu ngày, giữ được màu sắc không phai, và không dễ bị hoen ố bởi thời tiết. Đến thời Tống, các xứ Huy Châu, Trì Châu, Tuyên Châu v.v… đều chế được loại giấy này. Do trong thời ấy, những vùng này đều thuộc về Tuyên Châu Phủ nên loại giấy này được gọi chung là Tuyên Chỉ (giấy Tuyên). Giấy này được chế bằng vỏ cây Thanh Đàn, pha lẫn với loại cỏ có tên là Thủy Đạo. Từ đời Tống - Nguyên trở đi, bột giấy còn được pha thêm các loại gỗ dó, dâu, tre, hay đay để tạo thành các loại giấy Tuyên khác nhau nhằm tạo hiệu quả sống động cao nhất cho tranh vẽ.

[110] Kha La Bản là phiên âm của chữ Collotype, là một lối in tranh rất thịnh hành trước khi có kỹ thuật in Offset Lithography. Cách in này cho ra những bản in đẹp và tinh xảo không kém những bản in được khắc trực tiếp trên bản kim loại. Để in, người ta phải chế tác bản in bằng thủy tinh hay kim loại, phủ lên tấm kính một lớp gelatine để khô, rồi phủ lên một lớp mực bằng chất gelatine có pha muối Chrome. Sau đó đem rửa qua bằng nước lạnh ở nhiệt độ 16°C. Bản in sửa soạn xong, được dùng làm âm bản chụp tranh vẽ muốn in. Sau khi chụp xong, lại đem rửa bằng nước lạnh rồi để khô trong chỗ mát khoảng 24 tiếng đồng hồ. Khi in, giấy in loại tốt và mịn được trải trên bản in nói trên rồi ép cho chất bột màu từ bản in dính vào giấy in. Do vậy, cách in này rất tốn công và mắc tiền, nhưng đẹp và sắc sảo hơn in theo lối thạch bản rất nhiều.

phải suy nghĩ để ứng. Ấy là vì bản thể của tâm chúng sanh và bản thể của tâm Bồ Tát tương thông khít khao, do chúng sanh trái giác hiệp trần nên thành ra hiện tượng "tuy thông mà chẳng thông". Nếu chúng sanh một niệm sanh lòng tin, kiền thành trì thánh hiệu, trái trần hiệp giác, bỏ mê về với ngộ, sẽ lại biến thành hiện tượng "chẳng thông mà thông". Vì thế, hễ gặp phải hiểm nạn cực lớn, vừa niệm liền được cảm ứng. Lại nữa, Bồ Tát hiện thân chẳng chuyên hiện thân hữu tình. Ngay như núi, sông, cây cối, cầu, bến, thuyền, bè, lầu, đài, nhà cửa, tường, vách, thôn, xóm cũng đều tùy cơ mà hiện, ắt đều khiến cho kẻ đã lâm vào tuyệt địa lại gặp đường thông, không chỗ trốn tránh lại được nơi che đậy lớn lao. Đủ mọi loại cứu vớt, che chở, khó thể tuyên nói trọn!

Hãy nên đọc Quán Âm Bổn Tích Tụng, Quán Âm Linh Cảm Lục, Quán Âm Từ Lâm Tập sẽ biết được đại lược. Đang trong lúc thiên tai, nhân họa liên tiếp giáng xuống này, nếu chẳng sửa ác tu lành, thường niệm thánh hiệu Quán Âm để được nương cậy thì muốn được yên vui sẽ là chuyện khó khăn nhất trong mọi điều khó! Dẫu hoàn toàn chẳng có tai nạn gì, cũng nên thường niệm, ngõ hầu sống sẽ hưởng Ngũ Phước, dự vào địa vị Thánh Hiền cao cả, thác sẽ lên chín phẩm, triệt chứng tâm Đại Giác. Người làm được như thế thì mới an ủi được tâm Bồ Tát cứu khổ. Do Bồ Tát phổ thí vô úy (ban cho khắp tất cả mọi loài sự không sợ hãi) nên [chúng sanh được] viên mãn Bồ Đề rồi thì tâm đại từ bi thí vô úy [của Bồ Tát] mới thôi! Kinh Pháp Hoa dạy: *"Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được lìa dục, lìa sân, lìa si".* Nguyện người thấy nghe đều thường niệm!

56. Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Trưng Tín Lục của chùa Pháp Vân

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Xem khắp cổ kim, thời bình trị thì ít, thời loạn lạc lại nhiều. Dẫu cho thịnh trị thì bất quá chỉ được một trăm mấy chục năm mà thôi. Nguyên do vì đâu? Ấy là do cái nghiệp đời trước sát sanh ăn thịt kết thành và do cái tâm tự tư tự lợi trong đời này mà ra! Kết quả của sát nghiệp chỉ có ăn thịt là dữ dội nhất. Cả một đời người chẳng biết ăn thịt mấy trăm ngàn vạn sanh mạng, chỉ mong thỏa thích bụng miệng ta, bất kể nỗi thống khổ của chúng! Tuy là cậy mạnh nuốt yếu mặc sức ta làm, nhưng chất độc oán hận kết lại trong tám thức điền, đời đời kiếp kiếp giết chóc lẫn nhau, chẳng nhổ bỏ cái gốc ấy, khó chuyển được sát kiếp! Huống chi kẻ có trí thức nhưng chẳng biết thật sự thật lý "nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo", bèn coi chuyện "tự lập, lập người, tự đạt, làm cho người khác đạt" là viễn vông, sai lầm, chỉ muốn đoạt hết của cải người khác về tay ta. Do vậy, tranh thành, giành đất, dẫu giết người ngập thành, ngập đồng vẫn chẳng đoái hoài. Ý họ muốn mở rộng cương thổ của ta, tăng lớn thế lực của ta, để con cháu ta hưởng phước vĩnh viễn! Chẳng biết

trời đất lấy hiếu sanh làm đức, đã sống trong khoảng trời đất hiếu sanh ghét giết, sao lại khiến cho con cháu hưởng cái phước nghịch trời trái lý đạt được bởi sự giết người vô lượng ấy? Chính họ khi một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ vĩnh viễn đọa trong tam đồ ác đạo, sao lại đáng thương như vậy? Con cháu nếu chẳng phải là những người bị ta chiếm đoạt [tài sản trong đời trước nay] đến [sanh vào nhà ta] thì sẽ tuyệt diệt đến hết sạch, trọn chẳng sót một ai!

Thanh Lương Sơn Chí chép: Vào đời Tùy, Triệu Lương Tướng ở Đại Châu giàu nứt đố đổ vách, có hai đứa con, trưởng tên là Mạnh, thứ tên là Doanh. Doanh mạnh mẽ, Mạnh yếu đuối. Lúc sắp mất, Lương Tướng chia tài sản ra làm hai phần, Mạnh được phần hơn. Đến khi Lương Tướng mất rồi, Doanh cướp đoạt sạch, chỉ để lại cho Mạnh một rẻo vườn, nhà. Mạnh làm thuê kiếm sống. Sau đó, Doanh chết đi làm con của Mạnh tên là Hoàn. Mạnh chết đi, đầu thai làm cháu của Doanh tên là Tiên. Hoàn lớn lên làm đầy tớ cho Tiên, lòng hận Doanh cướp đoạt sản nghiệp. Đúng dịp Tiên muốn đi triều bái Ngũ Đài sai Hoàn theo hầu. Vào trong núi, đến chỗ đồng trống không người, [Hoàn] rút dao nói: "Ông nội mày đoạt gia nghiệp của tao, tao sẽ giết mày!" Tiên chạy lẹ, Hoàn đuổi theo. Tiên chạy vào một am tranh, một vị lão tăng ngăn họ lại, trao cho mỗi người một chén trà thuốc. Uống xong, như mộng vừa tỉnh, biết rõ chuyện trước kia, cảm thấy hổ thẹn đau xót. Lão tăng nói: "Doanh là tiền thân của Hoàn, cướp đoạt sản nghiệp của người khác chính là tự vứt bỏ sản nghiệp của chính mình. Tiên là Mạnh đầu thai trở lại để hưởng sản nghiệp trước kia. Lời cha vẫn còn đó!" Hai người bèn xuất gia tu đạo tại Ngũ Đài. Hai người này đời trước có thiện căn nên được Bồ Tát điểm hóa, được kết quả như thế đó. Nay [người đời] coi giết người là vui, quả báo về sau sẽ khó lòng tưởng tượng được!

Năm Dân Quốc 11 (1922), các vị thiện sĩ Phùng Mộng Hoa, Ngụy Mai Tôn, Vương Ấu Nông v.v… do thấy sát kiếp tràn lan, nghĩ cách cứu vãn, bèn tậu đất bên sông Tam Xoa, lập chùa Pháp Vân làm đạo tràng niệm Phật phóng sanh. Đến năm Dân Quốc 12 (1923), đào chín cái ao sâu để phóng sanh theo từng loài. Năm Dân Quốc 13 (1924) liền bắt đầu lo phóng sanh, hoặc chính mình mua về thả, hoặc có thiện sĩ mua đến thả. Tám năm qua, [số lượng loài vật] do chính hội ấy mua về phóng sanh tính ra tổng cộng là ba trăm sáu mươi, bảy mươi gánh, tiền chi phí tổng cộng là bốn ngàn sáu trăm mấy chục đồng, đều do các thiện sĩ nối tiếp nhau thực hiện. Nay đem [số lượng] những con vật được thả và khoản tiền chi dụng trong tám năm lập thành báo cáo, ngõ hầu ai nấy đều biết rõ. Suốt chín năm nay, vị thường sống ở nơi ấy chịu đựng nhọc nhằn, chẳng nề gian khổ, chính là Hòa Thượng Tâm Tịnh. Những người khác tuy cũng tận lực duy trì, nhưng chưa ai chuyên dốc sức vào đấy bằng sư Tâm Tịnh.

Xét ra, hành động phóng sanh vốn nhằm phát khởi cái tâm kiêng giết ăn chay của những người cùng hàng. Nếu có thể kiêng giết, ăn chay thì sát

nghiệp chẳng tạo, sát báo sẽ tự dứt. Đối với những nghiệp đã tạo từ trước thì dùng sự kiệt lực tu thiện, chí thành niệm Phật để tiêu diệt. Phải biết: Chùa Pháp Vân phóng sanh quả thật đã đi tiên phong dẫn đường cho hết thảy những người cùng hàng kiêng giết ăn chay vậy. Người có tâm do nghe được chuyện ấy sẽ dấy lòng, cùng sanh tâm từ bi, rộng lòng trắc ẩn, cùng hành đạo nhân từ với người khác, yêu thương loài vật, sẽ thấy lòng người chuyển biến, quyến thuộc trời thường giáng xuống, mưa nắng đúng thời, ngũ cốc sung túc, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng thịnh, chiến tranh tiêu diệt, trong ngoài hiệp hòa, thiên hạ thái bình. Đấy chính là điều các vị như ông Phùng vốn dốc chí qua việc tạo dựng chùa Pháp Vân, đề xướng phóng sanh vậy.

57. Lời tựa cho bài Ca Tụng Kinh Vô Lượng Thọ

(năm Dân Quốc 25 -1936)

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài, toàn thể sự chính là lý, toàn thể tu chính là tánh, hạnh cực bình thường, lợi ích cực thù thắng. Ấy là vì dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, nên được nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân. Hết thảy pháp môn không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Thích hợp khắp ba căn, gồm thâu trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được, tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể dự vào trong ấy. Thống nhiếp các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, xuyên suốt các giáo Quyền, Thật, Đốn, Tiệm. Trong cả một đời giáo hóa của đức Phật, riêng một pháp môn này là đặc biệt. Chớ nên dùng giáo nghĩa theo đường lối thông thường để phân định nhân quả tu chứng của pháp này.

Xưa nay có nhiều kẻ thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm, nhưng chẳng sanh lòng tin tưởng đối với pháp môn này vì chấp chặt vào giáo nghĩa "cậy vào tự lực" của đường lối thông thường để luận định nhân quả đặc biệt "cậy vào Phật lực" mà nên nỗi! Nếu biết nghĩa này thì tấm lòng tin tưởng, tu trì ngay đến cả đức Phật cũng chẳng thể ngăn trở được, vì pháp môn này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Bởi thế, [pháp này] được chín giới cùng quay về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Xét đến chỗ phát khởi pháp này thì quả thật từ cuối hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến chỗ Phổ Hiền Bồ Tát được oai thần của đức Phổ Hiền gia bị, sở chứng bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật, trở thành Đẳng Giác Bồ Tát. Phổ Hiền bèn xưng tán công đức Như Lai thù thắng nhiệm mầu, khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả. Do Hoa Tạng hải chúng đều là các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi mốt địa vị: Thập Trụ,

Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. [Do các vị ấy] đi trọn khắp các cõi Phật số nhiều như vi trần, nên thệ nguyện Di Đà, cảnh duyên Cực Lạc, nhân quả vãng sanh, mỗi mỗi đều hiểu rõ, không cần phải nói nữa. Nhưng trong hội Hoa Nghiêm, trọn chẳng có ai là phàm phu Nhị Thừa và Quyền Vị Bồ Tát[111]; do vậy, tuy hoằng dương lớn lao pháp này, nhưng phàm phu, tiểu căn không cách chi vâng nhận được!

Đến hội Phương Đẳng, đức Phật vì khắp hết thảy trời, người, phàm, thánh, nói kinh Vô Lượng Thọ, chỉ rõ nhân hạnh quả đức xưa kia của Phật A Di Đà, cảnh duyên Cực Lạc đủ mọi thứ thù thắng, nhiệm mầu, nhân quả, phẩm vị tu chứng của hành nhân. Kinh này chính là chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm vậy. Tuy được nói trong thời Phương Đẳng, nhưng giáo nghĩa quả thật thuộc thời Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chỉ hạn cuộc nơi Pháp Thân đại sĩ, nhưng kinh này nhiếp trọn khắp thánh - phàm trong chín giới. Dẫu dùng thời Hoa Nghiêm để luận thì kinh này vẫn là đặc biệt, huống là các thời khác ư? Nếu đức Như Lai chẳng mở ra pháp này, chúng sanh đời Mạt không một ai có thể liễu sanh tử! Do lòng đại từ, đức Phật rất sợ chúng sanh chẳng thuận tiện thọ trì được, bèn lại nói kinh A Di Đà, ngõ hầu họ thường đọc tụng hằng ngày. Lại nói kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật để y báo, chánh báo trang nghiêm cõi Tây Phương thường hiện hữu trong tâm mục của các hành nhân.

Ba kinh này tuy kinh văn tuy rộng - lược khác nhau, nhưng lý chẳng hề khác biệt. Người học đời Mạt Pháp nếu trí lực sung mãn, chẳng ngại gì tu trọn vạn hạnh, hồi hướng vãng sanh. Nếu không, đương nhiên nên chuyên tu Tịnh nghiệp, để mong nương vào Phật từ lực vượt ngang ra khỏi tam giới, lên thẳng chín phẩm sen. Kinh Vô Lượng Thọ có rất nhiều bản chú giải cổ, gần như đều bị thất lạc hết, còn sót lại chẳng được mấy! Đại sư Đạo Truyền đọc tụng kinh này, cảm niệm sâu xa ơn Phật, soạn bài tụng để tán dương. Tuy chưa thể nêu tỏ, giãi bày trọn vẹn ý nghĩa kinh và tâm Phật, nhưng cũng có thể phụ trợ tín nguyện cho bọn ta là hạng không có sức đoạn Hoặc chứng Chân, khiến cho hùng tâm kiên quyết vãng sanh được mạnh mẽ. Vì thế, cho ấn hành lưu thông vậy.

58. Lời tựa cho bài ký "Địa Tạng Bồ Tát cứu mẹ trong kiếp xưa"

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

[111] Quyền Vị Bồ Tát là những vị Bồ Tát chứng ngộ giáo pháp thuộc Quyền Đại Thừa. Gọi là Quyền Đại Thừa (hay Đại Thừa Quyền Giáo, hoặc Quyền Giáo Đại Thừa) vì những giáo pháp ấy do phương tiện quyền xảo (quyền biến, khéo léo) của chư Phật lập ra nhằm tùy thuận căn cơ, hòng khơi gợi, dẫn dắt căn cơ từ Tiểu Thừa hướng về Đại Thừa, chứ chưa phải là giáo pháp Đại Thừa thật sự (Thật Đại Thừa), hoặc chưa phải là giáo pháp Nhất Thừa tối hậu.

Tâm chúng sanh và tâm Phật chẳng hai. Kẻ chẳng thể làm Phật thường làm chúng sanh là vì chính họ không có huệ lực, chẳng thể giác ngộ, lại không được thiện tri thức chỉ dạy. Do vậy, dùng diệu tâm sẵn có Phật tánh để làm căn bản khởi Hoặc tạo nghiệp, đến nỗi trải vô lượng kiếp luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Vì thế, đức Thế Tôn ta lúc mới thành Chánh Giác, lên cung trời Đao Lợi, vì mẹ thuyết pháp, muốn khiến cho hết thảy chúng sanh đều mong báo ân cha mẹ, liền đặc biệt nêu rõ chuyện Địa Tạng Bồ Tát trong kiếp xưa do cứu mẹ nên rộng phát thệ nguyện Bồ Đề làm thuyền bè vượt biển khổ cho chúng sanh đời vị lai. Trọn bộ kinh văn lý sự rõ ràng, tường tận, văn từ thoáng đạt, rõ rệt. Hai chuyện ngài Địa Tạng cứu mẹ trong ấy càng cho thấy rõ những nghĩa lý *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh"* và *"tâm tạo được nghiệp thì tâm chuyển được nghiệp. Tâm chẳng thể chuyển được nghiệp thì nghiệp sẽ trói buộc tâm".* Thật có thể nói là người dẫn đường nơi nẻo hiểm, là đuốc huệ nơi ngõ tối, là kho báu cho kẻ nghèo thiếu, là thóc gạo trong năm đói kém, khiến cho hết thảy chúng sanh mê muội mau được giác ngộ, hết thảy những đứa con hiếu thuận có được sư thừa. Lợi ích của kinh chẳng thể tuyên nói được!

Từ khi đức Phật nói kinh này xong, phàm tại Tây Thiên, Đông Độ, những người đọc kinh này tâm được hưng khởi kể sao cho xiết! Cư sĩ Phụng Trì xót mình chưa thể hiếu dưỡng với mẹ, truy niệm ân đức, ôm hận suốt đời, nguyện khắp những kẻ làm con trong thế gian tùy thời, tùy sự để trọn đạo hiếu, nghĩ đến ân sâu cù lao, ắt sẽ làm sao cho cha mẹ ta được rốt ráo yên ổn nơi bảo sở mới thôi! Do vậy, dùng tâm chí thành niệm thánh hiệu Phật, kiêm dùng lòng cung kính giữ vẹn luân thường, tận hết thiên chức của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng công đức ấy để giúp cho cha mẹ ta được lợi ích, quyết mong sao cha mẹ còn sống thì nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, phước thọ tăng cao, trí huệ mở mang, khi khuất núi thì thần thức siêu thăng cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, chứng Vô Sanh Nhẫn, lên địa vị Bất Thoái. Lại phải biết: Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, hãy nên dùng tâm Đại Bồ Đề tùy thuận cơ nghi vì họ tuyên nói và cứu vớt, ngõ hầu trên khế hợp tâm Phật, dưới phù hợp nguyện của chính mình. Gió Từ vừa dấy, sát nghiệp liền tiêu, sẽ thấy lễ nghĩa, nhân nhượng hưng thịnh, can qua dứt bặt vĩnh viễn, phong tục tốt đẹp, thiên hạ hòa bình.

59. Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ Linh Nham Sơn Tự

(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Nghe Di Đà thệ nguyện, dạy chúng sanh phương hướng *"tâm làm, tâm là"* thích hợp khắp chín giới. Pháp môn Tịnh Độ là đạo thành thủy thành

chung của Như Lai, thỏa thích lớn lao bản hoài của Phật. Phật, Tổ xuất thế đều lập pháp thuận theo cơ nghi. Kẻ độn căn đời Mạt nên chọn lấy pháp vừa khế lý lại vừa khế cơ để chuyên ròng dốc sức, ngõ hầu nương theo Phật từ lực, vượt ngang ra khỏi tam giới, ngay trong một đời này giải quyết xong xuôi đại sự sanh tử chẳng thể dễ dàng giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. Linh Nham là ngôi chùa cổ được khai sáng từ thời Đông Tấn, trải các đời Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường, bao lượt được sắc tu[112]. Những vị Trụ Trì xưa kia phần nhiều chẳng thể tra cứu được; còn những vị Trụ Trì đời Tống phần lớn là bậc đại lão nhà Thiền, vì thế đạo phong đứng đầu miền Giang - Chiết. Sau đấy mãi đến tận đầu đời Thanh vẫn cứ như vậy, [lịch sử truyền thừa của nhà chùa] đã được ghi chép trong sách vở, ở đây không cần phải ghi cặn kẽ.

Gặp loạn Hồng Dương, chùa cháy tan hoang, vị Tăng tên Niệm Thành ở trong tháp báu, gặp đúng lúc ông Bành Cương Trực lên chơi núi, chuyện trò hợp ý, bèn tra xét rõ ràng ruộng đất. Nhân đấy, dựng hơn mười gian điện đường, nhưng vẫn chưa sắp xếp Tăng sĩ tu hành [nơi đây]. Đến đời Tuyên Thống, vị Tăng sống ở đấy do bị mất y, đánh lầm người lui tới. Người dưới núi bèn kéo nhau đến [hỏi tội], ông Tăng liền bỏ trốn. Tất cả đồ đạc trong chùa đều bị những kẻ kéo đến dọn sạch. Vị hương thân là Nghiêm Lương Xán do thấy danh sơn vô chủ, bèn bảo vị Tăng chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy vị Tăng ấy là Hòa Thượng Chân Đạt đến tiếp nhận. Hòa Thượng Chân Đạt phát nguyện sau này tìm được người thích hợp sẽ giao cho người ấy chuyên tu pháp môn Tịnh Độ. Lập ra cách thức chẳng giống với những nơi khác, chuyên nhất niệm Phật, nhất loạt chẳng thực hiện hết thảy Phật sự mang tính cách thù tiếp. Bắt đầu từ năm Dân Quốc 15 (1926), hơn mười năm qua, nghiễm nhiên trở thành một đạo tràng lớn mà chẳng cầm sổ hóa duyên.

Mỗi ngày tu trì chẳng khác gì đả Phật thất. Khi mở Phật thất chỉ thêm lễ cúng dường Phật, hồi hướng trước bàn linh mà thôi. Bất luận [thí chủ] thỉnh bao nhiêu vị [Tăng tham dự niệm Phật] đều là cả chùa cùng niệm, nhưng đem số tiền cúng dường của thí chủ [với ý định] mời bao nhiêu vị [tham dự niệm Phật] chia đều cho cả chùa. Vì thế chẳng lập danh sách [những vị Tăng được mời tham dự Phật thất], do không lập danh sách nên không bị tỵ nạnh "ghi tên người ta mà chẳng ghi tên tôi!" Nếu làm Phật sự thù tiếp các nơi thì chánh khóa (khóa tụng chánh yếu) của chùa ắt bị gián đoạn. Khi Linh Nham đả Phật thất, công khóa chỉ có tăng thêm chứ không giảm. Vì thế, tuy công khóa nghiêm ngặt, nhưng mỗi kỳ Phật thất số người đến ghi danh thường là ba bốn chục, chỉ có mấy người bỏ đi mà thôi. Ăn uống giống hệt nhau,

[112] Chùa được triều đình xuống chiếu cấp tiền trùng tu hay cử người đứng trông nom trùng tu thì gọi là "sắc tu".

không phân biệt chủ, khách, hay người làm công. Chùa này đúng là chùa thập phương:

1. Trụ Trì bất luận là Thiên Thai, Hiền Thủ, Lâm Tế, Tào Động, chỉ lấy "giới hạnh tinh nghiêm, tin sâu pháp môn Tịnh Độ" làm chuẩn. Chỉ truyền hiền, chẳng truyền pháp[113] để dứt thói tệ pháp quyến riêng tư.

2. Truyền thừa Trụ Trì luận theo thứ tự, chẳng luận theo thế hệ, để tránh thói tệ bậc cao đức phải ở dưới kẻ đức hạnh tầm thường.

3. Không truyền giới, không giảng kinh, để khỏi bị chèo kéo, dao động, nhiễu loạn chánh niệm. Trong chùa tuy hằng ngày thường giảng, nhưng chẳng thăng tòa và níu kéo người ngoài đến nghe.

4. Chuyên nhất niệm Phật, trừ đả Phật thất ra, nhất loạt không làm hết thảy Phật sự thù tiếp.

5. Bất luận là ai chẳng được thâu nhận, thế độ đồ đệ trong chùa.

Trong năm điều hễ trái một điều nào, lập tức ra khỏi chùa. Khóa tụng sớm tối phần lớn giống như công khóa thông thường, nhưng cũng có chỗ khác biệt. Người mới đến nếu không có kinh sách để xem, chắc là sẽ hiểu lầm. Vì thế, Giám Viện là Diệu Chân đại sư tính sắp xếp, ấn hành, cậy tôi viết lời tựa. Do vậy, tôi lược thuật duyên khởi như vậy đó.

60. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ[114] của Linh Nham Sơn Tự

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Chùa Linh Nham do ngài Bảo Chí Thiền Sư[115] đời Lương khai sơn, Trí Tích Bồ Tát[116] trùng hưng, là cuộc đất đạo tràng thù thắng được nhiều đời

---

[113] Ý nói: Chỉ truyền ngôi Trụ Trì theo đức hạnh của người đáng làm Trụ Trì, chứ không vì người ấy thuộc cùng sơn môn hay là pháp quyến mà truyền ngôi Trụ Trì.

[114] Vạn Niên Bạ: Sổ ghi tài sản, đồ vật trong một ngôi chùa.

[115] Bảo Chí (418-514), thường được gọi là Chí Công Hòa Thượng, người huyện Kim Thành, xuất gia từ nhỏ, theo học với Tăng Kiệm chùa Đạo Lâm, chuyên tu Thiền. Trong niên hiệu Thái Thủy (466-471), Sư lên kinh đô, không ở nơi nào cố định, thường làm thơ lời lẽ phảng phất sấm ký, dân chúng đua nhau đến hỏi chuyện họa phước. Tề Vũ Đế cho là Sư dối gạt dân chúng bèn bắt giam, nhưng vẫn thấy Sư hằng ngày ngao du ngoài chợ, vào trong ngục khám xét, vẫn thấy Sư nằm khểnh trong đó. Vua nghe tin, bèn cho đón vào cúng dường trong hoa viên, cấm không cho ra ngoài, nhưng Sư vẫn ngao du các chùa Long Quang, Kế Tân, Hưng Hoàng, Tịnh Danh v.v… Đến thời Lương Vũ Đế lập quốc, mới giải tỏa lệnh cấm, thường vời Sư đến hỏi đạo rất tương đắc. Khi Sư thị tịch, Đế phong tặng thụy hiệu Quảng Tế Đại Sư, lần lượt các đời sau truy tặng Đạo Lâm Chân Giác Bồ Tát, Từ Ứng Huệ Cảm Đại Sư, Phổ Tế Thánh Sư Bồ Tát, Nhất Tế Mật Chân Thiền Sư v.v… Do lời thỉnh của Lương Vũ Đế nhằm cầu siêu giải nạn cho phu nhân Hy Thị, Sư đã tập hợp danh tăng soạn ra bộ Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp (thường được gọi là Lương Hoàng Sám).

[116] Trí Tích Bồ Tát nói ở đây là một vị cao tăng Ấn Độ. Theo Linh Nham Ký Lược, Sư từ Ấn Độ sang Trung Hoa vào cuối đời Tấn, trùng hưng chùa Linh Nham tại Tô Châu, rất nổi tiếng về tài đức. Theo truyền thuyết có một bà lão nghèo không có gì cúng dường,

cao tăng thuộc các tông Thiền, Giáo, Luật trụ trì. Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn thù thắng vừa Tiểu vừa Đại, vừa cạn vừa sâu, hết sức bình thường, nhưng hết sức đặc biệt, lạ lùng: Thoát khỏi sanh tử ngay trong một đời này! Cách tu dễ dàng nhất, lợi ích sâu rộng nhất. Nơi cuộc đất tối thắng này, tu pháp mầu nhiệm nhất này, nếu không phải nhiều kiếp vun bồi há được gặp gỡ ư? Nhưng muốn tu hạnh thù thắng, ắt phải nhờ vào các món vật cần dùng. Vì thế, trên là kinh tượng và các món đồ vật, mỗi mỗi phải sắm sửa đầy đủ thì mới có thể thẳng đường tu tập không trở ngại. Nhưng đạo tràng tồn tại vĩnh viễn muôn đời, người thì mấy chục năm đã đổi thay. Tất cả những thứ có được này, nếu không ghi chép vào sổ, lâu ngày có thể bị mất mát. Hơn nữa, qua bao lần thay đổi, cũng không thể truy xét được nguồn gốc ban đầu.

Do vậy, mỗi món đều được ghi lại để phàm những ai sống trong chùa này và làm Trụ Trì, làm Giám Viện, thấy những vật này, tâm liền tự suy nghĩ: "Những vật này là những vật cần dùng để giúp chúng ta tu trì pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu tự lợi, lợi tha, để cùng sanh về thế giới Cực Lạc, phải yêu mến như thịt nơi thân mình, giữ gìn như tròng mắt. Chẳng phải là keo tiếc các vật mà chính là kính trọng tấm lòng thành trợ đạo của thí chủ để mong ít cần, bớt dùng, đạo nghiệp sẽ dễ thành tựu. Hết thảy pháp môn nếu chẳng đoạn sạch Phiền Hoặc sẽ chẳng thể thoát lìa sanh tử, chỉ có pháp Tịnh Độ này chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, liền có thể dự vào cảnh giới Phật. Có được đạo tràng tối thắng này, lại tu pháp môn tối thắng này, há chẳng nên càng thêm mến tiếc, giữ gìn, quý trọng những vật cần dùng này ư? Nếu chẳng càng thêm giữ gìn, quý trọng tức là phung phí vật của trời, phụ ân thí chủ. Dẫu có tu trì, cũng khó được tương ứng cùng Phật, vì sao? Do kẻ ấy chỉ cốt sao mình được yên ổn, thảnh thơi, mặc kệ công sức người khác chế tạo, người xưa sắp đặt, lo liệu, đủ mọi nỗi khó khăn. Nguyên do sắm sửa những thứ ấy là để cho ta tu đạo hòng liễu sanh tử. Đã coi thường những vật này, chẳng biết mến tiếc, tâm hạnh ấy hoàn toàn chẳng tương ứng với đạo, làm sao cảm được Phật xót thương nhiếp thọ để được thoát ngay khỏi biển khổ sanh tử!" Phàm những người chân thật tu hành ắt phải nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, hành được những điều người khác chẳng thể hành, chịu nhọc nhằn thay cho người, thành tựu điều tốt đẹp cho người. Được như thế thì tương ứng với đạo, tương ứng với Phật! Nguyện những người sống trong chùa này ai nấy đều cố gắng.

61. Lời tựa cho Linh Nham Khai Thị Pháp Ngữ

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

đem một miếng nhựa cây sơn dâng cho Sư, Sư vẫn vui vẻ nhận lấy, nhờ đó bà được khai ngộ. Do vậy, sau này vào ngày sinh nhật Sư, chùa vẫn cử hành lễ kỷ niệm, gọi là Giác Tất Hội. Cũng theo truyện ký của chùa, đại sư nhiều lần thị hiện hóa độ Tăng - Tục rất đông.

Linh Nham chính là cuộc đất thánh đạo tràng trời tạo đất dựng. Ngô Vương Phù Sai thiếu đức, chẳng tuân theo đạo "chánh tâm thành ý, siêng năng việc nước, yêu dân" của các vị tổ là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung[117], chỉ chuộng dâm lạc, bèn dựng cung Quán Oa[118] nơi này, mắc tội với trời đất và tổ tông cũng lớn lắm. Cung điện xây xong được mấy năm, nước mất, thân chết, chẳng đáng buồn ư? Đến đời Tấn, Tư Không Lục Ngoạn[119] xây nhà trên đó, sau nghe Phật pháp, bèn biến nhà thành chùa, đấy chính là duyên khởi khai sơn đầu tiên của Linh Nham vậy. Đến đời Lương, ngài Bảo Chí Công cầu xin Vũ Đế, chùa lại được trùng hưng. Trí Tích Bồ Tát nhiều lượt hiện thân tượng vẽ[120], hiển thị đạo nhiệm mầu, dẫn dắt kẻ tục còn đang mê. Đến đời Đường, em trai Tể Tướng Lục Tượng Tiên[121] (người Tô Châu) mắc bệnh ở kinh đô, ngự y bó tay. Một vị Tăng xin gặp, nói có thể trị được bệnh, bảo lấy một chén nước sạch, hướng vào đó niệm chú mấy câu, ngậm nước phun ra, lập tức khỏi hẳn bệnh. Đem mọi vật đáp tạ Sư đều không nhận, nói: "Tôi tên là Trí Tích. Sau này ông trở về Tô Châu, nên đến núi Linh

---

[117] Thái Bá và Trọng Ung là hai người con lớn của Thái Vương. Theo sách Hoài Nam Tử, vì muốn nhường ngôi cho người em út là Quý Lịch, tức cha của Văn Vương, hai người này liền giả vờ đi hái thuốc rồi trốn xuống miền Nam sông Dương Tử, lập ra nước Ngô. Nước Ngô bị Câu Tiễn nước Việt thôn tính và diệt vong dưới thời Phù Sai.

[118] Sau khi Câu Tiễn bị Phù Sai đánh bại nhằm trả thù mối nhục giết cha là Hạp Lư, theo mưu kế của Phạm Lãi, Câu Tiễn đã dâng mỹ nhân Tây Thi cho Phù Sai. Phù Sai bèn xây cung Quán Oa cho nàng Tây Thi ở. Cô Tô Đài cũng thuộc quần thể cung điện này. Khi Câu Tiễn phục quốc, đánh bại Phù Sai, diệt nước Ngô đã cho phóng hỏa đốt trụi cung Quán Oa. Chùa Linh Nham được xây ngay trên nền cũ cung Quán Oa.

[119] Tư Không là một chức quan được lập ra từ thời Tây Châu, là một trong ngũ quan (Tư Mã, Tư Khấu, Tư Sĩ, Tư Đồ). Chức quan này chuyên trông nom về việc thủy lợi, xây dựng. Từ sau thời Hán trở đi, chức quan này không còn tồn tại, mà được thay thế bằng danh từ Công bộ thượng thư. Lục Ngoạn (278-341), còn gọi là Lục Lưu, tự Sĩ Dao, người Ngô Quận (nay là Tô Châu, tỉnh Giang Tô), là một thi nhân nổi tiếng thời Đông Tấn, từng giữ chức Tư Không.

[120] Ngoài câu chuyện được nhắc đến trong bài tựa này, Ngài còn nhiều lượt thị hiện chữa bệnh cho người khác. Những ai hỏi đến trụ xứ, Ngài đều bảo đến chùa Linh Nham tìm. Những người được lành bệnh đều nhận ra vị Tăng vẽ trên vách chính là người đã chữa bệnh cho họ. Vì thế, Tổ mới nói *"nhiều lượt hiện thân tượng vẽ"*.

[121] Lục Tượng Tiên (665-736), người Ngô Huyện, tỉnh Giang Tô, làm Tể Tướng đời Đường Duệ Tông. Cha ông từng giữ chức Tể Tướng dưới thời Vũ Tắc Thiên. Ông thoạt đầu giữ chức Tham Quân đất Dương Châu, được thăng lên làm Tể Tướng năm Cảnh Vân thứ hai (711). Trước khi ông làm Tể Tướng từng giữ chức Trưởng Sử thuộc Đô Đốc Phủ Ích Châu, quan Tư Mã phủ ấy là Vi Bão Trinh xúi giục: "Tôi nghĩ minh công nên dùng hình phạt nghiêm khắp để ra oai, nếu không, sợ rằng những kẻ dưới quyền lười nhác, không biết kiêng sợ!" Tượng Tiên đáp: "Nếu ông bảo cai trị ngay thẳng thì còn được, chứ dùng hình phạt khốc liệt để tạo oai phong, tổn người lợi mình ích gì? Đấy là việc làm của kẻ thiếu nhân từ đấy". Ông đối xử với thuộc hạ rất nhân từ, rộng lượng, thường nói: "Thiên hạ vốn vô sự, chỉ có kẻ tầm thường tự khuấy động lên, khiến cho sự tình càng thêm rối, chỉ cần giữ thái độ trầm tĩnh thì hết thảy sự việc sẽ thành đơn giản ngay".

Nham gặp gỡ tôi”. Về sau, người ấy đến núi hỏi thăm, không có ai tên là Trí Tích cả, tâm rất buồn bã, xem khắp các điện đường, thấy hình vẽ trên vách chính là vị Tăng đã trị bệnh cho mình. Vì thế, đặc biệt dựng điện Trí Tích, chùa lại được trung hưng. Từ đời Tấn đến đời Đường, [danh tánh] tất cả Trụ Trì đều chẳng thể tra cứu được.

Đến đời Tống, phàm những vị Trụ Trì núi này đều là bậc đại lão lỗi lạc trong Tông môn, đạo tràng Linh Nham bèn trở thành đứng đầu Giang Tô; do đất thiêng nên mới có người tài giỏi, do người tài giỏi nên đất mới thiêng. Cuối đời Minh, đầu đời Thanh, chùa lại hưng khởi mạnh mẽ, hai đời vua Thánh Tổ (Khang Hy) và Cao Tông (Càn Long), mấy lần tuần du phương Nam, đều nghỉ tại hành cung[122] trên núi. Trong cơn loạn Hồng Dương, chùa bị đốt cháy gần như hết sạch. Về sau, đại sư Niệm Thành trụ trong lòng tháp, nhằm đúng khi ông Bành Cung Bảo Ngọc Lân đi chơi núi gặp gỡ, bèn tra xét ruộng đất [chuộc lại] hơn sáu trăm mẫu, dựng hơn mười gian điện đường, nhà cửa.

Đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), trụ trì là Đạo Minh vốn là quân nhân xuất gia, tánh tình thô bạo, do mất y [ca-sa] mà đánh đập người tới chùa quá đáng, người dưới núi vùng lên đánh đuổi, Đạo Minh bỏ trốn. Đồ đạc trong chùa đều bị khuân sạch, trở thành một ngôi chùa không ai ở. Đây chính là cơ hội để đạo tràng Linh Nham được phục hưng. Nếu không, giả sử như ông ta tận lực vâng giữ Thanh Quy, chắc chắn chùa chẳng thể trở thành đạo tràng Tịnh Nghiệp duy nhất trong cả nước được! Họa - phước dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người khéo dụng tâm hay không mà thôi. Bắt nguồn từ việc thân sĩ vùng Mộc Độc là ông Nghiêm Lương Xán bảo nhà sư chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy của vị sư ấy là hòa thượng Chân Đạt tiếp nhận trông nom chùa. Ngài Chân Đạt bèn phái người đến tiếp nhận, lại sai Minh Hú đứng trông nom tạm thời, ý muốn có người thích hợp sẽ biến chùa thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh Độ. Năm Dân Quốc mười lăm (1926), pháp sư Giới Trần[123] đến đây, bèn giao cho Ngài làm Trụ Trì. Tăng chúng thường trụ lấy hai mươi người làm hạn, trừ số tiền huê lợi mấy trăm đồng ra, hễ [chi tiêu] không đủ thì ngài Chân Đạt sẽ bù cho. Chẳng quyên mộ, chẳng

---

[122] Hành cung: Cung điện dành cho vua ở tại các địa phương.

[123] Pháp sư Giới Trần (1878-1948) là người xứ Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc, họ Khưu, tự là Địch Ngô, xuất gia năm mười chín tuổi, chuyên tu khổ hạnh, sống trong núi Chung Nam, toàn tâm toàn ý tu Thiền. Sau Sư chuyên tu niệm Phật. Dưới thời Quang Tự, Sư vào núi Kê Túc ở Vân Nam chuyên tu pháp Ban Châu Niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), Sư đến mở Hoa Nghiêm Đại Học tại Hàng Châu. Về sau, Sư bế quan tại chùa Phật Thản ở Thường Thục, ngầm tu Tịnh nghiệp. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), cùng với các vị Liễu Trần, Từ Châu v.v… lập Hoa Nghiêm Đại Học tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Sư từng đảm nhiệm Trụ Trì chùa Linh Nham một thời gian. Sư thị tịch vào năm Dân Quốc 37 (1948) tại chùa Cùng Trúc ở Côn Minh, thọ 71 tuổi, pháp lạp 53 năm. Trước tác gồm Hoa Nghiêm Nhất Trích, Hoa Nghiêm Thất Xứ Cửu Hội Đồ, Liên Xã Minh Huấn, Tịnh Tông Yếu Ngữ v.v…

làm pháp hội, chẳng truyền pháp, chẳng thâu đồ đệ, chẳng giảng kinh, chẳng truyền giới, chẳng làm chuyện kinh sám thù tạc[124], chuyên nhất niệm Phật. Khóa tụng mỗi ngày đều giống như trong khi cử hành Phật thất thông thường. Trụ trì bất luận Thiên Thai, Hiền Thủ, Lâm Tế, Tào Động đều được, chỉ quan tâm đến thứ tự, không quan tâm đến thế hệ truyền thừa[125], chỉ cần là người giới hạnh tinh ròng, [trì giới] nghiêm ngặt, thông hiểu giáo lý, tin sâu Tịnh Độ là được. Nếu những mặt khác đều khá, nhưng chẳng chuyên chú Tịnh Độ thì quyết chẳng thể mời [làm Trụ Trì].

Từ đấy trở đi, người thường trụ ngày càng nhiều, phòng ốc chẳng đủ, trong năm Dân Quốc 21 (1932), trước hết dựng Niệm Phật Đường, bốn năm năm qua, liên tục xây cất. Nay điện Đại Hùng đã khánh thành, chỉ còn thiếu điện Thiên Vương chưa xây, nhưng cũng chẳng quan trọng chi lắm. Tháng Hai năm Dân Quốc 19 (1930), Quang đến đây, tháng Tư liền bế quan tại chùa Báo Quốc, đã hơn sáu năm rồi. Do già cả, bất tài, toan chết già trong nơi bế quan. Vì các vị trong hội Phật giáo mời mọc, xin Quang trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai[126] mỗi ngày giảng khai thị một lần, tỏ rõ lý "nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo", đề xướng pháp "tín nguyện niệm Phật, liễu thoát ngay trong đời này" để cứu vãn thế đạo lòng người. Cố sức từ chối chẳng được, bèn vào ngày mồng Sáu tháng này ra khỏi chỗ bế quan đến đất Hỗ (Thượng Hải), nhằm trọn nghĩa vụ hộ quốc của tôi. Ngày Mười Lăm viên mãn, ngày Mười Sáu vì họ nói Tam Quy - Ngũ Giới.

Sáng nay theo đường tắt từ đất Hỗ trở về đây, nhưng các vị cư sĩ ở thành Tô Châu[127] đã đến trước rồi. Lên núi, trông thấy điện vũ nguy nga, Tăng chúng thanh tịnh, hòa thuận, khôn ngăn hoan hỷ tột bậc. Do được Giám Viện là đại sư Diệu Chân mời vào pháp đường, vì các vị diễn nói pháp yếu[128] Tịnh Độ. Nếu chỉ nói pháp yếu, chẳng nêu lai lịch và các nhân duyên hiện thời thì kẻ ở người tới đều chẳng biết duyên do, chắc sẽ coi đạo tràng

---

[124] Tức là không làm các pháp sự cầu an, cầu siêu, giải hạn, đảo bệnh, cầu phước, cúng sao, chúc thọ v.v… như các đạo tràng khác.

[125] Nguyên văn *"chỉ luận thứ số, bất luận đại số"*: Quan tâm đến thứ tự (tức tuổi tác, mức độ tu chứng, trì giới), chứ không quan tâm đến thế hệ truyền thừa. Tức là Tăng chúng trong chùa được xếp bậc theo người tu hành lâu năm, giới hạnh tinh nghiêm, chứ không vì người ấy thuộc thế hệ trước hay sau mà coi trọng. Trong các đạo tràng khác, thứ tự truyền thừa rất được coi trọng. Chẳng hạn, một vị Tăng mới xuất gia chưa được bao lâu nhưng vì là đệ tử của một vị ngang vai với thầy của vị Trụ trì hay người thuộc thế hệ cao hơn, nên được coi là sư thúc, sư bá, thái sư thúc. Các vị Tăng khác dù cao tuổi hơn, giới lạp cao hơn nhưng thuộc vai vế thấp hơn, vẫn phải lễ kính vị Tăng trẻ tuổi này.

[126] Hộ Quốc Tức Tai: Bảo vệ đất nước, chấm dứt tai nạn. Thông thường pháp hội Hộ Quốc Tức Tai thường bao gồm cầu nguyện cho quốc thái dân an, cầu siêu cho những oan hồn uổng tử. Theo truyền thống, thường tụng kinh Nhân Vương Hộ Quốc, Pháp Hoa và Kim Quang Minh, kết thúc bằng nghi thức Diệm Khẩu hoặc Vô Già Thủy Lục.

[127] Nguyên văn là Tô Thản. Người Hoa khi xưa thường gọi thủ phủ của một địa phương là Thản. Tô Thản là thủ phủ của đất Tô Châu, tức thành Tô Châu.

[128] Pháp yếu: Những chỗ quan trọng, cốt lõi của một pháp môn.

này giống hệt như các đạo tràng khác! Đối với người thông suốt rộng lớn thì không gì là chẳng được, nhưng với kẻ ngu độn như Quang, lại muốn thoát khỏi ba cõi ngay trong đời này, lên chín phẩm cõi kia thì chưa biết hướng về đâu. Do vậy, trước hết thuật bày duyên khởi vậy.

62. Lời tựa cho Đại Tạng Kinh bản Tích Sa[129] đời Tống được in theo lối ảnh ấn[130]

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Đại Tạng Kinh chính là huệ mạng của Như Lai, là mắt cho trời người, là đuốc trí trong đêm dài vô minh, là thuyền Từ trong biển khổ sanh tử, là nguồn pháp để bậc tiên giác giác ngộ kẻ hậu giác, là gốc của đạo thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu không phải đời trước đã trồng thiện căn, dù trải cả kiếp còn chưa được nghe tới danh tự, huống là được đích thân thừa sự cúng dường, thọ trì đọc tụng, nương theo đó mà tu tập cho đến khi được viên chứng ư? Pháp được nói trong Đại Tạng chính là pháp sẵn có trong cái tâm của mười pháp giới, chúng sanh, Phật, phàm, thánh, nơi Phật chẳng tăng, nơi chúng sanh chẳng giảm, Phật do rốt ráo chứng nên thường hưởng pháp lạc Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Chúng sanh vì chưa ngộ nên ngược ngạo nương theo sức của diệu tâm này để trái giác hiệp trần, mê chân đuổi theo vọng, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, vĩnh viễn ngụp lặn trong tam đồ lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Tam thừa thánh nhân tuy có ngộ chứng, nhưng chưa đạt đến mức rốt ráo; vì thế, vẫn chưa thể thụ dụng hoàn toàn. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy cơ lập giáo, đối bệnh cho thuốc, để họ theo đường về nhà, trọn chẳng lập ra khuôn khổ nào khác. Với hàng đại căn (căn cơ Đại Thừa)

---

[129] Tích Sa Bản hay còn gọi là Tích Sa Tạng, gọi đầy đủ là Tích Sa Diên Thánh Viện Bản, là một trong năm loại bản in Đại Tạng Kinh thuộc đời Tống (Đại Tạng Kinh được tập thành và tu chỉnh trong nhiều đời. Hiện thời, bản Càn Long Đại Tạng Kinh được coi là bản hoàn chỉnh nhất của Đại Tạng Kinh Trung Hoa, nhưng đa phần các bản in Đại Tạng Kinh đều căn cứ vào bản đời Tống. Ngay cả Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh - bản được coi là tiêu chuẩn của Đại Tạng Kinh Hán truyền hiện thời - cũng chủ yếu dựa vào bản đời Tống). Vào Đoan Bình nguyên niên (1234) đời Tống Lý Tông nhà Nam Tống, có thuyết nói là vào năm Bảo Khánh thứ nhất (1225), Triệu An Quốc, Pháp Âm, Hoằng Đạo v.v… đứng ra quyên mộ, khắc in Đại Tạng Kinh tại chùa Diên Thánh Viện ở phủ Bình Giang (thuộc Ngô huyện, tỉnh Giang Tô). Diên Thánh Viện về sau đổi tên thành Tích Sa Thiền Viện, nên bản in này được gọi là Tích Sa Tạng hay Tích Sa Bản. Cho mãi đến năm Chí Trị thứ hai (1322) đời Nguyên Anh Tông mới in xong, gồm 1.532 bản kinh, được chia thành 6.362 quyển.

[130] Ảnh Ấn: Không rõ đây là kỹ thuật in như thế nào. Thông thường, chữ Ảnh Ấn dùng để dịch nghĩa chữ photocopy, nhưng mãi đến năm 1948, máy photocopy mới được sáng chế bởi Haloid Corporation dựa trên phát minh của Chester Carlson. Do vậy, Ảnh Ấn không thể là kỹ thuật photocopy như hiện thời. Từ điển Từ Hải chỉ giải thích sơ lược: *“Ảnh ấn: Phương pháp in bằng cách chụp hình nguyên bản để chế bản in”*.

bèn nói thẳng đại pháp Nhất Thừa, khiến họ nhanh chóng chứng được Vô Sanh, với tiểu căn (căn cơ Tiểu Thừa) bèn trước hết dạy nương theo [những pháp môn] Quyền - Tiệm để tu trì hòng vun bồi nền tảng bước vào Đại Thừa, cuối cùng cho họ được nhận lãnh gia nghiệp, tiếp nối hưng thịnh dòng giống nhà Phật. Lời Phật dạy trong cả một đời được chia thành năm thời:

1. Thời Hoa Nghiêm: Chỉ nói đại pháp viên đốn nằm ngoài các giới[131]. Trời, người, Nhị Thừa đều chẳng phải là pháp khí của thời này.

2. Thời A Hàm: Nói pháp Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Quyền, Tiệm, khiến cho họ vào trong hóa thành[132].

3. Thời Phương Đẳng: Bàn trọn tứ giáo[133] thích hợp khắp ba căn.

4. Thời Bát Nhã: Dùng diệu trí Bát Nhã để trừ sạch tình kiến[134] của phàm lẫn thánh.

5. Thời Pháp Hoa - Niết Bàn: Khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bổn[135], thọ ký trọn khắp ba căn để họ cùng được nhận lãnh của báu trong nhà sẵn có. Niết Bàn *"phù luật đàm thường"*[136], là giáo huấn tối hậu để ba

---

[131] Giới ở đây là pháp giới. Giáo pháp của kinh Hoa Nghiêm đã vượt ra ngoài mười pháp giới nên gọi là *"nằm ngoài các giới"*.

[132] Hóa thành: Cái thành được biến hóa ra. Đây là một thí dụ được nói trong phẩm Hóa Thành Dụ của kinh Pháp Hoa: Một người dẫn đường dẫn mọi người đến chỗ có kho báu (bảo sở), đường xa gian nan, nguy hiểm, mọi người ngã lòng, muốn quay về, người dẫn đường bèn dùng thần thông biến hóa ra một cái thành lớn lao, tốt đẹp để mọi người vào đó, nghỉ ngơi, hồi phục sức khỏe rồi mới bảo cho mọi người biết đấy chỉ là hóa thành, chỗ có kho báu rất gần, hãy mạnh mẽ lên đường. Cũng vậy, các quả vị thuộc Tiểu Thừa giống như hóa thành do Phật phương tiện bày ra để người tu chứng đắc hòng làm cơ sở tấn tu đạo Nhất Thừa.

[133] Tứ Giáo: Bốn loại lớn trong cách phân chia giáo pháp theo tông Thiên Thai, tức Tạng, Thông, Biệt, Viên.

[134] Tình là những cảm xúc, ý niệm chấp trước, phân biệt, yêu - ghét, lợi - hại v.v… của chúng sanh, đôi khi còn gọi là "tình thức". Tình kiến là những sự hiểu biết, nhận định dựa theo những cảm xúc, ý nghĩ, ý niệm phân biệt chấp trước ấy.

[135] Khai Quyền hiển Thật: Chỉ ra những pháp đã lập trước kia là quyền biến, chưa thật sự là Nhất Thừa, dạy rõ pháp Nhất Thừa *"hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có khả năng thành Phật, không có ba thừa, ba thừa chỉ là giả lập tùy theo căn cơ để cuối cùng dẫn dắt chúng sanh về một Phật thừa"*. Khai Tích hiển Bổn: Chỉ rõ đâu là những sự thị hiện, chỉ rõ sự thật nơi quả địa. Chẳng hạn, Phật Thích Ca thị hiện thành tám tướng thành đạo trong cõi Sa Bà, thọ mạng tám mươi năm, nhằm khích lệ chúng sanh căn cơ hạ liệt tấn tu, hướng về Phật quả, đó là Tích. Theo như phẩm Thọ Lượng đã dạy: Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật từ rất lâu, thị hiện thành Phật trong các thế giới khác, trong mỗi cõi thị hiện dưới danh hiệu khác, thọ mạng khác biệt, dùng những Phật sự khác biệt để thành tựu chúng sanh. Đó là Bổn.

[136] *"Phù luật đàm thường"*, còn gọi là *"phù luật thuyết thường"* là một dụng ngữ của tông Thiên Thai nhằm mô tả giáo thuyết của kinh Niết Bàn. Theo đó, đức Phật thương xót kẻ độn căn đời Mạt dễ khởi lên tri kiến đoạn diệt, hủy phá giới pháp, quên mất giáo thừa, cho Như Lai là vô thường, ham thích đọc tụng sách vở, kinh điển của ngoại đạo, nên đánh mất cả giáo pháp lẫn giới luật. Vì thế, trong kinh Niết Bàn, đức Phật giảng giải

nghiệp thân - khẩu - ý đều cùng thanh tịnh như Phật, Tam Học Giới - Định - Huệ cùng được viên mãn như Phật.

Tổng hợp những pháp được nói thì có năm tông, tức là Luật, Giáo, Thiền, Mật và Tịnh. Năm tông này tuy tên gọi sai khác, nhưng lý thể là một. Hãy nên chuyên chú vào một môn, nhưng chớ nên sai lệch bỏ phế các môn khác. Như do bốn cửa vào được một thành, như do bốn mùa hợp thành một năm, [những tông ấy] mang công năng duy trì lẫn nhau, phụ trợ lẫn nhau, nếu chẳng phải là kẻ thấu hiểu sâu xa nguồn pháp sẽ chẳng thể nào biết được! Trong ấy, Luật là nền tảng ban đầu để nhập đạo; dù đạt đến viên mãn Bồ Đề vẫn phải nương tựa vào đó. Tịnh là pháp môn phổ độ, dẫu cho đã chứng Đẳng Giác vẫn phải nên hướng lòng về. Chúng sanh đời Mạt nếu không do pháp này sẽ chẳng độ được ! Bậc trí của các tông hãy gấp nên gìn giữ. Nếu không, tất cả tu trì chỉ trở thành cái nhân lành để thành quả Phật trong đời vị lai, muốn ngay trong đời này hễ siêu thoát liền vào thẳng địa vị Như Lai, e rằng chẳng phải dễ dàng đâu! Ngoài các kinh này ra, tất cả các luật Đại Tiểu Thừa, đều thuộc vào năm thời. Do vậy, chẳng cần phải nói riêng. Ngoài kinh, luật ra còn có các bộ luận do các vị Bồ Tát, tôn giả soạn ra để thích kinh, tông kinh[137], nhằm hiển lý, phá Hoặc, hàng ma, chế phục ngoại đạo, ngõ hầu sự giáo hóa của đức Phật sẽ nhờ vào đây mà được phổ biến khắp trong và ngoài nước. Đấy là Tam Tạng Kinh - Luật - Luận từ Phật quốc (Ấn Độ) được dịch ra.

Đến khi đại giáo được truyền sang phương Đông, bậc pháp tượng[138] xuất hiện đông đảo, trước thuật của các tông đẹp đẽ khôn kể xiết. Những tác phẩm được đưa vào Đại Tạng chỉ là một hay mười phần trong trăm ngàn phần mà thôi. Trước đời Đường, để có được kinh sách đều phải sao chép. Thời Ngũ Đại, Phùng Đạo[139] xướng xuất việc in bằng cách khắc ván. Đến

---

cặn kẽ giới luật để phù trợ giới môn (phù luật), cũng như nói đến lý Phật tánh thường trụ (đàm thường) nhằm phụ trợ giáo thừa.

[137] Thích kinh: giải thích tường tận ý nghĩa kinh theo từng câu, từng đoạn. Còn tông kinh là chỉ chú trọng giải thích pháp được giảng dạy, được đề cao bởi bộ kinh đó. Chẳng hạn, Thập Địa Kinh Luận là thích kinh, Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Ba Đề Xá (Vãng Sanh Luận) là tông kinh.

[138] "Tượng" nghĩa là thợ cả, thợ khéo. Ví như thợ khéo chế thành đồ dùng hữu ích, khéo léo, nên bậc tôn đức hoằng dương đạo pháp khiến cho giáo pháp được hoằng truyền mạnh mẽ, chúng sanh được lợi ích vô cùng sẽ được gọi là "pháp tượng" hoặc "tông tượng".

[139] Phùng Đạo (822-954), tự là Khả Đạo, sanh vào năm Trung Hòa thứ hai đời Đường Hy Tông, mất năm Hiển Đức nguyên niên đời Hậu Châu. Ông này làm quan suốt năm triều đại thuộc tám dòng họ khác nhau, trải qua mười ba đời vua, nên những sử gia thời cổ thường gọi ông ta là hạng "thò lò muôn mặt". Theo Ngũ Đại Hội Yếu, trước đó đã có những kỹ thuật khắc ván để ấn loát lẻ tẻ trong dân gian, chứ đa phần vẫn sử dụng lối chép tay. Những kinh điển quan trọng của Nho gia được các vương triều cho khắc lên đá, gọi là Thạch Kinh, nổi tiếng nhất là Khai Thành Thạch Kinh. Tháng Hai năm Trường Hưng thứ ba (933) đời Hậu Đường, Tể Tướng Phùng Đạo dâng sớ kiến nghị triều đình đứng ra

đời Tống, sách Nho, kinh Phật đều in bằng lối khắc ván. Đại Tạng Kinh bản đời Tống có mười mấy loại, nhưng ni sư Hoằng Đạo[140] thuộc Tích Sa Diên Thánh Viện chặt tay để xướng, khắc thành bản in Đại Tạng này có thể nói là bậc trượng phu trong nữ giới, khiến cho mọi người khâm phục, bội phục. Từ đời Tống đến nay, hơn bảy trăm năm, do cõi đời nhiều phen loạn lạc, những kinh đã được in phần nhiều bị mất đi. Hai chùa Ngọa Long và Khai Nguyên ở Thiểm Tây may còn giữ được. Cư sĩ Châu Tử Kiều sang đất Thiểm lo việc phát chẩn trông thấy, bèn cùng với đại cư sĩ đất Hỗ (Thượng Hải) thương lượng in lại bằng phương pháp Ảnh Ấn, nhọc nhằn vất vả khó thể nói trọn được. Nay sắp hoàn thành đợt đầu, sai Quang viết lời tựa. Quang là một ông Tăng chẳng hiểu biết gì, chỉ biết cơm cháo, làm sao có thể nêu tỏ sự quan trọng của Đại Tạng, đành nhờ vào những gì hằng ngày đã quen nghe, gom góp lẫn lộn lại để viết cho xong trách nhiệm. Diệu nghĩa của toàn bộ Đại Tạng người đọc sẽ tự biết, dẫu chưa thể đọc trọn khắp, nhưng hồi quang phản chiếu nơi các pháp "Căn, Trần, Thức, Đại" hiện tiền sẽ đích thân chứng được viên thông, cần chi phải viết tràn lan cho nhiều để gai mắt người nhã ư ?

63. Đề từ và lời tựa cho bộ Gia Ngôn Lục

(Đề từ được viết vào tháng Hai năm Dân Quốc 16 (1927) dành cho bản in bằng loại giấy in báo. Lời tựa được viết vào ngày mồng Tám tháng Chạp năm Dân Quốc 16 khi sách được in thành hai cuốn)

1) Tịnh Độ đại pháp môn lớn lao không gì ở ngoài nó được, như trời che khắp, như đất chở trọn. Bậc Đẳng Giác sắp thành Phật còn phải cậy nhờ

---

triệu tập những Nho sĩ học rộng sao chép lại những bản thạch kinh thật cẩn thận bằng lối chữ Khải cho thật dễ đọc, rõ ràng, giảo chánh kỹ càng, trước khi tuyển thợ khéo khắc những bản kinh ấy lên gỗ, để in ra với số lượng lớn ban cho các châu huyện. Do ảnh hưởng của việc này, việc ấn loát bằng phương pháp mộc bản được tổ chức quy mô và nề nếp, đồng thời xuất hiện những nhà in chuyên nghiệp, khiến cho sách vở được in với giá rẻ hơn, số lượng nhiều hơn, đồng thời những kinh điển được tiêu chuẩn hóa.

[140] Điều rất lạ lùng là sử sách không ghi chép gì thân thế, hành trạng của ni sư Hoằng Đạo ngoài chuyện Ngài chặt tay cúng dường pháp. Một số tài liệu cho biết ni sư Hoằng Đạo, pháp danh là Pháp Trân, pháp tự Hoằng Đạo, do thấy kinh tạng bị thất lạc sai sót, đã không tiếc công sức vận động, quyên mộ khắc in Đại Tạng. Vào khoảng năm Bảo Khánh thứ nhất đời Tống Lý Tông, ni sư Hoằng Đạo đã mời tứ chúng đến tuyên nói công đức in kinh để mạng mạch Phật pháp được lưu truyền, rồi đối trước đại chúng tự chặt tay trái để cúng dường khiến tứ chúng hết sức cảm động hết lòng hỗ trợ công việc ấn loát. Tuy vậy, theo Nguyên Nhất Thống Chí, Thuận Thiên Phủ Chí, quyển một, thì Hoằng Đạo và Pháp Trân là hai vị khác nhau, nhưng đều cùng chặt tay để kêu gọi in Đại Tạng Kinh, bản của Pháp Trân là Kim Tạng (Đại Tạng Kinh được in dưới đời Kim), còn bản của ni sư Hoằng Đạo là Tích Sa Tạng. Cũng theo sách ấy, ni sư Pháp Trân thọ giới tại chùa Thánh An ở Yên Kinh (Bắc Kinh), chùa này được đổi tên thành Đại Diên Thánh Tự trong niên hiệu Tuyên Thống đời Kim Hy Tông, còn ni sư Hoằng Đạo thì trụ trì chùa Tích Sa, chùa này có tên cũ là Diên Thánh Thiền Viện, nên hai vị này thường bị đồng nhất với nhau.

pháp này; kẻ nghịch ác sắp đọa A Tỳ mười niệm lên cõi sen, thích hợp căn cơ khắp chín pháp giới, đều cùng siêng gắng đảnh lễ kính vâng, sướng thỏa tâm độ sanh của Phật, duy nhất không còn pháp thứ hai nào nữa! Tôi do sức túc nghiệp, từng làm một gã Nhất Xiển Đề, bắt chước bọn Âu, Hàn v.v… ngu xuẩn không sao chữa được. May là bị bệnh mấy năm, lúc ấy mới suy nghĩ kỹ càng: Các bậc thánh hiền xưa nay lẽ đâu đều vô tri cả? Bọn họ đều cùng tôn thờ, ta nào dám chê bai? Dẫu bậc thánh cũng có chỗ không biết, nhưng bọn họ vẫn đủ sức làm thầy bọn Âu, Hàn! Từ đó, quy y Phật, xuống tóc, khoác áo thâm. Tự lượng túc nghiệp sâu xa, Tông, Giáo ta đều chẳng thích hợp, chỉ có cậy vào Phật lực may ra mới thỏa lòng mong, nên chuyên tâm tu Tịnh nghiệp hầu được dự vào Liên Trì.

Gần mười mấy năm qua, người khác đều lầm hỏi đến, lời đáp cũng giống như thế ấy, chẳng dám vượt phận tí nào. Ông Từ Úy Như ở Hải Diêm cho rằng [những lời lẽ ấy] thiết thực, gần gũi, đôi ba lượt đem in ở Bắc Kinh, Thượng Hải. Lời lẽ tuy chất phác, nhưng mọi người chẳng chê bai, tìm đọc càng nhiều, có nhiều người sanh chánh tín. Cư sĩ Lý Viên Tịnh túc căn vừa sâu vừa dầy, chú thích các kinh luận, xiển minh Như Lai tâm, sau đó vì hao tổn tinh thần, yếu bệnh ngày càng thêm nặng, bèn bỏ nơi rộng lớn chọn lấy chỗ ước lược, lập chí nối gót Đông Lâm[141]. Lại muốn lợi lạc hàng sơ cơ, tạo thành quy củ, châm ngôn tu trì [cho họ], nên bèn trích yếu những lời trong bộ Văn Sao, phân thành từng loại để biên tập, cũng như tự bỏ ra tịnh tài in tặng những ai hữu duyên, mong cho hết thảy mọi người đều gắng sức mong thành thánh, thành hiền, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ai nấy đều hoàn thành tánh thiên (bầu trời chân tánh) của chính mình, vâng làm các điều thiện, tiêu trừ sạch các điều ác, tín nguyện siêng năng niệm Phật, cầu lên được chín phẩm sen, lâm chung Phật đến tiếp dẫn, đều được như trăng in bóng trên sông, ngay lập tức vãng sanh Tây Phương, vĩnh viễn thoát vực sâu sanh tử, thấy Phật ngộ Vô Sanh, dần dần đạt đến phước huệ trọn vẹn.

Do vậy, thỉnh tôi viết mấy câu để rộng lưu truyền. Lời quê lọt vào mắt nhã, uổng chuốc lấy tiếng cười chê, thương xót. Mặt dầy mày dạn dâng tấm lòng ngu thành, mong ai nấy đều xét tỏ tường. Nếu chưa vượt lên được bậc Đẳng Giác thì cũng dự vào hàng Hồi Hướng vậy.

2) Pháp môn Tịnh Độ lý cực cao sâu, sự cực giản dị. Do vậy, người thiên tư thông mẫn, tri kiến cao siêu thường xem [Tịnh Độ] là pháp tu của bọn ngu phu, ngu phụ, chẳng chịu tu trì. Nào biết đây là pháp môn rốt ráo thành thủy, thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh! Họ thấy kẻ ngu phu, ngu phụ tu được pháp này bèn coi thường pháp môn, sao chẳng xét trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, vẫn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc ngõ hầu viên mãn Phật Quả? Miệt

[141] Đông Lâm là ngôi chùa do Sơ Tổ Tịnh Tông Huệ Viễn sáng lập tại Lô Sơn.

thị pháp môn Tịnh Độ chẳng xứng đáng để tu tức là coi những vị trong hội Hoa Nghiêm thuộc hạng người gì? Hơn nữa, chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm có đáng nên tôn trọng hay nên coi thường đây?

[Có thái độ như vậy] không có gì khác hơn là do chưa xét kỹ nguyên do của từng pháp môn thông thường và đặc biệt, cũng như sự lớn, nhỏ, khó, dễ giữa tự lực và Phật lực, nên mới đến nỗi như thế! Nếu đã xét kỹ, há chẳng học đòi Hoa Nghiêm Hải Chúng, nhất trí tiến hành cùng cầu vãng sanh ư? Ấn Quang tôi từ lúc búi tóc đọc sách, nhiễm ngay chất độc bài Phật của Hàn, Âu, Trình, Châu, may là không có được cái tài như Hàn, Âu, Trình, Châu. Nếu như có được chút tài như họ, ắt sẽ đến nỗi tự mình lầm, khiến người lầm, thân còn sống mà đã hãm trong địa ngục A Tỳ mất rồi! Từ năm mười bốn, mười lăm tuổi về sau, bệnh nặng nhiều năm. Từ đấy chiêm nghiệm khắp xưa nay, xem kỹ kinh sách, mới hay những thuyết do Hàn, Âu, Trình, Châu lập đó đều là những tri kiến môn đình, tuyệt chẳng đạt đến những sự huyền áo.

Nhược quan[142] được một năm, tôi liền xuất gia làm Tăng, chuyên tu Tịnh nghiệp. Thề trọn một đời này làm một kẻ tự lo giải thoát[143], chẳng lập môn đình, rộng thâu đồ chúng đến nỗi con cháu đời sau làm cho Phật pháp bại hoại, kéo cả Ấn Quang tôi vào trong địa ngục A Tỳ chịu khổ với chúng. Đến năm Quang Tự 19 (1893), hòa thượng Hóa Văn chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà lên kinh đô thỉnh Đại Tạng Kinh, sai tôi coi sóc việc ấn loát. Xong việc, Hòa Thượng mời tôi cùng về núi. Biết tôi chẳng thích tham gia [Tăng] sự, Ngài cho tôi ở riêng một căn liêu[144], tùy ý tu trì. Đến nay đã ba mươi lăm năm rồi. Ở núi lâu ngày, hễ có ai giao cho viết lách gì, tuyệt chẳng dùng đến tên gọi Ấn Quang. Ngay cả những văn tự chính mình cần phải ký tên, cũng chỉ tùy tiện viết hai chữ là xong. Vì thế trong hai mươi năm qua, trọn không có người khách nào đến thăm, cũng không có thư từ qua lại làm phiền.

Năm đầu Dân Quốc (1911), cư sĩ Cao Hạc Niên đem mấy thiên văn cảo đăng trên Phật Học Tùng Báo, chẳng dám dùng tên Ấn Quang, mà dùng tên Ấn Quang thường tự xưng là Thường Tàm Quý Tăng (ông tăng thường hổ thẹn). Vì thế, ký tên là Thường Tàm. Cư sĩ Từ Úy Như và Châu Mạnh Do lại lầm lạc tán thưởng, hỏi dò cả ba bốn năm nhưng chẳng ai hay biết. Sau Mạnh Do lên núi bái yết, xin quy y, đem mấy thiên bản cảo dở tệ gởi cho Úy Như, đưa in ở kinh đô, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao khiến cho [văn từ của tôi] gai mắt khắp những vị cao nhã nên càng thêm hổ thẹn. Năm Dân

---

[142] Nhược quan: Thời xưa, con trai đến tuổi hai mươi, sẽ làm lễ búi tóc lên, đội mũ, gọi là lễ Nhược Quan, tức là chính thức được coi là người trưởng thành.

[143] Nguyên văn *"tự liễu hán"* là một thuật ngữ của Thiền Tông chỉ kẻ chỉ lo chuyên tu hòng giải thoát cho chính mình, không quan tâm đến chuyện độ sanh. Tổ tự gọi mình bằng thành ngữ này vì đương thời, rất nhiều vị trong Tông Môn coi pháp Tịnh Độ là Tiểu Thừa, chỉ lo tự độ.

[144] Phòng ở của chư Tăng.

Quốc thứ bảy, thứ tám (1918-1919), họ lại lôi ra thêm mấy thiên nữa, soạn thành sách Tục Biên, in chung với cuốn Sơ Biên. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), giao cho Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ thành hai cuốn để làm bản lưu. Mùa Xuân năm Dân Quốc thứ 10 (1921), sách in xong. Quang tôi lại ở Dương Châu, đem bản đã sắp chữ năm Dân Quốc thứ 9 (1920) cho khắc thành một bản, [chia ra] làm bốn cuốn. Năm Dân Quốc thứ 11 (1922), lại giao cho Thương Vụ Ấn Thư Quán in thành bốn cuốn. Khi ấy, các cư sĩ chỉ đảm nhiệm in hai vạn bộ, nhưng đến khi Thương Vụ Ấn Thư Quán in xong, gởi ra bán, số ấy vẫn chẳng đủ!

Mùa Đông năm Dân Quốc thứ 14 (1925), lại giao cho Trung Hoa Thư Cục in bản Tăng Quảng (bản mở rộng – do thêm vào những bài mới), cũng chia thành bốn cuốn, dày hơn lần in trước một trăm tờ. Mùa Hạ năm nay in sách, do phong trào công nhân đấu tranh, giá in rất cao, chỉ in được hai ngàn bản. Bản gốc đã đem đánh máy ra thành bốn bản sao thì nhà in giữ lại hai bản, trả về cho Quang hai bản. Tôi bèn giao cho Chiết Giang Ấn Loát Công Ty tại Hàng Châu in trước một vạn bản, sau đó sẽ in tiếp, tùy theo nhân duyên.

Cư sĩ Viên Tịnh Lý Vinh Tường trong mấy năm qua chuyên tâm nơi học, đối với luận Khởi Tín, kinh Lăng Nghiêm, kinh Viên Giác đều viết sớ giải. Quang bảo: “Người thanh niên nên thiết thực dụng công niệm Phật trước đã, đến khi nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước dày rồi sẽ lại nêu tỏ [ý Phật], tự có thể xiển minh ý Phật tuyên truyền khắp vũ trụ”. Khi ấy, ông Lý vẫn chẳng chịu là đúng. Sau này, vì dụng tâm quá độ, tinh thần, thân thể mỗi ngày một suy, mới hay lời tôi nói chẳng sai. Ông ta bèn đọc kỹ Văn Sao, hoan hỷ khôn xiết nên trích lục những nghĩa trọng yếu, chia thành từng môn, từng loại, soạn thành một cuốn, cậy Quang viết lời đề từ, tính dùng giấy in báo in một ngàn cuốn để đáp ứng nhu cầu cần đọc ngay của độc giả (do những phần ấy đã được đăng trước trên tờ lâm san của Cư Sĩ Lâm, nên độc giả nhiều lượt thôi thúc ấn hành). Tháng Năm, Quang đến đất Thân (Thượng Hải), ông ta bèn cùng vợ xin quy y. Tháng Tám sách in ra, chẳng lâu sau sách được thỉnh hết. Thư yêu cầu nườm nượp gởi tới, tôi bèn bảo cơ quan quản trị nhà tù tại Tào Hà Kính sắp đặt việc in sách. Cư sĩ Trần Địch Châu xin đảm nhiệm việc trình bày, cũng như chịu phí tổn đánh máy bốn bản sao. Ông lại chịu tiền in hai ngàn bản. Cùng một lúc đảm nhiệm ấn loát, gần đến hai vạn. Đối với những bản đánh máy thì dự tính để lại một bản ở cơ quan quản trị nhà tù hầu [đáp ứng cho việc tái bản] lưu thông sách tại Thượng Hải, một bản gởi về cho cư sĩ Viên Tịnh giữ, để chính ông ta và các vị thiện sĩ sử dụng. Một bản gởi sang Tuyên Giảng Đường tại Cáp Nhĩ Tân để những vị có tín tâm nơi vùng Quan Ngoại[145] dễ thỉnh đọc. Một bản gởi sang Thương Hội ở Tân Gia Ba thuộc Nam Dương để Hoa kiều ở các đảo đều cùng được đọc tụng.

---

[145] Do Cáp Nhĩ Tân (Harbin) nằm trên đất Mãn Châu cũ, tức là ở ngoài cửa ải Sơn Hải Quan (cửa ải chính để vào Trung Nguyên) nên gọi là Quan Ngoại.

Với xuất xứ của mỗi câu được sao lục trong bản này, thuộc quyển nào, trang nào, ông Lý đều ghi kỹ để người đọc có thể đối chiếu với toàn văn trong Văn Sao. Do chỉ chép lấy những nghĩa trọng yếu trong các bài văn, xếp thành một loại, nên thường có [những đoạn trích] lời văn, ý nghĩa khá giống nhau, nhưng tôi chẳng lược bớt đi, ngõ hầu người đọc hưởng lợi ích được khuyên đi, khuyên lại nhiều lần sẽ đoạn ngay được lòng nghi, phát sanh lòng tin. Xuất xứ từ quyển nào, trang số mấy đều dựa theo [cách đánh số trong bản] Tăng Quảng Văn Sao. Lấy bản Tăng Quảng Văn Sao làm bản lưu thông vĩnh viễn, những thứ khác (tức những bản in có trước bản Tăng Quảng) thì về lâu về dài sẽ không phải tiến hành in lại nữa.

Lại vì Văn Sao văn từ sâu rộng, rườm rà, có lẽ kẻ sơ cơ khó lòng phân biệt, hiểu được [đâu là pháp môn] dễ hiểu nhưng hợp cơ nghi, muốn cho họ trước hết thấy được cửa nẻo, từ đấy sẽ thiết thực tấn tu, tự đạt đến chỗ cùng cực, khỏi phải đến nỗi nhìn biển cả than dài, hoặc đến nỗi đành lòng lui sụt. Nhân đây, chép cả mục lục cuốn Văn Sao Tuyển Độc vào sau lời tựa cuốn Gia Ngôn Lục để người chưa từng nghiên cứu Phật học có cái nương tựa để tiến bước vào đạo. Tâm lợi người ấy có thể nói là châu đáo hết mức, không còn gì hơn được nữa! Do vậy, tôi trình bày duyên do như thế để mong người đọc đều cùng được biết.

Nguyện người thấy, người nghe đừng cho lời tôi nói đều là tầm thường, kém cỏi rồi bỏ qua, cứ cầu lấy những điều cao thâm, huyền diệu. Đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi. Đạo của Như Lai chỉ là Giới - Định - Huệ mà thôi! Thực hành được việc tầm thường, kém cỏi đến cùng cực thì lý cao thâm huyền diệu há còn phải cầu đâu khác nữa ư? Nếu không thì chỉ cao thâm huyền diệu nơi đầu môi chót lưỡi, khi sanh tử xảy đến chẳng dùng được mảy may! Xin độc giả hãy lưu tâm!

64. Lời tựa cho cuốn Thích Môn Pháp Giới Lục

(năm Dân Quốc 26 - 1937)

Đức Như Lai chẳng xuất hiện, cõi đại thiên giống như đêm dài. Phật nhật đã chiếu khắp, các pháp đều rạng rỡ. Chẳng riêng gì tam thừa thánh nhân mau lên được bờ giác, mà còn khiến cho hàm thức[146] trong sáu đường

---

[146] Hàm thức (Sattva), còn được dịch là Hữu Tình, Chúng Sanh, Hàm Linh, Hàm Sanh, Hàm Loại, Hàm Tình, hay Bẩm Thức. Do hết thảy chúng sanh đều có tâm thức, tức có những chúng sanh có cảm giác, có nhận biết, nên gọi là Hàm Thức. Xin lưu ý, chữ Chúng Sanh hiểu theo nghĩa rộng bao gồm Hữu Tình Chúng Sanh (tức các sinh vật) và Vô Tình Chúng Sanh (những khoáng vật, đồ vật). Từ sau thời ngài Huyền Trang, danh từ Sattva được dịch là Hữu Tình hay Hàm Thức, chứ không dịch là Chúng Sanh vì theo Câu Xá Luận Bảo Sớ: *"Những gì do các duyên hòa hợp mà sanh thì được gọi là Chúng Sanh"*. Do vậy, Hữu Tình hay Vô Tình (Phi Tình) đều do các duyên hòa hợp mà thành nên đều được gọi là Chúng Sanh. Nhưng trong các bản luận hay sớ giải vẫn quen dùng chữ Chúng Sanh để chỉ hết thảy những loài sanh vật.

đều dần dần thoát vòng khổ. Phật dùng một âm diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu. Ví như một trận mưa nhuần thấm trọn khắp, cây cỏ mỗi loài tự sum xuê; một vầng trăng hiện bóng khắp nơi, nơi sông biển tùy mỗi người thấy khác. Chỉ rõ Phật tánh sẵn có, chúng sanh và Phật vốn đồng. Dạy rõ do tu trì thuận hay nghịch [Phật tánh] mà phàm - thánh thật khác biệt. Chia ra nói thành năm thừa, để mong [chúng sanh] theo đường về nhà. Chẳng lập một pháp ngõ hầu hiểu gốc mà biết ngọn. Ngũ tánh[147], tam thừa cùng về một đạo; Tứ Đế, Lục Độ chẳng ngoài một tâm. Hết thảy pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, pháp pháp dung nhiếp. Hết thảy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thật, hạnh hạnh viên thông. Đây chính là quy củ lớn lao nuôi dạy hàng ngàn căn cơ của đức Như Lai, là nghĩa lý lớn lao trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật.

Xét từ lúc đạo Phật được hưng khởi vào đời Chiêu Vương nhà Châu[148], đạo truyền khắp cõi Tây Càn (Ấn Độ), đến đời Hán Minh Đế, pháp được truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa). Thoạt đầu chỉ được hoằng truyền nơi đất Bắc, đến đời Ngô mới bắt đầu truyền xuống phương Nam. Từ đời Tấn trở đi, đạo được truyền khắp trong nước, ngoài nước: Cao Ly, Nhật Bản, Tiêm La (Thái Lan), Diến Điện đều cùng được gội pháp hóa của Phật trong thời ấy. Ngài La Thập ở Quan Trung[149], Viễn Công tại Lô Sơn, công huân hoằng pháp không ai to lớn bằng. Do vậy, pháp được truyền đến các nước, đều được bình đẳng hưởng ơn Phật. Từ đấy trở đi, đến thời Đại Đường, kinh luận, pháp môn thảy đều trọn vẹn. Tính chung những tông lớn thì có năm tông là Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Cố nhiên tri thức các tông đều thông suốt các pháp, nhưng để hoằng dương thì hoặc kiêm, hoặc chuyên, chỉ mong

---

[147] Ngũ Tánh là một khái niệm phân chia căn tánh theo tông Hoa Nghiêm, dựa trên căn tánh thành Phật của chúng sanh mà chia thành năm loại:

1. Bất Định Tánh Bán Thành Phật, tức căn tánh bất định, nếu gặp được pháp Nhị Thừa sẽ tu tập pháp Nhị Thừa, nếu gặp pháp Bồ Tát sẽ tu tập pháp Bồ Tát, khả năng thành Phật tùy theo căn duyên nên gọi là "bán".
2. Vô Chủng Tánh Bất Thành Phật: Chỉ hạng người không có thiện căn, chánh tín, bài bác nhân quả, chẳng chịu nhận lãnh sự hóa độ, cam phận chìm đắm trong sanh tử, chẳng cầu giải thoát.
3. Thanh Văn Tánh Bất Thành Phật: Những người mang căn tánh Thanh Văn, chỉ tu tập pháp Tứ Đế, chứng chân không Niết Bàn, tham đắm không tịch, kinh sợ sanh tử, chẳng muốn độ sanh, tấn tu Phật đạo.
4. Duyên Giác Tánh Thành Phật: Những người mang căn tánh Duyên Giác, chỉ quán Thập Nhị Nhân Duyên, chứng chân không Niết Bàn, cố chấp thiên không, chẳng cầu Phật đạo.
5. Bồ Tát Tánh Toàn Thành Phật: Bồ Tát có thể tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, bi trí song vận, rộng tạo các nhân, chứng quả Bồ Đề.

[148] Theo quan điểm cổ truyền của Phật môn Trung Hoa, đức Phật giáng sanh nhằm thời Châu Chiêu Vương (995-977 trước Công Nguyên).

[149] Lãnh thổ nhà Diêu Tần nằm trong địa phận tỉnh Thiểm Tây, do vùng này nằm lọt giữa các cửa ải Hàm Cốc, Tán Quan, Vũ Quan và Hào Quan nên thường gọi là Quan Trung.

sao khế cơ, nên không nhất định! Đa số là bậc đã chứng thánh quả, thừa nguyện thị hiện, hoằng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Khi sống được vua quan khâm phục, kính ngưỡng, dân chúng tôn sùng; mất đi, trời người buồn khóc, cầm thú kêu ai oán. Làm bậc thầy mô phạm cho cõi đời khi ấy, làm cầu bến cho đời sau. Đạo đức lợi ích nói chẳng thể cùng!

Rặng Côn Luân tuy sanh ngọc, vẫn có đá tảng; rừng chiên-đàn phần nhiều thơm ngát, vẫn sanh cỏ thối. [Đó là vì chư Tăng] hoặc thừa nguyện thị hiện bệnh hạnh[150], hoặc do mê tâm nên phạm Thanh Quy. Dấu tích của những lợi ích bị mất mát và những khổ báo chiêu cảm đều đáng để khơi gợi thiện tâm cho người đời sau, răn dạy đời Mạt phải gắng chí, vĩnh viễn là gương soi về sự trái đạo nghịch pháp trong pháp môn. Vì thế, chưa chắc [những gương phạm giới ấy] đã là trái nghịch sự giáo hóa của Phật, mà là nhằm khiến cho con người y giáo phụng hành vậy.

Cư sĩ Quách Hàm Trai ở Hồ Nam xem rộng rãi các sách vở, tiện tay sao lục những chuyện đáng để làm gương, đáng để răn dè được bao nhiêu đó chuyện, đặt tên là Thích Môn Pháp Giới Lục với chí nguyện mong mỏi lợi lạc mọi người. Nhưng do tuổi đã già suy, tinh thần chẳng đủ, chưa thể sắp xếp trước sau theo từng triều đại được, thật chưa được thỏa đáng lắm, nhưng sách khiến cho người đọc bắt chước theo, đề phòng, răn dè thì nào có trở ngại gì! Phần Phụ Lục cuối sách là một số đoạn giáo huấn thiết yếu trích lục từ Vân Thê Pháp Vựng. Phần trước là những hạnh đẹp đáng noi theo, phần này chính là những lời tốt lành. Miệng thường tụng, tâm thường nghĩ những lời hay hạnh đẹp của cổ đức sẽ giống như người nhiễm hương, thân tự có mùi thơm, dù kẻ ấy ương bướng, kém cỏi đến đâu cũng trở thành bậc “tri hành hợp nhất”[151], huống là những bậc đại chí một bề mong thành thánh thành hiền, học Phật, học Tổ, lợi ích ấy làm sao lường được? Nguyện tứ chúng học Phật thấy người hiền mong được bằng, thấy kẻ chẳng hiền trong lòng tự phản tỉnh thì pháp môn may mắn lắm, thế giới may lắm thay!

65. Lời tựa cho tác phẩm Tịnh Độ Tam Yếu Thuật Nghĩa

---

[150] “Bệnh hạnh” là một trong năm hạnh của Bồ Tát, được nói đến trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Theo đó, Bồ Tát vận dụng lòng vô duyên đại từ, vận tâm bình đẳng, nhằm cứu bạt những chúng sanh đang khổ sở phiền não mà thị hiện các hạnh gây tạo tội nghiệp lớn lao. Chữ Bệnh ở đây chỉ cho những tội nghiệp, vì tội nghiệp chính là bệnh nơi thân - khẩu - ý. Chẳng hạn như ngài Ưu Đà Di thị hiện phạm nhiều hạnh bất tịnh để Phật có cơ duyên chế giới, cũng như ngài Đề Bà Đạt Đa thị hiện phá hòa hợp Tăng, thị hiện phạm đại tội Ngũ Nghịch, thị hiện đọa địa ngục A Tỳ để cảnh tỉnh người đời sau về quả báo Ngũ Nghịch, hoặc như Hàn Sơn, Thập Đắc, Tế Điên thị hiện điên khùng, không giữ Thanh Quy đều nhằm hóa độ chúng sanh.

[151] “Tri hành hợp nhất” là học thuyết của Vương Dương Minh (tức Vương Thủ Nhân 1472-1558). Ông chủ trương cái học, cái biết phải đi đôi với việc làm, kiến thức phải phù hợp với hành động, biến những điều đã học thành hành động thực tiễn, chứ không phải chỉ để nói xuông, lòe đời.

(năm Dân Quốc 16 - 1927)

Cư sĩ Lạc Quý Hòa ở Thiệu Hưng xưa đã có linh căn, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành, dạy người, chỉ chăm chú tín nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Lại còn chú trọng giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, mến tiếc sanh mạng loài vật. Lại cho rằng đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình là diệu pháp duy nhất không hai để vãn hồi thế đạo, nhân tâm. Thật có thể gọi là "người biết được cái gốc để cấp bách chú trọng trước tiên". Lúc cư sĩ còn trẻ, rất hâm mộ chí hướng *"chẳng làm lương tướng, ắt phải làm lương y"* của cổ nhân, bèn lưu tâm nơi y lý để mong lợi người. Lâu ngày, tinh thông y thuật, khá nổi tiếng. Kế đó, nghĩ: "Tâm bệnh là gốc, thân bệnh là ngọn; nếu chẳng trị tâm bệnh sao cho hết thảy mọi người đích thân thấy được bản lai diện mục, thoát lìa sanh tử luân hồi thì lợi ích rất nhỏ, rốt cuộc chẳng phải là đạo tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha. Đời coi đức Phật là Đại Y Vương, ta hãy nên cầu y thuật nơi Ngài ngõ hầu ta cùng người đều được rốt ráo yên vui". Do vậy, giao du với các thiện tri thức, nghiên cứu kinh Phật, mới biết y thuật của đức Phật độc nhất vô nhị trong cõi đời, như ra khỏi nhà tối thấy được mặt trời, tấm lòng vui sướng không thể nào sánh ví được!

Nhưng đức Phật nói ra vô lượng vô biên pháp môn, cầu lấy pháp trực tiếp, nhanh chóng nhất, viên đốn nhất, thực hiện dễ, thành công cao, ngõ hầu nghiệp lực phàm phu do không có sức đoạn Hoặc sẽ có thể ngay trong đời này thoát khỏi tam giới lên chín phẩm sen, bỏ thân phàm dự vào dòng thánh thì chỉ riêng một pháp Tịnh Độ là được như vậy mà thôi! Do vậy, lắng lòng nghiên cứu, hiểu được cương yếu, gặp dịp pháp sư Hoa Trí kết xã niệm Phật, [pháp sư] bèn xin [cư sĩ] thay mình tuyên giảng, giảng đến đâu ghi đến đó, thành một cuốn sách, từng đăng tải trên báo Đại Vân để tặng những người cùng chí hướng. Phàm ai thấy nghe đều hoan hỷ, tán thán, bảo là hợp với căn cơ. Các cư sĩ thuộc hội Phật học ở Dư Diêu khuyên nên in ra để lưu truyền, cậy tôi viết lời tựa.

Tôi nghĩ pháp Tịnh Độ lý - sự viên dung, tánh - tu chẳng hai, phàm lẫn thánh đều thâu nhiếp trọn vẹn. Hết thảy pháp môn, hà sa diệu nghĩa không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, không gì chẳng trở về pháp giới này! Như biển cả dung nạp khắp trăm sông, dường thái hư chứa trọn muôn hình tượng. Quả thật là pháp môn vô thượng thành thủy thành chung để mười phương chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế, được chín giới cùng tuân hành, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói. Tôi nói lời này, nếu có ai chẳng tin, xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm, ngõ hầu cùng dự vào Hoa Tạng hải hội, nhất trí tiến hành, để đều mong sao trong đời này vãng

sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, tấn tu dần dần cho đến khi viên chứng vô thượng Bồ Đề mới thôi! Cao đẹp thay! Tốt lành thay!

66. Lời tựa cho sách Vật Do Như Thử

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Phật xem hết thảy chúng sanh đều là Phật, nên kinh Phạm Võng nói: *"Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như vậy, giới phẩm đã đầy đủ",* bởi lẽ, tin chính mình là Phật chưa thành thì chắc chắn muốn cải ác tu thiện, phát tâm Đại Bồ Đề tự lợi, lợi tha, ngõ hầu đoạn sạch Phiền Hoặc, đích thân chứng được Chân Như Phật Tánh sẵn có nơi cái tâm này. Tin hết thảy chúng sanh trong sáu đường đều là Phật chưa thành, chắc chắn sẽ tận lực khuyên lơn, chỉ bảo, duy trì đồng loại, chắc chắn chẳng làm chuyện tranh giành, tàn sát lẫn nhau, chắc chắn sẽ muốn kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tạo sự thuận lợi lớn lao cho dị loại, chắc chắn sẽ không có cái tâm thảm độc ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cho ta. Do con người chẳng biết chính mình và hết thảy chúng sanh đều là Phật chưa thành nên mới tranh chấp, giết người ngập thành, ngập đồng chẳng tiếc nuối, cũng như giết thân chúng nó hòng thỏa thích bụng miệng ta.

Người đời sát sanh quen thói nên coi thường, sự thể lớn - nhỏ gì cũng đều phải giết chóc. Tế thần, cúng giỗ tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, không có thịt sẽ chẳng thể thành lễ được! Đem chuyện cực khổ, cực thảm giáng xuống thân loài vật, nhằm biểu thị tấm lòng thành khẩn, hiếu kính của ta. Nếu luận trên phương diện mê muội thì còn chấp nhận được, chứ luận trên thực tế thì đáng thương quá đỗi! Do hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi sáu nẻo, lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, sanh ra lẫn nhau, trở thành oan gia đối đầu của nhau, tuần hoàn báo thù, đền đáp, giết hại lẫn nhau. Trong các kinh Đại Thừa, đức Phật đã nhiều lượt khuyên răn nhưng ít kẻ thấy nghe. Dẫu được thấy nghe, nhưng kẻ tin nhận, vâng làm, lại càng ít hơn nữa!

Do vậy, Phật dùng lòng Đại Bi, hiện trong dị loại để con người giết ăn. Đã giết xong, bèn hiện các tướng lạ ngõ hầu hết thảy mọi người biết là do Phật hiện, mong dứt sát kiếp để chúng sanh được yên. Như vỏ sò nghêu, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm ba ba đều có [hình ảnh] đức Phật ngự [trong ấy] khiến tai mắt con người [thấy nghe] phải kinh sợ, dứt cơ duyên giết chóc trong cõi đời, những chuyện như vậy được ghi chép trong sử sách kể sao cho trọn? Trước khi giết đều nói là loài thú, đã giết rồi, mới biết là Phật. Do vậy biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật! Dẫu không phải do đức Phật hiện ra, cũng vẫn là Phật đời vị lai. Giết ăn thì tội quá biển cả, núi non, hãy gấp đau đáu răn chừng ngõ hầu được giải thoát. Phải biết: Con người và loài vật tuy khác, mang hình dạng có linh tánh hay ngu xuẩn, kẻ ngốc tâm

thức tối tăm, loài vật có linh tánh thì trí lại sáng rỡ: Ngũ Luân, Bát Đức[152] cố nhiên chẳng nhường con người, lòng thành tha thiết so ra còn sâu đậm hơn con người. Dám cậy ta mạnh, giết chúng nó ăn thịt, đến nỗi trong tương lai thường bị kẻ khác ăn!

Lần xem sử sách, từ xưa đến nay, phàm những ai lợi người lợi vật con cháu nhất định hiền thiện, phát đạt; những kẻ nào hại người hại vật con cháu nhất định tầm thường, kém cỏi, diệt tuyệt. Vì thế, Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch rằng: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện sự vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, tai ương có thừa). "Dư khánh, dư ương" chính là những thứ thừa sót lại của "chánh khánh, chánh ương". Chánh khánh, chánh ương là những gì bản thân người ấy phải thọ trong đời kế tiếp hay trong những đời sau nữa do tích thiện hay tích bất thiện, so với dư khánh, dư ương sẽ còn hơn gấp trăm ngàn vạn ức lần! Nếu con người biết được điều này, chắc chắn chẳng chịu vì sung sướng nhỏ nhặt một lúc để rồi vĩnh viễn chịu đựng mối họa hại lớn lao đến vô cùng!

Trong thời Gia Khánh - Đạo Quang nhà Thanh, tại huyện Quảng Phong tỉnh Giang Tây, Thái Sử Từ Khiêm, tự Bạch Phảng, ẩn cư soạn sách hòng giác thế yên dân, chí thiết tha răn kiêng giết, đọc rộng các sách, phàm những đức hạnh tốt đẹp của loài vật đều tập hợp lại, soạn thành một cuốn sách, phân chia thành mười bốn tấm gương hiếu hữu, trung nghĩa, trinh liệt, từ ái, thương kẻ cô độc, quyến luyến nghĩa cũ, giữ chữ tín, giữ phận khiêm tốn, giúp đỡ điều lành, cứu nạn, báo đức, rửa sạch tiếng oan, hiểu biết nhiều thứ, thông minh trí huệ, đặt tên là Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế ấy). Ấy là vì muốn cho người thấy kẻ nghe đều phát khởi [tấm lòng] giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thấu hiểu đức hiếu sanh của trời đất, chẳng tàn sát dị loại, đề cao nỗi lòng "coi mọi người như ruột thịt, coi muôn vật như chính mình" của đạo Nho, che chở khắp quần sanh. Nghĩ đến những loài vật ấy còn có những hạnh đẹp như thế, mà chúng ta mang tấm thân sáu thước, sánh cùng trời đất thành ba ngôi, xưng là Tam Tài, lại còn được kinh sách của thánh hiền giáo huấn, nếu chẳng kế thừa người xưa, mở lối cho người đời sau, tán trợ quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất, yêu dân, thương vật, hòng thỏa tấm lòng Từ của trời đất thì chẳng những đã cô phụ ân sâu nuôi dạy của trời đất, thánh hiền, mà còn hết sức thẹn với những dị loại bay, chạy, lặn ngụp nữa! Sẽ nói đến những chuyện như thế này: Nên hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng anh, trung với chủ, trọn hết nghĩa như thế nào, dùng Ngũ Luân để hành Bát Đức, nên bác ái, cứu vớt rộng khắp như thế nào để thực hành đại đạo "bình đẳng đối đãi", nên như thế nào đánh đổ sự ham muốn

---

[152] Ngũ Luân: Năm mối quan hệ trọng yếu giữa người với người: Vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè.
Bát đức: Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ.

xằng bậy của chính mình để tu trì, hòng chẳng khiến cho đấng sanh ra ta phải hổ thẹn, chẳng bị trời đất quỷ thần thương xót, chẳng bị trời đất quỷ thần xem thường, vứt bỏ, chẳng bị hết thảy loài vật khinh miệt.

Ông Từ nhân phẩm cực thuần, học vấn cực rộng, tiếc rằng đời trước chưa từng gieo thiện căn rõ ràng, đời này cũng chẳng thân cận bậc thiện tri thức sáng mắt, đến nỗi đối với Phật pháp hay ngoại đạo đều chẳng phân biệt được tà - chánh, chân - ngụy. Vì thế, trong cuốn Hải Nam Nhất Chước do ông trước tác, đã đem quyển Trung và quyển Hạ của Tâm Kinh do ngoại đạo ngụy tạo – quyển Hạ có hai loại – xếp chung ba thứ ngụy tạo này với Tâm Kinh chân chánh do đức Phật nói, tôn trọng như cùng một thể, chẳng hề thua kém nhau! Điều này tạo ra thói tệ khiến cho những kẻ không hiểu Phật pháp sẽ coi tà là chánh, xem ngụy là chân, khiến cho các ngoại đạo biến chánh thành tà, biến chân thành ngụy. Trong cuốn sách này (tức cuốn Vật Do Như Thử), mười ba tấm gương đầu chỉ luận về luân thường, cố nhiên không gì chẳng thích đáng. Trong tấm gương thứ mười bốn, lời phê bình về sự thông huệ [của ông Từ Khiêm] khó tránh khỏi khuyết điểm tà - chánh chẳng phân, mong độc giả hãy suy xét tường tận.

Ông Lý Tuấn Thừa ở huyện Vĩnh Xuân, tỉnh Phước Kiến, pháp danh Huệ Giác, nhiều năm buôn bán tại Tinh Châu (Singapore) và Nam Dương. Do đứa con thứ là Nghi Tông bị bệnh, gởi món tiền một ngàn sáu trăm đồng xin Quang ấn tống những kinh sách vãn hồi kiếp vận, uốn nắn thế đạo nhân tâm, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng loài vật v.v… Quang thấy thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống là do Tống Nho đả phá, bài xích nhân quả, luân hồi, bảo đức Phật dùng những điều ấy để lừa bịp ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo hóa của Ngài, chứ thật ra không có chuyện ấy. Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, đến nỗi hùa nhau phế kinh điển, phế luân thường, tranh đất, giành thành, tàn sát lẫn nhau, không thể nào chấm dứt được!

Muốn vãn hồi sát kiếp thì phải bắt đầu từ kiêng sát sanh. Sách kiêng giết rất nhiều, nhưng sách cảm động lòng người, ngăn dứt cơ duyên giết chóc thì sách này có thể tôn là bậc nhất; bởi lẽ, loài vật còn có những hạnh cao đẹp như thế, người có lòng nghĩ đến người khác nào dám buông lung giết ăn nữa ư? Trong lời tựa lại giảng rõ ta và loài vật đều là Phật chưa thành, đức Phật muốn ngưng dứt sát kiếp trong cõi đời, liền chẳng tiếc sức hiện thân trong dị loại để cũng bị con người giết; đã giết rồi mới biết là do Phật hóa hiện. Kẻ biết tốt - xấu sẽ chẳng dám buông lung giết ăn y như cũ để tự chuốc lấy nỗi lo. Tuy cuốn sách này chẳng nói đến chuyện kiêng giết, nhưng quả thật là sách đứng đầu về kiêng giết, chấn động kẻ điếc, sáng mắt người đui, khiến cho những ai xem thấy đều dấy lòng, đều tự suy nghĩ: "Loài vật còn như thế, lẽ nào con người thua chúng?" bèn cực lực sốt sắng hành trì để khỏi hổ thẹn. Từ đấy, gắng sức trọn hết thiên chức, sống chẳng làm thây đi thịt chạy, tận lực tu tịnh hạnh, chết sẽ về thẳng thế giới Cực Lạc, sẽ thấy lễ nghĩa, nhân

nhượng hưng khởi, can qua chấm dứt, thiên hạ thái bình, chánh trí mở mang, tà chấp tiêu diệt, sự giáo hóa của Phật được rộng khắp. Do vậy, cho tái bản sách này, dùng hết số tiền ông ta đã gởi để ấn tống, ngõ hầu người thấy nghe đều có được khuôn mẫu để làm người, làm Phật vậy!

67. Lời tựa sách Kỹ Lộ Chỉ Quy

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Tam giới không đâu chẳng phải là quán trọ, [chúng sanh trong] lục đạo đều là kẻ nghèo cùng. Tuy hứng chịu khổ - vui tạm thời sai khác, nhưng hết vui sẽ tới khổ, rốt cuộc chẳng phải là chỗ an thân lập mạng rốt ráo! Do vậy, đức Thích Ca Thế Tôn ta đặc biệt rủ lòng thương xót, thị hiện giáng sanh trong thế gian, thị hiện thành Chánh Giác, tùy theo căn cơ chúng sanh nói đủ mọi pháp khiến cho khắp các chúng sanh đều theo đường về nhà, nhận lãnh của gia bảo, vĩnh viễn hưởng an lạc. Nhưng các pháp ấy mỗi pháp lợi lạc cho một loại căn cơ, lại chẳng dễ tu tập, dẫu tu cũng khó thể liễu thoát ngay trong đời này, bởi hoàn toàn cậy vào sức Giới - Định - Huệ của chính mình để đoạn Hoặc chứng Chân thì mới thoát sanh tử. Chúng sanh đời Mạt Pháp khó lòng trông mong được! Do lòng đại từ bi, đức Như Lai lại bày ra một pháp môn đặc biệt, đó là "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương", để những người đã đoạn Hoặc sẽ nương vào Phật từ lực mau chứng Bồ Đề, kẻ chưa đoạn Hoặc sẽ nương vào Phật từ lực liền thoát sanh tử. Thích hợp khắp ba căn, gồm thâu trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn; thượng thánh hạ phàm cùng nương về, kẻ mới phát tâm lẫn người tu lâu đều cùng tiến. Pháp môn này không riêng gì phàm phu đầy dẫy phiền não nên chuyên tu, ngay cả bậc Đẳng Giác Bồ Tát sắp thành Phật cũng cần phải dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc thì mới có thể viên thành Phật quả. Pháp môn lớn lao như hư không chứa đựng rộng khắp, pháp môn lợi ích như mùa Xuân khiến cho khắp mọi loài sanh trưởng; trọn cả kiếp tán dương cũng khó lòng cùng tận.

Quang nghiệp chướng sâu nặng, trí huệ cạn mỏng, mấy chục năm qua chuyên tu pháp này. Gần đây, các ông Chiến Đức Khắc và Lý Đức Minh ở Cử Thành, tỉnh Sơn Tây, lầm nghe người khác nói, gởi thư xin quy y. Do vậy, liền dạy họ "hàng phàm phu sát đất muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này mà nếu không niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì trọn chẳng có pháp nào khác để mãn nguyện cả!" Lại gởi cho họ những sách như Văn Sao v.v… để làm căn cứ tu trì. Ông Đức Khắc bèn dựa theo những ý nghĩa ấy, soạn ra cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy (chỉ đường về nơi ngã rẽ), mượn hình thức vấn đáp để tháo gỡ nghi ngờ, làm sáng tỏ tông chỉ. Lại cậy ông Đức Minh giảo duyệt, chí mong lợi người chẳng tiếc tâm lực. Sách đã được ấn hành lưu thông, gởi sách đến [chỗ Quang] cầu ấn chứng.

Quang đọc xong, khôn ngăn an ủi, vui vẻ. Trong ấy có chỗ câu chữ, ý nghĩa chưa viên mãn, sợ độc giả khó thể lãnh hội, nên sửa chữa đôi chút để vừa xem sẽ hiểu ngay, trọn chẳng còn nghi ngờ, bàn bạc nữa! Cho ấn hành để lưu thông rộng rãi ngõ hầu [người đọc] đối với giáo điển trong suốt một đời đức Phật, chỉ nương theo một pháp khế lý, khế cơ "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để tu. Các pháp khác tuy cao sâu huyền diệu, rộng lớn tinh vi, khế lý nhưng không khế cơ đều để làm căn cứ sau khi vãng sanh sẽ tự hành, dạy người. Đối với đủ mọi tà kiến, kiến giải sai lầm, truyền dạy riêng tư, bí mật chẳng truyền của hết thảy ngoại đạo, những lời nói nhăng nói cuội tự xưng là "thật sự được tâm truyền của Phật, Tổ" cần gì phải nhắc đến nữa! Tu chỉnh xong xuôi, sắp giao cho thợ in, lại nhận được bài Phát Lộ Sám Hối Văn của ông Thành Phục Sơ gởi đến. Đây cũng là một sự chỉ dạy đường về nơi ngõ rẽ lớn lao rất phổ thông; do vậy, bèn đem in kèm vào sau sách hòng lưu thông rộng rãi để làm gương soi cho người khắp cõi đời vậy!

68. Lời tựa [giãi bày ý nghĩa việc] Cúng Tế Tổ Tiên Bằng Cỗ Chay

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Chuyện ăn thịt là chuyện kỳ quái nhất, nhưng do quen làm đã lâu, chẳng biết là sai, ngược ngạo coi đó là lễ. Vì thế, tế trời đất, cúng giỗ tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa đều dùng thịt làm vật biểu thị tấm lòng cung kính. Thánh nhân thế gian chẳng nói đến sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, cũng tùy thuận tâm tình của thế tục mà làm theo, nhưng vẫn ra rả về đạo "thương dân, yêu vật". Suy từ lòng nhân yêu thương loài vật của thánh nhân, đủ biết sự vô nghĩa của việc dùng thịt nhằm biểu lộ lòng thành, lòng hiếu thảo, hay lòng cung kính! Để biểu thị tấm lòng thành, hiếu thảo, cung kính của ta, hãy nên dùng những món hết sức nhân từ, tươi tắn, thanh tịnh thì mới nên, sao lại dùng những con vật hết sức ô uế như heo, dê, gà, vịt, cá, tôm v.v… Chúng đang sống sởn sơ lại đem giết chết. Lúc những con vật ấy chết, nỗi đau đớn thảm khốc, lòng oán hận khó thể tuyên nói được. Người có lòng nhân sao nỡ giết những con vật ấy để biểu thị tấm lòng của chính mình ư? Hãy thử suy nghĩ xem lòng thành kính ấy có phải là lòng thành kính thuận lý hay không? Hay là lòng thành kính trái đức vậy? Người nhân cúng giỗ tổ tiên còn tìm thóc từ nơi người có lòng nhân. Nay cầu món thịt bị giết, bị chặt mà là thành kính hay sao?

Do vậy, nói: Sát sanh để tế trời đất chính là trái nghịch đức hiếu sanh của trời đất, thiên thần địa kỳ[153] há coi những con vật ô uế ấy là thơm sạch mà hâm hưởng[154] hay sao? Phàm những kẻ cúng tế chỉ là muốn mượn cớ đó để ăn những thứ đồ cúng đấy thôi! Đối với chuyện cúng tế tổ tiên, phụng dưỡng

---

[153] Thiên thần địa kỳ: Thần trên cõi trời gọi là "thiên thần", thần cai quản cõi đất được gọi chung là "địa kỳ".

[154] Hâm hưởng: Quỷ thần hưởng thụ vật cúng bằng cách ngửi mùi thì gọi là "hâm hưởng".

cha mẹ, đãi đằng khách khứa, hãy nên nghĩ cách có ích cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa thì mới hợp lý. Nay dùng sát nghiệp cực thảm khốc để biểu thị tấm lòng hết sức thành kính của ta, khiến cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa đều phải mang lấy cái họa do sự giết chóc thì tấm lòng thành kính ấy chính là họa hại, chứ chẳng phải là thành kính! Huống chi hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, chẳng càng ra sức cứu vớt, lại ngược ngạo biểu thị lòng thành kính của ta bằng cách ra tay sát hại ư?

Kinh Phạm Võng dạy: *"Nếu là Phật tử thì do lòng Từ nên thực hiện chuyện phóng sanh. Hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta. Ta đời đời không lúc nào chẳng được họ sanh ra. Vì thế, chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta, giết để ăn thịt tức là giết cha mẹ ta vậy".* Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Do con người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê, chết chết, sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, do ác nghiệp cùng sanh đến hết đời vị lai. Ngươi thiếu mạng ta, ta trả nợ ngươi. Do nhân duyên ấy, trải trăm ngàn kiếp thường ở trong sanh tử!"* Phẩm Đoạn Thực Nhục (bỏ ăn thịt) của kinh Nhập Lăng Già dạy*: "Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi chẳng ngơi trong sanh tử, không ai chẳng từng là cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc cho đến bạn bè, người thân ái, tôi tớ, đổi sang kiếp khác lại mang những thân cầm thú v.v... Sao lại giết chúng để ăn thịt?"*

Người đời chỉ biết đời hiện tại, chẳng biết đến quá khứ, vị lai. Vì thế, giết thân chúng nó để no ứ bụng ta, coi đó là lẽ đương nhiên. Nếu biết đời đời kiếp kiếp phải đền trả lẫn nhau, cũng như ta và những con vật ấy là cha mẹ, anh em, quyến thuộc của nhau, sanh ra nhau, là oán gia đối đầu của nhau, giết lẫn nhau, đừng nói chẳng dám tự ăn, dù tế lễ trời đất, tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa cũng chẳng dám dùng thịt! Bởi lẽ, thịt là vật do tinh huyết tạo thành, nói trời đất thần thánh hưởng những thứ ấy, khác gì vu báng các ngài ăn thịt người! Cúng giỗ tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa, nào khác giết tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong quá khứ để cung phụng tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong hiện tại, lại còn khiến cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa [trong hiện tại] bao kiếp phải thường chịu quả báo giết hại ư?

Chớ nói con người luân hồi thành súc vật là chuyện mờ mịt khó thể tra cứu, sử sách đã ghi chép nhiều không thể kể xiết! Ngay cả những chuyện thấy nghe gần đây cũng chẳng ít gì! Vì thế, đương nhiên phải tin tưởng sâu xa, đừng tạo sát nghiệp, do đã tạo sát nghiệp ắt sẽ phải chịu sát báo! Kinh dạy: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả".* Sợ nhân thì chẳng gây nhân giết chóc, sẽ tự chẳng có sát báo. Sợ quả chỉ là uổng công kinh sợ, trọn chẳng có ích gì! Ông Châu Thiện Xương ở Dư Diêu từ sau khi quy y chẳng ăn đồ mặn, do năm sau nhằm đúng dịp ông phải lo liệu cỗ bàn cúng giỗ vị tổ đời thứ hai mươi chín là Liễu Am Công. Những vật phẩm để cúng từ trước đến giờ đều có lệ nhất định rồi, chẳng được thay đổi. Ông ta đã bàn bạc sẵn biện pháp

với tộc thúc tổ (ông chú trong họ) là cụ Sở Thường. Cụ Thường là người thông suốt, hiểu lý, hết sức tán thành. Bèn vào ngày Đông Chí, tập hợp cả họ bàn bạc, kể từ năm sau trở đi, từ rày giỗ tổ nhất loạt dùng đồ chay, chẳng dùng cỗ mặn. Mọi người đều cùng chấp thuận, vĩnh viễn lấy đó làm lệ nhất định, cậy tôi viết lời tựa để con cháu đời sau và những người thấy nghe ai nấy đều hành lòng hiếu chân chánh. Do vậy, bèn nói đại lược nguyên do như thế đó.

69. Lời tựa cho bản Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh được viết bằng lối chữ Khải

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Thật Tế lý địa chẳng lập mảy trần, phàm - thánh, chúng sanh - Phật đều khó xưng nói. Về phương diện tu trì, cần phải đầy đủ các đức. Nếu thiếu một pháp, chẳng thể chứng Pháp Thân được! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn ta trong trần điểm kiếp[155] trước đã sớm thành Chánh Giác, vì độ chúng sanh bèn thị hiện giáng sanh trong thế gian, ẩn giấu thánh đức, thị hiện chưa ngộ giống như chúng sanh để làm gương cho muôn loài. Xuất gia, tu đạo, đến lúc sao Mai vừa lố dạng, hoát nhiên đại ngộ, than rằng: "*Lạ thay, hết thảy chúng sanh đều sẵn đủ trí huệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí[156] đều được hiện tiền*". Do vậy, trong hội

---

[155] Số kiếp như số bụi vi trần.

[156] Nhất Thiết Trí (Sarvajña) còn được phiên âm là Tát Bà Nhã Trí, tức trí đúng như thật hiểu rõ hết thảy các pháp tướng bên trong lẫn bên ngoài. Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa, quyển Hạ giải thích: *"Trọn đủ vô lậu giới, thường tịnh giải thoát thân, tịch diệt chẳng nghĩ bàn, gọi là Nhất Thiết Trí"*. Du Già Sư Địa Luận, quyển 38 giảng: *"Trong hết thảy cõi, hết thảy sự, hết thảy phẩm, hết thảy thời trí vô ngại nên gọi là Nhất Thiết Trí"*. Đại Trí Độ Luận giảng: *"Về tổng tướng thì là Nhất Thiết Trí, biệt tướng là Nhất Thiết Chủng Trí, nhân là Nhất Thiết Trí, quả là Nhất Thiết Chủng Trí, nói lược là Nhất Thiết Trí, nói rộng là Nhất Thiết Chủng Trí. Nhất Thiết Trí là phá hết thảy sự vô minh tối tăm trong hết thảy các pháp, Nhất Thiết Chủng Trí là quán các pháp môn, phá các vô minh... Nhất Thiết Trí là chuyện của Thanh Văn, Duyên Giác, Đạo Trí là chuyện của Bồ Tát, Nhất Thiết Chủng Trí là chuyện của Phật"*.

Vô Sư Trí (Anupadista-jñāna), tức trí thành tựu không nhờ vào sức của người khác, không đợi người khác dạy mà tự nhiên thành tựu. Trí huệ do tự mình chứng ngộ, như trí huệ do đức Phật tự chứng chẳng hạn, hoặc như bậc Duyên Giác, quán các pháp nhân duyên sanh diệt bèn chứng trí giác.

Tự Nhiên Trí (Svayambhū-jñāna), chư Phật không cần dụng công, tự nhiên sanh ra Nhất Thiết Chủng Trí. Trong Pháp Hoa Kinh Huyền Tán, quyển năm, pháp sư Khuy Cơ đời Đường đã viết: *"Phật do giác ngộ mà sanh ra hai trí Quán Không Trí và Quán Hữu Sự Trí, [hai trí ấy] được gọi là Tự Nhiên Trí"*. Đại Nhật Kinh Sớ, quyển sáu chép: *"Tự Nhiên Trí là trí do đức Như Lai tự giác tự chứng, chứ không do tu học mà có, cũng không có cách nào truyền dạy cho người khác được"*. Tổng hợp hai cách giải nghĩa này thì Tự

rộng lớn như biển, [những vị] tụ họp như mây nhóm về thế giới Hoa Tạng đều là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, tức các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi mốt địa vị. Trong Bồ Đề Tràng và sáu nơi khác[157], nói Nhất Chân pháp giới tịch chiếu[158] viên dung, chúng sanh và Phật chẳng hai, lý tánh chẳng thể gọi là có hay không, và sự tu nhân chứng quả của các giai đoạn từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác cho đến Diệu Giác Phật Quả.

Vì thế, biết: Lý do sự hiển, sự do lý thành, lý sự viên dung mới hợp Phật đạo. Đời có kẻ cuồng chuyên trọng lý tánh, chẳng chuyên chú sự tu, trên là trái nghịch lời Phật dạy, dưới là phụ bạc tự tâm, tự lầm, lầm người, thật đáng thương xót! Kinh này gồm tám mươi mốt quyển, ba mươi chín phẩm, Thanh Lương quốc sư chia thành bốn phần Tín - Giải - Hạnh - Chứng. Lại gọi sáu phẩm thuộc phần Tín là Sở Tín Nhân Quả Châu[159]. Ba mươi mốt phẩm kinh

---

Nhiên Trí chính là tác dụng của sự giác ngộ hoàn toàn, tức nói đến mặt lực dụng của Nhất Thiết Chủng Trí sau khi đã viên mãn Phật quả.

[157] Kinh Hoa Nghiêm được giảng tại bảy chỗ là Tịch Diệt Đạo Tràng (tức Bồ Đề Tràng), điện Phổ Quang Minh, Đao Lợi Thiên Cung, Dạ Ma Thiên Cung, Đâu Suất Thiên Cung, Tha Hóa Tự Tại Thiên Cung và rừng Thệ Đa.

[158] Tịch: Vắng lặng, không xao động. Đây là thuật ngữ mô tả Phật tánh thường hằng bất biến, không bị ngoại cảnh làm ô nhiễm, biến đổi, thường được diễn tả bằng câu nói *"bất sanh, bất diệt, bất nhất, bất nhị, bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh"*. Giải thích một cách nông cạn thì Chiếu là khả năng nhận biết thông suốt mọi sự. Tuy thông suốt nhưng không chấp trước, không bị ô nhiễm bởi ngoại cảnh nên nói là "tuy chiếu mà thường tịch", dẫu vắng lặng nhưng không hề mất khả năng thấu hiểu trọn vẹn nên gọi là "tuy tịch nhưng thường chiếu".

[159] Đây là cách phán định giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm đã được ghi trong quyển ba và bốn của Hoa Nghiêm Kinh Sớ:

1) Sở Tín Nhân Quả từ phẩm thứ nhất đến phẩm thứ sáu. Năm phẩm đầu hiển thị quả đức của Tỳ Lô Giá Na Như Lai, phẩm thứ sáu xiển dương rõ ràng cái nhân chánh yếu để thành Phật. Do khơi gợi lòng tin tưởng khiến chúng sanh nhận lãnh giáo pháp nên gọi là Sở Tín Nhân Quả.

2) Sai Biệt Nhân Quả Châu là phần nói về nhân quả tu hành, nói về những pháp môn sai biệt của bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ và mười địa vị thuộc Thập Tín (Thập Tín không thuộc vào Pháp Thân đại sĩ), gồm tổng cộng hai mươi chín phẩm. Hai mươi sáu phẩm đầu nói về nhân sai biệt trong năm mươi mốt địa vị (Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác). Ba phẩm sau nói về quả tướng sai biệt của Tam Đức.

3) Bình Đẳng Nhân Quả Châu (còn gọi là Hiển Tu Nhân Quả, Xuất Hiện Nhân Quả), gồm hai phẩm: phẩm Phổ Hiền Hạnh nói về cái nhân viên mãn bình đẳng; phẩm Như Lai Xuất Hiện Tướng nói về quả báo viên mãn của đức Tỳ Lô Giá Na. Do nhân quả nhiếp thụ lẫn nhau, bình đẳng bất nhị nên gọi là Bình Đẳng Nhân Quả.

4) Thành Hạnh Nhân Quả Châu (còn gọi là Xuất Thế Nhân Quả): Chỉ gồm một phẩm, tức phẩm Ly Thế Gian, phần đầu nói về nhân hạnh nơi năm địa vị, phần kế dạy rõ về quả tướng đại dụng của tám tướng thành Phật, nên gọi là Thành Hạnh Nhân Quả.

thuộc phần Giải được chia thành hai Châu: Hai mươi chín phẩm đầu gọi là Sai Biệt Nhân Quả Châu, hai phẩm sau gọi là Bình Đẳng Nhân Quả Châu. Phần thứ ba là Hạnh gồm một phẩm kinh, được gọi là Thành Hạnh Nhân Quả Châu. Phần thứ tư là Chứng gồm một phẩm kinh, được gọi là Chứng Nhập Nhân Quả Châu.

"Châu" có nghĩa là sự lẫn lý đều trọn đủ, không bị khiếm khuyết. Đại cương của trọn bộ kinh đã được nêu ra hết sạch, y theo đây để tu trì sẽ đạt thẳng tới chỗ sâu thẳm. Tám hội trước trọn chẳng có phàm phu, Nhị Thừa. Tuy có thiên long bát bộ, nhưng đều là bậc đại quyền thị hiện, chẳng thật sự là phàm phu bị trói buộc bởi nghiệp. Một hội cuối tuy có Thanh Văn như ngài Xá Lợi Phất v.v… dẫu đã chứng thánh quả, nhưng ở trong hội chẳng thấy được Pháp Thân thắng diệu của đức Như Lai, chẳng nghe diệu lý viên đốn Nhất Thừa, chỉ thấy thân ứng hóa của Như Lai và nghe pháp sanh diệt Tứ Đế mà thôi. Đấy gọi là *"một thân hiện tướng, nhưng thấy thù thắng hay kém hèn khác biệt; một âm thuyết pháp, nhưng nghe thành pháp Thiên hay Viên khác biệt"*. Đến khi ngài Văn Thù đến trước Đại Tháp Miếu nơi Phước Thành[160], Thiện Tài[161] thân cận Văn Thù, đã chứng trọn tâm Thập Tín rồi, vâng lời ngài Văn Thù dạy, đi về phương Nam tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức, đầu tiên tham kiến ngài Đức Vân, liền chứng Sơ Trụ. Từ đấy, hễ nghe liền chứng, cuối cùng đến chỗ Phổ Hiền, Phổ Hiền dùng oai thần gia bị, khiến sở chứng của Thiện Tài bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật, thành Đẳng Giác Bồ Tát. Phổ Hiền liền vì Thiện Tài xưng tán công đức thù thắng, nhiệm mầu của Như Lai, khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải

---

5) Chứng Nhập Nhân Quả: Chỉ gồm một phẩm, tức phẩm Nhập Pháp Giới, phần đầu giảng về đại dụng tự tại của Phật Quả, phần sau hiển thị Bồ Tát khởi dụng tu nhân, đồng thời chứng nhập cả nhân lẫn quả nên gọi là Chứng Nhập Nhân Quả.

Xin lưu ý là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện thật ra là phần cuối của phẩm Nhập Pháp Giới, bản Bát Thập Hoa Nghiêm do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch bị thiếu mất phần này; về sau ngài Bát Nhã đem phần này sang Trung Hoa và dịch ra tiếng Hán, kinh Hoa Nghiêm mới được viên mãn. Do phần cuối này là cương yếu của toàn phẩm Nhập Pháp Giới cũng như của toàn bộ kinh Hoa Nghiêm nên được chia thành một cuốn riêng và lưu hành như một phẩm riêng biệt.

[160] Theo kinh Bát Thập Hoa Nghiêm, khi ngài Văn Thù du hành về phương Nam đã nghỉ chân tại rừng Trang Nghiêm Tràng Sa La ở phía Đông của Phước Thành. Thành này là nơi chư Phật trong quá khứ từng an cư để giáo hóa chúng sanh. Nơi ấy có một ngôi tháp miếu lớn, chính là chỗ Phật Thích Ca trong quá khứ tu nhân hạnh Bồ Tát đã xả được những điều khó xả nhất.

[161] Theo phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử (Sudhana-śresthi-dāraka) là con một vị trưởng giả ở Phước Thành. Do lúc sanh ra trong nhà tự nhiên xuất hiện đủ thứ trân bảo nên có tên là Thiện Tài. Theo Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký quyển 10, lịch trình tham học của Thiện Tài với các vị tri thức chính là lịch trình tu học xuyên suốt năm mươi mốt địa vị (chỉ riêng ở nơi ngài Văn Thù, Thiện Tài đã chứng trọn mười địa vị thuộc Thập Tín), thể hiện ý nghĩa *"nhất sanh thành Phật"* (thành Phật ngay trong một đời).

chúng đều cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả. Kinh này dạy rõ trọn vẹn nhân quả thành Phật trong một đời, lấy cầu sanh Tây Phương làm chỗ kết quy. Đủ biết pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Trong đời có hạng hành nhân miệt thị nhân quả và Tịnh Độ đều là vì chẳng biết nhân quả và Tịnh Độ chính là căn bản để thành Phật, cứ tưởng điều đó chỉ thích hợp cho hàng ngu phu ngu phụ đến nỗi tự đánh mất lợi lành.

Cư sĩ Tào Tung Kiều dốc lòng tin tưởng Phật thừa, mang tâm tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha, làm những chuyện giúp ngặt cứu nghèo, cứu trợ tai nạn, cứu khổ, hơn mười năm qua miệt mài gắng sức, tận lực thực hiện việc lành, tốn kém chẳng ít. Mười chuyện dự tính [thực hiện] lúc đầu, nay chỉ còn hai chuyện chưa thể tiến hành. Do quyên mộ khó khăn nên phát tâm chép toàn bộ kinh Hoa Nghiêm để mong những nhà đại từ thiện thỉnh về thọ trì, đọc tụng, rồi sẽ chẳng tiếc khoản tiền lớn lao để thành tựu hai việc lành ấy thì người chép, kẻ thọ trì đều thực hiện được Tài Thí lẫn Pháp Thí. Những kẻ nghèo khổ kia do được che chở đều sanh lòng cảm kích xưng niệm Phật hiệu sẽ có thể trong đời này hoặc trong tương lai vãng sanh Tây Phương, đều là do việc chép kinh và tụng kinh phát khởi. Công đức ấy há thể nói tận ư?

Phẩm [Phổ Hiền] Hạnh Nguyện có câu: *"Nếu Bồ Tát có thể tùy thuận chúng sanh thì chính là tùy thuận cúng dường chư Phật. Nếu tôn trọng, thừa sự chúng sanh, chính là tôn trọng và thừa sự Như Lai. Nếu làm cho chúng sanh hoan hỷ sẽ khiến cho hết thảy Như Lai hoan hỷ. Vì sao? Do chư Phật Như Lai dùng lòng đại bi làm thể, do nơi chúng sanh mà khởi đại bi. Do nơi đại bi mà sanh tâm Bồ Đề. Do tâm Bồ Đề thành Đẳng Chánh Giác".* Do vậy biết: Cha trời mẹ đất, dân là ruột thịt, loài vật giống như ta, đối đãi bình đẳng là chuyện phải tùy theo khả năng mà gắng thực hiện vậy! Quang thẹn chẳng có tài lực, lại không có đạo đức, cảm động trước tấm lòng thành vì dân nghèo của ông ta, lược thuật đại ý kinh này để mong người thấy kẻ nghe đối với hai việc cứu giúp người nghèo và niệm Phật sẽ đều phát tâm ngõ hầu chẳng đến nỗi vốn sẵn Phật tánh có thể thành Phật mà lại chìm đắm dài lâu trong tam đồ lục đạo, oan uổng chịu khổ sở chẳng thụ dụng được!

70. Lời tựa cho bản chép kinh Pháp Hoa

(năm Dân Quốc 22 -1933)

Kinh Pháp Hoa nghĩa lý rộng sâu, công đức rộng lớn, khai Quyền hiển Thật, thọ ký Thanh Văn thành Phật, việc lành "tán tâm niệm Phật và giơ tay, cúi đầu" cũng đều là cái nhân để thành Phật trong vị lai. Khai Tích hiển Bổn,

dạy rõ Như Lai thọ lượng vô biên, quyến thuộc nơi Bổn Địa[162] và diệu dụng lợi sanh của bậc đại sĩ cũng được tỏ rõ triệt để về mặt Bổn lẫn mặt Tích, khiến cho khắp hết thảy chúng sanh đều cùng biết nỗi khổ luân hồi bao kiếp là huyễn vọng, biết Phật tánh sẵn có nơi chân tâm. Từ đó, trên là ngưỡng mộ chư thánh, dưới trọng tánh linh của chính mình, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để mong vĩnh viễn thoát khỏi Ngũ Trược, mau chứng Vô Sanh như trong phẩm Dược Vương Bổn Sự đã dạy. Thỏa mãn bản hoài xuất thế của Như Lai, là sự hướng dẫn tốt lành cho chúng sanh trong chín giới. Lợi ích ấy nếu không phải là Phật sẽ không thể biết được! Do vậy, hễ ai đọc tụng, thọ trì, biên chép, lưu thông, thì công đức ấy phàm phu trong thế gian, Nhị Thừa chẳng thể nào suy lường được!

Tôi thường nói: *"Muốn được lợi ích chân thật nơi Phật pháp thì phải cầu từ nơi cung kính. Có một phần cung kính liền tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính liền tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng được mười phần phước huệ"*. Phàm những ai đọc tụng, thọ trì, biên chép, đều phải giữ thân - khẩu - ý trong sạch, cạn lòng thành, kiệt lòng kính như trung thần tuân phụng thánh chỉ của minh chúa, như hiếu tử đọc di chúc của từ thân (cha mẹ nhân từ), cung kính run sợ, chẳng dám coi thường thì vô biên lợi ích sẽ tự đích thân đạt được. Nếu khinh mạn, không kính nể, mặc lòng khinh nhờn, cũng giống như những nhà Nho đọc sách Nho trong thời gần đây, trọn chẳng có ý tưởng giống như đang đối trước thánh hiền, chẳng dám nghĩ tưởng dễ duôi, [những kẻ đọc tụng theo kiểu khinh nhờn ấy] tuy cũng có thể gieo được thiện căn đắc độ trong tương lai, nhưng cái tội khinh nhờn, ngạo mạn thật chẳng cạn nhỏ! Vì thế, chẳng thể không chú ý! Do cư sĩ Khế Thành Tào Tung Kiều kính cẩn chép kinh này, muốn cho những người thọ trì đọc tụng sau này đều được lợi ích chân thật, nên cậy tôi lược thuật ý nghĩa. Do vậy, tôi bèn viết bài tựa này để tặng cho. Nếu chẳng coi lời tôi sai lầm thì lợi ích đạt được sẽ chẳng thể hình dung bằng ngôn ngữ, văn tự được đâu!

71. Lời tựa cho tập sách Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Hội Pháp Ngữ

(năm Dân Quốc 25 -1936)

[162] Trong phẩm Tùng Địa Dũng Xuất kinh Pháp Hoa, khi các Bồ Tát từ những phương khác đến dự hội phát nguyện thụ trì, lưu thông kinh này, Phật nói "không cần, vì trong cõi này đã có các vị Bồ Tát phát nguyện hộ trì, lưu thông kinh!" Đức Như Lai nói xong, từ dưới đất vọt lên vô số vị Bồ Tát chẳng thể đếm kể được. Ngài Di Lặc Bồ Tát nhân đấy khởi lòng nghi, hỏi vì sao đức Phật chỉ thành đạo trong thời gian rất ngắn lại có thể giáo hóa vô lượng vô biên vị Bồ Tát như vậy. Tiếp đó, trong phẩm Như Lai Thọ Lượng, đức Phật bèn nói rõ thọ lượng không thể nghĩ bàn của Như Lai, cũng như Ngài đã thành Phật từ bao kiếp lâu xa mà hàng phàm phu chẳng thể hình dung được.

Ấn Quang tôi là một ông Tăng phàm tục ở Tây Tần[163] chỉ biết đến cơm cháo, trăm sự không làm được điều gì; túc nghiệp sâu nặng đến nỗi trời phải quở trách. Mới sanh được sáu tháng đã mắc bệnh mắt, trong suốt một trăm tám mươi ngày không mở nổi mắt. Ngoại trừ lúc ăn, ngủ ra, thường khóc suốt ngày đêm. Nhờ thiện lực xưa, may còn được thấy ánh mặt trời, cũng may mắn lắm! Đến tuổi thiếu niên[164] đọc sách, lại bị hãm vào vực xoáy báng Phật của Trình, Châu, Âu, Hàn[165]. Từ đấy, hằng ngày chuyên chí bác Phật, nghiệp tướng lại hiện, bệnh tật triền miên. Tận lực nghĩ ngợi, suy xét cặn kẽ mới biết lỗi đó; năm hai mươi mốt tuổi, xuất gia làm Tăng. Nhân thấy Tăng chúng có kẻ chẳng như pháp nên phát nguyện chẳng trụ trì chùa miếu, chẳng thâu đồ đệ, chẳng hóa duyên[166], chẳng cùng ai kết xã lập hội. Hơn năm mươi năm chẳng đổi chí ban đầu, sống lẩn quất[167] gần Ngô Môn. Đầu tháng Chín, Lý Sự Trưởng (hội trưởng) hội Phật Giáo Trung Quốc là pháp sư Viên Anh, các vị lãnh tụ của Bồ Đề Học Hội như cư sĩ Khuất Văn Lục v.v… thấy Quang tuổi cao, ngỡ tôi có chút tâm đắc, nào hay tôi chỉ biết húp cháo nuốt cơm, họ thỉnh tôi khi pháp hội Tức Tai Hộ Quốc khai mạc, sẽ đến đất Hỗ[168] diễn thuyết. Cố sức từ chối chẳng được, chỉ đành đem điều [mình hiểu biết] lầm lạc bù đắp sự lầm lạc[169].

Đến kỳ, mỗi ngày ông Đặng Huệ Tải và hai ba vị cư sĩ ở Vô Tích đều dùng máy thu âm [thu lại], nghe băng chép ra, mang đến xin tôi giám định, tính đem ấn hành. Những bản sao lục này có vài điểm sai khác đôi chút, nhưng bản sao của ông Đặng chép chữ to, nên tôi dựa theo đó, sửa đổi, tóm tắt lại. Cảo bản[170] này bậc thông huệ chẳng cần xem đến, còn ai ngu độn như Ấn Quang tôi mà lại muốn ngay trong đời này kết liễu đại sự sanh tử và muốn trị tâm, trị thân, trị gia, trị quốc, nhưng chẳng biết bắt đầu từ đâu, xem đến [cảo bản này] họa chăng có điều bổ ích vậy.

---

[163] Tổ Ấn Quang quê ở Thiểm Tây. Tỉnh Thiểm Tây thuộc lãnh thổ cũ của đất Tần (thời Xuân Thu Chiến Quốc) nên Thiểm Tây còn được gọi là Tây Tần.

[164] Nguyên văn "thành đồng": Theo tự điển Từ Hải, từ mười ba tuổi trở lên, mười bảy tuổi trở xuống thì gọi là "thành đồng".

[165] Trình, Châu, Âu, Hàn là Trình Y Xuyên, Châu Hy, Âu Dương Tu, Hàn Dũ, họ là những nhà Tống Nho cực lực bài xích đạo Phật. Người bài bác đạo Phật nặng nề nhất là họ Trình và họ Chu.

[166] Hóa duyên: Kêu gọi tín đồ đóng góp cúng dường.

[167] Nguyên văn là *"hoạt mai"* (chôn sống), ý Tổ nói sống mà ẩn dật như người đã chết rồi. Ở đây chúng tôi chỉ dịch gọn là "lẩn quất".

[168] Ở vùng Thượng Hải có con sông lớn tên là Hỗ Độc giang, nên người Hoa hay gọi Thượng Hải là đất Hỗ.

[169] Ở đây Đại Sư ý muốn dùng câu *"Tương thác tựu thác"* của ông Vô Vi Tử (Tống Dương Kiệt), ngụ ý: Khi chưa triệt chứng Phật tánh thì cầu sanh Tịnh Độ vẫn là lầm lạc, nhưng phải dùng cái lầm lạc đó để tạo cơ hội dứt trừ cái lầm lạc trong đường sanh tử.

[170] Cảo bản: Bản nháp, ở đây Tổ dùng với ý nghĩa lời giảng giải của Ngài thô sơ, thiếu sót, không hoàn chỉnh.

72. Lời tựa cho niên san của Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã tại Vô Tích
(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Thánh giáo của Như Lai pháp môn vô lượng, hễ y theo một pháp nào dùng Bồ Đề tâm để tu trì thì đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo. Nhưng trong khi tu còn chưa chứng, sẽ có sự khó - dễ, nhanh - chậm khác biệt lớn lao! Tìm lấy một pháp chí viên, chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, khế lý, khế cơ, vừa là tu, vừa là tánh, thích hợp khắp cả ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn độn căn lẫn lợi căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt cho người, trời, phàm, thánh chứng Chân thì không gì bằng một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương! Ấy là vì hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn Niệm Phật lại kiêm nhờ vào Phật lực. Cậy vào tự lực thì nếu chưa đoạn sạch Phiền Hoặc sẽ chẳng thể vượt khỏi tam giới. Cậy vào Phật lực, nếu tín nguyện chân thật, thiết tha, sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Con người hiện thời muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này thì trọn chẳng còn hy vọng gì hết!

Phải biết: Pháp môn Tịnh Độ pháp pháp viên thông. Như vầng mặt trăng sáng ngời giữa trời, dòng sông nào cũng đều hiện bóng, thủy ngân rớt xuống đất, giọt nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng gì cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thế, yên dân, giữ cho nước nhà yên ổn, đều có lợi ích lớn lao thần diệu; mà ngay như cả sĩ, nông, công, thương muốn phát triển sự nghiệp, già, trẻ, nam, nữ muốn tiêu diệt tật bệnh, khổ não, không ai chẳng "hễ cảm liền ứng, vừa lòng mãn nguyện". Nay lòng người suy hãm, cõi đời rối ren đến cùng cực, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, vứt lòng thẹn, tranh đất, giành thành, tàn sát lẫn nhau, đủ mọi tà thuyết bạo hành được cực lực đề xướng. Nếu chẳng cứu vãn, chắc đạo làm người sẽ gần như diệt mất. Do vậy, những người hữu tâm các nơi đua nhau đề xướng Phật pháp, nêu bày nhân quả ba đời, tỏ rõ luân hồi lục đạo, chỉ ra Sa Bà trược ác, nêu rõ Cực Lạc nghiêm tịnh để mong con người trong thời buổi này sẽ dẹp trừ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lại lễ nghĩa, sống thì dự vào địa vị thánh hiền, liễu sanh thoát tử, mất sẽ trở về cõi Cực Lạc.

Ở Vô Tích, các cư sĩ Dương Tiểu Lệ, Tần Hiệu Lỗ, Viên Lệ Đình, Tào Bội Linh v.v… lập một Tịnh nghiệp xã tại chùa Sùng An, mồng Một, ngày Rằm mỗi tháng tụ họp mọi người niệm Phật, đồng thời diễn thuyết đạo "sống trong cõi trần học đạo, nơi rẫy bái báo quốc, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" và pháp "thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ" ngõ hầu hết thảy mọi người biết duyên do "ai nấy đều có thể là Nghiêu Thuấn, ai nấy đều có thể thành Phật" sẽ trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều chuyên chú mong thành thánh, học Phật. Đấy thật sự là pháp môn đại phương tiện để "chẳng có địa vị mà hộ quốc cứu dân, chẳng

tỏ lộ hình tích mà thay đổi phong tục”. Nay đã [thực hiện] được tròn một năm, thành tích của tất cả những việc lành đã thực hiện và những kinh phí chi ra, thu vào mỗi mỗi đều liệt kê trong sách để bố cáo, cậy tôi soạn lời tựa để nêu sơ lược đại ý vậy.

73. Lời tựa trình bày duyên khởi của Đôn Luân Liên Xã
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Phật pháp là tâm pháp. Tâm pháp ấy chúng sanh, Phật, phàm, thánh, ai nấy đều có. Chúng sanh thì toàn thể là mê trái nên dẫu có vẫn như không. Phật thì triệt ngộ, triệt chứng, đích thân được thọ dụng, lại còn dấy lòng đại từ bi, đem sở ngộ sở chứng của chính mình chỉ dạy hết thảy chúng sanh ngõ hầu họ đều triệt ngộ, triệt chứng mới thôi! Nhưng vì chúng sanh mê muội, trái nghịch đã lâu, dù nghe đủ mọi pháp môn đối trị, nhưng bởi Hoặc nghiệp sâu dầy, phước huệ cạn mỏng nên khó lòng đạt được hiệu quả thành công ngay trong đời này. Do đã khó thể đạt được hiệu quả thành công ngay trong đời này nên lại phải thọ sanh, quá nửa bị mê mất, đến nỗi trải kiếp lâu xa luân hồi sanh tử, không do đâu thoát lìa được! Đức Như Lai thương xót, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu hết thảy dù thánh hay phàm, thượng trung hạ căn đều nương vào đại bi nguyện lực của đức Phật Di Đà cùng trong đời này thoát cõi Sa Bà đây, sanh về cõi Cực Lạc kia, khiến cho kẻ đã đoạn Hoặc mau chứng Vô Sanh, kẻ chưa đoạn Hoặc cũng lên Bất Thoái.

Pháp này vừa cạn vừa sâu, vừa là Quyền vừa là Thật, thượng thượng căn chẳng thể vượt khỏi cửa thành này. Vì thế, bậc đã chứng Đẳng Giác còn phải dùng mười nguyện dẫn về, kẻ hạ hạ căn cũng có thể đạt đến cõi này. Do vậy, kẻ sắp đọa A Tỳ địa ngục vẫn có thể dự vào chín phẩm. Thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, đạt hiệu quả nhanh, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai, là đạo thông đạt để chúng sanh thoát khổ. Vì thế, các vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ… các tổ sư như Viễn Công, Trí Giả, Thanh Lương, Vĩnh Minh… đều cùng hiện tướng lưỡi rộng dài để tán dương, phát tâm Kim Cang để lưu truyền rộng khắp; bởi pháp này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh vậy. Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, bỏ pháp môn này thì làm sao yên được?

Tần Xuyên chính là cõi đất hoằng dương Tịnh Độ của các đại sư Thiện Đạo, Pháp Chiếu, Phi Tích, Huệ Nhật[171] v.v… xưa kia, hết thảy tứ chúng

---

[171] Huệ Nhật (680-748) là một vị cao tăng Tịnh Độ đời Đường, quê ở Đông Lai (tỉnh Sơn Đông), từ nhỏ đã theo học với pháp sư Nghĩa Tịnh sau khi Ngài cầu pháp từ Thiên Trúc trở về, tự thề sẽ noi gương thầy sang Ấn Độ. Năm Tự Thánh 19 (702), Sư ngồi thuyền qua các quần đảo Côn Luân (nay là nhóm đảo Mã Lai, Nam Dương), Phật Thệ (nay là Sumatra), qua Sư Tử Châu (Sri Lanka), rồi đến Ấn Độ, triều lễ thánh tích, tìm cầu kinh

xưa kia cũng đã gieo thiện căn sâu đậm, nhưng do từ sau đời Đường hiếm có người hoằng dương pháp này đến nỗi túc căn chẳng thể phát sanh tăng trưởng, đáng than thay! Gần đây thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Người có tâm lo cho thế đạo đều cùng đề xướng Phật học, bởi trong đời hiện thời nếu chẳng cực lực đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi… thì thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, muốn cho con người chẳng ăn nuốt lẫn nhau há có được chăng? Nếu chẳng đề xướng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, trì trai, ăn chay thì sát kiếp ngập trời làm sao dứt được? Nếu chẳng đề xướng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, chẳng thẹn, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau, những tà thuyết bạo hành sẽ khiến cho nhân dân trong khắp cõi đời cùng mắc nỗi khổ tử vong. Nếu chẳng đề xướng tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì lục đạo luân hồi ai có thể thoát được? Đây chính là lý do những bậc quân tử hiểu lý đề xướng Phật học trong thời gần đây.

Phật pháp chứa trọn cương thường, luân lý thế gian, lại còn nói rõ quả báo thiện ác do trọn hết hay không trọn hết tình nghĩa, bổn phận. Quả thật là đạo trọng yếu để trị quốc bình thiên hạ. Những kẻ đố kỵ là vì chẳng suy xét nghĩa lý, bài xích xằng bậy, nói nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi đều là những lời Phật dối trá để bịp người! Do vậy, mọi người đều coi nhân quả luân hồi là chuyện mông lung, khi gió Âu vừa thổi qua, đều tranh nhau hùa theo. Nếu tin sâu nhân quả luân hồi, những tà thuyết ấy dù có dữ dội đến mấy, làm sao gây mê hoặc rối ren cho được? Đây chính là nguyên do các nơi đề xướng Phật học.

Cư sĩ Đức Tấn Ninh Chí Vũ thừa dịp phát khởi, đặc biệt lập một chỗ niệm Phật ở làng mình, đặt tên là Đôn Luân Liên Xã. Do Phật pháp gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành, khiến cho ai nấy trọn hết bổn phận, trước hết làm người hiền, người thiện trong thế gian, lại còn sanh lòng tin, phát nguyện khẩn thiết niệm Phật, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, ngõ hầu đoạn sạch Phiền Hoặc, khôi phục

---

điển bằng Phạn văn, tham phỏng các vị thiện tri thức suốt mười ba năm không nề hà gian khổ. Qua gian khổ, ý nguyện nhàm chán Sa Bà, sanh về Phật quốc yên vui càng sâu đậm, các vị Tam Tạng pháp sư mà Sư được tiếp xúc đều nồng nhiệt khen ngợi Tịnh Độ A Di Đà thù thắng. Khi Sư đến nước Ma Kiệt Đà, ở phía Đông kinh đô có một quả núi trên đó có tượng Quán Âm, Sư đến lễ thánh tượng, nhịn ăn cầu nguyện, đến ngày thứ bảy mới cảm được Đại Sĩ hiện thân sắc vàng, xoa đầu khai thị. Sư tiếp tục đi tham học nơi bảy tiểu quốc nữa, đến năm Khai Nguyên thứ bảy (719) mới trở về Trường An, dâng lên tượng Phật và kinh điển. Huyền Tông sắc tứ danh hiệu Từ Mẫn Tam Tạng. Sư siêng tu pháp môn Niệm Phật, hoằng dương giáo nghĩa Tịnh Độ, biên soạn các tác phẩm như Vãng Sanh Tịnh Độ Tập (3 quyển), Ban Châu Tam Muội Tán v.v…

tâm tánh, viên mãn Bồ Đề, thành vô thượng đạo, lại còn dùng sở ngộ sở chứng của chính mình để dẫn dắt hết thảy hàm thức. Nguyện những người cùng quê với tôi đều cùng dấy lòng [tin tưởng, tu tập] thì may mắn lắm thay!

74. Lời tựa cho việc ông Triệu Vận Xương thỉnh bộ Đại Tạng Kinh bản đời Tống được in theo lối ảnh ấn

(năm Dân Quốc 22 -1933)

Ông Triệu Vận Xương ở trấn Bao Trường thuộc Nam Thông đời đời kế thừa đức hạnh, đời đời vừa cày vừa học, chỉ tu tước vị cõi trời, chẳng màng vinh hoa cõi thế, tin sâu nhân quả, dốc lòng tu Tịnh nghiệp, muốn cho con cháu đời đời vĩnh viễn vâng giữ chẳng để suy sụp, nên đặc biệt thỉnh một bộ Đại Tạng Kinh bản đời Tống, thờ nơi Phật Đường trong nhà để mong con cháu và những người trong họ đều được thọ trì, đọc tụng, chẳng đến nỗi sống uổng, chết phí, cậy Quang viết lời tựa để dạy hậu thế. Do hội ấn tống Đại Tạng Kinh bản đời Tống theo lối ảnh ấn đã sai Quang viết lời tựa, Quang bèn chép nguyên văn [lời tựa ấy] và lược thuật ý niệm thương yêu con cháu, họ hàng sâu xa của ông Triệu. Nguyện những người thấy nghe sẽ liền tùy phần tùy sức thực hành, đừng chỉ như gã si đã đến núi báu vẫn trở về tay không, thì chẳng những không cô phụ sự giáo hóa của đức Phật mà cũng chẳng phụ tánh linh của chính mình, và cũng an ủi được một phen dốc hết tâm ý thỉnh kinh của ông Triệu vậy.

75. Lời tựa cho bài luận Khuyến Tu Pháp môn Niệm Phật

(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Pháp môn Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, quả thật đạo mầu nhiệm thành thủy thành chung để Như Lai trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Thệ nguyện của đức Di Đà cả chín giới đều được nương nhờ, chính là khuôn mẫu tốt lành *"tâm làm, tâm là"* để chúng sanh mau thoát biển khổ, mau dự vào Liên Trì. Pháp này là pháp môn đặc biệt nương vào Phật lực trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, chẳng thể luận định giống như hết thảy các pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật cậy vào tự lực! Cõi đời phần nhiều chẳng suy xét, kẻ hơi thông minh thì đa số kiêu căng về trí lực của chính mình, chẳng chịu tu trì, lại còn miệt thị những ai tu trì pháp này, coi khinh là ngu phu ngu phụ, như sợ bị dính bẩn vậy! Do vậy, nhường đại lợi ích liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này cho hàng ngu phu ngu phụ, còn chính mình chẳng muốn đạt được, chẳng đáng buồn ư? Họ chẳng biết pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, là pháp môn bắt nguồn và quy túc của hết thảy pháp môn. Do vậy, hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, không pháp nào chẳng trở về pháp giới này.

Nếu đã đoạn sạch Tam Hoặc, chứng trọn vẹn Tứ Đức thì không tu [pháp này] cũng chẳng sao! Nếu vẫn chưa đạt đến địa vị này, xin hãy theo gót những vị Bồ Tát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác trong Hoa Tạng hải chúng để nhất trí tiến hành, dùng công đức chẳng thể nghĩ bàn của mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhằm mong mau tròn Phật quả. Người được như thế có thể gọi là đại trí huệ, là đại trượng phu, đã hoàn tất sự nghiệp thế gian lẫn xuất thế gian vậy. Lại còn phải làm giống như những vị Quán Âm, Phổ Hiền… sau khi đã chứng được Phật quả liền tùy loại hiện thân hoằng dương pháp này ngõ hầu chúng sanh đều được thành Phật đạo mới thôi.

Quang túc nghiệp sâu nặng, hơn năm mươi năm luống dự vào hàng Tăng chúng, hết thảy các pháp đều chẳng biết được một pháp nào, tuy thường niệm Phật nhưng do nghiệp nặng nên tâm chưa hề tương ứng với Phật. Nhưng tin tưởng Phật chẳng nguyện hư vọng, sẽ chẳng vứt bỏ ta, vì thế dẫu là ai cũng chẳng chuyển chí nguyện [của Quang] được. Gần đây pháp sư Viên Anh nhân lúc giảng diễn các kinh được rảnh rỗi, đã soạn bài luận Khuyến Tu Pháp Môn Niệm Phật, muốn lưu truyền, gởi thư sai Quang viết lời tựa. Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ, đã tạ tuyệt những chuyện sai khiến viết lách từ lâu. Nay may mà pháp Niệm Phật lại được có người đề xướng bèn tóm nêu đại ý cho xong trách nhiệm vậy!

76. Lời tựa cho sách Trập Viên Trát Ký

Đời loạn đến tột cùng hết thuốc chữa! Người có chí sao nỡ ngồi nhìn? Tuy sống nơi rẫy bái, nhưng những bàn luận trong gia đình, bầu bạn, chưa hề chẳng phải là lời hay ý đẹp để cứu vãn thế đạo nhân tâm vậy! Ông Trần Đôn Phục ở Sở Kỳ, pháp danh là Huệ Phục, đem những ngôn luận trong lúc thù tạc giữa gia đình và thân hữu, chọn lấy những điều trọng yếu biên soạn thành sách. Bạn bè khuyên đem in, do vậy bèn đem bản thảo gởi cho Quang, xin giám định. Quang đọc xong, thấy những lời lẽ lập luận vốn lấy ý từ sách Nho, nhưng ý nghĩa chẳng trái Phật pháp, nếu có thể y theo đó tự tu thì sự nghiệp mong thành thánh thành hiền nơi mọi người há nào khó thấy!

Lòng người đã chết, chẳng dễ vãn hồi. Khổng Tử chẳng từng nói như thế này đó sao? *“Pháp ngữ chi ngôn, năng vô tùng hồ? Cải chi vi quý, tốn dữ chi ngôn, năng vô duyệt hồ? Dịch chi vi quý, duyệt nhi bất dịch, tùng nhi bất cải, ngô mạt như chi hà dã dĩ hỹ”* (Lời thánh nhân nói, chẳng thể không nghe theo ư? Sửa đổi lỗi lầm mới quý. Lời nói mềm mỏng, ai mà chẳng vui? Suy xét tìm ra đầu mối mới quý. Chứ vui sướng rồi không chịu suy xét tìm ra đầu mối, chỉ nghe theo lời thánh nhân mà chẳng sửa đổi, rốt cuộc ta phải

làm như thế nào đây[172]). Cõi đời lúc này, lời thánh nhân, lời mềm mỏng đều khó tạo được lợi ích vì không có ba ý niệm kinh sợ[173], chỉ toàn là khoe khoang tài năng của chính mình. Nghe lời thánh nhân bèn vỗ gươm đứng dậy, nghe lời mềm mỏng bèn coi như gió luồn qua cây, dẫu là bậc trí đức như Châu Công, Khổng Tử cũng chỉ có thể nói: *"Rốt cuộc ta phải làm như thế nào đây!"*

Nhưng trong khi không thể bày ra cách nào, chẳng ngại gì lập riêng một pháp. Do thế đạo đã loạn, lòng người đã chết là vì chẳng nói đến nhân quả, chẳng bàn đến giáo dục trong gia đình. Nếu có thể chú trọng hai việc này thì người người đều biết nhân quả, nhà nhà đều có giáo dục, hết thảy những lời của thánh nhân, những câu mềm mỏng đều trở thành những câu nói thường nhật trong gia đình, không một ai chịu bỏ một ngày không nhắc tới. Quang thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân bình trị thiên hạ, để Phật độ chúng sanh".* Dạy con là căn bản để trị quốc, bình thiên hạ; nhưng dạy dỗ con gái lại càng quan trọng hơn, vì có hiền nữ thì mới có hiền thê, hiền mẫu. Con cái do hiền mẫu sanh ra đều là hiền nhân. Đây là nguyên do tại sao ba bà Thái khiến cho nhà Châu được hưng thịnh, đời sau xưng tụng nữ nhân là Thái Thái. Vì thế lại nói: *"Quyền trị quốc bình thiên hạ, phụ nữ nắm quá nửa vì sự giáo dục của mẹ là cội gốc vậy".* Nguyện những người đọc đều cùng chú ý!

III. Ký

1. Bi ký trình bày sự thần dị của suối Bát Công Đức thuộc Tam Thánh Thiền Viện núi Phổ Đà

Quán Thế Âm Bồ Tát tùy loại hiện thân trong mười phương thế giới, tầm thanh cứu khổ, nhưng vẫn lấy Phổ Đà làm cuộc đất ứng hóa, [là vì] muốn cho hết thảy tứ chúng có chỗ để gieo lòng thành. Sự từ bi linh cảm của Bồ Tát cố nhiên ai nấy đều biết rõ, ngay cả một hòn đá, một giòng nước, không gì chẳng tỏ rõ dấu tích chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát. Những hòn đá kỳ lạ ở

---

[172] Chúng tôi dịch câu nói này theo cách diễn giảng của cụ Lý Bỉnh Nam trong bộ Luận Ngữ Giảng Yếu.

[173] "Ba điều kinh sợ" xuất phát từ câu nói của Khổng Tử được chép trong thiên Quý Thị sách Luận Ngữ: *"Quân tử hữu tam úy, úy thiên mạng, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn. Tiểu nhân bất tri thiên mạng nhi bất úy dã, hiệp đại nhân, vũ thánh nhân chi ngôn"* (Quân tử có ba điều sợ: Sợ mạng trời, sợ những người nắm quyền cai trị công chánh, sợ lời dạy của thánh nhân. Tiểu nhân chẳng biết mạng trời nên không sợ, khinh thị đại nhân, coi rẻ lời thánh nhân). Theo cụ Lý Bỉnh Nam trong Luận Ngữ Giảng Yếu, "úy" có nghĩa là kính nể, không dám trái phạm. "Đại nhân" là những người có quyền vị, nắm giữ sự cai trị công bình, chánh trực. "Thiên mạng" phải hiểu là thiện ác báo ứng như kinh Thư đã chép: *"Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng",* chứ không phải là ý muốn độc đoán của một đấng Tạo Hóa nào!

Phổ Đà cố nhiên nhiều lắm, nhưng chỉ có Bàn Đà Thạch[174] là bậc nhất. Người hiểu lý trông thấy tảng đá này thì thần thông, oai đức chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát chẳng cần phải đợi nói tường tận mà sẽ đều ngộ giải cả. Những cuộc đất gần biển thì nước đều mặn chát, chẳng thể dùng để uống được; [vậy mà] khắp núi Phổ Đà nước đều ngọt ngào, tuy là cuộc đất ở sát bên biển mà trọn chẳng có nước mặn, nhưng con suối Bát Công Đức thật là bậc nhất!

Theo Sơn Chí, vào thời Vạn Lịch nhà Minh, vị Tăng tên Đại Phương dựng lều tranh nơi đây. Năm [Vạn Lịch] ba mươi (1602), nội giám[175] Trương Tùy, Đảng Lễ vâng chiếu đốc thúc xây cất điện chứa kinh, nhàn du đến nơi đây, uống nước thấy ngọt ngào, nghe [Tăng chúng] kể lại dẫu hạn hán hay lũ lụt, [nước suối] vẫn không tăng, không giảm, hễ cầu mưa ắt lấy nước từ nơi đây, liền quyên tiền dựng Tam Thánh Đường, đặt tên cho con suối ấy là Bát Công Đức. Ấy là phỏng theo tên nước trong ao bảy báu nơi Cực Lạc thế giới. Suối Bát Công Đức do Tam Thánh Đường mà được tên, Tam Thánh Đường do nước tám công đức mà khởi đầu; ấy gọi là do thời tiết nhân duyên cho nên có chuyện chẳng mong cầu mà tự được! Theo kinh Phật, nước [cõi Cực Lạc] có tám công đức là:

1) Trong trẻo: Khác với [nước ở] phương này [thường] nhơ đục.

2) Sạch mát: Khác [với phương này nước thường] lạnh hay nóng.

3) Ngọt ngào: Khác [với phương này nước thường] mặn, nhạt, hay vị rất tệ.

4) Mềm nhẹ: Khác [với phương này nước thường] nặng nề.

5) Trơn láng, tươi tắn: Khác [với phương này nước thường] tù đọng, màu sắc ủ dột, bệch bạc.

6) An hòa: Khác [với phương này nước thường] chảy xiết, dữ dội.

7) Trừ đói khát: Khác [với phương này, nước thường] gây [cảm giác] lạnh lẽo.

8) Trưởng dưỡng các căn: Khác [với phương này nước] gây tổn hoại các căn và tạo ra tật dịch, tăng thêm bệnh tật, chết chìm v.v…

Chúng sanh đời trược nghiệp lực sâu nặng đến nỗi nước cõi này không có những công đức, lực dụng ấy. So với những loại nước thông thường khác, nước suối Bát Công Đức có rất nhiều công đức. Vì thế, đặc biệt nêu rõ để tỏ

---

[174] Bàn Đà Thạch là một tảng đá chồng có hình dáng kỳ lạ, trên to dưới nhỏ, phần trên to đến hơn 20 mét (có thể đứng được ba mươi người), nằm chông chênh trên một tảng đá lớn khác cao đến 3 mét, rộng 7 mét. Chỗ tiếp xúc của hai tảng đá rất nhỏ, tạo cảm giác nếu khẽ đẩy sẽ bị rơi xuống, đã bao người thử đẩy nhưng tảng đá chỉ rung rinh rồi vẫn đậu chênh vênh như cũ. Theo truyền thuyết, đây là nơi Quán Âm Đại Sĩ thuyết pháp. Khi chiều sắp tắt nắng, cả tảng đá trông óng ánh như được dát vàng, những ai leo lên đỉnh Bàn Đà Thạch khi ấy, dõi nhìn ra biển cả sẽ thấy phong cảnh tráng lệ, không bút mực nào tả xiết. Vì thế, *"Bàn Đà Tịch Chiếu"* (chiều soi bóng trên tảng Bàn Đà) được coi là một trong những cảnh đẹp nhất của Phổ Đà Sơn.

[175] Nội giám: Danh xưng khác của Hoạn Quan, tức Thái Giám.

bày dấu tích chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát ngõ hầu những người sống trong núi và những ai đến núi chiêm bái sẽ từ mỗi tảng đá, mỗi giòng nước đều có thể ngộ sâu xa thường lý viên thông, hòng lấy tâm Bồ Tát làm tâm [của chính mình], lấy sự nghiệp của Bồ Tát làm sự nghiệp [của chính mình] vậy!

2. Bài ký về chuyện xây dựng đại điện của đạo tràng chuyên tu Tịnh nghiệp tại núi Linh Nham

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Kinh Hoa Nghiêm mầu nhiệm lý sự viên dung, Lý do Sự hiển, Sự do Lý thành. Lý lẫn Sự đều đạt đến tột cùng, viên chứng Tỳ Lô Pháp Thân. Vì thế, lúc đức Như Lai mới thành Chánh Giác bèn cùng với các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi mốt địa vị là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác nói các pháp môn và các pháp nhân quả do đức Như Lai đã tự chứng. Nhân quả chính là Sự, pháp do đức Như Lai tự chứng chính là Nhất Chân pháp giới[176], Chân Như Phật Tánh tịch - chiếu viên dung, bất sanh, bất diệt, chẳng phải có, chẳng phải không. Phật Tánh ấy nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Phật do chứng rốt ráo nên thường hưởng pháp lạc Thường - Lạc - Ngã - Tịnh[177]; chúng sanh do triệt để mê nên hằng chịu nỗi khổ huyễn vọng sanh tử luân hồi. Ví như tấm gương báu tròn lớn bị bụi phủ cả kiếp, tuy có ánh sáng chiếu trời soi đất nhưng không do đâu tỏ lộ để thụ dụng được. Vì thế, nhờ vào các vị Bồ Tát cùng nhau xướng đáp để nói ra các pháp môn Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. Lại còn dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc để mong viên mãn Phật Quả. Đấy chính là đức Như Lai dùng nhân quả tự chứng để làm một khuôn mẫu lớn lao hòng dạy khắp hết thảy chúng sanh, khiến cho ai nấy đều đích thân chứng đắc. Kinh Hoa Nghiêm riêng thích hợp cho căn cơ Đại Thừa; chứ Nhị Thừa, phàm phu chẳng thể vâng nhận được! Vì thế, trong hội Phương Đẳng, đức Phật đặc biệt nói ra ba kinh Tịnh Độ để dù phàm hay thánh đều cùng chuyên chú tu trì, ngõ hầu trong đời này thoát khỏi cõi Ngũ Trược đây, lên được cõi sen chín phẩm kia.

---

[176] Theo Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao quyển 16, Nhất Chân pháp giới được giải thích như sau: *"Nhất tức không hai, Chân tức chẳng vọng, đan xen lẫn nhau triệt để viên dung nên gọi là pháp giới. Đây chính là Pháp Thân bình đẳng của chư Phật, vốn chẳng sanh chẳng diệt, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng trong, chẳng ngoài, chỉ một bề chân thật, chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là Nhất Chân pháp giới".*

[177] Thường - Lạc - Ngã - Tịnh là bốn đức trọn đủ nơi Pháp Thân của Như Lai, bốn đức này còn gọi là Niết Bàn Tứ Đức. Bốn đức này được giải thích tường tận trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Nếu hiểu đại lược thì sự giác ngộ nơi cảnh giới Niết Bàn vĩnh viễn chẳng biến đổi nên gọi là Thường, cảnh giới ấy không khổ, luôn an vui nên gọi là Lạc, tự do tự tại không bị trói buộc mảy may nào nên gọi là Ngã, không bị phiền não ô nhiễm nên gọi là Tịnh.

1) Trong núi Linh Thứu nước Ma Kiệt Đề, đức Phật nói đến nhân địa đầu tiên của đức Phật A Di Đà: Bỏ nước xuất gia, phát ra bốn mươi tám nguyện, lại trải qua nhiều kiếp dài lâu tu hành đúng như lời nguyện cho đến khi phước huệ viên mãn, được thành Phật đạo, cảm được thế giới trang nghiêm, mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được, mười phương chư Phật đều cùng tán thán. Mười phương Bồ Tát và hàng Nhị Thừa hồi Tiểu hướng Đại lẫn phàm phu đầy dẫy Hoặc nghiệp đều được vãng sanh, được bình đẳng nhiếp thọ. Đấy là Vô Lượng Thọ Kinh.

2) Trong vương cung nước Ma Kiệt Đề, nói ba phước Tịnh nghiệp, mười sáu phép Quán mầu nhiệm để hết thảy chúng sanh hiểu rõ những nghĩa *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biển Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tưởng mà sanh. Tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh. Biển nghiệp phiền não của chúng sanh từ tâm tưởng mà sanh"* vượt ngoài ngôn ngữ. Nếu có thể hiểu được sâu xa nghĩa này, ai chịu bị luân hồi oan uổng? Cuối kinh nói rõ những nhân vãng sanh của chín phẩm ngõ hầu ai nấy đều tu Thượng Phẩm. Đó là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

3) Nơi vườn Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, nói diệu quả y báo, chánh báo của Tịnh Độ để [người nghe] sanh lòng tin, khuyên người nghe hãy nên phát nguyện cầu vãng sanh, dạy hành giả lập hạnh chấp trì danh hiệu. Ba điều Tín - Nguyện - Hạnh là cương tông của pháp môn Tịnh Độ. Đầy đủ ba pháp này rồi, hoặc suốt một đời chấp trì đã đắc nhất tâm, hoặc lâm chung mới được nghe pháp này chỉ xưng mười tiếng, đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đấy là kinh A Di Đà.

Ba kinh này chuyên nói về Tịnh Độ, nhưng kinh A Di Đà lời lẽ đơn giản, ý nghĩa phong phú, nhiếp thọ căn cơ bậc nhất nên các tông Thiền, Giáo, Luật đều vâng dùng làm kinh nhật tụng. Các kinh Đại Thừa nói kèm về Tịnh Độ nhiều không thể kể xiết, nhưng chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm quả thật là khai thị mầu nhiệm nhất về pháp Niệm Phật. Nếu có thể như con nhớ mẹ, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm, há chẳng trong hiện tại hay tương lai nhất định thấy Phật, gần là chứng viên thông, xa là thành Phật đạo ư? Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt một đời đức Phật: Tuy là phàm phu sát đất đầy dẫy Hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện niệm Phật sẽ có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Dù là vị Bồ Tát đã chứng địa vị Đẳng Giác cao cả vẫn phải hồi hướng vãng sanh thì mới viên mãn Phật quả được!

Do vậy biết: Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn. Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp này thì trên sẽ chẳng có gì để viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật lìa pháp này thì dưới chẳng có gì để phổ độ quần manh[178].

---

[178] Quần manh (Bahu-Jana) còn dịch là Quần Sanh, có nghĩa là các loài chúng sanh. Đây là tên gọi khác của Chúng Sanh. Chữ "manh" hàm nghĩa giống như cây cỏ mới nẩy mầm,

Hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy hạnh môn không hạnh nào chẳng trở về pháp giới này, bởi đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế, được chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Nhưng pháp môn này do hai đức Thế Tôn hai cõi tạo lập, đức Thích Ca nơi Sa Bà dạy rõ Tịnh Độ để đưa con người đi về [cõi Cực Lạc], đức Di Đà nơi Cực Lạc đợi lúc họ lâm chung tiếp dẫn [từ Sa Bà] về tới [Cực Lạc]. Ấy là muốn cho chúng sanh thoát được nỗi khổ sanh tử ngay trong đời này, chứng sự vui chân thường. Tâm thương xót, che chở, bảo vệ ấy dẫu hết cả kiếp khó thể nói trọn. Có kẻ bảo: "Đã là đệ tử Phật Thích Ca, hãy nên niệm Thích Ca Mâu Ni Phật cầu sanh Hoa Tạng thế giới trong cõi này", họ chẳng biết đức Thích Ca dạy niệm A Di Đà Phật là nhằm làm cho hàng phàm phu sát đất nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng siêu phàm nhập thánh. Chỉ có bậc Đại Sĩ đã phá vô minh chứng Pháp Thân mới thấy được Hoa Tạng thế giới của cõi này; phàm phu chỉ thấy uế độ, chẳng thấy được cõi Thật Báo Trang Nghiêm, há nên mong tưởng quá phận! Huống chi Tây Phương cũng nằm trong Hoa Tạng thế giới, mà trong hội Hoa Nghiêm hết thảy các vị Bồ Tát trong Hoa Tạng thế giới hải đều dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật Quả. Ông là hạng người như thế nào mà dám chống đối các vị ấy?

Kể từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn Công lập Liên Xã đầu tiên, một người xướng, trăm người hòa, không ai chẳng noi theo, thỏa thích bổn hoài của Phật chỉ có mỗi một mình pháp môn này là bậc nhất! Từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân, tục diệm truyền đăng[179], rạng rỡ trong ngoài nước mãi cho đến tận hiện thời, tông phong chẳng suy sụp, nhưng Trí Giả đại sư thuộc tông Thiên Thai, Thanh Lương quốc sư thuộc tông Hiền Thủ, Khuy Cơ pháp sư thuộc tông Từ Ân, Bách Trượng thiền sư thuộc Thiền tông, Đại Trí luật sư[180] thuộc Luật tông, không vị nào chẳng giải

---

chưa thấy được rõ ràng. Chúng sanh vừa mới phát đạo tâm, nhưng vẫn còn bị vô minh che lấp giống như cây cỏ vừa mới nảy mầm, nên mới gọi là Quần Manh.

[179] Tục diệm truyền đăng: Tiếp nối ánh sáng ngọn đèn, ý nói "nối tiếp, lưu truyền mối đạo từ đời này sang đời khác".

[180] Đại Trí Luật Sư, tức là ngài Linh Chi Nguyên Chiếu (1048-1116), người đất Dư Hàng, tự là Trạm Nhiên, hiệu An Nhẫn Tử. Xuất gia từ bé, 18 tuổi thọ Cụ Túc giới, học giáo nghĩa tông Thiên Thai với ngài Thần Ngộ Xử Khiêm, nhưng dốc chí nơi Luật Tông. Về sau lễ ngài Quảng Từ thọ Bồ Tát giới, nối pháp Nam Sơn Chánh Truyền của ngài Doãn Kham. Trong niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085), Sư trụ tại Chiêu Khánh hoằng truyền Luật Tông, đến tuổi già, dời sang ở tại chùa Linh Chi ở đó suốt ba mươi năm nên người đời thường gọi Sư là Linh Chi Hòa Thượng. Khi mất, Sư được ban thụy hiệu là Đại Trí Luật Sư. Sư viết chú giải cho hai kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh và A Di

thích kinh, soạn luận, khuyên khắp mọi người tu trì. Những sự tích của họ đã được chép tường tận trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Do vậy biết những vị tri thức các tông Thiền, Giáo, Luật đều noi theo Hoa Tạng hải hội, nhất trí tiến hành cầu sanh Cực Lạc, huống chi kẻ căn cơ cạn mỏng đời Mạt Pháp ư? Nhân duyên Linh Nham sáng lập Tịnh Độ đạo tràng đã được chép đầy đủ trong tấm bia [thuật duyên khởi] xây dựng Niệm Phật Đường trước kia. Nay tu bổ đại điện, đặc biệt nêu rõ nguyên do của pháp môn Tịnh Độ để những bậc thông sáng mai sau có cái để nương tựa, hướng về. Chi phí xây cất và phương danh của người đã quyên tặng được ghi trong một tấm văn bia riêng, không ghi tường tận nơi đây.

3. Bi ký về việc chùa Linh Nham vĩnh viễn trở thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh Độ và công đức xây dựng lần này

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Có được cuộc đất tối thắng thì mới hoằng dương được đạo tối thắng. Tạo dựng chuyện phi thường ắt phải đợi người phi thường. Tuy bỉ cực thái lai[181] thuộc về vận trời, nhưng sửa cũ dựng mới thật sự phải nhờ vào con người thực hiện. Núi Linh Nham là cuộc đất thánh đạo tràng trời tạo đất dựng. Ngô Vương Phù Sai dựng cung Quán Oa nơi đây, chỉ chuộng dâm lạc, làm ô nhục núi này quá sức! Vì thế, xây xong cung điện chưa được bao lâu liền bị nước tan, mạng mất, đúng là nhân quả phù hợp nhau. Nếu ông ta lập đức thi thố lòng nhân noi theo phong cách cai trị tốt đẹp của tổ tiên là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung đã lưu lại, ắt sẽ ngang ngửa với Văn Vương trên linh đài[182], lúc sống được hưởng phước vòi vọi, khi mất để lại thanh danh vang dội, đâu đến nỗi quỳ gối xin được sống cũng chẳng được, rốt cuộc che mặt

---

Đà kinh, chú giải bộ Tứ Phần Luật San Phiền Bổ Khuyết Hành Sự Sao của ngài Đạo Tuyên, soạn thành bộ Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký.

[181] *"Bỉ cực thái lai"* nguyên gốc là *"bỉ chung tắc thái"*. Bỉ và Thái vốn là tên hai quẻ kép tương phản trong sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch. Quẻ Bỉ gồm quẻ Càn ở trên, quẻ Khôn ở dưới ghép thành, hàm nghĩa: Dương khí bốc lên, Âm khí chìm xuống, Âm - Dương chẳng giao hội, vạn vật bế tắc. Do vậy, đây là quẻ xấu. Quẻ Thái thì Càn dưới, Khôn trên, nên Âm - Dương giao hội, vạn vật thông suốt, do vậy là quẻ tốt. Phần Hệ Từ giảng: *"Bỉ chung tắc thái"* (quẻ Bỉ kết thúc sẽ chuyển biến thành quẻ Thái), hàm nghĩa vận xấu đến cùng cực sẽ chuyển biến thành vận hanh thông, giống như hết Đông sẽ tới Xuân. Do ý nghĩa này, *"bỉ chung tắc thái"* được biến đổi thành *"bỉ cực thái lai"*.

[182] Linh Đài: tên một cái đài do Văn Vương xây dựng được nhắc đến trong bài thơ Linh Đài thuộc thiên Đại Nhã của kinh Thi. Bài thơ này có nội dung ca ngợi đức hạnh của nhà vua, đoạn đầu bài thơ có câu: *"Kinh thỉ linh đài, kinh chi, doanh chi, thứ dân công chi, bất nhật thành chi"* (Vừa tính xây đài thiêng, tính toán, lo liệu, nhân dân góp công, chưa đầy một buổi, đài đã xây xong). Do vậy, "linh đài" được dùng như một từ ngữ để ca ngợi vị vua cai trị nhân dân bằng đức hạnh và lòng nhân từ, được nhân dân hết sức yêu mến.

tự vẫn[183], gây nhục lây cho tổ tiên ư? Do vậy biết kẻ không có đức cao trội mà có cuộc đất thù thắng, đâm ra lại là cái gốc họa! Nguyện những bậc quân tử đời sau đều lấy Phù Sai làm gương thì lợi ích ấy chẳng thể nào diễn tả được!

Đời Tấn, Tư Không Lục Ngoạn sống tại núi này, do nghe Phật pháp bèn biến nhà thành chùa, đấy chính là khởi đầu của đạo tràng Linh Nham vậy. Đến đời Lương lại càng được phát triển. Đến đời Đường lại càng thêm trùng hưng. Trong khoảng thời gian ấy, phần nhiều là do hình vẽ của Trí Tích Bồ Tát hiện thân, khơi gợi lòng tin tưởng, ngưỡng mộ của mọi người, khiến cho đạo tràng Linh Nham đứng đầu đất Ngô. Cung khuyết dâm lạc xưa kia nay trở thành cuộc đất thánh đạo tràng, cho thấy các pháp tùy duyên, hễ có người tài giỏi ắt cuộc đất sẽ linh ứng! Những vị Trụ Trì trong đời Tấn, đời Đường chẳng thể tra cứu được. Từ đời Tống cho đến đời Thanh, ngôi Trụ Trì đều do Giáo hải lão long, Thiền quật cự sư[184], đức hạnh đáng làm bậc thầy gương mẫu cho cả trời lẫn người, đạo tiếp nối được huệ mạng của Phật, của Tổ. Đầu đời Thanh, sư Hoằng Trữ trụ nơi đây, mở mang giảng tòa rộng lớn, điện đường, liêu xá mới mẻ rạng ngời. Thánh Tổ, Cao Tông (Khang Hy, Càn Long) tuần du phương Nam đều nghỉ lại nơi đây, pháp môn hưng thịnh chói ngời xưa nay.

Năm Hàm Phong thứ 10 (1860), gặp cơn binh hỏa[185], cháy tiêu gần hết. Trong thời Đồng Trị, vị Tăng tên Niệm Thành được ông Bành Cung Bảo Ngọc Lân hộ trì những mong sẽ dần dần được phục hưng. Năm Quang Tự 18 (1892), vị Tăng tên Biến Ngọc đúc hồng chung, nhưng chưa xây lầu [chuông]. Năm Tuyên Thống thứ ba (1911), vị Tăng tên Đạo Minh do bị mất y [ca-sa] đánh lầm kẻ khả nghi, khiến cho dân chúng phẫn nộ, phải bỏ trốn. Chùa đã không có chủ, tất cả đồ đạc không còn được một vật nào, ruộng đất cũng bị mất mát chẳng ít. Vị hương thân vùng Mộc Độc là Nghiêm Lương Xán khải thỉnh hòa thượng Chân Đạt[186] làm Trụ Trì. Cụ Chân bèn sai học trò là Minh Hú thay mặt trông coi, trước hết dựng lầu chuông.

---

[183] Khi Việt Vương Câu Tiễn diệt nước Ngô, bắt sống Phù Sai. Phù Sai đã quỳ lạy, khóc lóc, van xin được sống sót làm nô lệ chăn ngựa giống như xưa kia Việt Vương Câu Tiễn bại trận đã phải xin làm nô lệ giữ ngựa cho Phù Sai. Khi bị Câu Tiễn ép tự sát, Phù Sai xõa tóc che mặt với ngụ ý không còn mặt mũi nào nhìn tổ tiên dưới suối vàng!

[184] *"Rồng già nơi biển giáo, sư tử lớn nơi hang Thiền"*, ý nói toàn là những bậc tông tượng lỗi lạc thuộc Giáo môn hay Thiền tông.

[185] Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Toàn khởi xướng. Quân Thái Bình Thiên Quốc đã đốt sạch, phá trụi các chùa miếu, đạo quán mỗi khi chúng chiếm được một địa phương nào!

[186] Tuy hòa thượng Chân Đạt đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đời hoằng pháp và là người nỗ lực thực hiện tông chỉ chuyên tu Tịnh nghiệp của tổ Ấn Quang, hầu như không thấy có tài liệu nào ghi chép chi tiết về tiểu sử của hòa thượng. Dựa theo những ghi chép của môn nhân Tổ Ấn Quang, chúng ta chỉ biết hòa thượng Chân Đạt vốn xuất thân từ Tam Thánh Đường tại Phổ Đà Sơn, do thường bế quan nên chưa hề gặp mặt tổ

Đến năm Dân Quốc 15 (1926), đất Ngạc (tỉnh Hồ Bắc) loạn lạc, pháp sư Giới Trần và học trò xuống miền Nam, cụ Chân liền đem Linh Nham giao cho, biến thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh nghiệp vĩnh viễn. Nhất loạt chẳng giảng kinh, truyền giới, truyền pháp, thâu nhận đồ đệ, làm chuyện kinh sám thù tạc, [chỉ] quanh năm niệm Phật, chương trình giống như phổ thông Phật thất. Huê lợi ruộng đất chỉ thâu được tám chín trăm đồng, hạn định số người sống ở đây là hai mươi vị, nếu chi phí không đủ, cụ Chân sẽ bù đắp, [chứ Linh Nham] cũng chẳng mộ duyên. Năm Dân Quốc 17 (1928), thầy Giới đặc biệt sang Phổ Đà, cầu cụ Chân dựng thêm phòng ốc, lấy năm sáu ngàn đồng làm chuẩn, cụ Chân bằng lòng. Thầy ấy trở về núi, liền rời chùa, đi sang Vân Nam, ấy là để tránh nỗi phiền phức do xây dựng. Do vậy, mọi việc trong chùa giao cho pháp sư Từ Châu[187].

Ấn Quang. Sau khi bộ Văn Sao được lưu hành, hòa thượng rất ngưỡng mộ tổ Ấn Quang, nhưng lúc đó hòa thượng đã sang Thượng Hải nên chưa gặp gỡ được! Đến mùa Xuân năm Dân Quốc 15 (1926), ông Cao Hạc Niên từ núi Bôi Độ trở về Ninh Ba, ước hẹn với tổ Ấn Quang sẽ cùng nhau đến Thượng Hải lo việc in sách. Hòa thượng Chân Đạt biết tin liền dặn ông Cao đưa tổ Ấn Quang đến nghỉ ngơi tại chùa Thái Bình là Hạ Viện của Tam Thánh Đường tại Thượng Hải, do vậy, hai vị mới được gặp mặt nhau và nhanh chóng trở thành bạn thiết. Từ đấy về sau, mỗi dịp cần sang Thượng Hải, tổ Ấn Quang thường đến ở tại một gian phòng dành riêng cho Ngài trong chùa Thái Bình. Hòa thượng Chân Đạt chẳng tiếc sức hỗ trợ tổ Ấn Quang trong công cuộc hoằng pháp. Khi Tổ muốn tránh phiền nhiễu do bị các nơi gởi thư hỏi han quá nhiều, tính đi sang Hương Cảng để bế quan, hòa thượng Chân Đạt đã tha thiết mời Tổ về bế quan tại chùa Báo Quốc do hòa thượng quản nhiệm cũng như tận lực ủng hộ tổ Ấn Quang trong công cuộc biến Linh Nham Sơn Tự thành thập phương đạo tràng chuyên tu Tịnh nghiệp. Cảm kích trước thịnh tình của hòa thượng Chân Đạt, trong những thư từ trao đổi, Tổ luôn gọi hòa thượng Chân Đạt là "huynh" tuy tuổi tác lẫn pháp lạp của Tổ đều cao hơn hòa thượng Chân Đạt. Khi Tổ Ấn Quang viên tịch, chính hòa thượng Chân Đạt đã đứng ra dựng tháp, chủ trì lễ trà-tỳ và tuyên pháp ngữ trước khi châm lửa.

[187] Từ Châu (1877-1957) là người huyện Tùy, tỉnh Hồ Bắc, pháp danh là Phổ Hải. Từ bé đã theo cha học Phật. Đến năm 33 tuổi, vợ chồng đồng lòng xuất gia. Không lâu sau, Sư thọ Cụ Túc Giới nơi chùa Quy Nguyên tại Hán Dương, từng theo hầu dưới tòa pháp sư Nguyệt Hà là một vị đại đức thuộc tông Hoa Nghiêm. Sư thường giảng kinh Hoa Nghiêm, xiển dương giới luật, hoằng hóa rất sâu rộng, trì luật rất nghiêm, kiêm tu Tịnh Độ lẫn pháp giới quán. Tuy thông hiểu Hoa Nghiêm sâu xa, trong khi thuyết pháp, Sư vẫn dùng những lời lẽ giản dị, chẳng bàn đến những lý lẽ cao siêu khó hiểu, mà chỉ chú trọng vào những điểm cốt lõi, thực tiễn. Sư chuyên giảng Hoa Nghiêm, Viên Giác, Khởi Tín Luận, Tứ Phần Luật v.v… Năm 1920, Sư sáng lập Hoa Nghiêm đại học, Minh Giáo học viện để đào tạo tăng tài. Nhận lời mời của hòa thượng Hư Vân, Sư sáng lập Pháp Giới Học Viện tại chùa Pháp Hải ở Phước Kiến, về sau trường được dời sang chùa Tịnh Liên ở Bắc Kinh. Sư thị tịch tại An Dưỡng Tinh Xá, còn để lại những tác phẩm như Tỳ Ni Tác Trì Yếu Lục, Bồ Tát Giới Bổn Sớ, Đại Thừa Khởi Tín Luận Thuật Ký, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Thân Văn Ký v.v… Những trước tác của Sư đã được biên tập thành bộ Từ Châu Đại Sư Pháp Vựng.

Thầy Từ Châu khí lực yếu ớt, không chịu đựng được khổ nhọc, liền mấy lượt sang Hán Khẩu giảng kinh. Mùa Hạ năm ngoái lại nhận lời mời của Cổ Sơn, chẳng từ tạ, bỏ đi. Hai ba năm gần đây, đàn-việt[188] nhiều người biết đến đạo phong của Linh Nham, có người muốn cầu siêu cho tiên vong, chúc thọ cho cha mẹ, xin đả thất. Số người ở lại đã trên bốn mươi vị, phòng ốc chẳng chứa nổi, lại thêm hẹp nhỏ, trời mùa Hè rất nóng. Nay dựng năm gian lầu cao, phía dưới làm Niệm Phật Đường, rộng rãi mát mẻ. Ngoài ra lại dựng thêm hơn ba mươi gian nữa, chi phí ước chừng hơn năm vạn đồng. Cụ Chân bỏ ra hơn hai vạn hai ngàn đồng, khoản còn lại [góp] từ số tiền chi dùng của Thường Trụ còn dư và do đàn-việt vui vẻ giúp sức. Nay đã hoàn thành, thầy Diệu Chân làm Đương Gia Sư. Do hai lần xây dựng, cụ Chân bỏ ra gần ba vạn, lần này cụ cũng đứng ra xướng suất, công đức ấy và việc biến [ngôi chùa] này thành đạo tràng thập phương đều đáng nên lập bia, [do vậy, tăng chúng Linh Nham] thỉnh tôi lược thuật chuyện ấy để ghi chép công đức hòng bảo với mai sau; vì thế, bất đắc dĩ chẳng thể từ tạ chuyện viết lách được! Thuở ban đầu đã lập năm điều quy ước:

1) Trụ Trì bất luận thuộc tông phái nào, chỉ cần lấy chuẩn mức là "tin tưởng Tịnh Độ sâu xa, giới hạnh tinh nghiêm". Chỉ truyền hiền, chẳng truyền pháp để dứt thói tệ pháp quyến riêng tư.

2) Trụ Trì chỉ luận thứ số, chẳng luận theo thế hệ để bậc cao đức khỏi bị đứng sau kẻ đức hạnh tầm thường.

3) Chẳng truyền giới, chẳng giảng kinh để khỏi chèo kéo, xáo động, gây nhiễu loạn chánh niệm. Trong chùa tuy hằng ngày thường giảng nhưng chẳng lôi kéo người ngoài đến nghe.

4) Chuyên nhất niệm Phật, ngoại trừ đả Phật thất ra, nhất loạt chẳng làm hết thảy các Phật sự mang tính cách thù tạc.

5) Bất luận là ai, chẳng được ở trong chùa mà thâu nhận đồ đệ xuất gia.

Ai phạm một điều nào trong năm điều sẽ lập tức ra khỏi chùa. Đại sư Tử Bách đời Minh một đời xây dựng hơn mười ngôi đại tùng lâm, nhưng chẳng làm Phương Trượng, chẳng thâu nhận đồ đệ, hễ xong việc liền bỏ đi, gác bỏ mọi việc. Đại sư Diệu Phong phàm những công trình chùa, tháp, cầu cống, đường sá người khác chẳng thể lo liệu được, thỉnh Sư trông nom, hễ qua tay Sư đều thành công, hoàn tất xong liền cáo từ. Trong lúc đang tu bổ hay xây dựng, có khi Sư sai học trò thay mình lo liệu, công trình hoàn thành, trọn chẳng để lại đó một người nào của chính mình cả! Tấm lòng Sư chánh đại quang minh, mấy trăm năm sau còn nghe tiếng, khiến cho mọi người khâm phục khôn nguôi, đáng được vua tôi cung kính, long thiên ủng hộ, lúc sống tiếng tăm vang dội, lúc mất chứng thánh quả. Người đời nay phần nhiều âm mưu cướp đoạt đạo tràng của người khác, ai chịu đem những gì mình đã có nhường cho người khác?

---

[188] Đàn-việt (Dānapati): Thí chủ, tức người bố thí. Đàn là gọi tắt của chữ Dāna (bố thí).

Cụ Chân khẳng khái làm như vậy, tuy đạo còn kém xa Tử Bách, Diệu Phong, nhưng tấm lòng sáng ngời không riêng tư cũng gần bằng các vị ấy, thật đáng khâm phục! Nguyện những người làm Trụ Trì và giữ chức trách trong nhà chùa, cũng như những người nhập chúng tu trì đều cùng giữ tấm lòng đại công vô tư, chuyên tinh tu tập, ngõ hầu chẳng phụ ân Phật đã nói ra pháp môn Tịnh Độ hoành siêu và lịch đại tổ tông hoằng pháp, ân cụ Chân Đạt tạo dựng cũng như một phen yêu thương, siêng năng nhọc nhằn lo toan sâu đậm của thầy Diệu Chân.

4. Bi ký thuật công đức của phân hội Tô Châu Hội Cứu Giúp Loài Vật Trung Quốc quyên tặng vĩnh viễn khu vườn ao phóng sinh cho Linh Nham Sơn Tự để làm hạ viện

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Đức Đại Giác Thế Tôn là đại sư của ba cõi, cha lành của bốn loài, xem hết thảy chúng sanh như con một vì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật đời vị lai. Trong các kinh Đại Thừa, Phật đã nghiêm cấm sát sanh ăn thịt ngõ hầu hết thảy chúng sanh đều được hưởng quả báo gần là trường thọ yên vui, quả báo xa là cùng chứng giải thoát Niết Bàn. Đại sư Trí Giả đề cao lòng từ bi của Phật, trong niên hiệu Đại Kiến (569-583) đời Trần đã mua hơn sáu mươi chỗ thuộc Lâm, Hải, Giang, Hỗ, Khê, Lương, cả hơn ba trăm dặm để làm ao phóng sanh, xin vua ban sắc chỉ, lập bia ngăn cấm đánh cá, kẻ nào bắt trộm sẽ bị mắc họa. Đến niên hiệu Trinh Quán (627-649) đời Đường vẫn còn như thế. Đấy chính là bi tâm phổ độ chúng sanh của Phật, Tổ vậy.

Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt của ta, loài vật giống như ta[189]. Đấy chính là chí hướng thường hằng coi con người và loài vật bình đẳng như nhau của nhà Nho vậy. Nghiêm cấm đọa thai phá trứng để chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui *(“điểu thú ngư miết hàm nhược”*: *“Nhược”* nghĩa là thuận. *“Hàm nhược”* là đều được sống thuận lợi vậy). Đấy chính là sự cai trị bằng đức để thắng tàn bạo, trừ giết chóc của bậc thánh vương. Ấy là vì đức lớn của trời đất là Sanh, nỗi khổ lớn lao của con người lẫn loài vật chính là Sát. Thắng bạo tàn, trừ giết chóc phải từ nhỏ đến lớn. Nhân từ với con người, yêu thương loài vật ắt phải từ dễ đến khó. Nếu chẳng hàm dưỡng lòng nhân từ, khoan dung từ cội gốc, ắt sẽ trở thành bỏ nhỏ lấy lớn, bỏ dễ lấy khó vậy! Hằng ngày làm chuyện tàn sát, mà lầm lạc mong mỏi nhân từ với con người, yêu thương loài vật sẽ trở thành nói xuông, chắc chắn khó thể

---

[189] *“Vật ngô dữ dã”.* Trong nguyên bản, sau chữ Dữ có chú thích “與, 友也” (dữ, hữu dã: Dữ là bạn bè). Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Giảng Yếu. Trộm nghĩ, “vật ngô dữ dã” là “loài vật là bạn bè của ta” và “loài vật giống như ta” theo cách giải thích của Tứ Thư Giảng Yếu ý nghĩa không khác nhau cho lắm. Chúng tôi vẫn giữ theo cách giải thích của Tứ Thư Giảng Yếu cho nhất quán.

thật hành được chuyện ấy! Vì sao nói vậy? Trẻ nhỏ, kẻ bình thường đều có thể thật hành chuyện yêu thương loài vật, hành lâu ngày, bụng dạ đầy ắp nhân từ, mai kia có địa vị, nắm quyền cai trị, sẽ có thể che chở dân đen lớn lao. Dẫu ẩn cư trong một làng vẫn có thể lấy thân mình đốc thúc mọi người thay đổi phong tục! Như vậy, đạo nhân từ với người khác phải được bồi đắp từ lòng yêu thương loài vật thì mới có thể viên mãn trọn khắp, không có điều tệ vậy!

Nếu chẳng do lòng yêu thương loài vật thì tuy trong đời này chưa có gì đáng tiếc, nhưng trong tương lai ắt sẽ phải lo lắng lớn lao, vì đã gieo cái nhân tàn hại loài vật sẽ khó tránh được cái quả luân phiên báo đền [lẫn nhau]! Nguyện người có lòng nhân với kẻ khác thường suy nghĩ cẩn thận vậy. Chuyện phóng sanh vốn nhằm khơi dậy thiện tâm của con người trong hiện tại, vị lai, cốt sao họ kiêng giết, ăn chay, khiến cho khắp mọi hàm thức đều được sống yên ổn, đều hưởng hết tuổi thọ. Gần là dứt được cái nhân giết chóc, xa là diệt được quả báo do giết chóc, nhỏ là khiến cho tâm chúng ta toàn thuần là lòng nhân, lớn là chấm dứt sát kiếp cho toàn thế giới. Chớ nghĩ đây là chuyện chẳng cấp bách, rồi coi thường bỏ qua.

[Nguồn gốc] khu vườn ao phóng sanh tại cầu Hổ Khiếu (Hổ Gầm) của Hội Cứu Giúp Loài Vật Trung Quốc phân hội Tô Châu [như sau]: Vào tháng Bảy năm Giáp Tý tức năm Dân Quốc 13 (1924), hội viên Hội Cứu Vớt Loài Vật tại Thượng Hải là ông Lục Duy Dung đến đất Tô bàn bạc, mới biết những hội viên Hội Cứu Giúp Loài Vật phân hội Tô Châu đã bàn tính chuyện thiết lập khu vườn ao phóng sanh bèn cực lực tỏ ý tán thành. Ông cho biết: Khéo sao ông Trầm là người đất Tô có một khu đất rộng khoảng sáu mẫu, đã quyên tặng cho Hội Cứu Vớt Loài Vật Thượng Hải, nay đem tặng lại cho phân hội [Tô Châu] để làm cơ sở [tạo lập] khu vườn ao phóng sanh. Trong khu đất ấy có một cái đầm, đào vét thành ao rất đỡ tốn công, tiếp đó ông ta đem bằng khoán đất gởi xuống Tô Châu.

Đến tháng Chín năm Dân Quốc 14 (1925), hội viên thuộc phân hội [Tô Châu] là ông Dương Đạt Toàn giới thiệu ông Uông Cát Đình gia nhập phân hội, [ông Uông] đứng ra ngỏ ý quyên tặng tiền để xây dựng, các hội viên lại đóng góp [thêm vào] được hơn một vạn đồng, xây dựng liên tục, đào ao, dựng đình, sắp đặt hết thảy. Tuy chẳng hoa mỹ, nhưng thanh nhã không phàm tục, đáng gọi là chốn "thế ngoại đào nguyên" (chốn tiên bồng ngoài cõi tục). Đến tháng Chạp năm Dân Quốc 15 (1926), công trình mới hoàn thành. Tháng Năm năm Dân Quốc 17 (1928), ông Viên Hiếu Cốc tậu thêm một nền đất rộng bảy phân ở phía Nam, nhờ đó [khu vườn ao] càng thêm rộng rãi, vẽ họa đồ, trình lên huyện, lập hồ sơ đầy đủ. Việc quản lý kinh phí trong mấy năm đều do nhóm các ông Ngô Dĩnh Chi v.v… trước sau lo toan.

Mùa Hạ năm ngoái, Giám Viện Linh Nham Sơn Tự là thầy Diệu Chân do thấy Linh Nham không có hạ viện tại thành Tô Châu, sau này đến đất Tô cảm thấy khá bất tiện, chú ý đến khu vườn ao phóng sanh tại cầu Hổ Khiếu,

cậy Quang hỏi thăm tình hình nơi ông Tào Tung Kiều, cũng như nhờ cậy ông ta thương lượng với mọi người trong hội ấy. Nếu chịu thí tặng thì sự nghiệp phóng sanh càng được tiến hành mạnh mẽ hơn; lại không cần phải phái người chuyên lo quản lý, đôi bên đều có lợi, đúng là *"một chấm thủy mặc, đôi bên đều thành rồng"*. Ông Tào đi hỏi, mọi người đều cùng tán thành, bảo rằng: "Linh Nham sơn chưa đầy mười năm mà đạo phong đã nghe tiếng khắp xa gần, nghiễm nhiên trở thành đạo tràng thanh tu bậc nhất của Ngô Huyện. Nếu biến khu vườn ao phóng sanh thành Hạ Viện thì sau này sẽ phát đạt, an hòa nào kém Linh Nham?" Bèn bàn bạc, ước định năm điều kiện ngõ hầu vĩnh viễn chẳng suy sụp:

1) Danh xưng khu vườn ao phóng sanh thuộc hội Phật Giáo Cứu Vớt Loài Vật Trung Quốc phân hội Tô Châu.

2) Điện thờ Tế Công tổ sư.

3) Bài vị của thầy Ngộ Căn.

4) Tòa cát đình[190] trên bờ ao.

5) Mộ phần của chủ đất họ Trầm nằm ngoài tường bao quanh khu vườn.

Năm thứ này phải được bảo tồn vĩnh viễn, chẳng được bỏ đi. Những thứ kiến trúc, mở mang khác do Tăng chúng chùa Linh Nham tùy ý tiến hành. Duyên khởi ấy được khắc vào bia, ghi vào sổ sách để lưu lại vĩnh viễn. Do vậy, đem tất cả khế ước, họa đồ, hồ sơ, giấy tờ chứng minh [đã lập] từ trước kia đều giao ra hết. Có thể nói là thành tựu cho Linh Nham Tịnh nghiệp đạo tràng, phát triển sự nghiệp phóng sanh, công đức lớn nhất! Mong sao hội viên hội này và giám viện Linh Nham, mọi người đồng tâm dốc sức đề xướng bảo vệ sanh mạng, ăn chay, để thành tựu chuyện "không phóng sanh mà là phóng sanh lớn lao", chí thành niệm Phật để được vãng sanh hòng liễu sanh tử, dứt sát kiếp để vời thỉnh quyến thuộc cõi trời, vãn hồi thế đạo, uốn nắn nhân tâm thì [công đức ấy] há văn tự, ngôn ngữ có thể hình dung được ư?

5. Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai thành lập ao phóng sanh

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Đức Đại Giác Thế Tôn... (cho đến) coi thường bỏ qua (phần này giống hệt như trong bài bi ký ở trên nên lược đi). Chùa Quốc Thanh là ngôi chùa hàng đầu của núi Thiên Thai. Hòa Thượng Khả Hưng cực lực khôi phục, lại thỉnh pháp sư Tĩnh Quyền phụ trợ, muốn mở rộng lòng từ bi của Phật, Tổ để khơi gợi thiện niệm cho người đời, do đó bèn lập ao phóng sanh nơi vườn rau phía Tây của Tam Môn. Dòng Khê Thủy từ Tây Sơn đổ vào nơi đó, nước chảy vào chảy ra cuồn cuộn, là chỗ thích hợp nhất để nuôi cá. Mùa Thu, mùa Hạ, nhằm buổi trời trong, đêm trăng, tiết Xuân, tiết Đông thì sau giờ Ngọ,

[190] Một loại đình nhỏ (gazebo) là một loại kiến trúc nhỏ, lợp mái, nhiều cột, không có vách, thường dùng làm nơi hóng mát hay ngắm trăng.

trước lúc xế chiều, đại chúng đến đây niệm Phật hiệu vang vang, nhiễu quanh ao ba vòng hồi hướng Tịnh Độ để những loài thủy tộc ấy đều gieo thiện căn xuất thế cũng như khiến cho đại chúng đều phỏng theo bi nguyện của Phật, của Tổ. Do muốn tỏ rõ ý nghĩa "do phóng sanh mà đạt được lợi ích", [chùa Quốc Thanh] sai Quang viết bài ký để thưa cùng bậc sáng suốt mai sau.

Trộm nghĩ: Phóng sanh vốn là để đề xướng kiêng giết, ăn chay. Nếu con người suốt đời ăn chay sẽ trở thành không phóng sanh mà phóng sanh lớn lao vậy. Nay tôi chép lại bài thơ răn đừng ăn thịt của cư sĩ Hoàng Sơn Cốc[191] đời Tống để mong mọi người lúc ăn thịt hãy suy nghĩ đôi ba phen, ắt chẳng nỡ ăn và tâm chẳng dám ăn nữa sẽ bừng bừng dấy lên. Bài thơ ấy như sau:

Ngã nhục, chúng sanh nhục,
Danh thù, thể bất thù,
Bổn thị nhất chủng tánh,
Chỉ vi biệt hình khu,
Khổ não tùng tha thụ,
Phì cam vi ngã nhu,
Mạc giao Diêm Quân đoán,
Tự sủy ứng hà như?

(Thịt ta, thịt chúng sanh,
Danh khác, thể vốn đồng,
Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ hình hài khác nhau!
Khổ não chúng hứng chịu,
Béo ngon ta hưởng riêng,
Chớ đợi Diêm La xử
Tự suy sẽ biết mà!)

Bài thơ ấy có ý nghĩa lắm thay! Trung hậu, khoan dung cách đạo chẳng xa, điều gì chẳng muốn [người khác] làm cho chính mình thì chớ làm cho người khác. Lòng nhân với con người, yêu thương loài vật ấy [chính là] đại kinh đại pháp thành thủy thành chung, chẳng cần phải nói tường tận về ý nghĩa nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo sâu xa! Nguyện những ai thấy nghe đều suy nghĩ sâu đậm.

6. Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai sáng lập ba viện dưỡng lão, dưỡng bệnh và trợ niệm

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

---

[191] Hoàng Sơn Cốc tên thật là Hoàng Đình Kiên, tự là Lỗ Trực, hiệu là Sơn Cốc đạo nhân, vốn là một nhà thư pháp (calligrapher) nổi tiếng thời Bắc Tống, quê ở huyện Tu Thủy, tỉnh Giang Tây. Ông làm thơ, viết chữ, vẽ tranh đều xuất sắc nên được xưng tụng là Tam Tuyệt. Đương thời, ông nổi tiếng không kém Tô Đông Pha nên người đương thời thường dùng từ ngữ Tô Hoàng để chỉ hai bậc văn gia này.

Sa Bà là cõi khổ sở cùng cực, vì thế cõi này thuộc về quán trọ trên đường lữ thứ; An Dưỡng là chốn vui sướng tột bậc, vốn là quê nhà sẵn có. Nhưng do chúng sanh mê muội chưa ngộ, bèn cứ khăng khăng coi quán trọ là quê nhà, chẳng biết có trụ xứ thanh tịnh an ổn tột bậc do cha ông đã tạo dựng. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, luân hồi trong sáu nẻo, chìm đắm trong tam đồ từ kiếp này sang kiếp khác, không cách nào thoát ra. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, tùy thuận căn cơ thuyết pháp để các chúng sanh bỏ mê về với ngộ, theo đường về nhà. Do chúng sanh căn cơ chẳng phải chỉ có một, nên mỗi pháp đức Như Lai nói ra đều khác biệt. Nhưng các pháp ấy đều phải cậy vào tự lực, chỉ bậc thượng căn cao nhất mới có thể hoàn thành được ngay trong đời này. Nếu là kẻ kém hơn thì sẽ hai đời, ba đời mới giải quyết xong. Những kẻ trải kiếp dài lâu vẫn chưa thể giải quyết xong vẫn chiếm đa số! Lòng Như Lai phổ độ chúng sanh chan chứa nhưng chưa thỏa mãn được; do vậy, bèn đặc biệt mở ra một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, để thượng thánh hạ phàm đều cùng trong đời này thoát cõi Sa Bà đây lên cõi An Dưỡng kia. Bậc thánh sẽ mau thành Phật đạo, kẻ phàm sẽ dần dần chứng được Bồ Đề. Phổ độ chúng sanh cô đơn quạnh quẽ không nơi nương tựa, thỏa thích lớn lao bổn hoài xuất thế của đức Như Lai. Trên là Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, dưới là tội nhân Ngũ Nghịch, Thập Ác cực nặng đều là căn cơ được thâu nhiếp bởi pháp này. Chúng ta trên chẳng bằng được các vị như Văn Thù v.v… dưới chưa đến nỗi giống như hàng Ngũ Nghịch, Thập Ác, há lẽ đâu chẳng mạnh mẽ phát ra đại chí ngõ hầu vượt ngang ra khỏi tam giới ư?

Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, tuy có môn đình Thiền, Giáo, Luật, Mật, Tịnh bất đồng, nhưng không một môn nào chẳng lấy vãng sanh Tịnh Độ làm chỗ quy túc! Núi Thiên Thai là đạo tràng của Trí Giả đại sư. Đại sư dùng Ngũ Thời Bát Giáo[192] để phán thích[193] giáo pháp cả một đời đức Như Lai nhưng vẫn chú trọng nơi một môn Tịnh Độ. Tuy chưa thấy được phần kinh văn quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm nhưng đã lập pháp ngầm hợp, đủ thấy Phật và Tổ vốn [thở] cùng một lỗ mũi! Chùa Quốc Thanh là ngôi chùa được xây trên nền đất [ngôi chùa] lúc Đại Sư sắp nhập Diệt Định[194]. Đến nay đã một ngàn ba trăm mấy chục năm, tuy trải qua

---

[192] Ngũ Thời: Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa - Niết Bàn. Bát Giáo: Tám loại giáo hóa, gồm Hóa Nghi Tứ Giáo (bốn phương thức dùng để giáo hóa) gồm: Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định và Hóa Pháp Tứ Giáo (bốn nội dung giáo hóa) gồm Tạng, Thông, Biệt, Viên.

[193] Phán thích: Phán định, giải thích.

[194] Chùa Quốc Thanh nằm ở phía Nam ngọn Phật Lũng rặng Thiên Thai, do Tấn Vương Dương Quảng (sau này là Tùy Dạng Đế) xây dựng cho ngài Trí Khải (Trí Giả đại sư). Thoạt đầu, Định Quang thiền sư trụ trì tại núi này, thường bảo đệ tử: “Không lâu sau sẽ có vị thiện tri thức thù thắng lãnh chúng sống tại núi này”. Quả nhiên, không lâu sau có ngài Trí Khải vượt Trường Giang đến nơi này, mở mang pháp thí rộng lớn. Đại sư tính

nhiều lượt biển dâu, có khi hưng, khi phế, nhưng nhờ được cao nhân làm Trụ Trì, cho đến hiện thời đạo phong vẫn chẳng suy sụp.

Đầu thời Càn Long nhà Thanh, Bảo Lâm Trân Công trùng hưng, điện đường, liêu xá mới toanh rạng ngời, nhưng còn ba viện chưa đủ sức để thành lập. Một là Dưỡng Lão vì bậc danh đức các phương, bậc kỳ cựu trong chùa, tuổi già lắng lòng chuyên lo tu tập đạo nghiệp của chính mình nhưng chưa có một tòa viện chuyên biệt thì làm sao giúp cho Tịnh nghiệp được? Hai là Dưỡng Bệnh: Thập phương tăng lữ cô quạnh một thân, đã đến chùa này nương tựa thì chính là người ruột thịt, hễ bị bệnh tật chẳng thể theo đại chúng, bèn dời đến nơi này để an dưỡng mong cho chóng lành. Nếu tuổi thọ sắp hết sẽ đưa sang Trợ Niệm Đường. Ba là Trợ Niệm, phàm người bệnh nặng sắp mất, sẽ chuyển sang viện này. Thường Trụ liền phái người luân phiên trợ niệm. Trụ Trì hay người trưởng ban sẽ khai thị, hướng dẫn người [sắp mất] ấy, để người ấy toàn thân buông xuống hết, nhất tâm niệm Phật. Trước mặt người ấy nên thờ tượng Phật tiếp dẫn, để người ấy tâm niệm, miệng niệm, tai nghe, mắt nhìn, trừ đức Phật ra, không còn nghĩ gì khác nữa, ngõ hầu chánh niệm rạng rỡ, theo Phật vãng sanh. Đây chính là một đại sự khẩn yếu tột bậc của chốn tùng lâm hoằng pháp lẫn người xuất gia tu hành.

Người làm Trụ Trì và những vị có chức trách hãy nên coi người khác già - bệnh - chết giống như chính mình già - bịnh - chết, ắt sẽ lo liệu ổn thỏa, chắc chắn chẳng chịu quấy quá cho xong chuyện thì đạo đức hiện tại sẽ ngày một cao quý, phẩm sen vãng sanh càng thù thắng vậy! Huống chi cổ nhân tạo dựng tùng lâm vốn là vì người già kẻ bệnh mà lập, cũng như khiến cho tăng chúng đông đảo có chỗ nương tựa, người học ùn ùn có nơi để tham học, thừa sự. Có ai chẳng già? Có ai không bệnh? Ai mà không chết? Nếu chẳng đặc biệt lập ra một viện thì người già, người bệnh, thân tâm khó yên. Thân tâm đã chẳng yên thì niệm Phật cầu vãng sanh sẽ bị chướng ngại. Đấy chính là nguyên do thành lập riêng hai tòa điện đường Dưỡng Lão và Dưỡng Bệnh. Nhưng già và bệnh còn có thể tạm để đó, chứ lâm chung chắc chắn khó thể coi thường, trì hoãn được! Nếu công phu chưa sâu, Phật niệm chưa thuần, lại thêm bệnh khổ trầm trọng, chẳng có tri thức khai thị, hướng dẫn, Tịnh lữ trợ niệm, sẽ trở vào luân hồi, trọn chẳng có hy vọng gì được liễu thoát! Nếu là người công phu đã sâu, Phật niệm đã thuần, lại có sức trợ niệm của đại chúng, há chẳng mau chóng thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhẫn ư?

---

xây dựng chùa ở phía nam núi Phật Lũng, nhưng xây chưa xong đã nhập diệt. Tấn Vương Dương Quảng tiếc nuối khôn cùng, bèn lập hội trai tăng một ngàn vị, xây dựng ngôi phạm vũ nguy nga này, thoạt đầu đặt tên là Thiên Thai Sơn Tự. Nhưng sau này, vua nhớ lại khi còn là Thái Tử, nhằm khi ngài Trí Khải tới nơi đây, sư Định Quang đã từng báo mộng với nhà vua: “Ba nước (tức Bắc Châu, Bắc Tề, Trần) sẽ hợp thành một, người có thế lực lớn lao mới ở được chùa này, chùa xây xong, đất nước sẽ thanh bình”. Do vậy, đổi tên là chùa Quốc Thanh.

Do vậy biết chuyện trợ niệm quan hệ rất lớn. Đang trong lúc tánh mạng sắp chấm dứt ấy, nhằm lúc phán định thăng - trầm, mà đã có người khai thị, hướng dẫn, trợ niệm, ví như kẻ khiếp nhược tránh giặc tính ngồi thuyền trốn xa, được mọi người nâng đỡ, liền có thể vọt lên thuyền, liền được ngồi yên ổn đến tận bờ kia. Nếu là người không được khai thị, hướng dẫn, trợ niệm, ắt sẽ mắc cái họa phá hoại chánh niệm, đừng nói người công phu chưa sâu chẳng thể liễu thoát, dẫu là người Phật niệm đã thuần vẫn khó vãng sanh! Ví như dũng sĩ phá vòng vây lọt ra, tính ngồi thuyền thoát đi, bị mọi người chèo kéo, ngay lập tức té xuống vực sâu. Siêu phàm nhập thánh hay vẫn luân hồi y như cũ chỉ trong một hơi thở này! Lẽ được - mất quá nửa nằm trong tay vị Trụ Trì, một phần ít nằm trong tay những người giữ chức trách. Nếu vị Trụ Trì hay những vị có chức trách thấy người khác chết giống như cha mẹ, thầy, bạn của chính mình chết ắt sẽ cực lực trợ niệm đúng pháp, thành tựu vãng sanh. Đã được vãng sanh, lâu dần ắt sẽ viên thành Phật đạo. Thành tựu một người vãng sanh chính là thành tựu một chúng sanh thành Phật; công đức ấy há thể diễn tả được ư?

Đến năm Dân Quốc 17, 18, do không kiếm được người Trụ Trì nên [Quốc Thanh Tự] lâm vào cảnh suy bại sát đất. Năm Dân Quốc 19 (1930), những bậc kỳ lão trong núi và các vị hương thân cung thỉnh hòa thượng Khả Hưng là bậc đã xin thôi chức Trụ Trì về hưu trước kia trở lại làm Trụ Trì để mong khôi phục [nhà chùa]. Cụ Hưng bèn mời người bạn thân là pháp sư Tĩnh Quyền giúp sức. Do vậy, đặc biệt mở học xã để hoằng dương xiển phát tông Thiên Thai, hưng khởi điều lợi, trừ thói tệ, tiến hành đầy đủ trăm chuyện đã bị phế bỏ. Nay lại tính lập ra ba viện này, mỗi viện gồm năm gian, vị trí ở gần nhà bếp để tiện cung cấp những thứ thức ăn, trà, nước cho những vị già cả, bệnh tật. Mỗi viện đều cử người trông nom, đều lập quy ước. Trụ Trì và những vị có chức trách thường đi xem xét, chẳng để cho những người chăm sóc lười nhác, coi thường. Dụng tâm cẩn thận, sát sao đáng cho người khác khâm phục! [Hòa thượng Khả Hưng] sai Quang soạn bài ký. Do vui đẹp trước tấm lòng thành vì pháp vì người [của chùa Quốc Thanh] nên [Quang] quên mình hèn tệ, viết những ý chính. Nguyện từ nay trở đi, Trụ Trì và những vị có chức trách chùa Quốc Thanh cũng như Trụ Trì và những vị có chức trách các nơi trong hiện tại lẫn tương lai ai nấy đều chú ý sâu xa.

7. Bi ký về chuyện Hương Quang Liên Xã thuộc Hương Sơn Thảo Am ở Ngô Huyện xây dựng Tam Thánh Điện

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Đức Đại Giác Thế Tôn khéo trị những căn bệnh nơi thân nơi tâm chúng sanh, khéo làm cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tâm bệnh có những thứ nào? Chính là tham - sân - si. Đã có những bệnh ấy, tâm chẳng thể chánh được, những ý niệm thuận theo tình kiến, trái nghịch lý sẽ ồ ạt dấy lên.

Những niệm ấy đã khởi, ắt sẽ muốn thỏa lòng ham muốn của chính mình, cái tâm hèn tệ giết - trộm - dâm sẽ ngay lập tức biến thành sự thực. Đấy gọi là "do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chuốc khổ trải trần điểm kiếp[195] chẳng thuở nào xong!" Đức Như Lai thương xót, tùy theo từng căn bệnh của chúng sanh mà ban thuốc, bảo họ: *"Tâm tham - sân - si chẳng phải là cái tâm vốn có của các ngươi, tâm các ngươi vốn viên minh tịnh diệu như tấm gương sáng sạch, trọn chẳng có một vật nào! Hễ có vật ở trước gương thì không vật nào chẳng được soi trọn vẹn. Vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng lưu giữ. Giữ được tánh thiên chân của ta, chẳng bị chuyển theo vật. Mê tâm đuổi theo cảnh thì gọi là ngu phu. Trái trần hợp giác liền dự vào dòng thánh".* Nếu con người biết được điều này, tâm bệnh sẽ lành. Tâm bệnh đã lành, thân bệnh chẳng có cội gốc nữa, dẫu cảm xúc lạnh - nóng cũng chẳng bị nguy hiểm. Tâm đã chánh thì thân sẽ chánh theo. Do đã không có tình niệm tham - sân - si, sẽ do đâu mà có những hạnh hèn tệ giết - trộm - dâm cho được? Ai nấy đều như thế thì dân là đồng bào, loài vật giống như ta, đối đãi bình đẳng, nào còn có chuyện tranh đất, giành thành, tàn sát lẫn nhau nữa ư?

Vì thế, những bậc vua quan thông minh duệ trí thời xưa không vị nào chẳng sùng phụng, hộ trì, bởi [Phật pháp] giữ yên đất nước khi chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy, nên đạt đến thái bình mà chẳng hay chẳng biết, chẳng tỏ lộ dấu vết vậy! Tiếc cho những nhà Nho đời sau tâm lượng hẹp hòi, nhỏ nhen, lấy diệu nghĩa từ kinh Phật để giúp cho những chuyện bàn xuông của bọn họ, nhưng bài xích thật lý do đức Phật đã nói, bảo là bịa đặt! Sự lý nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo chính là đại kinh đại pháp khiến cho người hiền mau lên cảnh thánh, kẻ ngu gắng sức làm người dân lương thiện, [thế mà] bọn chúng bảo "thật ra chẳng có chuyện nhân quả báo ứng, con người chết đi, thần hồn đã diệt, còn ai để chịu tội và thác sanh?" Từ đấy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt, đến nỗi hùa nhau phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, bỏ thẹn, chẳng hề xấu hổ, ngược ngạo coi đó là vinh, đều là do những thứ học thuyết ấy ươm thành! Cõi đời đã loạn đến cùng cực, ai nấy đều lo sợ, muốn cứu vãn thì chẳng thể không noi theo đại pháp của đức Như Lai. Do vậy, các nơi đều lập Tịnh nghiệp xã hoặc Cư Sĩ Lâm để đề xướng nhân quả, chuyên tu Tịnh nghiệp.

Trụ Trì Hương Sơn Thảo Am ở Ngô Huyện là đại sư Thanh Thiền và các cư sĩ tại địa phương đã sáng lập Hương Quang Liên Xã từ lâu, nay đặc biệt xây cất năm gian Tây Phương Tam Thánh Điện ở phía Đông thảo am. Những tăng nhân sống trong am suốt năm tu tập, Tăng - tục tham dự liên xã định kỳ cử hành, sắm sửa đầy đủ kinh sách Tịnh tông để mọi người đọc tụng. Ngày Rằm mỗi tháng mọi người đều tụ lại, niệm Phật một ngày, hễ thuận tiện bèn giảng diễn tông chỉ của pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu những người tu

[195] Trần điểm kiếp: Kiếp số nhiều như số vi trần.

trì hiểu thấu triệt tự tâm, chẳng đến nỗi miệng nói cầu sanh Tây Phương mà lòng vẫn nhớ tưởng cõi này đến nỗi công phu sắp thành nhưng vì mắc lỗi hiểu lầm [đến nỗi] mong thoát sanh tử mà vẫn đọa luân hồi! Lại còn chỉ dạy cặn kẽ nhân quả, thuật đủ tội phước.

Phàm những ai tham dự liên xã đều phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện, giữ gìn tám đức "hiếu, đễ, lễ, nghĩa, trung, tín, liêm, sỉ", dốc chí nơi tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", ắt sẽ khiến cho Nho tông nhờ Phật pháp mà được phục hưng, sự giáo hóa của Phật do hàng Nho sĩ mà được truyền rộng rãi, bù đắp thiên kiến "trong lòng sùng phụng, ngoài mặt chống trái", tự lầm, lầm người của tiền nhân, dạy đời sau quy củ rộng lớn "sống trong cõi trần học đạo, tự lập, lập người". Ba người cùng đi ắt có [người] là thầy ta; một ấp mười nhà, ắt có [nhà] trung tín. Ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật. Người ta là trượng phu, mình cũng là trượng phu, chớ nên tự khinh rồi cam phận lui sụt, ngõ hầu chẳng cô phụ Phật tánh sẵn có nơi tâm mình và đại pháp liễu thoát ngay trong đời này! Nguyện khắp những người đến [với liên xã này] đều ghi nhớ chớ quên thì may mắn lắm thay!

8. Bi ký thuật duyên khởi của Tây Phương Điện tại Vô Tích
(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật, là cội nguồn của các pháp, cả phàm lẫn thánh đều được độ, thích hợp khắp ba căn thượng, trung, hạ; Thiền, Giáo, Luật cùng hướng về một đạo, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít nhưng đạt hiệu quả nhanh chóng. Quả thật là con đường tắt cho chúng sanh trong chín pháp giới trở về lẽ chân, thỏa thích bản hoài xuất thế của đức Bổn Sư Thích Ca. Xét từ khi pháp được truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa), Viễn công mở Liên Xã đầu tiên, từ đấy những bậc cao nhân chí hâm mộ Tây Phương ai nấy vâng theo tông phong, sự giáo hóa lan khắp cả nước và các nước ngoài. Tuy hơn một ngàn năm qua không lúc nào chẳng có những tình trạng hưng thịnh hay suy vi, trong tâm chúng sanh vẫn thường giữ lòng thành quy hướng.

Huyện Vô Tích chính là cuộc đất thù thắng nơi Thái Bá, Trọng Ung ẩn mình. Tây Phương Điện là đạo tràng cùng tu cả Phật pháp lẫn thế pháp. Nhằm năm Quang Tự 29 (1903) đời Thanh đã có năm vị ưu-bà-di là Cao Siêu Tắc, Tần Học Tây, Triệu Tịnh Chứng, Đằng Tâm Tịnh, Cố Tịnh Minh, hạnh noi theo ba bà Thái[196], chí mong nơi chín phẩm sen, mỗi người bỏ ra một món tịnh tài là năm trăm đồng, tính dựng tinh xá niệm Phật ngoài cửa

[196] Ba bà Thái chính là Thái Khương (vợ Châu Thái Vương, tức bà nội của Văn Vương), Thái Nhậm (vợ Châu Vương Quý, mẹ vua Văn Vương) và Thái Tự (vợ Châu Văn Vương), ba người đàn bà hiền đức mẫu mực nhất thời cổ.

Tây, [thuộc khu vực đánh số] 22-7 trên bản đồ. Bà Siêu Tắc lại bảo con là Chấn Thục tặng cho [tinh xá] sáu phân năm ly đất nữa để góp thêm vào khoảnh đất do các xã hữu đã chung sức quyên góp tậu được. Bèn dựng đại điện, cửa tam quan, nhà khách, tịnh thất, tổng cộng hơn mười gian, mất ba năm mới xây dựng xong. Phàm tượng Phật, kinh điển, pháp khí trang nghiêm nói chung đều đầy đủ, lại còn định quy ước rõ ràng, ghi chép lại để lưu truyền, vâng giữ. Nếu là hàng phụ nữ quy y Tam Bảo, dốc lòng tu Tịnh nghiệp thì đều có thể tùy hỷ tu trì, đây chính là nơi tiên khởi của liên xã dành cho nữ giới tại Vô Tích vậy.

Thuở đầu, bà Siêu Tắc lòng nhàm chán sanh tử mong mau được liễu thoát, được hai người chú là các tiên sinh Ngưng Phong và Đạo Nam chỉ dạy pháp môn Tịnh Độ, bèn phát tâm kết xã đồng tu Tịnh nghiệp. Lúc ban đầu, lập hội trong Thạch Sư Am; tiếp đó, sáng lập điện này để tự có thể chủ trì được việc này. Tới năm Tuyên Thống thứ hai (1910), bà sắp về Tây, bèn mời khắp các vị hương thân, cao niên, thiện tín hộ pháp đến, giao cho bà Học Tây kế tục đảm nhiệm mọi việc. Nối tiếp bà Học Tây chủ trì đến nay là bà Hiển Trung. Bà Hiển Trung xưa đã gieo huệ căn, hiếu học, chuyên tu, thường nương theo bà Siêu Tắc tu trì tại đây. Gần đây bà lãnh đạo tịnh hữu rất được tiếng khen. Trong điện từ trước đến nay khóa tụng sáng tối, ba thời niệm Phật quy củ nghiêm túc, tu trì tinh tấn, khiến cho kẻ thấy nghe đều sanh lòng chánh tín. Do vậy, [những người] bỏ mê về với ngộ, chuyển tà thành chánh mà chẳng hề hay biết không thể đếm xuể được! Gần đây, liên xã thành lập như rừng, tiếng niệm Phật chở đạo[197] chưa hề [có nơi nào] chẳng phải do điện này phát khởi vậy! Lại ở trước cửa dành ra hai phân năm ly đất, dự tính mai sau sẽ dần dần mở rộng cuộc đất ra.

Hiển Trung do chủ trì đã lâu, bị già - chết bức bách, ý muốn thoái ẩn, hòng chuyên tu Tịnh nghiệp. Do vậy trình bày với Quang về duyên khởi, lai lịch của điện này, cậy tôi viết bài ký. Do vậy, tôi bèn trình bày đại lược sự rộng lớn cao sâu của pháp môn Tịnh Độ, [cũng như] do sự tu trì tinh tấn của mọi người trong điện này nên được thiện tín khâm phục, ngưỡng mộ, hộ trì, nhằm thành tựu đạo tràng thù thắng nhiệm mầu "tu chân ngay trong cõi tục, tự lợi, lợi tha" này, ngõ hầu hết thảy mọi người đều biết "ở ngoài thế giới [giống như] nhà cháy này, vốn có quê hương thanh tịnh yên vui tột bậc", cùng chuẩn bị tư lương Tín - Hạnh - Nguyện để trở về nhà, mong sao đích thân thấy được bậc cha mẹ đại từ bi là A Di Đà Phật, liền được cùng với Phật chứng vô lượng quang thọ. Nguyện ai nấy gắng sức, nguyện mỗi người hãy gắng công lên! (Tam môn chính là ba môn giải thoát Không, Vô Tướng, Vô Tác, nhưng một môn có đủ cả ba nghĩa giải thoát này vậy)

---

[197] Nguyên văn "Phật thanh tải đạo": Dựa theo ý câu "văn dĩ tải đạo" dùng văn chương để chuyển tải đạo lý. Tương tự, tiếng niệm Phật khiến người nghe thức tỉnh, phát khởi thiện căn, mỏng nhẹ phiền não, do vậy, tiếng niệm Phật cũng chuyên chở đạo lý vậy.

9. Bi ký ghi duyên khởi sáng lập chùa Pháp Vân bên sông Tam Xoa tại Nam Kinh

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Như Lai vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện trong cõi đời. Gọi là "đại sự" là vì muốn cho hết thảy chúng sanh đều khai - thị - ngộ - nhập tri kiến Phật, ai nấy đều được thành Phật mới thôi. Do chúng sanh căn tánh lớn - nhỏ khác biệt, nên pháp môn của đức Như Lai có Quyền - Thật bất đồng. Vì vậy, tâm phổ độ chúng sanh của Như Lai chưa được thỏa mãn lớn lao. Bởi thế, đặc biệt mở ra một pháp "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này thoát khỏi cõi khổ này, sanh sang nước vui sướng kia. Bậc thượng căn sẽ mau chứng Pháp Thân, kẻ [căn cơ] trung - hạ cũng đều cùng lên Bất Thoái, khiến cho chúng sanh cùng thoát sanh tử, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai. Lợi ích ấy chẳng thể diễn tả được! Vì thế, pháp này được chín giới hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói, vì pháp này là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Chùa Pháp Vân phỏng theo đạo tràng niệm Phật phóng sanh do chùa Vân Thê đã lập. Nguyên do là vì trong tháng Tám năm Dân Quốc thứ mười (1921), Quang sang Dương Châu để khắc in sách, ông Vương Ấu Nông đi cứu trợ ở Nam Kinh, theo lời ước hẹn đến thăm viếng. Ngày hôm sau đến thăm ông Lưu Viên Chiếu, ông Ngụy Mai Tôn cũng đến gặp, cho biết chính ông ta *"khá tin tưởng Phật pháp, đã từng đọc Văn Sao của thầy, gần đây cũng niệm Phật, nhưng hận rằng nghiệp chướng, tập khí sâu dầy, chẳng thể ăn chay được!"* Quang bảo: *"Bệnh ấy dễ trị, xin hãy đem bài sớ [kêu gọi tu bổ] ao phóng sanh [chùa Cực Lạc] ở Nam Tầm đọc kỹ, đảm bảo ông sẽ ăn chay được!"* Vào tháng Mười, ông ta liền ăn chay trường, lòng đau đáu nghĩ tưởng sát kiếp tràn lan đều do sát sanh ăn thịt cảm thành, nhân đấy bèn miệt mài đề xướng niệm Phật, phóng sanh, mong sao người và vật đều được sống yên vui, đều được vãng sanh Tây Phương. Năm sau, [ông Mai Tôn] cùng với Ấu Nông, Bàng Tánh Tồn, Diệu Liên, Tâm Tịnh v.v… thương lượng mua chừng đó mẫu đất của ông Phương Tuấn Sanh bên sông Tam Xoa để thực hành chuyện ấy.

Ông Tuấn Sanh vốn là con cháu của một gia tộc đời đời đức hạnh, khôn ngăn hoan hỷ, đặc biệt bán giá rẻ, xin đem bài vị tổ tiên cha mẹ thờ vĩnh viễn trong Niệm Phật Đường để mong cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh hòng báo ân cha mẹ. Liền khởi công vào tháng Chạp, đào ao, đắp nền. Năm sau, dựng liên xá[198] và mười mấy căn nhà để sử dụng, đào chín cái ao

[198] Liên xá: Gian nhà để niệm Phật. Do chỉ là một gian nhà tạm thời để niệm Phật nên không gọi là Niệm Phật Đường.

để phóng sanh theo từng loại nhằm tránh cái nạn cá dữ nuốt cá. Năm ấy lại đề xướng lập Cô Nhi Viện nuôi dạy cô nhi để chúng nó học chữ, học nghề hầu có thể tự lập, chẳng đến nỗi lang thang chết đói và trở thành phường không ra gì! Do vậy, xây dựng Cô Nhi Viện trước, còn chuyện dựng chùa sẽ tính từ từ. Do nhiều năm liên tiếp thời cuộc không ổn, nên lần khân mãi đến ngày nay. Ông Đặng Phác Quân và Mai Tôn đều là học trò của ông Phùng Mộng Hoa, lại cùng quy y với Quang, xin ông Phùng và Quang đề tựa cho sổ vàng Bốn Mươi Tám Nguyện nhằm quyên mộ khoản tiền xây dựng Pháp Vân. Phàm những người khác quyên mộ cũng gộp vào trong sổ vàng ấy. Mỗi nguyện là một ngàn đồng, hễ có được bốn năm vạn đồng liền có thể xây dựng. Ghi đến hơn năm chục nguyện, đã giao ra hai vạn hai ngàn bảy trăm bảy chục đồng mà vẫn chưa khởi công, vì thế chẳng quyên góp nữa.

Năm Dân Quốc 19 (1930), ông Phác Quân quy Tây, hai cuốn sổ ấy con ông ta là Hàn Phân giao lại cuốn đầu, cuốn sau bị thất lạc, nên không biết được tên những người quyên mộ, cũng như do có người đã qua đời hay chuyển chỗ ở nên tuy có tên trong sổ cũng khó lòng thâu hết được. Mấy năm qua, khi kinh phí cho Cô Nhi Viện chẳng đủ đã tự tiện dùng tiền lời của khoản tiền ấy [để bù đắp]; vì thế, trọn chẳng tăng thêm được. Năm ngoái, ông Mai Tôn quy Tây, ông Ấu Nông do thấy Quang và ông ta đều là khách chẳng còn ở lâu trong cõi đời này, nếu chẳng gấp rút lo toan, sau này chắc sẽ bị mất tích, bèn quy định biện pháp cho khởi công động thổ, sắm sửa vật liệu, mùa Xuân năm nay sẽ đứng ra đốc thúc xây cất. Gặp đúng lúc chánh phủ cử ông ta làm ủy viên chánh phủ tỉnh Thiểm Tây kiêm nhiệm chức vụ trưởng ty dân sự vụ tỉnh Thiểm Tây, giữ nhiệm vụ trông nom xây dựng, nên mọi việc giao lại hết cho thầy Trụ Trì Tâm Tịnh.

Hơn nữa, việc này do Quang phát khởi nên [thầy Tâm Tịnh] bảo Quang soạn bi ký nhằm thưa với những người thông sáng mai sau. Trong năm Dân Quốc 11 (1922), lúc mua đất, đã bàn bạc quyết định chương trình là đạo tràng chuyên tu Tịnh nghiệp, quanh năm niệm Phật, công khóa mỗi ngày giống như phổ thông Phật thất. Nhất loạt chẳng giảng kinh, truyền giới, truyền pháp, thâu nhận đồ đệ, làm chuyện kinh sám thù tạc. Trụ Trì bất luận Thiên Thai, Hiền Thủ, Lâm Tế, Tào Động, nếu giới hạnh tinh nghiêm, thông hiểu giáo lý, tin tưởng Tịnh Độ sâu xa, chí mong lợi người thì đều có thể mời đảm nhiệm [chức Trụ Trì]. Nếu những mặt khác đều xuất sắc, chỉ có với Tịnh Độ chẳng hề chú ý thì quyết chẳng thể thỉnh được! Trụ Trì luận theo tuổi hạ, đức hạnh, chẳng luận trên thế hệ truyền thừa, do [theo lệ] truyền hiền chứ không theo lệ thầy truyền cho trò. Trong Niệm Phật Đường, mỗi ngày vị Trụ Trì hoặc người trưởng ban nói về Tịnh Độ và giới luật, khai thị một lần để các sư phát tâm tăng thượng thù thắng. Có vị tín sĩ nào hâm mộ đạo phong nơi này xin mở Niệm Phật Thất để cầu cho cha mẹ được tăng tuổi thọ, cầu siêu linh hồn của tổ tông, tiêu trừ tội khiên do chính bản thân, hoặc vun đắp nền phước cho con cháu thì vẫn cứ niệm Phật như thường lệ, chỉ

thêm vào ba lượt hồi hướng mà thôi! Lễ Diệm Khẩu cũng nhất quyết không thực hiện, nhằm ngăn ngừa hạng Tăng ứng phó thừa cơ ẩn nấp phá hoại đạo tràng[199]. Phàm những ai xin mở Phật thất chỉ được đến một hai người để tỏ lòng kính trọng, lễ bái, nhưng phải ra về ngay trong ngày hôm ấy. Nếu tụ họp bạn bè đông đảo và đem theo quyến thuộc nữ giới trẻ tuổi ở lại cho đến khi viên mãn mới về thì quyết chẳng chấp thuận. Đạo tràng này thực hành pháp môn đặc biệt nên chẳng tuân theo thông lệ đã thành lập. Chương trình ấy đã ấn định ổn thỏa ngay trong lúc mua đất, nhưng trong năm Dân Quốc 15 (1926), tại Linh Nham ở Tô Châu, hòa thượng Chân Đạt khi biến ngôi chùa của mình thành đạo tràng thập phương đã thực hiện quy định này trước hết!

Hiện thời do khoản quyên góp hữu hạn, lại thêm thời cuộc khó khăn chẳng dễ gì quyên mộ, chỉ có cách tốt nhất là thu nhỏ phạm vi để khỏi bị bó tay. Đại điện dựng năm gian lầu cao, phía trên thờ Đại Tạng Kinh bản đời Tống mới được ấn hành và làm chỗ xem kinh. Phía dưới là đại điện, niệm Phật cũng ở chỗ đó. Hai bên đều dựng mười mấy gian để làm nhà khách, nhà kho, nhà bếp, phòng để bế quan. Cửa Tam Quan chính là điện Di Lặc Vi Đà[200]. Phạm vi tuy nhỏ, nhưng nói chung hình thức đầy đủ. Trước đó, đã sắp xếp mười mấy vị tăng thật lòng tu đạo, tích cực tu trì để cầu vận nước tốt đẹp, hưng thịnh, tai họa tiêu diệt, mưa - nắng đúng thời, thiên hạ thái bình. Tất cả việc đả thất hoặc cầu siêu cho vong linh, hoặc cầu thọ, do bài vị được thờ sau khám thờ Phật sẽ được nghe tiếng Phật hiệu suốt năm, giúp ích cho thần thức cũng lớn lắm. Phương danh công đức cho lần xây dựng này được khắc trong một tấm bia khác. Nếu có vị đại công đức chủ [phát tâm hộ trì] thì số người thường trụ nơi đây sẽ được tăng thêm. Kính mong những vị sống trong chùa này đều cùng phát tâm "tự lợi, lợi tha, cùng sanh Tây Phương", ngõ hầu khỏi phụ bạc sự giáo hóa của Phật, chẳng phụ rẫy tánh linh của chính mình, báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi vậy.

---

[199] Do nghi lễ Diệm Khẩu rất phức tạp, bao gồm nhiều lễ nghi, thể loại tán tụng, ấn quyết, cũng như lễ nhạc rất phức tạp, nếu không phải là một vị Tăng được huấn luyện chuyên môn sẽ không thể tham dự vào ban kinh sư để cử hành lễ này được. Chữ "ứng phó" ở đây thường bị đọc trại thành Ứng Phú với ý nghĩa "có khả năng thực hiện các nghi lễ thành thục, thông thạo, đúng cách". Muốn cử hành lễ Diệm Khẩu phải mời những vị Tăng chuyên được đào luyện về khoa Ứng Phú; tuy vậy, trong số những vị tinh thông nghi lễ ấy, không đảm bảo họ sẽ đều là người chú trọng tu trì, giới hạnh tinh chuyên! Nếu thường xuyên cử hành lễ Diệm Khẩu sẽ phải mời những vị ấy đến ở trong chùa. Nếu họ không phải là người chú trọng tu trì, sẽ rất dễ gây xáo trộn trở ngại cho sự thanh tu trong đạo tràng, cũng như khiến cho việc chuyên tu bị xen tạp. Hơn nữa, để cử hành lễ Diệm Khẩu phải tốn nhiều công sức chuẩn bị, rất tốn kém, nếu không mời Tăng bên ngoài thì Tăng chúng bổn tự phải dành nhiều thời gian để tập luyện khoa Ứng Phú cho nhuần nhuyễn nên sẽ xao nhãng việc niệm Phật.

[200] Gọi như vậy vì tầng trên Tam Quan thờ Di Lặc Bồ Tát và đức Hộ Pháp Vi Đà Bồ Tát.

10. Bi ký ghi công đức xây dựng lầu Tàng Kinh chùa Đại Phật Lăng Vân thuộc huyện Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo là đèn đuốc cho đêm dài vô minh, là thuyền bè trong biển khổ sanh tử, không riêng gì người có chí mong đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử phải nên nương tựa, mà ngay cả những ai chuyên tâm nơi "minh đức, thân dân, trị quốc, an bang" cũng phải lấy việc "sáng tỏ diệu lý tâm tánh, nêu rõ sự thực nhân quả" làm một trợ duyên lớn lao cho việc xoay chuyển lòng người, phụ trợ nền bình trị của nước nhà vậy. Vì thế, xưa kia, những bậc lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng trung lòa nhật nguyệt, hạo khí lấp trời đất, phần nhiều do học Phật đắc lực mà ra, không ai chẳng dốc sức nơi trang nghiêm tượng Phật, lưu thông kinh Phật, hộ trì Tăng chúng tu hành, mong cho hết thảy nhân dân đều cùng do Trụ Trì Tam Bảo[201] mà ngộ nhập Nhất Thể Tam Bảo[202], đích thân chứng được Chân Như Phật Tánh sẵn có nơi tâm này. Ở chùa Lăng Vân xưa kia, thế nước chảy xiết[203], thuyền đi ngang bị đụng vỡ gây hại rất lớn. Đầu đời Đường, thiền sư Hải Thông thấy vậy thương xót, muốn tìm cách cứu vớt, che chở, bèn tạc một

---

[201] Trụ Trì Tam Bảo là một trong ba loại Tam Bảo, có tác dụng hiện diện trong cõi thế gian để duy trì Phật pháp, gồm tượng Phật, hình Phật là Phật Bảo, kinh sách là Pháp Bảo, Tăng chúng xuất gia là Tăng Bảo.

[202] Nhất Thể Tam Bảo, còn gọi là Đồng Thể Tam Bảo, Đồng Tướng Tam Bảo. Tuy phân thành ba ngôi, nhưng vốn cùng một thể nên gọi là Nhất Thể. Nếu giải thích chi tiết hơn thì:

1) Luận trên mặt Sự, Phật thể mang ý nghĩa giác chiếu là Phật Bảo. Phật đức mang tác dụng làm khuôn mẫu (quỹ pháp) nên là Pháp Bảo, đã dứt hết những sự tranh cãi, trái nghịch nên là Tăng Bảo. Ba nghĩa này tuy khác, nhưng xét về mặt bản thể của mỗi đức lại chẳng khác nên gọi là Nhất Thể. Đây là giáo nghĩa được tuyên dương bởi các bộ luận Thành Thật, A Tỳ Đàm cũng như các kinh luận Đại Thừa.

2) Luận trên phương diện phá tướng và "bản thể vốn là không" thì Sự tuy có sai khác, nhưng Thể đều không, nên gọi là Nhất Thể. Giáo nghĩa này chỉ hạn cuộc trong giáo pháp Đại Thừa.

3) Luận trên thực tế, tuy Tam Bảo khác biệt nhưng đều lấy thực tánh làm Thể nên gọi là Nhất Thể. Đây cũng là một giáo nghĩa chuyên biệt của Đại Thừa. Hoa Nghiêm Kinh Khổng Mục Chương, quyển hai, giảng: *"Đồng Tướng Tam Bảo nghĩa là đồng một pháp tánh Chân Như, có ba nghĩa khác biệt là giác nghĩa, quỹ pháp nghĩa (khuôn phép), hòa hợp nghĩa, nên gọi là Tam Bảo".*

[203] Chùa Lăng Vân nằm ngay bờ Đông chỗ hai dòng Đại Độ và Mân Giang giao nhau. Núi Lăng Vân có chín ngọn nên còn gọi là Cửu Đảnh Sơn. Từ chùa nhìn sang bên kia sông là thành Lạc Sơn. Vào thời Đường, nơi mỗi ngọn núi đều có chùa, hiện giờ chỉ còn mỗi chùa Lăng Vân. Tượng Phật Di Lặc được đục thẳng vào vách núi trong tư thế ngồi, cao đến 71 mét, vai tượng rộng đến 28 mét. Tượng được tạc từ Khai Nguyên nguyên niên (713) đời Đường Huyền Tông đến năm Trinh Nguyên 19 (803) đời Đường Đức Tông mới hoàn thành, tức là tượng được tạc ròng rã trong chín mươi năm! Tượng này thường được gọi là Lạc Sơn Đại Phật hay Lăng Vân Đại Phật.

bức tượng Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật ngồi trên núi, cao đến ba mươi sáu trượng, [kích thước của] tòa sen Ngài ngồi chẳng tính vào trong [con số ba mươi sáu trượng ấy]. Do nguyện lực của Sư nên cảm được đức Phật rủ lòng Từ gia hộ, nước đổi dòng, chạy sát vào chân núi, nổi lên một bãi cát bồi để người ta có thể sống được [ở đó]. Ý Sư cho rằng ngài Di Lặc là đức Đương Lai Thế Tôn lòng Từ không ai hơn được, tạo bức tượng lớn này chẳng những chỉ muốn cậy vào Phật từ lực để cứu giúp, che chở thuyền bè qua lại mà còn vì mong mỏi sâu xa những kẻ thấy nghe sẽ nạp vào tám thức điền tạo thành một đại nhân duyên hòng trong đời này phát tâm tu trì, vãng sanh Tây Phương, tương lai trở vào Sa Bà phù tá [Di Lặc Phật] trong hội Long Hoa. Sư đến hết đời vẫn chưa hoàn thành được công trình, đến niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường Đức Tông [công trình] mới hoàn thành. Gặp dịp Nam Khang Vương là Vi Cao làm Tiết Độ Sứ[204] Tây Xuyên bèn soạn bi ký, có câu: *"Thân cao ba trăm sáu mươi thước, đầu to chừng đó thước, mắt rộng hai trượng, những tướng hảo khác mỗi mỗi đều xứng hợp. Đây chính là tượng Phật lớn nhất nước ta. Nhưng Pháp Thân thật sự của Phật trọn khắp pháp giới, còn thân ứng hóa biến hiện thì mênh mông chẳng nhất định"*. Năm Dân Quốc thứ 9 (1920), ông Trang Tư Giam ở Thường Châu triều bái Phổ Đà, đem theo ba bức "mễ Phật" (tượng Phật hiện trên hạt gạo) đưa cho xem. Những tượng ấy trang nghiêm vi diệu, cả cõi đời không thể sánh bằng, ấy chính là tượng đứng do thiên nhiên tạo thành, dưới hạt gạo vẫn còn vòng cám. Hễ ai thấy nghe đều cảm kích ân Phật.

Đối với những đế lý được nói trong kinh Phật, cố nhiên chẳng dễ gì tỏ rõ, nêu được những điều quan trọng là Luận. Tứ thánh, lục phàm, nhân quả của mười pháp giới vốn trong một tâm. Đối với bản thể của tâm, phàm - thánh chẳng hai, chúng sanh và Phật hệt như một, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng, thường hằng khắp xưa - nay, chẳng đổi dời, chẳng biến chuyển, Thể tuy bất biến, Dụng thường tùy duyên. Thuận theo tịnh duyên, do công đức có sâu hay cạn mà có chứng quả Thanh Văn, chứng quả Duyên Giác, chứng quả Bồ Tát, chứng quả Phật sai khác. Tuy Thanh Văn là nhỏ nhất, nhưng đã đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử, thường hưởng pháp lạc, chẳng thọ thân sau nữa. Theo nhiễm duyên, do Hoặc nghiệp nặng hay nhẹ mà có sanh lên đường trời, sanh trong đường người, sanh trong đường A Tu

---

[204] Tiết Độ Sứ là một chức quan được đặt ra vào đời Đường. Thoạt đầu, những vị võ tướng nắm giữ binh quyền ở một Đạo (tương đương với tỉnh bây giờ) được gọi là Đô Đốc, chỉ những vị Đô Đốc được vua ban cờ Tiết (một loại cờ hiệu tượng trưng cho uy quyền) mới được gọi là Tiết Độ Sứ. Đến đời Đường Duệ Tông, chức vụ này mới được chính thức thiết lập và phạm vi cai quản của Tiết Độ Sứ được mở rộng, trông coi cả về nội chính lẫn binh quyền trong một Đạo. Các Tiết Độ Sứ cũng thường được phong tước Quận Vương, quyền uy rất lớn, khi chính quyền trung ương suy yếu, các Tiết Độ Sứ thường thừa cơ chiếm đất làm vua một cõi. Do vậy, đến đời Tống, triều đình quy định Tiết Độ Sứ chỉ trông coi về nội chính, không được giữ binh quyền nữa.

La, sanh trong đường súc sanh, sanh trong đường ngạ quỷ, sanh trong đường địa ngục khác biệt. Dẫu trời - người là cao nhất, vẫn là đầy dẫy Hoặc nghiệp, sanh tử luân hồi, thường ở trong tam giới, lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Mười pháp giới ấy do một tâm của chính đương nhân tạo ra, thăng - trầm, khổ - vui khác biệt vời vợi một trời một vực; nhưng thể tánh của cái tâm ấy vẫn thường tự như như, nơi phàm chẳng nhiễm, tại thánh chẳng tịnh. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: *"Nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo"* (nếu ai muốn hiểu rõ hết thảy Phật ba đời, hãy quán tánh pháp giới, hết thảy chỉ tâm tạo).

Do vậy, đức Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật chưa thành, tùy thuận cơ nghi của họ mà trước hết nói Ngũ Giới Thập Thiện thuộc Nhân Thiên Thừa, rồi nói Tứ Đế của Thanh Văn Thừa, rồi nói Thập Nhị Nhân Duyên của Duyên Giác Thừa, rồi nói đến Lục Độ Vạn Hạnh của Bồ Tát Thừa, rồi nói đến phước lẫn huệ cùng trọn vẹn, tịch chiếu cùng dung thông, hết sạch Tam Hoặc, vĩnh viễn mất hai thứ chết, viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ "không có gì để đạt được" của Phật Thừa. Lại nghĩ chúng sanh kém hèn, không cậy vào sức thệ nguyện rộng sâu của Phật Di Đà chắc chắn khó lòng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này được, nên đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu bọn phàm phu đầy dẫy Hoặc nghiệp nương vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Đã được vãng sanh thì Hoặc nghiệp đã hết, đã chứng địa vị thánh, so với những kẻ chỉ cậy vào tự lực thì sự khó - dễ dù hết cả năm cũng chẳng thể nói trọn!

Nhưng pháp môn này chính là nhằm tiếp độ thượng căn, tiếp độ kèm thêm hàng trung - hạ; vì thế, Thiện Tài đã chứng Đẳng Giác, Phổ Hiền Bồ Tát bèn dạy dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật quả, cũng như khuyên khắp các vị Bồ Tát thuộc Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành, bởi đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Đời có những kẻ bẩm tánh thông minh đôi chút thường coi rẻ pháp môn Tịnh Độ, chẳng chịu tu trì, chẳng những tự lầm, lầm người, mà đúng là còn hủy báng Phật pháp nữa! Như Hoa Tạng hải chúng là các vị Đại Sĩ đã chứng Pháp Thân thuộc bốn mươi mốt địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, dùng công đức của mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh Tây Phương hầu mong mau chứng viên mãn Bồ Đề, trở về Phật quả "không có gì để đạt được". Những vị ấy là hạng người như thế nào, chuyện ấy là chuyện như thế nào, ta là hạng người nào mà dám chống đối các vị ấy?

Còn như kinh văn trong giáo pháp của cả Đại Tạng được chia thành ba phần là Kinh, Luật, Luận, nên có tên là Tam Tạng. Tạng có nghĩa là "sâu chắc, u viễn, lấy để sử dụng chẳng bị cạn kiệt!" Nếu đối với mỗi một chữ, một câu mà có thể thâm nhập thì sẽ thông suốt hết thảy pháp, hiểu hết thảy nghĩa. Vì thế, Lục Tổ của Thiền Tông nghe một câu *"ưng vô sở trụ nhi sanh*

kỳ tâm" (hãy không trụ vào đâu để sanh tâm) bèn nối tiếp ngôi vị Tổ; hành nhân Liên Tông thường trì sáu chữ "nam-mô A Di Đà Phật" liền có thể ngay trong đời này sanh về nước Cực Lạc, dự vào hội Liên Trì.

Ba tạng Kinh, Luật, Luận ấy từ Thiên Trúc truyền sang, trong bộ Khai Nguyên Thích Giáo Lục[205] đời Đường đã chép [kinh điển nhà Phật] có đến năm ngàn bốn mươi tám (5.048) quyển. Từ đấy, liên tục dịch thêm cũng chẳng ít, nhưng cũng có những quyển bị thất lạc! Hiện thời, Đại Tạng Kinh đời Thanh (Càn Long Đại Tạng Kinh) từ chữ "*Thiên, Địa, Huyền, Hoàng"*[206] đến chữ *Tất* trong câu *"Tất Thư Bích Kinh*" gồm có bốn trăm tám mươi lăm (485) hòm[207], tức bốn ngàn tám trăm năm mươi quyển. Trước thuật thuộc phương này (Trung Hoa) gồm thích kinh, tông kinh, các sớ luận và truyện ký, ngữ lục v.v… từ chữ *"Thư, Bích, Kinh"* đến câu *"Lưỡng Sớ Kiến Cơ"* mới hết, gồm hai trăm ba mươi chín (239) hòm, tức hai ngàn ba trăm chín mươi quyển, tổng cộng là bảy ngàn hai trăm bốn mươi quyển. Bộ

---

[205] Khai Nguyên Thích Giáo Lục còn được gọi là Khai Nguyên Mục Lục hay Trí Thăng Lục do ngài Trí Thăng biên soạn vào năm Khai Nguyên 18 (730) đời Đường, gồm 20 quyển, nội dung ghi nhận danh mục kinh nhà Phật được phiên dịch sách và những bản chú sớ, ngữ lục được trước tác từ năm Vĩnh Bình thứ 10 (67) đời Hán Minh Đế cho đến năm Khai Nguyên 18 nhà Đường. Đến năm Trinh Nguyên thứ 10 (794) đời Đường, ngài Viên Chiếu lại soạn thêm bộ Tục Biên (thường được gọi là Đại Đường Trinh Nguyên Tục Khai Nguyên Thích Giáo Lục) gồm ba quyển để bổ sung danh mục những kinh điển đã được dịch thêm hay chưa được nhắc đến trong bộ Khai Nguyên Thích Giáo Lục.

[206] Đây là cách đánh số thứ tự các hòm (tức rương hay tráp đựng kinh) trong Càn Long Đại Tạng Kinh dựa theo mỗi một chữ trong Thiên Tự Văn, vốn là một bài văn vần dùng để dạy trẻ học vỡ lòng chữ Hán. Gọi là Thiên Tự Văn vì bài này gồm một ngàn chữ Hán khác nhau. Theo truyền thuyết, để luyện tập thư pháp cho công chúa, Lương Vũ Đế sai Châu Hưng Tự (407-521) soạn ra bài văn này với tên gọi đầy đủ là Thứ Vận Vương Hy Chi Thiên Tự Văn. Thiên Tự Văn bắt đầu bằng câu *"Thiên địa huyền hoàng, vũ trụ hồng hoang, nhật nguyệt doanh trắc, thần tú liệt trương, hàn lai thử vãng"* (trời thẳm sắc đen, mặt đất sắc vàng, vũ trụ rộng lớn vô biên, mặt trời mặt trăng hết vơi lại đầy, tinh tú chi chít trong không trung, lạnh qua nóng đến) rồi kết thúc bằng câu *"Vị ngữ trợ giả, yên tai hồ dã"* (Những trợ ngữ dùng trong câu nói là 'yên, tai, hồ, dã'). Từ chữ Thiên trong câu *"Thiên Địa Huyền Hoàng"* đến chữ Tất trong *"Tất Thư Bích Kinh"* (Tất Thư là sách viết theo lối cổ chép bằng sơn trên các mảnh trúc (vì thuở đó chưa có giấy), Bích Kinh là những kinh điển của Khổng Tử được chôn giấu trong tường khi Tần Thủy Hoàng hạ lệnh đốt sách, chôn học trò) là 485 chữ. Từ chữ Thư trong câu *"Tất Thư Bích Kinh"* đến *"Lưỡng Sớ Kiến Cơ"* (hai ông Sớ Quảng và Sớ Thọ thấy trước nguy cơ bèn cáo lão hoàn hương) là 239 chữ nữa. Chúng tôi dịch những câu này theo cách giải thích của Wikipedia.

[207] Nguyên văn là "hàm", tức gọi tắt của chữ "hàm quỹ", một loại rương nhỏ để tăng chúng cất giữ pháp phục, những vật dụng tùy thân nhỏ nhặt, thường để dưới gầm giường. Do đó, tráp đựng sách cũng theo thói quen được gọi là "hàm", ta thường dịch là "hòm". Để tiện phân loại, đánh số, lưu trữ, tìm kiếm, Đại Tạng Kinh được chia thành nhiều hòm (mỗi một hòm như vậy là mười quyển, giống như hình thức chia thành từng tập (volume) hiện thời). Do khổ giấy khi xưa khá hẹp, mỗi quyển như vậy thường có từ 30 đến 40 trang, in cả hai mặt giấy, mỗi mặt thường từ 10 đến 20 dòng, mỗi dòng từ 10 đến 12 chữ (tùy theo khổ chữ).

này được khởi công khắc từ tháng Hai năm Ung Chánh mười ba (1735) đến ngày Rằm tháng Chạp năm Càn Long thứ ba (1738) mới hoàn thành.

Bậc thượng căn lợi trí đối với mỗi chữ một câu trong những kinh này, nếu tâm hồn thông hiểu liền có thể tự lợi, lợi tha, tự lập, lập người. Tiếp đó lại chí thành, khẩn thiết thọ trì, đọc tụng, y giáo phụng hành, hiểu nhân quả, rõ tội phước, dùng thân xướng suất người khác, ngõ hầu hết thảy mọi người nhìn vào bắt chước làm lành thì đối với pháp môn, đối với xã hội đều có lợi ích. Nếu hoàn toàn chẳng có ý niệm cung kính, chỉ cầu đa văn, hoặc lầm lạc dùng ý kiến ức đoán để luận định nghĩa lý sâu xa trong kinh thì tuy là nhân lành lại chắc chắn chuốc lấy quả ác! Nguyện những người đọc ai nấy hãy gắng công!

Trụ Trì chùa Lăng Vân là hòa thượng Quả Tĩnh đã muốn cung thỉnh Đại Tạng từ lâu, để những người có đại chí trong hàng Tăng - tục đều được nghiên cứu, xem đọc, nhưng lầu chứa kinh chưa xây, thỉnh về sẽ không có chỗ để. May sao năm Dân Quốc 18 (1929), pháp sư Vinh Nham cùng cư sĩ Vương Húc Đông đến chùa vãn cảnh, nhân đó nói chuyện thỉnh kinh cần phải dựng lầu, hai vị liền khẳng khái mỗi người giúp năm trăm đồng. Do vậy, bèn dốc hết sức lo toan, nung ngói, mua gỗ, khởi công từ tháng Giêng năm Dân Quốc 23 (1934) đến tháng Tư năm nay mới hoàn thành. Lầu ấy gồm bảy gian, cao năm trượng sáu thước, hai bên lầu dựng năm gian nhà mỗi bên để làm chỗ nghỉ ngơi cho người đọc kinh. Đã lên Bắc Bình[208] thỉnh kinh, trước khi kinh về tới, đã sai Quang soạn bi ký về việc xây dựng lầu tàng kinh; do vậy bèn viết đại lược về nguyên do lập chùa và những nghĩa trọng yếu của Đại Tạng cùng số hòm, số quyển để những bậc thông sáng đời mai sau đều thấu hiểu cặn kẽ. Kính mong nền tảng đất nước vững bền, đạo bình trị hưng thịnh, Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường chuyển, đàn-việt tín chủ hưởng phước, tăng chúng an hòa, binh đao vĩnh viễn chấm dứt, mưa gió thuận thời!

11. Bài ký về việc trùng tu tháp viện của Đại Từ Lão Nhân

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Xem rộng khắp những bậc anh hiền lỗi lạc xưa nay, tài năng tót vời, tại gia thì lập đại công, dựng đại nghiệp, thờ vua giúp dân, nêu gương cho hậu thế, xuất gia thì triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, dạy dỗ lợi lạc trời - người, nối tiếp huệ mạng của Phật thì đều là do đức hạnh cao đẹp của ông bà cha mẹ cảm thành. Nếu không, làm sao sanh được con cháu hiền tài siêu quần bạt tụy, giúp đỡ hết thảy như vậy được ư? Người ta chỉ thấy quốc sư Ngọc Lâm đạo đức cao vời, ngộ chứng sâu thẳm, trên cảm động cửu trùng[209],

---

[208] Bắc Bình là tên gọi của Bắc Kinh trong khoảng thời gian từ 1928 đến 1949.

[209] Cửu trùng (chín tầng, chín bệ) chỉ hoàng đế. Theo Dịch học, từ Hà Đồ và Lạc Thư, những con số thuộc về Trời là 1, 3, 5, 7, 9. Như vậy 9 là con số Dương lớn nhất. Vì thế,

dưới hóa độ tứ chúng, Phật tổ, tâm ấn, đại pháp chiếu khắp nhân quần, sống tươi chết héo[210], khuôn mẫu tốt đẹp lưu lại đời sau, chẳng biết đấy đều là do ông nội và cha mẹ Ngài đã giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, lợi người giúp vật, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành, dạy người mà ra!

Xét ra, Sư có họ ngoài đời là Dương, thuộc dòng vọng tộc ở Diên Lăng (thuộc tỉnh Thiểm Tây), đời nào cũng có người hiển đạt, cha húy là Phương, tuổi ngoài ba mươi vẫn chưa có con. Người trong họ là Dương Hưng bị thổ hào[211] vu hãm, sắp đến nỗi phải chết. Ông nội Ngài bảo cha Ngài vào triều kêu oan, quan liền thả Dương Hưng, đánh đòn thổ hào. Thổ hào ôm hận, không lâu sau, trong ấp bắt được kẻ gian, giải lên quan xét án. Gã thổ hào thừa dịp ghi tên ông nội Ngài vào sổ, quan xét án rất nghiêm khắc, tàn khốc, truyền bắt giữ khẩn cấp. Chú Ngài và cha Ngài tranh nhau chịu tội thay, cha Ngài không chịu liền tự đi. Quan xét án rất ghét kẻ chịu tội thay, dùng hình phạt quá đáng để giết chết. Ngày hôm ấy đã giết chết liên tiếp mấy người rồi. Đến phiên cha Ngài liền gào to: "Tôi chịu đòn thay cho cha tôi", quan xét án nghe tiếng cảm động vô cùng, xét hỏi cặn kẽ, biết là bị vu cáo bèn thả ra.

Tháng Tư năm ấy, tức năm Giáp Dần thuộc niên hiệu Vạn Lịch 42 (1614) đời Minh, liền sanh ra Sư. Lúc sanh, bà mẹ là Mậu Thị mộng thấy Quán Âm ẵm một đứa bé trao cho, liền sanh ra Sư. Thêm nữa, cha mẹ Sư thường giảm bớt sự chi tiêu của chính mình để mua những con vật đem phóng sanh. Cha mẹ Sư hiếu hữu nhân từ như vậy đó! Năm sau, cha Sư quy y với đại sư Liên Trì, có pháp danh là Quảng Phức, cũng xin quy y cho Sư, được pháp danh là Đại Tiềm. Đến năm mười hai tuổi, lúc cha Sư sắp mất, bèn đối trước tượng ngài Liên Trì, cầu cao tăng thay mặt [cho đại sư Liên Trì] xuống tóc, thuyết giới [cho cụ]; nửa tháng sau cụ mất. Năm mười chín tuổi, Sư lễ ngài Khánh Sơn xin xuất gia. Chưa đầy hai năm đã đại triệt, ngài Khánh Sơn rất coi trọng, dặn dò Sư hãy xuống tóc, thuyết giới cho mẹ, đặt pháp danh là Thông Quang. Năm Sư hai mươi hai tuổi, ngài Khánh Sơn thị tịch tại chùa Báo Ân, Sư giữ tâm tang hầu hạ bên khám thờ đồng thời lo liệu việc trong chùa. Năm sau, Tăng - tục thỉnh Sư kế nhiệm, trăm điều đã bỏ phế đều được tiến hành, tông phong chấn hưng lớn lao.

Năm hai mươi chín tuổi, tuân theo di mạng của ngài Khánh Sơn, Sư thay ngài Khánh Sơn xuống tóc, thuyết giới cho mẹ, lại đón về chùa Báo Ân, dựng nhà tranh để phụng dưỡng suốt đời, gọi là Đại Từ Lão Nhân. Bà cụ chuyên tu Tịnh nghiệp, kiêm tu tham cứu, liền được đại ngộ. Mười một năm

---

con số 9 được dùng để tượng trưng cho ngôi vị cao cả nhất, sáng đẹp nhất. Do vậy, nhà vua được gọi là Cửu Trùng (chín bậc). Từ ý nghĩa này, những hào dương trong quẻ Dịch cũng được gọi là Cửu.

[210] Đây là một cách nói thông dụng trong Phật môn Trung Hoa ngụ ý sống chết thuận theo lẽ tự nhiên, thung dung tự tại, như cây cỏ đã chết thì phải khô héo, hễ còn sống thì tươi tốt.

[211] Thổ hào: Kẻ có thế lực tại một địa phương.

sau, tức năm Sư bốn mươi tuổi, nhằm năm Thuận Trị thứ mười (1653) đời Thanh, Đại Từ Lão Nhân thị tịch, thọ bảy mươi mốt tuổi. Sư ở trước khám thờ ngồi xếp bằng trên mặt đất suốt bảy ngày đêm, chẳng đụng đến một hạt gạo! Một thị giả đứng cạnh Sư suốt bảy ngày đêm đến nỗi chân và đầu gối nước vàng chảy ròng ròng, vẫn chẳng tạm rời đi. Đại chúng chùa Báo Ân thấy Sư đau buồn quá mức, muốn khích cho Sư ăn uống liền niêm phong nồi, đóng chặt bếp. Sư nghe [nói như vậy] liền húp cháo, bảo mở nồi ra. Sư đã xuất gia còn đau buồn như thế, hiếu tử trong thế gian cũng chẳng hơn được! Nhưng Sư làm cho mẹ ngộ đạo thì hiếu tử trong cõi đời có ai làm được như vậy đâu? Sư nghĩ đến ân của phụ sư, mẫu sư[212] tính tìm một cuộc đất thích hợp để an táng hòng báo ân sâu dưỡng dục, dạy dỗ. Tìm được một cuộc đất ở Ngữ Sơn bèn dời quan tài cha về chôn tại đó.

Đến năm Thuận Trị 15 (1658), đạo phong thấu đến bề trên, tháng Chạp sứ giả cầm chiếu đến triệu Sư về kinh lập tức. Sư lấy cớ sắp dựng tháp chôn mẹ để từ tạ, [vua xuống] chiếu rằng: "Đợi khi gặp Sư hỏi đạo xong liền đưa Sư về núi chôn mẹ, quyết chẳng giữ lâu". Tháng Ba năm sau, Sư lên kinh đô chầu vua, vua dùng lễ đãi Sư như thầy, phong hiệu là Đại Giác Phổ Tế Năng Nhân Quốc Sư. Đến tháng Tư, Sư từ tạ chốn cung khuyết trở về Nam, tìm được miếng đất phía sau chùa Tạng Hải ở Ngu Sơn bèn dựng tháp cho Đại Từ Lão Nhân, nhân đó lập ra chùa Tạng Hải, sai đệ tử là Đức Nham Thiệu làm Trụ Trì. Như vậy, nguồn pháp Tạng Hải do Đại Từ Lão Nhân khởi đầu; kẻ làm pháp tự[213] phải quan tâm. Đương thời, xây dựng phức tạp hay giản dị đều thích nghi. Năm tháng lâu sau, lại thêm chiến tranh, nên bị tan nát, còn sót lại một cái tháp, [chứ những thứ khác] đều thành gò hoang hết.

Nay vị Trụ Trì đã về hưu là Giới Công, thấu hiểu sâu xa tấm lòng hiếu thảo của Quốc Sư, đặc biệt trùng tu, dựng lại đình, bia, xây tường vây quanh, cũng dựng lại bia mộ mới, lát con đường đá hơn mười trượng, vun trồng cây cối để lấy bóng mát ngõ hầu những ai sau này đến đây đều biết tới tháp viện của bậc cao ni đắc đạo là Đại Từ Lão Nhân mẹ của quốc sư Ngọc Lâm, do đó sẽ khởi lòng kính ngưỡng, ai nấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, lợi lạc cứu giúp người lẫn vật, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành, dạy người, để mong sanh được đứa con phước đức trí huệ, hễ nghèo túng thì riêng bản thân kẻ ấy tốt lành, làm gương cho cả một làng, một ấp, hễ hiển đạt thì sẽ làm cho người khác cùng thiện, để lợi lạc, cứu giúp khắp bốn biển chín châu! Do vậy, soạn bài ký.

Hơn nữa, khi Quang mới xuất gia, thấy các vị thiền tăng khắp Nam Bắc lên núi triều bái, tụ tập bàn đến chuyện Ngọc Lâm Quốc Sư tâm liền khinh thường họ, cho là những hạng tăng nhân này không những chẳng biết tâm

---

[212] Do cha mẹ ngài Ngọc Lâm đức hạnh, nhân từ; nhân cách cao đẹp của ngài Ngọc Lâm do cha mẹ uốn nắn hình thành nên họ vừa là cha mẹ vừa là thầy của ngài Ngọc Lâm. Vì thế, tổ Ấn Quang mới dùng chữ "phụ sư, mẫu sư".

[213] Người nối dòng pháp, tức môn nhân đệ tử.

tướng của Phật, Bồ Tát mà cũng chẳng biết tâm tướng của thánh hiền thế gian, chỉ dùng tri kiến của bọn vô lại đầu đường xó chợ bịa đặt đồn đãi để vu báng, miệt thị cổ đức, tội cùng cực đến đâu! Về sau, đọc Niên Phổ của Quốc Sư thì những gì bọn họ đã nói ngay cả một câu cũng không có, mà những điều chép trong Niên Phổ bọn họ cũng chưa hề nghe thấy một câu nào! Do vậy, biết những lời nói lưu truyền trong cõi tục chẳng đáng tin tưởng! Kính mong bậc quân tử hiểu lý đừng coi những lời lẽ đó là chuyện thật, rồi vì đó mà coi thường cổ đức, khinh miệt Phật pháp thì sẽ tự gieo được thiện căn sâu dầy, được gội pháp trạch lớn lao vậy!

12. Bi ký về việc chùa Bích Sơn núi Ngũ Đài được thảo am Quảng Tế tiếp pháp thành tựu[214], vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Trộm nghĩ phàm phu đầy dẫy triền phược lấy mê nhiễm làm căn bản để thọ sanh, bậc Pháp Thân đại sĩ dùng bi trí làm nguồn ứng hóa. Vì thế, đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ta đạo chứng Lưỡng Túc[215], đức trỗi Thập Địa, thành Chánh Giác đã lâu, an trụ Tịch Quang, do Bi nguyện rộng sâu nên chẳng động Chân Tế mà hiện thân trong các cõi nhiều như vi trần. Trong thế giới này, ngài thị hiện làm Bồ Tát, dùng sức đại trí phù tá Thích Ca, thị hiện ứng hóa tại núi Thanh Lương như trong kinh Hoa Nghiêm đã báo trước. Vì thế, khi đại pháp được truyền sang phương Đông, [Ngũ Đài] liền được khai sơn, từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân hoằng dương pháp hóa, lợi ích quần manh. Từ đời Hán đến nay, tiếp nối chẳng dứt. Đến khoảng niên hiệu Thành Hóa[216] đời Minh, có thiền sư Cô Nguyệt Tịnh Trừng[217] Thiền lẫn Tịnh đều đạt đến tột bậc, tiếng tăm đạo hạnh nhân đấy vang dội. Vua đất

---

[214] Chùa Bích Sơn suy vi sắp vỡ nợ, các vị Hằng Tu, Thừa Tham, Quả Định thương xót, sát nhập chùa Quảng Tế vào Bích Sơn để đứng ra chấn hưng, trang trải nợ nần. Do các vị này không thuộc sơn môn chùa Bích Sơn mà lại đứng ra tiếp nhận nhằm chấn hưng chùa Bích Sơn ngõ hầu môn hộ Bích Sơn được tiếp tục tồn tại nên gọi là "tiếp pháp thành tựu".

[215] Lưỡng Túc: Trí huệ và phước đức đều trọn đủ, tức đã thành quả vị Phật.

[216] Thành Hóa là niên hiệu của Minh Hiến Tông, thời gian kéo dài từ 1465 đến 1487.

[217] Cô Nguyệt Thiền Sư: Hành trạng của vị này không được biết đến nhiều, theo Thích Giám Kê Cổ Lược Tục Tập quyển 3 và Ngũ Đài Sơn Danh Tăng quyển 5 thì Cô Nguyệt thiền sư húy Tịnh Trừng, người Yên Đô, họ Trương, cha mẹ mất sớm, tham học với Nguyệt Khê lão nhân, đắc ngộ, nghe tiếng pháo trúc hốt nhiên tâm rỗng không. Thoạt đầu Sư học kinh giáo, kiêm chuyên tu Niệm Phật tam-muội. Lại đến tham học với ngài Vân Cốc, được giao phó y bát. Khi thầy mất, Sư gặp được ngài Thanh Thiện chùa Thọ Ninh ở Ngũ Đài bèn theo đến Ngũ Đài nhập chúng, đổi tên là Tịnh Trừng. Tại Ngũ Đài sau khi đắc ngộ do tu tập Thiền Quán, Sư vào Tuyết Sơn tại Tứ Xuyên khổ công tu Thiền, đến năm Thành Hóa nguyên niên (1465) mới trở về Ngũ Đài và dựng chùa Bích Sơn. Trước tác có bộ Thanh Lương Ngữ Lục được lưu truyền trong cõi đời.

Đại[218] là Thành Luyện thờ Sư làm thầy, dựng chùa ở Hoa Nghiêm Cốc để cung phụng, xin được vua xuống chiếu ban biển tên Bích Sơn Phổ Tế Thiền Tự, pháp đạo hưng thịnh lớn lao, tông phong rạng rỡ. Đầu đời Thanh, thiền sư Uẩn Chứng Như Bích trụ trì chùa này, lâu dần được vua quan tôn kính. Đầu thời Khang Hy, đổi tên chùa thành Hộ Quốc. Đến cuối đời Thanh, bậc triết nhân đã khuất, chùa khá điêu linh.

Năm Quang Tự 32 (1906), hai Sư Thừa Tham, Hằng Tu đến núi triều bái các Đài[219], thấy trên đảnh các Đài chỉ có nhà đá, trọn chẳng có Tăng ở. Phàm những người triều bái các Đài khát không có nước uống, đói không có gì để ăn, mệt không có chỗ nghỉ, liền phát đại tâm, dựng một am tranh nơi đảnh Bắc Đài, đặt tên là Quảng Tế, chuyên làm chỗ nghỉ ngơi, ăn uống cho người triều bái các Đài, tùy sức kết duyên hòng lợi lạc hết thảy Tăng - tục trong ngoài nước. Dân Quốc thành lập, Tăng chúng chùa Bích Sơn không thể duy trì được, ruộng đất đã cầm cố gần như hết sạch. Thừa Tham, Hằng Tu, Quả Định nhập tịch chùa Bích Sơn, xưng danh [thảo am Quảng Tế] là Đông Phòng. Thừa Tham đổi tên là Xương Thừa, Hằng Tu đổi tên là Xương Hằng, Quả Định đổi tên là Long Quả, đó gọi là "tiếp pháp thành tựu". Do vậy, tận lực quyên mộ duy trì đạo tràng, kiến thiết thảo am hòng tiếp đãi thập phương Tăng chúng, dốc hết sức cúng dường. Từ đấy trở đi, mùa Xuân mở niệm Phật thất, mùa Hè giảng kinh, Thu - Đông thì mở thất tọa hương đả tịnh[220] để trọn hết bổn phận của chính mình cầu chúc quốc dân. Xây cất thêm thiền đường, liêu xá[221], tính khôi phục lại quy mô cũ, tiếp nối vĩnh viễn Tổ đăng. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), quyên tiền chuộc lại nhà đất thuộc hai viện Đông, Tây. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), chuộc lại ruộng lúa mạch ở thôn chùa Quang Minh thu tô được bốn mươi thạch[222] để làm cái ăn cho Tăng chúng.

Trong hai năm Dân Quốc thứ chín và thứ mười, hai vị Thừa Tham, Hằng Tu nối nhau viên tịch. Môn nhân nối pháp là Quả Định tuân theo di mạng,

---

[218] Đất Đại chính là Đại Quận, thuộc lãnh thổ nước Đại thời Chiến Quốc, nay thuộc huyện Cao Dương tỉnh Sơn Tây. Châu Thành Luyện được phong tước vương và được ban thái ấp ở đất Đại nên gọi là Đại Vương, vương hiệu đầy đủ của Thành Luyện là Đại Huệ Vương.

[219] Ngũ Đài gồm có năm ngọn, danh xưng mỗi ngọn đều có chữ Đài vì đảnh núi bằng phẳng, rộng rãi như một cái đài. Do đó, người lên tận các ngọn để lễ bái gọi là "triều đài".

[220] Tức thiền thất, do trong các tùng lâm xưa, mỗi khóa ngồi thiền sẽ chừng khoảng thời gian cháy hết một cây hương lớn (từ 45 phút đến một tiếng đồng hồ) nên gọi là "tọa hương đả tịnh".

[221] Phòng ở của Tăng gọi là liêu. Liêu xá là tên gọi khác của Tăng đường.

[222] Thạch là đơn vị đo lường thời cổ, có hai đơn vị:

1) Nếu là đơn vị đo dung lượng, một Thạch là 100 lít.

2) Nếu là đơn vị đo trọng lượng thì một Thạch là 71 kg.

Không rõ ở đây dùng Thạch theo nghĩa nào. Nếu theo như kiểu người Việt thường đong lúa bằng giạ thì Thạch sẽ được hiểu theo nghĩa thứ nhất.

gắng sức duy trì, được các vị đại hộ pháp, chư sơn trưởng lão ra sức nâng đỡ, xây dựng thêm nhà cửa hơn ba mươi gian nữa, in thêm tạng kinh, trồng trọt cây cối, sửa chữa ngòi nước từ thôn chùa Quang Minh chạy thẳng đến bên trong chùa Bích Sơn, lại tu bổ đập đá bên sông để ngừa nước ngập làm hại hoa màu. Các chùa Nam - Bắc, các vị đại cư sĩ do thấy chùa Bích Sơn đã là thập phương thường trụ, mọi người đều tán thành là hợp lý, trình công văn lên chánh phủ, ra cáo thị, lập hồ sơ ngõ hầu vĩnh viễn không bị suy sụp, mọi người cử Mã Ký Bình, Uông Đại Tiếp làm đại biểu, pháp sư Đế Nhàn và các vị thuộc hội Duy Trì Phật Giáo tại Thượng Hải như ông Trình Tuyết Lâu v.v… gởi thư xin Diêm Đốc Biện[223] tỉnh Sơn Tây ủng hộ. Do vậy, Tổng Tham Nghị Trưởng[224] là Triệu Tải Văn ủy cho hội trưởng pháp giới tỉnh Sơn Tây là hòa thượng Lực Hoằng cùng các hội viên lên núi vào tháng Năm năm Dân Quốc 16 (1927), mời chánh phó hội trưởng của Tăng chúng trong núi này, khu trưởng, hội trưởng thương hội, những người có danh vọng trong giới Tăng - tục thuộc mười ngôi chùa lớn, cùng bàn định: Chùa Bích Sơn mắc nợ quá lớn, không có người gánh vác, sẽ do Đông Phòng là Thảo Am Quảng Tế đứng ra trả thay món nợ hơn một vạn bảy ngàn bảy trăm đồng. Tất cả điện, phòng, ruộng đất của Bích Sơn vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ, không chấp thuận cho thâu nhận đồ đệ để khỏi bị cái họa chôn vùi Tổ đức, làm nhục Phật môn.

Vào ngày 29 tháng Bảy năm Dân Quốc 17 (1928), cùng với đại chúng trả món nợ do sư Long Phước đời Thanh đã thiếu bên ngoài gồm hơn một vạn bảy ngàn bảy trăm đồng. Những bằng khoán ruộng đất nhà cửa do Long Phước đã đem cầm cố trước kia đều thâu hồi để giữ vĩnh viễn. Hội Phật Giáo tỉnh Sơn Tây đại diện trình lên chánh quyền tỉnh và huyện để lập hồ sơ, ra thông cáo, ngõ hầu mọi người đều biết chùa Bích Sơn vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ, chỉ chuyên tâm tu hành, tu trì Tịnh nghiệp, sẽ thấy trong hang Sư Tử trọn chẳng còn có loài thú khác, trong rừng Chiên Đàn, vĩnh viễn mất giống Y Lan[225], gắng sức kế tục đạo của Cô Nguyệt thiền sư,

---

[223] Đốc Biện là một chức quan đã có từ thời nhà Thanh. Khi Khang Hy dẹp yên được Thiên Địa Hội, thâu phục Đài Loan đã đặt ra chức Đài Loan Phủ Đốc Biện Khẩn Đại Thần với nhiệm vụ cai quản dân chúng Đài Loan và trông nom việc khẩn hoang nhằm phát triển Đài Loan. Đến năm 1895, khi nhà Thanh suy yếu, để mất Đài Loan vào tay Nhật Bản, chức quan này bị bãi bỏ. Đến thời Dân Quốc, tướng lãnh quân phiệt họ Diêm chiếm cứ Sơn Tây, tự xưng là Đốc Biện. Các tướng quân phiệt khác cũng thích xưng là Đốc Biện.

[224] Dưới thời Minh và Thanh, Tham Nghị là chức quan giúp việc cho quan Thông Chánh Sứ Ty, tức một chức quan giúp việc hành chánh, chuyên giảo duyệt công văn tường trình lên nội các. Đến thời Dân Quốc, chức Tổng Tham Nghị Trưởng tương đương với Đổng Lý Văn Phòng.

[225] Y Lan (Eranda) có nghĩa là cây cực thối, là một loại thực vật thuộc họ Bế Ma (Thầu Dầu), mùi thối nồng gắt, hạt có dầu, thường được ép và tinh chế thành dầu Thầu Dầu.

hòng an ủi tấm lòng của Văn Thù đại sĩ thì một phen khổ tâm nâng đỡ, thành toàn của hết thảy Tăng - tục mới chẳng trở thành luống uổng! Phàm những ai sống tại đây ai nấy đều nên gắng sức lên!

13. Bi ký thuật duyên khởi hạ viện Linh Nham Sơn Tự lập thêm hội phóng sanh bên ao phóng sanh

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Đức lớn của trời đất là Sanh, gốc lớn của nhân dân là Thiện. Sanh thì thực vật, động vật đều sanh thành, Thiện thì yêu người thương vật đều cùng thực hành. Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt của ta, loài vật giống như ta. Nếu chẳng khiến cho dân lẫn loài vật được sống yên vui, làm sao hợp lòng trời? Muốn cho quyến thuộc cõi trời thường rủ lòng thương xót, hãy nên gấp rút chú trọng nơi lòng nhân ái. Được như thế, mưa gió sẽ đúng thời, thóc lúa trúng mùa, nhân dân yên vui, thiên hạ thái bình. Dù chỉ luận về phương diện cá nhân thì cũng được nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước tăng, sống dự vào bậc thánh hiền, mất sẽ lên cõi Cực Lạc.

Khu vườn ao phóng sanh tại cầu Hổ Gầm ở Tô Châu vốn do hội Cứu Giúp Loài Vật phân hội Tô Châu sáng lập. Năm Dân Quốc 24 (1935), tặng cho Linh Nham Sơn Tự làm Hạ Viện. Giám viện là thầy Diệu Chân do được tặng hậu hĩ như vậy càng ra sức tiến hành chuyện phóng sanh để mong người có lòng nhân nơi ấy và những kẻ thấy nghe đều hiểu được ý nghĩa phóng sanh, do vậy sẽ kiêng giết bảo vệ sanh vật, ngõ hầu chim - thú - cá - rùa đều sống yên vui, sao cho câu nói *"dân là người ruột thịt, loài vật giống như ta"* chẳng trở thành chuyện nói xuông, mà phong thái yêu người thương vật cũng ngày càng được phát triển!

Do vậy, cùng với những vị thuộc hội Cứu Giúp Loài Vật trước kia như các ông Dương Đạt Toàn, Viên Hiếu Cốc, Tào Tung Kiều v.v… và vị phát khởi lần này là hòa thượng Chân Đạt, cư sĩ Huệ Thường, các vị Tăng - tục tổ chức một hội phóng sanh. Phàm những người gia nhập hội đều nên kiêng giết, ăn chay, lấy thân làm gương thì những người ưa điều lành ai mà chẳng giống như ta, nhìn nhau bắt chước làm lành, hiệu quả rất lớn! Nếu chẳng thể đoạn ngay được thì cũng nên giảm dần dần, giảm đến cùng cực thì sát nghiệp vĩnh viễn chấm dứt. Nếu một người suốt đời chẳng giết thì những sanh mạng được sống sót đã chẳng thể tính được, huống chi là từ một người cho tới mười, một trăm, một ngàn, một vạn người, sẽ trở thành không phóng sanh mà thường hành phóng sanh rộng khắp vậy! Gần đây sát kiếp ngập tràn, hễ giặc cướp kéo đến, dân chúng đều gặp cảnh lầm than, đôi bên chẳng hề biết nhau, vừa thấy nhau liền giết phăng, hoặc đánh đập, tra khảo, nung đốt để lòi ra tiền của. Luận theo cuộc sống hiện thời, quả thật là mắc họa ngang

---

Kinh điển thường ví phiền não với Y Lan, còn Bồ Đề thì ví với Chiên Đàn. Y Lan cũng dùng để ví với những kẻ đầy dẫy tập khí xấu ác.

xương! Nhưng hễ có quả ắt phải có nhân, có nhân ắt phải chuốc lấy quả! Thử nghĩ xem, người đời vì bụng miệng mà giết hại sanh mạng đủ mọi nỗi thảm khốc, ai có thể chịu đựng được? Nhưng do quen thói, chẳng những không sanh lòng thương xót, lại ngược ngạo nẩy lòng vui sướng, đến nỗi tuần hoàn báo đền, trở thành kiếp vận lớn lao này! Chư Phật, Bồ Tát vì cứu sát kiếp mà hiện thân trong dị loại, cũng bị con người giết. Đã giết rồi, thấy các tướng lạ mới biết là do Phật hiện, nhân đấy ai nấy đều kiêng giết. Trong năm Dân Quốc 20 (1931), Quang từng vì ông Lưu Công Lỗ ở Quý Trì (thuộc tỉnh An Huy) viết bài tán làm lời bạt cho bài ký [về chuyện] tượng Phật hiện trên răng hàm lợn như sau:

Hết thảy chúng sanh, đều có Phật tánh. Do mê trái nên đánh mất lẽ chánh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cái thân mình. Sát nghiệp đã kết, trải nhiều kiếp giết lẫn nhau. Đức Như Lai thương xót, bèn làm thuyền từ, khơi mở giáo huấn lớn lao về lòng Từ. Người ta vẫn không tin nên Phật bèn đặc biệt hiện hình dáng để mong chúng sanh tùy thuận [lời Phật dạy]. Vỏ nghêu sò, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm rùa, đều có hình Phật ngự [trong ấy]. Có người họ Chức vào đời Tống giết lợn quăng đầu, chó giữ bốn ngày chẳng dám táp. Đuổi chó chẻ xương, trên răng hàm lợn hiện hình Phật. Mắt biếc, búi tóc xoắn ốc, nghiễm nhiên là bậc Đại Giác. Trước khi chưa giết, [mọi người] đều nói là "súc sanh", đã giết xong mới biết là Phật. Do vậy, biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật, dẫu chẳng phải do Phật hiện cũng là vị lai Phật. Giết để ăn thịt, tội quá non biển! Hãy gấp đau đáu ngăn dè, hòng được giải thoát! Anh em họ Triều làm văn tán dương, nghĩa lý uyên thâm, văn từ sáng đẹp, ông Thiên Trì biên chép, các vị đề tựa, viết lời bạt, để làm bài cảnh sách vĩnh viễn nhằm khơi gợi hậu giác. Đã hiểu nghĩa này, ai dám giết chóc? Tranh thành, giành đất sẽ chấm dứt ngay. Ông Lưu ở Quý Trì, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, bảo tồn sách của ông Từ, lời đề tựa, lời bạt đều phù hợp, sai con là Công Lỗ đem đưa cho xem, kính viết mấy lời tỏ bày chí hướng của tôi. Nguyện kẻ thấy nghe sẽ ăn chay kiêng giết, chắc chắn trong đời này sẽ về Cực Lạc"

Lời bạt này tuy văn từ thô thiển, nhưng cũng có thể [làm cho] người xem sanh lòng cảm động. Kính sao lục nguyên văn để mong dứt diệt si tâm của kẻ ham giết ăn thịt, phát khởi thiện niệm kiêng giết ăn chay. Phật, Bồ Tát hiện thân trong dị loại để dứt sát kiếp cho cõi đời, thấy trong khắp các sách vở. Đọc phần Hiện Tướng Trong Loài Vật của sách Quán Âm Bổn Tích Tụng sẽ biết được đại khái. Do đức Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật nên chẳng nỡ tàn sát lẫn nhau, [kẻo bị] vĩnh viễn chìm đắm trong ác đạo. Đây chính là những thứ biến hiện khiến cho con người thấy nghe mà kinh sợ, chẳng thể không suy nghĩ cặn kẽ sâu xa ư?

14. Bi ký về việc Linh Nham Sơn Tự xây dựng tháp Phổ Đồng cho tứ chúng

(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Con người sống trong thế gian thật giống như huyễn hóa, dẫu thọ trăm tuổi cũng chỉ là một khoảng khảy ngón tay. Lúc sanh ra cũng tùy theo túc nhân (nhân trong đời trước) mà đến, lúc chết cũng tùy theo hiện nhân (cái nhân trong đời này) mà đi. Dẫu sẵn đủ Phật tánh thường trụ bất biến, tịch - chiếu viên dung, nhưng do mê chưa ngộ nên ngược ngạo nương vào sức công đức của Phật tánh ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp luân hồi sáu nẻo, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Đức Như Lai thương xót nên khi họ còn sống bèn dạy tu tịnh hạnh để mong bỏ mê về với ngộ, lìa vọng theo về chân ngõ hầu khôi phục Phật tánh sẵn có, sau khi chết bèn hỏa thiêu thân xác nhằm chỉ rõ sáu Trần không có Thể, năm Uẩn đều là không, đích thân chứng được diệu tâm thường trụ. Ở Tây Vực có bốn cách an táng:

1) Một là thả trôi trong nước, tức là bỏ trong các sông rạch cho cá, rùa ăn.

2) Hai là hỏa thiêu, dùng lửa đốt xác ngõ hầu phá được Ngã Chấp.

3) Ba là chôn xuống đất, tức vùi kín trong huyệt để [thân xác] khỏi bị phơi bày. Nước ta thường chú trọng chôn xuống đất; nhưng biển dâu biến đổi, đường đất nhiều lượt thay đổi, đào mộ lộ xương, thảm thương tột cùng!

4) Bốn là thi lâm (rừng thây), tức bỏ xác trong rừng cho chim thú ăn. Nay tại Ngoại Mông Cổ[226], bỏ xác trong đồng hoang để nuôi chim, thú.

Từ khi Phật pháp truyền sang phương Đông, Tăng chúng đều [an táng theo cách] hỏa thiêu. Những bậc cao nhân thông đạt, sùng tín Phật pháp đời Đường đời Tống cũng thường dùng cách này vì Phật pháp trọng thần thức, chỉ sợ đắm chấp thân xác, chẳng thể giải thoát được! Thiêu đi thì sẽ biết đấy chẳng phải là ta, không còn đắm chấp nữa. Lại vì [người đã khuất] tụng kinh niệm Phật, mong họ chứng được Pháp Thân. Nho giáo trọng hình tích, còn thần thức thăng hay giáng trọn chẳng để ý tới, nên làm quan quách[227] cho

---

[226] Gọi là Ngoại Mông Cổ nhằm để phân biệt với Nội Mông Cổ. Khi người Mông Cổ chiếm Trung Hoa lập ra nhà Nguyên, Hốt Tất Liệt sát nhập đất đai Mông Cổ vào lãnh thổ Trung Hoa. Khi Châu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ) lật đổ nhà Nguyên, người Mông Cổ bị đuổi ra ngoài cửa ải, nhưng các vương hầu, tộc trưởng Mông Cổ gây chiến liên miên với nhau nên càng ngày càng suy yếu, phải dựa dẫm vào thế lực của một sắc dân ngày càng quật cường là dân Mãn Châu. Do ngày càng cường thịnh, dân Mãn Châu đã lần lượt biến các bộ tộc Mông Cổ thành chư hầu của họ. Khi Mãn Châu chiếm được Trung Hoa lập ra đế quốc Đại Thanh, toàn bộ đất đai Mông Cổ một lần nữa lại bị sát nhập vào lãnh thổ Trung Hoa. Ngoại Mông Cổ là vùng nằm gọn trong địa bàn nước Cộng Hòa Mông Cổ ngày nay (đa số là dân Mông Cổ sắc tộc Khalkha), còn Nội Mông Cổ bao gồm phần đất sát với Vạn Lý Trường Thành, có rất đông người Mông Cổ sinh sống, chủ yếu là các sắc tộc Hung Nô, Ô Hoàn, Tiên Ty, Đột Quyết và Đông Hồ (hai tộc này là người Mông Cổ). Khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, Nội Mông Cổ trở thành một đặc khu tự trị với thủ phủ là Hohot.

[227] Quách: Giới quyền quý thời cổ khi mai táng, ngoài quan tài còn thêm một lớp bọc nữa gọi là Quách. Sách Châu Lễ, thiên Địa Quan ghi: *"Bất quyền giả vô quách"* (kẻ không có quyền thế thì quan tài không có quách).

bền chắc để mong xác thân thường còn, chẳng bị biến hoại. Hiện nay, cả nước mở mang đường tàu hỏa, đường xe hơi, đào lên những hài cốt vô chủ nhiều không thể kể xiết, thảm thương chẳng nỡ nhìn! Những bậc cao nhân hiểu biết đều muốn sửa đổi cách an táng. Chùa Thiên Ninh ở Thường Châu có tháp Tứ Chúng Phổ Đồng: Đào một cái huyệt lớn, trong chia thành bốn ngăn, phía trên xây tháp bốn mặt, mỗi mặt đều trổ cửa. Phàm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, hay ưu-bà-di đều đem các túi đựng cốt đặt vào trong những lỗ huyệt.

Mùa Xuân năm ngoái, chùa Linh Nham dựng tháp này, phỏng theo cách ấy nhưng sửa đổi thành hai loại Phổ Thông và Đặc Biệt. Phổ Thông là phía dưới đào bốn cái huyệt, phía trên dựng bốn cái tháp, xương của chúng nào thì đặt túi đựng cốt vào trong lỗ huyệt thuộc tháp của chúng đó. [Tháp] Đặc Biệt là phía trên dựng khám thờ Phật để thờ Tây Phương Tam Thánh, phía sau làm một cái khám nhỏ để thờ bài vị của người nhập tháp. Phía dưới dùng xi-măng (cement) xây thành tầng ngầm, chia ra hai gian Đông và Tây. Mỗi gian chia thành bốn khu, mỗi khu nhìn ra hai hướng, mỗi hướng gồm sáu nhóm, mỗi nhóm là bao nhiêu đó ô đựng cốt, tổng cộng là một ngàn ba trăm chín mươi chín ô. Gian phòng thờ được chia thành bốn bộ phận: một là tỳ-kheo, hai là tỳ-kheo-ni, ba là ưu-bà-tắc, bốn là ưu-bà-di. Hỏa thiêu xong, đựng tro trong hũ sứ, đem từ khám thờ Phật xuống đặt trong tầng ngầm. Nếu đã nạp lệ phí, ghi danh sẵn, ước định sẽ đặt vào nhóm nào, ô nào thì bất luận nhập tháp lúc nào vẫn xếp theo đúng ước định. Nếu không, người nhập tháp trước sẽ được xếp đằng trước, người nhập sau xếp đằng sau. Phía trên [tầng ngầm] xây năm gian nhà lớn, ba gian chính giữa là khám thờ Phật, phía dưới là tháp đặc biệt. Bốn tháp ở phía Đông và phía Tây sau khám thờ chính là tháp Phổ Thông. Hai gian hai bên dùng làm chỗ ở cho vị trông coi nhang đèn, nước nôi và những vị già cả không thể ở chung với chúng được. Chuyên nhất niệm Phật suốt năm để người mất thường được nghe Phật hiệu, phẩm sen tăng cao, người còn sống đau đáu nghĩ tới vô thường, gấp cầu vãng sanh. Âm - dương đều được lợi, cùng gội ân sâu khế lý khế cơ. Kẻ thấy nghe phát tâm cùng tu diệu đạo *"tâm làm, tâm là"*, ngõ hầu phàm phu sát đất cậy vào Phật lực siêu phàm nhập thánh. Đã dự vào hải hội sẽ đoạn Hoặc chứng Chân ngay trong đời này, thật là nhân duyên tối thắng để liễu sanh tử, mà cũng là chỗ quy túc tốt lành nhất sau khi hết tuổi thọ! Tụng rằng:

Tịnh Độ đại pháp môn,
Mười phương Phật cùng khen,
Mất - còn siêng tu trì,
Chóng được lên bờ giác.

15. Bài ký về chuyện cư sĩ Châu Tử San sanh Tây

Cư sĩ húy Dục Anh, hiệu Tử San, là cháu đích tôn của vị đại thương gia đất Cát An tỉnh Giang Tây tức tiên sinh Châu Phù Cửu. Mất cha mẹ từ bé, do bà nội là Đàm Thái Phu Nhân chăm bẵm thành người, bẩm tánh thông minh, sáng suốt, hiếu học, ưa tìm tòi, nhân từ, hòa nhã, lòng dạ rỗng rang tựa hang trống, sanh trưởng trong nhà phú quý nhưng chẳng có mảy may thói quen kiêu căng, xa hoa. Ra làm quan, hoàn toàn chú trọng trung thực, giữ lòng từ ái. Từ bạn đồng liêu, thân hữu cho đến tôi tớ, nếu ai trái ý chưa hề hiện vẻ giận dữ, thốt lời thô tháo! Luôn luôn tươi tỉnh, hòa nhã, chuyện nghịch xảy đến bèn thuận chịu. Đến khi cáo quan về ở ẩn, đóng cửa ngầm tu dưỡng, ngẫu nhiên đọc nội điển (kinh Phật) liền biết Phật pháp là căn bản của hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, tạo phước lợi cho xã hội, phổ độ chúng sanh đều toàn nhờ vào Phật pháp cả! Vì thế, liền quy y với lão pháp sư Đế Nhàn chùa Quán Tông, được đặt pháp danh là Trí Tạng. Từ đấy, ăn chay trường, niệm Phật, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, đối xử người khác bằng lòng khoan dung, trung hậu, tự sống đạm bạc, bạn bè thường vay mượn nhưng chẳng nề hà, hết thảy chuyện lành đều khảng khái giúp cho thành tựu. Nêu gương giúp kẻ đói rét là chuyện thường làm, thực hiện những điều lành thế gian đều dùng tâm Bồ Đề để hồi hướng hòng tạo duyên tăng thượng thù thắng nhất hòng vãng sanh Tây Phương. Lại thấy lòng người hiểm ác, thời sự mỗi ngày một sai trái nên càng dốc sức làm lành, lòng ưa - chán[228] càng sâu.

Năm Dân Quốc 21 (1932), tức năm Nhâm Thân, nhằm độ tuổi tri mạng (50), ngày mồng Tám tháng Tư gặp đúng hôm thánh đản đức Thích Ca Văn Phật[229], vào lúc bảy giờ sáng, ông thị hiện chút bệnh nhẹ, cảm thấy hông lưng đau nhức, bảo người xoa nắn nhè nhẹ cho dễ chịu. Tự mình ngồi xếp bằng ngay ngắn hướng về Tây, chuyên tâm xưng niệm A Di Đà Phật. Thanh âm rõ ràng, rồi cúi đầu qua đời. Người nắn lưng thấy [cư sĩ] im lặng hồi lâu chẳng ừ hử gì liền thăm dò hơi thở nơi mũi mới biết cư sĩ đã bỏ báo thân này vãng sanh Tây Phương rồi! Lúc ấy mùi hương lạ ngập nhà, năm ngày sau mới tan. Tướng lành như vậy có thể nói là chánh niệm phân minh, xả báo an

---

[228] Ưa cõi Cực Lạc, chán cõi Sa Bà.

[229] Thích Ca Văn hay gọi đủ là Thích Ca Văn Ni là cách phiên âm khác của chữ Thích Ca Mâu Ni (đa phần các bản kinh dịch trước thời pháp sư Cưu Ma La Thập dùng cách phiên âm này). Chẳng hạn như trong Thất Phật Phụ Mẫu Tánh Tự Kinh (mất tên người dịch), có ghi: *"Kim ngã tác Thích Ca Văn Ni Phật, tánh Cù Đàm"* (nay ta là Thích Ca Văn Ni Phật, họ Cù Đàm). Phẩm Nhập Lục Đạo Chúng Sanh của Bồ Tát Tùng Đâu Thuật Giáng Thần Mẫu Thai Thuyết Phổ Tế Kinh (Bồ Tát từ trời Đâu Suất giáng thần vào thai mẹ nói kinh cứu tế rộng khắp) do ngài Trúc Pháp Niệm dịch có câu: *"Thích Ca Văn Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hạnh Túc Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn nay đang ở trong thai mẹ rộng nói pháp tạng vô thượng thâm yếu*". Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sanh Kinh (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn) khi nhắc đến danh hiệu đức Phật Thích Ca đều viết là Thích Ca Văn v.v…

tường như nhập Thiền Định, tức là được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương chẳng còn mảy may nghi ngờ, bàn tán chi nữa! Ôi! Đang trong lúc kiếp trược khổ chẳng kham nổi này, cư sĩ đến lúc lâm chung mới thị hiện chút bệnh, chỉ trong khoảnh khắc liền ngồi mà mất, đã nêu tấm gương lớn cho những kẻ chịu đựng khổ sở chẳng kham nổi! Cư sĩ Ngô Nam Phố gởi chuyện này cho Quang, nhân vậy bèn ghi lại những nét chánh yếu.

16. Bi ký về ao phóng sanh của Liên Hoa Am tại Thường Thục

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là ruột thịt của ta, loài vật giống như ta, đấy chính là chí hướng chủ yếu "coi dân và loài vật giống như nhau" của nhà Nho, nghiêm cấm gây đọa thai, phá trứng, ắt sẽ khiến cho chim - thú - cá - rùa đều được sống yên vui. Đấy chính là lối cai trị bằng đức hòng thắng tàn bạo, trừ khử giết chóc của bậc thánh vương. Đó là vì đức lớn của trời đất là Sanh, nỗi khổ lớn của người lẫn vật là Giết. Thắng tàn bạo, trừ giết chóc phải từ chuyện nhỏ mà thành lớn, thương người yêu vật phải từ dễ đến khó. Nếu chẳng hàm dưỡng lòng nhân từ, khoan thứ từ cái gốc ắt sẽ đến nỗi bỏ nhỏ lấy lớn, bỏ dễ lấy khó, hằng ngày tàn sát mà cứ lầm lạc muốn yêu người thương vật, ắt chỉ thành chuyện nói xuông, quyết khó thể thực hiện được chuyện ấy! Vì sao nói thế? Trẻ nhỏ, kẻ bình thường đều có thể thực hiện chuyện yêu thương loài vật thì do làm lâu ngày bụng dạ sẽ đầy ắp nhân từ, mai sau có địa vị, nắm quyền cai trị, sẽ che chở dân đen lớn lao; dẫu ẩn cư trong một làng cũng có thể dùng thân làm gương để thay đổi phong tục. Như vậy thì cái đạo thương dân phải vun bồi từ lòng yêu vật mới có thể viên mãn trọn khắp không điều tệ! Chẳng xuất phát từ lòng yêu thương loài vật thì trong đời này tợ hồ cũng chẳng có chi đáng áy náy, nhưng trong tương lai ắt phải lo nghĩ lớn lao, bởi đã gieo cái nhân tàn sát loài vật sẽ khó thể tránh cái quả tuần hoàn báo đền. Nguyện những ai có lòng thương người hãy suy nghĩ cặn kẽ! Chuyện phóng sanh vốn nhằm để khơi gợi thiện tâm nơi con người hiện tại và tương lai, ngõ hầu họ sẽ kiêng giết, ăn chay, làm cho khắp các loài hàm thức được sống yên vui, đều trọn hết tuổi thọ. Gần là dứt được cái nhân giết chóc, xa là diệt được sát quả; nhỏ là trọn tấm lòng thuần nhân của ta, lớn là dứt sát kiếp cho cả thế giới. Đừng bảo đấy chẳng phải là chuyện cấp bách, rồi coi thường bỏ qua!

Liên Hoa Am bốn mặt đều là nước, chính giữa nổi lên một bãi bồi, cất am trên ấy, thờ Tây Phương Tam Thánh, chuyên thỉnh vị Tăng có giới đức làm Trụ Trì. Cảnh sắc thanh u, chẳng bén hồng trần, tu trì nghiêm mật, giới đức lan xa, dùng cừ chặn khúc sông trước mặt am làm ao phóng sanh. Từ đời Minh đến nay, thời gian đã lâu xa. Hiện tại có những vị thân sĩ trong ấp như Cù Lương Sĩ, Bàng Đức Siêu v.v… hết sức muốn chỉnh đốn, và muốn làm sáng tỏ ý nghĩa trọng yếu và lợi ích của việc phóng sanh, cậy tôi soạn

bài văn để thưa cùng bậc sáng suốt trong mai sau. Trộm nghĩ: Phóng sanh vốn nhằm để đề xướng kiêng giết ăn chay. Nếu con người ăn chay trọn đời sẽ trở thành không phóng mà hóa ra là phóng sanh lớn lao vậy! Nay sao chép lại bài thơ răn đừng ăn thịt của cư sĩ Hoàng Sơn Cốc để mong mọi người lúc ăn thịt hãy suy nghĩ lại, ắt sẽ chẳng nỡ lòng ăn mà lòng chẳng dám ăn cũng bừng bừng dấy lên! Thơ rằng:

Ngã nhục, chúng sanh nhục,
Danh thù, thể bất thù,
Bổn thị nhất chủng tánh,
Chỉ vi biệt hình khu,
Khổ não tùng tha thụ,
Phì cam vi ngã nhu,
Mạc giao Diêm Quân đoán,
Tự sủy ứng hà như?
(Thịt ta, thịt chúng sanh,
Danh khác, thể vốn đồng,
Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ hình hài khác nhau!
Khổ não chúng hứng chịu,
Béo ngon ta hưởng riêng,
Chớ đợi Diêm La xử
Tự suy sẽ biết mà!)

Bài thơ này ý vị làm sao! Trung hậu, khoan thứ sẽ cách đạo chẳng xa, điều gì chẳng mong người khác làm cho chính mình thì chớ gây cho người khác, đấy chính là đại kinh đại pháp thành thủy thành chung để yêu người thương vật vậy. Do vậy, chẳng cần phải nói cặn kẽ về những nghĩa lý sâu xa nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo. Nguyện những ai thấy nghe đều suy nghĩ sâu xa.

17. Bi ký thuật công đức trùng tu Di Lặc Lâu Các của Linh Nham Sơn Tự

(năm Dân Quốc 29 - 1940, cuối Hè năm Canh Thìn)

Di Lặc là đấng giáo chủ của thế giới Sa Bà sẽ giáng sanh trong tương lai, Lâu Các là phòng ốc nơi đức Di Lặc ở khi Thiện Tài đi về phương Nam tham học. Nhà nhiều tầng là Lâu, lầu cao là Các. Lâu các này thắng diệu khôn sánh, phàm phu, Nhị Thừa, Quyền Vị Bồ Tát đều chẳng thể thấy được! Đấy chính là báo cảnh do công đức thắng diệu thượng cầu hạ hóa của đức Di Lặc từ vô lượng kiếp đến nay cảm thành. Thiện Tài đã tham học với hai vị thiện tri thức là Đức Sanh và Hữu Đức[230] xong, họ lại dạy Thiện Tài đi qua

[230] Đức Sanh đồng tử (Śrī-Sambhava) là vị thứ năm mươi mốt trong số năm mươi ba vị thiện tri thức được Thiện Tài đến tham học. Vị này cùng với Hữu Đức đồng nữ cùng ở tại

Tỳ Lô Giá Na Trang Nghiêm Tạng Đại Lâu Các trong vườn Đại Trang Nghiêm ở nước Hải Ngạn tại phương Nam thỉnh giáo Di Lặc Bồ Tát: *"Vị Bồ Tát ấy ắt sẽ có thể vì ngươi nói diệu pháp khế lý khế cơ rốt ráo, khiến cho ngươi được đại lợi ích".* Do vậy, Thiện Tài cực lực đối trị tập khí phiền não, cực lực tu trì đạo Giới - Định - Huệ, đến trước Tỳ Lô Giá Na Đại Lâu Các ở nước Hải Ngạn, năm vóc mọp sát đất, nguyện thấy đức Di Lặc, nói kệ tán thán, bèn thấy Di Lặc Bồ Tát từ chỗ khác đi tới.

Thiện Tài đảnh lễ, Di Lặc đối trước đại chúng cùng đi với Ngài, tán thán Thiện Tài là chân Phật tử, là chân pháp khí. Lại vì Thiện Tài nói đủ mọi công đức của tâm Bồ Đề hòng bồi đắp nền tảng thành Phật, dạy vào trong Đại Lâu Các quan sát trọn khắp sẽ biết rõ cách học Bồ Tát hạnh. Học xong sẽ thành tựu vô lượng công đức. Thiện Tài bạch rằng: "Kính xin Đại Thánh mở cửa lâu các cho con được vào!" Ngài Di Lặc khảy ngón tay ra tiếng, cửa liền mở ra, bảo Thiện Tài vào. Vào xong cửa đóng lại. Thấy lâu các ấy rộng rãi vô lượng giống như hư không. Mặt đất và cung điện, hết thảy vật cúng đều dùng vô lượng các thứ báu để hợp thành. Lại thấy trong ấy có vô lượng trăm ngàn các thứ lâu các nhiệm mầu, mỗi mỗi rộng lớn nghiêm trang, đẹp đẽ, đều bằng với hư không, chẳng ngăn ngại nhau, cũng chẳng tạp loạn. Nơi mỗi một chỗ thấy hết thảy chỗ, trong hết thảy chỗ đều thấy như thế. Khi đó, Thiện Tài rạp mình lễ kính, vừa mới mọp đầu đã tự thấy thân mình trọn khắp trong hết thảy các lâu các, lễ khắp hết thảy Phật - Pháp - Tăng, thấy đủ các thứ cảnh giới tự tại chẳng thể nghĩ bàn, như là: Hoặc thấy đức Di Lặc vừa mới phát tâm Bồ Đề hành đạo Bồ Tát, thân cận vị thiện tri thức nào, chứng tam-muội nào cho đến đích thân chứng được Pháp Thân, trong mười phương pháp giới, trải qua số kiếp nhiều như số vi trần trong cõi Phật hiện những thân tam thừa lục đạo để giáo hóa, mỗi mỗi đều thấy trọn vẹn và hết thảy chư Phật trong mười phương thế giới từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật độ sanh và nhập Niết Bàn, pháp tồn tại lâu - mau, cũng đều thấy trọn vẹn. Thiện Tài ở trong lâu các thượng cầu hạ hóa, trải số kiếp nhiều như số vi trần trong cõi Phật siêng năng, chuyên ròng tu trì đủ mọi diệu hạnh mà chẳng mỏi mệt, nhất tâm tiến thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề.

Khi ấy, Di Lặc Bồ Tát liền thâu hồi thần lực, vào trong lâu các, khảy ngón tay ra tiếng, bảo Thiện Tài: *"Thiện nam tử! Hãy dậy đi, pháp tánh như vậy đó. Đây chính là trí biết các pháp của Bồ Tát, [biết các pháp] là tướng được hiện bởi nhân duyên tụ tập. Tự tánh như thế giống như huyễn, như mộng!"* Do vậy, Đại Lâu Các ấy chính là pháp giới tạng. Phàm tất cả những sự vi diệu trong pháp giới không gì chẳng thấy trọn vẹn trong lâu các này. Đó gọi là *"mười pháp giới xưa - nay, từ đầu đến cuối chẳng lìa một niệm*

---

thành Diệu Ý Hoa Môn, đều đã chứng môn giải thoát của Bồ Tát, do tịnh trí quán sát thấy các thế gian đều là huyễn trụ, đều do nhân duyên sanh cho đến các việc biến hóa điều phục của hết thảy các vị Bồ Tát đều là huyễn trụ, đều do nguyện và trí hợp lại mà thành vậy.

hiện tại, vô biên cõi nước, ta - người chẳng cách biệt chừng bằng mảy lông!" Nếu không có thần thông đạo lực của Di Lặc, Thiện Tài cạn lòng thành tận lòng kính, làm sao đạt được như vậy?

Đời gần đây, các nơi không nơi nào chẳng thờ tượng Di Lặc nơi tiền điện, chẳng gọi là Di Lặc Điện mà lại gọi là Thiên Vương Điện, đúng là coi ngài Di Lặc như khách ăn nhờ ở đậu các Thiên Vương, quá mất ý nghĩa tôn kính! Linh Nham tu bổ tiền điện, nhân đấy tôi bèn nói nguyên cớ với giám viện là đại sư Diệu Chân, lại trích lục chương Thiện Tài tham học với ngài Di Lặc từ kinh Hoa Nghiêm để chứng tỏ ngài Di Lặc đức vượt trỗi Thập Địa, đạo đã chứng Đẳng Giác, từ bi cứu vớt chúng sanh, nếu không phải là Phật sẽ chẳng thể biết được! Do vậy, bèn đặt tên [cho tiền điện] là Di Lặc Lâu Các để mong sau này ai bước vào đó sẽ đều giống như Thiện Tài hoặc trong đời này hoặc trong đời mai sau, ai nấy đích thân chứng được đạo trong lâu các, để an ủi tấm lòng đại từ bi "luôn dạy cho người đương thời" của ngài Di Lặc. Hơn nữa, các nơi thờ tượng Di Lặc chính là tượng Bố Đại hòa thượng do ngài Di Lặc thị hiện vào cuối đời Đường. Nay đã biết là do Di Lặc thị hiện thì cố nhiên hãy nên thờ bổn tượng vi diệu trang nghiêm. Nhằm tỏ rõ ngài đang sống trên Đâu Suất Thiên nên tạc tượng ngài đội mũ Ngũ Phật để làm tiêu thức[231]. Lược thuật duyên khởi để bảo cùng người thông sáng mai sau, hiểu tôi hay trách tội tôi, tôi cũng chẳng màng! Chuyện tu bổ điện từ đầu đến cuối, công đức của đàn-na tín chủ được ghi cặn kẽ trong tấm bia khác, nên chẳng ghi lại tường tận ở đây!

Phụ Lục
Toa chế thuốc hoàn tiêu đờm chữa ho
Cách chế tạo:

Dùng Kinh Giới, Cát Cánh, Tử Uyển, Bách Bộ, Bạch Tiền, Trần Bì, Tang Bạch Bì, Cam Thảo[232], mỗi thứ một lạng, đều để tươi nghiền nát thành

---

[231] Tiêu thức là những vật dụng nhằm biểu thị hạnh nguyện, phương tiện của một vị Phật hay một vị Bồ Tát, chẳng hạn tiêu thức của ngài Quán Âm là bình cam lộ với nhành dương liễu, tiêu thức của Địa Tạng Bồ Tát là viên minh châu và tích trượng, tiêu thức của Văn Thù Bồ Tát là thanh kiếm trí huệ v.v... Trong Mật Tông thường tạc tượng Di Lặc Bồ Tát cầm tháp báu (tượng trưng cho Tỳ Lô Giá Na Lâu Các) đội mũ Ngũ Phật và mặc y phục cõi trời, ngồi thõng hai chân (ngụ ý Ngài vẫn chưa thành Phật).

[232] Kinh giới (Schizonepeta Tenuifolia) là một loại rau thơm thuộc họ Bạc Hà, có vị hơi the, thường được dùng như rau thơm ăn chung với rau muống chẻ, nhất là khi ăn bún riêu! Cây này được dùng rất phổ biến trong các bài thuốc Nam để chữa ho, cảm lạnh, xông hơi v.v…

Cát Cánh (Balloon Flower - Platycodon grandiflorus) là một loại thân thực vật, hoa màu từ tím đậm đến nhạt, hình như hoa loa kèn, có năm cánh, ta thường gọi là Hoa Chuông Tím, thân có chất nhựa thơm dịu.

bột mịn, lại thêm vào hai lạng hạt củ giền[233] tươi để nghiền. Lại dùng một lượng lá Tỳ Bà[234] nấu nước để lọc nước cốt hạt củ giền, rồi thêm vào hai lạng nước cốt củ giền tươi, hòa [chất bột của những thứ thuốc nói trên] với nước cốt củ giền vò thành hoàn, thêm vào hai hay ba lạng bách luyện mật[235] nữa là được. Mỗi hoàn nặng hai tiền năm phân[236].

Cách uống:

Dùng nước sôi để chiêu thuốc, mỗi lần uống một hoàn, trẻ nhỏ thì giảm xuống một nửa. Mỗi ngày sáng dậy lúc chưa ăn gì và lúc tối sắp đi ngủ, uống mỗi lúc một lần.

Bài thuốc này vốn trích từ sách Y Học Tâm Ngộ Nghiệm Phương Tân Biên nhưng thiếu Trần Bì, Cam Thảo. Hơn nữa, mỗi thứ đều sao rồi mới chế thuốc, uống vào sợ rằng gây khô háo[237], nay thêm vào Tang Bạch Bì, và lại

---

Tử Uyển (Tatarian Astert - Asteris Radix) thuộc họ Cúc, thân ngầm. Bộ phận chính để làm thuốc là phần thân ngầm và rễ, có vị ngọt đắng và thơm nhẹ, chủ yếu dùng để trừ đàm trong Đông Y.

Bách Bộ (Stemona Root - Radix Stemonae) là một loại thực vật lá to, bóng mượt nhưng hẹp và dài, mọc rất chậm nên còn gọi là Mạn Sanh Bách Bộ, phần để làm thuốc chính là phần thân ngầm của nó.

Bạch Tiền (Willowleaf Swallowwort - Cynanchum stauntonii) là một loài thực vật có thân hình trụ dài, cành thường cong quẹo, có màu trắng ngả vàng hoặc vàng nâu, phần để làm thuốc chính là phần thân ngầm và rễ.

Trần Bì: Vỏ cam hay quýt.

Tang Bạch Bì: Chất vỏ trắng lấy từ rễ cây dâu tằm (Mulberry tree).

[233] Nguyên văn La Bặc. Theo từ điển Hán Việt, chữ La Bặc thường dịch là củ cải trắng; thế nhưng theo Wikipedia phiên bản tiếng Hán, chúng tôi thấy chữ La Bặc được dùng để chỉ ba loại khác nhau: Bạch La Bặc (củ cải trắng), Thanh La Bặc (củ su hào) và Anh Đào La Bặc (củ radish, ta thường gọi là củ giền, hay củ La Đì). Do trong đoạn dưới ông Nhiếp Vân Đài nói dùng La Bặc để giảm tính khô nóng của các vị thuốc nên chúng tôi dịch là củ Radish vì củ cải trắng quá hàn và hạt củ cải trắng lẫn hạt su hào đều có chất độc có thể gây chết người, có lẽ không thích hợp để chữa bệnh ho.

[234] Tỳ Bà (Japanese plum, Loquat - Eriobotrya Japonica), còn gọi là Lô Quất, thường thấy ở Trung Hoa và Nhật Bản, là một loại cây thân mộc, xanh tươi quanh năm, lá to xanh thẫm, bóng mướt, mặt dưới lá nâu nhạt, thuôn dài như hình dáng giống thân đàn tỳ bà, hoa có mùi thơm ngọt, năm cánh, sắc trắng. Trái có hình bầu dục hoặc thuôn như trái lê, mọc thành chùm, dày đặc, sớ thịt của trái Tỳ Bà hơi giống thịt trái lê, có vị ngọt nhẹ, hơi chua.

[235] Bách Luyện Mật: Mật ong được đun sôi riu riu cho bốc hơi bớt chất nước, nhằm cô đặc lại.

[236] Một Tiền 3,73 gram, một Tiền gồm 10 Phân. Như vậy, hai Tiền năm Phân là 2,5 x 3,73 gr = 9,325 gram.

[237] Nguyên văn là Táo, ý nói người bệnh uống vào cảm thấy nóng, bức rức, uống nhiều nước vẫn thấy khát, ta thường gọi là “khô háo”.

dùng lá Tỳ Bà, hạt củ giền, nước cốt củ giền, vò thành hoàn. Các thứ thuốc đều nghiền tươi. Từ đấy áp dụng không ai chẳng công hiệu, phong - hàn - đàm - nhiệt đều thích hợp! Nhiếp Vân Đài ghi.

Tôi bị trúng gió ho húng hắng, xin được từ chỗ cư sĩ Vân Đài mười mấy hoàn, uống mấy hoàn liền khỏi bệnh. Những hoàn thuốc còn lại cùng với số xin thêm từ Tam Lạc Xã đem gởi tặng cho người khác, họ đều khen là linh nghiệm. [Do vậy] đặc biệt ghi thêm toa thuốc vào đây. Nguyện người đọc dựa theo toa chế thuốc nhằm tạo tiện lợi cho người khác thì công đức vô lượng. Đức Sâm ghi thêm.

IV. Tụng Tán
(phụ thêm phần kệ)
1. Phật Bảo Tán

Phật bảo khen ngợi khôn cùng,
Từ trần kiếp[238] trước chứng Đại Hùng,
Thường trụ Tịch Quang bi tâm sâu,
Hóa hiện độ quần mông[239],
Thuyết pháp khế cơ cùng khế lý,
Chấn động điếc - đui trong chín cõi,
Linh Sơn pháp hội nguyện tương phùng,
Thọ ký, rạng tông phong.

2. Pháp Bảo Tán

Ngợi khen Pháp Bảo khó lường thay!
Không - Hữu thể - dụng thảy trọn bày,
Mảy trần chẳng lập muôn đức trội,
Vô trụ tâm quang tỏa rạng ngời,
Chân - Tục cùng còn, cùng diệt mất,
Thế nào mới có thể tán dương?
Chứng đến chỗ không gì để được,
Ắt đáng xưng là Pháp Trung Vương.

3. Tăng Bảo Tán

Tăng Bảo thật chẳng thể nghĩ bàn,

[238] Trần kiếp: Gọi đủ là “trần điểm kiếp” hoặc “vi trần số kiếp” tức số kiếp (kalpa) nhiều như số vi trần. Đôi khi còn nói là “Phật sát vi trần số kiếp” (số các kiếp nhiều như số vi trần trong một cõi Phật).
[239] Quần mông: Những kẻ tăm tối, chỉ những chúng sanh bị phiền não vô minh che lấp.

Bổn - Tích thánh - phàm há dễ hay!
Ngài Văn Thù thầy bảy đức Phật,
Còn hiện tướng Hàn Sơn si ngây.
Phàm tăng tận lực tu Tam Học (Giới - Định - Huệ)
Gánh vác đạo Bồ Đề Như Lai.
Do vậy, hai khuôn mẫu rộng lớn,
Pháp đạo phàm - thánh mãi truyền trì.

4. Tán dương tượng Phật Dược Sư

Mười hai đại nguyện đức khó lường,
Xưng danh liền được thoát khổ ương,
Đến khi nghiệp tận tình không ấy,
Đông - Tây cõi giác vốn chân thường!

5. Dược Sư Phật kệ

Dược Sư Như Lai Lưu Ly Quang,
Thệ nguyện rộng sâu đời khó lường!
Hiển: sanh điều lành, nhóm phước khánh.
Mật: khiến diệt ác, tiêu họa ương.
Dẹp khổ: cốt sao sạch nhị tử[240],
Ban vui: muôn đức ắt phô bày.
Pháp giới thánh - phàm đều quy mạng,
Gội ân mau chứng được chân thường.

6. Tán dương tượng Phật A Di Đà

Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh,
Nghịch ác hướng lòng cũng tiếp nghênh,
Xen trộn đúng - sai không chọn lựa,
Vì thương những kẻ Phật chưa thành.

7. Tán dương kinh tháp Phật A Di Đà

Bảo tháp nguy nga tột hư không,
Vô biên pháp tạng chứa vào trong,
Cực Lạc trang nghiêm đều hiện trọn,
Di Đà quang thọ vẹn hình dung,
Sáu phương chư Phật thường ca ngợi,

[240] Nhị tử: Biến dịch sanh tử và phần đoạn sanh tử.

Chín giới chúng sanh trọn hướng lòng,
Một câu sáu chữ hồng danh gọn,
Quy căn kết đảnh thật mênh mông!

8. Tán dương tượng Tây Phương Tam Thánh

Tam Thánh vô tâm đều đã chứng,
Vô tâm ứng trọn hữu tâm nhân,
Dẫn khắp chúng sanh về Cực Lạc,
Thân - tâm trọn không, chẳng dấu hằn.

9. Tán dương tháp Đa Bảo

Đa Bảo Như Lai,
Vì thỏa nguyện xưa,
Hiển trọn Thật Tế,
Hiện tháp vọt lên.
Hiển Bổn để làm khuôn mẫu lớn,
Mọi kẻ thấy nghe lên bến kia.

10. Tán dương tượng Quán Thế Âm Bồ Tát

Khắp trần sát cõi thảy hiện thân,
Thương nhất Sa Bà lũ thế nhân,
Hễ còn ai đó chưa thành Phật,
Tầm thanh cứu khổ chửa nguôi lòng.

11. Kệ tán dương Quán Thế Âm Bồ Tát

Quán Âm thệ nguyện diệu khôn lường,
Cảm ứng tùy cơ há trễ tràng!
Cứu khổ tầm thanh: từ hút sắt[241],
Hiện thân thuyết pháp: nước in trăng,
Cứu vớt muôn sự trần sát cõi,
Sa Bà càng nặng tấm lòng Từ,
Ân sâu hết kiếp khen sao trọn,
Che chở quần manh khắp xót thương.

Quán Âm thệ nguyện thật mênh mông,
Độ mọi chúng sanh lìa cõi khổ,

[241] Từ hút sắt: Nam châm hút sắt.

Hưng khởi từ bi khắp sát trần,
Phổ Môn mỗi mỗi đều thâu nhiếp,
Nay ứng hiện khắp băm hai thân,
Khiến chúng rốt ráo chứng tâm Phật,
Cung kính thường xưng niệm Quán Âm,
Cát khánh thường hưởng, chướng dứt bặt.

12. Kệ hồi hướng cho Quán Âm Thất

Nguyện do công đức trì tụng này,
Liền cảm được Đại Sĩ gia bị,
Tiêu trừ ta - người nghiệp xưa nay,
Thiện căn ta - người cùng tăng trưởng,
Bao kiếp giữ mãi Đại Sĩ tâm,
Khắp cõi thường hành Đại Sĩ sự,
Gây tạo lợi ích tột vị lai,
Khiến mọi hữu tình chẳng họa hại.

Nguyện do công đức này,
Tiêu trừ nghiệp xưa - nay,
Tăng trưởng mọi phước huệ,
Viên thành thắng thiện căn,
Tất cả đao binh kiếp,
Cùng với nạn đói khát,
Đều bị diệt trừ sạch,
Thế giới mãi thanh bình,
Mưa gió thường thuận hòa,
Nhân dân đều an ninh,
Pháp giới các hàm thức,
Cùng chứng vô thượng đạo.

13. Kệ khánh chúc Quán Âm

Đoan tọa Phổ Đà thường nhập Định,
Chúng sanh hễ cầu, trọn rủ lòng,
Muốn biết nghĩa cảm ứng huyền diệu,
Xin nhìn trăng rọi khắp muôn sông.

14. Sửa đổi cho đúng bài kệ tán dương đức Quán Âm thường được lưu truyền trong cõi đời

Quán Âm Bồ Tát đức tối ưu,

Chánh Pháp Minh Phật chứng đã lâu,
Ân sâu lồng lộng trùm muôn cõi,
Kim Phật vòi vọi ngự trên đầu,
Nước bình cam lộ gột trần cấu,
Tay phóng hào quang diệt ưu sầu,
Hễ trần sát cảm, trần sát ứng,
Vầng trăng in bóng trọn muôn sông.

15. Tán dương tượng Đại Thế Chí Bồ Tát

Như con nhớ mẹ siêng niệm Phật,
Nhiếp trọn sáu căn tai lắng nghe,
Vâng theo lời Đại Sĩ khai thị,
Quả giác ắt khế hợp nhân tâm.

16. Kệ tán dương Đại Thế Chí Bồ Tát

Thế Chí Bồ Tát đức vô biên,
Phù tá Di Đà thả từ thuyền,
Cứu khổ hệt như Quán Tự Tại,
Dẫn dắt về Tây tợ Phổ Hiền.
Tu nhân dùng trọn căn - trần - thức,
Chứng quả đều đạt viên thông thường,
Nhiếp người niệm Phật về Tịnh Độ,
Ân này muôn kiếp dễ đâu quên!

Đại Thế Chí lợi sanh sâu rộng,
Chuyên chú trọng pháp môn Niệm Phật.
Như con nhớ mẹ nhớ Thế Tôn,
Liền được gội ngay ân đức Phật,
Khế hợp quả giác lẫn nhân tâm,
Lập tức trở về với nguồn cội,
Nhiếp trọn sáu căn diệu khó lường,
Nguyện khắp chín giới thường vâng giữ.

17. Tán dương tượng Địa Tạng Bồ Tát

Cao cả thay Đại Sĩ! Thệ nguyện rộng sâu, nghĩ thương chúng sanh luân hồi kiếp dài lâu, vận lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên, thường ở

trong địa ngục để mong cứu kẻ bị treo ngược[242]. Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ Đề, địa ngục chưa trống thề chẳng muốn thành Phật. Do nhân duyên ấy, chư Phật ngợi khen. Huống chi những kẻ đang trong lục đạo há nên chẳng bi luyến? Hư không có cùng tận, nhưng thệ nguyện vô cùng. Muốn báo ân sâu, riêng in tôn kinh. Nguyện kẻ thấy nghe đều cùng sanh tịnh tín, lần lượt lưu truyền, lợi ích vô tận.

18. Kệ tán dương Địa Tạng Bồ Tát

Đại Sĩ thệ nguyện há thể lường,
Lòng bi trọn khắp cõi vô ương,
Chúng sanh độ hết mới xong thệ,
Địa ngục trống rồi nguyện mới thôi.
Giáo hóa nhiều người thành Phật đạo,
Tự thân vẫn hiện tướng Thanh Văn,
Chúng sanh và Phật tánh vốn một,
Cùng muốn ta người chứng Pháp Vương[243].

Địa Tạng Bồ Tát đại từ bi,
Thệ nguyện vĩnh viễn chẳng hề hết,
Giáo hóa thành Phật số khôn xiết,
Vẫn hiện oai nghi bậc Thanh Văn,
Đến khi địa ngục độ hết sạch,
Mới chịu thị hiện chứng Bồ Đề,
Khẩn nguyện ban ân khắp u - hiển,
Cùng theo hải hội dự liên trì.

19. Kệ tán dương Di Lặc Bồ Tát

Đấng Bổ Xứ Từ Vô Năng Thắng[244]

---

[242] Cứu giúp kẻ bị treo ngược: Chữ "treo ngược" (đảo huyền - Ullambana) chỉ những người có tội sau khi đã chết bị đọa trong địa ngục, chịu những hình phạt khổ sở giống như bị treo ngược đầu xuống.

[243] Nguyên văn là Cứu Cánh Tức. Trong nguyên bản có ghi thêm một đoạn chú thích như sau: *"Ngài Trí Giả thuộc tông Thiên Thai đã dùng khái niệm Lục Tức để giải thích về Phật. Một là Lý Tức Phật, hai là Danh Tự Tức Phật, ba là Quán Hạnh Tức Phật, bốn là Tương Tự Tức Phật, năm là Phần Chứng Tức Phật, sáu là Cứu Cánh Tức Phật".* Cứu Cánh Tức Phật chính là quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, do đức Phật còn được gọi là Pháp Vương nên chúng tôi chuyển dịch chữ Cứu Cánh Tức thành Pháp Vương cho thuận với âm vận của bài kệ.

[244] Ngài Di Lặc Bồ Tát họ Di Lặc (Maitreya: lòng Từ), tên là A Dật Đa (Ajita - dịch nghĩa là Vô Năng Thắng: Không ai hơn được). Vì thế, đôi khi tên Ngài được dịch nghĩa

Thường ngự Đâu Suất diễn viên âm,
Hiện thân trần sát nào ai biết?
Tâm cùng pháp giới tự dung thông,
Dốc cạn kho tàng trong đãy vải,
Tươi cười bình đẳng ban thế nhân,
Nguyện cùng Di Đà thương tiếp dẫn,
Khéo trong ba hội[245] chứng Nhất Chân.

20. Kệ tán dương Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Văn Thù Bồ Tát đức khôn lường,
Thành Phật Long Chủng Thượng Pháp Vương,
Do thương chúng sanh mê tự tánh,
Riêng giúp Thích Ca mở đạo mầu,
Thầy bảy vị Phật thể khôn thấu,
Mẹ chư Bồ Tát dụng khôn ngằn,
Thường trụ Tịch Quang ứng mọi cảm,
Muôn sông khắp hiện bóng muôn trăng.

(Long Chủng Thượng Phật chính là danh hiệu khi ngài Văn Thù đã thành Phật trong kiếp quá khứ, hãy nên biết là vị Long Chủng Thượng Tôn Phật được nói trong kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội là vị khác).

Văn Thù phù tá Pháp Vương,

---

là Từ Thị Vô Năng Thắng. Do đó, câu này có thể hiểu: Ngài là đấng từ bi không ai hơn được, hoặc chỉ có thể hiểu đơn giản đây là tên họ đầy đủ của Ngài.

[245] Khi ngài Di Lặc thành Phật, sẽ ba lần chuyển pháp luân (tam chuyển pháp luân), mỗi lần chuyển pháp luân đó được gọi là một hội thuyết pháp (chứ không có nghĩa Ngài chỉ thuyết pháp có ba lần), xin xem chi tiết trong kinh Quán Di Lặc Hạ Sanh. Tam Chuyển Pháp Luân là ba giai đoạn giáo hóa của đức Phật, gồm Căn Bản Pháp Luân, Chi Mạt Pháp Luân và Nhiếp Mạt Quy Bổn Pháp Luân. Căn Bản Pháp Luân tức là những giáo pháp dạy cho hàng đại Bồ Tát chứng ngộ cảnh giới siêu việt của Phật, tương ứng với thời Hoa Nghiêm. Chi Mạt Pháp Luân là những giáo pháp dành cho mọi căn tánh nhằm hướng dẫn họ bước vào Phật đạo, lần lượt dạy từng bậc, từng lớp theo mức độ kiến giải cao dần để dẫn nhập họ từ Tiểu Thừa bước vào Đại Thừa. Cuối cùng là Nhiếp Mạt Quy Bổn Pháp Luân tức là nói ra chân tướng sự thật Nhất Thừa, gộp ba thừa vào một thừa, khiến mọi căn cơ đều liễu ngộ căn bản pháp luân, tương ứng với thời Pháp Hoa Do Ngài thành Phật dưới cội Bồ Đề, những cành nhánh của cây Bồ Đề ấy giống như những con rồng đang phun ra những đóa hoa, nên cây Bồ Đề ấy được gọi là cây Long Hoa. Vì thế, kinh sách nhà Phật thường gọi ba hội thuyết pháp của Đương Lai Di Lặc Tôn Phật là *"Long Hoa Tam Hội"*. Do không hiểu rõ ý nghĩa chữ Long Hoa, Tam Chuyển Pháp Luân, cũng như sự thị hiện giáng sanh của chư Phật, rất nhiều thứ ngoại đạo mượn danh Phật giáo đã lập lờ đánh lận con đen rao giảng Thượng Đế sai Di Lặc Bồ Tát mở hội Long Hoa để thanh lọc chúng sanh, lập đại hội Vạn Linh. Theo họ, hội Long Hoa đã bắt đầu diễn ra từ năm 1992 (sic!), thế gian đang bước vào thời Hạ Nguơn (Nguyên), sắp tận thế, phải tu theo đạo của họ thì mới được quần tiên tiếp dẫn sanh về thiên giới!

Trí huệ chỉ Phật suy lường được thôi,
Chấn hưng Viên Đốn đạo huyền,
Người nghe tình kiến bỗng nhiên mất liền,
Bồ Đề tràng hiểu cội nguồn,
Ấn quang nguyện gội giống như Thiện Tài,
Rốt ráo chứng được chân thường.

21. Kệ tán dương Phổ Hiền Bồ Tát

Bồ Tát từ bi khó thuật trần,
Thánh - phàm đều được chứng viên nhân,
Nhất tâm chẳng trụ, siêu các vị,
Mười nguyện dẫn về, nối Năng Nhân[246],
Tam thừa đều được khế quả giác,
Quần manh mau được thoát phiền trần,
Khăng khắng tuân lời răn thanh tịnh,
Chắc chắn đời này thấu bổn chân.

Đức Phổ Hiền hạnh nguyện sâu thẳm,
Khuyên người phát Bồ Đề đại tâm,
Dạy cho Tam Hiền, Thập Địa thánh,
Đều cùng được thấy Di Đà Tôn,
Mười đại nguyện vương nếu tuân giữ,
Lợi ích chỉ Phật kham tuyên bày,
Quả giác, nhân tâm cùng lặng bặt,
Pháp Thân thanh tịnh chứng lên ngay.

22. Kệ tán dương Trí Tích Bồ Tát

Lâu xa hầu Đa Bảo,
Đến lễ Thích Ca Tôn[247],

---

[246] Năng Nhân (Śākya), còn được phiên âm là Thích Ca, tức họ của đức Phật. Đức Phật Thích Ca là một vị hiền nhân (Muni, còn dịch là Tịch Mặc) xuất thân từ dòng họ Thích Ca nên có hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Năng Nhân có nghĩa là "người ban bố, thực hiện lòng nhân". Do vậy, hiểu theo nghĩa hẹp, chữ Năng Nhân chỉ cho Phật Thích Ca; nhưng hiểu theo nghĩa rộng thì đây là danh xưng chung để tán dương các đức Phật. Riêng đối với danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật, tổ Ấn Quang còn giảng thêm: *"Năng Nhân nghĩa là rộng độ chúng sanh; Tịch Mặc là triệt chứng tự tánh"* (xin xem trong bài Duyên Khởi của Phật Học Đồ Thư Quán Phước Châu trong phần "Những bài viết khác" của Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ).

[247] Theo phẩm Hiện Bảo Tháp kinh Pháp Hoa, khi đức Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh Pháp Hoa, từ dưới đất vọt lên tháp báu chứa toàn thân xá-lợi của Phật Đa Bảo, tán thán và chứng minh cho pháp hội Pháp Hoa. Trí Tích Bồ Tát là một trong số những vị

Dạo khắp sát trần Phật quốc độ,
Riêng thương chúng sanh cõi Sa Bà,
Tượng vẽ hiện oai thần.
Xiển dương Phật hóa đời Lương,
Muốn cho tể tướng triều Đường kính tin.
Hiện thân Sư trị bệnh người,
Đại điện được bóng tháp ngời rợp che,
Bí tạng của đức Như Lai,
Ai lên nơi đó tức thời hiểu ra,
Giếng đào trên đỉnh non xa,
Uống vào Bát Nhã đạo huyền đều thông.
Tranh ngài vẽ tướng đang ngồi,
Dợm mình như thể sắp dời chân đi.
Tay cầm gậy giữ thẳng,
Trực chỉ pháp Bất Nhị,
Tuy chẳng phải đích tổ[248],
Truyền tâm chùa Linh Nham,
Quả thật là khách quý,
Trong biển khổ độ sanh.

23. Tán dương Trí Tích Bồ Tát
(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Xét nghĩ Bồ Tát, bi trí rộng sâu, ở phương dưới thường hầu Đa Bảo Phật, thị hiện dấu tích khắp trần sát, hiện thân nơi tượng vẽ, Linh Nham đạo trường tồn.

24. Tán dương Tịnh Độ Tổ Đường
(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Một tông Tịnh Độ khởi nguồn từ đức Phổ Hiền, Viễn công nối tiếp nguồn pháp ở Chấn Đán, trong - ngoài rộng lưu truyền, khiến cho khắp mọi phàm - thánh chứng Niết Bàn ngay trong đời này.

25. Tán dương tượng Viễn Công đại sư
(năm Dân Quốc 24 - 1935)

---

thượng thủ theo hầu Phật Đa Bảo đến dự hội Pháp Hoa, đàm luận Phật pháp với Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tôn giả Xá Lợi Phất và Long nữ (con gái của vua rồng Ta Kiệt La).

[248] Chữ "đích tổ" ở đây được dùng với ý nghĩa là vị tổ khai sáng một ngôi chùa. Trí Tích Bồ Tát chỉ là một vị Tăng nhập chúng tại Linh Nham Sơn Tự thời Lương, chứ không phải là tổ sư khai sáng ngôi chùa, nên không phải là đích tổ của Linh Nham.

Xét nghĩ Viễn Công, thừa nguyện tái lai, sáng lập Liên Tông, thỏa Phật bổn hoài, khiến các phàm - thánh nhớ niệm Phật danh, cậy Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Bậc đã đoạn Hoặc liền chứng Vô Sanh. Bậc chứng Vô Sanh mau tròn Phật quả. Dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, cảm ứng đạo giao lợi ích thật sâu. Chưa thấy kinh Niết Bàn đã tuyên giảng [Phật tánh] thường trụ, chưa đọc phẩm Hạnh Nguyện đã khuyên khắp mọi người về Tây, lập ra được pháp ngầm hợp ý kinh. Bậc hộ pháp Bồ Tát thể hiện sự đại giác của chính mình. La Thập dâng kinh càng thêm tán thán sâu đậm. Tăng sĩ Tây Vực sanh lòng ngưỡng mộ, tâm hương liền dâng. Hơn ngàn năm qua, chẳng được nghe viên âm. May còn di giáo để hòng noi theo. Kính nguyện thầy ta, sẽ lại thị hiện giáng sanh, dẫn khắp quần luân cùng lên cõi Ngũ Thanh[249]. In di cảo của Ngài để mô tả chân dung đạo pháp của Ngài, hòng kẻ thông sáng mai sau sẽ bắt chước theo.

26. Tán tụng mười hai vị Tổ của Liên Tông

1) Sơ Tổ Đông Lâm Lô Sơn Huệ Viễn đại sư đời Tấn

Dùng pháp đặc biệt vĩnh viễn làm khuôn phép cho đời, ý chỉ ngầm hợp với phẩm [Phổ Hiền] Hạnh Nguyện, lưu thông khắp trong ngoài nước, khiến cho kẻ tầm thường lẫn bậc cao nhã giải quyết đại sự xong xuôi ngay trong đời này.

Mở nguồn Liên Tông khiến Trung Hoa được phước, thỏa thích bổn hoài của Phật, lập phương tiện, viên âm vừa được xiển dương, sĩ phu đều về với Lô Sơn, đại pháp sắp hoằng khai, [sơn thần hiển thần thông chuyển vật liệu xây dựng] Thần Vận Điện, hết thảy pháp môn lưu xuất từ đây, hết thảy hạnh môn được thực hiện từ đây, khiến cho các tông đều quy hướng, muôn sông đổ về biển, nương theo hạnh nguyện.

2) Nhị Tổ Trường An Quang Minh Thiện Đạo đại sư đời Đường

Sư sống vào đầu đời Đường, các tông đều hưng thịnh, đề xướng Tịnh Độ thỏa lòng mọi người, Phật lực ai dám sánh bằng? Nếu chịu gieo lòng thành, Tây Phương quyết định vãng sanh.

Đời truyền tụng Sư là Phật A Di Đà thị hiện, đề xướng giáo nghĩa niệm Phật trọn vẹn, phong phú, thiết tha răn người học phải khiêm nhường, cũng như phải cực lực ưa - chán[250]; về mặt Giải phải thông thạo hết thảy pháp, nhưng về Hạnh chỉ chọn lấy một pháp vừa khế cơ khế lý. Niệm Phật tỏa hào quang khích lệ đại chúng, hãy nên xem lời Ngài như do chính đức Phật nói.

---

[249] Ngũ Thanh: Tên gọi khác của Cực Lạc, do cõi ấy không có năm thứ nhơ uế (Ngũ Trược) nên gọi là Ngũ Thanh.

[250] Ưa mến Cực Lạc, nhàm chán cõi Sa Bà.

3) Tam Tổ Nam Nhạc Ban Châu Thừa Viễn đại sư đời Đường

Thân gầy mặt bẩn, hầu bên Di Đà. Thần thức ngài Pháp Chiếu du hành [đến cõi Cực Lạc] vãng cảnh[251], Phật chỉ ngôi đình ghi danh ngài [Thừa Viễn], môn đình từ đấy được kế tục, tâm pháp vĩnh viễn truyền dương.

Ban Châu[252] khổ hạnh đời khó thể chịu đựng được, nhịn cơm dùng bùn đất làm món ăn, thường đem những điều trọng yếu trong kinh và danh hiệu Phật ghi khắp trên các lối ngõ, đá núi. Niệm Phật, Phật dạy pháp đặc biệt, kẻ đến học dùng pháp ấy để an cái tâm, thiên tử nghe tên hướng về Nam vọng bái, vì thế đạo phong lưu truyền bốn biển.

4) Tứ Tổ Ngũ Đài Trúc Lâm Pháp Chiếu đại sư đời Đường

Xét nghĩ Tứ Tổ đức cao đẹp đáng khâm phục, được Phật, thầy chỉ dạy cõi Cực Lạc, đức Văn Thù dạy túc nhân, khiến cho khắp mọi người thấu đạt bổn chân ngay trong đời này.

Tại Hành Châu[253] thấy được thánh cảnh trong bát, mỗi điều đều đích thân tạo dựng nơi non Ngũ Đài. Nơi Tịnh Độ được thấy sư Thừa Viễn. Tại Trúc Lâm[254] cung kính nhận lãnh lời ngài Văn Thù dạy dỗ. Tiếng niệm Phật

---

[251] Theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ngài Pháp Chiếu nhập Định, thần thức đến cõi Cực Lạc, thấy bên cạnh Phật Di Đà có một vị Tăng gầy gò đứng hầu, mặt nám đen, mặc áo rách, bèn hỏi thì được biết đó là ngài Thừa Viễn ở Nam Nhạc. Do Tổ Thừa Viễn không muốn mất thời gian hóa duyên để chuyên dành trọn thời gian tu trì, nên ẩn cư trong rừng sâu, thường móc bùn đất ăn thay cơm đỡ đói hòng chuyên tu tập. Do vậy, Ngài gầy nhom, mặt nám đen, quần áo rách rưới.

[252] Ban Châu gọi đủ là Ban Châu Tam Muội (Pratyutpanna-Samādhi), đôi khi còn đọc là Bát Châu Tam Muội là một trong các phép tu Định. Phép này còn được dịch là Thường Hành Tam Muội, Ban Châu Định, Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội hoặc Phật Lập Tam Muội. Căn cứ theo những điều được dạy trong kinh Ban Châu Tam Muội (Pratyutpanna Buddha Sammukhāvasthita Samādhi Sūtra) do ngài Chi Lâu Ca Sấm dịch vào năm Quang Hòa thứ hai (179) đời Hán Linh Đế thì để tu pháp này, trong vòng 49 ngày, ngoại trừ lúc ăn uống ra, hành giả đều phải luôn kinh hành, mỗi bước đều niệm A Di Đà Phật, ý quán tưởng Phật, tam nghiệp tương ứng, cho nên cách tu này được gọi chung là "tam nghiệp vô gián". Theo sử truyện, tại Lô Sơn, tổ Huệ Viễn đã đề xướng cách tu này đầu tiên. Các vị Thiện Đạo, Trí Khải, Huệ Nhật, Thừa Viễn, Pháp Chiếu đều tiếp tục hoằng dương cách này, vì nếu người dụng công khẩn thiết, chí thành, trong Định sẽ thấy được Phật.

[253] Hành Châu nay là thành phố Hành Dương thuộc tỉnh Hồ Nam, khác với Hàng Châu thuộc tỉnh Giang Tô.

[254] Thoạt đầu Tổ đã hâm mộ di phong của tổ Huệ Viễn, tu Niệm Phật tam-muội, trong Định thấy chính mình qua cõi Cực Lạc gặp được tổ Thừa Viễn thân gầy áo rách đứng hầu bên Phật Di Đà, khi xuất định bèn sang Nam Nhạc y chỉ với ngài Thừa Viễn. Khi Tổ ngụ tại chùa Vân Phong ở Hành Châu đã thấy thánh cảnh Ngũ Đài hiện trong bát cháo. Khi được biết đó là thánh cảnh Ngũ Đài, tháng Tư năm sau, Tổ lên Ngũ Đài triều bái, đến chùa Phật Quang, chợt thấy có hai đồng tử đến đón, dẫn vào chùa Trúc Lâm, được hai vị

vang khắp ngã đường Tinh Châu. [Đường] Đại Tông sai sứ dâng chiếu thỉnh: "Niệm Phật rốt ráo mầu nhiệm như thế nào?" [Sư đáp]: *"Khiến được mau thành đạo Bồ Đề"*.

5) Ngũ Tổ Tân Định Ô Long Thiếu Khang đại sư đời Đường

Tránh bàn đến thế đế, nên đã bảy tuổi vẫn chưa nói. Thốt lời bèn kinh động trời người. Rộng kết duyên Tịnh Độ, cho tiền trẻ nhỏ, ai nấy đều gieo chín phẩm sen.

Lên bảy tuổi trọn chẳng thốt một lời, thốt lời liền xưng danh hiệu Thế Tôn. Vừa đọc bài Tây Phương Văn của ngài Thiện Đạo liền biết Tịnh Độ là nơi đáng nương tựa, đem tiền dụ trẻ niệm Di Đà, chưa lâu sau tiếng niệm Phật vang khắp nẻo đường. Niệm Phật, tượng Phật từ miệng bay ra, có ai thấy nghe chẳng tuân theo lời dạy?

6) Lục Tổ Hàng Châu Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư đời Tống

Một bộ Pháp Hoa, một trăm lẻ tám Phật sự, bốn thứ liệu giản lợi lạc kẻ ngu lẫn người thông sáng, muôn điều thiện xét suy, mong siêu bạt trọn khắp, vãng sanh cõi Cực Lạc.

Thấy các chúng sanh đều là Phật, chỉ nghĩ cứu sanh mạng quên luật nước. Bị giải ra chợ [hành hình] tâm vui vẻ[255], sắc mặt chẳng đổi, được xá

Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền dạy cho pháp yếu Niệm Phật cũng như dạy phương pháp Ngũ Hội Niệm Phật (tức niệm Phật gồm năm đoạn với tiết tấu khác nhau), rồi hai vị Bồ Tát bảo Tổ lui ra. Trong lúc theo đồng tử trở ra, Tổ ngầm bẻ cây đánh dấu để sau này có dịp trở lại, nhưng lúc ngoảnh lại, đã thấy tất cả đều biến thành đồng hoang núi vắng, hai đồng tử cũng mất dạng. Bi thương khôn xiết, Tổ lập chùa Trúc Lâm Đại Thánh tại đó để kỷ niệm pháp duyên hy hữu ấy. Nhạc phổ Ngũ Hội Niệm Phật hiện đã thất truyền, khúc Ngũ Hội Niệm Phật đang lưu hành hiện thời do người đời sau soạn ra, chứ không phải là nguyên khúc do Bồ Tát truyền dạy cho tổ Pháp Chiếu. Người đương thời thường cho rằng Tổ là hóa thân của ngài Thiện Đạo (theo Ngũ Đài Sơn Linh Tích, không rõ tác giả, Hòa Tục Xuất Bản Xã, Đài Loan, ấn hành năm 1995).

[255] Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ vừa là tổ thứ sáu của Tịnh Độ, vừa là tổ thứ ba của Pháp Nhãn Tông bên Thiền. Theo Tống Cao Tăng Truyện và Cảnh Đức Lục, Tổ họ Vương, tự là Xung Huyền, hiệu Bão Nhất Tử, nguyên quán tại Đan Dương, sau dời qua Dư Hàng. Từ bé, Tổ từ năm sáu tuổi đã ngưỡng mộ Phật giáo, không ăn mặn. Đến tuổi trưởng thành, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, thường tụng kinh Pháp Hoa, làm chức quan coi kho cho Tiền Văn Mục Vương xứ Ngô Việt, rồi đến năm 28 tuổi, Ngài được thăng lên chức Hoa Đình Trấn Sứ, trông kho quân nhu. Ngài thường lấy tiền trong kho để mua cá, tôm đem phóng sanh đến nỗi tiền trong kho bị thiếu hụt. Sự việc vỡ lỡ, Tiền Văn Mục Vương hạ lệnh giải Ngài ra chợ chém. Tiền Văn Mục Vương sai người theo dõi xem Ngài phản ứng ra sao, thấy Ngài trong khi ngửa cổ đợi đao phủ xuống tay, nét mặt thật vui sướng, hân hoan. Giám trảm quan hỏi duyên cớ, Tổ đáp: *"Ta dùng tiền trong kho để phóng sanh, chứ chẳng dùng riêng cho mình một đồng nào nên tâm không thẹn thùng"*. Do vậy, Tiền Văn

tội liền thỏa nguyện xuất gia. Công khóa mỗi ngày là "một trăm lẻ tám Phật sự, tụng một bộ Pháp Hoa, niệm Phật mười vạn tiếng". Nếu chẳng phải là bậc Đại Quyền thị hiện trong thế gian, ai có thể dựng được pháp tràng như thế?

7) Thất Tổ Hàng Châu Chiêu Khánh Tỉnh Thường đại sư đời Tống

Hâm mộ đạo Lô Sơn, nối gót liên xã, trích máu biên chép phẩm Tịnh Hạnh, tể tướng [Vương Đán] theo về dưới tòa. Một trăm hai mươi vị chí hướng lớn lao, cao nhã, nguyện phỏng theo các ngài Long - Mã (Long Thọ, Mã Minh) [vãng sanh].

Hâm mộ đạo phong Lô Sơn lập tịnh xã, do vì đời sau ít người thực hành, liền tùy theo sự việc mà phát thệ một trăm bốn mươi mốt nguyện để ai nấy đều được an trụ nơi Bồ Đề. Tể tướng Vương Đán đã quy y, công khanh một trăm hai mươi người được un đúc. Tuy trong Diêm Phù phò tá cơ đồ nhà vua, vẫn chẳng bằng vãng sanh cõi Cực Lạc hưởng phước nhà Phật.

8) Bát Tổ Hàng Châu Vân Thê Châu Hoằng đại sư đời Minh

Vừa trụ tại Vân Thê đã chấm dứt được nạn hổ. Lúc hạn hán, [dân chúng] cầu thỉnh, [Sư] niệm Phật mưa liền tuôn xuống thỏa lòng dân mong mỏi. Thôn dân đều cảm thán, sắm gỗ lo liệu, đạo tràng được trùng hưng.

Thuở nhỏ nghe niệm Phật ý đã quyết, về sau răn môn đồ đừng làm trò quái gở[256], hạnh là khuôn mẫu cho thế gian, lời lẽ là pháp tắc cho cõi đời. Chú trọng Tịnh Độ và quy giới. Chống đỡ sóng cuồng thật khế lý, khế cơ. Xiển minh Phật tâm, đuổi ong, rết. Khiến cho khắp mọi phàm phu đầy dẫy triền phược cậy vào Phật từ lực, lên cõi sen.

9) Cửu Tổ Bắc Thiên Mục Linh Phong Trí Húc đại sư đời Thanh

Ngay từ nhỏ đã tin Phật, theo mẹ lễ tụng, đến lúc đi học theo đạo Nho liền phóng túng, đọc bộ Trúc Song Tùy Bút[257] bèn tự trách, tận lực hoằng dương Đại Thừa, mong cho mọi người cùng thoát khỏi hầm bẫy.

Mục Vương bèn hạ lệnh tha, Tổ bèn đi xuất gia với Thúy Nham thiền sư tại chùa Long Sách.

[256] Một môn nhân của tổ Liên Trì ẩn cư trên núi thường nhập định dự đoán mưa nắng, nói chuyện hậu vận, tai họa cho người khác. Tổ gởi thư quở trách, khuyên hãy chú tâm tu luyện hầu được giải thoát hơn là phô phang huyền thuật.

[257] Trúc Song Tùy Bút là một tác phẩm của tổ Vân Thê Liên Trì gồm ba quyển được biên soạn vào năm Vạn Lịch 43 (1615), gồm hơn bốn trăm bài viết ngắn trình bày những nhận định của Tổ Liên Trì về Thiên Thai, Thiền, Tịnh v.v…

Tông thừa giáo nghĩa thảy dung thông. Sở ngộ giống hệt như Phật chẳng khác biệt. Hoặc nghiệp chưa đoạn thì [giống như] bát đĩa [chưa nung], gặp mưa liền rã, uổng công lao đã [tu tập] từ trước. Do vậy, tận lực tu hạnh Niệm Phật. Quyết muốn trong đời này thoát khỏi bẫy lồng. Rát miệng thiết tha khuyên người học đạo, có sanh về được Tây Phương thì mới có thể kế thừa đấng Đại Hùng.

10) Thập Tổ Ngu Sơn Phổ Nhân Hành Sách đại sư đời Thanh

Xiển dương Tịnh Độ, khẩn thiết ít ai bằng, dùng lòng tín nguyện sâu để dốc cạn lòng thành tu tập. Tâm và Phật đôi bên khế hợp, muôn niệm đều dứt, quyết định thoát gò khổ.

Hám Sơn nguyện xưa chưa làm trọn, nên lại thị hiện giáng sanh làm Triệt Lưu[258], quở trách *"kẻ tu phước cõi trời đúng là bọn Xiển Đề, Chiên Đà La*[259]". Tâm tánh của Phật và ta vốn chẳng khác. Phật là đã thành, ta chưa tu. Muốn được tâm và Phật đều không sai khác, hãy nên cầu nơi "nhớ Phật, niệm Phật!"

11) Thập Nhất Tổ Hàng Châu Phạm Thiên Thật Hiền đại sư đời Thanh

Bốn mươi tám nguyện, kính phỏng theo Di Đà, một trăm lẻ tám bài thơ hay hơn Sở Ca[260], người nghe chán Sa Bà, khiến kẻ chần chừ phấn khởi chứng Ba La Mật Đa.

---

[258] Triệt Lưu là pháp tự của tổ Hành Sách.

[259] Chiên Đà La (Candāla), còn phiên âm là Chiên Trà La, dịch nghĩa là Nghiêm Xí (hừng hực dữ dội), Bạo Lệ (tàn nhẫn dữ dội), Chấp Ác, Hiểm Ác, Chủ Sát Nhân, Trị Cẩu Nhân v.v… Chiên Đà La vốn là một danh xưng chỉ giai cấp hạ tiện nhất trong hệ thống giai cấp của Ấn Độ thời cổ. Bọn họ chuyên làm những nghề coi ngục, buôn bán, đồ tể, đánh cá, chôn người chết, quét dọn nhà vệ sinh v.v… Do nghề nghiệp bị coi là nhơ uế và bị xã hội ruồng rẫy, khinh rẻ, đa số rất hung bạo, tham lam và tìm mọi cách bòn rút khi những người thuộc giai cấp trên có việc phải nhờ đến họ. Theo luật Mã Nỗ (Manu) của đạo Bà La Môn, những người bị xếp vào hạng Chiên Đà La là con của đàn ông thuộc giai cấp Thủ Đà La (Sudra) lén ăn nằm với nữ nhân thuộc dòng Bà La Môn. Bọn họ bị cấm bước vào đền thờ Ấn Độ giáo vì sợ hình bóng của họ sẽ làm ô uế tượng thần! Kinh Phật mượn từ ngữ này để chỉ những kẻ tánh tình bạo ác, hung hăng, không biết nhân từ, lễ nghĩa, chứ không hàm ý miệt thị giai cấp như trong kinh điển Bà La Môn.

[260] Sở Ca là những khúc hát bằng tiếng nước Sở thời Xuân Thu Chiến Quốc. Khi quân Hán của Lưu Bang vây hãm quân Sở của Hạng Vũ tại Cai Hạ (nay thuộc huyện Linh Bích, tỉnh An Huy), Hạng Vũ vẫn còn rất đông quân, Trương Lương bèn bày kế cho người thổi sáo và hát những điệu dân ca nước Sở, quân Hạng Vũ động lòng nhớ nhà, đào ngũ gần hết. Do đó, từ ngữ "Sở Ca" thường được dùng để chỉ những câu hát mang tính chất lay động lòng người, khiến người khác thay đổi chí hướng. 108 bài thơ được nhắc đến ở đây là 108 bài thơ khuyên tu, tán dương Tịnh Độ do tổ Thật Hiền đã viết.

Thâm nhập kinh tạng rất khó khăn mà Ngài đích thân chứng được, triệt ngộ tâm rồi tận lực hoằng dương Tịnh tông. Muốn cho người đời biết nguyên do, viết văn làm thơ nêu bày Phật lệnh: *"Phát tâm Bồ Đề để dẫn đường, chân tín nguyện hạnh làm đường lối thực hiện. Nếu đầy đủ được những pháp thù thắng ấy, sẽ siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này"*.

12) Thập Nhị Tổ Hồng Loa Tư Phước Tế Tỉnh đại sư đời Thanh (tức Triệt Ngộ đại sư)

Thông trọn kinh sử, mong làm người hướng dẫn cho cõi đời, vừa bị bệnh liền biết [thông thạo kinh sử] chẳng thể nương cậy được, nghiên cứu chỗ uyên áo của các tông, thấy đều khó chứng được, bèn chuyên chú nơi giáo pháp Tịnh Độ.

Pháp ngữ dạy đại chúng lợi ích rất nhiều. Kệ niệm Phật thảy bao la. Toàn chân biến thành vọng chỉ do tâm này. Toàn vọng biến thành chân cũng chẳng có gì khác. Bất biến tùy duyên nên tùy tịnh, tùy duyên bất biến chớ thuận theo sai ngoa. Nếu ai nấy y theo nghĩa này để tu trì thì quang thọ sẽ giống như đức Di Đà.

27. Tán dương tượng Triệt Ngộ thiền sư

Bậc tuấn kiệt làng Nho, đấng khôi hùng cửa Phật, sư tử hùng mạnh nơi hang Thiền, rồng thần nơi biển Giáo, nghiên cứu Từ - Hiền[261] nhưng hoằng dương giáo pháp Thiên Thai, trụ trì chùa Thiền thổi gió sen, chỉ mong khế cơ cùng khế lý, chẳng tính môn đình là dị hay đồng, nêu tỏ ý nghĩa "làm Phật, là Phật", phá sạch sự tối tăm chấp lý phế sự, đang lúc tà thuyết tung hoành trong đời ác này, kẻ nhỏ nhoi, người có địa vị lớn lao không đâu chẳng noi theo!

28. Tán dương tượng Đạt Ma Tổ Sư

Đặc biệt từ trời Tây đến đây truyền Phật tâm, Đông Độ vốn nhiều kẻ căn cơ Đại Thừa. Sau đấy một chiếc dép trở về Tây[262], con cháu khắp cõi rền tiếng huyền diệu.

---

[261] Từ là Từ Ân tông (Duy Thức tông), Hiền là Hiền Thủ tông (Hoa Nghiêm tông).

[262] Theo truyền thuyết, tổ Bồ Đề Đạt Ma thị tịch vào ngày mồng Năm tháng Mười nhằm năm Đại Thống thứ hai (536) đời Ngụy Văn Đế. Đến ngày 18 tháng Chạp năm ấy, môn nhân đưa pháp thể tới chôn tại núi Hùng Nhĩ (tỉnh Hà Nam), dựng tháp thờ tại chùa Định Lâm. Ba năm sau, Tống Vân được vua Ngụy sai sang sứ Tây Vực, khi trở về đến Thông Lãnh (tức cao nguyên Pamir hiện thời), gặp Tổ quảy một chiếc dép phiêu diêu đi một mình, liền hỏi: "Sư đi đâu vậy?" Tổ đáp: "Ta trở về Tây Thiên!" Tống Vân trở về, thuật lại chuyện ấy, môn nhân đào mộ, mở quan tài ra chỉ thấy trong ấy có một chiếc dép. Triều đình bèn sai đem chiếc dép ấy về thờ tại chùa Thiếu Lâm. Về sau, đến năm Khai

29. Tán dương tượng Tế Công thiền sư

Nhằm khơi gợi lòng chân tín nguyện cho chúng sanh, nên hiển lộ đủ mọi đại thần thông, chẳng giả khùng điên để che mắt mọi người, làm sao trụ mãi trong cõi đời để đánh động bọn điếc - đui?

30. Ca tụng Nam Bình Tông Thừa[263]

Túy Bồ Đề, Bồ Đề túy. Kẻ vô trí chớ theo đuổi. Nếu nhận lầm phương hướng, muôn kiếp thường đọa lạc Nê Lê[264]. Nguyện người học khéo phân biệt: Thuận tâm nghịch tích[265] là phương cách tối thượng, [nhưng] nếu

---

Nguyên thứ 15 (727) đời Đường, có kẻ trộm lấy đưa về thờ tại chùa Hoa Nghiêm trên Ngũ Đài, đến nay không biết đã thất lạc về đâu!

[263] Núi Nam Bình là một trong mười thắng cảnh vùng Tây Hồ (nằm ở phía Tây Hàng Châu, tỉnh Giang Tây), cảnh núi đẹp đến nỗi họa sĩ Trương Trạch Đoan đời Tống đã vẽ một bức họa rất nổi tiếng với tựa đề Nam Bình Vãn Chung Đồ (Bức họa tiếng chuông chiều tại Nam Bình). Trên núi có rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng, nổi tiếng nhất là chùa Hưng Giáo (đại bản doanh của phái Sơn Gia tông Thiên Thai) và Tịnh Từ. Trong bài tụng này, tổ Ấn Quang ca ngợi tông phong của chùa Tịnh Từ. Ngô Việt Vương Tiền Hoằng Thục xây chùa Tịnh Từ tại núi Nam Bình vào năm Hiển Đức nguyên niên (954) đời Hậu Châu, thoạt đầu chùa mang tên Huệ Nhật Vĩnh Minh Tự (đến đời Tống Thái Tông đổi thành chùa Thiên Ninh, rồi thành Tịnh Từ), thỉnh ngài Đạo Tế (tức Tế Điên hòa thượng) đến trụ trì, Ngài trở thành tổ khai sơn của chùa. Sư tính đúc tượng mười tám vị La Hán, chưa tâu lên, vua đã mộng thấy mười tám người khổng lồ đến tìm, bèn giúp cho Sư hoàn thành chí nguyện. Khi ngài Đạo Tế thị tịch năm Kiến Long thứ hai (961) đời Tống, vua bèn thỉnh ngài Vĩnh Minh Diên Thọ từ chùa Linh Ẩn về Trụ Trì, chấn hưng tông phong mạnh mẽ, độ hơn 1.700 đệ tử xuất gia. Tổ hằng ngày làm 108 Phật sự, niệm Phật mười vạn tiếng, tụng hết một bộ Pháp Hoa khiến khắp xa gần đều ngưỡng mộ tông phong chùa Tịnh Từ. Ngài Vĩnh Minh cũng đã soạn bộ Tông Kính Lục (100 quyển) lừng danh tại chùa Tịnh Từ. Túy Bồ Đề là xước hiệu của ngài Tế Điên vì Ngài thường làm ra vẻ điên cuồng, hay uống rượu say sưa, nhưng mỗi lời Ngài nói ra không câu nào chẳng hợp Thiền cơ, khiến người hữu duyên nghe xong tỉnh ngộ sâu xa.

[264] Nê Lê (Naraka), còn phiên âm là Na Lạc, Na Lạc Ca, Na La Kha, hay Nại Lạc, dịch nghĩa Khổ Khí, Khổ Cụ, chính là địa ngục. Chữ Nê Lê bao gồm những ý nghĩa "tối tăm, không đúng, chẳng thể vui sướng". Theo Câu Xá Quang Ký quyển tám, chữ Na Lạc nghĩa là "người", Ca nghĩa là "ác". Như vậy Na Lạc Ca là người tạo nhiều tội ác, bị đọa vào trong ấy vì thế gọi là Na Lạc Ca. Có thuyết giải thích Ca có nghĩa là "vui sướng", Nại là "không", Lạc là "cùng với, tương ứng". Như vậy, Nại Lạc Ca nghĩa là "chẳng tương ứng với vui sướng", hoặc "chẳng thể cứu vớt được"!

[265] Do ngài Đạo Tế thường thị hiện những hạnh trái nghịch phạm hạnh xuất gia như uống rượu, ăn thịt chó, nhằm ẩn giấu thần thông để hóa độ người hữu duyên, nên có nhiều kẻ tưởng lầm tu Thiền đã giải ngộ rồi thì không cần giữ giới luật nữa, cứ phóng túng làm càn, nên tổ Ấn Quang khuyên: *"Nếu nhận lầm phương hướng, muôn kiếp thường đọa lạc Nê Lê. Nguyện người học khéo phân biệt"*. Sở dĩ gọi là "thuận tâm nghịch tích" vì ngài Đạo Tế là bậc kim thân La Hán, tâm đã giác ngộ thanh tịnh ("thuận tâm") nhưng thị hiện

không có mắt chọn lựa pháp chân chánh, chắc chắn sẽ bị tổn hại không lợi ích.

31. Tán dương bài ký "hình Phật hiển hiện trên răng lợn" của ông Lưu Công Lỗ ở Quý Trì

Hết thảy chúng sanh, đều có Phật tánh. Do mê trái nên đánh mất lẽ chánh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cái thân mình. Sát nghiệp đã kết, trải nhiều kiếp giết lẫn nhau. Đức Như Lai thương xót, bèn làm thuyền từ, khơi mở giáo huấn lớn lao về lòng Từ. Người ta vẫn không tin nên Phật bèn đặc biệt hiện hình dáng để mong chúng sanh tùy thuận [lời Phật dạy]. Vỏ nghêu sò, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm rùa, đều có hình Phật ngự [trong đó]. Có người họ Chức vào đời Tống giết lợn quăng đầu, chó giữ [đầu lợn] bốn ngày chẳng dám táp. Đuổi chó chẻ xương, trên răng hàm lợn hiện hình Phật. Mắt biếc, búi tóc xoắn ốc, nghiễm nhiên là bậc Đại Giác. Trước khi chưa giết, [mọi người] đều nói là "súc sanh", đã giết xong mới biết là Phật. Do vậy, biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật, dẫu chẳng phải do Phật hiện thì cũng là vị lai Phật. Giết để ăn thịt, tội quá non biển! Hãy gấp đau đáu ngăn dè, hòng được giải thoát!

Anh em họ Triều làm văn tán dương, nghĩa lý uyên thâm, văn từ sáng đẹp, ông Thiên Trì biên chép, các vị đề tựa, viết lời bạt, để làm bài cảnh sách vĩnh viễn nhằm khơi gợi hậu giác. Đã hiểu nghĩa này, ai dám giết chóc? Tranh thành, giành đất sẽ chấm dứt ngay. Ông Lưu ở Quý Trì, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, bảo tồn sách của ông Từ, lời đề tựa, lời bạt đều phù hợp, sai con là Công Lỗ đem đưa cho xem, liền kính viết mấy lời tỏ bày chí hướng của tôi. Nguyện kẻ thấy nghe sẽ ăn chay kiêng giết, chắc chắn trong đời này sẽ về cõi Cực Lạc.

32. Tán dương tượng Niệm Thành đại sư

Nghĩ tới đức lớn của Ngài, ước mong khôi phục Linh Nham, sau cơn tai kiếp một mình ở trong lòng tháp, gặp được ông Bành lên chơi núi, hứa tra xét ruộng đất của nhà chùa, dần dần trở thành chốn danh lam.

33. Bài ca tụng nhân dịp Cô Nhi Viện tại Thượng Hải khánh thành nhà mới

Giúp đỡ cô nhi, tài cao chót vót. Nếu chẳng cứu giúp, sống bằng cách nào? Đã được nuôi dạy, chánh khí ắt thành. Hoặc là công, thương, học hành,

---

những hành vi trái với oai nghi của người xuất gia nhằm ẩn giấu thân phận, nên gọi là "nghịch tích" (thể hiện hành vi trái nghịch).

cày cấy, là hiền, là thiện, tốt lành, thuần thục, chăm giữ đạo nghĩa, tuy hèn vẫn vinh. Huống chi chẳng ít anh tuấn lỗi lạc. Do vậy biết rằng: Nuôi dạy cô nhi, lợi ích sâu rộng, lời ông Tử Dư thật đã nghĩ chín, chỉ nguyện người nhân, cùng sẵn từ bi, nhà viện tuy thành, nhu cầu vẫn thiếu, ai nấy ra tay, giúp cho hoàn thành. Thương con của người, con ta ắt nhờ. Hiền thiện tiếp nối, nêu gương cho đời, lợi người, tự lợi, nhân quả như thế, chớ nên chẳng tin. Lời Phật chẳng dối!

34. Ca tụng pháp môn Tịnh Độ thù thắng
(chỉ do pháp môn này thù thắng mà bà Trí Nghi được vãng sanh)

Pháp môn Tịnh Độ dạy dỗ không phân biệt, phàm - thánh, trí - ngu đều được bình đẳng nhiếp thọ. Hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, chỉ có mỗi pháp này hoàn toàn cậy vào Phật lực, Phật lực khác biệt tự lực một trời một vực. Tín nguyện ức niệm quyết định sanh về nước Phật. Bao nhiêu người tín niệm, bấy nhiêu người vãng sanh. Phật có lời thệ nguyện, nay đã tỏ lộ dấu hình: Nữ sĩ Trí Nghi tâm niệm Phật tha thiết, niệm chưa được mấy năm đã được Phật đón tiếp. Nguyện người thấy nghe ai nấy chăm chú tu trì, để dự vào hội Liên Trì, vui sướng nào hơn!

35. Ca tụng chuyện sanh Tây của cư sĩ Từ Úy Như

Cao cả thay ông Từ! Xưa đã trọn đủ huệ căn, hiếu hữu, nhân từ, tận hết bổn phận, trọn vẹn luân thường, nghiêm cẩn tuân theo lời tổ tiên giáo huấn, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu hạnh niệm Phật, mong sanh cõi Tịnh. Tuổi trung niên tận lực đảm nhiệm việc khắc in kinh điển để nối tiếp huệ mạng của Phật hòng giúp cho cả Mật lẫn Hiển. Thời cuộc chẳng yên, càng ưa - chán thiết tha, nương nguyện về Tây, đại sự giải quyết xong, được Phật thọ ký, liền trở lại Sa Bà, tiếp dẫn khắp hàm thức cùng thân cận Di Đà.

36. Ca tụng đức cao đẹp của ông Sa Tuyết Phảng
(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Cao cả thay cụ Sa, túc căn rất sâu, hiếu hữu nhân từ, cả làng cùng khâm phục, tuổi đã tám mươi mới tu Tịnh Độ, phát trọn ba tâm, mong sanh Thượng Phẩm, tâm sẵn có, tâm tạo tác, tâm làm, tâm là. Giải lẫn hạnh đều viên dung, Lý - Sự nhất trí. Vì thế, khi lâm chung được an nhiên qua đời, đỉnh đầu ấm, vẻ mặt rạng rỡ, để biểu thị đã thật sự đến được [Cực Lạc].

37. Ca tụng chuyện quy Tây của cư sĩ Khuất Tử Kiến
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Phật tâm và chúng sanh tâm, về bản thể vốn chẳng hai. Do nhân duyên mê - ngộ nên [tâm] chẳng khác mà [tướng] thành sai khác. Nếu chịu trái nghịch trần lao, kiêm trì thánh hiệu Phật, hễ được vãng sanh Tây Phương thì sẽ đích thân đến được bờ giác. Cao đẹp thay ông Tử Kiến! Túc căn thật sâu, thác sanh vào gia đình đời đời thiện lương, giữ tấm lòng trung hậu, khoan dung. Chuộng nghĩa, khinh tài, thân - sơ đều bình đẳng quan tâm. Có tư cách lỗi lạc, nhưng chuyên trọng niệm Phật. Tịnh nghiệp đã chín muồi, biết trước lúc nào sẽ đi, quyến thuộc đều nhất tâm niệm Phật tương trợ. Vì thế, được nương nhờ Phật lực vãng sanh cõi Cực Lạc. Di tướng[266] càng thêm rạng rỡ, ai nấy đều khen là lạ lùng, đặc biệt. Các hành nhân đời Mạt muốn thoát khỏi bẫy sanh tử, chỉ có một pháp Niệm Phật là có thể dự vào bậc thánh trong đời này. Nêu toát yếu đại lược hòng lưu lại vĩnh viễn cho con cháu, mong ai nấy đều noi theo đức của người xưa thân cận Di Đà Thế Tôn.

38. Ca tụng đức cao đẹp của cư sĩ Trương Miện Đường
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Cao đẹp thay ông Miện Đường! Thừa nguyện thị hiện giáng sanh. Đang trong lúc kiếp nạn ngập trời này, biển cả, đất liền đầy dẫy cọp, kình, nhân dân bị nuốt cắn, phát tâm dẹp cho yên. Do vậy, vào quân ngũ, dùng đức giáo hóa binh lính, lấy nhân nghĩa làm vũ khí, dùng nhân quả làm lũy thành. Phàm đóng quân chỗ nào, tiếng khen ngợi vang rền truyền đến đất Tô. Trừ bạo, an dân lành, hoằng pháp độ hữu tình, ma tà, ngoại đạo đều dẹp yên, Phật nhật được chiếu rạng. Chán nghiệp võ theo nghề văn. Sắt - cầm thường trỗi tiếng. Giảm bớt sự phiền toái trong việc cai trị nên được nhiều lúc rảnh rỗi. Niệm Phật có chương trình nhất định. Dùng móng tay vẽ tượng Tam Thánh, tinh diệu khôn sánh tầy. Phàm có ai thấy nghe, tâm đều hướng về Cực Lạc. "Tâm làm Phật là Phật", Quán Kinh nghĩa rộng sâu. Sự thế gian, xuất thế, đều lấy gốc nơi lòng thành, nguyện khắp người mọi giới, nghe phong thái đều dấy lòng hành theo, ngõ hầu từ nay trở đi thiên hạ thường thái bình.

39. Ca tụng hạnh cao đẹp của cụ bà họ Từ, mẹ ông Châu
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Cao đẹp thay Châu mẫu! Xưa có huệ căn, thờ mẹ nuôi em, tiếng khen rộn xóm làng. Gả về nhà ông Châu, giúp chồng làm điều nhân, sửa đổi nghề nghiệp trước, lòng Từ không ai bằng. Trông nom gia đình, dạy con, buôn bán, làm lành, phàm tính toán những gì đều hợp tình lý, lòng mong lợi lạc, giúp người, tài lẫn pháp cùng thí. Xót thương chỉ dạy, không điều nhỏ nhặt nào chẳng quan tâm đến. Những gì cụ tích tụ [cho riêng mình] suốt cả một

---
[266] Chỉ thân xác, vẻ mặt của ông Khuất Tử Kiến sau khi đã mất.

đời, chỉ chứa được đầy tráp. Xét về đạo Nho, hạnh của cụ phù hợp với lẽ Đại Đồng, xét nơi đạo Thích, hạnh cụ khế hợp pháp Tứ Nhiếp. Phong thái cao đẹp của hai bà Phi, ba bà Thái vẫn chưa mất; cho nên viết đại lược để nêu gương cho người sau.

40. Ca tụng liệt nữ Trương San Trinh

Chánh khí trong trời đất, được con người thực hiện rộng rãi. Nam - nữ tuy sai khác, lý này cố nhiên chẳng sai biệt. Do cùng sẵn đủ Phật tánh, tức là cái được gọi là "bỉnh di" (vâng giữ luân thường), nhưng phải khéo mở rộng sự ấy, [muốn] làm thánh hiền phải lấy đó làm nền tảng. Tiếc thay con người trong thời gần đây, cứ coi điều hay là chuyện tệ. Tận lực trừ cho hết sạch phạm vi giữa nam - nữ, gọi luyến ái là cao thượng, coi trinh tiết là tỳ vết! Đúng là muốn cho người trong khắp cõi đời giống hệt như cầm thú. Cao cả thay cô Trương San Trinh! Dẫu chết chí chẳng dời, không được mẹ thông cảm, dùng kéo tự rạch [cổ]. Tuy là con nhà nông, nhưng đáng là điển hình cho nữ giới. Dùng thân phụ trợ Danh Giáo[267], đáng gọi là đại trượng phu. Người tuy đã qua đời, trinh đức chẳng hề mất. Tiếc rằng chưa biết Phật pháp, rốt cuộc khó thoát khỏi bẫy phàm. Nếu sanh được lòng tín nguyện, chí tâm niệm A Di Đà, ắt được Phật tiếp dẫn, vãng sanh ao bảy báu. Thấy Phật nghe diệu pháp, tiến dần lên chứng được Bồ Đề. Đến tận cùng kiếp vị lai, thường làm thầy trời - người.

41. Ca tụng hạnh đẹp của cư sĩ Trình Chí Bằng ở Vụ Nguyên

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Sanh trong đời nay mà hành đạo xưa. Nêu gương cho làng ấp. Giữ chí khí, tiết tháo của Liêm Lạc[268]. Tin sâu Phật pháp, chẳng tập tành lỗi lầm "trong lòng tuân phụng ngoài mặt chống trái" [của bọn Trình - Châu]. Nguyện sanh về Liên Bang, lúc mất được cảm ứng đạo giao thù thắng. Ôi! Con người như vậy là trụ đá giữa dòng chảy, là hướng dẫn tốt lành trong

---

[267] Theo tác phẩm Thiên Hạ Tàn Cuộc (tác giả Đàm Bá Ngưu, nhà xuất bản Đồng Tâm, Hoa Lục, 2006): *"Chữ Danh tương đương với 'hình thái ý thức' trong ngôn ngữ hiện thời, tức là vận dụng lịch sử và kinh nghiệm cá nhân, phương pháp lý luận suy diễn từ nguyên nhân đến hậu quả để đề ra một khái niệm, hay một nguyên tắc hòng định khuôn mẫu cho nếp sống. Giáo tức là dạy dỗ, tuyên truyền sao cho mỗi cá nhân đều sống sao cho đạt được những mục đích chuẩn mực đã đặt ra trong Danh".* Như vậy, Danh Giáo có thể hiểu đại lược là những chuẩn mực về luân lý, đạo đức được đề cao trong xã hội.

[268] Liêm Lạc nói đủ là "Liêm Lạc Quan Mân" là bốn đại học phái Lý Học đời Tống, Liêm là phái Lý Học của Châu Đôn Di ở Liêm Khê, Lạc là phái Lý Học của Trình Di ở Lạc Dương, Quan là phái Lý Học của Trương Tải ở Quan Trung, còn Mân là phái Lý Học của Châu Hy ở đất Mân Việt (Phước Kiến).

đường mê. Do vậy bèn viết đại lược để bảo với người thông sáng đời mai sau.

42. Bài ca tụng nhân dịp minh thọ[269] trăm tuổi của cụ Tề Dữu Nam và Kim phu nhân

Ông Tề hiếu hữu đức siêu quần, phu nhân càng giúp nêu gương thơm. Chớ bảo bình sinh lo buôn bán, phải biết toàn thân đầy học thức. Học thức ấy thật sự có thể lưu tiếng thơm suốt cả một đời. Tiếc chưa được nghe Phật pháp, ngộ nguồn tâm. May có con cháu vừa hiền vừa hiếu, cầu siêu mong cha mẹ được sanh về cõi trời Cực Lạc. Cực Lạc vui sướng khôn lường! Luôn được đích thân chầu hầu bậc cổ Giác Hoàng[270]. Chứng Vô Sanh Nhẫn nương Bi nguyện, riêng đến cõi này làm thuyền Từ. Thuyền Từ thả trong biển khổ, khiến cho khắp mọi người về Tây bỏ Đông. Đến ngày tự lợi lợi tha đều viên mãn, sẽ trong pháp giới xưng Đại Hùng.

43. Bài tụng hồi hướng cho khắp mọi người trong hiện tại ấn tống và vĩnh viễn lưu truyền Văn Sao

(năm Dân Quốc 16 - 1927)

Pháp môn Tịnh Độ là pháp giới tạng, khế cơ và khế lý, thật là vô thượng. Bậc Đẳng Giác đại thánh, kẻ nghịch ác tiểu phàm, Luật - Giáo - Thiền - Mật, đều khắp bao hàm. Mười phương chư Phật hết kiếp tuyên dương vẫn khó nói trọn diệu nghĩa, công huân lạ lùng. Huống chi tôi là kẻ tầm thường phàm tục, ngẫu nhiên nêu tỏ được một hạt bụi trong cõi đất, một giọt nước trong biển cả, thật quá nhỏ nhoi! Tự lượng kém hèn, nếu chẳng phải đức Phật sẽ không thể độ được, cũng có những người cùng chí hướng chỉ chuyên chú nơi chuyện này; do vậy mới có đủ mọi thứ lời lẽ hủ bại. Giãi bày lòng ngu thành, chứ nào phải hoằng dương Tịnh Độ! Do các cư sĩ nghĩ những lời lẽ ấy có lợi cho hàng sơ cơ, ấn hành nhiều lượt để mong [hàng sơ cơ] có chỗ nương tựa. Có ông Diệp Đức Quảng bỏ ra ba ngàn đồng, tính để làm ấn phí mong sách được lưu truyền rộng rãi. Trong tháng Tám, thành Thiểm Tây bị vây hãm, [tình thế] rất đáng buồn, cầu cứu giải vây, liền dùng hết số tiền ấy để cứu đói. Phàm có các thiện sĩ tùy ý quyên góp giúp đỡ, [ấn tống] năm ba ngàn bộ, vẫn gom thành đủ số. Nguyện những người bỏ tiền và những ai đọc tụng đều tiêu trừ nghiệp chướng, tăng cao nền phước, cửa nhà yên vui, thân tâm bình yên, mạnh khỏe, sống dự vào bậc thánh, thác về Tây Phương. Tổ tiên đã khuất, oán thân bao đời, đều nhờ lòng Từ của Phật mà chứng được diệu tâm vốn có. Can qua vĩnh viễn chấm dứt, lễ nghĩa nhân nhượng thịnh hành, nhân

[269] Minh thọ là sinh nhật của người đã mất.

[270] Giác Hoàng là một danh hiệu tôn xưng đức Phật, ý nghĩa giống như chữ Giác Vương. Do A Di Đà Phật đã thành Phật từ mười kiếp trước nên gọi là "cổ Giác Hoàng".

dân yên vui, thiên hạ thái bình, trọn báo tứ ân, giúp đều ba cõi, pháp giới chúng sanh cùng chứng Bồ Đề.

Phụ Lục:
Toa thuốc thần hiệu Bạch Phàn[271] Cứu Mạng
(Bạch Phàn còn gọi là Minh Phàn hoặc Phàn Thạch)

Phàm ăn nhầm hà đồn[272] hoặc hết thảy những món độc khác, hoặc do sự việc [trái ngang] bức bách, ý muốn coi rẻ mạng sống, toan tự tận, nuốt nha phiến, tỳ sương, đằng hoàng[273], hết thảy những thứ có thể hủy hoại tạng phủ con người khiến cho con người mất mạng, tức những thứ được đặt tên là độc vật và uống lầm những loại thuốc độc v.v… đều có thể dùng một cục bạch phàn nghiền nát, dùng nước sôi hòa tan, hòa thêm chừng mấy chén nước lạnh, cốt sao nước phèn vẫn giữ được tánh chất, mùi vị chua rít đậm đặc là được. Liền bảo người bị nạn uống mấy chén nước phèn ấy, chưa đầy một khắc đồng hồ, sẽ ói hết sạch những thứ độc vật đã ăn vào, liền bảo toàn được tánh mạng.

Nếu như ăn phải chất độc thời gian quá lâu, đổ nhiều nước phèn cho lọt vào bụng cũng vẫn có thể cứu chữa được! Dẫu cho tạng phủ đã bị hư hoại, cứu vãn không kịp, cũng không có hại gì. Xét ra, bạch phàn tánh mát, vị

---

[271] Bạch Phàn (Alumen) thường được gọi là phèn trắng, hay phèn chua, thường có màu trong suốt hoặc trắng ngả vàng, có công thức hóa học là $KAl(SO_4)_2 \cdot 12H_2O$. Đông Y thường dùng Bạch Phàn để giải độc sát trùng, chữa ghẻ, hoặc uống để cầm máu, chữa thổ tả, trừ phong đàm.

[272] Hà Đồn (globefish, puffer fish), có tên khoa học Takifugu Rubripes, là một loại cá rất độc, hình dáng giống cá Nóc bên ta, thân hình tròn ung ủng, đuôi và vây ngắn củn, trông giống như quả cầu nhỏ bị thổi phình lên nên còn có tên là Khí Cổ Ngư (cá trông như cái trống bơm căng) hoặc Xuy Đỗ Ngư (cá thổi phình bụng). Do thịt loại cá này ăn rất ngon, nên người Hoa xếp nó vào Trường Giang Tam Tiễn (ba món tươi ngon của sông Trường Giang), tức Hà Đồn, Đao Ngư, và Thời Ngư (cá cháy), nhưng trong mình Hà Đồn nó chứa một lượng chất độc có thể giết chết được ba mươi người trưởng thành (theo Wikipedia). Nếu không biết cách khử chất độc trên da cá, ăn vào sẽ bị trúng độc. Người Nhật gọi loại cá này là Fugu và chế biến thành một món Sushi rất đắt tiền, người đầu bếp làm món này khi được mướn phải trình cho nhà hàng văn bằng chứng nhận anh ta đã được huấn luyện cách chế biến đúng mức. Tuy thế, mỗi năm tại Nhật vẫn có cả trăm trường hợp chết vì trúng độc do ăn món cá này.

[273] Tỳ Sương (Arsenic Trioxide) còn gọi là Thạch Tín, chất độc không giết chết người ngay nếu uống với liều lượng nhỏ. Trong thế kỷ 18-19, do chưa hiểu biết về độc tánh của chất này, Âu Tây vẫn dùng một loại thuốc chứa chất Thạch Tín mang tên Arsphenamine để chữa bệnh!

Đằng Hoàng (Garcinia Morella) là chất nhựa trích từ một loài cây leo thuộc họ Đằng Hoàng (Clusiaceae) thường có hoa đơn màu vàng, mọc thành chùm, trổ từ kẽ lá, lá hình trứng. Chất keo Đằng Hoàng thường được dùng trong Đông Y để cầm máu, sát trùng, chữa bệnh phù thũng. Do họ Đằng Hoàng có nhiều loại cây hình dạng tương tự nên khi thu thập chế biến rất dễ hái lầm loại có chất độc.

chua rít, giải được các chất độc, vì thế rất thích hợp. Cũng có thể dùng bài thuốc này để chữa trị chứng hoắc loạn (bệnh dịch tả). Bài thuốc này do y sĩ Phùng Văn Phù ở Thiên Tân trải hơn mười năm kinh nghiệm, áp dụng trăm lần đều công hiệu, nhiều lần chứng kiến hiệu quả thần kỳ. In toa thuốc lưu truyền rộng rãi ngõ hầu cứu giúp rộng khắp quả thật là dụng tâm của người nhân từ, quân tử, Hơn nữa, bạch phàn ở chỗ nào cũng mua được, giá lại phải chăng. Nguyện người đọc lưu tâm [dùng bài thuốc này] làm phương tiện cứu người, công đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Liền đem công đức cứu người ấy hồi hướng Tây Phương thì cũng có thể dùng làm duyên tăng thượng thù thắng.

V. Những bài viết khác

1. Lâm chung tam đại yếu (Ba điều quan trọng nhất lúc lâm chung)

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Điều bi thảm nhất trong thế gian không chi bằng cái chết, nhưng người trong khắp cả cõi đời, không một ai may mắn thoát được! Vì vậy, người có tâm muốn lợi mình lợi người chẳng thể không sớm lo liệu. Thật ra, một chữ CHẾT vốn chỉ là giả danh, do kỳ hạn của quả báo chiêu cảm từ [các nhân] đời trước đã hết nên bỏ tấm thân này rồi lại thọ cái thân khác vậy. Kẻ chẳng biết Phật pháp thì đúng là không tìm được cách gì, chỉ đành mặc cho nghiệp xoay chuyển. Nay đã được nghe pháp môn Tịnh Độ phổ độ chúng sanh của đức Như Lai thì phải nên tín nguyện niệm Phật, sắp đặt sẵn tư lương vãng sanh, hầu mong thoát được nỗi khổ luân hồi sanh tử giả huyễn, chứng sự vui Niết Bàn thường trụ chân thật.

Nếu ai có cha, mẹ, anh, em và các quyến thuộc mắc phải bệnh nặng, bệnh tình khó bề thuyên giảm thì hãy nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây phương và trợ niệm cho họ để mong người bệnh nhờ đó sau khi chết liền được sanh về Tịnh Độ. Sự lợi ích như thế làm sao diễn tả được? Nay tôi nêu lên ba điều trọng yếu để làm căn cứ hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung; lời lẽ tuy thô vụng, quê kệch, nhưng ý vốn lấy từ kinh Phật. Gặp được nhân duyên này đều nên làm theo. Ba điều trọng yếu vừa nói đó chính là:

* Một là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến [người sắp mất] sanh chánh tín.

* Hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm [cho người sắp mất].

* Ba là hết sức tránh dời động, khóc lóc, kẻo làm hỏng việc.

Nếu có thể tuân theo ba pháp này để hành thì chắc chắn sẽ tiêu trừ được túc nghiệp, tăng trưởng Tịnh nhân (cái nhân để vãng sanh Tịnh Độ), được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây phương. Hễ đã được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, dần dần tấn tu ắt sẽ đạt tới viên thành Phật quả mới thôi. Sự lợi ích như vậy hoàn toàn nhờ vào sức trợ niệm của quyến thuộc. Có thể làm được như thế mới là chân hiếu đối với cha mẹ, mới thật là

chân đễ[274] đối với anh em trai, chị em gái, mới thật là chân từ đối với con cái, mới thật là chân nghĩa, chân huệ đối với bằng hữu và đối với mọi người; dùng những điều ấy để vun bồi cái nhân Tịnh Độ của chính mình, khơi gợi lòng tin tưởng của những đồng nhân, lâu ngày chày tháng nào có khó gì mà chẳng tập thành lề thói được. Nay tôi sẽ trình bày từng điều một để chẳng đến nỗi có những điều không thích đáng lúc lâm chung vậy.

a. Điều thứ nhất là khéo chỉ bày, an ủi, khiến cho [người sắp mất] sanh chánh tín

Thiết tha khuyên người bịnh buông xuống hết thảy, [chỉ] nhất tâm niệm Phật. Nếu như cần phải giao phó việc gì thì phải mau giao phó. Giao phó xong thì chẳng đếm xỉa đến nữa, chỉ nghĩ ta nay sắp theo Phật vãng sanh cõi Phật; tất cả sự giàu sang, vui sướng, quyến thuộc thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến ta mắc hại. Vì thế, chẳng nên sanh một niệm quyến luyến, vướng mắc. Phải biết: Một niệm chân tánh của chính mình vốn chẳng có chết. Sự chết vừa mới nói đó chỉ là xả thân này để lại thọ cái thân khác mà thôi! Nếu chẳng niệm Phật thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác để lại thọ sanh trong nẻo lành, đường dữ (Đường lành là trời - người. Đường ác là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. A Tu La vừa gọi là đường lành vừa gọi là đường ác vì họ tu nhân cảm quả đều là thiện - ác xen tạp). Nếu như trong lúc lâm chung, nhất tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì do tâm niệm Phật chí thành ấy, ắt quyết định cảm được Phật dấy lòng từ bi lớn lao, đích thân tiếp dẫn khiến cho ta được vãng sanh.

Thêm nữa, đừng nghi rằng: Ta là nghiệp lực phàm phu, chỉ do niệm Phật trong một thời gian ngắn sao lại có thể thoát khỏi sanh tử, vãng sanh Tây phương? Nên biết rằng: Vì đức Phật đại từ bi nên dẫu là kẻ tội nhân Thập Ác, Ngũ Nghịch rất nặng, lúc lâm chung tướng địa ngục đã hiện ra, mà nếu có thiện tri thức dạy cho niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây phương. Hạng người ấy chỉ niệm mấy câu còn được vãng sanh, sao còn cho rằng ta nghiệp lực nặng nề, niệm Phật ít ỏi rồi sanh lòng nghi ư? Phải biết: Chân tánh vốn sẵn có của chúng ta và chân tánh của Phật chẳng hai; chỉ vì ta Hoặc nghiệp sâu nặng nên chẳng thọ dụng được! Nay đã quy mạng nơi Phật như con nương về với cha, chính là trở về với quê nhà ta vốn sẵn có, chứ nào có phải là điều gì ra ngoài khả năng của ta đâu! Hơn nữa, xưa kia, đức Phật đã phát nguyện: *"Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu của ta mà chí tâm tin ưa, dẫu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác"*. Vì thế, hết thảy chúng sanh lúc lâm chung phát tâm chí thành niệm Phật cầu sanh về Tây phương thì không một ai là chẳng được Ngài rủ lòng Từ tiếp dẫn. Ngàn vạn

---

[274] Chân đễ: Tình thương yêu, hòa thuận thật sự đối với anh em.

phần chẳng được hoài nghi nữa! Hoài nghi tức là tự mình lầm lạc, họa ấy chẳng nhỏ đâu!

Huống hồ, lìa khỏi thế giới khổ não này sanh về thế giới vui vẻ kia là chuyện hết sức sung sướng, hãy nên sanh tâm hoan hỷ, ngàn vạn phần chẳng được sợ chết! Dẫu sợ chết vẫn chẳng thể không chết, lại còn đâm ra mất phần vãng sanh Tây phương nữa, vì tâm mình trái với tâm Phật rồi! Dẫu Phật sẵn lòng đại từ bi cũng không làm thế nào được đối với chúng sanh chẳng nương theo lời dạy của Phật! Vạn đức hồng danh của Phật A Di Đà giống như lò luyện lớn lao; tội nghiệp trong nhiều kiếp của chúng ta như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phàm phu do bởi niệm Phật nên nghiệp liền tiêu diệt, giống như mảnh tuyết ở gần bên lò lửa lớn liền bị tiêu hết chẳng còn gì nữa. Vả lại, huống chi nghiệp lực đã tiêu thì bao nhiêu thiện căn sẽ tự nhiên tăng trưởng thù thắng; sao lại còn ngờ chẳng được vãng sanh và Phật chẳng đến tiếp dẫn nữa ư?

Mềm mỏng, uyển chuyển chỉ dạy, an ủi như thế thì người bệnh sẽ có thể tự sanh tâm chánh tín. Đấy chính là những điều chỉ dạy cho người bệnh. Còn như những việc chí thành, tận hiếu mà ta phải nên làm thì cũng chỉ chú trọng ở những điểm ấy; chớ nên thuận theo thói tục van cầu thần thánh, tìm thầy chạy thuốc. Mạng lớn đã sắp hết thì làm sao quỷ thần, thuốc men giữ cho người ấy khỏi chết được! Nếu đã nhọc lòng vì những sự vô ích như thế thì lòng thành khẩn đối với một sự niệm Phật sẽ bị xen tạp, không cách gì cảm thông [đức Phật] được! Nhiều kẻ lúc cha mẹ lâm chung chẳng tiếc tiền của, mời khá nhiều thầy thuốc đến khám. Đấy gọi là mua tiếng hiếu, muốn được người đời khen ta tận hiếu đối với cha mẹ; nào hay trời đất, quỷ thần thật sự xét soi [tường tận] nỗi lòng. Vì vậy, đối với những sự thuộc về chuyện tống táng cha mẹ mà quá sức phô trương thì nếu chẳng mắc thiên tai ắt cũng bị nhân họa. Kẻ làm con chỉ nên chú trọng những gì thần thức của cha mẹ đạt được! Lời xưng tụng của người đời cố nhiên chẳng đáng cho kẻ sáng mắt nhếch mép cười, lẽ đâu lại dốc lòng mong mỏi, thật chỉ khiến cho ta mắc phải cái lỗi bất hiếu to lớn mà thôi!

b. Thứ hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm [cho người chết]

Trước đó, đã chỉ dạy người bệnh khiến cho kẻ ấy sanh chánh tín; nhưng vì người bịnh tâm lực yếu ớt, đừng nói chi hạng người lúc còn khỏe mạnh chưa bao giờ niệm Phật, chẳng dễ gì niệm liên tục lâu dài được, ngay cả người chuyên trọng niệm Phật đến lúc ấy cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm thì mới có thể hữu hiệu. Vì vậy, quyến thuộc trong nhà hãy nên cùng nhau phát tâm hiếu thuận, từ bi, vì người ấy trợ niệm Phật hiệu. Nếu bệnh tình còn chưa đến nỗi sắp chết vào bất cứ lúc nào thì nên chia ban niệm Phật. Nên chia thành ba ban, mỗi ban hạn định mấy người. Ban đầu

tiên niệm Phật ra tiếng, ban thứ hai và thứ ba niệm thầm. Niệm một tiếng đồng hồ thì ban thứ hai niệm tiếp; ban thứ nhất, ban thứ ba niệm thầm. Nếu có chuyện nhỏ thì nên lo liệu trong lúc niệm thầm; còn trong lúc trực ban trọn chẳng nên bỏ đi. Ban thứ hai niệm xong, ban thứ ba niệm tiếp. Xong rồi liền trở lại từ đầu. Niệm một tiếng, nghỉ hai tiếng; [như vậy thì niệm] suốt cả ngày đêm thì cũng không mệt nhọc lắm.

Phải biết: Chịu giúp người đạt được Tịnh niệm vãng sanh thì cũng sẽ được hưởng quả báo có người trợ niệm. Chớ có nói "chỉ vì cha mẹ nên mới phải tận hiếu như vậy", đối với người dưng cũng nên vun bồi ruộng phước của chính mình, trưởng dưỡng thiện căn của chính mình thì mới đúng là cái đạo tự lợi, chứ chẳng phải chỉ vì người khác mà thôi! Thành tựu một người được vãng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật. Công đức như thế há thể nghĩ lường được ư?

Ba ban liên tục, tiếng niệm Phật chẳng ngớt. Nếu sức bệnh nhân niệm được thì nương theo đó niệm nho nhỏ theo. Chẳng thể niệm nổi thì lắng tai nghe kỹ, tâm không có niệm gì khác thì tự có thể tương ứng với Phật vậy. Tiếng niệm Phật chẳng nên quá to; niệm to sẽ hao hơi, khó niệm lâu được; cũng chẳng thể quá nhỏ khiến cho bệnh nhân nghe chẳng rõ. Chẳng nên niệm quá mau, cũng chẳng nên quá chậm. Quá mau bệnh nhân niệm theo chẳng nổi, dẫu có lắng nghe [tiếng niệm] cũng khó nghe rõ. Quá chậm thì chẳng tiếp hơi nổi nên cũng khó có ích. Nên niệm chẳng lớn tiếng, chẳng nhỏ tiếng, chẳng rề rà, chẳng gấp gáp; từng chữ phân minh, từng câu rành mạch khiến cho từng chữ, từng câu lọt tai thấu dạ bịnh nhân; như vậy thì dễ có sức [niệm theo]. Đối với pháp khí dùng để niệm Phật, chỉ nên dùng dẫn khánh, hết thảy các thứ khác nhất loạt chẳng nên dùng. Tiếng dẫn khánh trong trẻo khiến tấm lòng người nghe thanh tịnh. Tiếng mõ trầm đục chẳng thích hợp cho việc trợ niệm khi lâm chung.

Lại nữa, nên niệm Phật hiệu gồm bốn chữ. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu sáu chữ; rồi sau đó chuyên niệm bốn chữ A Di Đà Phật, chẳng niệm Nam Mô. Do ít chữ dễ niệm nên bệnh nhân sẽ niệm theo được hoặc nhiếp tâm lắng nghe, đều đỡ tốn tâm lực. Quyến thuộc trong nhà niệm như vậy mà thỉnh thiện hữu bên ngoài đến thì cũng niệm như vậy. Dù nhiều người hay ít người đều phải niệm như thế, chẳng nên niệm một chốc lại ngưng nghỉ, rồi lại niệm khiến cho bịnh nhân niệm Phật gián đoạn. Nếu gặp lúc ăn cơm thì nên ăn vào lúc thay phiên, đừng ngớt tiếng niệm Phật. Nếu như lúc bịnh nhân sắp tắt hơi thì cả ba ban nên cùng niệm cho đến tận sau khi đã tắt hơi hẳn rồi mới lại chia ba ban niệm suốt ba tiếng đồng hồ nữa. Sau đấy, mới ngưng niệm để lo liệu, sắp đặt mọi việc.

Trong lúc niệm Phật, chẳng để cho bè bạn đến trước bệnh nhân thăm hỏi, vỗ về. Đã có lòng đến thăm thì hãy theo đại chúng niệm Phật mấy thời. Ấy mới là tấm lòng yêu mến chân thật, có ích cho bịnh nhân. Còn nếu cứ theo thói tục thường tình thì chính là đã xô người ta xuống biển. Tình ấy tuy đáng

cảm, nhưng [để xảy ra] sự ấy thật đáng đau đớn. Toàn là cậy vào người chủ chốt hiểu rõ đạo lý, bảo trước với người [đến thăm] để khỏi tổn thương tình cảm, lại khỏi gây hại cho bệnh nhân bị phân tâm chẳng được vãng sanh vậy.

c. Thứ ba là kiêng dè dời động, khóc lóc để khỏi làm hỏng đại sự

Lúc người bệnh sắp chết chính là lúc phân biệt giữa thánh, phàm, người, quỷ, [tình trạng khác nào] ngàn cân [treo] đầu sợi tóc; quan trọng cùng cực! Chỉ nên dùng Phật hiệu để chỉ dạy thần thức của người ấy, trọn chẳng nên tắm rửa, thay áo, hoặc dời chỗ nằm. Mặc kệ [người ấy] nằm - ngồi như thế nào, cứ để yên người đó trong tư thế ấy, chẳng nên dời động chút nào. Cũng chẳng nên đối trước [người ấy] mà lộ vẻ buồn bã, thương xót, hoặc đến nỗi khóc lóc. Vì khi đó [người sắp chết] thân chẳng tự chủ được; hễ lay động là toàn thân lẫn chân tay đều bị đau đớn như bị bẻ, chặt, giằng xé. Hễ đau đớn thì sanh tâm sân hận nên [tâm] niệm Phật bị ngưng dứt. Mang tâm sân hận ra đi, phần nhiều bị đọa vào độc loại (những loài vật hung dữ, độc địa như rắn, bò cạp, rết…), đáng sợ hãi quá sức! Nếu [người sắp chết] thấy [thân quyến] đau đớn, khóc lóc thì tâm mến luyến phát sanh nên [tâm] niệm Phật cũng bị ngừng nghỉ. Vì mang tâm ái luyến mà ra đi nên đến nỗi đời đời, kiếp kiếp chẳng được giải thoát.

Lúc ấy, có lợi nhất thì không gì bằng nhất tâm niệm Phật; điều gây hại nhất không chi bằng vọng động, khóc than. Nếu như vọng động, khóc than đến nỗi [người chết] sanh lòng sân hận hay mến luyến thì dẫu có muốn sanh Tây phương, cả vạn trường hợp cũng chẳng được một!

Thêm nữa, người sắp chết hơi nóng rút từ dưới rút lên trên là tướng siêu thăng, còn [hơi nóng] từ trên rút xuống dưới là tướng đọa lạc. Vì vậy, có thuyết:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất

Nhưng nếu mọi người chí thành trợ niệm thì [người chết] ắt tự có thể sanh thẳng về Tây phương; chẳng nên thăm dò nhiều lượt khiến cho khi thần thức [người chết] chưa rời [khỏi xác], có thể sẽ do bị kích thích như vậy mà tâm sanh phiền đau nên chẳng được vãng sanh. Lỗi lầm ấy thật là vô lượng vô biên. Xin các thân hữu ai nấy đều khẩn thiết niệm Phật, chẳng cần thăm dò hơi nóng cuối cùng bị lạnh đi ở chỗ nào. Kẻ làm con hãy nên lưu tâm điều này mới là hiếu thật sự. Nếu cứ thuận theo các tình cảm thông tục trong thế gian thì chính là xô người thân xuống biển khổ chẳng thương xót, mong một lũ vô tri vô thức xúm lại khen ngợi ta đã tận hiếu! Hiếu như vậy thì có khác chi là tình yêu của La Sát Nữ!

Kinh dạy: “*La Sát Nữ ăn thịt người, bảo: ‘Vì ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi!’* Kẻ vô tri kia thể hiện lòng hiếu khiến cho người thân mất vui bị khổ, há chẳng phải là giống hệt cái tình yêu người của La Sát Nữ hay sao? Tôi nói ra lời này, chẳng phải là không đếm xỉa tình người, chỉ là muốn cho ai nấy đều xét rõ sự thực, cốt sao người chết vãng sanh, kẻ còn sống được phước, để thỏa tấm lòng thành sắt son của con hiền, cháu thảo thương yêu người thân, chẳng ngờ lời lẽ dường như quá khích. Người thương yêu cha mẹ thật sự ắt sẽ lượng thứ cho.

Thuyết: *Đảnh thánh, nhãn sanh thiên...* là nói về khi người đã tắt hơi, toàn thân đã lạnh, chỉ còn đảnh đầu ấm thì ắt là siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. *Nhãn sanh thiên* là nếu mắt và trán còn nóng thì sanh trong thiên đạo. Riêng chỗ ngực còn ấm thì sanh vào nhân đạo. Riêng bụng còn nóng thì sanh trong ngạ quỷ đạo. Riêng đầu gối còn nóng thì sanh trong súc sanh đạo. Riêng bàn chân còn nóng thì sanh địa ngục đạo. Đấy là do hai nghiệp thiện, ác đã tạo của người ấy lúc còn sống đến giờ đây cảm hiện như thế, chứ chẳng thể dựa vào thế lực nào để làm giả ra như vậy được. Khi đó, nếu bệnh nhân có thể chí thành niệm Phật, lại thêm sức của quyến thuộc và bạn lành trợ niệm chắc chắn có thể đới nghiệp vãng sanh, siêu phàm nhập thánh vậy. Chẳng cần phải để ý thử sờ xét nghiệm, đến nỗi làm hỏng việc! Mong mỏi lắm thay!

2. Tịnh Độ Chỉ Yếu (Chỉ bày những điều trọng yếu trong pháp môn Tịnh Độ)
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được, tội nhân nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà thoát khỏi luân hồi; ngay trong một đời này quyết định lên cõi Phật! Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, bỏ pháp môn này làm sao yên được? Phàm những ai tu Tịnh nghiệp thì điều thứ nhất là phải giữ tịnh giới nghiêm ngặt; điều thứ hai là phải phát Bồ Đề tâm; điều thứ ba là phải đầy đủ lòng tín nguyện chân thật.

Giới là cơ sở, nền tảng của mọi pháp, Bồ Đề tâm là chủ soái của tu đạo, tín nguyện nhằm dẫn đường cho việc vãng sanh. Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông: Không tin sao có thể phát nguyện cho được? Không có nguyện làm sao khởi hạnh? Không có diệu hạnh trì danh, làm sao chứng điều đã tin, mãn điều đã nguyện cho được? Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn! Tín - Nguyện - Hạnh như ba chân của cái đỉnh, thiếu một sẽ đổ nhào.

Nếu chẳng chú trọng tín nguyện, chỉ mong trì danh cho đạt được nhất tâm, dẫu đạt được nhất tâm sâu xa, cũng khó thể liễu sanh thoát tử! Vì sao vậy? Do Phiền Hoặc chưa hết sạch, chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử được. Tín nguyện đã không có, chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử! Đời có kẻ ham cao chuộng xa, thường phô phang tự lực, miệt thị Phật lực; chẳng biết từ sống đến chết không chuyện gì chẳng cậy vào sức người khác nhưng chẳng lấy đó làm thẹn, sao riêng đối với đại sự liễu sanh tử và Phật lực lại chẳng muốn tiếp nhận, [chắc là] mất trí điên khùng nên mới đến nỗi như vậy! Hành giả Tịnh tông hãy nên thống thiết răn dè!

Đối với pháp tắc tu trì, hãy nên thường như con nhớ mẹ, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, qua lại, một câu Phật hiệu miên miên mật mật! [Dẫu gặp] bất cứ sự duyên nào cũng chẳng để cho gián đoạn, nhiếp trọn sáu căn tịnh niệm tiếp nối. Người làm được như thế chắc chắn vãng sanh! Lại phải nên tâm niệm nhân từ, rộng lượng, tánh khí khiêm nhường, thuận thảo, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, hành được những điều người khác chẳng thể hành, chịu cực nhọc thế cho người khác, thành tựu điều tốt đẹp cho người ta. Thường nghĩ mình sai quấy, đừng bàn lỗi của kẻ khác! Bậc Đẳng Giác Bồ Tát trong mười hai thời lễ mười phương Phật để sám trừ túc nghiệp, huống là kẻ còn đang trong địa vị phàm phu! Hãy nên thường hổ thẹn, nào dám ỷ y! Nếu ỷ y, dẫu có tu trì thảy đều thuộc về ma nghiệp. Con người như thế chớ nên thân cận, để khỏi đến nỗi lâu ngày đều bị biến đổi giống như họ.

Phải vâng giữ chắc tông chỉ, chẳng bị xoay chuyển bởi kinh giáo và lời lẽ của thiện tri thức rồi bỏ pháp này tu pháp khác. Pháp môn này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất; hết thảy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Vì thế, [pháp này] được chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói. Bọn ta là hạng mạt học sao lại lập dị, tự chuốc lấy tội khiên tự lầm, lầm người ư? Nguyện hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu xa!

3. Trình bày ý nghĩa ẩn kín nơi cuốn Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Xem cặn kẽ khắp những bậc đại trung đại hiếu thuở xưa, lập đại công, dựng đại nghiệp, đạo che trùm thời ấy, đức thấu đến hậu thế, hạo khí lấp trời đất, lòng tinh trung mờ nhật nguyệt đều do học Phật đắc lực mà ra. Những nhà Nho trong cõi đời chẳng biết gốc đạo, chỉ thấy được dấu vết đã bộc lộ, chẳng biết đến cội nguồn của cái tâm, khiến cho cái gốc bị ẩn kín chẳng hiển

lộ, tiềm tàng chẳng tỏ rõ. Do những Nho sĩ câu nệ thường đố kỵ Phật, nên [những vị danh nhân] phần nhiều chú trọng tiềm tu mật chứng, chẳng tự bộc lộ. Nếu xét kỹ hành vi của bọn họ, ắt sẽ có những điểm chẳng thể giấu được. Nếu con cháu chẳng đầy đủ chánh tri kiến ắt chỉ sợ bị kẻ tục Nho chê cười, nên cũng chẳng chịu xiển dương. Do nhân duyên này, khiến cho tiềm đức u quang[275] ẩn mất không được nghe đến nhiều lắm!

Trong bộ Cựu Đường Thư[276], phàm những sự tích về Phật pháp và ngôn luận trao đổi giữa các bậc sĩ đại phu và cao tăng đều được chọn lọc những điều trọng yếu để ghi chép lại. Âu Dương Tu soạn bộ Tân Đường Thư[277] đã gạt bỏ hơn hai ngàn điều. Bộ Ngũ Đại Sử[278] cũng vậy. Ấy là do chỉ sợ thiên

---

[275] Tiềm đức u quang: Những đức hạnh tốt đẹp ngầm kín, không bộc lộ.

[276] Cựu Đường Thư được biên soạn dưới đời Hậu Tấn. Năm Thiên Phúc thứ sáu (941), Tấn Cao Tổ (Thạch Kính Đường) sai bọn văn thần Trương Chiêu Viễn, Giả Vĩ… soạn bộ sử về triều Đường do tể tướng Triệu Oánh làm Tổng Giám Tu (Chief Editor). Đến năm Khai Vận thứ hai (845) sách mới hoàn thành. Lúc ấy, Lưu Hú đã thay Triệu Oánh làm Tể Tướng nên sách ghi tên vị Tổng Giám Tu là tể tướng Lưu Hú. Thoạt đầu, sách mang tên là Đường Thư, đến đời Tống khi nhóm các văn thần do Âu Dương Tu cầm đầu biên soạn bộ sử mới về nhà Đường, liền đổi tên tác phẩm này thành Cựu Đường Thư. Bộ Cựu Đường Thư dày đến 200 quyển, chép những sự kiện lịch sử từ năm Vũ Đức nguyên niên (618) đời Đường Cao Tổ đến năm Thiên Hựu thứ tư (907) đời Đường Ai Đế.

[277] Bộ Tân Đường Thư do các văn thần Âu Dương Tu, Tống Kỳ, Phạm Trấn, Lã Hạ Khanh cùng biên soạn, tổng cộng gồm 225 quyển. Do Tống Nhân Tông chê bộ Đường Thư biên chép lộn xộn, nhiều chi tiết thừa thãi, văn phong không rõ ràng, nên năm Khánh Lịch thứ tư (1044) xuống chiếu sai Âu Dương Tu, Phạm Kỳ v.v… sửa chữa, tu đính bộ Đường Thư tạo thành bộ sử mới. Bộ sử mới biên soạn trong suốt 17 năm mới xong. So với bộ Cựu Đường Thư, văn phong Tân Đường Thư tao nhã hơn, những bài viết dài hơn, hoa mỹ hơn, nhưng nội dung, dữ liệu chỉ bằng 7/10 bộ sử cũ. Tư Mã Quang khi soạn bộ Tư Trị Thông Giám chỉ sử dụng dữ liệu từ bộ Cựu Đường Thư; ông chê Tân Đường Thư chỉ có ưu điểm văn phong tao nhã, chứ đã tùy tiện lược bớt quá nhiều những sự kiện lịch sử, nhất là những dữ kiện về mối quan hệ ngoại giao giữa Đại Đường và các nước lân cận, lược bỏ truyện ký của những nhân vật có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng học thuật thời ấy như các ngài Huyền Trang và Nhất Hạnh (vì các vị đó là cao tăng nhà Phật), cũng như thiếu hẳn khí thế bi tráng khi mô tả sự kiện như trong bộ Cựu Đường Thư, nhiều sự kiện bị họ Âu tùy tiện sửa đổi theo thiên kiến nên không đáng được coi như một sử liệu khả tín. Sau này, Ngô Chẩn đã viết cuốn Tân Đường Thư Củ Mậu (uốn nắn những sai lầm trong bộ Tân Đường Thư) để nêu lên bốn trăm sáu mươi điều sai lầm trong bộ Tân Đường Thư, đồng thời phê phán rất nặng: "*Không biết cách san định những điểm trọng yếu, chỉ biết tuân theo những gì mình ưa thích!*". Học giả Vương Hân Phu còn chê thẳng thừng: *"Bọn Âu Dương Tu chỉ biết viết văn, coi thường khảo chứng!"*

[278] Ngũ Đại Sử gồm hai bộ Cựu và Tân. Cựu Ngũ Đại Sử vốn có tên là Lương Đường Tấn Hán Châu Thư, nên thường được gọi tắt là Ngũ Đại Sử, được biên soạn từ tháng Tư năm Khai Bảo thứ sáu (973) đến tháng Mười năm Khai Bảo thứ bảy (974) theo lệnh của Tống Thái Tổ, do Tiết Cư Chánh cầm đầu một nhóm văn thần chấp bút. Bộ sử này chép những sự kiện lịch sử từ năm Khai Bình nguyên niên (907) đời Hậu Lương đến năm Hiển Đức thứ bảy (960) đời Châu Thế Tông (tức năm nhà Hậu Châu bị Bắc Tống diệt), gồm 150 quyển. Về sau, Âu Dương Tu tự biên soạn tu chỉnh bộ Ngũ Đại Sử, đặt tên là Ngũ

hạ đời sau biết Phật pháp hữu ích cho thân tâm tánh mạng, cho nền chánh trị của nước nhà, rồi sẽ học theo! Những sử quan khác đa phần thuộc loại tri kiến hẹp hòi câu nệ ấy. Vì vậy, sự tiềm tu mật chứng của những bậc đại nhân xưa kia đều chẳng được biết đến!

Văn Trung Công Lâm Tắc Từ học vấn, trí thức, chí khí, tiết tháo, trung nghĩa đều ít thấy trong đời Thanh trước kia. Tuy bận bịu việc nước, ông chẳng hề gián đoạn việc tu trì Tịnh nghiệp chút nào vì học Phật chính là căn bản của học vấn, chí khí, tiết tháo, trung nghĩa vậy. Đã có được căn bản này thì ứng xử đều thích đáng, xử sự đều hợp lẽ. Đấy chính là nguyên do vì sao bậc đại nhân đời xưa vượt trỗi những hạng tầm thường. Một bữa nọ, chắt của Văn Trung Công là ông Tường, tự là Bích Dư, đưa cho tôi xem cuốn kinh gồm các bài kinh chú Di Đà, Kim Cang, Tâm Kinh, Đại Bi do Văn Trung Công đã đích thân viết, trang bìa ghi *"Tịnh Độ Tư Lương"*. Trên mặt cái hộp đựng sách đề Hành Dư Nhật Khóa (Khóa tụng hằng ngày trong lúc ngồi xe).

Đủ biết Văn Trung Công ngầm tu pháp môn Tịnh Độ, tuy ra vào, đi lại, vẫn chẳng chịu bỏ phế. Do dùng để trì tụng lúc đi xe, cuốn kinh ấy chỉ dài khoảng bốn tấc, rộng ba tấc. Chữ viết cung kính, mực thước, không một nét bút nào cẩu thả, đủ thấy lòng cung kính, chí thành của ông, chẳng dám coi thường, chểnh mảng chút nào! Bản kinh ấy mỗi trang gồm sáu hàng, mỗi hàng gồm mười hai chữ. Bích Dư sợ thủ bút của tiên nhân lâu ngày bị mất đi, liền cho sắp xếp thành sách in theo lối thạch bản để mong được lưu truyền trong nhân sĩ các giới, ngõ hầu [mọi người] đều biết Văn Trung Công suốt đời tu trì, cốt sao ai nấy gặp việc nhân chẳng nhường, thấy người hiền mong

---

Đại Sử Ký (đến thời Càn Long được gọi là Tân Ngũ Đại Sử), bộ sử mới được hoàn tất vào năm Hoàng Hựu thứ năm (1053), nhưng chỉ cất giữ tại tư gia, không phổ biến. Đến khi Âu Dương Tu mất, người nhà dâng lên triều đình, được phê chuẩn lưu hành. Khi bộ này được lưu hành, bộ Cựu Ngũ Đại Sử dần dần biến mất. Theo những sử quan thời cổ như Tư Mã Quang nhận định, khi biên soạn Tân Ngũ Đại Sử, Âu Dương Tu đã tùy tiện cắt xén những dữ liệu lịch sử theo thiên kiến yêu - ghét cá nhân, thiếu hẳn tính công bình, cẩn trọng cần có nơi một sử quan. Do vậy, đến thời Càn Long, dựa vào những phần được bảo tồn trong bộ Vĩnh Lạc Đại Điển đời Minh và hai mươi bộ sách giá trị khác như Sách Phủ Nguyên Giám, Thái Bình Ngự Lãm, Tư Trị Thông Giám Khảo Dị, Cẩm Tú Vạn Hoa Cốc, Thiên Trung Ký, Cổ Kim Tánh Thị Thư Biện Chứng v.v… Thanh triều đã cố gắng phục hồi diện mạo của bộ Cựu Ngũ Đại Sử, quy định bộ Cựu Ngũ Đại Sử là chánh sử, còn Tân Ngũ Đại Sử chỉ được coi như một tác phẩm văn chương. Ngô Chẩn (một học giả đời Thanh) đã biên soạn cuốn Ngũ Đại Sử Toản Ngộ (tập hợp những sai lầm trong bộ Ngũ Đại Sử) ba quyển để nêu lên những điều sai lầm nặng nề trong bộ Tân Ngũ Đại Sử. Sau đấy, Ngô Lan Đình đời Thanh cũng soạn bộ Ngũ Đại Sử Ký Toản Ngộ Phụ gồm sáu quyển để nêu tiếp những sai lầm trong bộ sử của Âu Dương Tu mà Ngô Chẩn chưa nhắc đến. Các sĩ phu nổi tiếng đời Thanh như Cố Viêm Vũ, Tiền Đại Hân cũng chê Âu Dương Tu luôn tự phụ đã viết sử theo phong cách kinh Xuân Thu, nhưng hoàn toàn chẳng hiểu thấu đáo cách viết sử của kinh Xuân Thu cũng như không phân biệt được sự khác biệt giữa viết sử và viết văn!

được bằng. Do vậy, sẽ cùng mong vượt ngũ trược lên chín phẩm. [Ông Bích Dư] sai Quang lược thuật nguyên ủy, Quang từ bé đã nghe danh ngưỡng vọng Văn Trung Công, nay biết ông tu trì nghiêm mật như thế, thật có thể nói là bậc thừa nguyện tái lai, hiện thân tể quan để thuyết pháp. Nguyện những người thấy nghe sẽ nhất trí tiến hành, cùng noi theo vết chân thì quốc gia may mắn lắm, mà nhân dân cũng may mắn lắm thay.

4. Nêu tỏ ý nghĩa giáo dục trong gia đình là căn bản khiến cho thiên hạ thái bình
(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Đời đã loạn đến cùng cực rồi, ai nấy đều mong mỏi bình trị nhưng chẳng biết cội gốc thì có mong cầu cũng uổng công! Hãy nên gấp biết cái gốc nằm ở đâu! Sự dạy dỗ của người mẹ trong gia đình chính là căn bản khiến cho hiền tài được dấy lên đông đảo, thiên hạ thái bình. Chẳng chú trọng nơi ấy, làm sao đạt được bình trị? Mẹ dạy dỗ thì thứ nhất là thai giáo. Thai giáo chính là dạy dỗ về bẩm tánh, phẩm chất từ thuở đầu. Phàm nữ nhân sau khi có thai, hãy chú trọng suy nghĩ, tưởng niệm, xử sự sao cho chỉ một bề chân thành, cẩn trọng. Nhất cử nhất động chẳng trái lẽ chánh. Nhất là phải nên vĩnh viễn dứt trừ những món tanh tưởi, hằng ngày thường niệm Phật khiến cho thai nhi được bẩm thụ chánh khí của mẹ, thì lúc sanh nở ắt được yên vui không khổ sở, sanh được đứa con tướng mạo đoan nghiêm, tánh tình từ thiện, thiên tư thông minh.

Đến lúc con bắt đầu hiểu biết, liền nói cho nó nghe về đạo lý làm người, như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v… và tội phước nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chuyển biến, khiến cho trong tâm nó thường luôn có những điều kiêng sợ, có những điều mong mỏi, hâm mộ. Lại dạy nó niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để mong tăng phước, tăng thọ, tránh tai, tránh nạn. Chẳng cho phép nó nói lời dối trá, nói lời thị phi, đánh người, chửi người, chẳng cho nó giẫm đạp giấy có viết chữ, giẫm đạp ngũ cốc, giẫm đạp hết thảy các món đồ vật. Chẳng cho nó ăn uống bừa bãi, chẳng cho nó tụ tập chơi giỡn cùng bọn trẻ cùng xóm. Hơi lớn lên, bèn dạy nó đọc thuộc sách Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Âm Chất Văn, Quan Đế Giác Thế Kinh, để cho nó biết có khuôn pháp để noi theo, có những điều ngăn cấm. Đối với mỗi điều đều nói sơ lược đại ý để làm phương tiện hướng dẫn hòng mai sau nó học hành sẽ được lợi ích.

Lúc bé như thế, càng học hành sẽ càng hiền thiện, lo gì nó chẳng đạt đến địa vị thánh hiền, rạng mày nở mặt tổ tông! Nếu không, cứ mặc cho nó quen thói kiêu căng, nuôi thành phường bại hoại, dẫu có thiên tư cũng chẳng biết học hành là để học làm thánh hiền nên càng học càng thêm tồi bại! Những kẻ đại gian đại ác xưa nay đều là những kẻ có thiên tư tốt đẹp, có bản lãnh lớn lao, chỉ vì cha mẹ, thầy giáo của chúng đều chẳng biết dạy chúng học

thành thánh hiền, tận lực thực hiện, chỉ dạy bọn chúng học văn tự để làm căn cứ hòng đối phó với đời, mưu cầu lợi lộc, trí thức hèn tệ đến tột cùng, đến nỗi những thảm kịch phế kinh điển, phế luân thường, tranh thành giành đất tàn sát lẫn nhau ồ ạt diễn ra. Mối họa loạn ấy đều do cha mẹ, thầy giáo chẳng biết phương cách dạy dỗ con em mà ra. Dù chính họ chẳng làm điều ác lớn lao nào, nhưng cái tội hoại loạn thế đạo nhân tâm cũng sẽ khiến cho họ đời đời kiếp kiếp cùng chịu ác báo giống như con em!

Vì thế, tôi nói: *"Dạy con là căn bản khiến thiên hạ thái bình, nhưng dạy con gái càng quan trọng hơn nữa"* do con người thuở thơ ấu chuyên cậy vào mẹ dạy dỗ. Cha chẳng thể thường ở trong nhà, còn mẹ thường chẳng rời con. Nếu mẹ hiền lương, có trí huệ thì hành vi, lời lẽ đều đáng làm gương, [con cái] thấy nghe quen mắt, trong tâm đã thành nề nếp, lại do thường xuyên răn dạy, đã tập quen thành tánh như vàng lỏng đúc thành đồ dùng, nếu cái khuôn đúc tốt đẹp, chắc chắn chẳng đến nỗi đúc ra vật xấu xí! Vì thế, dạy dỗ con gái so ra càng khẩn yếu hơn dạy con trai. Bởi lẽ, hiền mẫu do hiền nữ mà có, nếu không có hiền nữ, làm sao có hiền mẫu cho được? Không có hiền mẫu thì lại làm sao có được con cái hiền lương cho được?

Đạo lý cực bình thường ấy ai cũng đều có thể làm được! Điều đáng đau tiếc là quá ít người đề xướng khiến cho những kẻ làm mẹ chỉ biết nuông chiều mù quáng, những kẻ làm cha cũng chẳng khéo dạy. Đến khi con vào trường học hành, kẻ làm thầy cũng do thuở bé chẳng nghe được nghĩa lý này, vì thế cũng trọn chẳng biết học hành là để học làm thánh hiền, chẳng dạy học trò tận tụy thực hành đạo do thánh hiền đã nói, chỉ học văn tự hòng mưu cầu lợi lộc, chẳng hề biết học làm thánh hiền có lợi ích không chi lớn hơn, chính bản thân mình và con cháu đời đời kiếp kiếp hưởng dùng chẳng hết. Còn mưu cầu lợi lộc, nếu mưu cầu một cách tốt đẹp thì chẳng qua đạt được phú quý nhỏ nhoi trong đời này mà thôi! Nếu mưu cầu xấu xa, trong đời này những kẻ thân bại danh liệt, con chết yểu, cháu tuyệt diệt đâu đâu cũng có!

Con người cùng trời đất được gọi là Tam Tài là vì có công năng "dùng tiên giác để giác ngộ kẻ hậu giác, kế tục bậc thánh đời trước, mở lối cho người học đời sau"; do vậy mới được tôn xưng như thế. Nếu chẳng chú trọng học làm thánh hiền sẽ là thây đi thịt chạy, chỉ biết niềm vui ăn uống, trai gái, còn khác gì cầm thú nữa đâu? Một chữ "người" còn là mạo danh, há còn có thể cùng với trời đất xưng là Tam Tài nữa ư? Nhưng con người tánh vốn lành, ai nấy đều có thể làm Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, nhưng kẻ chẳng thể làm Nghiêu - Thuấn, chẳng thể thành Phật thì chỉ có tánh đức, trọn chẳng có tu đức "đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, dứt lòng tà, giữ lòng thành và tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si". Tu đức ấy lúc ban đầu là do cha mẹ hiền, sư trưởng khơi gợi vậy, kế tiếp là do chính mình khăng khăng nỗ lực tu trì. Dẫu chưa thể đạt đến địa vị Nghiêu - Thuấn hay địa vị Phật, nhưng đã khác hẳn một trời một vực với kẻ hạ ngu hằng ngày chôn vùi trong nhân dục rồi!

Kinh Thư chép: *"Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh"* (Chỉ vì thánh đánh mất niệm mà thành cuồng, chỉ vì kẻ cuồng khắc chế được ý niệm mà thành thánh). Kinh dạy: *"Hễ mê thì Phật chính là chúng sanh, ngộ rồi thì chúng sanh chính là Phật"*. Ta may mắn có căn cơ làm Nghiêu - Thuấn, thành Phật, là trang nam tử hào hùng, há chịu bỏ mặc cho tánh đức này bị vùi lấp trong nhân dục, vĩnh viễn làm chúng sanh hạ ngu trầm luân trong biển khổ ư? Nguyện những người làm cha mẹ, làm sư trưởng, làm con cái, làm học trò trong cõi đời ai nấy đều gắng sức thì nước ta thật may mắn mà toàn cầu cũng may mắn lắm thay!

5. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng của Phật Quang Phân Xã tại Xung Điền, Vụ Nguyên

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Phật quang là tâm quang. Tâm quang ấy chúng sanh và Phật đều cùng có, bình đẳng giống hệt như nhau, nơi Phật chẳng tăng thêm, nơi chúng sanh chẳng giảm bớt. Vì thế, lúc mới thành Chánh Giác, đức Thế Tôn than thở sâu xa: *"Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì chưa ngộ nên chẳng tránh khỏi biến trí huệ đức tướng ấy thành vô minh nghiệp thức, mê tâm đuổi theo cảnh, trái giác hiệp trần, ví như đi mãi trong đêm dài, chẳng thấy được đường chánh, chẳng va tường đụng vách thì cũng đọa hầm sụp hố, luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra!"* Đức Như Lai thương xót, thị hiện giáng sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi, diễn nói các pháp, chỉ dạy thể tướng của nhất tâm, nói ra nhân quả ba đời, pháp thế gian lẫn xuất thế gian không gì chẳng trọn khắp.

Lại muốn lợi lạc khắp ba căn nên đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ, ngõ hầu hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, đích thân chứng được tâm quang mà Phật và chúng sanh đều cùng có, cũng như [chứng được] tánh thể vô lượng quang thọ. Lại còn rủ lòng từ tiếp dẫn đến tột cùng đời vị lai, ngõ hầu pháp giới chúng sanh đều được đẫm Phật quang, cùng chứng tâm quang. Quang quang chiếu sáng lẫn nhau, thành một thế giới Thường Tịch Quang mới thôi! Đấy chính là cội nguồn của việc cư sĩ Dịch Viên lập ra Phật Quang Xã.

Còn những gì được đề xướng trong liên xã thì trọn chẳng lập ra cách thức sai khác, tức là ai nấy đều dốc tâm thực hiện ngay trong những cư xử thường ngày của chúng ta, có nghĩa là "cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành", mỗi mỗi đều nghiêm túc trọn hết bổn phận. Như thế thì chính là người lành "chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành". Hơn nữa, trong khi đi lại, nói năng, làm lụng, đi, đứng, nằm, ngồi, [luôn luôn] chấp trì một câu thánh hiệu A Di

Đà Phật, dùng vạn đức hồng danh của Phật để hun đúc nghiệp thức vô minh của chính mình, hun đúc lâu ngày thì vô minh nghiệp thức ấy sẽ biến thành trí huệ đức tướng. Thanh Lương quốc sư nói: *"Phàm phu cắm cúi niệm Phật, niệm đến cùng cực sẽ có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu",* chính là nói về điều này vậy. Huống chi dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha để cảm Phật, Phật sẽ dùng thệ nguyện từ bi nhiếp thọ; do đó được cảm ứng đạo giao, vạn người tu vạn người về. Lòng từ của đức Như Lai, sự nhiệm mầu của pháp môn không chi hơn được! Nếu không có túc căn sẽ chẳng thể gặp gỡ!

Cư sĩ [Giang] Dịch Viên đã đạt được lợi ích sâu xa, lại còn khuyên dạy người trong ấp cùng tu pháp này. Do vậy, người do nghiệp tiêu trí rạng mà vãng sanh và những người cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh kể sao cho xiết! Vì thế, các vị thiện sĩ ở Xung Điền nghe tiếng tăm dấy lòng noi theo, lập riêng phân xã để mong cư dân lân cận sẽ cùng được đẫm Phật quang, cùng sanh về Cực Lạc, đủ thấy con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này, đã gieo thiện căn sâu xa trong nhiều đời nhiều kiếp vậy!

Phải biết: Phật pháp vốn là tâm pháp, là gốc của hết thảy các pháp thế gian. Nếu biết Phật pháp thì đạo "cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" của thế gian đều được viên mãn rốt ráo. Nếu không, chỉ là bày biện nơi cành nhánh, chứ trọn chẳng được lợi ích thật sự nơi căn bản: Vì cái thân mưu tính sẽ chẳng thể vượt ra ngoài thân xác, vì đất nước mưu tính sẽ chẳng thể khiến cho phong thái đại đồng được thông suốt. Bậc thượng mà còn như thế thì bậc hạ cần chi phải nói nữa! Ngu phu, ngu phụ nếu y theo pháp môn Tịnh Độ do đức Phật đã nói để tu trì thì khi còn sống sẽ tận hết bổn phận, trọn hết tình nghĩa để trở thành hiền thiện, mất đi sẽ cao đăng chín phẩm sen liễu sanh thoát tử. Bậc hạ mà còn được như thế huống gì là bậc thượng! Nguyện những thiện tín tham dự liên xã và những ai thấy nghe trong hiện tại, tương lai, đều cùng nhờ vào tâm quang để đề cao Phật quang thì xã hội may mắn lắm mà thiên hạ cũng may mắn lắm thay!

6. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc thành lập Phật Quang phân xã tại nội thành Vụ Nguyên

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Phật quang là tâm quang. Tâm quang ấy nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Chỉ vì chúng sanh chưa ngộ nên chẳng thể thụ dụng được, lại ngược ngạo nương vào sức tâm quang ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp, luân hồi lục đạo trọn chẳng ngừng nghỉ. Vì thế, đức Phật tùy thuận căn cơ của chúng sanh, vì họ nói nhân quả của các pháp môn Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ v.v… và lý tánh sâu mầu trạm tịch viên dung Thường - Lạc - Ngã - Tịnh để chúng sanh y theo đó tu tập, sẽ có ngày tự viên mãn Bồ Đề, rốt ráo đích thân chứng được tâm quang ấy chiếu khắp pháp giới. Nho giáo cũng hết

sức chú trọng pháp nhân quả. Vì thế, Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện tai ương có thừa). Cuối cùng, Ngài nói: *"Một Âm, một Dương gọi là đạo"*. Phàm tích thiện hay tích bất thiện, đó là nhân; dư khánh, dư ương chính là quả. Đức Phật nói nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là nêu bày nhân quả đến rốt ráo vậy.

Có người bảo nhân quả là Tiểu Thừa, chẳng chịu đề xướng, đấy đều là hạng chuyên bàn xuông, chẳng tu thật đức! Đức Như Lai thành Chánh Giác, chúng sanh đọa ác đạo đều chẳng ra ngoài nhân quả, sao lại riêng coi là Tiểu Thừa ư? Như [Khổng Tử] nói *"một Âm một Dương gọi là Đạo"*, thì cái Đạo vừa nói ấy thật sự là đạo gì? Chẳng phải là đạo Thành và Minh hợp nhất đó ư? Thành chính là Minh Đức, tức diệu tánh bất sanh bất diệt vốn sẵn có trong tâm chúng ta, đấy chính là Tánh Đức. Do không có công phu khắc phục [phiền não] nên chẳng thể hiển hiện được; vì thế gọi nó là Âm. Minh chính là như chữ Minh [thứ nhất] trong câu *"minh Minh Đức"* (làm sáng tỏ đức sáng), tức là công phu *"triêu càn tịch dịch[279], gắng sức tu trì",* tức Tu Đức. Do những sự thuộc về Tu Đức hiển hiện rõ ràng nên gọi là Dương. Dốc công Tu Đức đến cùng cực thì Tánh Đức sẽ tỏ lộ trọn vẹn, Thành và Minh hợp nhất, tức là cái thường được gọi là *"minh Minh Đức chỉ ư chí thiện"* (làm sáng Minh Đức, ở yên nơi tốt lành tột cùng). Công phu phía trước điều này (tức những phương cách tu tập để đạt đến *"minh Minh Đức chỉ ư chí thiện"*) là cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, còn sự nghiệp phía sau điều này (tức những diệu dụng được thể hiện sau khi đã đạt đến *"minh Minh Đức chỉ ư chí thiện"*) là tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Nhưng [nếu] chỉ dùng [những công phu tu tập] Thành và Minh hợp nhất *"minh Minh Đức, chỉ ư chí thiện"* này để đạt tới "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" thì chưa thể nào đạt như vậy được, cho nên mới [cần phải] có những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được (tức là những điều khiến cho chúng ta phải gắng sức cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý). Thế nào là "những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được?" Chính là nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo! Kẻ tuy chí ngu quyết cũng chẳng chuộng hung ghét lành, vui mừng vì bị tai họa! Nghe *"chất chứa điều thiện ắt sự vui có thừa, chất chứa điều bất thiện ắt tai ương có thừa",* người hiền ắt sẽ càng thêm siêng tu, kẻ không ra gì cũng phải gắng sức làm lành. Cố gắng lâu ngày, nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, không có lầm lỗi, đức được sáng tỏ, xưa kia là kẻ chẳng ra gì, nay là bậc đại hiền.

---

[279] *"Triêu càn tịch dịch"* vốn là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói trong sách Châu Dịch: *"Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược lệ, vô cữu"* (Quân tử suốt ngày từ sáng đến tối cẩn thận dè dặt, không có chút coi thường, chểnh mảng nào, nên không lầm lỗi). Do vậy, *"triêu càn tịch dịch"* có thể hiểu là luôn cố gắng cẩn thận, giữ gìn, không coi thường, buông lung ý niệm.

Do vậy biết đối với việc tự tu thì đạo Thành - Minh đã đủ rồi, nhưng để dạy người khác, nếu chẳng dùng nhân quả để giúp vào thì cũng khó khiến cho trọn hết mọi người đều tuân theo được! Kết hợp hai pháp nhân quả và Thành - Minh thì mới là đạo kế thiên lập cực[280] nêu gương mẫu cho muôn đời của thánh nhân, đấy cũng chính là ánh sáng sẵn có trong tự tâm và Phật quang phổ chiếu pháp giới vậy.

Bất Huệ thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh".* Muốn vãn hồi kiếp vận, cứu chữa nhân tâm nhưng chẳng chú ý điều này thì giống như tìm cá trên cây! Bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, trộm cắp những nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để phát huy tâm pháp của thánh nhân Nho giáo đời trước, muốn cho kẻ học đời sau chẳng nghe tới Phật pháp nên âm thầm sùng phụng, bề ngoài chống trái, càng ra sức bài bác [Phật pháp], cho là thật sự chẳng hề có những chuyện nhân quả luân hồi như đức Phật đã nói, Ngài chỉ nhờ vào đó để gạt gẫm hàng ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài mà thôi! Do báng Phật nên tuy là nhân quả do thánh nhân đã nói cũng như những sự tích luân hồi sanh tử được chép trong các bộ Sử Ký, Hán Thư họ đều chẳng buồn nhắc tới, chỉ lấy "trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý" để làm căn bản trị mình, trị người, trị nước mà thôi!

Họ lại còn nói con người chết rồi, hình hài đã mục nát, thần thức cũng phiêu tán, dẫu có chém - chặt - xay - giã thì lấy gì để thực hiện? Hơn nữa, thần thức đã phiêu tán, còn ai để thác sanh? Kẻ nói như vậy chẳng những phản bác Phật pháp mà còn hết sức phản bác những sự tích về thác sanh, biến hóa được chép trong Tứ Thư, Ngũ Kinh và Sử Ký, Hán Thư, riêng muốn dùng những cách ngăn lấp hậu học ấy khiến cho hàng hậu học đời đời chẳng được nghe Phật pháp để không ai biết những gì chính họ (tức bọn Tống Nho) đã đạt được [là do đâu mà có] và nhờ đó Nho Giáo cũng sẽ hưng thịnh. Họ chẳng biết cội gốc đã bị tổn thương thì cành nhánh làm sao tươi tốt cho được!

Từ đấy trở đi, phương cách để duy trì thế đạo nhân tâm chỉ là "trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý" mà thôi, hoàn toàn phế bỏ sự lý nhân quả thiện ác là cái thúc đẩy người khác chẳng thể không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý! Cõi đời bậc đại hiền thì ít, kẻ [căn cơ] trung hạ lại nhiều. Nếu coi nhân quả là hư vô, con người chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất thì chính là lấp mất con đường gắng sức làm lành của kẻ trung hạ, mở tung đầu mối cho kẻ cuồng vọng phóng túng chẳng kiêng dè! Đến khi gió Âu vừa thổi qua, bồng bột ngả theo, lại bị biến đổi dữ dội đến tận gốc, rốt cuộc đến nỗi phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, vứt

[280] *"Kế thiên lập cực"* là một thành ngữ hiểu theo nghĩa đen là kế thừa ngôi vua, do vua được xưng tụng là thiên tử (con trời), ngôi vị cao nhất trong vạn dân, nên gọi là "kế thiên lập cực". Hiểu theo nghĩa rộng, *"kế thiên lập cực"* là kế thừa đạo trời, dự vào ngôi vị cao cả, tức ngôi vị thánh nhân, thuận theo mạng trời, được vạn dân ngưỡng vọng.

lòng thẹn, mà vẫn khoe khoang, chẳng biết hổ thẹn. Nếu như lý nhân quả chẳng bị bài xích, đả phá, có ai chịu xướng lên những vở tuồng xấu ác ấy để chuốc lấy quả báo vĩnh viễn đọa trong ác đạo ư? Các vị tiên sinh [bên Nho giáo] chỉ biết dùng kiểu đó để bảo vệ đạo Nho, chẳng ngờ do đấy mà đạo Nho bị diệt! Học thuyết gây lầm lạc cho người khác, còn quá nước lũ, mãnh thú, chẳng đáng sợ hay sao?

Gần đây, phong hóa trong cõi đời ngày một đi xuống, những người hữu tâm ai nấy đều đề xướng học Phật. Tại Vụ Nguyên, kể từ khi được cư sĩ Giang Dịch Viên đề xướng đến nay, nhân sĩ cả một vùng đua nhau phụ họa, đã có nhiều nơi lập phân xã. Ấy là vì mong được nhờ Từ quang của đức Phật để từ đó bỏ ác tu thiện, tiêu tai, lành bệnh, giặc cướp nhiều phen chẳng kéo đến, tật dịch nhiều phen không xảy ra, hễ mưa nắng trái thời thì niệm Phật cầu đảo bèn được ứng nghiệm. Người cả một vùng khâm phục lời lẽ của Dịch Viên giống như bảy mươi người khâm phục Khổng Tử[281] vậy.

Nay tại huyện thành cũng lập phân xã, trước khi mở cửa, cư sĩ Tề Dụng Tu xin Bất Huệ lược thuật những nét chánh yếu dù ẩn hoặc hiển về Phật quang, cho nên tôi trình bày những chuyện trong hơn tám chín trăm năm qua để bậc thông sáng mai sau có cái để soi xét. Còn đối với những người ắt dốc sức thực hành thì [hãy nên] giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, vâng giữ tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", thực hiện tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", lại còn phát Bồ Đề tâm, tín nguyện niệm Phật, tự hành dạy người cùng sanh về Tây Phương, cùng chứng vô lượng thọ, vô lượng quang để tâm quang của mỗi người cùng với Phật quang thường tịch và tâm quang từ Hạnh Đàn[282] Tứ Thủy chiếu rọi lẫn nhau thì quốc gia may mắn lắm mà pháp đạo cũng may mắn lắm.

7. Trình bày ý nghĩa ẩn kín của chữ Nhân (人)

(năm Dân Quốc 27 - 1938, giảng cho một đệ tử)

---

[281] Theo Pháp Ngôn Nghĩa Sớ của Dương Hùng, chữ "thất thập tử" phát xuất từ một câu nói của Khổng Tử: *"Tốc tai, thất thập tử chi tiếu Trọng Ni"* (Nhanh chóng thay, bảy mươi người có thể giống như Trọng Ni vậy). Tiếp đó, Dương Hùng đã dẫn các lời chú giải như sau: *"Nhan Sư Cổ chú thích: Thất thập tử nghĩa là [trong số] bảy mươi hai người đệ tử thấu đạt đạo của thầy, chỉ nêu số người đã học thành cái đạo của thầy nên nói là bảy mươi".* Ở đây, Tổ Ấn Quang đã mượn thành ngữ này để khen ngợi ông Giang Dịch Viên cũng như khen ngợi những người do khâm phục ông Giang đã tự đề xướng tu trì Tịnh nghiệp tại các nơi giống như học trò Khổng Tử đã truyền bá cái đạo của thầy vậy.

[282] Hạnh Đàn là tên gọi ngôi nhà nơi Khổng Tử dạy học tại huyện Tứ Thủy thuộc nước Lỗ xưa kia (nay thuộc địa phận tỉnh Sơn Đông). Hạnh Đàn tại Khổng Miếu hiện thời là một công trình được xây dựng từ đời Kim trên nền cũ của ngôi trường ấy.

Con người là một sinh vật trần trụi, thân bất quá mấy thước, tuổi thọ chẳng quá mấy chục năm, lại cùng với trời cao đất dầy dài lâu không lường xưng là Tam Tài, nghĩa ấy như thế nào? Phải biết: "Tài" là danh xưng của đức năng. Trời có đức năng che phủ trọn khắp, sanh thành trưởng dưỡng muôn vật; đất có đức năng chuyên chở trọn khắp, hàm dưỡng, bồi đắp muôn vật. Con người lấy việc "phụ trợ quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất, kế tục bậc thánh đời trước, khơi lối cho người học đời sau" làm đức năng. Nếu không có đức năng của con người [bổ trợ] thì đức năng của trời đất vẫn còn thiếu sót. Do được đức năng "giúp đỡ, kế thừa, khơi lối" của con người [bù đắp] mà đức năng của trời đất được viên mãn, đầy đủ, theo chiều dọc cùng khắp ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Con người cùng với trời đất được xưng là Tam Tài là vì lẽ đó! Đức năng của con người nói tổng quát có bốn điều:

1) Nhân (人 - con người) tức là Nhân (仁), tức lòng nhân từ trắc ẩn, tự lợi, lợi tha, vì thế gọi là Nhân.

2) Nhân là Nhẫn (忍), chịu thương chịu khó, đảm đương nhiệm vụ chống trời đỡ đất, vì thế gọi là Nhân.

3) Nhân là Nhiệm (任), tận lực đảm nhiệm tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" sao cho không bị khiếm khuyết. Vì thế gọi là Nhân (Tám sự này thất phu thất phụ cũng đều làm được. Đấy chính là đại sự "giúp đỡ quyền sanh thành, trưởng dưỡng của trời đất, kế tiếp bậc thánh đời trước, khơi lối cho người học đời sau, chống đỡ trời đất" vậy. Nếu coi thường hoặc quên mất một hai sự, hoặc cả tám sự đều quên, sẽ trở thành kẻ giả dối mạo danh con người, chứ không phải là con người thật sự sánh cùng trời đất xưng là Tam Tài. Nếu suy gẫm như thế thì mong thành thánh, thành hiền, học làm Phật, làm Tổ ắt sẽ dư dùng).

4) Nhân là Tận (盡), tận hết đạo luân thường của Nho giáo để giữ vẹn luân thường, tận hết đạo tâm tánh của Phật giáo để chứng tâm, vì thế gọi là Nhân.

Ý nghĩa của chữ Nhân lớn lao thay! Nguyện hết thảy những người cùng hàng ai nấy gánh vác bốn nghĩa của chữ Nhân thì nào phải chỉ mình nước ta may mắn, mà thật ra muôn nước trong thiên hạ đều hưởng may mắn sâu xa. Nếu nói: "Ông nói như thế, ông có thực hiện được mỗi một điều ấy không thiếu sót hay chăng?" Thưa rằng: "Con chim sắp chết tiếng kêu cũng bi thương, con người sắp chết cũng nói lời phải. Tôi xót cho tôi mỗi điều đều thiếu sót, chỉ mong sao hết thảy những người cùng hàng điều nào cũng chẳng thiếu sót, để mỗi một người cùng hàng lúc tuổi thọ đã hết sẽ khỏi phải xót xa sâu đậm giống như tôi vậy! Ông chẳng thấy trong kinh Vị Tằng Hữu Nhân Duyên con dã can[283] thuyết pháp, trời Đế Thích vái lạy mà nghe đó ư?

[283] Theo Phật Quang Từ Điển, Dã Can (Śrgāla) còn được phiên âm là Tất Già La, là một loại cáo nhỏ. Nhưng trong Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa, ngài Huyền Trang lại giảng: *"Dã Can, tiếng Phạn là Tất Già La, sắc vàng lẫn xanh, giống như con chó, sống thành bầy, tối đến tru lên giống như tiếng sói tru. [Chữ Dã Can] đôi khi được viết thành Xạ Can".*

Nếu người trong khắp cõi đất đều là trời Đế Thích thì cũng chẳng đến nỗi con dã can phải mở miệng, sao ông lại cố chấp tướng nhân ngã để rồi trách móc tôi vậy? Tôi biết lỗi rồi, từ rày chẳng dám nói nữa!”

8. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc học nghề Y

(năm Dân Quốc 27 - 1938, nói với đệ tử là Châu Thanh Thái)

Phật là Đại Y Vương trị khắp những bệnh thân - tâm sanh tử cho chúng sanh, nhưng đại bệnh sanh tử do tâm khởi, nên trước hết phải [lấy] trị tâm bệnh làm điều kiện tiên khởi. Nếu có thể tu trì theo đúng pháp thì thân bệnh cũng sẽ nhờ đó mà được trị lành. Thân bệnh có ba thứ: một là túc nghiệp, hai là nội thương, ba là ngoại cảm. Trong ba thứ bệnh này chỉ có túc nghiệp là khó trị! Nếu có thể dốc lòng thành, cạn lòng kính, phát đại Bồ Đề tâm tự lợi, lợi tha niệm thánh hiệu “nam-mô A Di Đà Phật” và “nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát” để siêu độ những oan gia đối đầu đã bị [người bệnh] hãm hại trong những đời trước. Nếu họ (tức những oan gia đối đầu ấy) lìa khổ được vui thì người bệnh sẽ tiêu nghiệp, lành bệnh; họ chẳng những không còn quấy phá mà trái lại còn cảm cái ơn siêu độ nên sẽ âm thầm phù hộ. Phàm những ai mắc bệnh này và những người chữa trị bệnh ấy đều không thể không biết đến nghĩa này.

Hai là nội thương, hoặc do dụng tâm quá độ, hoặc do rượu chè, sắc dục, tiền bạc, hút sách, đối với mỗi thứ đều tham ưa. Nếu có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành và dùng thuốc chữa trị ắt sẽ dễ lành bệnh. Nếu chẳng chú ý nơi căn bản, chỉ cậy vào thuốc men, cũng khó thấy được hiệu quả. Dù có hiệu quả, vẫn khó giữ cho vĩnh viễn không bị tái phát.

Ba là ngoại cảm, chỉ cần làm theo như cách đã nói trong phần nội thương trên đây. Dẫu có bị trúng phải gió, lạnh, nắng, mưa bên ngoài cũng hết sức dễ chữa. Nếu chẳng chú ý ngăn ngừa giận dữ, gạt bỏ ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành thì tuy là bệnh ngoại cảm vẫn chẳng dễ gì chữa trị vì bị tổn thương từ căn bản mà chỉ trị nơi cành nhánh, thật khó được lợi ích! Do vậy, thánh nhân giữ yên đất nước khi chưa loạn, bảo vệ thân khi chưa bệnh, tuy không có kỳ tích bình trị, bảo vệ, nhưng sự bình trị, bảo vệ cũng lớn lắm.

Tôi hoàn toàn chẳng biết gì về thuốc men, nhưng rất mong cho người đời đều không bệnh tật, hằng ngày trì chú Đại Bi gia trì vào nước sạch, có người mắc bệnh ngặt lâu ngày, thầy thuốc Bắc, thuốc Tây đều chẳng chữa được, [tôi cho người ấy uống nước đã được trì chú Đại Bi], dạy người ấy kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật và niệm Quán Âm, nếu thật sự chí thành sẽ lập tức xoay chuyển được tình thế, không lâu sau tự lành

---

Như vậy, có lẽ Dã Can là một loài sói hay chó rừng thì đúng hơn, không biết đây có phải là một loài chó rừng mà người Anh - Mỹ thường gọi là Jackal hay không?

bệnh. Dẫu chẳng thể lành ngay, quyết cũng chẳng lẽ nào bị bệnh nặng thêm, lại còn có thể tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, lại chẳng tốn kém chi!

Ông muốn học Y, tuy chú trọng nơi châm cứu, dược phẩm, nhưng cần phải phát đại Bồ Đề tâm, thường dùng thánh hiệu của Phật, Bồ Tát và chú Đại Bi khắp vì ta - người trì tụng, để mong đôi bên cùng được thân tâm an lạc trong đời này, lâm chung quyết định vãng sanh Tây Phương thì chẳng uổng là đệ tử Phật, tùy phần tùy sức thực hiện đạo lợi khắp ta - người. Nếu giống như những gã thầy thuốc tầm thường trong cõi đời chỉ cầu lợi, chẳng coi trọng chuyện cứu chữa người bệnh, dẫu cho giàu nứt đố đổ vách cũng chỉ được kết quả là chính mình vĩnh viễn đọa trong ác đạo, con cháu hoặc thành phường bại hoại, hoặc rốt cuộc bị tuyệt diệt! Uổng có cơ hội tự lợi lợi tha mà lại ngược ngạo biến thành cái quả tự hại, hại người, chẳng đáng thương sao? Chẳng đáng sợ sao? Sách Cảm Ứng Thiên có câu: *"Họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy"*, người thông minh trong cõi đời phần nhiều đều muốn hưởng phước lạc, đâm ra chuốc lấy họa ương. Nếu ông chẳng thuận theo thói đó, ắt sẽ được "danh xứng với thật", là bậc đại quốc thủ. Nếu không, chỉ trở thành kẻ giặc cho dân mà thôi! Lấy - bỏ thế nào, mong ông hãy tự chọn lựa!

9. Pháp ngữ dạy thầy Hoa Quyền đang bị bệnh
(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Con người sống trong thế gian ai cũng chẳng thể nào tránh khỏi nỗi khổ tật bệnh, chết chóc! Trong khi những sự khổ như vậy xảy ra, chỉ nên buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm "Nam-mô A Di Đà Phật". Nếu hơi thở ngắn thì chỉ niệm bốn chữ A Di Đà Phật, nhất tâm cầu Phật từ bi tiếp dẫn ông vãng sanh Tây Phương. Trừ một niệm ấy ra, trong tâm chẳng được khởi lên mảy may tưởng niệm khác biệt nào, cũng đừng mong bệnh chóng lành, cũng chớ có tưởng niệm cầu thần cầu trời giáng phước. Hễ có những thứ tưởng niệm ấy, tâm ông sẽ bị cách ngăn với tâm đức A Di Đà Phật; do vậy sẽ chẳng hưởng được sức gia bị do lòng từ của Phật. Ông phải hiểu rằng: Trời đất cha mẹ đều chẳng thể làm cho ông thoát luân hồi sanh tử được, chỉ có đức A Di Đà Phật là có thể làm cho ông thoát luân hồi sanh tử! Giả sử ông chịu buông xuống hết thảy, nhất tâm niệm Phật thì nếu tuổi thọ chưa hết sẽ được chóng lành. Nếu tuổi thọ đã hết, liền vãng sanh Tây Phương; nhưng chớ nên cầu bệnh chóng lành, chỉ nên cầu mau được vãng sanh. Nếu tuổi thọ đã hết mà cầu lành bệnh sẽ chẳng được vãng sanh. Cầu vãng sanh thì nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh. Vãng sanh Tây Phương có những điều hay chẳng thể nói trọn, so với những kẻ sanh lên cõi trời làm thiên đế, thiên vương vẫn cao cả hơn vô số vô lượng vạn vạn vạn vạn lần.

Ông đừng có si tâm vọng tưởng sợ chết. Có cái tâm sợ chết sẽ chẳng thể vãng sanh được! Chúng ta sống trong thế gian giống như loài giòi trong hầm

phân, tù nhân trong lao ngục, khổ chẳng chịu đựng được! Vãng sanh Tây Phương như thoát khỏi hầm phân, lao ngục, đến quê nhà thanh tịnh an lạc tiêu dao tự tại, há nên sợ chết? Nếu có tâm niệm sợ chết, sẽ vĩnh viễn chịu khổ trong sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng có thuở thoát khổ. Nếu ông niệm ra tiếng được thì cũng nên niệm nhỏ tiếng, chẳng thể niệm ra tiếng nổi thì niệm thầm trong tâm, tai nghe người khác niệm, trong tâm cũng niệm như thế. Mắt lại dõi nhìn A Di Đà Phật (tức đức Phật được thờ trong thất), trong tâm tưởng đến A Di Đà Phật. Hễ có những niệm khác khởi lên, hãy nên tự trách: "Ta muốn cậy vào Phật lực vãng sanh Tây Phương, sao lại khởi lên những thứ ý niệm này làm hỏng đại sự của ta?"

Nếu ông chịu niệm theo như lời tôi nói, chắc chắn được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, bao kiếp vĩnh viễn thường hưởng khoái lạc, trọn chẳng phải thấy nghe mảy may sự khổ gì, há còn có những thứ khổ não tật bệnh như thế này hay sao? Nếu gặp lúc trong tâm dấy lên phiền não, phải hiểu rằng đấy chính là do ác nghiệp trong đời trước xui khiến, muốn phá hoại đạo vãng sanh Tây Phương của ta, muốn khiến cho ta vĩnh viễn bị khổ vì sanh tử luân hồi, ta nay hiểu được nó muốn hại ta, ta chẳng để cho nó xoay chuyển, trừ chuyện niệm Phật ra, chẳng nghĩ đến chuyện gì khác. Như vậy thì tâm tâm tương ứng với Phật, được Phật tiếp dẫn, sẽ liền vãng sanh. Hãy nhớ kỹ lời tôi thì sẽ tự mau được lợi ích không chi lớn hơn được!

10. Pháp ngữ dạy mẹ con ông Ân Đức Tăng (hai bài)

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

1) Hai chữ "nhân quả" gồm trọn hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, trọn hết không bỏ sót gì. Do vậy, chẳng riêng gì Phật giáo đề cao [nhân quả] mà pháp thế gian cũng chẳng bỏ qua [nhân quả]. Trong sách Nho đã sớm để lại giáo huấn rõ ràng. Kinh Dịch chép: *"Tích thiện dư khánh, tích bất thiện dư ương"* (tích chứa điều thiện niềm vui có thừa, tích chứa điều bất thiện tai ương có thừa), kinh Thư ghi: *"Tác thiện giáng tường, tác bất thiện giáng ương"* (làm lành thì điều tốt lành sẽ giáng xuống; làm điều chẳng lành, tai ương sẽ giáng xuống) chẳng phải là nói về nhân quả hay sao? Nhưng hết thảy những chuyện kỳ kỳ quái quái, thiện thiện ác ác được biên chép trong bộ Xuân Thu Tả Truyện đều là những ghi chép thật sự về nhân quả. Nếu người đời sau đọc bộ sách ấy, xét nghĩ những chuyện ấy sẽ thấy rành rành họa phước vô thường, báo ứng chẳng sai vậy!

Do có quỷ thần, dè dặt kinh sợ, bậc thượng trí sẽ mạnh mẽ dấy lên chí hướng ưu thời mẫn thế, gắng tu đức của chính mình; kẻ hạ ngu cũng biết nể sợ, chẳng dám làm ác. Vì thế, nhân quả thật sự là sự phòng ngừa lớn lao để ràng buộc lòng người, đáng để phụ trợ cho những chỗ mà sự cai trị của nhà vua chưa được thấu tới, mà cũng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế

gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, và cũng là mấu chốt khiến cho đất nước yên ổn hay loạn lạc, hưng thịnh hay suy vi từ xưa đến nay vậy.

Hiện thời thế đạo ngày một suy vi, lòng người chìm đắm, sở dĩ tệ hại đến cùng cực như thế này đều là vì chẳng hiểu rõ lý nhân quả báo ứng mà ra. Lý nhân quả chẳng được sáng tỏ thì tuy cái nhân gần là do bị ảnh hưởng bởi những học thuyết mới, nhưng thật ra cái nhân xa là do Tống Nho bác Phật đã ươm thành. Ấy là vì [từ khi] học thuyết Tống Nho được xướng suất mạnh mẽ: "Quỷ thần chỉ là lương năng của hai khí (Âm - Dương), con người chết đi thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém - chặt - xay - giã sẽ thực hiện vào đâu, quân tử có làm gì để làm lành thì chuyện làm lành ấy cũng chẳng thật, cần gì phải bàn đến nhân quả?" Phàm "không làm gì mà là làm lành" chỉ để nói với bậc thượng trí, chứ đối với hạng người từ bậc trung trở xuống, ắt phải nhờ vào khuyên bảo "hãy có làm"[284] thì mới là lành. Nay nói: "Chẳng làm gì mà là làm" sẽ ngăn trở con đường hướng thiện của người khác!

Thánh nhân dùng thần đạo để lập giáo, ngầm khen ngợi thần minh, từ kết quả truy ngược về cội nguồn nên biết được lẽ sanh tử. Tinh - khí là vật, du hồn biến chuyển, do vậy biết được tình trạng của quỷ thần. Nay coi quỷ thần là hư vô, hoang đường, tức là đã phế trừ giáo huấn của các bậc tiên vương! Nếu chết đi đã thành đoạn diệt, không nhân quả, không báo ứng thì hết thảy hạnh nghịch ác hễ tỏ được cái chí thì đâu cần kiêng sợ gì mà không làm cơ chứ? Loạn thiên hạ, gây họa cho nhân loại, ắt đều bắt nguồn từ đây! Bọn Trình - Châu chỉ biết cổ vũ "quân tử không làm gì chính là làm lành", chẳng thèm lo tới chuyện "bọn tiểu nhân không kiêng sợ nên cứ làm ác" hay sao? Trong thiên hạ, bậc quân tử thì ít, tiểu nhân lại nhiều, lời lẽ của bọn Trình - Châu lợi thiên hạ thì ít, hại thiên hạ cũng nhiều, chẳng đáng đau xót ư? Nhưng cái thuyết Lý Học của bọn Trình - Châu phần nhiều lấy từ các [nghĩa lý trong] kinh Phật, nhưng họ lại toan dùng đó để tự khoe tài, đã học được từ người ta lại ngược ngạo bảo người ta chẳng bằng mình, bịt tai trộm linh, trong lòng sùng phụng, mặt ngoài chống trái, thậm chí chẳng tiếc công đàn áp.

Thật sự là vì đâu mà lại như thế? Đáp: Do tri kiến môn đình và muốn được phối hưởng[285] trong Văn Miếu mà thôi! Bọn họ chỉ vì tri kiến môn

---

[284] Ý nói: Phải tích cực làm lành (tức là có thực hiện điều thiện thì mới là làm lành), chứ không phải như bọn Lý học rêu rao "hễ có làm gì để làm lành thì là ác". Các nhà Lý Học không hiểu thánh hiền đạo Nho dạy "không có gì để làm mới là làm lành" chính là làm lành nhưng không chấp trước vào việc làm lành, làm lành với tâm không phân biệt, tự nhiên làm lành như đói cần ăn, khát cần uống, nên làm lành mà cũng như không làm lành.

[285] Văn Miếu là nơi thờ Khổng Tử và 72 môn đệ (Thất Thập Nhị Hiền). Tại Văn Chỉ (một hình thức thu gọn của Văn Miếu tại mỗi làng), những người có chí khí, danh tiết cao đẹp trong làng cũng được thờ trong gian bên cạnh hoặc nơi bàn thờ phụ, gọi là "thờ phối hưởng".

đình, gây họa hoạn vô cùng cho hậu thế. Đấy cũng là điều bọn Trình - Châu chẳng lường tới, nhưng những người có lòng [lo cho đời] đều đau đớn sâu đậm! Trình - Châu từng là những bậc đại Nho một thời dưới đời Tống, công duy trì nhân luân kỷ cương của họ đâu thể không tính kể tới, nhưng lập luận của họ chẳng tránh khỏi trái nghịch tiên thánh, gây lầm lạc cho đời sau. Bọn ta đọc sách để học đòi cổ nhân, há chẳng suy xét sâu xa ư?

2) Hiện nay muốn xương minh sự lý nhân quả và phương pháp thực hành [điều đó] thì trước hết phải thực hiện bằng sự giáo dục trong gia đình; nhưng giáo dục trong gia đình lại phải lấy phụ nữ làm chủ thể. Bởi lẽ, đời có mẹ hiền thì mới có con hiền. Noi theo bậc hiền mẫu thời cổ, thực hiện thai giáo: un đúc bẩm chất từ lúc ban đầu, nuôi nấng, dạy dỗ từ khi chưa sanh ra ngõ hầu con sẽ tập quen thành tánh. Như ba bà Thái đời Châu (Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự) ngầm giúp đỡ chồng, dạy con từ lúc nó còn nằm trong thai, đều là bậc thánh nhân trong nữ giới, quả thật họ đã lập nên nền tảng mở mang vương nghiệp nhà Châu. Tôi thường nói: *"Quyền trị quốc bình thiên hạ hàng nữ nhân nắm quá nửa"*. Lại nói: *"Dạy con gái là cái gốc để tề gia, trị quốc"* tức là nói đến chuyện "trọn hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con". Nữ giới ngày nay phần nhiều chẳng hiểu nghĩa này, lầm lạc muốn tham gia chánh trị nắm quyền, tính làm đại sự, bỏ mặc đạo căn bản là vun bồi gia đình. Điều này quả thật gom sắt của muôn nước chín châu cũng chẳng đúc được cái lỗi lầm lớn lao ấy[286], thật đáng cảm khái sâu xa!

---

[286] Câu nói này vốn dựa theo ý một câu nói của La Thiệu Uy vào cuối đời Đường. Theo Tư Trị Thông Giám, nguyên văn câu nói của La Thiệu Uy là: *"Hợp lục châu tứ thập tam huyện thiết bất năng chú thử thác*" (Gộp sắt của bốn mươi ba huyện trong sáu châu cũng không đúc được lỗi lầm này). Nguyên lai, vào cuối đời Đường, các phiên trấn (những tướng lãnh nắm giữ binh quyền tại các địa phương) thế lực rất lớn. Khi Điền Thừa Tự giữ chức Tiết Độ Sứ vùng Ngụy Bác (bao gồm sáu châu Ngụy, Bác, Tương, Vệ, Bối, Đàn, nay thuộc vùng duyên hải của Bột Hải thuộc phía Bắc Hoàng Hà) đã tuyển lựa những quân sĩ thân tín, chu cấp hậu hĩnh, huấn luyện kỹ càng, tổ chức thành một đội quân tự vệ, gọi là Nha Quân. Đến khi La Thiệu Uy làm Tiết Độ Sứ vùng Ngụy Bác, do thấy Nha Quân thế lực quá lớn, kiêu binh tung hoành không thể kiềm chế được, thậm chí đôi khi còn làm loạn, giết cả Tiết Độ Sứ. Năm Thiên Hựu thứ hai đời Đường Chiêu Tông, một viên chỉ huy của Nha Quân là Lý Công Toàn gây binh biến, La Thiệu Uy bèn cầu cứu viên Tiết Độ Sứ có thế lực mạnh nhất thời ấy là Vũ Châu Ôn (ông này làm Tiết Độ Sứ vùng Tuyên Vũ, nay thuộc huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam). Châu Ôn liền phái bảy vạn nhân mã tiến vào Ngụy Bác, giết được tám ngàn Nha Quân, dần dần dẹp tan sự đối kháng của Nha Quân. Để cung cấp cho quân đội của Châu Ôn, La Thiệu Uy đã phải tốn hơn nửa ức tiền, giết đến gần bảy chục vạn trâu dê cho quân Châu Ôn ăn trong nửa năm, tốn kém lương thảo vô số. Lúc quân Châu Ôn rút đi, lại còn phải biếu tặng cả trăm vạn quan tiền. Từ đấy, vùng Ngụy Bác suy sụp, kiệt quệ, hoàn toàn không còn sức đối kháng ngoại địch. Như vậy, tuy La Thiệu Uy trừ được mối lo do Nha Quân gây ra, nhưng cũng đồng thời tự diệt sạch lực lượng chính bảo vệ vùng Ngụy Bác, hoàn toàn chịu sự chi phối của Châu Ôn. Do đó, La Thiệu Uy mới hối hận thốt lên thời than thở như vậy. Từ câu nói ấy đã phát sanh thành ngữ *'chú thành đại thác'* vốn thường được dùng để chỉ lỗi lầm chết người do ham mối lợi nhỏ trước mắt mà ra.

Thế nào là đạo căn bản để vun bồi gia đình? Chính là hễ dạy dỗ con cái, ắt phải khi con đang còn trong độ tuổi măng sữa, trước hết phải làm cho nó biết về thuyết nhân quả báo ứng thì đối với hết thảy những hành vi nghịch ác nó sẽ tự kiêng sợ chẳng dám làm. Giảng giải sách nhân quả không chi hay bằng Cảm Ứng Thiên[287] và Âm Chất Văn[288]. Hai cuốn sách ấy phải thường giảng nói, ắt sẽ tự có lợi ích không chi lớn bằng! Bởi lẽ, trẻ thơ thiên tánh chưa xấu xa, lời lành dễ tiếp nhận, tập quen từ bé, lâu ngày sẽ thành bản tánh, đến khi lớn lên sẽ chẳng thay đổi được! Gốc chánh nguồn trong được bắt nguồn từ đấy! Vì thế, kinh Dịch chép: *"Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã"* (Dạy cho trẻ thơ điều đúng đắn, có công như thánh nhân vậy).

Ngày nay thiên hạ sở dĩ đại loạn đều là do cha mẹ chẳng hiểu nguyên lý giáo dục đã ươm thành vậy. Bởi lẽ đã chẳng thể dùng thai giáo để dạy dỗ điều lành từ đầu, lại còn chẳng thể dùng nhân quả để răn nhắc lúc sau. Căn bản đã hỏng thì sẽ bừa bãi, tràn lan chẳng thể nào thâu thập được. Do vậy mới xướng lên những thuyết bất hiếu, không cần cha mẹ, mới bàn đến chuyện cách mạng gia đình không kiêng dè chi! Dẫn đến [tình cảnh] bạn bè

---

[287] Theo thiên Nghệ Văn Chí trong Tống Sử và sách Quận Trai Độc Thư Phụ Chí, ẩn sĩ Lý Xương Linh đời Tống đã biên soạn cuốn Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, thác danh Thái Thượng Lão Quân giáng cơ. Tuy thế, các nhà nghiên cứu vẫn chưa đồng ý ai thật sự là tác giả của cuốn sách này. Do nội dung sách này khuyến thiện làm lành rất tích cực, nó được người Trung Hoa rất ngưỡng mộ, cũng như được rất nhiều người viết lời chú giải. Sách càng được nổi tiếng lưu hành mạnh mẽ hơn khi được học giả Huệ Đống đời Thanh chú giải tường tận, cho đến hiện thời cuốn sách này vẫn được lưu hành rất rộng và được Phật môn Trung Hoa rất coi trọng.

[288] Âm Chất Văn tên gọi đầy đủ là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, chưa rõ ai là tác giả. Châu Khuê đời Thanh khi giảo chánh cuốn Âm Chất Văn Chú đã nhận định: *"Âm Chất Văn nói những chuyện liên quan đến đời Tống, ắt phải do người đời Tống biên soạn"*. Học giả Tửu Tỉnh Trung Phu của Nhật lại cho rằng tác phẩm này phải được hình thành vào cuối đời Minh, nhưng không đưa bằng chứng đủ tính thuyết phục nào. Dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của Âm Chất Văn, các đạo sĩ đã biên soạn Văn Đế Cứu Kiếp Kinh và Văn Đế Diên Tự Kinh để tiếp tục xiển dương tư tưởng khuyến thiện trừng ác trong Âm Chất Văn. Âm Chất Văn thác danh Văn Xương Đế Quân giáng cơ. Văn Xương Đế Quân vốn còn gọi là Tử Đồng Đế Quân, theo truyền thuyết vốn là Trương Á Tử, làm quan đời Tấn, chết trận, được dân chúng lập miếu thờ, rất hiển linh. Do các đạo sĩ đời Tống - Nguyên viết truyện nói ông Trương được Thượng Đế sắc phong làm Tử Đồng Đế Quân và đã nhiều lần giáng thế, được thiên đình giao cho nhiệm vụ chưởng quản phủ Văn Xương chuyên coi về việc học hành, thi cử, quan chức của thế gian nên còn có tên là Văn Xương Đế Quân. Do vậy, năm Diên Hựu thứ ba (1316) đời Nguyên, vua đã sắc phong cho Văn Xương Đế Quân một tước hiệu thật dài "Tử Đồng Thần Vi Phụ Nguyên Khai Hóa Văn Xương Tư Lộc Hoằng Nhân Đế Quân". Chữ Âm Chất phát xuất từ thiên Hồng Phạm sách Thượng Thư: *"Duy thiên âm chất hạ dân"* thường được giải thích là "trời ngấm ngầm bảo vệ, che chở muôn dân". Từ đó, Âm Chất được hiểu là làm những việc công đức ngấm ngầm, không khoe khoang, rêu rao cho người khác biết. Đặc điểm của Âm Chất Văn là dung thông những quan điểm của Tam Giáo, đặc biệt đề cao nhân quả, luân hồi, báo ứng, nên rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

chơi với nhau vì lợi lộc hòng bán chác, vợ chồng hợp lại hay chia tay nhau giống như cầm thú, chôn vùi đạo nghĩa liêm sỉ, thiên lý tuyệt diệt [như] nước lũ cuồn cuộn tận trời chẳng biết khi nào ngừng. Dẫu Khổng Tử, Thích Ca sống trong thời buổi này cũng không có cách gì cứu giúp được, nguy ngập vậy thay!

Làm như thế nào đây? Đáp: Đường lối để cứu vãn chỉ có cách chú trọng giáo dục gia đình sao cho ai nấy giảng rõ sự lý nhân quả cho con cái hòng vun bồi căn bản mà thôi! Đã gieo thiện nhân ắt gặt thiện quả, mới hòng có hy vọng trong tương lai lòng người biến đổi tốt đẹp, phong tục dần dần thuần lương, thiên hạ nước nhà thái bình vậy.

10. Trả lời những câu hỏi của cư sĩ Khúc Thiên Tường (hai mươi bảy câu) (năm Dân Quốc 21 - 1932)

1) Hỏi: Nguyên nhân khiến đệ tử tin Phật bắt nguồn từ việc nghiên cứu thuật Thôi Miên. Xưa kia con đã nghe tục ngữ có câu: *"Chín lần tu làm thiên tử, mười lần tu làm Phật"*, nghĩ rằng tu mười đời mới thành tựu được, thường sợ bỏ dở giữa đường, phí sạch hết công lao [tu tập] từ trước. Nếu sớm biết sẽ thành tựu ngay trong đời này thì đã sớm niệm Phật rồi. Tuổi con đã hai mươi bảy, rất hối hận đã phát tâm trễ tràng.

Đáp: *"Chín lần tu làm thiên tử, mười lần tu làm Phật"* chính là lời nói nhảm của kẻ chẳng biết gì về Phật pháp. Người biết Phật sẽ trọn chẳng nói câu đó. Pháp môn Tịnh Độ chính là cậy vào Phật lực để liễu sanh tử, đều phải có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, quyết định mong cầu đến lúc lâm chung vãng sanh Tây Phương. Nếu chẳng cậy vào Phật lực mà muốn liễu sanh tử thì ngàn đời vạn kiếp chẳng thể liễu thoát rất nhiều!

2) Hỏi: Con tin tưởng tịnh tâm sẽ thành Phật, giống như trong thuật Thôi Miên ắt phải trầm tĩnh rồi sau đấy mới có hiện tượng chẳng thể nghĩ bàn.

Đáp: Tịnh tâm niệm Phật quán Phật sẽ dễ tương ứng với Phật. Nếu có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chắc chắn được vãng sanh, rồi sẽ dần dần tấn tu, ắt sẽ thành Phật. Đừng nên nói "hiện tại tịnh tâm sẽ được thành Phật!"

3) Hỏi: Con tin tưởng nhờ cậy vào Phật lực, như trong thuật Thôi Miên tự thôi miên chính mình sẽ khó hơn bị người khác thôi miên. Vì thế biết là Tự Lực chẳng bằng Tha Lực.

Đáp: Hết thảy pháp môn đều phải cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng Chân hầu liễu sanh thoát tử, như người thọt chân tự đi, một ngày khó đi được trăm dặm. Pháp môn Tịnh Độ nương vào sức Từ của Phật sẽ có thể đới nghiệp vãng sanh, giống như kẻ thọt chân ngồi trên bánh xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương, trong một ngày đến khắp bốn châu, làm sao có thể lấy chuyện Thôi Miên để chứng minh cho được!

4) Hỏi: Miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, [vậy thì] đức Phật được tưởng ấy có giống như [đức Phật được tưởng trong] phép Quán thứ tám[289] của Quán Kinh hay không?

Đáp: Quán tưởng phải bắt đầu tu tập từ phép Quán thứ mười ba[290]. Nếu không, cảnh tế tâm thô, khó thể thành tựu, hoặc nếu như dụng tâm không thích đáng sẽ dấy lên ma sự.

5) Hỏi: Như khi gặp nguy hiểm, lâm vào tình thế chẳng thể cùng một lúc kiêm tụng các chú thì hãy nên ứng dụng như thế nào?

Đáp: Gặp phải tai nạn cực nguy hiểm, chỉ nên niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát là đỡ tốn tâm lực nhất, [lại] có cảm ứng nhiều nhất.

6) Hỏi: Nếu chuyên tụng Phật hiệu, hiệu lực so với thần chú như thế nào?

Đáp: Phật hiệu và thần chú có công đức giống hệt như nhau, chỉ do lòng chí thành thì mới có cảm ứng. Nếu trong tâm trước hết đã khởi lên ý niệm coi thường Phật hiệu thì sẽ chẳng có lợi ích gì, vì đã không chí thành lại còn ngờ vực nên chẳng được lợi ích chân thật.

7) Hỏi: "Duy tâm Tịnh Độ tự tánh Di Đà" với "Tịnh Độ và đức Phật ở Tây Phương" là một nhưng mà hai, là hai nhưng mà một phải không?

Đáp: Có duy tâm Tịnh Độ thì mới sanh về Tây Phương Tịnh Độ. Nếu tự tâm chẳng tịnh, làm sao vãng sanh được? Dẫu là kẻ tội nhân nghịch ác nhưng do niệm Phật mười tiếng bèn được vãng sanh là vì tịnh tâm niệm Phật mà cảm được [quả báo] vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Trong đời lắm kẻ tưởng "duy tâm là không có cõi nước", trở thành tri kiến của tà ma, ngoại đạo! Loại tà kiến tựa hồ là đúng nhưng thật ra là sai ấy chiếm hơn quá nửa đến nỗi người niệm Phật chẳng được lợi ích thật sự, mà vẫn tưởng mình là cao minh, chẳng biết đấy là tà kiến "chấp lý phế sự, tự lầm, lầm người!" Do tự tánh Di Đà nên phải niệm đức Di Đà ở Tây Phương để cầu vãng sanh hòng tấn tu dần dần để có đích thân chứng được Di Đà nơi tự tánh. Nếu chỉ chấp vào tự tánh Di Đà, chẳng niệm đức Di Đà ở Tây Phương, dẫu có ngộ

---

[289] Phép Quán thứ tám là tổng quán Tây Phương Tam Thánh cùng với cảnh giới trang nghiêm của cõi Cực Lạc, kinh dạy: "*Muốn quán Phật Vô Lượng Thọ trước phải tưởng hình tượng làm sao cho khi nhắm mắt, mở mắt đều thấy một tượng báu như sắc vàng Diêm Phù Đàn, ngồi trên tòa sen kia. Lúc thấy Phật tượng rồi, tâm nhãn tự được mở mang rõ ràng sáng suốt. Bấy giờ hành giả thấy cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm, như: đất báu, ao báu, hàng cây báu, trên cây có mành báu của chư thiên che phủ, các lưới báu giăng khắp giữa hư không. Khi đã thấy được cảnh tướng rất rõ ràng như nhìn vào bàn tay rồi, lại tưởng hai hoa sen lớn, một ở bên trái, một ở bên phải của Phật, cả hai đều giống như tòa sen trước. Xong lại tưởng hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát ngồi tòa sen bên trái, tượng Đại Thế Chí Bồ Tát ngồi tòa sen bên mặt, thân tướng đều rực rỡ như sắc vàng Diêm Phù Đàn…*"

[290] Phép Quán thứ mười ba chỉ quán thân Phật cao một trượng sáu đứng bên ao thất bảo, thân của hai vị Bồ Tát cũng đồng phân lượng, đồng thời giảm bớt rất nhiều chi tiết cho phàm phu dễ quán, chẳng hạn chỉ quán hai vị Bồ Tát khác nhau ở chỗ đức Quán Âm có hóa Phật đứng trên đảnh đầu, còn Đại Thế Chí là bảo bình trên nhục kế.

thật sự vẫn không thể liễu sanh tử được! Huống chi những kẻ nói lời ấy toàn là bọn chấp chặt một bề, toàn là phường nói xuông! "Là một nhưng hai" là chuyện trước khi thành Phật, "tuy hai nhưng một" là chuyện sau khi đã thành Phật.

8) Hỏi: *"Sanh thì quyết định sanh, đi thì chẳng thật sự đi"*, sanh và đi đều chỉ cho điều gì?

Đáp: *"Sanh thì quyết định sanh"* là nói theo mặt Sự. *"Đi chẳng thật sự đi"* là nói theo mặt Lý. Chẳng biết cội nguồn của Sự - Lý thì tốt hơn là hãy chất phác niệm Phật theo sự tướng. Nếu không, ắt sẽ trở thành bọn tà ma, ngoại đạo chấp lý phế sự.

9) Hỏi: Người tên X… nọ khi mạng chung chợt nói: "Tịnh Độ ngay trong góc sân", vậy cõi đất này là Tịnh Độ ư?

Đáp: Đấy chính là nghĩa lý "duy tâm Tịnh Độ" phát hiện. "Duy tâm Tịnh Độ" chính là cảnh của một mình người đó, ngoài ra đều là duy tâm uế độ. Há có nên dựa theo cái thấy của người ấy để phán đoán ư?

10) Tụng kinh có phải là để làm cho chính mình sanh tâm hoan hỷ, chán lìa, hay là còn có tác dụng chi khác?

Đáp: Ông tụng kinh chỉ biết cầu hoan hỷ cho chính mình, đáng tiếc là vô biên diệu nghĩa bị ông xem chẳng đáng một đồng!

11) Hỏi: Hiểu Đệ Nhất Nghĩa là như thế nào?

Đáp: Hiểu Đệ Nhất Nghĩa tức là triệt ngộ diệu lý Thật Tướng, duy tâm tự tánh.

12) Hỏi: Cái tánh còn lại sau khi chết, [cái tánh đi] vãng sanh, và Phật tánh có những điểm giống nhau, khác nhau như thế nào?

Đáp: Cái tánh của hết thảy chúng sanh trước khi sanh ra sau khi chết đi, cái tánh vãng sanh và Phật tánh [ba tánh ấy] đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng. Gọi là đồng vì bản thể của tâm tánh không hai. Nói là bất đồng vì do mê hay ngộ nên sai khác vời vợi một trời, một vực! Do có nghĩa này nên dạy người đoạn Hoặc chứng Chân để mong đích thân chứng được tâm tánh vốn đồng ấy. Chỉ có Thể là đồng, nhưng do mê chưa chứng nên bày ra đủ mọi pháp khiến cho họ bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác hòng đích thân chứng được. Cách tu rất nhiều, chỉ có niệm Phật cầu sanh Tây Phương là dễ thực hiện nhất, dễ thành tựu nhất!

13) Hỏi: Phật dạy tu Quán chính là vì chúng sanh đời sau ác trược chẳng lành bị năm thứ khổ bức bách mà lập giáo. Nếu dùng Thôi Miên để bộc lộ Thiên Nhãn Thông ngõ hầu nói ra để chứng minh thì hiển hiện cõi nước Cực Lạc cũng chẳng phải là chuyện khó. Huống chi rất cần chứng minh cho việc niệm Phật, sao không khuyên người tu Quán mà lại bảo đó là chuyện khó khăn?

Đáp: Thôi Miên là do sức [huyễn] thuật, há phải là thật sự có Thiên Nhãn Thông ư? Người thật sự có Thiên Nhãn Thông há chịu để cho người khác thôi miên! Ông nay đã học Phật, hãy nên chuyên chí học Phật. [Muốn]

hiện cõi Cực Lạc, chỉ dùng tịnh tâm mà niệm cho chuyên nhất thì sẽ làm được. Ví như mài gương, mài đến cùng cực thì [gương] tự nhiên tỏa sáng. Dùng thuật Thôi Miên để hiện thì trước hết tâm đã chẳng tịnh, niệm cũng chẳng chuyên nhất, ví như dùng bột trắng xoa lên gương mà cứ mong gương tỏa sáng, chẳng biết là đã phủ lấp tấm gương càng dầy vậy!

14) Hỏi: Tu Quán có phải là cậy vào Phật lực hay không? Trong phép Quán thứ mười ba [của Quán Kinh] có nói: *"Vô Lượng Thọ Phật thân lượng vô biên, tâm lực của phàm phu chẳng thể thấu hiểu được, nhưng do sức túc nguyện của đức Như Lai ấy nên có kẻ ức tưởng ắt được thành tựu"*. Điểm khác biệt giữa phép Quán này và tham Thiền là gì? So với tham Thiền có dễ hơn hay không?

Đáp: Tham Thiền chỉ cốt suy cứu tự tâm, niệm Phật kiêm cậy vào Phật lực. Hai pháp đạt đến rốt ráo viên thành thì hoàn toàn giống như nhau, nhưng dụng công trong lúc tu trì thì rất khác biệt. Ví như đi đường ngồi thuyền hay ngồi xe khác nhau, nhưng về đến nhà thì giống như nhau.

15) Hỏi: Tu Quán là tưởng hay là quán, hay dùng cả quán lẫn tưởng? Lấy gần hay lấy xa?

Đáp: Hai chữ "quán tưởng" há nên chia ra làm đôi! Nhiếp tâm để tưởng chính là quán. Ông nghĩ là hai tức là trở thành chỉ biết [mười bằng] một nhân với mười, chẳng biết [con số mười ấy] nó cũng là hai lần năm. Hơn nữa, quán tưởng sao có thể chia ra thành gần hay xa cho được!

16) Hỏi: Mỗi phép Quán phải cần [tu tập] tối thiểu bao nhiêu ngày?

Đáp: Ông cho rằng tu một phép Quán này mấy ngày, rồi sẽ tu pháp Quán khác đó ư? Chẳng biết đức Phật tuy nói mười sáu phép Quán nhưng thoạt đầu hãy nên thực hành phép Quán thứ mười ba thì mới là tu khế lý khế cơ.

17) Hỏi: Thoạt đầu là tưởng tượng thì chẳng phải là lan man ư?

Đáp: Đã biết như trên đã nói thì cứ dựa theo đó mà suy.

18) Hỏi: Phép Quán đầu tiên là nhất tâm tưởng mặt trời, hay là phải ngầm trì danh hiệu?

Đáp: Quán và Trì Danh vốn là một chuyện, ông cho rằng khi quán thì chẳng thể trì danh, chẳng được trì danh hay sao?

19) Hỏi: Khi ngồi thì tu Quán, những lúc khác thì trì danh, so với chuyên trì một thứ thì là hơn hay kém?

Đáp: Có cái tâm trầm tĩnh, kín đáo, thuần túy thì tu Quán cũng tốt mà trì danh cũng hay. Nếu không, so ra trì danh ổn thỏa hơn, bởi tâm chí sôi động, hời hợt, vọng động mà tu Quán thì sẽ bị nhiều ma sự.

20) Hỏi: Quán thấy cõi nước Cực Lạc thì đấy có phải là Tịnh Độ thật sự hay là tướng giả hiện?

Đáp: Quán thấy Cực Lạc chính là do duy tâm biến hiện, bảo đó là giả thì trở thành gã đứng ngoài cửa mất rồi!

21) Hỏi: Quán thấy cõi Cực Lạc và được nghe pháp thì có phải là Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông hay không?

Đáp: Đấy chính là do sức Quán tạo nên. Nếu là Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ thì không cần quán cũng vẫn thấy nghe được.

22) Hỏi: Có người nói thấy Phật chính là [thấy] vị Phật ở trong tâm chứ không phải là [thấy] vị Phật ở Tây Phương. Nếu đúng như vậy thì khi vãng sanh, vị Phật trong tâm có hiện ra hay không? Hay là A Di Đà Phật đến tiếp dẫn?

Đáp: Lâm chung thấy Phật chính là đức Phật do tự tâm cảm thành, chớ nên quy hết về tự tâm rồi nói rằng "không có chuyện Phật đến đón!"

23) Hỏi: Còn như khi tu phép Quán thứ mười ba, lúc ấy có thể tùy ý vãng sanh hay không? Hay phải đợi đến khi lâm chung mới có thể vãng sanh?

Đáp: Nghiệp báo chưa tận, làm sao vãng sanh ngay được? Xưa kia cũng có người [làm được như vậy], nhưng không thể áp dụng cho hết thảy mọi người được!

24) Hỏi: Quán đến khi thấy Phật nghe pháp rồi, mỗi ngày lại quán có cần phải bắt đầu quán từ phép Quán đầu tiên hay không?

Đáp: Quán tưởng thì chỉ cần quán sao cho đắc lực, cần gì phải từ đầu đến đuôi, hằng ngày tập đi tập lại! Phật nói ra mười sáu phép Quán thì những phép Quán đầu nhằm khiến cho con người biết đến sự trang nghiêm của Cực Lạc, [các phép Quán] về chín phẩm vãng sanh ở phần sau nhằm làm cho con người biết nhân quả của phép được tu. Mỗi phép Quán đã biết thì qua một phép quán Phật sẽ có thể quán trọn vẹn các phép Quán kia.

25) Hỏi: Từ phép Quán thứ mười bốn trở đi chính là [quán] các phẩm vãng sanh. Đã không có cảnh để hiện mà dạy quán, nghĩa là làm sao?

Đáp: Nghĩa này đã nói rồi. Hãy xem những điều đã nói ở phần trên.

26) Hỏi: Những người vãng sanh trên đây dường như chẳng phải là những vị do tu Quán mà vãng sanh, chẳng biết nên tưởng sự vãng sanh của người tu Quán như thế nào?

Đáp: Phẩm vị của người vãng sanh muôn sai ngàn khác, trong kinh chỉ dùng chín phẩm để nói tóm gọn, sao ông biết những người vãng sanh trên đây chẳng do tu Quán mà được vãng sanh? Phải biết: Căn tánh con người bất đồng, dẫu chỉ [cùng là] một pháp mà vẫn có cao - thấp rất khác nhau, há nên câu nệ nơi pháp được tu ư? Ấy là do khả năng trong tâm địa của mỗi người, ông cho rằng các vị như Văn Thù, Phổ Hiền… chẳng tu Quán ư?

27) Hỏi: Nhớ số niệm Phật: Hít vào niệm sáu câu, thở ra niệm bốn câu là như thế nào? Tâm đã nhớ số lại niệm Phật, rồi lại phải tưởng Phật nữa ư?

Đáp: Niệm Phật nhớ số là từ một đến ba, từ bốn đến sáu, từ bảy đến mười, sao lại hạn định trong hơi thở? Ông là kẻ học luyện đan vận khí nên mới thấy một hai chữ hơi tương tự, liền nói đó là công phu của họ. Cách niệm Phật nhớ số là vì kẻ vọng tâm khó chế ngự mà đặt ra. Niệm được như thế, ghi nhớ như thế, lắng nghe như thế, chắc chắn tâm sẽ dần dần điều phục. Ở đây có ai dạy ông thêm vào hai chữ "tưởng Phật" đâu? Ở đây là tùy tiện

niệm, nào phải bận tâm thở ra hay hít vào? Nếu hít thở như thế lâu ngày sẽ bị tổn khí mắc bệnh, chẳng thể không biết [điều này]!

11. Pháp ngữ dạy nữ cư sĩ Châu Dư Chí Liên
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Bà đã ngoài bảy mươi tuổi rồi, chẳng bao lâu nữa sẽ phải chết. Hiện thời phải nhanh chóng thu xếp hết thảy mọi việc cho tốt đẹp, trong tâm ngoại trừ niệm Phật ra, không để vướng mắc bất cứ chuyện gì khác thì khi lâm chung mới có thể không vướng mắc, không ngăn ngại. Nếu bây giờ cứ vẫn chuyện gì cũng không buông xuống được như thế, vẫn nhìn không thông suốt, khi lâm chung tất cả những tâm tham luyến y phục, đồ trang sức trên đầu, nhà cửa, con cháu sẽ đều hiện ra hết, như thế thì làm sao có thể vãng sanh Tây Phương cho được? Đã không thể vãng sanh được thì bà một đời thủ tiết niệm Phật và làm đủ mọi chuyện hữu ích sẽ hoàn toàn trở thành phước báo! Hiện thời bà vẫn chưa có trí huệ, tuy thường tinh tấn niệm Phật, trong tâm vẫn chưa quyết định cầu sanh Tây Phương, đến đời sau trong lúc hưởng phước chắc chắn bị phước mê hoặc, sẽ tạo các ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, chắc chắn phải đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chịu khổ! Nỗi khổ lớn lao ấy đều là do đời này niệm Phật chẳng biết quyết định cầu sanh Tây Phương chiêu cảm. Quang thương xót bà, sợ bà mai sau có thể lâm vào tình huống ấy cho nên lập sẵn cách cho bà. Nếu bà chịu nghe theo lời tôi, sẽ chẳng do phước mà mắc họa.

Hiện thời tuy bà rất mạnh khỏe nhưng phải nghĩ mình sắp chết. Bây giờ cần mặc những thứ quần áo nào thì giữ lại để mặc, phàm những thứ y phục quý trọng như lượt, là, áo da v.v… đều chia cho cháu, cho dâu. Những thứ cài đầu, xuyến đeo tay, hoa tai, vàng, bạc, phỉ thúy[291] v.v… đều dùng để cứu giúp dân chúng bị tai nạn. Dùng công đức ấy để hồi hướng vãng sanh. Nếu trong tâm thấy biết nhỏ nhoi, chẳng thể đem cứu vớt tai nạn thì cũng nên chia cho con gái, cháu dâu, cháu gái v.v… Bên thân mình quyết chẳng được giữ lại những thứ khiến cho con người dấy lòng tham luyến ấy. Tất cả những khoản tiền dành dụm để phòng khi dưỡng già cũng nên giao hết cho con cháu, dù là khế ước, sổ sách ruộng đất v.v… đi nữa cũng nên giao hết sạch [cho người khác]. Trong tâm bà trừ chuyện niệm Phật, chẳng để cho có một chút ý niệm nào khác! Ngay cả cái thân của bà cũng chẳng tính toán sẵn sau khi chết đi sẽ nên an bài ra sao. Ngay cả với cháu, chắt cũng đều nên coi như người không quen biết, mặc kệ chúng nó hay dở ra sao, ta chỉ quan tâm niệm

[291] Phỉ Thúy (Jadeite) là một loại ngọc quý, còn được gọi bằng những danh xưng Thúy Ngọc, Ngạnh Ngọc, Miến Điện Ngọc, màu xanh lục đậm hơi biếc giống như màu lông chim Phỉ Thúy (chim bói cá, chim trả) nên mới có tên như vậy. Ở Trung Hoa không có loại ngọc này, phải nhập từ Miến Điện về nên rất quý và mắc tiền.

đức Phật của ta, nhất tâm mong chờ đức Phật đến tiếp dẫn ta vãng sanh Tây Phương.

Bà làm theo đúng như lời tôi nói, hết thảy mọi sự đều buông xuống hết, đến lúc lâm chung tự nhiên cảm được Phật đích thân rủ lòng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu vẫn cứ tham luyến hết thảy những vật tốt đẹp, tiền bạc, ruộng đất, nhà cửa, đồ cài đầu, quần áo và con cái, cháu chắt v.v… y như cũ thì vàn muôn phần chẳng thể vãng sanh Tây Phương được! Đã không sanh về Tây Phương được thì đời sau chắc chắn có si phước để hưởng, do hưởng phước sẽ tạo nghiệp, chắc chắn khi một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa lạc trong tam đồ vì ác nghiệp ngăn lấp vậy! Tâm thức chẳng rõ, dẫu có một vị Phật sống đến cứu bà cũng chẳng cứu được, há chẳng đáng thương đáng xót lắm ư? Xin bà hãy tin lời tôi nói thì thật là may mắn không chi hơn được!

12. Pháp ngữ khai thị cho cư sĩ Phùng Hữu Thư lúc lâm chung

Bệnh ông đã nặng, chỉ nên nhất tâm niệm Phật cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu tâm ấy chân thành, ắt sẽ được mãn nguyện. Còn đối với tất cả tội nghiệp, chớ nên lấy đó làm điều lo lắng. Vì nếu có thể cực lực chí tâm cầu sanh Tây Phương thì sẽ có thể cậy vào Từ lực của đức Phật để đới nghiệp vãng sanh. Ví như tảng đá to bỏ lên thuyền liền có thể từ bờ biển này sang được bờ kia. Cần biết rằng: Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức lực chẳng thể nghĩ bàn. Ba thứ chẳng thể nghĩ bàn ấy nếu không có cái tâm chí thành tín nguyện niệm Phật sẽ không có cách gì hiển hiện được. Có lòng chí thành cầu sanh Tây Phương thì ba thứ thần lực oai đức lớn lao chẳng thể nghĩ bàn ấy sẽ liền được hiển hiện. Như ngồi trên chiếc tàu thủy lớn lại được xuôi gió, chẳng lìa ý niệm trong hiện tại đây mà liền sanh về Tây Phương. Ông chỉ nên tin tưởng sâu xa lời tôi, tự nhiên ông sẽ được mãn nguyện. Nay tôi đặt pháp danh cho ông là Huệ Thoát, nghĩa là dùng trí huệ, tín nguyện niệm Phật liền được vãng sanh Tây Phương, thoát ly sanh tử vậy.

13. Lời thông cáo nhún nhường của hội Phật giáo Ngô huyện tỉnh Giang Tô dành cho Tăng chúng các tự viện

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Đức Đại Giác Thế Tôn nương theo bi nguyện thị hiện giáng sanh, vốn thuận theo tâm con người mà lập giáo để kẻ mê nhận lầm hình bóng cái đầu sẽ đích thân thấy được bản lai diện mục, kẻ ôm của báu mà chịu cùng quẫn sẽ mau chóng có được của cải trân bảo sẵn có trong nhà. Vì thế, Tam Thừa chóng chứng Bồ Đề, lục phàm cùng lên bờ giác. Đấy chính là nguyên do khiến đạo này được truyền rộng rãi khắp trên trời dưới đất, giáo pháp lan

truyền khắp cõi tam thiên đại thiên. Ấy là vì Phật pháp là tâm pháp. Tâm pháp ấy chúng sanh và Phật đều cùng có, phàm - thánh giống hệt như nhau, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Phật do ngộ chứng rốt ráo nên phước lẫn huệ đều cùng trọn đủ, Phiền Hoặc vĩnh viễn mất, hưởng pháp lạc chân thường, thí đại giáo tùy thuận căn cơ. Chúng sanh do triệt để mê trái nên Phiền Hoặc vĩnh viễn hừng hực, luân hồi chẳng ngơi, như chạm phải của báu trong nhà tối, đâm ra lại bị tổn thương. Các giáo trong thế gian đều là nói quyền biến, chỉ có mình Phật giáo khế lý lẫn khế cơ. Vì thế, từ đời Hán đến nay, khi giáo pháp được truyền sang Đông Độ, bao đời đều khâm kính, cả cõi đời thảy tôn sùng.

Nếu [Phật pháp] không tỏ rõ nhân để chỉ quả khiến cho người đời giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận hòng giúp cho đạo cai trị, hiểu tâm thấu gốc khiến cho người học đoạn Hoặc chứng Chân để dự vào dòng thánh thì làm sao có thể kéo dài đến tận ngày nay mà mối đạo vẫn chẳng bị suy sụp cho được? Huống chi từng bị ba vua Vũ[292] bạo ngược, bọn Nho sĩ câu nệ như Hàn Dũ, Âu Dương Tu và lũ Trình - Châu trong lòng sùng phụng, bề ngoài chống trái bài xích mà vẫn được chấn hưng [tiếp tục tồn tại] trong cõi đời, là do được hàng vua quan có thế lực lớn lao hộ vệ, do bậc đại đức cao tăng hoằng dương. Cuối đời Thanh, phong hóa cõi đời ngày một đi xuống, nước nhà không rảnh rỗi để đề xướng, Tăng chúng phần nhiều biếng nhác tu trì, đến nỗi kẻ không có chánh tri kiến ai nấy đều ôm giữ ý niệm “đuổi Tăng, chiếm đoạt tài sản”. Nhưng do cõi đời ngày càng loạn đến cùng cực, những người có lòng liền đua nhau dấy lên học Phật, cho nên [cõi đời] vẫn chưa đến nỗi bị khốn khổ ách nạn lớn lao.

Những người cùng sắc áo với tôi hãy thường nghĩ “ta là đệ tử Phật phải nên hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, giáo hóa chúng sanh để làm cầu bến cho cõi đời, báo ân đức của Phật”. Nếu chính mình vẫn chẳng tự gắng sức thì hóa ra đã tạo căn cứ cho những kẻ đuổi Tăng chiếm đoạt tài sản [biện minh cho hành động của chúng], bị kẻ tại gia chuyên ròng tu hành coi thường, há chẳng phải là tự mình chuốc lấy nỗi lo hay sao? Con người ai mà không mong được người khác tung hô, nếu chẳng gắng sức tu trì thì chính là tự chuốc lấy sự chán ghét. Phật pháp chẳng thể bị bại hoại bởi thiên ma, ngoại đạo mà chỉ bị bại hoại bởi tăng sĩ chẳng tuân phụng giáo pháp, giới luật của đức Phật! Ví như trùng trên thân sư tử tự ăn thịt sư tử. Chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh, con người ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng có thể thành Phật, điều đáng quý là tự gắng sức vậy!

Cuối đời Minh, Ngẫu Ích đại sư là con nhà họ Chung ở Mộc Độc, thiên tư thông minh, mẫn tiệp, lúc nhỏ theo mẹ ăn chay lễ tụng, lên bảy tuổi đi học,

---

[292] Tức Thái Võ Đế nhà Bắc Ngụy, Vũ Đế đời Bắc Châu, Vũ Tông đời Đường. Ba ông vua này nghe lời bọn đạo sĩ sàm tấu, toan phá hủy sạch mọi chùa chiền, hủy diệt Phật giáo.

coi thánh học (Nho học) là trách nhiệm của chính mình, thề diệt Thích - Lão, bắt đầu ăn mặn, uống rượu, viết mấy chục bài luận báng Phật. Năm mười bảy tuổi, đọc bài tựa cho cuốn Tự Tri Lục của Liên Trì đại sư và Trúc Song Tùy Bút bèn chẳng báng Phật. Sau đấy bèn cực lực nghiên cứu, năm hai mươi bốn tuổi bèn xuất gia, triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, một đời trước thuật mấy chục tác phẩm đều là những thứ xưa nay hiếm thấy.

Hiện thời có ông Đặng Trịnh Khôn ở Tứ Xuyên là sinh viên tốt nghiệp trường Pháp Luật Chánh Trị hết sức cuồng ngạo, chống đối. Đầu thời Dân Quốc, ông ta chuyên môn hủy hoại Phật giáo, bất luận miếu thờ thần hay chùa thờ Phật đều suất lãnh đồ đảng phá hủy. Sau đấy, chợt biết là sai, tận lực cải hối, đến Phổ Đà xin quy y, ở Thượng Hải Cư Sĩ Lâm tám năm, tinh tấn tu trì. Năm trước, chiến tranh nổ ra tại đất Hỗ (Thượng Hải), ông ta ở trong Cư Sĩ Lâm chẳng kinh sợ, chẳng dời động, trước - sau - trái - phải Cư Sĩ Lâm đều biến thành vùng đất tan hoang, bom đạn lớn nhỏ rớt vào trong Lâm nhưng chẳng nổ một trái nào. Đủ thấy con người sửa lỗi hướng thiện, Phật, Bồ Tát liền ban thưởng trọng hậu, che chở cho. Dẫu chúng ta chẳng được như ngài Ngẫu Ích, há cũng chẳng bằng được ông Trịnh Khôn ư? Trịnh Khôn là người mang tội ác cực lớn lao còn được cảm ứng như thế, chúng ta há nên lần khân cho qua ngày, chẳng thêm gắng sức, giống như lên núi báu mà trở về tay không ư?

Gần đây chánh phủ thường ra lệnh rõ ràng cho Tổng Hội Phật Giáo Trung Quốc, buộc Hội phải nhắc nhở răn đe Tăng Già ai nấy tận lực giữ Thanh Quy. Phải biết rằng: Tăng Già là bậc thầy khuôn mẫu cho trời người, chánh phủ ban lệnh đốc thúc tức là [Tăng Già] đã mất thể thống. Nếu vẫn cứ như đang nằm mộng thì sợ rằng sau này khó tránh được nạn Tăng sĩ bị xua đuổi, tài sản bị chiếm đoạt! Hiện thời hội Phật giáo của huyện nhà đã được thành lập, mọi người đều nên nhất trí tiến hành duy trì đại cuộc cho Phật giáo, chớ nên chỉ mong tu tập cho riêng mình. Nếu hội Phật giáo không có cách gì để duy trì thì muốn tự tu tập cũng chẳng thể tu tập được đâu! Vì thế, ai nấy đều phải nghiêm túc tu trì, tự tôn trọng lấy mình. Hiện thời cư sĩ tại gia ai nấy đều chuyên chú tu tập tinh ròng và nghiên cứu, nỡ nào đường đường là một bậc tỳ-kheo lại đâm ra thua kém hàng cư sĩ ư? Người có hào khí hãy nên phát khởi mạnh mẽ, cũng như ai nấy đều nên góp phần tài lực để hỗ trợ cho công việc của hội. Công việc của hội có liên quan đến sự an - nguy của chính mình, ví như hai tay hai chân sử dụng lẫn cho nhau. Thứ này chẳng giúp đỡ thứ kia sẽ khó thể sống được.

Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, đang đợi chết, sống uổng phí cả một đời, hổ thẹn sám hối còn chẳng kịp, sao dám khoe xấu trước mặt những vị thiện tri thức các chùa. Do Chủ Tịch là hòa thượng Đạo Hằng thấy Quang già cả, nói ra chắc người ta sẽ nghe theo, bèn cậy tôi soạn lời tuyên cáo. Tuy biết mình thiếu đạo đức để khiến người khác cảm phục, nhưng một phen giãi lòng thành tính toán lo liệu cho pháp môn ắt sẽ có

người đồng ý. Do vậy, đem tình hình Phật giáo đã trải qua và tình hình trong thời gần đây trình bày đại lược. Phàm những vị cùng một sắc áo với tôi, ai nấy hãy mạnh mẽ phát khởi đại tâm để mong trên là tiếp nối huệ mạng của Phật của Tổ, dưới làm phước điền cho chúng sanh, ngõ hầu Phật pháp được hưng thịnh trở lại trong buổi nguy ngập, suy vong, nhân dân đều được hưởng lợi ích pháp hóa thì may mắn chi hơn?

14. Đôi lời đề tựa cho cuốn A Di Đà Kinh của nữ sĩ Vương Tông Ý

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng lấy lòng Thành làm gốc. Những người tu hành càng phải nên chí thành. Hễ có lòng Thành thì nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Phàm lúc tụng kinh ắt phải dứt bặt lo nghĩ, vọng duyên, nhất tâm tịnh niệm như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám manh nha chút niệm lười nhác, coi thường! Lâu ngày chầy tháng sẽ tự ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu. Ví như ánh nắng Xuân vừa chiếu đến, băng cứng tự tiêu tan. Lòng Thành đến mức cùng cực sẽ hoát nhiên thông suốt. Đấy chính là cách hay nhất để xem kinh, niệm Phật. Bà có thể suốt đời hành theo cách này thì lợi ích sẽ chẳng thể nào diễn tả được! Tông Ý hãy ghi nhớ nhé!

15. Lời răn dạy khích lệ các học trò ghi sau cuốn Quy Ước của Cô Nhi Viện Phật giáo chùa Pháp Vân

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Chuyện trong thiên hạ đều lấy lòng Thành làm căn bản. Lòng Thành đến mức cùng cực thì đá - vàng cũng phải nứt. Thành tích, hiệu quả thật sự đều cậy vào lòng Thành. Cô Nhi Viện từ thuở được đề xướng, thành lập đến nay, các vị quản trị đều thật lòng cứu người nghèo, giúp đỡ trẻ mồ côi, cạn hết tinh lực để lo toan khiến cho cô nhi nghèo khổ đều thành tựu chánh khí, thành gia lập nghiệp, vận dụng phong thái đại đồng bác ái rộng lớn hòng cứu vãn thế đạo nhân tâm [đang trong lúc ai nấy] đối xử với nhau bằng thái độ khinh dễ, tranh chấp mới thôi. Các vị quản trị đều có tấm lòng thành ấy, vì thế cảm được Lưu viện trưởng chẳng quản già yếu, đích thân lo liệu việc trong viện, mỗi một việc dù to lớn hay nhỏ nhặt đều lo liệu thích nghi. Do vậy, các vị giáo viên đều cùng hết lòng dạy dỗ.

Các trò trong viện được ăn no mặc ấm, sống yên nơi đây, ắt phải chú trọng dấy lòng cảm kích, nỗ lực học chữ học nghề, ngõ hầu khỏi phụ một phen hết lòng của viện trưởng, giáo viên, quản trị và những vị thiện sĩ đã giúp đỡ tiền bạc. Nếu có được cái tâm ấy thì gốc đã lập, đạo sẽ sanh, sau này thành gia lập nghiệp, phẩm cao hạnh trỗi, được xã hội khâm phục ngưỡng mộ sẽ là điều có thể đoán trước được! Nhưng muốn mai sau được thành tựu

thì phải lập chí hành sự từ ngay bây giờ, cần phải trung hậu, siêng năng, cẩn thận, khiêm cung, hòa thuận, tâm và miệng như một, những gì biểu lộ ra ngoài và những gì ẩn kín trong lòng chẳng hai, thường giữ lòng hổ thẹn, đừng tự kiêu căng, sáng - tối chí thành niệm Phật để mong tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, chuyện gì cũng lấy lòng thành làm gốc, niệm niệm thường tự soi xét tự tâm thì sự thành tựu của các trò đều chẳng thể lường được! Vì sao vậy? Do có căn bản vậy! Nếu hiện tại chẳng dấy lòng Thành cảm kích, hổ thẹn, sốt sắng, dũng mãnh siêng học, chỉ mong cho xong việc sao cho qua ngày đoạn tháng thì hóa ra đã cô phụ tấm lòng thiết tha của viện trưởng và các vị [ân nhân]. Do không có lòng Thành nên dẫu chẳng bị tổn phước giảm thọ, chết yểu, thì cũng là thây đi thịt chạy, là hạng người cả cõi đời đều chán ghét, vứt bỏ! Các trò phải biết tốt - xấu, ai nấy gắng sức lên thì may mắn lắm thay!

16. Khuyên khắp mọi người kính tiếc giấy có chữ và tôn kính kinh sách
(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Con người sống trong thế gian được thành tài đạt đức, dựng công lập nghiệp, cho đến có được một tài một nghề để nuôi bản thân lẫn gia đình đều nhờ vào sức chủ trì của văn tự. Chữ là thứ quý báu nhất trong thế gian, có thể khiến cho kẻ phàm trở thành thánh, kẻ ngu thành trí, kẻ bần tiện trở thành phú quý, kẻ tật bệnh trở thành mạnh khỏe, đạo mạch thánh hiền được lưu truyền muôn đời, lo toan cho bản thân gia đình, truyền lại cho con cháu, không gì chẳng cậy vào sức văn tự. Nếu cõi đời không có chữ thì hết thảy mọi sự lý đều chẳng thành lập được, con người khác gì cầm thú đâu! Đã có công sức như thế, cố nhiên phải nên trân trọng, mến tiếc. Trộm thấy người thời nay mặc tình khinh nhờn, làm nhơ bẩn, đúng là coi vật quý báu nhất hệt như phân đất vậy, há chẳng khỏi đời này tổn phước giảm thọ, đời sau vô tri vô thức ư? Hơn nữa, không chỉ chẳng nên khinh nhờn, làm dơ, vứt bỏ chữ hữu hình mà đối với chữ vô hình lại càng chẳng nên khinh nhờn, làm bẩn, vứt bỏ! Nếu chẳng tận lực thực hiện "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" tức là đã quên mất tám chữ vậy. Đã quên tám chữ ấy thì sống là loài cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa trong tam đồ ác đạo, chẳng đáng buồn ư?

Chữ là thứ quý báu nhất trong thế gian; vàng, bạc, châu ngọc, tước vị chẳng thể sánh bằng, vì vàng, bạc, châu ngọc, tước vị đều do chữ mà có. Nếu thế gian không có chữ thì vàng, bạc, châu ngọc, tước vị cũng không có cách gì để đạt được cả! Ân đức của chữ nói chẳng thể tận. Kính tiếc chữ viết phước báo rất lớn. Cha của ông Vương Văn Chánh đời Tống hết sức kính tiếc giấy có chữ, về sau mộng thấy Khổng Phu Tử dùng tay xoa lưng bảo: *"Ông dốc lòng tiếc chữ của ta như thế nên ta sẽ sai Tăng Sâm sanh vào nhà ông hòng làm rạng rỡ môn hộ*". Do vậy, về sau sanh con bèn đặt tên là

Vương Tăng[293], đỗ đầu liên tiếp ba kỳ thi, được phong làm Tể Tướng, khi mất được đặt thụy hiệu là Văn Chánh Công, tước phong Nghi Quốc Công. Hậu duệ đỗ đạt liên miên, con cháu hiền thiện đều do đời trước kính trọng sách vở và giấy có viết chữ mà ra.

Gần đây, gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, chẳng những kẻ bình dân chẳng biết kính tiếc sách vở, giấy có chữ, ngay cả Nho sĩ đọc sách cũng chẳng cung kính sách vở và giấy có chữ, hoặc bỏ sách trên sập ngồi, hoặc dùng sách để gối đầu, hoặc giận dữ bèn quăng sách xuống đất, hoặc đi tiêu tiểu vẫn xem thi thư. Chẳng những đại tiểu tiện xong nhất loạt chẳng rửa tay, mà ngay cả đêm nằm ngủ với vợ, sáng dậy đọc sách cũng chẳng rửa tay. Thường dùng giấy có chữ viết để lau chùi đồ đạc, rồi vẫn [giả vờ] giữ tiếng là kính trọng giấy có chữ bèn đốt [những mảnh giấy đã dùng để lau chùi đồ đạc ấy]. Vì thế, khiến cho những kẻ bình dân không có gì để học theo, nên trong thùng rác, trong nhà tiêu, đầu đường cuối ngõ, không đâu chẳng là giấy có chữ [la liệt] khắp đất. Người đi tàu, ngồi xe thường dùng giấy báo để lót chỗ ngồi, phụ nữ đi ra ngoài đều dùng giấy báo để bọc giày, vớ. Đủ mọi nỗi khinh nhờn chẳng thể nêu trọn. Vì thế, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống đều là vì khinh nhờn vật quý báu nhất trong trời đất mà ra. Chẳng biết trong những tờ giấy có chữ ấy đều có những chữ "thiên, địa, nhật, nguyệt", có những câu văn trích từ kinh sách của thánh hiền. Coi vật trân bảo tôn quý tột bậc ấy như phân, như đất, há lẽ nào chẳng giảm phước tổn thọ, hiện tại gánh lấy tai ương, gây nên quả báo con cháu ngu hèn ư?

Bài văn ở phía trên của thầy ta đã bao quát những nét chánh yếu, nhưng tôi vẫn sợ "nêu ra một điều chưa chắc [người đọc] đã suy nghĩ đến ba", cho nên tôi lại chọn lựa những điều con người dễ coi thường để nhắc thêm, ngõ hầu người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm sẽ xoay vần khuyên chỉ, để ai nấy đều cùng mến tiếc giấy có chữ viết thì sẽ giàu, thọ, mạnh khỏe, bình yên, thân hiện tại được hưởng năm điều phước như Cơ Tử đã luận, thông minh sáng suốt, hậu duệ sẽ nhận lãnh trăm điều tốt lành như trong bài giáo huấn của Y Doãn (Trần Tiên Thiện viết)

17. Luận về tên gọi của Tam Dư Đức Đường

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

---

[293] Vương Tăng (997-1038), tự Hiếu Tiên, người xứ Thanh Châu, đỗ Trạng Nguyên trong niên hiệu Hàm Bình đời Tống Chân Tông. Khi khảo quan Dương Ức chấm bài thi Đình của Vương Tăng đã kinh ngạc thốt lên: "Đúng là văn chương của một nhân tài phù tá triều chánh!" Ông nổi tiếng là người cương trực, dám can gián thẳng thừng không e ngại nên rất được Tống Chân Tông và Tể Tướng Khấu Chuẩn coi trọng. Đến thời Tống Nhân Tông, ông làm Thừa Tướng, ra sức cải tổ triều chánh, cực lực thẳng tay gạt bỏ những kẻ do chạy vạy hay nhờ quyền thế mà được nắm giữ những chức vụ to tát. Khi ông mất, Tống Nhân Tông rất thương tiếc và đích thân đề bốn chữ "Tinh Hiền chi bi" (bia của bậc hiền nhân tinh ròng) trên bia mộ, đổi tên làng quê của ông thành làng Tập Hiền.

Ông Ninh Đức Tấn xin khai thị về tên gọi Tam Dư Đường của chính mình, mong sao đối với pháp thế gian liền hiểu thông suốt Phật pháp, ngõ hầu con cháu đời sau ai nấy đều vâng giữ đạo “trọn vẹn luân thường, tu tâm” hòng làm chuyện lợi mình, lợi người. Tôi nói: Hai chữ Tam Dư[294] bất quá để khuyên răn siêng năng, tận lực học hành, đừng bỏ phí thời gian, một khắc ngàn vàng, hễ đã mất không cách nào tìm lại được. Hãy nên thêm vào một chữ Đức thì ý nghĩa sẽ sâu xa hơn. Dư là như câu *“tích thiện dư khánh, tích bất thiện dư ương”* trong kinh Dịch, mang ý nghĩa dài lâu chẳng ngơi, lưu truyền mãi mãi chẳng hư nát vậy. Không một pháp thế gian nào thường còn mãi, chỉ riêng có người lập đức, lập công, lập ngôn thì mới có thể vĩnh viễn truyền lại cho đời sau và thường còn lâu dài; nhưng tạo lập được đức nghiệp ấy, nói dễ dàng sao? Nay dạy cho ông cách thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, dẫu chẳng có bản lãnh tạo dựng ấy nhưng lợi ích sẽ lớn lao hơn nhiều.

Ấy chính là dốc lòng tu “giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, mến tiếc sanh mạng loài vật, rộng hành phương tiện, tạo lợi ích cho hết thảy, thật sự vì sanh tử phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, quyết định cầu sanh Cực Lạc thế giới”. Dùng điều này để tự hành, lại còn dùng đó để dạy người. Phàm trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là làng nước, xóm giềng, thân thích, bạn bè, đều lấy chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận và niệm Phật cầu vãng sanh để khuyên lơn sao cho bọn họ đều cùng trong đời này vượt trỗi, dự vào bậc thánh hiền, đến khi lâm chung cao đăng cõi Cực Lạc. Luận về phương diện sự nghiệp, thành tích thì những người kia (tức những người lập đức, lập công, lập ngôn) to lớn hơn những người này nhiều lắm, nhưng luận về lợi ích thì những người này trội hơn những người kia thật sâu. Ấy là vì một đằng thì chuyên chú vào pháp thế gian, một đằng còn chú trọng thêm nơi pháp xuất thế. Một đằng chỉ hữu ích cho sắc thân, một đằng thì kèm thêm lợi ích cho huệ mạng nữa. Đấy chính là ba dư đức cho pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian. Đến khi vãng sanh Tây Phương thấy Phật nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhẫn thì Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát tam đức bí tạng sẽ từ Phần Chứng mà đạt đến chỗ Viên Chứng rốt ráo, thì mới là rốt ráo ba dư đức vậy! Ba đức ấy theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười

---

[294] Tam Dư vốn là một điển cố xuất phát từ câu nói của Đổng Ngộ thời Tam Quốc diễn tả chuyện khéo dùng thời gian dư thừa để học hành, tức *“Đông giả, tuế chi dư; dạ giả, nhật chi dư; âm vũ giả, tình chi dư dã”* (Mùa Đông là thời gian thừa của một năm; ban đêm là thời gian thừa của một ngày. Lúc mưa dầm tối tăm là thời gian thừa của lúc quang tạnh). Ông Ninh Đức Tấn dùng chữ Tam Dư đặt tên cho nhà học để khích lệ con cháu quý tiếc thời gian, chăm chỉ học hành, nhưng Tổ Ấn Quang đã thêm vào chữ Đức với ý nghĩa khuyên răn con cháu ông Ninh không chỉ lo học hành mà còn vun bồi điều lành để hòng đạt được ba đức của Phật tánh là Pháp Thân, Giải Thoát và Bát Nhã.

phương, hằng cổ hằng kim, chẳng dời, chẳng biến, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng, nhưng do mê chưa ngộ nên chẳng thể thụ dụng được.

"Pháp Thân Đức" chính là bản tánh bất sanh bất diệt của chúng ta, "Bát Nhã Đức" chính là chánh trí lìa niệm thường hiểu biết của chúng ta, "Giải Thoát Đức" chính là tịnh hạnh trong sạch không tỳ vết của chúng ta. Ba Đức ấy chẳng tách rời nhau, ước trên mặt nghĩa lý thì chia thành ba, chứ thật ra, một còn chẳng lập, huống là có ba! Vì thế gọi là "ba dư đức rốt ráo". Nếu không gieo thiện căn trong đời trước, dẫu hết kiếp cũng chẳng nghe được nghĩa này. Dùng ngay những pháp thế gian như luân thường, hiếu, đễ v.v… để tu Phật pháp, dùng ngay pháp xuất thế liễu sanh tử để hướng dẫn những pháp luân thường, hiếu đễ v.v… khác nào dựng tháp trên đỉnh núi và đào giếng nơi đất thấp, tuy cùng đạt được những cái giống nhau, nhưng dụng công có hình tướng khó - dễ khác biệt vô cùng. Nếu có thể y theo đó để tu thì lợi ích lớn lao thay!

18. Luận về cái tên Tông Đạo

(năm Dân Quốc 19 - 1930)

Đứa con chưa sanh ra có pháp danh là Tông Đạo, cái tên ấy dùng để xưng hô suốt cả một đời, chẳng cần phải đặt ra nhũ danh, quan danh, tự và hiệu[295]. Vì sao vậy? Muốn cho nó thấy cái tên mà nghĩ đến ý nghĩa để tự giữ bản thân cho tốt lành lại còn nêu gương cho hết thảy nữa. Tông là gốc, là chủ. Đạo là cái tánh bọn ta đều cùng sẵn có và là pháp phải nên trọn hết, phải nên hành vậy. Tánh tức là Phật tánh, do mê chưa ngộ bèn thành chúng sanh. Nay lấy tánh ấy làm tông tức là giành được quyền làm chủ, tất cả những vọng niệm tham - sân - si sẽ chẳng tới mức tự buông lung, ào ạt đến nỗi lấn chủ gây họa. Những pháp "phải nên trọn vẹn hết, phải nên hành" chính là "cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành". Tám điều ấy tuy thuộc vào tám đối tượng, nhưng thật ra không một ai chẳng đều trọn đủ [tám vai trò ấy]. Hễ đã có chức trách thì phải tận hết bổn phận, ắt sẽ chẳng phải lo gia đình không yên vui, con cái không được dạy dỗ. Lại cần phải "ngăn giận, chặn dục, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện" thì sẽ làm gương cho làng xóm, khiến cho ai nấy đều dõi theo nhau, [bắt chước nhau] mà làm lành. Lại còn phải chí thành niệm Phật cầu sanh Tây Phương, tự hành, dạy người cùng sanh về Tịnh Độ, đích thân chứng được Phật tánh vốn có thì cái tên

[295] Nhũ Danh là tên thật được đặt khi còn nhỏ. Khi đến tuổi trưởng thành, lúc làm lễ Nhược Quan (đội mũ) cha mẹ hoặc người bề trên đặt cho một cái tên khác nhằm gởi gắm kỳ vọng hoặc cầu chúc, tên ấy được gọi là Quan Danh. Khi đi học thường chọn thêm một cái tên nữa gọi là Tự (nhằm biểu lộ chí hướng). Hiệu là tên dùng khi trước tác, hoặc tự xưng nhằm tự trào hoặc bày tỏ chí hướng.

Tông Đạo mới có thực chất. Xin hãy thường dùng những điều này để dạy bảo nó.

19. Sớ quyên mộ nạo vét ao hoa sen chùa Phổ Tế núi Phổ Đà

(năm Dân Quốc 20 - 1931, viết thay)

Phổ Đà danh sơn chính là cuộc đất thù thắng thị hiện dấu tích của Đại Sĩ. Phổ Tế Thiền Tự quả thật là đạo tràng cầu phước cho quốc dân. Do vậy, các triều đại khâm kính, cả cõi đời tôn sùng. Phật điện, lầu kinh chót vót tận trời thẳm, lời văn của hoàng đế, bia ngự huy hoàng trong chốn biển Đông. Thiện tín vì gội ân toan báo đức mà chẳng sợ trèo núi vượt biển nhọc nhằn, những bậc mong thành chánh giác, mong chứng Chân trong ngoài nước ai nấy đều muốn giãi bày tấm lòng kiệt thành tận kính. Nhưng do điện vũ rộng lớn, mà tài sản nhà chùa đạm bạc, hằng năm cần phải chi tiêu rất nhiều, lương thực cho Tăng chúng [tốn kém] rất lớn, chỉ chuyên lo đối phó với chuyện ấy, nên chưa rảnh rang để lo đến ao sen. Ao chính giữa sen còn mọc đầy, nhưng bùn sâu nước cạn, cũng khó thể là kế lâu dài được! Ao ở phía Tây đã từng là vườn rau, rồi lại đào thành ao. Ao ở phía Đông lớn nhất, ước chừng mười mẫu, bùn lầy tràn ngập, khác nào chằm cỏ.

Bất Huệ thay mặt vị Trụ Trì, thẹn thiếu tài đức, trộm nghĩ tiền nhân đào ao đâu phải chỉ nhằm mục đích mỹ quan, mà chính là vì muốn biểu thị cảnh tượng Tây Phương ngõ hầu những người tạm đến đây hoặc thường trụ khi đi kinh hành bên bờ ao hoa sen, thần thức sẽ dạo chơi Cực Lạc. Nếu có thể tịnh niệm tiếp nối, chắc chắn lâm chung sẽ vãng sanh. Quả thật là duyên trợ đạo thù thắng, thực sự là nhiệm vụ cấp bách để hoằng pháp, tính cho khơi vét cả hai ao chánh giữa và ao phía Đông, dùng đá be bờ ao phía Đông, phía trên xây lan can bằng xi-măng để bảo vệ và tạo vẻ mỹ quan. Như vậy thì cái ao vuông mười mẫu mênh mông như tấm gương, có được nguồn nước lưu chuyển sẽ soi bóng mây và ánh sáng mặt trời khiến cho bậc thượng sĩ Nam tham, bậc cao nhân Đông thỉnh[296] kinh hành trên những tầng cấp ở bốn phía sẽ khế ngộ "nhất niệm tịnh tâm". Mối quan hệ ấy há nông cạn, nhỏ nhoi ư? Nhưng bát [rỗng tuếch] như chiếc khánh treo cậy tay người đẽo gọt, khẩn cầu các vị đại hộ pháp cùng phát thâm tâm thành tựu sự tốt đẹp, ai nấy quyên ra của báu tốt đẹp vô tận để do tài thí mà thành pháp thí, chỉ làm một chuyện mà được lợi ích đôi bề, công đức ấy há thể diễn tả được ư?

20. Sớ thuật bày duyên khởi trùng hưng chùa Thọ Lượng tại Cám Châu (tỉnh Giang Tây)

[296] "Nam tham" xuất phát từ câu chuyện Thiện Tài đồng tử đi về phương Nam tham học với các vị thiện tri thức trong phẩm Nhập Pháp Giới kinh Hoa Nghiêm. "Đông thỉnh" là từ ngữ chỉ các vị cao tăng từ Thiên Trúc, Quy Tư v.v… tận trời Tây nhận lời thỉnh của vua chúa Trung Hoa, chống tích trượng sang phương Đông hoằng pháp.

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Thật Tế lý địa trải trần kiếp chẳng biến, chẳng dời, nhưng trên phương diện Phật sự thì theo nhân duyên mà có hưng vượng hay suy bại. Tuy "bỉ cực thái lai" vốn thuộc vận trời, nhưng sửa cũ dựng mới quả thật phải nhờ vào con người thực hiện. Xưa kia khi đức Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn đã đem pháp đạo phó chúc cho quốc vương, đại thần, dạy họ hộ trì, lưu thông. Ấy vì Ngài đã thấy trước đời sau pháp yếu ma mạnh, nếu không cậy vào hạng vĩ nhân có quyền lực bảo vệ bình yên, ngăn chặn kẻ khinh lấn, thì tròng mắt của trời người, huệ mạng của Như Lai chắc sẽ gần như bị diệt mất. Chùa Thọ Lượng là một đạo tràng cổ đã lâu một ngàn năm trăm năm của Cám Châu. Nhằm thời Tiêu Lương[297], Phòng Ngự Sứ[298] là Lô Quang Đảo vì sư Đạo Thành mà dựng chùa này. Thoạt đầu đặt tên là Lô Hưng Diên Thọ, rồi đổi thành Thánh Thọ, đến niên hiệu Tường Phù đời Tống, vua Chân Tông đặc biệt sắc tứ cho chùa cái tên hiện thời. Trong những đời Nguyên, Minh, Thanh, đời nào cũng hưng vượng, đến thời Quang Tự nhà Thanh, đột nhiên bị suy vi. Năm Dân Quốc thứ 4 (1915), lại bị lụt lớn, đến nỗi ngôi chùa Phật trang nghiêm trọn thành gò hoang, chỉ có mình tượng Quán Âm cao một trượng sáu đúc bằng sắt là còn nguyên vẹn không bị hư hại. Những vị thân sĩ trong vùng thỉnh hòa thượng Đại Xuân chùa Quang Hiếu kiêm nhiệm Trụ Trì. Hòa Thượng bèn cùng với đại sư Đức Sâm – là vị Tăng trụ ở đấy – cạn sức lo liệu, dựng Quán Âm Điện.

Sau này, cụ Đại Xuân qua đời, thầy Đức Sâm rời đất Cám, tìm người kế nhiệm Trụ Trì không ra, đến nỗi tòa thị chánh coi là đất bỏ hoang, tính sửa thành chợ rau, mở đường sá. Những hàng Tăng - tục trong vùng báo cho thầy Đức Sâm biết, do vậy thầy bèn gởi thư đến những bậc tai to mặt lớn các giới lần lượt khẩn cầu bảo vệ. May sao được Tưởng Ủy Viên Trưởng thuộc Quân Sự Uỷ Viên Hội và Trần Tổng Tư Lệnh tỉnh Quảng Đông cùng Từ Quân Trưởng đều đánh điện cho vị Sư Trưởng đang đóng quân ở đất Cám là tiên sinh Lý Toàn Không lập cách bảo vệ. Hội Phật Giáo Trung Quốc cũng lại gởi thư, đánh điện cầu xin Lý Sư Trưởng duy trì cũng như tuyển lựa người thích hợp qua lại phụ trách, quy hoạch, chỉnh lý. Ông Lý bèn hạ lệnh bãi bỏ đề nghị trước kia, lại còn bằng lòng duy trì cho [nhà chùa] mau được khôi phục. Những vị quan viên, thân sĩ trong vùng như ông Lưu Cấp Phủ

---

[297] Tiêu Lương tức là Nam Lương (502-557), tức một triều đại vào thời Nam Bắc Triều ở Trung Hoa, được sáng lập bởi Tiêu Diễn (Lương Cao Tổ Vũ Đế) sau khi diệt nhà Nam Tề, xưng đế, đóng đô tại Kiến Khang (nay là Nam Kinh). Do vậy, sử thường gọi triều đại này là nhà Tiêu Lương để phân biệt với những triều Lương khác.

[298] Phòng Ngự Sứ là một chức quan võ được lập ra từ thời Đường nhằm trông coi việc binh tại những huyện trấn trọng yếu. Qua những đời quyền hạn của chức quan này bị giảm dần, chỉ nhằm trông coi việc huấn luyện và phòng thủ địa phương, chứ không có toàn quyền về binh bị như những đời trước.

v.v… tận lực đảm nhiệm vai trò trung gian và nguyện làm hậu thuẫn giúp cho ngôi chùa được khôi phục. Ấy là vì pháp đạo được hưng thịnh đều do có nhân duyên, chẳng qua cơn sóng gió này thì ngôi chùa này sẽ gần như biến mất.

Chỉ vì hiện thời đang nhằm thuở Mạt Pháp, con người căn tánh kém hèn, nếu không cậy sức đại thệ nguyện của Phật Di Đà để vãng sanh Tây Phương thì ai có thể đoạn sạch Phiền Hoặc, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này? Do vậy, khôi phục lần này sẽ chuyên tu pháp môn Tịnh Độ và lập thêm Cư Sĩ Lâm, lưu thông xứ (phòng phát hành kinh sách), để các nhân sĩ trong vùng đều biết đạo trọng yếu hòng thoát Ngũ Trược lên chín phẩm và biết khuôn mẫu tốt lành để giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, biết nhân quả, tu trì cẩn thận. Như thế thì do Liên Xã được mở mang mà tông phong chấn hưng, lễ giáo hưng khởi, vận nước tốt đẹp, sáng sủa, ngõ hầu xứng với ý nghĩa lập chùa đặt tên của cổ nhân, cũng như để an ủi một phen nhiệt tâm bảo vệ duy trì của các vị.

Nhưng do nhà chùa không có hằng sản, tăng không tích trữ, bèn cậy Bất Huệ viết lời sớ dẫn giải hòng khẩn cầu các vị đại hộ pháp và các thiện tín phát tâm Bồ Đề hành phương tiện sự, chở vàng, chở gạo, xoay vần khuyên bảo quyên mộ, khiến cho điện báu thênh thang sớm có ngày thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ suốt kiếp. Tịnh tông được thịnh hành, con người đều biết đạo thoát khổ, nhân quả phô tỏ rõ ràng, mọi người cùng nhau đi theo con đường mong trở thành thánh, sẽ thấy Phật, trời bảo vệ như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, cửa nhà yên vui, quyến thuộc bình an, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng Ngũ Phước như Cơ Tử đã luận, lan quế[299] ngào ngạt, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn, chỉ mong ai nấy đều phát lòng tùy hỷ, đều cùng được tiếng thơm.

21. Sớ quyên mộ tu bổ điện vũ và thánh tượng chùa Quán Âm ở Triệu Gia Thôn thuộc Đông Hương, huyện Cáp Dương

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

---

[299] Lan quế: Ý nói con cháu hiển đạt. Đây là hai điển tích được ghép chung lại. Một người tiểu thiếp của Trịnh Văn Công thời Đông Châu nằm mộng thấy có người xưng là tổ tiên họ Trịnh trao cho nhánh lan, tỉnh dậy liền biết đã thọ thai; do đó, đứa con sinh ra được đặt tên là Lan. Về sau Trịnh Lan trở thành Trịnh Mục Công, là một ông vua hiền sáng suốt khiến nước Trịnh tuy nhỏ lại làm bá chủ chư hầu một thời. Do vậy, người ta hay dùng điển tích "mộng lan" để chỉ người phụ nữ có thai sanh con quý hiển. Chữ Quế phát xuất từ điển tích Đậu Yên Sơn (tên thật là Đậu Vũ Quân) sống vào đời Hậu Tấn thời Ngũ Đại. Ông này có năm người con trai đều đỗ đạt, đức cao trọng vọng, được người đời khen ngợi là Yên Sơn Đậu Thị Ngũ Long (năm con rồng họ Đậu đất Yên Sơn). Phùng Đạo làm thơ mừng Vũ Quân có câu: *"Linh xuân nhất châu lão, đan quế ngũ chi phương"* (Linh Xuân một gốc thọ, đan quế năm cành thơm). Do vậy, người đời sau thường khen ngợi nhà có con cháu hiển đạt, hiền đức là *"lan quế chi gia"*.

Quán Âm Đại Sĩ thệ nguyện rộng sâu, pháp giới chúng sanh đều được bình đẳng nhiếp thọ, khiến cho kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa được độ thoát liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát. Đối với kẻ nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Ấy là vì Đại Sĩ vô tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm [của chính mình]; Đại Sĩ không có cảnh, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh [của chính mình], nên gặp kẻ mê muội tự tâm bèn nói những lời pháp ngữ mềm mỏng khiến cho kẻ ấy khai ngộ, gặp kẻ mắc phải các hiểm nạn bèn hiện thành cầu bến hay nhân sĩ khiến cho kẻ ấy được thoát lìa. Do Đại Sĩ thành Phật đạo đã lâu, bi nguyện vô tận, nên giống như vầng trăng rạng ngời in bóng ngàn sông, dường như ánh nắng Xuân sanh thành muôn cây cỏ, chẳng mong tưởng mà được như vậy. Do vậy, ai nấy đều cảm mộ hồng ân bảo vệ, phù trợ, cho nên nơi nào cũng lập miếu để thờ phụng Ngài.

Chùa Quán Âm thuộc Triệu Gia Thôn tại Ấp Đông, vốn tên là Quán Âm Viện, [điều này] thấy [ghi] trong bi ký do một Sinh Viên[300] trong ấp là Lô Tường Hưng soạn vào năm Thiên Khải thứ hai (1622) đời nhà Minh. Người đời sau dựng thêm Phật điện ở đằng trước, đổi tên viện thành Nho Đông Tự, nhưng do hai chữ này đối với pháp đạo chẳng biểu lộ được ý nghĩa sâu xa nào, mà kẻ thấy nghe cũng khó thể gieo thiện căn! Huống chi đang trong lúc luôn gặp phải tai họa này, nếu chẳng đề xuất thánh hiệu Quán Âm khiến cho nhân dân xưng danh thoát khổ thì chẳng những cô phụ lòng Từ mênh mông của Đại Sĩ mà còn cô phụ sâu xa thâm tâm của người kiến lập Quán Âm Viện thuở ấy. Vì thế, đổi tên là Quán Âm Tự. Kiến trúc của chùa là một tòa cửa Tam Quan, bên trong ấy thờ hai vị Kim Cang; một tòa Phật điện thờ ba vị Phật Thích Ca, Dược Sư, Di Đà, có Ca Diếp, A Nan đứng hầu bên cạnh; sau Phật điện là một tòa điện Vi Đà[301], hai bên là hai tòa phối điện[302], phía

---

[300] Sinh Viên chính là danh xưng của học vị Tú Tài vào thời Minh - Thanh, tức là người đã trúng tuyển kỳ thi tổ chức tại một huyện.

[301] Vi Đà (Skanda), còn gọi là Kiện Đà Thiên, Vi Đà Thiên, Vi Tướng Quân, Vi Thiên Tướng Quân, vốn là một vị Bồ Tát thị hiện dưới thân phận một vị thần có danh xưng là Kārttikeya (người sáu mặt), hoặc Kumāra (Đồng Tử), sáu đầu, mười hai tay, tay cầm cung tên, cỡi chim công, tức là một trong tám vị đại tướng quân của Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương, đứng đầu ba mươi hai tướng quân của trời Đế Thích. Ngài nhận lãnh lời phó chúc của đức Phật bảo vệ ba châu Đông, Nam và Tây. Sau khi Đạo Tuyên Luật Sư nằm mộng thấy Vi Đà Bồ Tát hiện thân phát thệ bảo vệ chốn tùng lâm, Vi Đà Bồ Tát được coi là một vị hộ pháp chuyên bảo vệ chốn già-lam, thủ hộ Tăng chúng. Tại các nước chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, Ngài thường được tạc tượng như một vị võ tướng tươi trẻ, dung mạo đoan nghiêm, thân mặc kim giáp, tay chống kiếm báu, hoặc cầm kim cang giản.

[302] Phối điện: Tòa điện thờ phụ thêm vào công trình chính.

Đông thờ Quan Đế, phía Tây thờ Già Lam[303]. Chính giữa là một tòa Quán Âm Điện, bên trong thờ đức Quán Âm, đứng hầu hai bên là Thiện Tài, Long Nữ. Hai bên vách là Thập Bát La Hán[304]. Dựa theo hình thế ấy, đủ biết Phật điện là do sau này xây dựng thêm vào.

Người trong ấp tôi từ sau thời Càn Long - Gia Khánh, Phật học bặt tiếng vang, ngoại đạo cũng không có. Gần đây nạn đói kém dồn dập xảy ra, quân

---

[303] Già Lam ở đây chính là Già Lam Thần, tức mười tám vị thiện thần thủ hộ chốn tùng lâm. Hiểu theo nghĩa rộng, chữ Già Lam Thần chỉ tất cả chư thiên thiện thần bảo vệ chốn chùa chiền. Theo Thất Phật Bồ Tát Sở Thuyết Đại Đà La Ni Thần Chú Kinh quyển bốn, danh xưng của mười tám vị Già Lam Thần như sau: Mỹ Âm, Phạm Âm, Thiên Cổ, Xảo Diệu, Thán Mỹ, Quảng Diệu, Lôi Âm, Sư Tử Âm, Diệu Mỹ, Phạm Hưởng, Nhân Âm, Phật Nô, Thán Đức, Quảng Mục, Diệu Nhãn, Triệt Thính, Triệt Thị, và Biến Quán. Tuy thế, trong rất nhiều tùng lâm Trung Hoa, Quan Công được coi là Già Lam Bồ Tát và được thờ đại diện cho mười tám vị thần Già Lam kể trên.

[304] Thập Bát La Hán: Đúng ra, chỉ có mười sáu vị La Hán. Theo tôn giả Khánh Hữu viết trong tác phẩm Pháp Trụ Ký, lúc đức Phật sắp nhập Niết Bàn đã phó chúc cho mười sáu vị La Hán trụ thế lâu dài cho đến khi Phật Di Lặc ra đời để hoằng dương Phật pháp. Một số nhà nghiên cứu cho rằng người Trung Hoa coi số 9 là con số cát tường nên đã tự động thêm vào hai vị nữa cho đủ con số 18, nhưng những người chủ trương thuyết này không đưa ra được bằng chứng thuyết phục nào. Ngoài 16 vị La Hán được ghi tên trong Pháp Trụ Ký, danh tánh của hai vị được thêm vào này bị biến đổi theo nhiều thời đại, chẳng hạn sách Phật Tổ Thống Ký ghi hai vị La Hán cuối cùng là Ca Diếp tôn giả và Quân Đồ Bát Thán tôn giả. Truyền thống Tây Tạng cũng kể tên 16 vị La Hán giống như sách Pháp Trụ Ký và thêm vào hai vị nữa là Đạt Ma tôn giả và Bố Đại hòa thượng. Vua Càn Long sau khi tham khảo ý kiến các bậc đại đức đương thời, đã xuống chiếu khâm định danh tánh 18 vị La Hán như sau: Tân Độ La Bạt La Đọa Xà (Pindolabharadvaja), Ca Nặc Ca Phạt Tha (Kanakavatsa), Ca Nặc Ca Bạt La Đọa Xà (Kanaka-bharadvaja), Tô Tần Đà (Suvinda), Nặc Củ La (Nakula), Bạt Đà La (Bhadra), Ca Lý Ca (Karika), Phạt Xà La Phất Đa La (Vajraputra), Thú Bác Ca (Svaka), Bán Thác Ca (Panthaka), La Hỗ La (Rahula), Na Già Tê Na (Nagasena), Nhân Yết Đà (Ingata), Phạt Na Bà Tư (Vanavasin), A Thị Đa (Ajita), Chú Đồ Bán Thác Ca (Cuda-panthaka), Hạ Sa Nhã Ba (Ca Diếp tôn giả) và Nạp Đáp Mật Đáp Lạt (Di Lặc tôn giả). Trong dân gian lại thường gọi tên mười tám vị La Hán theo tư thế hay hình dạng được tạc tượng như sau: Phục Long La Hán (La Hán hàng phục rồng - Khánh Hữu), Tọa Lộc La Hán (La Hán ngồi trên con nai - Tân Đầu Lô Phả La Đọa), Cử Bát La Hán (La Hán nâng bát - Ca Nặc Ca Bạt Ly Đọa Xà), Quá Giang La Hán (La Hán vượt sông - Bạt Đà La), Phục Hổ La Hán (La Hán hàng phục cọp - Tân Đầu Lô), Tịnh Tọa La Hán (La Hán tịnh tọa - Nặc Củ La), Trường Mi La Hán (La Hán lông mày dài - A Thị Đa), Bố Đại La Hán (La Hán cầm túi vải - Nhân Yết Đà), Khán Môn La Hán (La Hán nhìn cửa - Chú Đồ Bán Thác Ca), Thám Thủ La Hán (La Hán sờ bàn tay - Bán Thác Ca), Trầm Tư La Hán (La Hán trầm tư - La Hỗ La), Kỵ Tượng La Hán (La Hán cưỡi voi - Ca Lý Ca), Hoan Hỷ La Hán (La Hán vui vẻ - Ca Nặc Ca Phạt Tha), Tiếu Sư La Hán (La Hán cưỡi sư tử, mỉm cười - La Phất Đa, tức tên ngài Vajraputra được gọi tắt), Khai Tâm La Hán (La Hán phạch ngực - Thú Bác Ca), Thác Tháp La Hán (La Hán cầm tháp - Tô Tần Đà), Ba Tiêu La Hán (La Hán cầm quạt Ba Tiêu - Phạt Na Bà Tư) và Oát Nhĩ La Hán (La Hán ngoáy tai - Na Già Tê Na). Như vậy, trong cách gọi dân gian, tôn giả Tân Đầu Lô được nhắc lại hai lần và tên ngài Khánh Hữu được thêm vào danh sách này.

binh, giặc cướp nhiều lượt quấy nhiễu, nhân dân khổ sở cùng cực, mong yên vui nhưng chẳng được! Các thứ ngoại đạo thừa cơ kéo đến, môn đình tuy khác nhau, nhưng nói chung là dùng luyện Tinh - Khí - Thần để cầu thành tiên làm bầy tôi của Thiên Đế mà thôi! Thoạt đầu, ông Lý Tiên Đào lên Thượng Hải buôn bán nghe pháp quy y. Đến khi quay về, thỉnh một số kinh sách để tặng cho những bạn tri giao có học thức tại các huyện Cáp, Trừng, Triều. Do vậy, mới biết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng, cậy vào Phật từ lực liền có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, so với những kẻ cậy vào tự lực để liễu sanh tử thì khó - dễ khác biệt vời vợi hệt như một trời một vực.

Mùa Hạ năm nay, [ông Lý] từ Cam Túc trở về làng, ngày mồng Tám tháng Tư đến Quán Âm Tự lễ Phật, thấy điện vũ điêu tàn, thánh tượng long lở, sứt mẻ, muốn tu bổ đôi chút, nhưng tiếc rằng sức chẳng thể kham nổi, đến đất Tô cậy Quang viết sớ để hô hào người khác giúp tay. Quang nói: "Đang trong lúc tai họa liên tiếp xảy ra, nhân dân khốn khổ này, chỉ sợ chẳng có mấy người chịu thí xả, nhưng đem tờ sớ của tôi cho mọi người xem, dẫu người ta chẳng bỏ ra một đồng nào cũng đã gieo được thiện căn liễu thoát ngay trong đời này cho người ấy, huống chi nghĩ đến ân Đại Sĩ ắt sẽ có người tùy phận tùy sức giúp đỡ. Khoản tiền quyên được nếu nhiều sẽ tu bổ lớn, nếu nhỏ sẽ sửa chữa nhỏ. Dẫu chẳng được một đồng nào thì tôi vẫn không uổng công soạn tờ sớ, ông vẫn có công quyên mộ lớn lao! Vì sao vậy? Do [người ta] đọc tờ sớ này sẽ biết hồng ân độ chúng sanh của đức Quán Âm và đại pháp Niệm Phật để liễu sanh tử, sẽ thấy sau này những kẻ nối tiếp nhau khởi lên nhiều không thể kể xiết. Cớ gì cứ phải chấp nhặt một thời, một chỗ, mới là báo ân hoằng pháp hay sao?"

22. Sớ quyên mộ xây dựng đại điện của Liên Tu Tịnh Xá tại đập Dương Thiện, huyện Giang Đô, Dương Châu

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Pháp môn Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít mà hiệu quả nhanh chóng, chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà được dự vào [địa vị] Nhất Sanh Bổ Xứ, ngay trong đời hiện tại chắc chắn thoát khỏi luân hồi lục đạo. Do pháp này là chỗ quy túc của hết thảy các pháp Thiền, Giáo, Luật, Mật, là đạo trọng yếu để ba đời chư Phật viên mãn Bồ Đề vậy. Vào cuối đời Minh, hòa thượng Giác Căn mở một đạo tràng Tịnh Độ tại đập Dương Thiện thuộc Giang Đô, chuyên tu Niệm Phật tam-muội. Từ đấy về sau luôn có cao nhân trụ trì, vì thế pháp đạo [tồn tại] lâu dài chẳng suy vi. Trong thời Hàm Phong - Đồng Trị nhà Thanh, sau cơn binh hỏa, hòa thượng Tịch Sơn phái người trông coi,

gần đây giao cho đồ đệ là Trí Định làm Trụ Trì, nghiêm túc tuân theo quy củ xưa, chẳng dính đến ngoại duyên. Năm ngoái bị gặp trận lụt lớn, điện đường, liêu xá đều bị cuốn ra biển Đông, tường vách đại điện chẳng còn sót gì. Lúc dựng đại điện đã dùng ba cây gỗ lớn để chống đỡ khám thờ Phật, cũng bị trôi đi mất. Khám thờ Phật bị nước lũ xoáy vỡ, cũng bị cuốn đi.

Nước ngập đến gối tượng Phật, kim thân của bộ tượng Tây Phương Tam Thánh cao tám thước đều tạc bằng gỗ Hương Chương[305] kể cả tòa sen gặp cơn vùi dập này chẳng bị tổn hoại mảy may. Đủ thấy nước lũ do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm, tượng Phật gặp phải trận tấn công dữ dội này vẫn nghiễm nhiên như cũ. Ấy là vì muốn thị hiện cho khắp mọi chúng sanh được thấy để họ quy mạng, gieo tấm lòng thành cầu được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Sau khi nước rút, trước hết sư Trí Định dựng một lều tranh để tượng Phật chẳng bị nắng hun mưa xối, nhưng chuyện tu bổ đại điện thì chỉ biết than vãn xuông chẳng biết làm sao hơn! May có huyện trưởng huyện Giang Đô là ông Dương, cục trưởng cục Tài Chánh là ông Diệp, cục trưởng cục Công An là ông Trần, cục trưởng cục Kiến Thiết là ông Lý và những vị thân sĩ, cao niên vùng Giang Đô ai nấy thấy chuyện kỳ lạ như thế đều bỏ tiền ra giúp đỡ hòng khôi phục ngôi cổ đạo tràng làm chỗ cho người địa phương cầu phước; do vậy sư Trí Định xin tôi viết bài sớ giãi bày nguyên ủy để khẩn cầu mười phương đàn-việt (phần dưới lược đi).

23. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện và các điện đường, liêu xá chùa Nam Thiên Trúc Diễn Phước tại Hàng Châu

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Quán Thế Âm Bồ Tát trong vô lượng kiếp trước đã sớm thành Phật đạo, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi tha thiết, lòng độ sanh ân cần nên lại chẳng lìa cõi Tịch Quang, hiện hình trong chín giới, tùy loại hiện thân tầm thanh cứu khổ, đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh. Tức là khiến cho kẻ chưa gieo thiện căn, chưa chín muồi, chưa độ thoát sẽ liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Do vậy, nơi nơi đều lập đạo tràng, nhưng Thiên Trúc là nơi thấy rõ nhất, vì Hàng Châu thường được xưng là Phật Quốc, nhân dân thiện căn sâu dầy, nên Bồ Tát linh cảm dị thường.

---

[305] Hương Chương, còn được gọi là Bổn Chương, Điểu Chương, Lão Chương, hoặc Chương Tử, là một loài cây thân mộc, không rụng lá vào mùa Đông, thuộc họ Long Não, có tên khoa học là Cinnamomum Camphora, thường mọc nhiều ở các tỉnh miền Đông Trung Hoa cũng như phân bố rải rác tại Việt Nam, Nhật Bản, Lưu Cầu, sớ gỗ trắng nhạt hơi ngả nâu, có mùi thơm nhẹ. Người Trung Hoa tin rằng những cây gỗ Chương này có thần nhân nương gá nên không dám chặt đẽo làm vật dụng, chỉ dùng để tạc tượng Phật, tượng thần.

Nam Thiên Trúc Diễn Phước Tự là do ông Trần Trọng Bảo xây dựng vào năm Khai Hoàng 15 (595) đời Tùy, thỉnh pháp sư Chân Quán khai sơn. Pháp sư vốn thuộc dòng họ Phạm danh giá ở Tiền Đường, đã thoát khỏi bẫy lồng từ bé, trí huệ thiên bẩm thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm. Thoạt đầu đến yết kiến Thiên Thai Trí Giả đại sư được Đại Sư dùng lễ đồng môn để đối đãi thì có thể hình dung được mức độ cao sâu nơi đạo đức và sự ngộ chứng của Sư. Đến khi trụ tại chùa này, Sư thường giảng kinh Pháp Hoa, pháp đạo hưng thịnh ít ai sánh bằng. Vì thế, người đương thời nói: "*Thiên Trúc có Chân Quán là bằng nửa thiên hạ rồi".* Từ đấy về sau bể dâu biến đổi, hưng - phế không nhất định.

Đến năm Thuần Hựu thứ tám (1248) đời Tống Lý Tông, chùa lại được trùng hưng, vua ban biển ngạch là Sùng Ân Diễn Phước Tự, cho mãi đến đời Nguyên, thời nào cũng có cao nhân, nhưng được Nhuận pháp sư trụ trì sáu năm hoằng dương lớn lao giáo nghĩa Thiên Thai và Liên Tông. Pháp sư lễ tụng siêng gắng, cõi đời ít ai sánh bằng. Lúc mới xuất gia, Sư lễ thần Già Lam, tượng bèn hư đổ, nếu chẳng có cội gốc sâu xa, làm sao được như vậy? Đến cuối đời Minh, gặp cơn binh hỏa, chùa biến thành gò hoang, dân phụ cận chiếm cứ làm của riêng đã hơn hai trăm năm. Năm Dân Quốc thứ 5 (1916), hòa thượng Hổ Bão Pháp Luân nhân đọc sách vở mới biết nguyên do, muốn bảo tồn cổ tích, chí mong khôi phục, hỏi những bậc cao niên tìm được nền chùa cũ, đem ba ngàn đồng chuộc lại được hơn mười mấy mẫu, liền dựng một am tranh, phái người chăm sóc, để đợi cơ duyên. Đến năm Dân Quốc 12 (1923), đại sư Phật Duyên mới tiếp nhận trông nom, sáng chiều lễ tụng, mong có người nương theo đại nguyện luân sẽ trải vàng[306] trùng hưng đạo tràng Tịnh Độ hoành siêu (phần sau lược đi).

24. Sớ quyên mộ tổ chức pháp hội cầu đảo hằng năm để lợi lạc rộng khắp

(năm Dân Quốc 18 - 1929. Viết thay cho nhóm cư sĩ Vương Nhất Đình; về sau, do thầy Minh Giác qua đời nên chưa tiến hành được)

Trộm nghĩ thế giới vốn bình yên, do tình kiến khác biệt mà thành rối loạn; lòng trời vốn từ thiện, do sự ác của chúng sanh chiêu cảm nên tai ương thường giáng xuống. Do vậy, mấy năm gần đây đao binh, lụt lội, hạn hán, đói kém, tật dịch liên tiếp xảy ra, dân không lẽ sống; nhưng đã cùng sống

---

[306] Trải vàng (bố kim): Khi Cấp Cô Độc Tu Đạt Đa tính mua ngôi vườn của thái tử Kỳ Đà (Jeta) để xây dựng tịnh xá cho Phật và Tăng đoàn tại Xá Vệ, thái tử không muốn bán liền nói giỡn: "Nếu ông đem vàng đến lót hết mặt đất thì tôi sẽ bán cho". Nào ngờ, ông Cấp Cô Độc chở vàng đến lót khắp mặt đất. Xúc động trước tấm lòng mộ đạo của Cấp Cô Độc, thái tử nguyện dâng cúng những cây trong vườn cho Tăng đoàn; do đó, ngôi vườn này được gọi là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên. Về sau, các sách vở nhà Phật thường dùng chữ "bố kim" để chỉ hành động sẵn lòng cúng dường hộ trì Phật pháp của hàng Phật tử tại gia.

trong khoảng trời đất, há chẳng ôm lòng *"dân là người ruột thịt, loài vật giống như ta"* ư? Vì vậy, những người cùng hàng hèn kém [như chúng tôi] trong nhiều năm qua, hễ các thứ tai ương, hoạn nạn xảy ra ở các nơi đều tận hết sức mọn để cứu giúp. Ấy chính là thương xót cho nỗi khổ sở đắng cay trong đời này mà lập phương cách. Thêm nữa, hồn người đã khuất không chỗ quay về, lâu ngày biến thành vong linh dữ dằn, nếu chẳng lập cách siêu độ thì làm sao an ủi được những loại cô hồn ấy dưới suối vàng cho được? Vì thế, mỗi năm phải đặc biệt lập đạo tràng để cứu vớt cô hồn, cầu chúc thái bình. Đấy chính là nhiệm vụ cấp bách để ngăn dứt tai ương trong tương lai vậy! Từ trước đến giờ, việc cầu đảo chưa quyết định tại chỗ nào, cứ tùy ý cử hành tế độ cô hồn.

Trộm nghĩ Quán Âm Đại Sĩ thệ nguyện rộng sâu, danh sơn Phổ Đà là nơi Ngài ứng hóa. Hòa thượng Minh Giác lại là vị tăng chân thật tiến hành chuyện công ích, do vậy tính giao phó cho Ngài [thực hiện pháp hội này] ngay tại am của Ngài. Vào dịp Thanh Minh[307] trong tháng Ba [Âm lịch] sẽ niệm thánh hiệu Quán Thế Âm bảy ngày, vào ngày viên mãn sẽ đặc biệt làm lễ thí thực. Vào tháng Bảy bèn niệm thánh hiệu đức Địa Tạng bảy ngày, thí thực bảy hội. Tiết Đông Chí sẽ niệm thánh hiệu Phật Di Đà bảy ngày, đến ngày viên mãn sẽ thí thực một hội. Mỗi lần đều thỉnh bốn mươi tám vị Tăng. Dùng công đức ấy để siêu độ hết thảy những cô hồn chết vì đao binh, lũ lụt, hạn hán, đói kém, tật dịch để họ đều được sanh vào đường lành, ngõ hầu chẳng đến nỗi biến thành oán quỷ gây ra chuyện hung ác. Từ đấy nhân dân yên vui, lòng trời hòa thuận vui sướng, mưa - nắng do vậy sẽ đúng thời, sâu rầy do vậy chẳng sanh sôi thì vật mạnh, dân yên, thiên hạ thái bình vậy! Lại nguyện quân, dân, trưởng quan, ai nấy phước thọ đều tăng cao, chuyện tốt lành xảy đến, hưởng đủ năm thứ phước như Cơ Tử đã luận, cùng nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Dùng phước đức này vỗ về chăm bẵm dân ta, phong thái đại đồng sẽ lại được thấy trong ngày nay. Phàm những ai cùng hàng với tôi xin hãy giúp đỡ, tán thành.

25. Sớ lễ niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cầu con

(năm Dân Quốc 29 - 1940. Soạn vào cuối Xuân năm Canh Thìn)

Ngưỡng vọng Quán Âm Đại Sĩ thệ nguyện sâu xa mênh mông, bình đẳng nhiếp thọ pháp giới hữu tình, khiến cho kẻ chưa gieo thiện căn, chưa

[307] Thanh Minh là một trong 24 tiết khí của Âm lịch. Tiết khí này thường rơi vào ba tuần cuối của tháng Tư Dương Lịch. Bộ Lịch Thư quy định: *"Ngày Rằm sau tiết Xuân Phân khi sao Bắc Đẩu chỉ về hướng Đinh là tiết Thanh Minh. Do thời tiết trong sáng, thanh khiết nên gọi là Thanh Minh".* Thời cổ, hoàng đế thường đi tảo mộ tổ tiên vào tiết Thanh Minh nên dân gian bắt chước theo. Do tiết khí này nhằm vào đầu Xuân, khí trời ấm áp, cỏ cây xanh tốt nên còn gọi là "hội Đạp Thanh" (đạp lên cỏ xanh), tức là dịp cho nam thanh nữ tú vừa đi tảo mộ, vừa có dịp gặp gỡ nhau.

chín muồi, chưa độ thoát sẽ liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Ấy là vì Đại Sĩ vô tâm dùng tâm của chúng sanh để làm tâm, Đại Sĩ vô niệm, dùng niệm của chúng sanh làm niệm. Vì thế, khởi lòng Từ vô duyên, vận lòng Bi đồng thể, như vầng trăng vằng vặc in bóng khắp ngàn sông, như ánh nắng Xuân khiến cho khắp muôn loài cỏ cây sanh sôi, khắp các cõi nước nhiều như bụi trần cảm thì Ngài sẽ ứng trong khắp các cõi nước nhiều như bụi trần. Không điều mong cầu nào chẳng được toại ý, có nguyện gì đều được vừa lòng. Đệ tử… và vợ là…. đau xót trước cảnh thế đạo nguy ngập, thương cho lòng người chìm đắm ngày càng thêm xuống dốc, trọn chẳng ngưng dứt. Ngưỡng mong Đại Sĩ ban cho chúng con một đứa con phước đức trí huệ để trong tương lai nếu nó nghèo cùng thì sẽ riêng mình nó thiện hòng xướng suất, hướng dẫn một làng; hễ hiển đạt thì khiến cho người khác cũng được tốt lành, đẩy lùi con sóng cuồng nghiêng ngửa.

Riêng lập ra ba điều ước định để làm điều kiện tiên khởi. Thứ nhất là giữ thân tiết dục, thứ hai là giữ vẹn luân thường, tích đức, thứ ba là khéo dạy từ lúc còn nằm trong thai và khi còn thơ ấu. Gắng sức hành ba điều này để mong khỏi phụ tấm lòng Từ mênh mông của Đại Sĩ. Lại mong hết thảy đồng nhân trong ngoài bốn biển đều dứt ác tâm, đều phát thiện niệm, đều sanh con phước đức, trí huệ, đều thấu hiểu lòng nhân che khắp chở đều, coi nước láng giềng như chân tay, xem thiên hạ như một nhà, duy trì lẫn nhau, chẳng xâm lăng, ngược đãi nhau để mong trên là an ủi được ơn lớn mênh mông của cha trời mẹ đất, dưới xứng danh Con Người cùng với trời đất xưng là Tam Tài, chuyển đại loạn thành đại trị, khắp nơi cùng vui sướng, sự giáo hóa của đức Phật được tỏ suốt hai nơi, muôn nước đều yên ổn. Kính nguyện Bồ Tát phổ thí sự không sợ hãi, thương xót tấm lòng ngu thành của con, cho con được mãn nguyện. Ngày… tháng… năm… đệ tử… trăm lạy trình lên.

* Ba điều trọng yếu để cầu con

Thứ nhất giữ thân tiết dục để vun bồi Tiên Thiên[308]. Thứ hai là giữ vẹn luân thường, tích đức để lập nền phước, thứ ba là khéo dạy từ khi còn trong thai và khi con còn thơ ấu để con khỏi học theo thói phàm. Ba chuyện trọng yếu này phải chú tâm thực hành. Ngoài ra lại còn dùng lòng chí thành lễ niệm đức Quán Thế Âm, cầu Ngài ban cho đứa con phước đức, trí huệ, rạng danh tổ tiên, vẻ vang đất nước, ắt sẽ được như lòng mong cầu, chẳng phụ thánh ân vậy!

1) Thứ nhất, giữ thân tiết dục để vun bồi Tiên Thiên:

[308] Trong Đông Y, Tiên Thiên chỉ cho những gì được bẩm thụ từ lúc mới thụ thai, tức cơ sở vật chất hình thành một cá nhân, còn Hậu Thiên là những gì được bồi đắp, trưởng dưỡng sau khi sanh ra.

Nếu chẳng tiết dục thì tinh khí bạc nhược ắt khó thọ thai được. Dẫu có thọ thai ắt khó thành người! Dẫu được thành người, nhưng vì Tiên Thiên chẳng đủ, chắc chắn sẽ bấy bớt, đã không có thân lực mạnh mẽ, dũng mãnh, khỏe khoắn, mà cũng chẳng có tâm lực thông minh, mẫn tiệp, nhớ dai, chưa già đã suy, chẳng làm nên cơm cháo gì! Cầu được đứa con như thế dù Bồ Tát có thỏa nguyện thì thật ra người [cầu con] cũng đã phụ ân Bồ Tát rất sâu vậy.

2) Thứ hai, giữ vẹn luân thường, tích đức để lập nền phước:

Muốn sanh được đứa con phước đức, trí huệ, rạng danh tổ tiên, vẻ vang đất nước, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng người bề trên, đối đãi tốt đẹp với quyến thuộc, thương xót giúp đỡ tôi tớ, đấy là những điều phải làm trong gia đình. Còn đối với xóm giềng, bạn bè đều phải nên hòa mục, khuyên dạy, khiến cho người già khéo dạy con cái, trẻ nhỏ khéo phụng sự cha mẹ, người bề trên, thường dùng những thuyết "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, nguyện sanh Tây Phương, vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân" để khẩn thiết diễn nói với khắp mọi người cùng hàng khiến họ bồi đắp cái nhân xuất thế thù thắng, đều thành dân lành giữ đạo. Người làm được như thế thì nhất cử nhất động đều có ích cho mình lẫn người, mỗi lời nói, mỗi hành vi đều đáng làm khuôn phép, đứa con sanh ra ắt sẽ siêu quần bạt tụy, có thành tựu lớn lao. Cố nhiên Bồ Tát khiến cho con người được mãn nguyện mà con người cũng an ủi tấm lòng Bồ Tát vậy.

3) Thứ ba, khéo dạy từ khi còn trong thai và khi con còn thơ ấu để con khỏi học theo thói phàm:

Những bậc thánh nhân thuở trước đều do cha mẹ hiền khéo dạy mà thành, huống chi phàm nhân? Nếu người cầu con chịu dùng cách thai giáo, đứa con nhất định hiền thiện. Sau khi cấn thai rồi, [người mẹ phải giữ sao cho] hình dung đoan trang, chân thành, thanh tĩnh, lời lẽ phải trung hậu, hòa bình, cư xử phải hiếu hữu, cung kính, hòa thuận. Đi - đứng - nằm - ngồi thường niệm thánh hiệu Quán Âm. Bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm đều phải lắng tai nghe. Hễ nghe thì tâm quy về một mối, công đức càng lớn. Nếu áo mũ tề chỉnh, rửa tay, súc miệng sạch sẽ thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Nếu chưa tắm gội, súc miệng, đi đến nơi không sạch sẽ và lúc ngủ nghỉ, hãy đều nên niệm thầm. Công đức niệm thầm giống hệt [niệm ra tiếng, chứ những lúc ấy mà] niệm ra tiếng thì không hợp [nghi thức cung kính]. Nhưng đến khi sanh nở chớ nên niệm thầm, vì lúc sanh nở phải dùng sức để đẩy đứa con ra. Nếu ngậm miệng niệm, ắt sẽ bị bệnh tắc khí! Sản phụ

tự niệm, gia quyến đều trợ niệm, chắc chắc chẳng bị khó sanh, cũng không bị những điều nguy hiểm sau khi sanh nở. Nếu có thể cẩn thận thân - miệng - ý như thế, kiền thành niệm Quán Âm mong cho thai nhi được hưởng chánh khí thuần thiện ấy thì đứa con sanh ra chắc chắn chẳng phải là hạng tầm thường.

Đến khi con hiểu biết, liền nói với nó về nhân quả, báo ứng, lợi người lợi vật ắt tốt lành, hại người hại vật ắt tiêu vong! Phải biết: Lợi người lợi vật thật sự là lợi mình, hại người hại vật còn quá hơn hại mình, làm lành ắt có thiện báo, tạo ác ắt bị ác báo. Lại còn nói làm người ắt phải tuân hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" thì mới chẳng thẹn làm người! Nếu không, tuy mang hình dáng con người, tâm hệt như cầm thú vậy! Chẳng được nói dối, chẳng được bừa bãi, cuồng ngạo, chẳng được chiếm đoạt đồ vật của người khác, chẳng được đánh chửi người ta, chẳng được giẫm đạp trùng kiến, giấy có chữ, ngũ cốc, đồ vật. Cử động hành vi ắt phải có ích cho cha mẹ, cho chính mình, không gây tổn hại đến người đến vật. Ngoài ra, hãy nên dạy nó thường niệm thánh hiệu Quán Âm để mong tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn. Tập quen từ thơ ấu, lớn lên sẽ là người thuần thành, chuyên dốc, chẳng đến nỗi tự kiêu khinh người, thành phường cuồng vọng. Khéo dạy như thế thì đối với tổ tông là đại hiếu, đối với con cái là đại từ, đối với nước nhà xã hội là đại trung. Tôi thường nói: *"Quyền trị quốc bình thiên hạ hàng nữ nhân nắm quá nửa"* là vì lẽ này. Đức cao đẹp ấy có thể nối gót ba bà Thái đời Châu ngõ hầu chẳng phụ danh xưng Thái Thái! Nguyện những người cầu con hãy đều nên lấy những điều trên đây làm khuôn phép thì nước nhà sẽ may mắn lắm thay!

*** Ghi thêm những chuyện cấm kỵ để tránh họa hại**

Phàm người cầu con thì vợ chồng phải ước định đoạn dục nửa năm để bồi đắp Tiên Thiên cho đứa con. Đợi khi người vợ sạch kinh nguyệt bèn chung đụng ắt sẽ thọ thai. Chưa sạch kinh nguyệt chớ nên ân ái, ân ái ắt sẽ bị bặt kinh, gây ra bệnh bạch đới rất nguy hiểm. Lại phải nhằm ngày lành tháng tốt, khí trời trong trẻo, lúc mưa to gió lớn, sấm chớp sét lòa phải hết sức kiêng kỵ. Trong thiên Nguyệt Lệnh sách Lễ Ký có chép: *"Quý Xuân, tiên lôi tam nhật, tù nhân dĩ mộc đạc tuần vu đạo lộ, viết*: *"Lôi tương phát thanh, hữu bất giới kỳ dung chỉ giả, sanh tử bất bị, tất hữu hung tai"* (Cuối Xuân, trước khi sấm động ba ngày, viên quan truyền lệnh dùng linh gỗ đi khắp các nẻo đường truyền lệnh: *'Sắp có sấm động, kẻ nào chẳng kiêng ăn nằm thì sanh con chẳng toàn vẹn, ắt sẽ bị tai nạn hung hiểm'*). Bậc vua thánh thời cổ đau đáu nghĩ đến cuộc sống người dân, đặc biệt phái quan đi tuyên bố lệnh ấy, lại còn cho chép vào kinh điển, chẳng phải là tấm lòng của trời đất cha mẹ ư? "Tù nhân" là ông quan tuyên bố mệnh lệnh. "Mộc đạc" chính là cái linh, rung linh cho dân chúng đều nghe thấy. "Tuần" là đi. "Đạo lộ" bao

gồm đường nẻo trong thành thị và làng quê. “Dung chỉ” là ăn nằm, “bất bị” là ngũ quan, tứ chi không trọn vẹn hoặc sanh ra quái vật, “hung tai” là vợ chồng hoặc bị bệnh ngặt, hoặc bị tử vong.

Đã cấn thai rồi, vĩnh viễn thôi ăn nằm thì chắc chắn sanh được đứa con thân tâm mạnh khỏe, phước thọ sâu dầy. Có thai rồi chung đụng một lần thì thai bị trúng độc một lần, lớp bọc thai nhi dày thêm một lần, sản nạn tăng thêm một tầng. Nếu có thai lâu ngày rồi giao phối, có thể bị sẩy thai hoặc gây tổn thương cho thai. Những điều này là do cư sĩ Trương Đức Điền ở huyện Vĩnh Gia, tỉnh Chiết Giang nghĩ thương cho thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống nên vào mùa Thu năm ngoái bèn gởi thơ xin Quang viết bài sớ lễ niệm Quán Âm cầu con và nói lên cách giữ gìn thân thể, tích đức, dạy dỗ khéo léo v.v… để mong sanh ra những đứa con đều là hiền thiện, ngõ hầu [đất nước] dần dần đạt đến thái bình. Quang nhiều lần nại cớ già cả để từ chối, ông ta vẫn nhiều lần khẩn cầu, khó lòng khước từ mãi, bèn soạn bài sớ đơn giản cùng với ba điều trọng yếu cho xong trách nhiệm!

26. Lời bạt cho cuốn Liên Tông Chánh Truyền

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Cuốn sách Pháp Vũ Quyên Trích Lục (Giọt nước Pháp Vũ) đã trình bày khá rõ ràng về những lẽ lợi - hại do trợ niệm khi lâm chung và phá hoại chánh niệm của việc tắm rửa, thay quần áo, khóc lóc v.v… Mẹ ông Châu Sư Đạo may nhờ sức trợ niệm mà được chánh niệm rõ ràng, hiện các tướng lành qua đời. Do vậy anh em ông ta đem in [cuốn sách ấy] theo lối thạch bản mấy trăm bản để tặng những người hữu duyên xa gần. Nay lại dùng số tiền do mẹ để lại để in một vạn cuốn Liên Tông Chánh Truyền nhằm kết tịnh duyên mong cho mẹ chưa vãng sanh sẽ được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Do vậy đem cuốn Pháp Vũ Quyên Trích Lục in kèm vào sau cuốn sách này ngõ hầu hết thảy mọi người đều biết lẽ lợi - hại do trợ niệm và phá hoại [chánh niệm] để chẳng đến nỗi vì yêu thương cha mẹ và yêu thương anh em, vợ con, quyến thuộc mà làm chuyện trái đạo, do cái tâm yêu thương làm chuyện tổn hại, mà vẫn tưởng chính mình đã hết lòng vì người chết! Nhưng do phàm phu hiểu biết kém hèn, chưa nghe Phật pháp, nào ai biết được bao nhiêu chuyện tổn hại hay hữu ích. Sách này lưu truyền xa gần để cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc của hết thảy những ai chánh tín niệm Phật khi còn sống gieo thiện căn sâu xa, mất đi thì thần thức siêu thăng Tịnh Độ. Phương pháp này do hòa thượng Thiện Đạo đời Đường đã phát minh ra, cho rằng người thường ngày chẳng niệm Phật mà nương theo trợ niệm cũng có thể vãng sanh. Hòa thượng Thiện Đạo là hóa thân của Phật Di Đà; do vậy biết pháp ấy lợi ích sâu rộng, nguyện khắp những người thấy nghe đều sanh chánh tín, khuyên dạy lẫn nhau công đức vô lượng, đến khi chính mình lâm

chung chắc chắc có người trợ niệm. Vì sao vậy? Do nhân như vậy sẽ cảm được quả như vậy, nhân lẫn quả đều phù hợp nhau.

27. Lời bạt ấn tống Tịnh Độ Ngũ Kinh

(năm Dân Quốc 26 - 1937)

Kinh Phạm Võng chép: *"Ngươi là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường tin được như vậy thì giới phẩm đã đầy đủ".* Kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Hết thảy chúng sanh sẵn đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, [chấp trước] thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền".* Do vậy biết tâm tánh chúng sanh và tâm Phật vốn đồng, ba pháp "tâm, Phật, chúng sanh" không sai biệt, chỉ vì mê hay ngộ mà phân biệt vậy! Hiềm rằng khi chúng sanh còn mê chưa giác, dẫu sẵn đủ Phật tánh viên mãn rộng lớn theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, nhưng tánh ấy hoàn toàn bị vùi lấp trong trần lao, ngược ngạo nương theo sức công đức của Phật tánh ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp, hủy báng Tam Bảo, tự hại, hại người. Thật giống như giòng suối chảy ngầm dưới đất, hoàn toàn chẳng hay biết, ắt phải đợi thời tiết nhân duyên khơi mở mới dần dần tỏ lộ được. Vì thế, xưa nay nhiều bậc vĩ nhân có quyền lực thuở bé mê muội, chuyên lo hủy báng Phật pháp, đến khi sự lịch duyệt đã dần dần sâu hơn, gặp cảnh chạm duyên đột nhiên giác ngộ, bèn quy y Tam Bảo, tận lực phụng hành cũng chẳng thể kể xiết. Đủ chứng tỏ Phật pháp rộng lớn, quả thật là tâm pháp vốn sẵn có của hết thảy chúng sanh vậy.

Cư sĩ Ngô Nam Phủ ở Cát An, tỉnh Giang Tây túc căn sâu dầy, từ nhỏ buôn bán ở bến Thượng Hải, giữ tấm lòng từ thiện, hiềm rằng hoàn toàn chẳng biết đến Phật pháp, ngược ngạo coi chuyện tin Phật là mê tín, vợ ông ta là Trương Thị, tuy sẵn đủ tín tâm, nhưng lại chẳng biết phân biệt tà - chánh, dẫu có khuyên can cũng khó thể khơi gợi được! Năm Dân Quốc 20 (1931), [ông Ngô Nam Phủ] bị cướp bắt trói dẫn về sào huyệt, sầu khổ chen lẫn, suy nghĩ không ra cách nào, sực nhớ lời Trương Thị khuyên nên tin tưởng Phật pháp. Do vậy bèn mong Phật từ bi cứu giúp hòng thoát sào huyệt bọn cướp. Nào ngờ Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, lòng Từ của Phật như mẹ nhớ con, cảm ứng đạo giao nhanh chóng như dùi [vừa chạm mặt] trống [liền vang ra tiếng], chợt có cảnh sát vì cứu người khác mà chạy lầm đến nơi đó, liền cứu ông ta ra, chẳng tốn một phân tiền mà an nhiên thoát hiểm. Ông ta mới biết Phật pháp linh ứng, hơi dấy lòng tin, bèn đến những nơi như Phổ Đà v.v… dâng hương lễ Phật.

Năm Dân Quốc 22 (1933), cùng với vợ là Trương Thị, dẫn theo một đứa con, ngồi xe hơi, chạy đến chỗ đường cong giữa đường, chợt một thiếu nữ Tây phương từ bên đường băng ngang, va ngay vào xe, bị xe chẹt ngang, ngã sóng xoài dưới xe. Ba người cha con bọn họ sợ đến nỗi hồn muốn lìa

khỏi xác, mồ hôi đẫm lưng, cho là cô gái ấy đã thành ba đoạn rồi, cấp tốc niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để mong Phật [rủ lòng] Từ gia bị giải cứu. Đến khi ngừng xe lại coi chỉ thấy cô gái Tây phương ấy nằm ngửa dưới gầm xe, lọt thỏm giữa bốn bánh, bị xe lôi đi mấy chục bước. Cùng lúc, tuần cảnh, dân phố xúm lại đông nghẹt, cha cô gái ấy cũng tìm tới, đỡ cô ta lên, chỉ thấy khắp mặt cô ta đỏ bừng, trọn chẳng bị sây sát gì! Trải qua kiểm nghiệm, cô ta trọn chẳng bị tổn thương mảy may gì, cô ta liền theo cha bỏ đi.

Cư sĩ trải qua hai trận nguy hiểm, lòng tin rộng mở. Năm Dân Quốc 23 (1934), đặc biệt xin được quy y với Quang, bèn đặt cho pháp danh là Huệ Vân, Trương Thị có pháp danh là Huệ Hiền, tiếp đó lại thọ Ngũ Giới. Từ đấy, tín tâm chân thật, thiết tha, tinh tấn tu trì, lại tạo công đức rộng rãi tại các chỗ như Linh Nham. Thêm nữa, mấy người con trai ông ta sanh liên tiếp mấy đứa cháu gái, khó thể có được cháu trai. Đến năm Dân Quốc 24 (1935), đúng dịp cư sĩ mừng thọ sáu mươi, cô dâu cả sanh được một đứa con trai, các thân hữu xúm lại chúc mừng. Do cư sĩ đã trường trai thờ Phật, trong tiệc thọ của chính mình và lễ đầy tháng cho cháu nội đều dùng cỗ chay, trọn chẳng dùng mảy may món mặn nào để nhằm đề xướng kiêng giết, ăn chay. Nay lại dùng một ngàn đồng để in Tịnh Độ Ngũ Kinh hòng biếu tặng kết duyên, thỉnh Quang viết lời Bạt lược thuật nhân duyên tin Phật của ông ta. Nguyện khắp những ai chưa phát lòng tin, do thấy nghe [chuyện này] sẽ khởi tín tâm, người đã phát tín tâm thì sẽ do vậy [mà lòng tin] được tăng trưởng, ngõ hầu người người tin Phật cùng sanh Tây Phương, cùng viên Chủng Trí, để an ủi bổn hoài phổ độ chúng sanh của chư Phật vậy.

28. Lời tựa cho bài Sám Hối Văn của ông Thành Phục Sơ

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân bình trị thiên hạ, Phật độ chúng sanh. Nếu ai nấy đều biết nhân quả sẽ tự trừ khử nhân dục, noi theo thiên lý để khôi phục lương tri sẵn có thì chuyện thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ đều do điều này mà được hiển lộ rộng rãi. Phật pháp là căn bản của các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Từ khi [Phật pháp] được truyền vào Trung Quốc dưới đời Hậu Hán, hơn một ngàn tám trăm năm do được vua thánh, tôi hiền, những vị thông suốt thấu đạt hộ trì, đề xướng, nên được truyền bá khắp trong ngoài nước. Trong thời gian ấy, tuy bị đôi ba tên vua hung bạo và những nhà Nho câu nệ bài xích, hủy trừ, nhưng [bọn chúng] đều là hạng ngửa mặt nhổ lên trời, đương nhiên tự bị nhơ bẩn.

Bọn Trình - Châu đời Tống đọc kinh điển Đại Thừa nhà Phật, thân cận tri thức Thiền tông để mong trộm lấy ý nghĩa hòng tự khoe khoang, do chưa đọc trọn khắp các kinh, chưa tham học rộng khắp với tri thức các tông, bèn trộm lấy ý nghĩa *"toàn sự chính là lý"* trong kinh Phật và *"pháp gì, chuyện gì cũng đều quy về tự tâm"* trong Tông môn để giải thích kinh đạo Nho, rốt

cuộc trở thành tà kiến chấp lý phế sự, như nói: "Trời chính là lý, nào thật sự có vị vua đội mão [xử đoán] đâu? Quỷ thần là lương năng của hai khí (Âm và Dương). Con người sau khi chết đi hình hài đã mục nát, thần thức cũng phiêu tán, dẫu có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần hồn đã phiêu tán rồi, lấy ai để thác sanh". Thoạt đầu do chấp lý mà phế sự, kế đến trở thành đoạn diệt, ngoan không[309]. Do vậy, hết sức phô trương ý kiến của chính mình, báng Phật pháp sâu xa, bảo sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Phật đã nói chính là căn cứ để phỉnh phờ ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp [của đức Phật], chứ thật ra không có chuyện ấy. Từ đấy, phàm những kẻ theo Lý Học đều lén lút xem kinh Phật nhưng đều cật lực báng bổ Phật pháp, chẳng suy xét căn bản của đạo, chỉ chấp chặt vào tri kiến môn đình. Từ đấy cách trị tâm, trị thân, trị quốc, trị thế chỉ còn bề ngoài, trọn chẳng có căn bản. Vừa bị Âu hóa liền ngả rạp theo gió, rốt cuộc biến thành hiện tượng phế kinh điển, phế luân thường, tranh thành, giành đất, thê thảm chẳng nỡ nghe, trở thành cuộc loạn lạc lớn nhất kể từ khi có con người đến nay. Xét đến căn nguyên đều là do học thuyết bài xích nhân quả luân hồi ươm thành!

Từ sau Trình - Châu trở đi, người học hễ thiên tư thông minh thì không ai chẳng trúng phải chất độc [do bọn Châu - Trình] truyền lại này, tất cả đều tự khoe là bảo vệ đạo pháp, chứ chẳng biết đã trái nghịch đạo cũng lớn lắm. Đối với đại đa số con người, suốt một đời không cách gì được nghe đến đạo, nhưng cũng có người lúc đầu bị hãm vào lối xe đổ, về sau thống thiết cải hối, thương mình, xót người, muốn đem sự mê chấp của chính mình để làm tấm gương cảnh tỉnh cho hết thảy mọi người giống như ông Thành Phục Sơ ở huyện Tần An tỉnh Cam Túc nào có hạn lượng?

Dựa theo lời con ông ta là Tịnh Niệm đã viết thì: "*Gia nghiêm từ thuở mười sáu, mười bảy tuổi, liền trúng phải chất độc do bọn Trình - Châu để lại, tự lấy chuyện bài xích Phật - Lão làm trách nhiệm của chính mình, tiếc cho một bề chống trái, thiên kiến, nhưng kinh Phật rất khó được thấy, lại không có bậc cao tăng hoằng pháp hay bậc thông đạt lỗi lạc để thân cận, bèn coi lời lẽ của Trình - Châu là lời bàn quyết định ngàn đời chẳng xê xích được, liền y theo những gì bọn họ nói để bài xích Phật - Lão, chứ thật ra trọn chẳng biết cội nguồn Phật - Lão ra sao! Do lầm lạc bài xích Phật - Lão và chỉ coi những điều mình sùng phụng là tông chỉ chân chánh của Nho giáo nên càng thêm mê muội*".

May sao đời trước đã gieo thiện căn, trời xét soi tấm lòng ngu thành, khiến cho cụ bệnh nặng mấy năm hòng tự phản tỉnh. Thoạt đầu cụ vẫn nói "thiên đạo vô tri", rồi đại ngộ chính mình thấy hiểu lầm lạc, trái nghịch. Từ đấy, thống thiết sửa đổi lỗi trước, tận lực tu tịnh hạnh, bắt chước ông Liễu

---

[309] Ngoan không, còn gọi là Thiên Không, tức là một loại tà kiến cho Không được nói trong Phật pháp là cái không trống rỗng, không có gì hết, rồi quy kết Phật giáo là một thứ hư vô chủ nghĩa (Nihilism), không biết đến nghĩa Chân Không Diệu Hữu của nhà Phật.

Phàm lập mạng, học đòi ông Tịnh Ý sửa đổi cái tâm. Tuy được tâm địa quang minh, mắt vẫn lòa như cũ (năm Dân Quốc 16 (1927), mắt phải kéo màng, chẳng thể thấy mọi vật. Đến năm Dân Quốc 20 (1931), mắt trái cũng thế, bèn cùng với con cực lực sám hối. Người con trích máu vẽ hình Phật, dùng chất son [hòa máu] chép kinh. Ông ta tự soạn bài văn thú lỗi, mắt bèn thấy được mọi vật), mới biết chẳng bộc lộ lỗi mình, trọn khó thể tiêu nghiệp được, nếu phơi bày lỗi xưa thì còn làm lợi cho người khác. Do vậy bèn soạn bài văn sám hối in ra gởi cho những người cùng hàng, đem sự mê - ngộ của chính mình để làm khuôn phép răn dè cho kẻ thông sáng mai sau, cậy Quang viết lời Bạt mong được lưu truyền rộng rãi. Do vậy, tôi lược thuật nguyên ủy mắc bệnh [của ông Thành Phục Sơ] để mong những người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm cùng đẩy lùi phong thái suy đồi, cùng giữ vẹn hạnh Nho, cùng tu Tịnh nghiệp, cùng được gội ân Phật, cùng trừ khử món vật nhân dục huyễn vọng, cùng đạt được lương tri sẵn có, ngõ hầu có thể "sáng tỏ Minh Đức" nhằm "an trụ nơi chí thiện", trì Phật hiệu để sanh Tây Phương. Mất niệm biến thành cuồng, khắc chế được ý niệm sẽ thành thánh, lấy thân làm gương, phổ độ quần mê đều là do những điều [đã được nói] ở đây vậy.

29. Duyên khởi của Tịnh Nghiệp Xã chùa Tiên Khánh tại Tam Giang Khẩu, Hàm Giang

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Một pháp Niệm Phật là pháp môn tổng trì trong Phật pháp, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, trên từ bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài pháp này, dưới là phàm phu nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Nói nông cạn thì đàn bà, trẻ nít đều có thể tu trì, nói sâu xa thì bậc thánh triết cũng chẳng thể hiểu trọn. Đã thế, đối với hàng thiện tín tại gia, pháp này thích hợp căn cơ nhất. Do đức Như Lai gọi *"hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp"* là *"chánh nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật*", nên hễ là người niệm Phật thì đối với gia đình, luân thường đều phải trọn hết bổn phận. Tức là cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành vậy. Lại còn phải ngăn giận, dứt ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành; nhưng tu thiện trừ ác thì rất cần phải tích cực phản tỉnh xem xét tại nơi khởi tâm động niệm, dốc lòng thực hiện rộng rãi để trừ khử [những thói hư tật xấu, phiền não, ác niệm]. Dè dặt kiêng sợ, đừng coi thường thì mới là người lành. Người lành niệm Phật mới có thể được hưởng lợi ích chân thật nơi niệm Phật. Ví như nền tảng vững vàng, chắc chắn thì mới có thể tùy ý xây dựng lầu cao muôn trượng được!

Hiện nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, nói chung là vì chẳng nói đến đạo "trọn hết tình nghĩa, tận hết bổn phận" và lý "phước thiện,

họa dâm". Đối với chuyện luân hồi lục đạo và pháp Niệm Phật vãng sanh thì càng không có cách gì nghe tới được! Do tâm chẳng chú trọng đạo đức, nhân nghĩa, nhân quả, báo ứng, dẫu có nghe cũng chẳng thể sanh lòng tin. Bởi những lẽ đó, ươm thành đại kiếp, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, cơ duyên giết chóc ngập tràn, dân không lẽ sống. Những người có lòng lo cho cõi đời muốn cứu vãn đều đề xướng Phật học và tu pháp môn Niệm Phật, bởi pháp này thật sự là pháp dễ tu trì, dễ thành tựu nhất trong Phật pháp, như người tập bắn lấy mặt đất làm đích, bắn không phát nào chẳng trúng. Pháp này cậy vào Phật từ lực, nếu chịu tuân theo lời dạy tu trì thì không một ai chẳng thành tựu. Do vậy, ai nấy hãy nên quy y Tam Bảo, thọ trì Ngũ Giới, tuân hành Thập Thiện, dùng ba nghiệp thân - khẩu - ý thanh tịnh, sanh lòng tin phát nguyện niệm thánh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Người như thế sống là bậc thánh bậc hiền, thác lên cõi Cực Lạc. Khuyên dạy lẫn nhau, nhìn nhau [bắt chước] làm lành, khó gì chẳng dứt tai tiêu họa, tu đức sẽ hưởng phước, giữ vẹn cái gốc, trọng luân thường, thay đổi phong tục để đạt đến thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Do vậy nói rằng "một pháp Niệm Phật há chẳng là căn bản pháp luân để chấn hưng sức dân, phụ trợ chánh trị, giáo hóa, chẳng nắm giữ địa vị mà dạy dỗ dân, chẳng nhờ đến hình phạt mà dứt được chuyện ác ư?" Nguyện những vị mang lòng vãn hồi kiếp vận đều cùng dự vào Tịnh Nghiệp Xã.

Những người ở xa xôi hoặc thân mang chức vụ bận bịu, hoặc thanh niên, phụ nữ chẳng tiện đến Tịnh Nghiệp Xã thì đều có thể nhiếp tâm tịnh niệm ở nhà. Lập ra Tịnh Nghiệp Xã chẳng qua chỉ nhằm [tạo] một tổ chức để đề xướng diễn thuyết mà thôi. Hằng ngày niệm Phật cố nhiên là chuyện tu trì tại gia, chẳng thể không biết [điều này]. Tịnh Nghiệp Xã được lập tại chùa Tiên Khánh, vào ngày nào đó mỗi tháng [xã hữu] cùng đến niệm Phật. Niệm xong, mời vị nào thông hiểu văn từ lý lẽ giảng diễn chương trình lẫn lợi ích do niệm Phật cũng như quy củ lẫn lợi ích của việc giáo dục con cái trong gia đình. Lại còn sắm sửa những sách giảng về niệm Phật tu thiện đơn giản, gần gũi, ai muốn xem thì cứ trả tiền theo giá vốn để thỉnh về xem, chẳng tốn nhiều tiền lắm. Lại dùng khoản tiền ấy để thỉnh đầy đủ sách đọc. Nếu mọi người có thể đua nhau thực hiện chuyện này mạnh mẽ thì thế đạo nhân tâm sẽ tự nhiên thuần thiện, thiên tai nhân họa không cách chi xảy ra được! Đây quả thật là sách lược tối thượng vì nước, vì dân, vì xã hội, vì gia đình vậy! Nguyện những người thấy nghe đều cùng khởi lòng.

30. Duyên khởi của Trợ Niệm Vãng Sanh Xã tại trấn Cấp Tân, Hải Môn
(năm Dân Quốc 20 -1931)

Mỗi một tài, một nghề trong thế gian đều phải do mọi người giúp đỡ thì mới có thành tựu. Vì thế nói: *"Bách công cư tứ dĩ thành kỳ sự, quân tử học*

dĩ trí kỳ đạo" (Trăm thợ sống ở xưởng thợ để nghề nghiệp được thành, quân tử học để thấu hiểu đạo[310]). Pháp thế gian còn như thế, sao riêng pháp xuất thế gian lại chẳng giống như vậy cho được? Phải biết "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ" chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài, mà phàm phu nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Hết thảy pháp môn chẳng đạt đến mức "nghiệp tận, tình không" sẽ chẳng thể liễu sanh thoát tử được, vì chỉ cậy vào tự lực, cho nên khó khăn! Pháp môn Niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha sẽ liền có thể siêu phàm nhập thánh, bởi chuyên cậy vào Phật lực, cho nên dễ dàng! Hễ được vãng sanh thì sẽ đạt được lợi ích cao siêu hơn những người "nghiệp tận tình không" nhiều lắm. Pháp môn này bất luận già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, trí, ngu, sĩ, nông, công, thương, tại gia, xuất gia đều nên tu trì; chẳng những không trở ngại hết thảy nghề nghiệp mà còn có thể giúp cho hết thảy nghề nghiệp dễ thành tựu.

Phàm là người niệm Phật ắt phải chăm chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật sự vì sanh tử phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện kiên quyết cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người khác, trong là gia đình, quyến thuộc, ngoài là xóm giềng, bầu bạn đều cùng tu pháp này, cùng cầu vãng sanh. Công đức ấy há thể diễn tả được ư? Vì thế, ông Thành Huệ Dân và các cư sĩ tổ chức Trợ Niệm Vãng Sanh Xã tại Vũ Thánh Miếu[311] trong trấn của họ, mỗi tháng đúng kỳ đến đấy niệm Phật. Niệm xong, giảng nói lợi ích của pháp môn Niệm Phật và cách thức tu trì, cũng như biện pháp trợ niệm lúc lâm chung. Phàm những ai tham dự Trợ Niệm Xã đều nên hành theo đó. Hễ có xã hữu hoặc không phải xã hữu thỉnh đến nhà trợ niệm đều nên [vận dụng] đại Bồ Đề tâm vốn có, khai thị, hướng dẫn bệnh nhân và quyến thuộc của người ấy để ai nấy đều y theo Phật pháp, đừng thuận theo thói phàm. Khai thị xong, mọi người cùng nhất tâm niệm Phật để mong cho người mất vãng sanh về thẳng Tây Phương mới thôi. Thành tựu người khác vãng sanh thì đến khi chính mình lâm chung ắt sẽ có người khác thành tựu sự vãng sanh cho chính mình, đừng cho chuyện ấy là không quan hệ rồi coi thường!

Đối với những đạo hữu niệm Phật cùng một Trợ Niệm Xã, trong lúc bình thường hãy nên nói với người trong nhà về lợi ích do trợ niệm khi lâm

---

[310] Chúng tôi dịch câu nói này của Tử Hạ theo cách diễn giải của sách Luận Ngữ Tường Giải.

[311] Vũ Thánh Miếu là miếu thờ Quan Công. Do người Trung Hoa tôn xưng Quan Công là Vũ Thánh, Khổng Tử là Văn Thánh, nên các miếu thờ Quan Công thường hay gọi là Vũ Thánh Miếu. Trong Vũ Thánh Miếu thường thờ tượng Quan Công, hai bên là tượng Quan Bình và Châu Xương đứng hầu. Tuy vậy, ngoài bàn thờ chính thờ Quan Công ra, có những nơi còn thờ xen lẫn đủ thứ thần tượng của Đạo Giáo, kể cả tượng Quán Âm.

chung cũng như những họa hại do tắm rửa, thay áo sẵn, hoặc đối trước người sắp mất khóc lóc. Hãy nên thỉnh một cuốn Sức Chung Tân Lương [cho họ đọc] để họ biết tường tận. Để rồi đến khi cha mẹ hoặc các quyến thuộc khác sắp mạng chung, quyến thuộc trong nhà sẽ cùng nhau vì người ấy niệm Phật, khiến cho tâm người [sắp mất] ấy giữ được chánh niệm, theo Phật vãng sanh, cũng như thỉnh xã hữu trợ niệm cho người sắp mất ấy. Lúc ấy là lúc ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ rất lớn. Hãy nên đem những chi phí ma chay cúng tế rỗng tuếch, hoa mỹ dùng vào lúc ấy, hãy biến tấm lòng buồn đau, tận hiếu chân thành trở thành cái tâm vì cha mẹ niệm Phật. Lại còn bảo quyến thuộc đều nghe theo lời chỉ dạy của xã hữu, đừng khư khư theo tập tục kẻo làm hỏng đại sự!

Mạnh Tử nói: *"Dưỡng sanh giả bất túc dĩ đương đại sự, duy tống tử khả dĩ đương đại sự"*[312], huống chi lúc lâm chung dùng niệm Phật để tương trợ thì chánh niệm rạng rỡ, theo Phật vãng sanh. Thành tựu cho cha mẹ được vãng sanh tức là thành tựu cho cha mẹ thành Phật. Phàm thành Phật sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Chuyện tận hiếu trong thế gian há có lớn hơn điều này được chăng? Do vậy, hãy nên cạn kiệt tấm lòng thành của ta mà tận lực giúp đỡ. Nếu cứ khư khư theo tập tục chẳng coi trọng việc thành tựu chánh niệm, hoặc tắm rửa, thay quần áo sẵn, do bị đụng chạm, tâm [người sắp mất] bị nhiễu động có thể bị đau đớn, ắt sanh lòng giận bực. Nếu khóc lóc, người ấy ắt sanh lòng bi luyến. Đã loạn động thì chánh niệm bị mất, không cách gì vãng sanh được! Hễ nóng giận sẽ có thể đọa trong các loài độc trùng; mà mến luyến cũng thuộc về căn bản sanh tử. Con người nếu không bị bệnh cuồng, ai nỡ vì [trọn hết] lòng ngu thành tận hiếu mà phá hoại chánh niệm của cha mẹ khiến cho họ đánh mất lợi ích lớn lao "liễu sanh thoát tử hòng được thành Phật", đến nỗi chịu sự khổ lớn lao "đọa lạc trong tam đồ ác đạo, thường bị luân hồi nhiều kiếp" ư? Thực hiện lòng hiếu kiểu đó khác gì La Sát nữ yêu người đâu? La Sát nữ bảo người bị nó ăn thịt: "Ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi!" Nguyện hết thảy những người con hiếu cháu hiền và những quyến thuộc nhân từ hãy cùng tùy thuận cái tâm độ chúng sanh của đức Phật, đừng yêu thương giống như La Sát nữ thì người thác lẫn kẻ sống đều được lợi ích lớn lao vậy!

31. Duyên khởi của Xí Lô Liên Xã
(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót chúng sanh do mê muội diệu tâm vốn có mà luân hồi sanh tử, bèn thị hiện giáng sanh trong thế gian thành Đẳng

---

[312] Câu nói này trích từ thiên Ly Lũ sách Mạnh Tử, Triệu Kỳ đời Hán giảng như sau: *"Người con hiếu tận hết sức hiếu dưỡng cha mẹ, vẫn chưa đáng coi đó là giữ được chuyện lớn, mà đến lúc mất, tống táng đúng lễ thì mới đáng coi là giữ được chuyện lớn vậy".*

Chánh Giác, tùy thuận căn cơ của chúng sanh, nói đủ mọi pháp. Tuy Đại, Tiểu, Thiên, Viên bất đồng, Quyền, Thật, Đốn, Tiệm mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều nhằm làm cho chúng sanh khai - thị - ngộ - nhập tri kiến của Phật, rốt ráo thành Phật mà thôi! Nhưng chúng sanh căn cơ có lớn hoặc nhỏ, mê có cạn hoặc sâu, nên chẳng thể thỏa thích bổn hoài của Phật được ngay. Lại do chúng sanh đời Mạt nghiệp chướng sâu dầy, trí huệ cạn mỏng, thọ mạng ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, nếu không cậy vào Phật lực quyết khó thể liễu thoát trong đời này. Do vậy, đặc biệt mở ra một pháp môn Tịnh Độ nhiếp trọn Sơ - Trung - Hậu, độ khắp ba căn cơ thượng - trung - hạ để những vị đã chứng Pháp Thân sẽ mau thành Phật đạo, kẻ chưa đoạn Phiền Hoặc cũng thoát luân hồi, lợi ích ấy vượt trỗi [hết thảy] giáo pháp trong cả một đời, bởi lẽ một đằng chuyên cậy vào tự lực, một đằng kiêm nương vào Phật lực.

Ví như gã thọt suốt ngày chỉ đi được mấy dặm, nếu cưỡi luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương sẽ trong một ngày đến khắp bốn châu. Vì thế, [pháp này] được chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói, bởi pháp này là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn Công mở liên xã đầu tiên, khi ấy bậc cao tăng đại nho dự vào hội cả một trăm hai mươi ba người. Từ đấy về sau, đời nào cũng có cao nhân tục diệm truyền đăng, truyền khắp trong ngoài nước. Đại pháp của đức Như Lai có năm thứ là Luật, Giáo, Tông, Mật, Tịnh, nhưng chỉ có một pháp Tịnh Độ là tu trì dễ dàng nhất, thành tựu dễ dàng nhất, là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Tông, Mật. Vì thế các vị thiện tri thức Luật, Giáo, Tông, Mật xưa nay đều chăm chú ngầm tu, rất nhiều vị cực lực hoằng dương công khai. Pháp này chân - tục viên dung, vừa khế cơ vừa khế lý, chẳng những vì người học đạo lập ra một môn mầu nhiệm để thoát luân hồi, mà thật ra còn là đạo trọng yếu để người cai trị đất nước ngồi hưởng thái bình. Do đó, vãng thánh tiền hiền, bậc thông suốt, người trí sáng đều cùng tu trì như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước xuôi về biển Đông.

Gần đây lòng người thua kém thuở xưa, bỏ gốc chạy theo ngọn, gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, [con người] đua nhau chuộng duy tân, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Những người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm thấy hiện tượng ấy, sợ đạo làm người gần như diệt mất, đua nhau lập cách vãn hồi. Do vậy, các nơi đều lập Tịnh Nghiệp Xã, Cư Sĩ Lâm đề xướng Phật học hòng nêu tỏ nhân quả ba đời, chỉ ra sự luân hồi trong sáu nẻo, tỏ lộ Phật tánh chân thường, tán dương Tịnh Độ cao siêu thù thắng, khiến cho hết thảy mọi người vâng giữ tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", hành tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", đều phải ngăn lòng giận, dứt lòng ham muốn,

giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền, người lành trong thế gian, phát Bồ Đề tâm, tự hành, dạy người "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để đến khi lâm chung Phật và thánh chúng đích thân đến tiếp dẫn cho người ấy được vãng sanh, hòng thành bậc thượng thiện nhân xuất thế gian. Đấy chính là đại ý các nơi thành lập Tịnh Nghiệp Xã, mở Cư Sĩ Lâm vậy.

Tô Châu vốn là xứ Phật giáo hưng thịnh từ xưa đến nay, cố nhiên có nhiều người túc căn sâu dầy, dù bị ngoại đạo lung lạc, bước lầm vào ngõ rẽ, chẳng mấy chốc lại quay về đường chánh. Cư sĩ Tào Tung Kiều sáng lập Ẩn Bần Hội để châu cấp, cứu giúp dân nghèo chính là ban bố lòng Từ trên phương diện sắc thân. Nay lại lôi kéo hai cư sĩ Trần Y Nhân và Châu Lương Tế mở Xí Lô Liên Xã nhằm đề xướng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu kẻ mê trái quê cũ trọn chẳng có tư lương để trở về sẽ đều được đầy đủ tư lương, đấy chính là lo lắng cho phương diện huệ mạng vậy. Nhưng đạo của Lô Sơn ai có thể nối tiếp dấu tích được, chỉ đành ngưỡng mộ dõi theo mà thôi thì cũng chẳng thẹn là đồ đệ của Lô Sơn, vì thế đặt tên là Xí Lô (ngóng theo Lô Sơn) Liên Xã! Họ cậy Quang viết duyên khởi để phô tỏ ý nghĩa ẩn kín, vì thế mới dài dòng một phen, mong sao người thấy nghe và các xã viên biết rõ ý nghĩa "đạo sẵn có ngay nơi tự tâm, pháp để tu chân trong cõi tục, dùng niệm Phật để hộ quốc, ngầm tu mà giúp đời" vậy.

32. Duyên khởi của Phước Châu Phật Học Đồ Thư Quán (thư viện Phật học Phước Châu)

(năm Dân Quốc 27 - 1938)

Phật là giác; tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì mới gọi là Phật, tức là hết sạch Phiền Hoặc, phước huệ trọn đủ, Ngũ Uẩn đều không, chứng triệt để ba đức, là danh hiệu cao đẹp của bậc "thánh trong các thánh, trời trong chư thiên", là danh hiệu chung của mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Thích Ca Mâu Ni chính là tên riêng của đấng giáo chủ cõi Sa Bà. Tiếng Phạn "Thích Ca Mâu Ni" cõi này dịch là Năng Nhân Tịch Mặc. Năng Nhân nghĩa là rộng độ chúng sanh; Tịch Mặc là triệt chứng tự tánh. "Học" là bắt chước theo, tức là tùy phần tùy sức tu hành theo lời dạy. Đã tu hành theo lời dạy, sao lại nói "tùy phần, tùy sức"? Là vì đức Phật thuyết pháp tùy theo căn tánh của chúng sanh. Do căn tánh chẳng chỉ có một nên tùy theo sự hiểu biết, khả năng của họ mà nói pháp thích hợp.

Tùy theo căn cơ ban bố giáo pháp, đối bệnh cho thuốc, sao cho giáo pháp phù hợp căn cơ, khiến cho ai nấy đều được lợi ích. Dạy chúng sanh chìm đắm trong biển khổ sanh tử quy y Tam Bảo Phật - Pháp - Tăng để làm chỗ nương tựa, dạy họ giữ năm giới "chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu", dạy họ tu Thập Thiện, đối với ba

điều nơi thân, bốn điều nơi miệng, ba điều nơi ý đều dạy dứt ác làm lành. Tức là thân chẳng làm chuyện giết - trộm - dâm, miệng chẳng nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói ác độc, ý chẳng khởi ý niệm tham dục, nóng giận, ngu si. "Ngu si" nghĩa là không tin nhân quả, nói ra những lời tà kiến như "làm lành làm ác chẳng có báo ứng, con người chết đi thần hồn diệt mất, không có đời sau" v.v… Lại còn gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, khuyên bạn bè hướng thiện sửa lỗi, chủ giữ lòng nhân, tớ giữ lòng trung, mỗi mỗi đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Đấy chính là pháp Nhân Thừa. Tu theo pháp này sẽ đời đời làm người. Nhân Thừa là căn bản của Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa, như đắp nền đất vững vàng, có thể tùy ý xây dựng lầu cao.

Thiên Thừa thì ngoài Ngũ Giới Thập Thiện ra, còn tu thêm các thứ Thiền Định để sanh vào các cõi trời Lục Dục, Tứ Thiền, Tứ Không v.v… Nhân Thừa lẫn Thiên Thừa đều chẳng phải là pháp liễu sanh tử.

Thanh Văn Thừa thì y theo Giới - Định - Huệ, tu pháp Tứ Đế để liễu sanh tử.

Duyên Giác Thừa thì y theo Giới - Định - Huệ, quán sát hai môn Lưu Chuyển và Hoàn Diệt[313] của Thập Nhị Nhân Duyên hòng liễu sanh tử.

Bồ Tát Thừa thì y theo Giới - Định - Huệ tu lục độ, vạn hạnh, dưới hóa độ chúng sanh để mong trên là thành Phật đạo.

Nhưng pháp ba thừa này đều thuộc vào pháp phổ thông cậy vào tự lực, người tối thượng thượng căn mới có thể liễu sanh tử ngay trong đời này, dẫu khi Phật đang còn tại thế cũng là trăm người mới có được một. Nếu như hiện thời, e rằng cả thế giới cũng không có được một hai người!

Nhưng do tâm đại từ bi, đức Phật biết trước chúng sanh đời sau không có kẻ nào cậy vào tự lực để liễu sanh tử ngay trong đời này được, bèn mở riêng một pháp môn đặc biệt là tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, trí, ngu, sĩ, nông, công, thương, công chức, quân nhân, giới giáo dục học thuật, tại gia, xuất gia, thượng thánh, hạ phàm đều trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Phàm phu sát đất đới nghiệp vãng sanh. Đã vãng sanh Tây Phương, ba thứ Hoặc - Nghiệp - Khổ thảy đều tiêu diệt. Ví như mảnh tuyết rớt vào lò to, chưa đến nơi đã tan mất. Hàng Nhị Thừa đã liễu sanh tử và Quyền Vị Bồ Tát vãng

---

[313] Lưu Chuyển (Pravrtti) ngụ ý sanh tử tiếp nối không ngừng, xoay lăn trong tam giới, luân hồi trong lục đạo. Quán Thập Nhị Nhân Duyên theo chiều thuận, tức là quán từ vô minh cho đến lão - tử thì gọi là Lưu Chuyển Môn hoặc Thuận Quán.
Hoàn Diệt có nghĩa từ mê trở về với lẽ chân, diệt hết phiền não, tiến nhập Niết Bàn. Quán Thập Nhị Nhân Duyên theo chiều nghịch, từ lão - tử quán ngược lại cho đến cội nguồn của mọi đau khổ là vô minh, sẽ phá được vô minh nên gọi là Hoàn Diệt hoặc Nghịch Quán.

sanh sẽ mau chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn. Bậc Pháp Thân đại sĩ đã chứng Vô Sanh mà vãng sanh sẽ mau chứng Phật quả.

Hết thảy các pháp Đại Thừa, Tiểu Thừa do đức Thế Tôn đã nói trong cả một đời đều cậy vào tự lực, cho nên khó khăn; chỉ có một pháp này hoàn toàn cậy vào sức từ bi thệ nguyện nhiếp thọ của A Di Đà Phật và sức tín nguyện thành khẩn ức niệm của hành nhân nên được cảm ứng đạo giao, giải quyết xong xuôi ngay trong một đời này. Nhưng đã muốn vãng sanh Tây Phương thì phải nghĩ hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, nghĩ báo ân ấy sẽ càng thêm mến tiếc, che chở, chẳng dám giết ăn, thấy hết thảy những người cùng hàng và các quỷ thần cùng với chim, thú, côn trùng đều tâm niệm miệng nói, dạy bọn họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu như ba nghiệp thanh tịnh, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đem pháp môn Tịnh Độ khuyên lơn thì người ta sẽ nhìn theo bắt chước nhau làm lành, ắt sẽ có hy vọng thay đổi cảm hóa ngấm ngầm, khiến cho phong tục tốt đẹp thuần hậu.

Người đời chưa đọc kinh Phật, chẳng biết Phật suy tính sâu xa để hóa độ chúng sanh, thấy bọn Hàn - Âu - Trình - Châu báng Phật, liền tự mình gánh lấy trách nhiệm "đề cao điều chánh, quở trách thói tà", người ta nói sao mình cũng bảo vậy, thốt lời khinh miệt, phỉ báng cho sướng miệng, chẳng biết bọn Hàn - Âu hoàn toàn chưa từng đọc kinh Phật. [Lý luận về] đạo Phật của họ Hàn vốn chỉ có hai chữ Tịch Diệt là từ ngữ trong Phật pháp, còn những từ ngữ khác đều là lời lẽ của Lão Tử, Trang Tử. Về sau, do thiền sư Đại Điên khơi gợi, hướng dẫn, [Hàn Dũ] mới không báng Phật nữa. Họ Âu chỉ đề cao họ Hàn, căn cứ để ông ta báng Phật là "do sự cai trị của nhà vua đã suy vi, đạo nhân nghĩa không ai đề xướng, nên Phật thừa cơ xâm nhập". Nếu như ông ta hiểu biết đạo giúp đời độ sanh do đức Phật tùy thuận cơ nghi [mà lập] như đã nói trong phần trước, ắt chẳng đến nỗi coi Phật là họa hoạn của Trung Quốc để rồi muốn xua quét đi. Họ Âu đề xướng như thế, kẻ học [đạo Nho] coi họ Âu như tông sư, đều bắt chước bài bác Phật giống như vậy. Đại sư Minh Giáo[314] muốn cứu vãn thói tệ ấy, soạn Phụ Giáo Biên dâng lên

---

[314] Minh Giáo Đại Sư chính là ngài Khế Tung (1007-1072), một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn sống vào đời Tống, quê ở Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng tỉnh Quảng Tây), tự Trọng Linh, hiệu Tiềm Tử. Sư xuất gia năm bảy tuổi, mười ba tuổi được thế phát, thọ giới, mười chín tuổi đi tham học khắp nơi, đầu thường đội tượng Quán Âm, mỗi ngày trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát mười vạn câu. Về sau, Sư đắc pháp nơi thiền sư Hiểu Tông thuộc tông Tào Động. Sư đọc trọn khắp các kinh điển, sách vở, rất giỏi văn chương, thường nhấn mạnh thuyết "Nho - Phật nhất trí". Ngoài bộ luận Phụ Giáo Biên nổi tiếng ra, Sư còn trước tác những cuốn Truyền Pháp Chánh Tông Định Tổ Đồ, Truyền Pháp Chánh Tông Ký v.v… Những trước tác của Sư được Tống Nhân Tông hết sức ngưỡng mộ, hạ lệnh đưa vào Đại Tạng, ban tặng cho Sư ca-sa tía và ban hiệu là Minh Giáo đại sư. Sau khi Sư thị tịch tại chùa Linh Ẩn vào năm Hy Ninh thứ năm (1072), môn nhân thâu thập những ngữ lục của Sư soạn thành bộ Đàm Tân Văn Tập, 20 quyển.

hoàng đế [Tống] Nhân Tông. Nhân Tông đưa cho Hàn Ngụy Công[315] xem, ông Hàn đưa cho họ Âu xem, họ Âu kinh ngạc nói: "Chẳng ngờ trong Tăng chúng lại có người như vậy? Sáng mai sẽ gặp mặt một phen!" Ngày hôm sau, ông Hàn đưa Minh Giáo đến gặp, bàn luận thông suốt trọn một ngày, từ đấy [họ Âu] chẳng còn báng Phật nữa. Hàng môn hạ [của Âu Dương Tu] tiếp nhận giáo huấn của ngài Minh Giáo, đa số đều cực lực học Phật.

Họ Trình, họ Châu đọc kinh Đại Thừa nhà Phật, thân cận thiện tri thức Thiền Tông, biết được những nghĩa "toàn sự chính là lý" trong kinh và "pháp gì, chuyện gì cũng quy về tự tâm" của Tông môn, liền tưởng mình đã lãnh hội lớn lao, chứ thật ra chưa hề đọc trọn các kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa và thân cận tri thức các tông, bèn chấp lý phế sự, bác không nhân quả, bảo đức Phật nói ra nhân quả ba đời, luân hồi sáu đường để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu ngu phụ sùng phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy. Lại còn nói: "Con người chết đi, hình hài đã mục nát thì thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Thần hồn đã phiêu tán, lấy ai để thác sanh?" Do vậy, kẻ ác mặc lòng tạo nghiệp, người lành cũng khó gắng sức [làm lành]. Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Như Lai độ chúng sanh mà họ bảo là "không có thật" khiến cho những kẻ học đời sau đều chẳng dám nói đến nhân quả, chỉ lấy chánh tâm, thành ý để làm gốc cho tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ; nhưng nhân quả chính là cái khiến cho người lành chẳng thể không chánh tâm thành ý, kẻ ác chẳng dám không chánh tâm thành ý. Đã không nói đến nhân quả thì pháp trị quốc, trị gia, trị thân, trị tâm chỉ là lời xuông, chẳng có lợi ích thật sự! Mấy trăm năm qua vẫn còn duy trì được là nhờ phong thái lẫn sự cai trị tốt đẹp của bậc đại nhân thời cổ còn chưa bị hoàn toàn diệt mất.

Gần đây, những kẻ phế bỏ đường lối cũ đua nhau đề cao duy tân, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau, cậy mạnh nuốt yếu, ươm thành đại kiếp đều là do Nho sĩ trong cả nước chẳng dám nói đến nhân quả, sợ bị người khác công kích mình đã trái nghịch tiên hiền! Hơn nữa, nếu kẻ nào có chút thành tựu sẽ được dự vào Văn Miếu, [nếu nói đến nhân quả] sẽ bị người khác coi là nịnh Phật rồi ngăn trở, nên coi việc nói đến nhân quả là điều phải tránh né! Do vậy bèn phát sanh đại loạn từ xưa đến nay chưa hề có! Nếu gia đình, nhà trường, xã hội đều giảng nhân quả, chắc chắn chẳng đến nỗi loạn lạc cùng cực như thế. Vào thuở ấy, Trình - Châu sợ Phật giáo hưng thịnh thì Nho Giáo sẽ suy tàn, nên mới bài báng bằng cái tâm mê muội trái lý ấy hòng bảo vệ Nho giáo. Thảm trạng tranh chấp, tàn sát lẫn nhau nhiều năm không

[315] Hàn Ngụy Công chính là Hàn Kỳ (1008-1075), tự Trĩ Khuê, quê ở An Dương, Tương Châu (tỉnh Hà Nam), là một văn quan đời Tống, cùng với Phạm Trọng Yêm là những văn quan thống lãnh quân phòng ngự biên giới phía Tây, chuyên kháng cự quân Tây Hạ xâm lăng Đại Tống. Về sau, họ Hàn làm Tể Tướng vào năm Gia Hựu thứ ba (1058), rồi được Tống Anh Tông phong cho tước Ngụy Quốc Công.

dứt quả thật chưa hề thấy! Đó gọi là *"nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu"* (người không lo xa, ắt có buồn gần).

Bọn họ sợ rằng nếu không báng Phật, Nho sĩ sẽ đều học theo Phật hết, chẳng biết nếu nhà Nho học Phật thì Nho giáo sẽ càng thêm hưng thịnh. Nghĩa lý này đã được trình bày tường tận trong bài viết nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín qua cuốn Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công, [bài viết ấy] sẽ được sao chép riêng để những nhà Nho nơi quý địa được mở rộng tầm mắt, có chỗ nương theo. Đời đã loạn đến cùng cực, những vị nghĩ đến [phương cách] bình trị đều cùng đề xướng Phật học để sao cho ai nấy đều hiểu rõ nhân quả, biết tội phước, hồi tâm hướng thiện, vãn hồi kiếp vận để dân được sống yên. Các vị cư sĩ như La Khanh Đoan v.v… tính lập ra Phật Học Đồ Thư Quán, cậy tôi viết lời trần thuật duyên khởi hòng nêu tỏ chỉ thú giúp đời độ sanh của Phật giáo, do vậy tôi bèn viết bài này cho xong trách nhiệm!

33. Duyên khởi quyên mộ tu bổ tháp Báo Ân chùa Báo Ân, Tô Châu

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật; đó gọi là Chánh Nhân, thuộc về Tánh đức, cũng còn gọi là Bổn Giác. Tuy có Chánh Nhân, nhưng nếu chẳng nghe Phật pháp sẽ như đồ báu trong kho, như viên châu buộc trong chéo áo, do không biết nên phải oan uổng chịu bần cùng. Đã được nghe Phật pháp, biết "Phật là vị Phật đã thành, ta và hết thảy chúng sanh đều là những vị Phật chưa thành", từ đấy tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si, bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác. Đấy gọi là Duyên Nhân, thuộc về Tu đức, cũng gọi là Thỉ Giác vậy! Công Tu đức sâu thì Tánh đức hiển lộ, mới biết từ xưa đến nay đã nương theo sức của Chánh Nhân Phật tánh ấy để làm đủ mọi chuyện trái nghịch tánh, chịu đủ mọi nỗi khổ huyễn vọng, giống như trong nhà tối đụng phải của báu, đâm ra bị tổn thương! Nay đã đích thân thấy được Phật tánh sẵn có thì cái gốc cũ chẳng mất, mà [Phật tánh mới giác ngộ] hiện thời cũng chẳng được[316], toàn vọng chính là chân, toàn tu chính là tánh. Đấy gọi là Liễu Nhân, chính là Tánh và Tu dung hợp, Thỉ - Bổn hợp nhất vậy!

Phàm hết thảy những pháp môn Đại - Tiểu - Quyền - Thật do đức Phật đã nói, không môn nào chẳng nhằm làm cho chúng sanh đích thân chứng được điều này mà thôi! Nhưng căn cơ chúng sanh có lợi, độn, chức phận có thân, sơ, nên khó thể tạo lợi ích rộng khắp được! Vì thế, dùng chuyện tạo dựng tháp miếu, pháp tướng trang nghiêm, gõ chuông, đánh khánh, giơ nắm tay, dựng đứng cây phất trần để tạo duyên phát khởi, giúp cho [người khác] nhập đạo. Ở mỗi chỗ cư dân đông đảo, cổ nhân xây dựng đại tháp miếu cốt sao người thấy nghe sẽ gieo được hạt giống Phật vào trong tám thức điền,

---

[316] Do luôn thường hằng sẵn có, nên nói "chẳng mất mà cũng chẳng được", chỉ là thấy được Phật tánh hay không mà thôi!

sau này ắt sẽ đích thân chứng được giác đạo, chứ không phải chỉ để [tạo cảnh] tráng lệ hòng nhìn ngắm [cho sướng mắt].

Chùa Báo Ân ở Tô Châu do vua nước Ngô thời Tam Quốc là Tôn Quyền xây dựng để báo ân mẹ, vốn có tên là chùa Thông Huyền. Đến năm Đại Thông thứ tư (530) đời Lương Vũ Đế, chùa được trùng tu, vị Tăng tên Chánh Huệ lập tháp báu mười một tầng, hết sức trang nghiêm. Khi Tùy Văn Đế thay nhà Trần [làm chủ giang sơn], chùa bị huyện lệnh đất Ngô là Tôn Khoan phế bỏ. Đầu đời Đường vị Tăng tên Huệ Quân xây dựng lại. Năm Khai Nguyên 26 (738) đời Đường Huyền Tông, vua xuống chiếu mỗi châu quận trong thiên hạ lập một ngôi chùa lớn đề tên là Khai Nguyên; chùa bèn được đổi tên là Khai Nguyên Tự, trong chùa có tượng Huyền Tông bằng đồng thếp vàng. Trong niên hiệu Đại Thuận (890-891) thời [Đường] Chiêu Tông, chùa bị tên giặc ở Hoài Tây là Tôn Nho[317] đốt cháy rụi. Năm Đồng Quang thứ ba (925) nhà Hậu Đường, Ngô Việt Vương Tiền Liêu dựng chùa Khai Nguyên khác ở bên cạnh chùa Thụy Quang phía trong Bàn Môn vì trong năm Kiến Hưng nguyên niên (313) đời Tấn Mẫn Đế, hai tượng Phật bằng đá từ biển trôi tấp vào, được xây điện thờ bằng gạch không có rui kèo để thờ. Từ đời Đường Hy Tông, Ngô Việt Vương Tiền Liêu đã chinh phạt Hoàng Sào[318], dẹp tan Đổng Xương, tận trung với nhà Đường, được phong vương vào thời Chiêu Tông, cai quản xứ Ngô Việt, đạo pháp hưng thịnh lớn lao. Thời Ngũ Đại, chỉ có xứ Ngô Việt là yên ổn nhất do mấy đời vua đều tin Phật, trọn không cai trị hà khắc.

---

[317] Tôn Nho chính là bộ tướng của Tần Tông Quyền (một trong các tướng cướp đầu hàng Hoàng Sào). Sau khi Hoàng Sào chết, Tần Tông Quyền xưng đế, sai Tôn Nho đánh Lạc Dương, Trịnh Châu v.v… Khi bị Châu Ôn đánh bại, Tần Tông Quyền gọi em là Tần Tông Xung và Tôn Nho về tiếp cứu, Tôn Nho bèn giết Tông Xung, tự xưng vương, chiếm cứ một giải các quận huyện dọc miền Dương Châu. Nhà Đường khi ấy quá suy yếu, phải phong cho hắn làm Hoài Nam Tiết Độ Sứ. Tôn Nho đánh nhau liên tiếp với Dương Hành Mật để giành quyền làm chủ vùng Hoài Nam. Cho đến năm 892, Tôn Nho đem quân sang đánh Dương Hành Mật tại Tuyên Châu, bị họ Dương dùng kế tiêu thổ kháng chiến vây hãm. Cuối cùng, quân lương hết, Tôn Nho bị họ Dương xử tử. Một bộ tướng của Tôn Nho là Mã Ân chạy thoát chiếm cứ miền Hồ Nam, xưng đế, lập quốc, Sử gọi là nước Mã Sở.

[318] Hoàng Sào vốn là con một người buôn muối, thi rớt tiến sĩ, phẫn chí bèn cùng với con là Hoàng Quỹ và cháu là Hoàng Ân Nghiệp tập hợp những tay du thủ du thực, dựng cờ khởi nghĩa tại Oan Cú (nay thuộc thành phố Hà Trạch, tỉnh Sơn Đông) với chiêu bài "thế thiên hành đạo, cứu khổ dân nghèo" để lật đổ nhà Đường vào năm Càn Phù thứ hai (875). Thế lực của Hoàng Sào phát triển nhanh chóng, chiếm lĩnh một vùng đất rộng lớn từ Sơn Đông đến các tỉnh Hồ Bắc, An Huy, chiếm được cả kinh đô Trường An của nhà Đường, xưng đế, lấy quốc hiệu là Đại Tề, niên hiệu là Kim Thống. Nhờ sự phản bội một đại tướng của Hoàng Sào là Châu Ôn và đội quân dũng mãnh của tướng quân Lý Khắc Dụng người tộc Sa Đà, quân của Đường Hy Tông mới có thể phản công, tái chiếm lại Trường An. Đôi bên đánh nhau dằng dai mãi đến ngày 13 tháng 7 năm 884 Hoàng Sào bị bộ hạ là Lâm Ngôn ám sát, cuộc phản loạn mới được dẹp yên.

Đến năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba đời Tống Thái Tông, [Ngô Việt Vương] hiến hết khu vực cai quản cho nhà Tống. Trong tám chín chục năm ấy, đối với Phật hay đối với Nho đều có quan hệ lớn lao không gì hơn được! Trong niên hiệu Hiển Đức (954-960) nhà Châu thời Ngũ Đại, tại nền cũ của chùa Khai Nguyên, Tiền vương đã xây lại chùa, dời biển ngạch của chùa Báo Ân từ núi Chi Hình về đấy, đấy là nguồn gốc của tên chùa Báo Ân vậy. Đến niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085) đời Tống Thần Tông, trùng tu chùa tháp, Tô Đông Pha bỏ ra con rùa đồng để chứa xá-lợi, từ đấy có lúc hưng, lúc suy lắm phen. Đầu đời Vạn Lịch nhà Minh, chùa tháp lại bị cháy rụi, do vị Tăng là Tánh Nguyệt đảm nhiệm trùng hưng. Đến khi vị Tăng tên Như Kim đến đây, sư Tánh Nguyệt liền giao phó lại cho Như Kim. Sư Như Kim nói rộng về nhân quả, hiển hiện đại thần lực khiến cho đàn-việt tín thí tụ tập như mây nhóm, dốc hết công sức suốt chín năm trời. Năm Khang Hy thứ năm (1666) đời Thanh, pháp sư Nhất Nguyên muốn trùng tu, gặp đúng dịp Thái Phó[319] Kim Văn Thông Công cáo lão hồi hưu, do vậy bèn khuyên dụ, đề xướng trùng tu khiến cho chùa có quy mô lớn hơn trước. Năm Đạo Quang 16 (1836), vị thân sĩ trong ấp là Phan Mai Khê tự mình bỏ ra một khoản tiền lớn để sửa sang như mới.

Năm Quang Tự 24 (1898), lão pháp sư Mẫn Hy đến đất Tô, thân sĩ trong ấp do thấy tháp chùa Báo Ân đã hư sụp, muốn cậy vào đức độ, danh tiếng của lão pháp sư để khôi phục bèn thỉnh Ngài làm Trụ Trì. Pháp sư bằng lòng, nhưng chưa kịp khởi công đã viên tịch. Pháp đồ là sư Vịnh Hà cực lực đảm đương, lệnh đồ tôn[320] là sư Chiêu Tam giúp sức. Ông cháu hai người dốc cạn sức lực trông nom, đốc thúc, mới khởi công được nửa năm, sư Vịnh Hà mất, khi ấy là năm Quang Tự 31 (1905). Sư Chiêu Tam kế nghiệp làm Trụ Trì, nhọc nhằn lo toan cho tới năm sau ngôi tháp chín tầng và các điện đường đều được hoàn chỉnh.

Cho đến bây giờ đã hơn ba mươi năm, mưa gió vùi dập, gỗ mục, ngói vỡ, trung tuần tháng Năm năm nay, góc cạnh của tầng thứ tám nơi đỉnh tháp đột nhiên bị sụt lở, từ trên xuống dưới tầng nào cũng bị hư hoại. Nếu chẳng cấp tốc tu bổ, sau này sẽ khó thể nào duy trì được. Cụ Chiêu Tam cầm tự chí đến

---

[319] Thái Phó là một chức quan đã có từ đời Châu, có quyền lực rất lớn, cùng với Thái Sư, Thái Bảo được xưng là Tam Công, khi vua còn nhỏ họ nắm toàn quyền cai trị. Thái Sư tương đương với Tể Tướng trong những đời sau. Đến đời Tùy - Đường, ba chức vụ này gọi là Tam Sư để phân biệt với Tam Công là Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không. Trải qua các triều đại, ba chức vụ này dần dần mất thực chất, có lúc bị phế bỏ, hầu như chỉ còn hư vị. Đến thời Minh - Thanh, Thái Phó, Thái Sư, Thái Bảo lại được gọi là Tam Công, tuy được xếp vào ngạch Chánh Nhất Phẩm nhưng hoàn toàn là hư vị. Tam Công thường do đại thần kiêm nhiệm, được coi như cố vấn của nhà vua khi cần thiết. Chức Thái Phó thường do các vị quan từng giữ chức Thái Tử Thái Phó (tức vị thầy dạy học cho vua khi vua còn là Thái Tử) kiêm nhiệm.

[320] Sư Chiêu Tam là đồ đệ của học trò sư Vịnh Hà nên gọi là "đồ tôn", vì thế, trong phần sau mới nói "ông cháu hai người".

[cho Bất Huệ xem] và kể lể tình trạng hiện thời, tính quyên mộ để sửa chữa, cậy Bất Huệ soạn một bài văn thuật duyên khởi, khẩn cầu mười phương tể quan, trưởng giả, hàng thiện tín v.v… phát Bồ Đề tâm, hành phương tiện sự, bỏ tiền của chẳng bền chắc để vun bồi phước đức vô tận, sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, điều tốt lành đua nhau xảy đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại hưởng năm thứ phước như Cơ Tử đã luận, quế lan xum xuê, hậu duệ hưởng trăm điều tốt lành như trong bài giáo huấn của Y Doãn.

34. Duyên khởi trùng tu Niệm Phật Đường và mở liên xã tại chùa Tư Phước, Phụ Dương

(năm Dân Quốc 26 - 1937)

Trong thánh giáo của Như Lai pháp môn vô lượng, tùy ý nương theo một pháp nào đó, dùng Bồ Đề tâm tu trì cũng đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo. Nhưng khi đang tu còn chưa chứng, sẽ có sự khó - dễ, nhanh - chậm rất lớn. Cầu lấy pháp viên mãn nhất, nhanh chóng nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, vừa khế cơ lẫn khế lý, vừa là tánh vừa là tu, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt để trời, người, phàm, thánh chứng Chân thì không chi bằng một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ấy là vì hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn Niệm Phật cậy thêm Phật lực. Cậy tự lực thì nếu chưa đoạn sạch Phiền Hoặc sẽ chẳng thể vượt thoát tam giới, còn cậy vào Phật lực thì tín nguyện chân thành, thiết tha sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Người trong thời hiện tại muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này sẽ trọn chẳng có hy vọng gì!

Cần biết rằng: Pháp môn Tịnh Độ pháp nào cũng viên thông, như vầng trăng vằng vặc sáng ngời giữa trời, con sông nào cũng đều hiện bóng. Thủy ngân rớt xuống đất, viên nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng gì cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thế, yên dân, trị quốc, giữ yên cõi bờ đều có lợi ích lớn lao, mà ngay cả sĩ, nông, công, thương, muốn phát triển sự nghiệp, già, trẻ, trai, gái muốn tiêu diệt bệnh tật khổ sở, không gì chẳng tùy theo lòng cảm mà ứng, thỏa lòng mãn nguyện. Nay lòng người chìm đắm, cõi đời loạn lạc đã đến mức tột cùng, biến loạn thị - phi, điên đảo đen - trắng, tranh đoạt, lừa gạt, lấn áp cực lực diễn ra. Nếu chẳng cứu vãn thì đạo lý làm người gần như diệt mất. Do vậy, những người hữu tâm các nơi đua nhau đề xướng Phật pháp, nêu tỏ nhân quả ba đời, tỏ rõ sự luân hồi lục đạo, chỉ rõ Sa Bà trược ác, nêu rõ Cực Lạc nghiêm tịnh để mong con người trong cõi đời này sẽ đánh đổ những tư dục xằng bậy, khôi phục lễ nghĩa, hòng còn sống sẽ dự vào bậc thánh, bậc hiền, liễu sanh thoát tử, mất về cõi Cực Lạc.

Chùa Tư Phước ở Phụ Dương là ngôi chùa cổ đã trải mấy triều, được ghi chép trong sách vở. Gần đây, vị Trụ Trì không có tư cách hoằng pháp, những kẻ không biết Phật pháp đua nhau đề xướng duy tân, phá trừ mê tín, toan muốn gấp rút hủy diệt ngôi chùa ấy. Tuy bậc minh triết dùng chánh lý để khuyên nhủ, bọn họ trọn chẳng chịu nghe. Đại biểu hội Phật giáo Phụ Dương là ông Hình Thuần Trai phẫn uất chẳng quản tấm thân, bôn tẩu tỉnh thành, gặp mặt Chủ Tịch là ông Lưu Tuyết Á, xin hãy ra thông cáo bảo vệ. May được ông Lưu tâm hộ pháp thiết tha, lòng yêu dân sâu đậm, lập tức ra thông cáo ngăn cấm nên mới giữ được chùa. Nhân sĩ địa phương do nghĩ Phật pháp lý trí cao sâu, lợi ích rộng lớn liền nghĩ đến chuyện Tư Phước là chỗ danh thắng của đất Dĩnh[321], từ xưa đến nay nhân dân gội ân đội đức của Phật nhiều khôn kể xiết, chẳng nỡ để mặc cho chùa hoang lương. Do vậy, lại tính chuyện phục hưng.

Hiện thời đã tạo dựng năm gian Niệm Phật Đường, thỉnh pháp sư Bỉnh Sơ tạm thời chủ trì chuyện ấy, tính thỉnh bao nhiêu đó vị sư có giới đức an trụ nơi đó để tu trì Tịnh nghiệp quanh năm. Mồng Một, ngày Rằm mỗi tháng tín sĩ tại gia tụ tập niệm Phật một ngày để giúp cho việc đề xướng. Buổi chiều, sau khi Niệm Phật xong, bất luận là Tăng hay tục đều có thể giảng diễn ý chỉ niệm Phật lớn lao và pháp "ở trong trần lao học đạo, sống nơi rẫy bái mà báo đền đất nước" cùng với sự "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" và lý "thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để hết thảy mọi người đều biết duyên do "ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật" sẽ trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều chăm chú mong thành thánh, học thành Phật. Đấy chính là pháp môn đại phương tiện "chẳng giữ địa vị mà bảo vệ đất nước, cứu dân, thay đổi phong tục nhưng chẳng lộ dấu vết". Nguyện dù Tăng hay tục đều cùng gắng công thì lợi ích ấy càng thêm lớn lao vậy.

35. Trình bày về việc quyên mộ in cuốn Quán Thế Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

(năm Dân Quốc 14 - 1925, lược đi phần trình bày về biện pháp)

Quán Thế Âm Bồ Tát trong quá khứ đã thành Phật từ lâu trong vô lượng kiếp trước, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi tha thiết, lòng cứu khổ ân cần, chẳng lìa Tịch Quang, hiện hình trong chín giới, trong mười phương vô lượng thế giới tùy loại hiện thân độ thoát chúng sanh. Phẩm Phổ Môn nói *"nên dùng thân nào để độ được, liền hiện thân ấy để thuyết pháp"*. Tuy là mười phương thế giới không cõi nào chẳng hiện thân, nhưng đối với

[321] Dĩnh là tên vùng đất (gồm các huyện Dĩnh Thượng, Dĩnh Châu, Dĩnh Đông và Dĩnh Tuyền) thuộc lưu vực con sông Toánh (thường đọc thành Dĩnh), trực thuộc sự quản hạt của thành phố Phụ Dương, tỉnh An Huy.

thế giới Sa Bà nhân duyên rất sâu. Tuy những thân trong mười pháp giới không thân nào chẳng hiện, nhưng người đời thường gọi Ngài là Bồ Tát. Tuy những chỗ Ngài ứng hóa trọn khắp hoàn vũ, nhưng Phổ Đà Sơn tại Chiết Giang là nơi rõ ràng nhất.

Ấn Quang được hưởng ân thật lớn, đội ân thật sâu. Thoạt đầu xuất gia tại Nam Ngũ Đài Sơn tại Thiểm Tây, tức là đạo tràng nơi đức Quán Âm hiện thân hàng phục rồng độc. Tiếp đó, sống nhờ ở Phổ Đà trong biển Nam, chính là thánh địa nơi Thiện Tài đi về Nam tham học với đức Quán Âm. Thường nghĩ người đời chẳng biết lòng Từ sâu xa, lòng Bi rộng lớn của Bồ Tát, muốn sưu tập từ Đại Tạng và các sách vở, phàm những hạnh nguyện nơi bổn địa của Bồ Tát và những sự tích Bồ Tát cảm ứng nơi phương này, soạn thành bài văn ca tụng, lại còn chú thích tường tận, để những người cùng hàng trong cõi đời đều biết tấm lòng đại từ bi của ngài Quán Âm, cũng như thật sự thật lý "tùy loại hiện hình, tầm thanh cứu khổ" ngõ hầu [ai nấy] sẽ đều cùng trì thánh hiệu, cùng tiêu nghiệp chướng, cùng tăng phước huệ, khi sống thì làm người thân tâm thanh tịnh, thác sẽ dự vào hội của liên trì hải chúng. Dùng những điều này để uốn nắn lòng người, vãn hồi kiếp vận, ngõ hầu thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tuy đã phát cái tâm ấy, nhưng do học thức thiển cận, kém hèn, bút mực vụng về, chất phác, chưa thể tiến hành ngay được!

Khéo sao nhà đại văn học tỉnh Giang Tây là cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh lên núi thăm viếng, vừa gặp nhau đã thành bạn thiết, do vậy bèn đem chuyện này gởi gắm, ông ta liền vui vẻ chấp thuận rồi lắng lòng soạn thuật suốt cả hai năm ròng, viết ra bản Tụng Văn đến hơn hai vạn chữ. Đối với sự tích trong mỗi câu đều chú thích sau mỗi đoạn văn để người đọc vừa xem liền hiểu rõ ngay, tổng cộng gồm ba quyển. Lại sao lục những nghĩa trọng yếu trong kinh, đặt tên là Kinh Chứng (những dẫn chứng trích từ kinh điển) gồm một quyển, ghi kèm vào sau Tụng Văn. Lại còn có Kim Cang Kinh Công Đức Tụng một quyển cũng ghi kèm vào sau để người tụng kinh niệm Phật đều biết phương hướng, cốt sao từ phàm tâm thấy được Phật tâm, thỏa mãn nguyện độ sanh của Như Lai. Hiện nay, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, thế đạo nhân tâm suy hãm đến cùng cực, riêng nhờ vào cuốn sách này để dẫn đường hòng đẩy lui con sóng cuồng, nâng đỡ thế đạo, cùng lên bậc thánh, cùng chứng Bồ Đề. Nay đã sắp chữ, cho khắc in, nguyện những thiện tín có sức đều cùng bỏ ra tịnh tài ngõ hầu những người cùng hàng trong khắp cõi đời ai nấy đều được gội từ ân của Quán Âm Bồ Tát, để rồi cùng được đích thân chứng đắc Phật tánh vốn có, viên mãn vô thượng giác đạo, một tấm lòng khăng khăng như thế mà thôi! (phần sau lược đi)

VI. Câu đối

Bắt nguồn từ đầu đời Tống, Thục Hậu Chúa Mạnh Sưởng[322] *[viết câu đối] mừng Xuân mới. Từ đấy, Tăng - tục đều [dùng câu đối] để tán tụng công đức, nêu tỏ đạo nhiệm mầu, giãi bày những điều ấp ủ trong lòng, hoặc nhờ đó để khuyên nhủ những người cùng hàng. Bộ Vân Thê Pháp Vựng*[323] *từng chép những câu đối, nay noi theo dấu thơm để đổi lấy một trận cười.*

Ấn Quang ghi.

1. Câu đối tán dương Phật Thích Ca

a) *Hạ Đâu Suất nhi giáng thần, trụ thế bát thập kỳ niên, linh cửu giới chúng sanh triệt kiến bản lai chân diện mục.*
Đổ minh tinh nhi ngộ đạo, đàm kinh tam bách dư hội, tỉ đại thiên Phật tử phục quy nguyên hữu cựu gia hương
(Từ Đâu Suất giáng thần, trụ thế suốt tám mươi năm khiến cả chín giới chúng sanh thấy tột cùng bản lai chân diện mục,
Thấy sao Mai ngộ đạo, giảng kinh hơn ba trăm hội hòng Phật tử khắp cõi đại thiên trở về lại chốn quê hương sẵn có)

b) *Phật ứng Tây Càn, độ chúng sanh dĩ ngộ chứng Bồ Đề, cố cảm thiên long thường ủng hộ.*
Pháp lưu Đông Độ, khai văn hóa nhi chấn phát lung quý, trí linh hiền trí tận quy tông.
(Phật ứng hiện trời Tây, cứu độ chúng sanh, ngộ chứng Bồ Đề, nên cảm trời - rồng thường ủng hộ.
Pháp truyền sang xứ Đông, mở mang văn hóa, rúng động điếc - đui, khiến cho hiền - trí đều quy ngưỡng)

---

[322] Mạnh Sưởng (919-965) vốn tên là Nhân Tán, tự Bảo Nguyên, là con thứ ba của Cao Tổ (Mạnh Tri Tường) nhà Hậu Thục (nước Hậu Thục nằm lọt giữa các tỉnh Cam Túc và Thiểm Tây hiện thời. Tiết Độ Sứ Tây Xuyên là Mạnh Tri Tường nhân dịp nhà Hậu Đường diệt Tiền Thục, đất nước loạn lạc, bèn chiếm Tây Xuyên và Đông Xuyên, xưng đế, lập ra nước Thục). Lúc mới lên ngôi, Mạnh Sưởng chăm lo việc nước, khiến nước Hậu Thục hùng mạnh, bờ cõi mở rộng đến tận Trường An. Về sau, vua đam mê dục lạc, rượu chè be bét, hoang dâm vô độ, xa xỉ vô cùng, ngay cả bô đi tiểu cũng chế bằng ngọc quý, do vậy triều chánh nát bét, cuối cùng nước Hậu Thục bị nhà Bắc Tống diệt vong. Nhà Tống đem Mạnh Sưởng về giam lỏng tại Biện Kinh, phong tước Tần Quốc Công. Mạnh Sưởng mất năm Càn Đức thứ ba (965) đời Bắc Tống. Có thuyết nói Mạnh Sưởng bị Tống Thái Tổ đầu độc chết.

[323] Vân Thê Pháp Vựng là một tác phẩm tổng hợp các trước tác của đại sư Vân Thê Liên Trì Châu Hoằng, bao gồm ba mươi mốt tác phẩm. Công trình biên tập này khởi sự từ năm Thiên Khải thứ tư (1624) với sự tham gia của mười bảy vị danh tăng như Đại Hiền, Đại Văn, Đại Sâm… và mười sáu vị danh sĩ như Vương Vũ Xuân, Trâu Uông Minh v.v… biên tập, giảo đính, in khắc ròng rã suốt mười năm mới hoàn thành. Năm Quang Tự 25 (1891), bộ Vân Thê Pháp Vựng được khắc in lại, bổ sung thêm những cuốn Vân Thê Di Cảo, Vân Thê Quy Ước, Vân Thê Tháp Kệ Tán v.v…

c) *Tam Hoặc tận nhi nhị tử vong, nhất trần bất lập,*
Ngũ Uẩn không nhi lục căn tịnh, vạn đức viên chương
(Tam Hoặc hết, nhị tử tiêu, mảy trần chẳng lập,
Ngũ Uẩn không, sáu căn sạch, muôn đức trọn bày)

d) *Viên ngộ Tạng tánh, triệt chứng tự tâm, đạo thông thiên địa hữu hình ngoại*
Từ khởi vô duyên, bi vận đồng thể, ân biến thánh phàm hàm thức trung.
(Viên ngộ Tạng tánh, chứng tột tự tâm, đạo thông trời - đất, vượt khỏi hữu hình,
Khởi vô duyên từ, vận bi đồng thể, ân trùm thánh - phàm, thấu cùng hàm thức).

e) *Ký hữu tình cộng chứng chân thường bản tịch diệt tâm, thuyết viên thông pháp,*
Kỳ hàm thức đồng đăng giác ngạn, y nhất thật đạo, khai phương tiện môn.
(Mong hữu tình cùng chứng tâm chân thường sẵn tịch diệt, nói pháp viên thông,
Cầu hàm thức đều lên bến giác nương đạo nhất thật, mở cửa phương tiện)

f) *Hoa Nghiêm đốn diễn viên tông, độc bị thượng căn, thượng vị tất phù xuất thế độ sanh chi hoằng thệ,*
Hạnh Nguyện đạo quy Cực Lạc, toàn thâu cửu giới, phương kham đại sướng thành đạo lợi vật chi bản hoài.
(Kinh Hoa Nghiêm giảng tông viên đốn, chỉ thích hợp thượng căn, vẫn chưa khế hợp hoằng thệ "độ trọn chúng sanh",
Phẩm Hạnh Nguyện dẫn về Cực Lạc, trọn bao trùm chín giới, mới kham thỏa bản hoài thành đạo lợi muôn loài)

2. Câu đối tán dương A Di Đà Phật

Mạc nhạ nhất xưng siêu Thập Địa
Tu tri lục tự quát tam thừa
(Chớ ngờ một câu siêu Thập Địa
Phải hay sáu chữ trọn tam thừa)

3. Câu đối tán dương Phật Thích Ca

Hoa biểu viên nhân, hiển Như Lai thành thủy thành chung chi đạo
Nghiêm chương thật quả, thị chúng sanh tâm tác tâm thị chi môn.
(Hoa biểu thị viên nhân, tỏ rõ đạo thành thủy thành chung của Như Lai

Nghiêm trang bày thật quả, chỉ bày môn "tâm làm, tâm là" nơi chúng sanh).

4. Câu đối tán dương Phật Di Đà

a) *Như Lai chửng tế vô phương, quảng độ chúng sanh tu độ ngã*
Ngô bối linh bình một ký, bất niệm Di Đà cánh niệm thùy?
(Như Lai cứu vớt khôn ngằn, muốn rộng độ chúng sanh phải độ ta [trước đã],
Bọn ta lênh đênh không nơi nương tựa, chẳng niệm Di Đà còn biết niệm ai?)

b) *Y hoằng thệ nguyện, kiến chiết nhiếp chi pháp môn, đản khẳng nhất tâm trì danh, tự nhĩ tiềm phù Thật Tướng, tỉ tứ thánh lục phàm đồng chứng chân thường, cố đắc cửu giới hàm quy, thập phương cộng tán.*
Dĩ đại từ bi, lập yếm hân chi thắng hạnh, nhược năng sơ độ thác chất, hà nan đốn nhập Tịch Quang, đạo tam thừa ngũ tánh tề đăng tịnh vực, nhân tư thiên kinh câu xiển, vạn luận quân tuyên.
(Nương thệ nguyện rộng sâu, lập pháp môn chiết - nhiếp[324], chỉ cần nhất tâm trì danh, từ đấy ngầm hợp Thật Tướng, khiến tứ thánh lục phàm cùng chứng chân thường, nên được chín giới đều hướng về, mười phương cùng khen ngợi.
Dùng từ bi rộng lớn, tạo thắng hạnh ưa - chán, nếu được sanh về Sơ Độ[325], khó gì mau nhập Tịch Quang, dẫn tam thừa ngũ tánh đều lên cõi tịnh, do vậy ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói)

c) *Ưng đương phát nguyện, nguyện vãng sanh, khách lộ khê sơn, thiết mạc tùng đầu tái quyến luyến.*
Tự thị bất quy, quy tiện đắc, cố hương phong nguyệt, trực tu toàn thể tổng thân thừa.
(Hãy nên phát nguyện, nguyện vãng sanh, núi khe nẻo khách, từ rày thôi quyến luyến.
Tự mình chẳng về, về liền được, gió trăng quê cũ, toàn thể hãy tự vâng)

d) *Thành tựu lục bát đại nguyện, cư Tây Phương dĩ tác Phật, cử Hoa Tạng thế giới chư trang nghiêm viên chương Tịnh Độ,*
Mẫn niệm cửu phẩm hàm linh, hướng Đông vực nhi thùy từ, dẫn Sa Bà quốc trung chúng nam nữ đồng vãng liên bang.
(Thành tựu bốn mươi tám đại nguyện, làm Phật chốn Tây Phương, toàn thể thế giới Hoa Tạng trang nghiêm trọn phô Tịnh Độ,
Nghĩ thương khắp chín phẩm hàm linh, rủ lòng Từ Đông độ, dẫn khắp cõi nước Sa Bà nam nữ cùng đến liên bang)

---

[324] Chiết nhiếp: Chiết phục và nhiếp thọ.
[325] Tức Phàm Thánh Đồng Cư Độ.

e) *Xả Tây quy tiệp kính, cửu giới hữu tình thượng hà dĩ viên thành giác đạo? Ly Tịnh Độ pháp môn, thập phương chư Phật hạ bất năng phổ lợi quần manh*
(Bỏ đường tắt Tây Phương, chín giới hữu tình trên lấy gì để viên thành giác đạo?
Lìa pháp môn Tịnh Độ, mười phương chư Phật dưới chẳng thể lợi khắp quần manh)

g) *Ngũ trụ nhị chấp, mông quang đốn viên phù tứ đức,*
Tam thừa lục đạo, khắc niệm định chứng ư Nhất Chân,
(Ngũ trụ nhị chấp[326], nương quang nhanh chóng viên thành Tứ Đức,
Tam thừa lục đạo, quyết lòng chắc chắn chứng nhập Nhất Chân)

h) *Phật nguyện hoằng thâm, thập phương cộng tán,*
Sanh tâm khẩn đáo, cửu giới đồng quy
(Nguyện đức Phật rộng sâu, mười phương cùng khen ngợi,
Tâm chúng sanh gấp tới, chín giới đều hướng về)

i) *Thọ lượng vô biên, thụ cùng tam tế,*
Quang minh hữu tượng, hoành biến thập phương.
(Thọ lượng không ngằn mé, theo chiều dọc tột cùng ba đời,
Quang minh hiện hình ảnh, theo chiều ngang trọn khắp mười phương)

j) *Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn,*
Lạc bang hữu lộ, khởi tín tức sanh
(Biển khổ vô biên, quay đầu là bờ,
Cõi vui có nẻo, tin tưởng liền sanh)

---

[326] Ngũ Trụ, gọi đủ là Ngũ Trụ Phiền Não, tức năm thứ căn bản làm nơi nương tựa cho hết thảy phiền não, gồm:
1) Kiến Nhất Thiết Xứ Trụ Địa: gồm những Kiến Hoặc trong tam giới như Thân Kiến v.v…
2) Dục Ái Trụ Địa: tức những phiền não trong Dục Giới, nhưng không kể Vô Minh và Kiến, bao gồm những phiền não liên quan đến ngũ dục bên ngoài (sắc, thanh, hương, vị, xúc).
3) Sắc Ái Trụ Địa: gồm những phiền não trong Sắc Giới, nhưng không kể Kiến Hoặc và Vô Minh, tức những phiền não do đã lìa bỏ Ngũ Dục nhưng vẫn chấp trước mê đắm nơi sắc thân của chính mình.
4) Hữu Ái Trụ Địa: gồm hết thảy vô minh trong Vô Sắc Giới, không tính Kiến Hoặc và Vô Minh, tức những phiền não do đã lìa bỏ tham sắc nhưng vẫn chấp trước mê đắm nơi sắc thân của chính mình.
5) Vô Minh Trụ Địa: gồm hết thảy những thứ vô minh.
Nhị Chấp là Ngã Chấp và Pháp Chấp.

k) *Duy kỳ Ngũ Trược đốn không, nhậm tha hương vô nhân phần, địa vô nhân tảo,*
Thảng đắc Nhất Chân cộng chứng, tự nhĩ nguyện linh ngã mãn, tâm linh ngã an
(Chỉ mong mau không Ngũ Trược, nào quản hương không người thắp, đất không người quét,
Nếu được cùng chứng Nhất Chân, từ đấy nguyện khiến ta thỏa, tâm khiến ta an)

5. Câu đối tán dương Phật Di Lặc

Bảo các phú thập hư, uyển nhược không hàm vạn tượng,
Phân thân biến trần sát, trực đồng nguyệt ấn thiên giang
(Gác báu rợp mười phương, giống hệt hư không chứa muôn hình tượng,
Phân thân khắp cõi trần, nào khác vầng trăng in bóng ngàn sông)

6. Câu đối tán dương Phật Di Đà

a) *Tế độ vô phương, lân y thể nhất,*
Tân lương võng trắc, mẫn bỉ mê thâm.
(Tế độ khôn ngằn, xót chúng sanh vốn cùng một thể,
Bến bờ nào thấu, thương hữu tình mê muội sâu xa)

b) *Thệ nguyện hoằng thâm, thập phương cộng tán*
Từ bi quảng đại, cửu giới đồng quy
(Thệ nguyện rộng sâu, mười phương cùng khen ngợi,
Từ bi rộng lớn, chín giới đều nương về)

7. Câu đối tán dương ngài Di Lặc

a) *Thản phúc tiếu dung nhiếp hải chúng,*
Phân thân tán ảnh thị thời nhân.
(Bụng rộng mặt cười nhiếp hải chúng,
Phân thân hiện bóng dạy người đời)

b) *Yến tọa đẳng nhân lai, dự nhiếp Long Hoa hội lý hữu duyên chi bối*
Phùng cơ dĩ tiếu ứng, viên chương đại đỗ bì trung vô sở bất dung
(Ngồi lặng đợi người đến, nhiếp sẵn hạng hữu duyên trong hội Long Hoa,
Gặp căn cơ bèn cười, phô trọn bụng to đùng không gì chẳng chứa)

c) *Lâu các môn khai, viên chương pháp giới tu nhân sự,*

Từ bi nguyện phổ, dự nhiếp Long Hoa chứng quả nhân
(Cửa lâu các mở, trọn bày sự tu nhân nơi pháp giới,
Từ bi nguyện khắp, nhiếp sẵn người chứng quả hội Long Hoa)

8. Câu đối tán dương đức Quán Âm

Hữu cảm tức thông, thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,
Vô cơ bất bị, vạn lý vô vân vạn lý thiên.
(Có cảm gì liền thông, ngàn sông in bóng nước ngàn trăng,
Không căn nào chẳng ứng, vạn dặm không mây vạn dặm trời)

9. Câu đối tán dương đức Phật

Triệt chứng Nhất Chân pháp giới, Tam Hoặc tận nhi nhị tử vong, đức siêu Thập Địa,
Phổ linh cửu loại thánh phàm, Ngũ Uẩn không nhi lục độ cụ, đạo kế Đại Hùng.
(Chứng tột Nhất Chân pháp giới, Tam Hoặc hết, nhị tử[327] tiêu, đức siêu việt hàng Thập Địa,
Khiến khắp chín loại thánh phàm, Ngũ Uẩn không, lục độ trọn, đạo thừa kế đấng Đại Hùng)

10. Câu đối tán dương Quán Âm Bồ Tát

a) *Nhất trần bất lập, đắc chân viên thông, hiện tùy loại trục hình chi thân, tầm thanh cứu khổ,*
Ngũ uẩn giai không, chứng đại tịch diệt, y tức tâm tự tánh chi đạo, thuyết pháp độ sanh.
(Mảy trần chẳng lập, đắc chân viên thông, tùy loại theo hình hiện thân, tầm thanh cứu khổ,
Ngũ uẩn đều không, chứng đại tịch diệt, nương đạo tự tánh nơi tâm, thuyết pháp độ sanh)

b) *Vân khởi từ môn, mẫn bỉ mê tình bất dị ngộ,*
Ba đằng nguyện hải, lân y Phật tánh liễu vô thù!
(Mây dấy cửa từ, thương lũ mê tình chưa dễ ngộ,
Sóng trào biển nguyện, xót thay Phật tánh khác chi đâu)

c) *Từ bi tâm thiết, tuy cứu khổ dĩ tầm thanh, thường trụ Lăng Nghiêm đại định,*

---

[327] Nhị tử: Phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử.

Dữ bạt tình ân, túng đậu cơ nhi thuyết pháp, viên chương tịch diệt chân tông.
(Tâm từ bi tha thiết, tuy hay cứu khổ tầm thanh, vẫn thường nhập Lăng Nghiêm đại định,
Lòng cứu vớt ân cần, dẫu thuận căn cơ thuyết pháp, cứ trọn bày tịch diệt chân tông)

d) *Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, thuyết pháp độ sanh, thụ cùng tam tế*
Chứng cực nhất thừa thật tướng, tầm thanh cứu khổ, hoành biến thập phương
(Soi thấy năm uẩn đều không, thuyết pháp độ sanh, dọc cùng tột ba đời,
Chứng cực nhất thừa thật tướng, tầm thanh cứu khổ, ngang trọn khắp mười phương)

e) *Thệ nguyện hoằng thâm, xứ xứ hiện thân thuyết pháp*
Từ bi quảng đại, thời thời cứu khổ tầm thanh
(Thệ nguyện rộng sâu, chốn chốn hiện thân thuyết pháp
Từ bi rộng lớn, luôn luôn cứu khổ tầm thanh)

f) *Pháp pháp viên thông, cố danh Tự Tại*
Đầu đầu hợp đạo, nhân hiệu Phổ Môn
(Pháp nào cũng viên thông, cho nên tên Tự Tại,
Chuyện gì thảy hợp đạo, bởi vậy hiệu Phổ Môn)

g) *Từ khởi vô duyên, ân châu thứ loại,*
Bi hưng đồng thể, đạo khải đa môn
(Dấy lòng từ vô duyên, rộng ban ân muôn loại,
Vận lòng bi đồng thể, mở mối đạo nhiều môn)

11. Câu đối tán dương Thế Chí Bồ Tát

a) *Bổn nguyện bất vi, nhiếp niệm Phật nhân quy Tịnh Độ,*
Phân thân vô lượng, cư Cực Lạc quốc biến thập phương
(Chẳng trái bổn nguyện, nhiếp người niệm Phật sanh về Tịnh Độ,
Phân thân vô lượng, ngự cõi Cực Lạc trọn khắp mười phương)

b) *Đô nhiếp lục căn, hoạch đại tịch diệt,*
Đơn đề nhất niệm, chứng chân viên thông.
(Nhiếp trọn sáu căn, đắc đại tịch diệt,
Chỉ khởi một niệm, chứng chân viên thông)

c) *Dĩ trí huệ quang, phổ chiếu nhất thiết,*
Thừa viên thông đạo, quảng độ chúng sanh.

(Dùng trí huệ quang chiếu khắp hết thảy,
Nương viên thông đạo rộng độ chúng sanh)

12. Câu đối tán dương Bồ Tát

Chứng chư Phật bổn diệu giác tâm, tùng tư an trụ Tịch Quang, hưởng chân thường chi pháp lạc,
Mẫn chúng sanh mê Như Lai tạng, cố phục hiện thân trần sát, tác đắc độ chi nhân duyên
(Chứng tâm vốn diệu giác của chư Phật, từ đấy an trụ Tịch Quang hưởng pháp lạc chân thường,
Thương chúng sanh mê tạng tánh Như Lai, nên lại hiện thân trần sát làm nhân duyên đắc độ)

13. Câu đối đề Phật điện

Minh hiển hàm gia, ân du phụ mẫu
Thánh phàm phổ lợi, đức mại khung thương
(Ngầm lẫn hiển đều gia hộ, ân hơn cha mẹ,
Thánh cùng phàm đều lợi khắp, đức quá trời cao)

14. Câu đối tán dương đức Vi Đà hộ pháp

Bồ Tát hóa thân, phụ chánh tồi tà hoằng thánh giáo,
Đồng chân nhập đạo, an bang hộ quốc, độ quần mê.
(Bồ Tát hóa thân, giúp chánh dẹp tà, hoằng dương thánh giáo,
Đồng chân nhập đạo[328], yên cõi vững bờ, rộng độ quần mê)

15. Câu đối tán dương Vi Đà Bồ Tát ở Phổ Đà

Hộ pháp an tăng, tỉ hữu tình cộng nhập Phổ Môn, mãn Quán Âm nguyện,
Hàng ma chế ngoại, linh hàm thức tề đăng giác ngạn, toại Thiện Thệ tâm
(Hộ pháp, giữ yên Tăng chúng, mong hữu tình cùng nhập Phổ Môn, thỏa tâm đức Quán Âm,
Hàng ma, chế phục ngoại đạo, khiến hàm thức đều lên bờ giác, toại lòng đấng Thiện Thệ[329])

---

[328] Đồng chân nhập đạo: xuất gia từ lúc còn thơ ấu.
[329] Thiện Thệ (Sugata), đôi khi còn phiên âm là Tu Già Đà, Tô Yết Đa, hoặc dịch nghĩa là Thiện Khứ, Thiện Giải, Thiện Thuyết Vô Hoạn, Thuyết Hảo, Hảo Khứ, là một trong mười hiệu chung của chư Phật. Danh hiệu này tán dương đức Phật khéo nhập đủ mọi thứ Chánh Định rất sâu, có vô lượng trí huệ. Danh hiệu Hảo Thuyết hàm nghĩa đức Phật khéo nói các pháp dựa theo Thật Tướng, chẳng chấp trước pháp ái, khéo quán biết sức trí huệ

16. Câu đối tán dương Thiên Vương ở Phổ Đà

Xí từ vân phổ phú trần hoàn, dĩ thiên vương thân tác Như Lai sứ,
Kỳ pháp vũ quân triêm sa giới, hiện đại nhân tướng trấn viên thông tràng.
(Ngóng mây từ che khắp trần hoàn, dùng thân thiên vương làm sứ giả Như Lai,
Mong mưa pháp thấm đều sa giới[330], hiện tướng đại nhân trấn đạo tràng viên thông)

17. Câu đối tán dương Quan Đế

Hạo khí xung thiên, ngưỡng hiệu nghĩa thiên chi phú tý
Tinh trung quán nhật, thường tùy Phật nhật dĩ chiêu chương
(Hạo khí ngút trời cao, kính học Nghĩa Thiên[331] thường che chở,
Tinh trung lòa nhật nguyệt, thường nương Phật nhật rạng phô bày)

18. Câu đối đề Phật điện

Hạnh mãn quả viên, đạo tam thừa dĩ tề thành giác đạo,
Bi thâm nguyện trọng, chửng tứ sanh nhi cộng giới liên bang
(Hạnh mãn quả viên, dẫn tam thừa đều thành giác đạo,
Bi sâu nguyện nặng, độ tứ sanh cùng đến liên bang)

19. Câu đối tán dương tượng Quán Âm được thờ tại giếng Tiên Nhân thuộc Phổ Đà

Bi nguyện hoằng thâm, cố tùng cá lý dũng cam lộ,
Từ ân hạo đãng, trí sử hoàn khu tận kiệt thành
(Bi nguyện rộng sâu, nên từ chốn này vọt lên cam lộ,
Từ ân lồng lộng, khiến khắp trần gian cạn tấc lòng thành)

20. Câu đối đề tại điện Phật

---

của đệ tử để giảng pháp khế cơ, khế lý. Khi dịch là Thiện Thệ thì có nghĩa là "đúng như thật đến được bờ bên kia (bờ giải thoát), chẳng còn nổi trôi trong biển sanh tử". Nói chung, danh hiệu này nhằm tán dương sự tự tại giải thoát của Phật Quả cũng như công năng thuyết pháp mầu nhiệm phát lộ từ Phật tánh.

[330] Sa giới: Các thế giới số lượng nhiều như cát.

[331] Nghĩa Thiên: nói đầy đủ là Đệ Nhất Nghĩa Thiên, hay Đệ Nhất Nghĩa Tịnh Thiên, danh xưng để chỉ những vị Phật, hay nói rộng hơn là các vị Bồ Tát đã trụ Đại Niết Bàn, hoặc hiểu rộng hơn nữa là các vị Bồ Tát từ Thập Trụ trở lên. Do các vị ấy đã khéo hiểu các nghĩa, nên ví diệu lý Đệ Nhất Nghĩa như Thiên (theo Pháp Hoa Huyền Nghĩa quyển 4).

Giáo diễn Thiên, Viên, thống cửu giới nhi tề độ,
Đức toàn phước huệ, siêu Thập Địa dĩ độc tôn.
(Giáo giảng Thiên, Viên, độ trọn khắp chín giới,
Đức tròn phước huệ, độc tôn hơn Thập Địa)

21. Câu đối tại Trí Tích Điện ở Linh Nham Sơn

Chứng Pháp Hoa nhi lai Linh Sơn, truy tùy Đa Bảo tháp trung Phật
Hiện sắc thân dĩ y Lục đệ, mẫn niệm Diêm Phù thế thượng nhân
(Để chứng minh pháp hội Pháp Hoa, đến Linh Sơn, theo hầu Phật trong tháp Đa Bảo,
Hiện thân trị bệnh em tể tướng Lục Tượng Tiên, nghĩ thương người đời cõi Diêm Phù)

22. Câu đối tán dương ngài Trí Tích ở Linh Nham

a) *Linh Nham linh tích hữu vĩnh phù, túc hiển luân hồi khoáng viễn,*
Trí Tích trí mưu khải Lục tướng, dụng chương Phật đạo uyên thâm
(Linh Nham dấu thiêng hãy còn vĩnh viễn, đủ rõ luân hồi xa vời,
Trí Tích khôn khéo khơi gợi Lục tướng[332], nhằm phô Phật đạo thẳm sâu)

b) *Thánh đức nan tư, đặc hiện tượng thân thuyết pháp yếu,*
Bi tâm vô ký, vĩnh lưu bổn tự tác bình mông
(Thánh đức khó lường, riêng hiển hiện thân tượng nói pháp yếu,
Bi tâm vô ký[333], mãi lưu lại chùa này để chở che)

23. Câu đối đề tại Tàng Kinh Các

Như Lai quảng vận từ bi, sướng đàm tam tạng thậm thâm chi diệu điển, phổ sử chúng sanh khai phát Bồ Đề, tiêu dung hoặc nghiệp, đãng hôn mê nhi phục thường tịch chiếu, nhiếp quả giác nhi tổng tác nhân tâm, trực đồng lộ trích thương minh, tiện thị uông dương đại hải, chân đào hóa dục, lợi ích nan danh, ngã bối hân phùng minh hối, cảm bất tốt niên ngột ngột, y giáo tu hành, triệt để cùng nguyên, ẩm tư nhất vị, tự thử khánh không hậu tế, đạo oán thân dĩ cộng xuất úy đồ, dụng ký ngưỡng thù phù Phật lực.
Hoàng đế bất vong phó chúc, ban bố ngũ thời bí mật chi chân thuyên, tất linh hàm thức văn huân Bát Nhã thanh tịnh căn thân, liễu quái ngại hề hoạch bổn viên thông, tức phàm tình hề toàn chương thánh trí, vô dị trần

[332] Lục tướng: Tể tướng Lục Tượng Tiên.
[333] Vô ký: Không thiện, không ác.

đầu hoa nhạc, đốn thành ngập nghiệp cao sơn, hộ niệm bảo tuy, công huân võng trắc, ngô sài hạnh ngộ chỉ nam, cố đương chung nhật càn càn, kiệt thành trì tụng, đăng phong tạo cực, quán bỉ thái hư, do tư châu biến thập phương, phù bão dữ dĩ tề trăn đạo ngạn, vĩnh kỳ thượng báo ư quân ân.
(Như Lai rộng mở lòng từ bi, giảng thông suốt diệu điển Tam Tạng rất sâu, khiến khắp chúng sanh khơi mở Bồ Đề, tiêu tan Hoặc nghiệp, gột sạch hôn mê, khôi phục tịch chiếu thường hằng, nhiếp quả giác về trọn nội tâm, hệt như giọt sương rơi vào biển thẳm bèn thành biển cả mênh mông, un đúc trưởng dưỡng, lợi ích khôn nêu, bọn mình mừng gặp giáo huấn rạng ngời, dám chẳng quanh năm miệt mài, y giáo tu hành, thấu đáy tột nguồn, uống một vị ấy, từ đấy rỗng toang hậu tế[334], dẫn oán thân cùng thoát nẻo đường kinh sợ, hòng cung kính đáp đền Phật lực.
Hoàng đế thường chẳng quên phó chúc[335], ban bố lời chân thuyên năm thời bí mật, hòng mọi hàm thức nghe tập Bát Nhã, thanh tịnh căn thân, trọn không vướng mắc, thấu đạt viên thông vốn sẵn, dùng phàm tình trọn nêu thánh trí, khác gì hạt bụi vun vào Hoa sơn mau thành núi cao ngất ngưởng, hộ niệm chở che, công huân chẳng xiết, lũ ta may gặp chỉ nam[336] thông tỏ, ắt nên trọn buổi khăng khăng, kiệt thành trì tụng, tới ngọn lên đỉnh, thấy thái hư kia, do đây trọn khắp mười phương, ôm giữ mọi loài cùng ta tới bến đạo, mong vĩnh viễn báo đáp ơn vua)

24. Câu đối đề pháp đường

Huệ diệm trùng trùng, thước phá thiên niên chi ám thất,
Pháp nguyên cổn cổn, tư sanh ngũ tánh chi linh miêu
(Lửa huệ trùng trùng, sáng bừng nhà tối ngàn năm,
Nguồn pháp cuồn cuộn, sanh thành mầm thiêng ngũ tánh)

25. Câu đối đề Tàng Kinh Các

Pháp hải uông dương, thâm thám triệt để chi nguyên, phương khả vị vô cô Phật hóa,
Nghĩa sơn tiêu tuấn, trực thượng tuyệt cao chi đảnh, thỉ kham vân bất phụ kỷ linh
(Biển pháp mênh mông, dò tận đáy nguồn thăm thẳm, mới dám bảo chẳng phụ ơn Phật giáo hóa,

---

[334] Hậu tế là một trong Tam Tế, tức Tiền Tế (hay Sơ Tế), Trung Tế, Hậu Tế (chặng đầu, chặng giữa, chặng sau).
[335] Ở đây Tổ nhắc lại chuyện khi Phật sắp nhập Niết Bàn đã phó chúc các hoàng đế hộ trì lưu thông Phật pháp.
[336] Tức kim chỉ nam.

Núi nghĩa vòi vọi, lên thẳng đảnh cao chót vót, mới đáng nói không phụ bạc tánh mình)

26. Câu đối đề tại Phật điện trong Tàng Kinh Các

Phật quang phổ chiếu thập phương giới
Pháp vũ quân tư ngũ tánh căn
(Phật quang chiếu khắp cõi nước mười phương,
Mưa pháp thấm đều căn cơ ngũ tánh)

27. Câu đối đề Tàng Kinh Các

Ngũ thời ngôn giáo, phi dị phi đồng, vị Thật thi Quyền, khai Quyền hiển Thật, hữu như hải dựng bách xuyên, xuyên phó hải,
Tam thừa đế lý, tức đa tức nhất, do tánh hiện tướng, nhiếp tướng quy tánh, trực tự không hàm vạn tượng, tượng y không.
(Năm thời ngôn giáo, chẳng khác, chẳng đồng, vì Thật bày Quyền, mở Quyền hiển Thật, dường biển cả chứa đựng trăm sông, sông xuôi về biển,
Ba thừa đế lý, vừa nhiều vừa một, do tánh hiện tướng, nhiếp tướng về tánh, hệt hư không bao hàm muôn tượng, tượng[337] nương hư không)

28. Câu đối đề giảng đường

Pháp hội hoằng khai, giáo hạnh tịnh tấn, dục đắc thiên cơ phổ dục, lợi độn tề tu, thị cố lược tư thông đồ, biến sùng đặc biệt, dĩ Hoa Nghiêm viên mãn Bồ Đề chi diệu nhân duy tại đạo quy Tịnh Độ.
Giảng diên đại khải, lý sự song thuyên, nghĩ cầu vạn phái triều tông, thánh phàm đẳng ích, do tư giản khứ tự lực, chú trọng Phật gia, ký Sa Bà cụ túc Hoặc nghiệp chi hàm thức, hiện sanh đồng phó liên trì
(Pháp hội mở rộng, giáo - hạnh cùng tiến, muốn lợi khắp ngàn căn cơ, lợi - độn đều tu, vì thế, bỏ qua đường chung, trọn đề cao pháp đặc biệt, bởi diệu nhân viên mãn Bồ Đề trong Hoa Nghiêm chỉ nhằm dẫn về Tịnh Độ
Giảng tòa khơi lớn, lý - sự cùng giảng, toan cầu trọn muôn phái hướng về, thánh - phàm cùng ích, do vậy, lựa bỏ tự lực, chuyên chú trọng Phật gia hộ, mong hàm thức đầy dẫy phiền nghiệp tại Sa Bà, đời này cùng đến liên trì)
(Cậy vào tự lực gọi là pháp môn theo đường lối thông thường, cậy vào Phật lực gọi là pháp môn đặc biệt. Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã khánh thành giảng đường, sai tôi soạn câu đối, do vậy bèn nêu bày tông chỉ)

29. Câu đối tại Niệm Phật Đường

---

[337] Tượng ở đây là hình bóng, sắc cảnh.

a) *Hà tất vấn thị thùy, thử đạo ư kim chiêu nhật nguyệt,*
Đản năng thường hệ niệm, Phật tâm vô xứ bất từ bi
(Cần gì hỏi là ai[338], đạo này nay đã rạng ngời nhật nguyệt,
Chỉ cần thường hệ niệm, Phật tâm không đâu chẳng từ bi)

b) *Quyết chí cầu sanh, hiệu tích hiền tương thác tựu thác,*
Nhất tâm ức niệm, chí kim nhật nhân vân diệc vân
(Quyết chí cầu sanh, phỏng người hiền thuở xưa đem lầm đáp lạc,
Một lòng nghĩ nhớ, tới nay người nói sao ta cũng nói vậy)

c) *Nhân Giới sanh Định, Định - Huệ viên minh Bồ Đề bổn,*
Do Giáo nhập Tịnh, Tịnh - Thiền quán triệt giác đạo thành
(Bởi Giới sanh Định, Định - Huệ viên minh là cội Bồ Đề,
Do Giáo nhập Tịnh, Tịnh - Thiền quán triệt thành tựu giác đạo)

d) *Lực tu Giới Định Huệ Không tắc vô ngã kiến,*
Thường niệm Từ Bi Hỷ Xả phương khế Phật tâm.
(Tận lực tu Giới - Định - Huệ - Không sẽ không ngã kiến,
Thường luôn niệm Từ - Bi - Hỷ - Xả mới hợp Phật tâm)

e) *Liễu quân đại sự duy tu tịnh*
Sướng Phật bổn hoài tại vãng sanh
(Xong đại sự của ông chỉ có tu tịnh,
Thỏa bổn hoài của Phật ở nơi vãng sanh)

f) *Tam nghiệp tương ứng, vãng sanh hữu phần,*
Lục căn đô nhiếp, kiến Phật vô nan
(Ba nghiệp tương ứng, vãng sanh có phần,
Sáu căn nhiếp trọn, thấy Phật chẳng khó)

g) *Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không, viễn ly điên đảo mộng tưởng,*
Đô nhiếp lục căn tịnh niệm, thượng hợp bổn diệu giác tâm.
(Soi thấy năm uẩn đều không, xa lìa mộng tưởng điên đảo,
Nhiếp trọn sáu căn tịnh niệm, trên hợp giác tâm vốn mầu)

h) *Ngũ uẩn giai không, lục căn câu tịch,*
Nhất trần bất nhiễm, vạn đức viên chương
(Năm uẩn đều không, sáu căn đều lặng,
Mảy trần chẳng nhiễm, muôn đức trọn bày)

---

[338] Thiền gia thường dạy tham cứu câu "niệm Phật thị thùy" (người niệm Phật là ai?)

30. Câu đối đề Tam Giáo Đường

Nho Thích bổn đồng nguyên, đạo tịnh hành nhi bất bột,
Nội ngoại nguyên nhất thể, lý giao hiển nhi di chương
(Nho - Thích vốn cùng nguồn, hai đạo cùng hành không chống trái,
Trong - ngoài nguyên một thể, lý rọi lẫn nhau thêm rạng ngời)

31. Câu đối đề tháp viện ngài Vĩnh Minh

Tông kính viên chiếu, vạn thiện đồng quy, bổn giáo nghĩa nhi tục huệ mạng,
Pháp Hoa nhất bộ, Phật sự bách bát, chấn đại cơ dĩ cảnh ngu ngoan.
(Tông kính chiếu trọn, vạn thiện đồng quy, bổn giáo nghĩa nối tiếp huệ mạng,
Pháp Hoa một bộ, Phật sự trăm tám, dấy đại cơ nhắc nhở bướng ngu)

32. Câu đối đề Trí Giả Phường[339]

Giáo phán ngũ thời, hóa nghi hóa pháp song thuyên, Linh Thứu thân thừa chư Thiện Thệ,
Phật minh lục tức, tâm tác tâm thị tịnh xiển, Chi Na hoằng đạo vô nhị nhân.
(Phán định giáo pháp gồm năm thời, hóa nghi, hóa pháp[340] cùng giảng, non Linh Thứu đích thân hầu chư Thiện Thệ,
Giải nghĩa chữ Phật bằng lục tức, "tâm làm, tâm là" đều phô, cõi Trung Hoa hoằng đạo chẳng một ai bằng)

33. Câu đối đề Khổng Thánh Điện

Kế vãng khai lai, đạo thông thiên địa hữu hình ngoại,
Tổ Nghiêu thuật Thuấn, ân biến phi tiềm dị loại trung.
(Kế thừa người trước, khơi lối kẻ sau, đạo thông trời đất vượt ngoài hữu hình.
Sùng phụng đạo Nghiêu, noi giữ phép Thuấn, ân trùm bay lặn trọn khắp muôn loài)

34. Câu đối đề Như Ý Liêu[341]

---

[339] Trí Giả Phường: Đình kỷ niệm tổ sư Trí Giả, tức Trí Khải đại sư.
[340] Đây là hai thuật ngữ của tông Thiên Thai. Theo Thiên Thai Tứ Giáo Nghi Tập quyển thượng và Pháp Hoa Huyền Nghĩa quyển 1, Hóa Nghi là những hình thức, phương pháp nhằm hướng dẫn, chỉ dạy chúng sanh nhập đạo, Hóa Pháp là nội dung của kinh điển, giáo pháp... Như vậy Hóa Pháp giống như dược tánh, còn Hóa Nghi giống như các món thuốc. Tổ Trí Giả lập ra thuyết Hóa Nghi Tứ Giáo (Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định) và Hóa Pháp Tứ Giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên).

Vạn đức hồng danh thường ức niệm,
Bách ban huyễn bệnh tự tiêu trừ
(Vạn đức hồng danh thường nghĩ nhớ,
Trăm cơn huyễn bệnh tự tiêu trừ)

35. Câu đối đề Địa Tạng Đàn

Hồng nguyện phát thời, sanh mông độ thoát,
Tôn kinh diễn xứ, tội tự tiêu vong
(Nguyện lớn phát lên, chúng sanh được độ thoát,
Tôn kinh vừa giảng, tội chướng tự tiêu vong)

36. Câu đối đề Pháp Hoa Đàn

Đại sự nhân duyên, đoan quy Thật Tướng,
Nhất thừa nguyên bổn, tại báo thân ân.
(Đại sự nhân duyên, đầu mối quy về Thật Tướng,
Cội nguồn Nhất Thừa tại nơi báo ân mẹ cha)

37. Câu đối đề cửa Tam Quan

a) *Kinh thừa Bắc khuyết, Luật xiển Nam Sơn, tục huệ mạng ư tương lai, trực sử phổ thiên hàm thức đốn minh tịch diệt chân tâm, thụ cùng tam tế*
Đạo kế Tây Càn, tông truyền Đông Chấn, khai Phật tri ư đương niệm, hàm linh pháp giới hữu tình triệt ngộ viên thông diệu tánh, hoành biến thập phương.
(Kinh nương cửa Bắc, Luật hoằng non Nam, nối tiếp huệ mạng tới tận tương lai, khiến hàm thức khắp trời mau tỏ chân tâm tịch diệt, theo chiều dọc cùng tột ba đời.
Đạo nối trời Tây, tông truyền xứ Đông, mở bày Phật tri kiến nơi đương niệm, khiến hữu tình pháp giới triệt ngộ diệu tánh viên thông, theo chiều ngang trọn khắp mười phương)

b) *Nghệ Bồ Đề tràng, thú tịch diệt điện,*
Đăng viên thông lộ, nhập giải thoát môn.
(Đến Bồ Đề tràng, tới điện tịch diệt,
Lên đường viên thông, vào cửa giải thoát)

---

[341] Như Ý Liêu chính là tòa nhà dành cho các vị Tăng nằm dưỡng bệnh ở chùa Pháp Vũ. Xin xem 'Sớ quyên mộ xây dựng Như Ý Liêu chùa Pháp Vũ' trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2.

38. Câu đối đề vườn rau

Địa tráng thái căn thô, nhân chân quả chánh,
Phấn đa gia tử đại, đức hậu phước long
(Đất phì nhiêu củ mập, nhân chân quả chánh,
Phân mùn nhiều cà to, đức dày phước thịnh)

39. Câu đối đề sân khấu

a) *Quyền chế bài trường phù giáo hóa*
Xảo thùy minh huấn chấn cương thường
(Phương tiện lập sân khấu để giúp giáo hóa,
Khéo léo nêu minh huấn chấn hưng cương thường)

b) *Ngụ bao biếm, biệt thiện ác, khánh ương phước cực, báo bất sảng ư thục nặc hiền gian, phát quý chấn lung, doãn tác thiên thu tảo giám,*
Phù giáo hóa, chấn cương thường, từ hiếu nhân trung, nghĩa các tận ư quân thần phụ tử, di phong dịch tục, tuân vi vạn thế điển hình
(Ngụ ý khen - chê, phân biệt thiện ác, lành dữ, phước xui, quả báo chẳng sai lành - dữ, hiền - gian, chấn động kẻ đui người điếc, xứng làm gương soi ngàn thu.
Giúp đỡ giáo hóa, chấn chỉnh cương thường, từ hiếu, nhân trung, tiết nghĩa trọn hết vua - tôi, cha - con, thay đổi nề nếp phong tục, tuân theo điển hình muôn đời)

c) *Điển hình thị bỉ tương lai, tỉ cuồng phu khắc niệm tác thánh,*
Gian du tru ư dĩ vãng, thứ tiềm đức đại phát u quang
(Nêu bày gương mẫu cho tương lai khiến kẻ cuồng khắc niệm thành thánh,
Giết lũ gian nịnh trong quá khứ hòng đức ngầm tỏa rạng u quang)

40. Câu đối tại cửa Tam Quan am Pháp Như

Pháp đạo u thâm, trực nhập viên thông diệu cảnh,
Như môn quảng đại, toàn chương tịch chiếu chân tông.
(Pháp đạo thẳm sâu, vào thẳng viên thông diệu cảnh,
Như môn rộng lớn, trọn bày tịch chiếu chân tông)

41. Câu đối mừng lễ truyền giới

Trương giới võng dĩ chấn tông phong, nhị đế viên minh, thành túc truy tung vãng triết,

Bố từ vân nhi giáng pháp vũ, tam căn phổ bị, doãn kham di phạm hậu côn.
(Căng lưới giới để rạng tông phong, nhị đế[342] viên minh, thật đáng noi dấu hiền nhân thuở trước,
Bủa mây từ hòng tưới mưa pháp, ba căn trọn độ, quả xứng nêu gương hậu học mai sau)

42. Câu đối về khóa giảng Thiền Lâm Bảo Huấn[343]

Lãm kính tri tàm hoằng bảo huấn,
Quy kim sư cổ chấn thiền lâm
(Soi gương biết thẹn hoằng dương bảo huấn,
Sửa nay noi cổ[344] rạng rỡ thiền lâm)

43. Câu đối viếng pháp sư

a) *Dĩ cầu sanh đắc cố hương chi phong nguyệt, sanh bổn vô sanh, vô sanh nhi sanh, sanh ư vô sanh chi Tịnh Độ*
Dĩ thị diệt tác hiểm đạo chi đạo sư, diệt thật bất diệt, bất diệt nhi diệt, diệt ư bất diệt chi uế bang
(Lấy cầu vãng sanh để được cảnh gió trăng quê cũ, sanh vốn chẳng sanh, vô sanh nhưng lại sanh, sanh về nơi Tịnh Độ vô sanh,
Dùng hiện tịch diệt để làm đạo sư nơi đường hiểm, diệt thật bất diệt, bất diệt mà vẫn diệt, diệt nơi cõi uế chẳng diệt)

b) *Viên mãn Bồ Đề, thường quang hiện xứ huyễn duyên diệt,*
Trang nghiêm Tịnh Độ, bổn hữu triệt thời chân trí sanh.
(Viên mãn Bồ Đề, thường quang hiển hiện, huyễn duyên diệt,
Trang nghiêm Tịnh Độ, bổn hữu tỏ rồi, chân trí sanh)

44. Câu đối mừng thọ năm mươi tuổi

Hiệu Bá Ngọc chi tri phi, ngũ thập niên khiên vưu, tùng tư tận sám,
Sư Trọng Ni chi lập mạng, bách thiên thế ý phạm, vĩnh dụng tuân hành

---

[342] Nhị Đế: Chân Đế và Tục Đế.
[343] Thiền Lâm Bảo Huấn, còn có tên là Thiền Môn Bảo Huấn, hoặc Thiền Môn Bảo Huấn Tập, là một tác phẩm do sư Tịnh Thiện biên soạn vào đời Nam Tống, ghi chép các giáo huấn của chư tổ sư nhà Thiền đời Tống từ ngài Hoàng Long Huệ Nam đến Phật Chiếu Chuyết Am, gồm hơn 300 thiên, mỗi thiên đều ghi rõ xuất xứ. Cuốn sách này vốn do hai vị Diệu Hỷ Thiện Giác và Trúc Am Sĩ Khuê chùa Vân Môn tỉnh Giang Tây biên soạn, trải qua nhiều năm bị thất lạc phần lớn. Vào niên hiệu Thuần Hy (1174-1189), ngài Tịnh Thiện bèn biên tập chỉnh lý thành bộ Thiền Lâm Bảo Huấn như hiện thời.
[344] Noi gương người xưa để sửa đổi chính mình trong hiện tại.

(Phỏng Cừ Bá Ngọc biết sai, tội lỗi suốt năm chục năm, từ đây sám sạch,
Noi Khổng Trọng Ni lập mạng, hạnh đẹp cả trăm ngàn đời, vĩnh viễn tuân hành)

45. Câu đối viếng vị giảng sư chuyên giảng Lăng Nghiêm

Hội ấm nhập giới nhi đầu đầu hợp đạo, sổ thập niên giáo nghĩa tông phong, đồ thành cảnh ngưỡng,
Mẫn căn trần thức nhi pháp pháp quy chân, nhất sát na nhân viên quả mãn, vĩnh tác tân lương
(Gom ấm - nhập - giới, chuyện gì cũng đều hợp đạo, mấy chục năm giáo nghĩa tông phong, thật đáng ngưỡng mộ,
Diệt căn - trần - thức, pháp nào tất thảy quy chân, một sát-na nhân tròn quả mãn, mãi là cầu bến)

46. Câu đối mừng thọ

Kỷ lập, lập nhân, thị danh thượng thọ,
Tri phi, phi đoạn, khả vị trưởng niên
(Tự lập, lập người, ấy là thượng thọ,
Biết sai, sai dứt, đáng gọi trưởng niên)

47. Câu đối viếng người tu hành cao tuổi

Thiền tâm hư tịch, tịnh nghiệp tinh thuần, mông Phật tiếp dẫn dĩ vãng sanh, bất uổng sổ thập niên lai cư hải đảo,
Đạo mạo oai lăng, thanh thần trác lạc, linh nhân kính úy nhi cảnh ngưỡng doãn kham thiên bách thế hậu tác điển hình
(Tâm thiền trống lặng, tịnh nghiệp tinh thuần, được Phật tiếp dẫn vãng sanh, chẳng uổng mấy chục năm sống ngoài hải đảo,
Dáng đạo oai nghiêm, lòng thanh siêu việt, khiến người kiêng nể ngưỡng mộ, đáng cho trăm ngàn đời sau noi gương mẫu)

48. Câu đối viếng hòa thượng Ký Thiền chùa Thiên Đồng

a) *Truy ức niêm đề, ý chỉ chiêu trước, tất linh nhận ảnh cuồng đồ tức thời hoàn đắc bổn đầu, khả thán thiên bất giá niên, trí sử pháp môn vong chỉ trụ.*
Mỗi ngâm kệ tụng, thanh vận khanh tương, phổ tỉ phao gia lãng tử trực hạ đốn khai bảo tạng, kham bi sự vị toại chí, cự giao hậu tấn thất quy thằng

(Chạnh nhớ niêm đề[345], ý chỉ rành rành, đều khiến những gã cuồng lầm bóng[346] tức thời nhận biết đầu mình, đáng than thay, trời không cho sống thêm, khiến cho pháp môn mất đi cột trụ,
Thường ngâm kệ tụng, thanh vận réo rắt, khiến khắp bọn lãng tử bỏ nhà lập tức mở ngay kho báu, buồn tiếc vậy, sự nghiệp chưa thỏa chí, đến nỗi hậu học thiếu người uốn nắn)
(Câu đối này người quen biết, pháp tự hay vãn bối đều có thể dùng được)

b) *Thập tải trụ Thiên Đồng, hằng dĩ thi ca truyền mật ấn,*
Nhất triêu sanh Phật quốc, vĩnh tùy Quán Thế chứng viên thông
(Mười năm trụ Thiên Đồng, thường lấy thi ca truyền mật ấn,
Một hôm sanh nước Phật, mãi theo Quán - Thế[347] chứng viên thông)

49. Câu đối viếng hòa thượng Ký Thiền

a) *Giải đồng tễ nguyệt phong quang, thượng kế Mật Vân chi pháp đạo, phương dục hoằng khai học hội, tiếp dẫn hậu côn, khải liệu cánh sanh Cực Lạc khắc nhân khứ.*
Thi đẳng kim thanh ngọc chấn, vĩnh vi khổ hải chi từ hàng, thượng kỳ thân chứng viên thông, truy tung tiên giác, cấp nghi phục nhập Sa Bà liễu nguyện lai
(Giải hệt trăng trong gió mát, kế thừa pháp đạo của Mật Vân, vừa muốn rộng mở học hội tiếp dẫn đàn em, nào ngờ đã sanh về Cực Lạc để thỏa cái nhân
Thơ như vàng gieo ngọc chạm, mãi là thuyền từ trong biển khổ, vẫn mong tự chứng viên thông nối gót tiên giác, gấp nên quay trở lại Sa Bà hòng thỏa chí nguyện)

b) *Thống pháp đạo chi thức vi, phúc uẩn kinh luân, chí đồ khôi phục, viện quan trưởng dĩ tác kim thang, hà ý bán đồ nhi thệ,*
Ký tông phong chi phi chấn, tâm huyền tảo giám, khẩu thổ châu ky, xan cức lê dĩ phổ lưu bố, khả vân vĩnh kiếp thường tồn
(Đau vì pháp đạo suy vi, bụng chứa kinh luân, chí mong khôi phục, cậy nhờ quan chức để bảo vệ, nào hay nửa đường khuất bóng,

---

[345] Niêm Đề: là một thuật ngữ Thiền Tông, còn gọi là Niêm Cổ, hoặc Niêm Tắc, có nghĩa là “niêm bình cổ tắc” (chọn ra một câu chuyện cũ để bình giảng). Trong cách thuyết pháp của Thiền lâm, vị giảng sư nêu lên một câu chuyện xưa, hoặc một công án để khơi mở tâm địa, chỉ dạy yếu chỉ tông môn cho người học. Tuy gọi là “bình giảng” nhưng lời giảng thường khiến cho người nghe hoang mang nhiều hơn, với mục đích thúc đẩy nghi tình để người nghe tự lãnh ngộ ý chỉ, chứ không dựa theo tri kiến văn tự để giải thích công án.
[346] Chỉ chàng cuồng Diễn Nhã Đạt Đa trong kinh Lăng Nghiêm, anh ta soi gương thấy hình bóng cái đầu của mình hiện trong gương, đâm ra hoảng sợ phát cuồng.
[347] Quán Thế Âm và Đại Thế Chí.

Mong cho tông phong rạng rỡ, lòng sáng gương trong, miệng phun châu ngọc, gạt trừ gai góc hòng rộng truyền, đáng gọi muôn kiếp thường còn)

50. Câu đối viếng hòa thượng Lưu Vân Quán Nguyệt

Ngưỡng thừa sư chí, sáng kiến thiền lâm, phổ linh tham thỉnh truy lưu đắc dĩ an thân lập mạng, hạnh trị niên cao đức thiệu, thức phạm hậu côn, hà duyên nguyệt lạc thanh thiên thủy đáo hải.
Thượng khấu đế hôn, khất ban Long tạng, tất sử tông giáo khai sĩ nhân tư đạt bổn cùng nguyên, ký kinh chất tạ thần thiên, thân thị đại giác, đương tất tâm minh lý địa đạo phù không
(Kính vâng chí thầy, tạo dựng thiền lâm, khiến khắp Tăng nhân tham thỉnh[348] nhờ đó an thân lập mạng, may được tuổi cao đức trọng, răn nhắc đàn em, duyên chi trăng khuất trời xanh, nước trôi ra biển?
Tới gõ cửa khuyết, xin ban Long tạng[349], khiến mọi khai sĩ Thiền Giáo do đây hiểu nguồn tột đáy, đã đành thân trả hồn dời, hầu hạ Đại Giác, ắt sẽ tâm mờ cõi lý, đạo hợp chân không)

51. Câu đối viếng vị Tăng quen biết sống ở ngôi miếu nhỏ nơi chợ búa

Bản lai diện mục, tức tục hằng chân, phủ hướng bích đàm quán dạ nguyệt,
Tất thế tháo trì, tự thoái thật tấn, đảo kỵ lư tử thượng Lô Sơn,
(Bản lai diện mục, dẫu cõi tục vẫn luôn là chân, dõi nhìn đầm biếc xem bóng trăng đêm,
Suốt đời tu dưỡng, tưởng là lùi thật ra luôn tiến, cưỡi ngược chú lừa[350] trèo lên Lô Sơn)

52. Câu đối của ông Tăng viếng vị đại thương gia hộ pháp

---

[348] Tham thỉnh: tham vấn, thỉnh đạo.
[349] Càn Long Đại Tạng Kinh.
[350] Cưỡi ngược chú lừa (Đảo kỵ lư): Ở đây, Tổ nhắc đến điển tích Trương Quả Lão. Trương Quả Lão không rõ năm sinh và mất, là một trong Bát Tiên, sống vào thời Đường (vào khoảng đời Đường Cao Tông đến Đường Huyền Tông), là một đạo sĩ nổi tiếng về thuật luyện đan. Theo thần thoại, ông ta thường cỡi một con lừa trắng, nhưng ngồi ngược hướng, tức là quay mặt về phía đuôi lừa. Con lừa ấy mỗi ngày đi được ngàn dặm, không cần ăn uống, khi cần nghỉ ngơi, chỉ cần vỗ nhẹ vào nó, lừa liền xẹp xuống như một tấm da lừa, khi cần đi chỉ thổi hơi vào nó lại biến thành con lừa sống như cũ. Do vậy, dân gian hay dùng tích "cưỡi lừa ngược" để chỉ người thung dung tự tại không bị ràng buộc trong cõi trần. Ở đây, Tổ dùng điển tích này để khen ngợi vị sư ấy sống nơi đô hội, chợ búa, vẫn thong dong tu Tịnh nghiệp khác nào Trương Quả Lão cỡi ngược con lừa dạo chơi khắp chốn.

Bạch thủ khởi gia, cư triền vi chánh, sổ thập niên quảng hành từ tế, đại triển kinh luân, vô biên tế thanh tháo cao phong, cự liệu đồ thành phù cảnh ngưỡng.
Xích thành hộ pháp, tức tục tu chân, đương tư thời đốn khí huyễn khu, trực thăng An Dưỡng, tuyệt đối đãi bổn quang thường thọ, tất tương triệt chứng ư duy tâm
(Tay trắng làm nên, sống trong chợ búa cầm quyền, mấy chục năm rộng hành từ tế, rộng mở kinh luân, phong thái cao sạch nào có ngằn mé, đâu mong cầu được ngưỡng mộ,
Lòng son hộ pháp, ngay nơi cõi tục tu chân, đúng lúc này chợt bỏ huyễn thân, lên thẳng An Dưỡng, quang minh thọ lượng vốn bặt đối đãi, ắt sẽ triệt chứng duy tâm)

53. Câu đối nhân dịp huyện Định Hải làm lễ tống ôn

Kinh tuyên bí tạng, tống ôn thần tức quy thiên phủ, khởi đồ nhất ấp an khang, túng thuộc lân bang bất vi hác?
Chú tụng chân thuyên, kỳ cát diệu thường chiếu hạ phương, ký tích hạp cảnh phước khánh, kiêm linh thông quốc mộc dung quang.
(Kinh tuyên bí tạng, tiễn ôn thần về ngay thiên phủ, nào chỉ một ấp an vui, còn thì lân bang chẳng được hưởng nhờ?
Chú tụng chân thuyên[351], mong sao lành thường chiếu hạ phương, mong ban cả vùng phước khánh, kèm thêm cả nước gội đẫm dung quang)

54. Câu đối tống ôn

Hạ dân bối giác hợp trần, chí sử thiên tai dĩ kiến cáo,
Đại sĩ tầm thanh cứu khổ, nhân lân quỳ khổn chi thành cầu.
(Dân đen trái giác hợp trần, đến nỗi thiên tai thường giáng xuống,
Đại Sĩ tầm thanh cứu khổ, do thương tha thiết[352] chí thành cầu)

55. Câu đối phúng điếu ông Tôn Truyền Phương (viết thay)

Tâm khế chân thường, phổ vị oán thân tu thánh đạo,
Thân thường nghiệp trái, hồn vong nhân ngã quy liên bang
(Tâm hợp chân thường, khắp vì oán thân tu thánh đạo,

---

[351] "Thuyên" có nghĩa là rõ ràng. Do vậy, trong nhà Phật gọi những câu nói giảng giải chân lý là Chân Thuyên.
[352] Nguyên văn "Quỳ khổn" (tấm lòng tha thiết của hoa Quỳ). Do hoa Quỳ (còn gọi là hoa Hướng Dương) thường xoay theo hướng mặt trời nên cổ văn thường dùng từ ngữ này để chỉ lòng tha thiết ngưỡng vọng. Do âm vận bó buộc, chúng tôi đành tạm dịch gọn là "tha thiết" tuy không đủ ý.

Thân đền nợ nghiệp, quên phăng nhân ngã về liên bang)

56. Câu đối tống tiễn thần ôn dịch

Huệ nhật lệ trung thiên, diệt tận ôn dịch chi sương lộ,
Từ vân phú đại địa, tư vinh phước thọ chi căn miêu.
(Huệ nhật rạng giữa trời, trừ sạch sương móc ôn dịch,
Mây từ trùm cõi đất, tốt tươi rễ mầm phước thọ)

57. Câu đối tự khích lệ

a) *Tất tương cách trí thành chánh thố kỷ cung, thị chân hào kiệt,*
Bất dĩ thân tâm tánh mạng trí độ ngoại, nãi đại trượng phu
(Tận lực thực hiện cách trí thành chánh[353], thật đáng bậc hào kiệt,
Gác bỏ chẳng màng thân tâm tánh mạng, mới xứng đại trượng phu)

b) *Nhữ tương tử khoái niệm Phật, tâm bất chuyên nhất, quyết đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thượng nan cầu, vật vọng tưởng nhân thiên phước quả,*
Nhữ tương tử khoái niệm Phật, chí nhược chân thành, tiện dự liên trì, Thanh Văn, Duyên Giác do phất trụ, định khắc chứng đẳng diệu viên thừa
(Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, tâm chẳng chuyên nhất, quyết đọa địa ngục, ngạ quỷ súc sanh còn khó mong cầu, chớ vọng tưởng quả phước trời người,
Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, chí nếu chân thành, liền dự liên trì, Thanh Văn, Duyên Giác vẫn chẳng muốn trụ, chắc chắn chứng viên thừa đẳng diệu[354])

c) *Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, tâm cảnh câu quyên, trực đồng hạo nguyệt cô viên, quang thốn vạn tượng,*
Chứng đáo nhất trần bất lập, trí bi song vận, bất dị hạo thiên hạo đãng, thể phú quần luân
(Soi thấy năm uẩn đều không, tâm cảnh đều mất, hệt như vầng trăng vằng vặc, ánh sáng rọi trùm muôn vật,
Chứng đến mảy trần chẳng lập, trí bi cùng vận, khác nào mặt trời rực rỡ, thể tánh che khắp mọi loài)

d) *Niệm Phật phương năng tiêu túc nghiệp,*
Kiệt thành tự khả chuyển phàm tâm
(Niệm Phật mới hòng tiêu túc nghiệp,

---

[353] Cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý.
[354] Bình đẳng, vi diệu.

Kiệt thành sẽ tự chuyển phàm tâm)

e) *Bế hộ cự lai nhân, thống niệm tử kỳ tương chí,*
Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thâm tàm đạo nghiệp vị thành
(Đóng cửa chẳng tiếp ai, xót nghĩ thân này sắp chết,
Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thẹn thay đạo nghiệp chưa thành)

f) *Trác lập bất di, thường sư Khổng thánh,*
Hữu phi tất cải, nghi hiệu Cừ hiền
(Kiên quyết chẳng dời, thường tôn thờ Khổng thánh,
Có lỗi bèn sửa, hãy học hạnh Cừ hiền[355])

g) *Chứng đạo phương năng siêu lục đạo,*
Minh tâm tự khả liễu tam tâm
(Chứng đạo mới hòng siêu lục đạo,
Minh tâm sẽ tự rõ ba tâm)

h) *Đạo nghiệp vị thành, cảm sử thử tâm tán loạn,*
Tử kỳ tương chí, lực từ nhất thiết ứng thù
(Đạo nghiệp chưa thành, há dám để tâm này tán loạn,
Kỳ chết sắp đến, tận lực từ tạ mọi thù tạc)

i) *Duyệt biến trần hoàn nguyên thị huyễn,*
Nghiên cùng diệu tánh cấp quy chân
(Xem khắp trần gian đều huyễn ảo,
Xét cùng diệu tánh gấp quy chân)

j) *Quả quá vị năng vi ngã hám,*
Cư tâm vô ngụy nhậm nhân phi
(Bớt lỗi chưa xong, thường áy náy,
Giữ lòng không dối, mặc người sai)

k) *Tri Phật tánh thường, phấn khắc chứng chí,*
Tư địa ngục khổ, phát Bồ Đề tâm
(Biết Phật tánh thường hằng, quyết chí chứng đắc,
Nghĩ địa ngục khổ não, phát Bồ Đề tâm)

58. Câu đối khi nhàn rỗi

---

[355] Tức Cừ Bá Ngọc, người sống cùng thời Khổng Tử, nổi tiếng với câu nói *"đến năm tròn năm mươi tuổi, biết bốn mươi chín năm trước đều sai".*

a) *Giải hạnh toàn vô, cảm sung thiên điểu,*
Căn thân vị tịnh, miễn hiệu vân ngưu[356]
(Giải hạnh trọn không, nào dám như chim trời,
Căn thân chưa tịnh, gắng bắt chước trâu mây)

b) *Vị học nhật ích, vị đạo nhật tổn*
Sư hiền tâm thật, sư thánh tâm không
(Vì sự học ngày càng tăng thêm, vì đạo ngày càng bỏ bớt,
Noi theo người hiền tâm thành thật, noi bậc thánh tâm rỗng không)

c) *Tuy hữu châu hải kim sơn, bất như tọa tấn thử đạo,*
Túng linh phong thiện bái quốc, hà nhược lập vãng Tây Phương
(Tuy có biển ngọc núi vàng, chẳng như tấn tu nơi đạo này,
Dẫu cho lên ngôi dựng nước, nào bằng đứng sanh về Tây Phương)

d) *Sự sự lợi nhân, xuất nhĩ phản nhĩ,*
Tâm tâm tỉnh kỷ, niệm tư tại tư
(Chuyện chuyện lợi người, ra từ đâu trở về đó,
Tâm tâm xét mình, niệm nơi này nghĩ tại đây)

e) *Nhất chế phù tâm thành thiết hán,*
Tam giam kỳ khẩu học kim nhân.
(Một phen chế phục tâm, thành gã sắt,
Ba lượt ngậm kín miệng, học người vàng)

59. Câu đối tán dương Phật Dược Sư

Như Lai thệ nguyện hoằng thâm, phổ lợi hữu tình, quả năng tâm vô sở trụ trì hồng danh, tự khả tai biến tiêu tận lục đạo khổ,
Kinh chú oai thần quảng đại, tề tư hàm thức, nhược khẳng niệm bất phân trì bẩm thánh giáo, định nhiên thọ đắc diên cập Lưỡng Túc Tôn
(Như Lai thệ nguyện rộng sâu, lợi khắp hữu tình, nếu tâm vô sở trụ trì hồng danh, sẽ tự tiêu sạch tai ương hết khổ lục đạo,
Kinh chú oai thần lớn rộng, giúp trọn hàm thức, nếu chịu niệm chẳng rong ruổi tuân thánh giáo, chắc chắn hưởng tuổi thọ dài như đấng Lưỡng Túc)

60. Câu đối đề pháp đường

[356] Vân Ngưu là một loài vật tưởng tượng. Cổ nhân thường tạc tượng Vân Ngưu có hình dáng một con trâu hay bò mập mạp, chân ngắn, sừng cong ngắn, cổ bạnh, khắp mình có những xoáy tròn như mây cuộn, bốn chân có những đám mây nhỏ. Vân Ngưu tượng trưng cho sự cần cù, kiên quyết.

Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, tướng tướng ly tướng, nhi vạn đức viên chương, cứu cánh thân chứng phù Thật Tướng
Sanh từ tâm, sanh bi tâm, sanh hoan hỷ tâm, sanh đại xả tâm, tâm tâm ấn tâm, nhi nhất trần bất lập, triệt để hiển hiện hồ Phật tâm
(Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, tướng tướng ly tướng, muôn đức trọn bày, rốt ráo tự chứng Thật Tướng,
Sanh từ tâm, sanh bi tâm, sanh hoan hỷ tâm, sanh đại xả tâm, tâm tâm ấn tâm, mảy trần bất lập, triệt để hiển hiện Phật tâm)

61. Câu đối về Quán Âm, Địa Tạng

Quán Thế Âm hiện chúng thân dĩ thuyết diệu pháp, tùy trần sát cảm, biến trần sát ứng,
Địa Tạng Vương không địa ngục nhi tận sanh giới, hành Như Lai sự, úy Như Lai tâm
(Quán Thế Âm hiện mọi thân để nói pháp mầu, trần sát cảm bèn ứng khắp trần sát,
Địa Tạng Vương trống địa ngục hòng hết sanh giới[357], làm chuyện Như Lai thỏa tâm Như Lai)

62. Câu đối chúc mừng Công Đức Lâm

Nhục thực nhẫn tâm chiêu kiếp vận,
Tố xan thiện niệm trí thái bình
(Ăn thịt nhẫn tâm chuốc kiếp vận,
Dùng chay thiện niệm dẫn thái bình)

63. Câu đối về Quán Âm, Địa Tạng

Biến pháp giới tầm thanh cứu khổ, tùy loại hiện thân, thủ thôi Phổ Môn đại sĩ,
Cử minh dương hưng từ vận bi, thường thời thùy thủ, mạc quá Địa Tạng nguyện vương
(Khắp pháp giới tầm thanh cứu khổ, tùy loại hiện thân, phải nhường Phổ Môn đại sĩ,
Trọn âm dương hưng từ vận bi, thường luôn xòe tay, ai hơn Địa Tạng nguyện vương)

64. Câu đối chức mừng Công Đức Lâm

---
[357] Sanh giới chính là chúng sanh giới.

Thể càn phụ khôn mẫu chi tâm, vĩnh trừ nhục thực,
Tồn dân bào vật dữ chi niệm, đặc bị tố xan
(Thấu hiểu lòng cha trời mẹ đất, vĩnh viễn thôi ăn thịt,
Vâng giữ niệm dân bào vật dữ[358], riêng sắp đặt món chay)

65. Câu đối tán dương đức Địa Tạng

Chúng sanh độ tận, phương chứng Bồ Đề, miễn dữ lạc bạt khổ chi tâm, cộng tam tế thập hư nhi mạc ký,
Địa ngục dĩ không, thỉ thị thành Phật, tố hưng từ vận bi chi niệm, cử ngũ thừa cửu giới nhi vô di
(Chúng sanh độ hết, mới chứng Bồ Đề, tưởng tấm lòng ban vui dẹp khổ, khắp ba đời mười phương vẫn chưa trọn,
Địa ngục không rồi, mới hiện thành Phật, nghĩ dấy niệm hưng từ vận bi, cả năm thừa chín giới đều chẳng sót)

66. Câu đối về các pháp sâu thẳm như biển

Phật nguyện hồng thâm, phổ bị tam căn, nhân tư cửu giới đồng quy, thập phương cộng tán,
Pháp môn quảng đại, bất di nhất vật, cố đắc thiên kinh tịnh xiển, vạn luận quân tuyên
(Phật nguyện rộng sâu, độ khắp ba căn, do vậy chín giới cùng nương về, mười phương cùng khen ngợi,
Pháp môn bao la, chẳng sót một ai, nên được ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói)

67. Câu đối giải thích đích xác [ý nghĩa từ ngữ] "cách vật trí tri"

Cách trừ huyễn vọng tư dục vật,
Trí hiển trung dung bỉnh di tri
(Trừ khử vật tư dục huyễn vọng,
Thấu tột luân thường giữ trung dung)

68. Câu đối về ăn chay niệm Phật

Miễn Như Lai mẫn niệm thù ân, thường trì hồng danh, ký lịch kiếp tội khiên do tư tức diệt,

---

[358] Dân bào vật dữ: Nói gọn của câu *"Dân thị ngô bào, vật thị ngô dữ"* (dân là kẻ ruột thịt của ta, loài vật giống như ta).

Quán thế nhân nhai xải tất báo, vĩnh đoạn nhục thực, dĩ sát thân oán hận quyết định nan tiêu
(Nghĩ đến ân đức Như Lai sâu xa thương tưởng, thường trì hồng danh hòng diệt ngay tội khiên bao kiếp,
Ngó thấy quả báo người đời chớp mắt phải chịu, quyết không ăn thịt để giải trừ hận giết khó tiêu)

69. Câu đối đề chỗ ăn chay

Thôi ngô nhân ố tử chi tâm, xảo hành cứu tế,
Thể thiên địa hiếu sanh chi đức, vĩnh giới tàn thương
(Suy lòng lũ ta sợ chết, khéo hành cứu tế,
Hiểu đức trời đất hiếu sanh, mãi kiêng sát thương)

70. Câu đối về ăn chay niệm Phật

Khẩu phúc ngộ nhân, xuất nhĩ phản nhĩ kết oán đối,
Phật danh tế thế, niệm tư tại tư dự thánh lưu
(Miệng bụng lầm người, từ đâu ra trở về đó, kết oán thù,
Phật danh cứu đời, niệm từ đâu, nghĩ tại đấy, dự dòng thánh)

VII. Phụ Lục

Cổ nhân nói: *"Bá Di, Thúc Tề*[359] *tuy hiền, nhưng do được Phu Tử [nhắc đến] mà thêm nổi tiếng; Nhan Uyên tuy chăm học, nhưng do bám vào đuôi ngựa Ký*[360] *mà hạnh thêm rạng",* Đức Sâm khổ não khôn xiết, hạnh lẫn học đều thiếu, nếu không được Ấn lão nhân nhiếp thọ, nâng đỡ, quả thật chẳng biết sẽ đặt chân nơi đâu, huống là bàn đến những chuyện chi khác! Mà cũng là nhờ các vị Tăng - tục để lọt mắt xanh[361] thương xót, chứ nào phải chỉ riêng mình lão nhân gia bị mà được như thế! Ngẫu nhiên có ghi chép, viết lách thì quê kệch, không ra hồn, lời lẽ thiếu thứ tự, nào kham lưu truyền trong cõi đời kẻo gai mắt nhã của người khác! Nhưng do cư sĩ Tra Tân Thần gởi thư thuật tình huống sanh Tây của cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, lão nhân liền gởi thư bảo Đức Sâm ghi thuật chuyện ấy để đính kèm vào cuối bộ Văn Sao Tục Biên. Do vậy, tuân theo mạng lệnh ấy, ghi lại đôi lời về những sự thật, tình hình rõ ràng liên quan đến pháp yếu để tạo thành phần Phụ Lục, rồi trình lên lão nhân giám định [đã được Ngài] chấp thuận mới dám bám vào đuôi ngựa Ký để nhờ đó được lưu truyền rộng rãi. Nếu nói muốn nối gót lão nhân hoằng tuyên pháp đạo thì tôi chẳng dám, chỉ là nương từ quang của lão nhân ngõ hầu những sự thực được ghi chép sẽ truyền bá xa gần khiến cho người ta tin ngay chẳng ngờ mà thôi!

Khổ Não tỳ-kheo Đức Sâm kính cẩn viết.

1. Niệm Phật nhiếp tâm kệ

(sao chép theo bài viết trên vách Vân Thủy Đường)

Sách A Di Đà Kinh Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích có câu: *"Nếu tín nguyện kiên cố thì lâm chung dù mười niệm hay một niệm cũng chắc chắn được vãng sanh. Nếu không có tín nguyện, dù trì danh hiệu đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa táp chẳng ướt, hệt như tường bạc vách sắt cũng không lẽ nào được vãng sanh!"* Tổ sư cực lực nói toạc ra như thế, chính là lời thành thật

---

[359] Bá Di và Thúc Tề đều là con vua nước Cô Trúc (nay thuộc thành phố Đường Sơn, tỉnh Hà Bắc) cuối đời Thương. Bá Di là con cả, Thúc Tề là con trai thứ ba. Lúc vua Cô Trúc còn sống, tính truyền ngôi cho Thúc Tề. Sau khi cha chết, Thúc Tề lại nhường ngôi cho anh, Bá Di không chịu, bỏ nước trốn đi. Thúc Tề cũng không chịu làm vua, trốn theo anh sang đất nhà Châu dưỡng lão. Khi Châu Vũ Vương (Cơ Phát) hưng binh diệt Trụ, Bá Di và Thúc Tề ra cản đầu ngựa để khuyên can, nhưng Vũ Vương không nghe. Sau khi Trụ Vương tự vẫn, Bá Di lẫn Thúc Tề thề không ăn gạo thóc của nhà Châu, sống ẩn dật trong núi Thủ Dương, hái rau rừng để ăn. Sau có người bảo rau rừng mọc trên đất Châu thì cũng là tài sản của nhà Châu, họ liền nhịn đói đến chết.

[360] Ký là thiên lý mã, tức giống ngựa theo truyền thuyết một ngày đi được ngàn dặm.

[361] Theo Tấn Thư, Nguyễn Tịch có cặp mắt đặc biệt, khi nể trọng ai thì nhìn bằng cặp mắt xanh, khi khinh rẻ ai thì nhìn bằng cặp mắt trắng. Do đó cổ văn thường dùng chữ "thùy thanh" (để lọt mắt xanh) với ngụ ý đặc biệt tôn trọng.

phun gan nhả mật, mổ tim vẩy máu dành cho bọn người dùng trì danh để đè nén vọng tưởng chẳng biết cầu sanh vậy; kẻ tu tịnh nghiệp chẳng thể không biết [điều này]. Nhưng bọn ta đã biết sanh lòng tin phát nguyện quyết định cầu sanh, hiềm rằng vọng tưởng tơi bời, miệng tuy niệm Phật, tâm hoàn toàn mê muội, tán loạn, đấy cũng là điều chướng ngại vãng sanh. Nếu giống như Sâm là kẻ nghiệp chướng sâu nặng, độn căn tệ nhất thì dẫu tuân chiếu theo mấy phương cách tốt lành của tiền nhân vẫn cảm thấy tốn sức mà khó thể chế ngự tâm vào một chỗ.

Ở đây, tôi sao chép bài kệ Nhiếp Tâm Niệm Phật của Vân Thủy Tăng viết trên vách để dường như khơi gợi những gì tiền nhân chưa khơi gợi. Dùng cách ấy để điều phục thân tâm, quả thật so ra hữu hiệu hơn những phương cách khác. Huống chi niệm niệm còn nghĩ đến hoa sen, tức là an tâm nơi cảnh thù thắng cõi Tây Phương, tự nhiên sẽ có ích cho tịnh hạnh, trọn chẳng có điều tệ nào, chẳng suy tính mà ngầm hợp với pháp *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* của đức Thế Chí, đem trình lên, có lẽ Ấn công lão nhân cũng khen ngợi là tuyệt hay. Vì thế, dám đem chép kèm vào đây để những Tịnh nghiệp hành nhân độn căn hèn kém như Sâm nương theo tu tập, kệ rằng:

Nếu hỏi pháp Niệm Phật,
Nhiếp tâm tự có cách,
Niệm mỗi một câu Phật,
Miệng tỏa hương hoa sen,
Do tâm ta thanh tịnh,
Nên có mùi hương này,
Hoa từ miệng thoát ra,
Đóa đóa về trời Tây
Mỗi câu Phật, một đóa,
Có màu và quang minh,
Niệm Phật hiệu câu đầu,
Hoa xanh, tỏa ánh xanh,
Niệm Phật hiệu câu kế,
Hoa vàng, tỏa ánh vàng,
Niệm Phật đến câu ba
Hoa đỏ, tỏa ánh đỏ,
Niệm Phật hiệu câu bốn
Hoa trắng, tỏa ánh trắng,
Xoay vần tưởng như thế,
Niệm niệm chẳng hề quên
Chẳng cần phải nhớ số,
Chỉ tưởng sắc, hương, quang,
Nếu tâm chẳng tán loạn,

Quyết thấy Đại Nguyện Vương

2. Bài ký và bài tụng về chuyện cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh vãng sanh

Cư sĩ tên là Nghiệp Hốt, người huyện Bành Trạch tỉnh Giang Tây, làm quan Hàn Lâm năm Giáp Thìn (1904) đời Quang Tự nhà Thanh, làm quan tám năm, sau khi quang phục (Trung Hoa Dân Quốc thành lập) liền ẩn cư. Năm Dân Quốc thứ hai (1912), hướng lòng học Phật, dốc chí nơi Tịnh Độ. Tiếp đó, đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, liền biết lão nhân là bậc long tượng trong pháp môn, thật đúng là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong Tịnh tông. Rồi biết Quán Âm đại sĩ chính là vị phù tá bên trái Phật Di Đà, là bậc hướng dẫn trí tuệ của cõi sen, liền khởi ý niệm triều bái Phổ Đà, lễ Đại Sĩ, yết kiến cụ Ấn.

Năm Dân Quốc 11 (1922) đi triều bái, lễ bái, chiêm ngưỡng xong, đem bài Sớ Lễ Quán Âm đã soạn trình lên (toàn văn bài sớ này được chép ở đầu cuốn Quán Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng), trong ấy có câu *"thực Đình Chương chi vu, khắc nhật Tây hành"* (ăn khoai Đình Chương[362], hẹn ngày về Tây) lão nhân liền nghĩ ông ta còn chưa thôi ăn mặn, bèn hỏi: "Ông đã ăn chay hay chưa?" Đáp: "Ăn chay theo kỳ". Lão nhân nghiêm mặt quở trách: "Thật là tệ! Bậc đại thông gia như vậy mà vẫn chưa lấy thân làm gương ăn chay thì làm sao cảm hóa được người khác?" Lớn tiếng quát to, cư sĩ vui vẻ ưng chịu, chẳng những không một mảy may nào trái ý, mà thật ra tâm còn vui sướng thành thật khâm phục. Hôm sau, dâng thư xin lão nhân tiếp tục biên tập Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, tự nguyện sẽ giúp cho thành tựu. Gặp mặt nhận lời quở trách từ bi mà biểu lộ muôn phần cảm kích, đáng khen "danh chẳng hư truyền!" Lão nhân thấy cư sĩ tri kiến thuần chánh, văn bút siêu diệu, đúng là lòng rỗng rang như hang núi, thật hiếm có trong đời Mạt, bèn thỉnh cư sĩ biên tập Quán Thế Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng.

Từ đấy thư từ qua lại càng thêm mật thiết, nhưng vẫn giữ lễ đệ tử, xin được quy y với lão nhân, ban cho pháp danh. Lão nhân bèn đặt pháp danh là Chỉ Tịnh. Năm Dân Quốc 16, 17 (1927-1928), tỵ nạn tại Thượng Hải, cư sĩ Nhiếp Vân Đài thỉnh [ông Hứa] biên tập bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ.

---

[362] Cư sĩ Châu Đình Chương, hiệu là Sở Phong. Theo Cư Sĩ Truyện, cư sĩ Châu Đình Chương người tỉnh Vân Nam, sống vào khoảng niên hiệu Chánh Đức - Gia Tĩnh đời Minh, tánh tình thuần phác, gia cảnh nghèo hèn. Ai mắng nhiếc, chửi bới gì cũng cười mà thôi. Một lòng tin tưởng Phật pháp, mỗi sáng đều tụng kinh Kim Cang, Di Đà, Quán Âm mỗi thứ một biến. Một hôm vào tiết Thanh Minh, từ biệt cha và vợ nói: "Tôi sắp đi đây, Di Đà đến đón tôi, Quán Âm cũng đã đến", rồi lại nói: "Đức Quán Âm bảo tôi phải thôi ăn mặn trong năm ngày thì mới về Tây được", bèn mỗi ngày ăn một bữa cháo, một bữa rau. Đến thời hạn, liền tắm gội đội mũ, bảo con em tụng danh hiệu của bảy đức Như Lai, tụng kinh xong bèn ngồi ngay ngắn qua đời, đến hôm sau thân vẫn còn tỏa mùi thơm, vẻ mặt như lúc sống. Do Đình Chương lúc sắp mất mới ăn chay, nên khi Tổ Ấn Quang thấy ông Hứa Chỉ Tịnh nguyện "ăn khoai Đình Chương" liền biết ngay ông ta hãy còn ăn mặn.

Hai cuốn sách ấy lần lượt được lưu truyền, phàm những vị Tăng - tục có chánh tri kiến đều khen là Phật lý cao sâu, văn học tinh túy. Lão cư sĩ Phan Đối Phù lại thỉnh [ông Hứa] biên soạn Phật Học Cứu Kiếp Biên. Ba cuốn sách soạn xong đều được Ấn lão nhân lo liệu ấn hành, ngay cả việc ấn hành Sơn Chí của tứ đại danh sơn, cư sĩ cũng đều góp sức, trong lời tựa [những bộ Sơn Chí ấy] lão nhân cũng đã thuật đại khái. Năm Dân Quốc 25 (1936), tại chùa Báo Quốc, cư sĩ lại cầu lão nhân đích thân truyền Bồ Tát giới (do trước kia vâng theo lời lão nhân dạy đã tự thọ giới trước đức Phật).

Cư sĩ tuy có học vấn đạo đức người khác khó thể sánh kịp, nhưng tấm lòng rỗng rang, khiêm tốn, gặp Tăng ắt vái chào, thấy Phật ắt lễ, toàn thân buông xuống, nghiêm ngặt giữ thân phận hàng tại gia bạch y làm đệ tử quy y Tam Bảo, chẳng tơ hào kiêu căng, ngạo mạn, thật là chuyện người hiện thời khó thể làm được! Hơn nữa, tuy pháp nào cũng dung thông, nhưng tu trì cẩn trọng lại hoàn toàn giống như ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật, nhất tâm cầu sanh Tây Phương chẳng mảy may đổi dời! May được Tam Bảo gia bị, túc nghiệp lẫn tịnh hạnh đều cảm vời, chuyển quả báo nặng "ắt phải đời đời kiếp kiếp đọa lạc tam đồ" trong đời sau do ác nghiệp "sát sanh ăn thịt, não hại chúng sanh trong thuở trước" thành báo nhẹ trong hiện tại để liễu thoát ngay trong đời này, nhanh chóng về Tây Phương. Vì thế, trong nhiều năm gần đây, cư sĩ thường bị bệnh khổ (xin hãy coi tiểu sử hai vị cổ đức là Giới Hiền và Huyền Trang sẽ tự tin tưởng lời nói này chẳng hư vọng). Do Sâm thường hầu cụ Ấn, lại có tình đồng hương với cư sĩ, mỗi khi ít việc thường thông tin cho nhau, nên biết khá tường tận, nay chỉ trình bày những chuyện chánh yếu, còn đối với hết thảy những chuyện nhỏ nhặt như công khóa nhất định mỗi ngày, tinh tấn tu trì, và kiêm hành điều lành thế gian, cạn hết lòng thành duy trì, hộ trì Tam Bảo đều chẳng rảnh rang để viết đầy đủ được.

Đến tháng Năm năm Dân Quốc 27 (1938), cư sĩ tỵ nạn tại chùa Hoàng Long trên ngọn Cổ Lãnh, Lô Sơn, lại mắc bệnh nặng. Đến tháng Bảy nhuận, bệnh đỡ hơn một chút, nhưng vẫn nằm bẹp, không thể cầm bút được, bèn đọc thư, bảo cháu ngoại viết thay, thuật diễn biến bệnh tình và thuật những ý như "từ nay trở đi gấp cầu giải thoát, sớm được sanh về Tây, nhưng nghĩ Cửu Hoa Sơn Chí chưa xong, nếu như chưa vãng sanh ngay, mong sẽ đọc trước cho lẹ" v.v… Sâm nghĩ cụ đã suy yếu đến mức ấy, biết cụ sẽ chẳng còn là khách trọ lâu ngày trong cõi người nữa. Tháng Mười, nhận được thư của thầy Phước Hải gởi đến, biết cụ đã về Tây. Khi ấy, cụ thọ sáu mươi ba tuổi. Đến năm Dân Quốc 28 (1939), cư sĩ Tra Tân Thần sao lại lá thư của một vị cư sĩ sống cùng chùa là cư sĩ Diêu Bán Tăng viết cho anh ông ta (anh ông ta là Diêu Tiết Khanh, là môn sinh của cư sĩ) đem gởi cho Sâm, nhờ đấy biết tường tận tình hình Hứa cư sĩ sanh Tây.

Thư nói: Ngày mồng Một tháng Chín (chỉ ngày tháng Âm Lịch của năm 1938), gọi em đến trước giường dặn dò hậu sự, tiếp đó, mỉm cười nói: "Sáng nay mộng thấy Phật đến, khắp thân là chuỗi ngọc, tướng hảo, quang minh,

hướng về tôi bảo: 'Ta đến gặp ông', tôi liền lễ bái, trong khoảnh khắc liền tỉnh giấc, chẳng phải là đức Thế Tôn từ bi, riêng đến an ủi tôi hay sao? Nếu lại được Ngài thị hiện tiếp dẫn khiến cho tôi được đới nghiệp vãng sanh thì may mắn quá!" Nói xong, liền chắp tay nói: "Hẹn gặp lại ở Tây Phương", từ đấy, không còn nói năng gì nữa, chỉ chuyên tâm thầm niệm Phật hiệu, đến bảy giờ sáng ngày mồng Ba, an tường về Tây. Toàn thân lạnh hết, chỉ còn mình đảnh đầu vẫn ấm. Lúc nhập khám, toàn thân mềm mại như bông, nghiễm nhiên giống như vị lão Tăng nhập định, sắc mặt tươi nhuận hơn lúc còn sống. Đúng là các căn tươi vui, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập Thiền Định. Tăng - tục thấy nghe khởi lòng kính nể sâu xa, khen là hy hữu. Giữ lại chùa niệm Phật bảy ngày theo đúng Luật hỏa thiêu, tro xương vẫn giữ tại chùa Hoàng Long. Sâm nói: "Do nhân như thế mà cảm được quả như thế, được như sở nguyện, mãn Bồ Đề nguyện, nguyện người thấy nghe phát Bồ Đề tâm cùng niệm Phật hiệu, cùng sanh Tây Phương, tương lai trong ao bảy báu sẽ được kề vai với cư sĩ cùng đi, cùng là đệ tử của Phật Di Đà, nghe pháp chứng [Vô Sanh] nhẫn, cùng độ chúng sanh Sa Bà". Nhằm mãn nguyện của cư sĩ nên soạn bài ký, lại còn nói bài tụng rằng:

Than ôi Tịnh công! Bậc kim thang cho pháp môn, đủ chánh tri kiến, an phận thủ thường, nghiên cứu khắp kinh tạng, thâm nhập chỗ thẳm sâu của Phật, tổ, thị hiện [thân phận] bạch y, giữ vững biên cương Kỳ Viên, thường than cuối đời Mạt, Tăng - tục phần nhiều thiếu sót bổn phận, tận lực đề xướng liên xã, ắt phải cậy Tăng già nêu kỷ cương, Tông lẫn thuyết đều thông, đáng xưng là bậc ngoại hộ vây cánh, giữ cho tăng sống yên, bảo vệ đạo pháp, thật đáng khen là bậc long tượng vô song. Pháp nào cũng viên dung, nhưng chỉ giữ mỗi giáo pháp Tịnh Độ khế cơ khế lý. Môn nào cũng thấu đạt thông suốt, chỉ thẳng tới cõi Cực Lạc dễ hành, dễ đạt. Nay đã dưa chín, cuống rơi, quả thật được Tây Phương giáo chủ tiếp dẫn, càng mong mau chứng vô sanh, chẳng trái bổn nguyện, liền trở lại Sa Bà, hộ trì Tam Bảo, làm thuyền Từ phổ độ chúng sanh.

2. So sánh sự tổn hại và lợi ích giữa được và không được trợ niệm

Cư sĩ Lưu Hiểu Ngu tên là Cảnh Liệt, người huyện Cám tỉnh Giang Tây, thuở trẻ du học Đông Doanh (Nhật Bản), là bạn học với ông Thái Tùng Pha v.v… Sau khi quang phục, từng làm Nghị Viên Quốc Hội khóa đầu tiên. Năm Dân Quốc thứ sáu, thứ bảy (1917-1918), đảm nhiệm chức Ty Trưởng ty Chức Phương[363]. Do người anh họ là cư sĩ Hảo Ngu, tên [ngoài đời là]

[363] Đây là một trong sáu ty trực thuộc Bộ Nội Vụ của Trung Hoa Dân Quốc được thành lập vào năm 1912 tại Nam Kinh. Thoạt đầu sáu ty này có tên gọi là Dân Trị (coi về hành chính trị an), Cảnh Vụ (công an, cảnh sát), Lễ Giáo (trông coi giáo dục và thuần phong mỹ tục), Thổ Mộc (trông coi về xây dựng, thiết kế những công trình công cộng) và Biên Lý (quản trị biên cương, quy hoạch bản đồ lãnh thổ quốc gia). Khi chính quyền Dân

Cảnh Hy, vốn là một thân sĩ tiếng tăm ở Cám Châu rất tôn sùng Phật học; cho nên từ thuở bé, đối với pháp môn cư sĩ cũng chịu hộ trì. Ngôi chùa cổ Thọ Lượng trong thành bị bỏ hoang, sụp nát từ lâu. Đầu thời Dân Quốc, người dân trong vùng tính mượn danh nghĩa lập trường tiểu học cho quốc dân để che đậy ý đồ chiếm hết [cả chùa], chiếm đóng nơi ấy. Về sau, do cư sĩ phát khởi, thỉnh hòa thượng Đại Xuân kiêm nhiệm Trụ Trì, giúp sức bảo vệ. Đến năm Dân Quốc thứ tám, thứ chín (1919-1920), nhà chùa cùng trường học dính vào chuyện thưa kiện, đều do cư sĩ đức cao trọng vọng mà một người xướng, trăm người hòa, ngả rạp theo gió, phàm những vị chánh sĩ thuộc các giới thân sĩ, thương nhân, giáo dục ở địa phương đều nhất trí chủ trương công đạo, dời nhà trường khỏi chùa, bảo toàn được cơ sở nhà chùa và chuộc lại chừng đó ruộng cho cấy rẽ.

Đến năm Dân Quốc 22 (1933), [chánh quyền địa phương] phóng đường cái, nhà chùa nằm ngay trên tuyến đường được quy định thiết lập đại lộ, hai bên đều biến thành trang trại nhỏ, [họ tính] phá sạch cả chùa, muôn phần không còn cách gì bảo tồn được nữa! Hàng Tăng - tục đã đến chỗ sơn cùng thủy tận rồi, biết Sâm khi xưa đã từng phụ giúp hòa thượng Đại Xuân, có mối nhân duyên với chùa ấy; khi đó, Sâm đang hầu hạ cụ Ấn tại đất Tô, ắt sẽ quen biết vị hộ pháp có thế lực, họ bèn gởi thư xin lập phương cách cứu vãn. Khéo sao, cư sĩ cũng do tỵ nạn mà đến đất Tô, đã quy y với Ấn lão pháp sư, ăn chay theo kỳ, tu Tịnh nghiệp, pháp danh là Đức Thành. Sâm vì tạo dựng tượng Đại Sĩ bằng sắt cao hai mươi thước mà bôn tẩu hô hào, [nhà chùa] được giữ nguyên vẹn; tiến hơn một mức nữa là lại được trùng hưng cũng nhờ công sức cư sĩ giúp đỡ không ít. Đến năm Dân Quốc 25 (1936), cư sĩ trở về quê, chuyện duy trì nhà chùa càng nhờ cậy cư sĩ nhiều hơn, nhưng do việc công chuyện tư bề bộn, tuy đã phát tín tâm, nhưng khó chuyên thực hành được. Mỗi ngày bất quá thực hiện công khóa chốc lát, tùy duyên tu tập mà thôi!

Đến cuối Thu năm Dân Quốc 27 (1938), do sát nghiệp trong đời trước đời này chiêu cảm, lại bị bệnh nặng (khi chưa quy y Phật, cư sĩ thích bẫy chim lưới cá, sát hại rất nhiều sanh mạng. Năm Dân Quốc mười mấy, từng bị chứng Đối Khẩu Sang[364], bệnh tình rất nguy hiểm, đau khổ cùng cực, bèn phát nguyện đoạn trừ thói quen xấu ác ấy. Do niệm Quán Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, chợt nghe trên hư không tỏa hương, bệnh tình dần dần được bình phục), dây dưa lâu ngày, đau khổ khó kham, sai con là Phát Trang đem món tiền mấy trăm đồng, cậy Sâm cúng dường cho cụ Ấn và làm công đức thay cho mình. Sâm lo liệu xong, viết thư phúc

---

Quốc chiếm được Bắc Kinh, dời kinh đô từ Nam Kinh lên Bắc Kinh, ty Biên Lý được đổi tên thành ty Chức Phương (dựa theo ý nghĩa xưa của chữ Chức Phương là bản đồ).

[364] Đối Khẩu Sang, còn gọi là Não Thư, Khẩu Thư, Khẩu Đinh, Lạc Đầu Thư, hay Đại Thư, là một chứng bệnh lở loét ở phía trên phần cổ, giáp ót. Sang và Thư đều có nghĩa là lở loét. Bệnh nhân mọc một cái nhọt độc lớn ở phần sau cổ, lở loét mãi không lành miệng, thường có mủ, khiến bệnh nhân hay bị sốt cao, rất đau đớn. Nếu không chữa trị đúng lúc, bệnh nhân bị hôn mê rồi chết.

đáp khuyên cư sĩ nên ăn chay trường; nghe nói đến cuối năm [cư sĩ] mới thực hành chuyện thôi ăn mặn. Cho đến tháng Ba năm Dân Quốc 28 (1939), bệnh tình ngày càng thêm nặng. May nhờ thê thiếp, dâu, con đều là đệ tử quy y với cụ Ấn, đều biết trợ niệm lúc lâm chung là chuyện khẩn yếu, bèn trong ngày Mười Bảy thỉnh hai vị Tăng ở chùa Thọ Lượng đến trợ niệm.

Niệm đến sáng ngày Mười Chín, cư sĩ tự biết sắp từ biệt trần thế, sai khiêng ra trước sân để đổi không khí, gọi anh em dặn dò hậu sự, bảo người con cả là Phát Trang quỳ nghe di chúc. Nói xong, mọi người thấy sắc mặt [cư sĩ] rất lạ, bèn khiêng trở vào phòng ngủ. Hai vị Tăng và người nhà đồng thanh niệm Phật hiệu để trợ niệm. Phát Trang kính cẩn nâng tượng A Di Đà Phật tiếp dẫn, thỉnh [cư sĩ] hãy nhìn xem. Do lúc mới phát bệnh ngặt thì vẫn là chứng bệnh ở phía ngoài cổ (tức chứng Đối Khẩu Sang tái phát) khiến cho tay trái rũ xuống mấy tháng không thể giở lên được; chính đang lúc hấp hối vừa thấy tượng Phật, tay trái chợt hoạt động như thường, giơ lên chắp tay, liền tỏ vẻ hoan hỷ hớn hở, niệm gấp A Di Đà Phật. Lúc ấy, chẳng có mảy may đau khổ nào, an tường qua đời giữa tiếng niệm Phật của mọi người, thọ được sáu mươi mốt tuổi, nhằm ngày Mười Chín tháng Ba năm Kỷ Mão (1939) Âm lịch.

Cư sĩ bệnh nặng mấy tháng, đau khổ khó kham, quả thật là báo nặng trong đời sau do não hại chúng sanh đã chuyển thành báo nhẹ trong hiện đời, đến khi lâm chung có được tướng lành ấy, có thể nói là các căn tươi vui, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập Thiền Định, chắc chắn sanh về Tây Phương không còn ngờ gì nữa! Việc ma chay, đãi khách nhất nhất đều tuân theo lời cụ Ấn đã dạy trong thư: Nhất loạt dùng cỗ chay, mở ra đầu mối đầu tiên theo đường lối Phật hóa ở miền Nam Cám Châu. Thiện lợi như vậy tuy do chính thiện căn của chính cư sĩ chín muồi, nhưng quyến thuộc giúp sức đúng pháp khéo trợ niệm vào lúc lâm chung cho nên cũng thật sự là một trợ duyên rất lớn. Vì thế, cuối cùng, tôi mong tứ chúng Phật tử hãy sớm chú ý [điều này].

Bà Đinh nhà họ Lý, pháp danh Đức Hoằng, từng làm vợ cả ông Lý X… ở Dương Châu. Do chồng đã cưới vợ lẽ mà bà lại chưa từng sanh nở, khó sống yên trong nhà [chồng] được, bèn đến sống nhờ nơi mẹ kế là cư sĩ Đinh Đức Nguyên. Bà mẹ kế cũng coi bà Đinh như con ruột, nâng đỡ lẫn nhau, quây quần bên nhau gần suốt hai mươi năm mà giống hệt như một ngày. Năm Dân Quốc 17 (1928) ở tại đất Thân (Thượng Hải), do thân hữu dẫn đến gặp Ấn lão pháp sư, bèn cùng nhau cầu khẩn xin được nhiếp thọ, quy y, xin ban pháp danh. Lão nhân cũng nghĩ tới lòng họ thành khẩn bèn từ bi chấp thuận, và ghi cho pháp danh là Đức Nguyên, Đức Hoằng. Từ đấy, ăn chay trường, thờ Phật, tu trì nghiêm cẩn, mẹ con nương tựa nhau, chuyển thành pháp lữ. Đau đáu nghĩ tục duyên bạc phước, quyến thuộc thưa thớt, nay gặp Tịnh tông là cha mẹ tốt lành hướng dẫn xuất thế, được nương tựa nơi thầy,

cũng là may mắn muôn vàn. Do vậy, đối với lão nhân tâm hiếu kính mười phần chân thật, thiết tha.

Luận về sự tin tưởng, tu trì thường ngày thì hết thảy mọi mặt [cư sĩ Lý Đinh Đức Hoằng] đều trội hơn Lưu cư sĩ, chỉ hận túc nghiệp ngăn chướng, nhân duyên khiếm khuyết! Mùa Hạ năm Dân Quốc 27 (1938), thấy Vũ Hán sắp lâm vào cảnh vây hãm, nguy ngập, bèn từ Hương Cảng đến tỵ nạn tạm thời tại đất Hỗ (Thượng Hải). Do giá nhà quá cao, thuê mướn chẳng dễ dàng, bèn ở tại khách sạn, vừa quá tốn kém vừa quá bất tiện. Cụ Chân Đạt chùa Thái Bình biết mẹ con bà tin Phật chân thật, thiết tha, trong lúc đại kiếp này lênh đênh không nơi nương tựa, quyến thuộc đìu hiu, thật đáng thương xót, nên trong chùa có lập một tịnh thất cho năm người già trẻ cùng sống. Đến đầu tháng Ba năm Dân Quốc 28 (1939), [Lý cư sĩ] đột nhiên mắc bệnh thương hàn, dây dưa tới tháng Tư thuốc men không công hiệu, bệnh tình ngày càng nặng thêm, trong chùa Phật sự bề bộn, phòng ốc lại ít, nếu chết tại chùa không cách chi xếp đặt ổn thỏa được, bất đắc dĩ phải đưa vào bệnh viện. Quy định của bệnh viện là phải theo quy cách Tây Phương, việc trợ niệm lúc lâm chung muôn phần khó thể thực hiện được. Nhập viện hai ba ngày, những người biết Phật pháp chẳng thể đến thăm được, cư sĩ bèn chết hồ đồ tại bệnh viện vào sáng ngày Mười Tám tháng Tư, thọ năm mươi tuổi.

Người có tín tâm tu trì như thế nếu lâm chung được trợ niệm đúng pháp, sẽ hiện tướng lành vãng sanh chẳng kém cư sĩ Lưu [Hiếu Ngu]; nhưng vì cơ duyên bị trở ngại, hoàn toàn chẳng được hưởng lợi ích do trợ niệm, đến nỗi tín tâm hằng ngày chẳng thể thọ dụng được trong đời này, chỉ thành nhân duyên đắc độ trong vị lai, thật đáng tiếc quá! So sánh những chuyện này, biết đích xác trợ niệm lâm chung có quan hệ rất trọng yếu! Tuy nhiên, công chẳng luống uổng, quả không bỏ phí! Cõi đời chẳng có quả nào không có nhân, cũng như không có nhân nào chẳng kết thành quả. Lưu cư sĩ hưởng thiện lợi như thế là do nhân gieo trong đời trước nay đã chín muồi, vì thế có được thiện duyên quyến thuộc giúp cho thành tựu. Lý cư sĩ chịu cảnh ngang trái như thế chắc là vì đời trước phá hoại chuyện thù thắng của người khác đến nỗi cảm lấy đủ mọi thời tiết nhân duyên chẳng đúng pháp gây nên chướng nạn. Hết thảy thiện hạnh do tín phụng Tam Bảo trong hiện tại chắc chắc sẽ tạo thành cái nhân đắc độ trong vị lai, chẳng thể nghi ngờ, bàn bạc mảy may nào nữa, nhưng rốt cuộc chẳng thẳng chóng bằng liễu thoát ngay trong đời này. Do vậy, lão nhân thường nói*: "Lợi người tức là lợi mình, hại người còn quá hại mình".* Nguyện những vị Tăng - tục cùng hàng có chí sanh Tây trong nhất cử nhất động hãy chú ý nhân quả khiến cho mỗi bước mỗi chuyện đều tạo thành duyên thù thắng để thành tựu vãng sanh, [đấy là điều] thiết yếu vậy!

3. Người tu Tịnh nghiệp ăn chay niệm Phật trong xử sự thường nhật chuyện gì cũng phải rất phù hợp với Tịnh hạnh thì mới có thể vãng sanh

Cư sĩ Tào Á Bá người huyện Dương Tân tỉnh Hồ Bắc, thiên tư khá tốt, đến tuổi búi tóc đi học, liền cùng với những vị tham gia cuộc khởi nghĩa Vũ Xương[365] cực lực đề xướng cách mạng. Triều đình nhà Thanh nghiêm cấm, bèn liều mạng bỏ ra nước ngoài, đi khắp Âu - Mỹ, cùng hoạt động chung với các vị như Tôn Tổng Lý[366]. Đến năm Dân Quốc 11 (1922), cư sĩ bèn chẳng muốn nghe đến chuyện quốc sự nữa, ẩn cư tại Thượng Hải. Tiếp đó tậu sản nghiệp, dựng nhà tại Côn Sơn, rồi nghe theo lời khuyên của cư sĩ Trương Thuần Nhất tin tưởng Phật pháp, đọc khắp những bộ kinh luận nổi tiếng của Đại Thừa. Đến năm Dân Quốc 18, 19 (1929-1930), sau khi thân cận cụ Ấn, cũng khá hợp tính với Sâm, hễ gặp người khác bèn đem Phật pháp khuyên lơn, đề xướng tuyên truyền, khá có ảnh hưởng. Đối với chuyện thuộc pháp môn, cư sĩ tận lực hộ trì, chẳng hề né tránh, kiêng dè, cũng là người làm được những điều người khác khó thể làm. Sâm lo liệu những chuyện thuộc về tài sản nhà chùa tại Giang Tây cũng được cư sĩ giúp sức không ít. Ông ta khinh tài trọng nghĩa, thanh cao, thật thà, chẳng tranh quyền lợi với ai, cũng là hạng người hiếm có trong thời này. Tiếc là chuyện gì cũng luông tuồng, chẳng tuân theo quy củ đã định, đến nỗi phần nhiều những chuyện ông làm đều trở thành trò đùa! Vì thế, chỉ gieo được cái nhân xa, chứ khó thể được lợi ích thật sự trong đời này.

Thường ngày, do thân lẫn tâm đều mạnh mẽ, ông tự coi mình là anh hùng, mong có thể sống tới một trăm hai mươi tuổi! Hiềm rằng thuở thiếu niên chơi bời bừa bãi (chuyện này ông ta thường tự lớn tiếng nói cho người khác biết), trác táng quá độ nên đã trở thành bề ngoài mạnh mẽ nhưng bên trong thì khô héo; cho nên đến tuổi xế chiều cũng thường sanh bệnh. Mùa Thu năm Dân Quốc 26 (1937), bị bệnh thổ tả nhẹ, trị gần lành, vẫn gởi thư cho Sâm ước hẹn kỳ hạn đến đất Tô lễ bái, thân cận cụ Ấn, nhân đấy bày tỏ nỗi lòng. Nào ngờ tối hôm trước ngày đã định, cư sĩ mắc chứng dịch tả. Lần này những người bạn thân đã ước hẹn đồng hành đến mời cư sĩ lên đường, thấy ông ta đã sắp mất, chưa đầy một tiếng đồng hồ đã thiêm thiếp qua đời, thọ sáu mươi hai tuổi, chỉ được nửa số tuổi mong muốn, mất đúng vào giữa trưa ngày Hai Mươi Lăm tháng Tám. Hết thảy các sự thế gian lẫn xuất thế gian đã nói trước đây đều trở thành bánh vẽ. Đây chính là bằng chứng chắc như sắt về chuyện đùa bỡn nơi pháp môn, khó được lợi ích thật sự trong đời này!

---

[365] Tức cuộc Cách Mạng Tân Hợi (1911), xảy ra vào ngày 10 tháng 10 năm Tân Hợi, bắt đầu từ Vũ Xương, lật đổ nhà Thanh, lập ra Dân Quốc. Thoạt đầu, Tào Á Bá là một trong những lãnh tụ của nhóm thanh niên chủ trương cách mạng, canh tân Trung Hoa.

[366] Tức Tôn Văn (tự Dật Tiên, hiệu Trung Sơn), quốc phụ của Trung Hoa Dân Quốc.

Người tu Tịnh nghiệp đối với hết thảy những chuyện chẳng tuân theo quy củ đã định phải thống thiết răn ngừa vậy!

Cư sĩ Bành Thủ Chuyết người huyện Nam Xương, tỉnh Giang Tây, năm Dân Quốc 18 (1929), đặc biệt sang đất Hỗ chọn đầu bếp chuyên nấu món chay về Nam Xương trông coi tiệm đồ chay. Nhân đó, đến chùa Thái Bình lễ cụ Ấn nên mới bắt đầu quen biết Sâm. Về sau, ông lại trông coi Phật Kinh Lưu Thông Xứ tại chùa Hựu Dân. Do làm việc nghiêm túc, ông được các cư sĩ tín nhiệm, cho nên công việc cả hai nơi đều giao cho ông chăm sóc. Đối với chuyện trong pháp môn, ông luôn ủng hộ các vị Tăng - tục, cũng như dốc cạn tâm lực hộ trì đề xướng. Sâm phải lo chuyện tài sản nhà chùa ở vùng Nam Cám, được ông lập nhiều cách giúp đỡ, hưởng lợi ích cũng sâu đậm lắm. Nhưng vì ông đông con quá, trong nhà chẳng có của cải gì, duy trì sanh kế cho gia đình khá vất vả. Công khóa tự tu tuy chưa thể không gián đoạn, nhưng cũng chẳng chịu bỏ luống. Khi ngoài năm mươi tuổi, do lao lực chất chứa, thân suy nhược, đến nỗi thường đổ bệnh. Đến khoảng tháng Bảy năm Dân Quốc 27 (1938), biết trước lúc mất, đã định sẵn kỳ hạn với người nhà. Khi ấy, người nhà vây quanh trợ niệm Phật hiệu, cư sĩ cũng chánh niệm phân minh, an tường về Tây giữa tiếng niệm Phật của đại chúng. Do ông ta cung kính Tam Bảo, chuyện gì cũng học theo ông Hứa Chỉ Tịnh, nghe nói tướng lành lúc vãng sanh cũng gần giống như vậy (nhưng lúc nghe còn chưa ghi lại, nên vẫn còn nhiều chuyện chưa thể tường tận được).

Cư sĩ Tra Tân Thần, người huyện Cửu Giang tỉnh Giang Tây, năm Dân Quốc 24 (1935), làm nghề buôn bán, gia đạo cũng dư dả đôi chút, nhiệt tâm làm chuyện công ích, ưa làm lành, thích bố thí. Những chuyện từ thiện trong địa phương đều khảng khái giúp cho thành tựu, làm phó xã trưởng của Cửu Giang Liên Xã. Năm Dân Quốc 24 (1935), Sâm qua Cửu Giang vừa gặp mặt lần đầu liền được ông đặc biệt ưu đãi. Năm Dân Quốc 25 (1936), triều bái Phổ Đà, đến đất Tô, càng thêm quen biết đậm đà hơn. Mùa Xuân năm Dân Quốc 28 (1939), do tỵ nạn về sống tại Cám Châu, tuy phải lênh đênh trôi nổi, vẫn cứ nhất tâm thờ Phật, mấy lần gởi thư cho Sâm để bàn bạc chuyện trong pháp môn. Đến tháng Giêng năm Dân Quốc 29 (1940), chẳng may phi cơ oanh tạc Cám Thản, bom rớt xuống gần nơi [cư sĩ] cư ngụ, bị kinh hãi trúng phong, tiếp đó bị chứng bệnh viêm màng não cấp tính, qua đời vào giờ Thân ngày Hai Mươi Mốt tháng Hai. Do bình nhật tin tưởng Tịnh Độ sâu xa, thật sự có tu trì, lại thêm quyến thuộc cũng hơi biết về ý nghĩa quan trọng của sự giúp sức trong lúc lâm chung, nên tuy bị mất vì bệnh ngặt, tâm vẫn giữ được chánh niệm, trọn chẳng có hiện tượng hôn mê, vướng mắc, xưng niệm A Di Đà Phật liên tiếp, nhắm mắt, an nhiên qua đời. Dựa theo kinh giáo, người mất như vậy có khá đầy đủ tướng lành sanh về Tây, cũng là do chuyện gì cũng đều tuân theo quy củ đã định, phần nhiều phù hợp với Tịnh Độ mà cảm vời ra.

Xét ra, ba vị cư sĩ này đều quy y dưới tòa của Ấn lão nhân, giữ lễ đệ tử, đối với cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh không ai chẳng đồng thanh tán dương, nhưng hết thảy hành vi của hai vị Bành - Tra phần nhiều lấy hai vị lão nhân (tức tổ Ấn Quang và ông Hứa Chỉ Tịnh) làm khuôn mẫu để phỏng theo; nếu có chỗ nào sức không kham nổi thì cũng tự biết hổ thẹn, chẳng dám buông lung, do vậy kết quả cũng chẳng thua kém cho mấy! Tào cư sĩ xưng tụng ngoài miệng, có thực hành, nhưng không có gì tới nơi tới chốn, chỉ tự mình hành động, phần nhiều gần như là làm quấy quá, chứ thật ít khi thực hiện thật sự! Hơn nữa, hoàn toàn chẳng có công khóa nhất định để lễ bái, trì tụng đúng pháp, lại còn thuận theo tâm hạnh của chính mình, nên mang tiếng là niệm Phật nhưng kết quả cũng hoàn toàn chẳng có ảnh hưởng gì! Đủ chứng tỏ Phật pháp quý nơi thật hành, chứ không phải chỉ nói xuông là có thể giải quyết xong việc. Công chẳng lãng phí, quả chẳng phí uổng. Sâm viết bài này để tự răn mà cũng để răn nhắc hết thảy những ai cùng bệnh vậy!

4. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hiểu Phố, viện trưởng Ân Thí Pháp Viện

(đính kèm nguyên văn thư gởi đến, [Hoàng cư sĩ có] pháp danh là Đức Hoằng)

Sau tiết Đoan Ngọ hai bữa, lời chỉ dạy của thầy được gởi đến, để mãi cho đến hôm nhằm tiết Đại Thử mới cung kính mở ra đọc, tính ra đã ba mươi mốt ngày[367]*. Giao thông bất tiện như thế này, nhằm vào lúc chẳng bình thường, hết thảy mọi việc đều phải xem xét theo quy cách chẳng bình thường thì mới được trời cao đất rộng vậy! Tự nghĩ nghiệt nặng chướng sâu, may giữ được cái mạng tàn để thưa hỏi cùng thầy đều là do sức Phật, Bồ Tát thầm gia hộ vậy! Ngày Hai Mươi tháng Tư Âm lịch, máy bay Nhật ném bom huyện thành Ân Thí, khi ấy nhằm đầu giờ Dậu, Đức Hoằng từ pháp viện (tòa án) trở về chỗ ở; còi báo động hú lên, hai đứa con gái và đứa tớ gái ẵm bé Phước Châu chạy vào hang núi [trú ẩn], cô tiểu thiếp ẵm bé*

---

[367] Đoan Ngọ (ngày Mồng Năm Tháng Năm), gọi đủ là Đoan Ngọ Tiết, còn gọi là Đoan Dương Tiết, Ngọ Nhật Tiết, Ngũ Nguyệt Tiết, Ngũ Nhật Tiết, Ngải Tiết, Trùng Ngọ, Hạ Tiết v.v… Thoạt đầu, theo mê tín, đây là ngày thạnh dương nên sâu bọ sanh sôi, ôn dịch dễ xảy ra, nên có nhiều tập tục như uống rượu pha hùng hoàng, dùng lá ngải vò nát xoa vào móng tay để giết sâu bọ trong bụng v.v… Ngoài ra, vào thời cổ, ở phương Nam Trung Quốc, đại khái vùng Chiết Giang, có một sắc dân thiểu số được coi là hậu duệ của loài rồng, thường tế lễ thần Đồ Đằng để cầu mưa thuận gió hòa vào ngày mồng Năm tháng Năm. Về sau do Khuất Nguyên, quan đại phu nước Sở, do can vua không được đã đâm đầu xuống sông Mịch La nhằm tiết Đoan Ngọ, nên người ta cũng dùng ngày này để kỷ niệm một vị ái quốc.

Đại Thử là một tiết khí trong hai mươi bốn tiết khí của một năm, kéo dài từ Hai Mươi Hai tháng Bảy đến ngày mồng Tám tháng Tám Dương lịch. Theo Nguyệt Lệnh Thất Thập Nhị Hầu Tập Giải, sở dĩ gọi là Đại Thử vì lúc ấy khí hậu nóng nhất trong năm.

Ở đây, ông Hoàng đã tính sai ngày, sau Đoan Ngọ hai ngày (tức mồng Bảy tháng Năm) cho đến ngày đầu tiên của tiết Đại Thử (Hai Mươi Hai tháng Bảy) là 75 ngày, chứ không phải 31 ngày.

Phước Bị ở lại với Hoằng, không chạy đi. Còi hụ báo động khẩn cấp rú lên từng hồi, Hoằng đối trước Phật niệm Quán Âm Bồ Tát, máy bay chao qua lượn lại gầm rít ầm ĩ. Trước Phật tòa có một cái bàn vuông, bên trên phủ vải bông, người tiểu thiếp nép dưới gầm, chợt kéo áo Hoằng, Hoằng cúi đầu nhìn xuống. Đầu Hoằng vừa rúc xuống gầm bàn, bom đạn liên tiếp nổ rền, nhưng không quá dữ dội. Bé Phước Bị khóc thét, lưng Hoằng bị miểng văng trúng, trầy nhẹ, đứng lên xem thử, nhà cửa bị rung sụp, Phật tòa cũng bị nghiêng lệch, tro bụi phủ đầy nhà. Dưới chân có bức tượng Quán Âm nhỏ bằng sứ, bèn vội nhặt lấy ôm vào lòng (năm ngoái, phòng ngủ ở Pháp Viện bị tàn phá, tượng sứ ấy bị vùi trong đống gạch ngói, chẳng bị hư hao mảy may nào). Tường đã ngã xiêu ra phía ngoài. Tôi cùng với người tiểu thiếp ra khỏi cửa xem mới biết hai dãy phố trước và sau đều bị trúng bom, kèo gãy rui sụp. Nhà hàng xóm ở dãy phố phía sau lại trúng phải đạn lưu huỳnh bốc cháy, họ thảng thốt chạy ra khỏi chỗ ẩn núp có kèo gỗ chống đỡ nơi dãy phố phía trước. Người tiểu thiếp và cô bé hàng xóm chạy tránh đến chỗ an toàn.

Hoằng tính vớt vát quần áo, đồ đạc, nên quay trở lại cổng ngõ nơi trú ngụ, một mình không ai giúp tay, chẳng dám chui vào một mình. Đang trong lúc ngần ngừ, chẳng ngờ bốn mặt lửa bốc lên nghẽn lối, phải gấp tránh né, vội nằm nép mình trong cái rãnh bùn lầy phía trong tường, nhắm mắt niệm Phật. Trên, dưới, trái, phải, tàn lửa rụng như mưa, lấy tay phủi liền tắt. Ngọn lửa cách đầu chưa đầy một trượng, hơi nóng vô cùng khó chịu đựng được; bùn trong rãnh đã trở thành nước nóng, quần áo đã bén lửa một hai chỗ, trong tâm vẫn không sợ hãi, chỉ tự trách chớ nên tham luyến quần áo, đồ đạc để rồi bị hãm trong tuyệt địa, lặng lẽ chờ Phật, Bồ Tát tiếp cứu mà thôi! Một hồi lâu sau, thế lửa ở phía Nam giảm đi, nhờ gót giày bị bùn lầy thấm ướt, liền cố sức đạp lửa xông qua, đi xa được mười trượng, rốt cuộc được an toàn, không bị thương tổn mảy may; bất quá da thịt bị lửa hun đã lâu, ông mập đã trở thành chàng gầy nhom! Tất cả quần áo, đồ đạc, sách vở, và nhật ký, bản thảo thơ văn mười mấy năm qua đã mất sạch không còn gì. Những hồ sơ, vật dụng trong pháp viện cũng tiêu sạch. Cũng may là các bộ phận hành chánh, tài chánh đều do viện trưởng phân viện thứ ba thuộc Tối Cao Pháp Viện đảm nhiệm. Ngày hôm qua theo lệnh của Bộ, các chức vụ viện trưởng, chủ tịch phân viện đều bị bãi trừ.

Trong tương lai, tuy Hoằng bị kỷ luật, nhưng chắc là chén cơm cũng không bị trở ngại. Pháp viện dời về khu vực tạm trú Đông Hương, Hoằng bèn thuê một gian nhà tranh ở vùng phụ cận, mượn của bạn bè một hai bộ quần áo. Đồng hương tặng cho mấy đứa trẻ mấy bộ, hai đứa con gái, hai thằng con trai có áo không có quần. Phần lớn những tiệm buôn trong thành bị bom phá hủy, ở trong làng muốn ra chợ [mua sắm] vải vóc rất khó, sống cuộc đời dân tỵ nạn gần hai tháng trời. Nghĩ đến minh đản bát tuần của tiên

khảo[368], không có sức làm chay, chỉ dâng lên năm đồng, cầu xin thầy chuyển lời thỉnh đến đạo tràng Một Trăm Lẻ Tám Phật Thất làm lễ cầu siêu, lại xin mua giùm một "món đồ câu cơm" (tức Lục Pháp Toàn Thư[369]). Đứa con thứ vốn tên là Phước Bị, chẳng ngờ Ấn lão pháp sư khi đặt tên liền dùng ngay hai chữ ấy, Phật pháp cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Hoằng từ sau khi thoát ra khỏi cơn nạn lửa, thề suốt đời trì chú Đại Bi, đi, đứng, nằm, ngồi trong tâm đều thầm tụng để cầu thế giới hòa bình, chỉ quan tâm đến chuyện cày bừa, chẳng hỏi đến chuyện thâu hoạch, thầy có cho là đúng hay không? Sanh con lẫn nuôi dạy đều quan trọng, người tiểu thiếp răn dạy rất nghiêm, lúc cấp bách cũng biết niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, bé Phước Châu cũng biết lạy Phật. Con thưa gởi những gì nghĩ biết, rất mong thầy gởi thư răn dạy về lý nhân quả trong lần bị nạn lửa này. Phiền thầy cho con gởi lời vấn an trước tòa lão pháp sư.

Ngày hôm qua nhận được thư gởi tới bằng đường tàu, ông trải qua một phen nguy hiểm kinh sợ này khác nào được sống sót từ nơi miệng cọp, đúng là khiến cho người khác chẳng rét mà run! Phật, Bồ Tát hữu cầu tất ứng, tầm thanh cứu khổ, cảm thông chẳng thể nghĩ bàn, [nay đã] có [thêm] chứng cớ để càng thêm tin tưởng. Sâm tính soạn một bài ký về sự linh cảm đăng trên những tờ báo như Phật Học Bán Nguyệt San v.v… để tuyên dương nhằm khơi gợi lòng tin tưởng của mọi người, mà thiện căn của cư sĩ cũng ngày càng được tăng thêm. Gặp phen cư sĩ mắc đại kiếp về quần áo, vật dụng lần này, Sâm ở xa ngoài mấy ngàn dặm, quả thật chỉ ôm lòng thương cảm nhưng không cách nào giúp đỡ được. May là cả nhà lớn bé đều được thoát hiểm không hề hấn gì. Chỉ có thân hình bị lửa dữ hun lâu nên chàng mập biến thành gã ròm chứ không bị tổn thương chi khác thì cử động lại càng thêm thoải mái, cũng không trở ngại chi!

---

[368] Cha đã mất gọi là tiên khảo, minh đản (hay còn gọi là minh thọ) bát tuần là ngày sinh nhật tám mươi tuổi của người đã khuất.

[369] Lục Pháp Toàn Thư là một bộ sách tổng hợp tất cả những dữ liệu, thông tin cần thiết về luật pháp được áp dụng tại Trung Hoa Dân Quốc và Nhật Bản. Nội dung bao gồm sáu thể loại luật pháp:

1. Hiến pháp
2. Dân pháp: gồm những điều luật dân sự, chẳng hạn khai sanh, khai tử, đăng bộ nhà, xe, ruộng vườn v.v…
3. Dân sự tố tụng pháp: những điều luật về thưa kiện dân sự, chẳng hạn ly hôn, ly thân, tranh chấp gia sản, điền sản v.v…
4. Hình pháp: những điều luật về tội phạm.
5. Hình sự tố tụng pháp: những điều luật quy định về sự tranh cãi kiện tụng liên quan đến những tội hình sự.
6. Hành chánh pháp và Hành chánh tố tụng pháp: những điều luật, quy định về biện pháp xử lý hành chánh và thưa kiện trong lãnh vực hành chánh.

Do tài liệu này vô cùng cần thiết cho nghề nghiệp của một quan tòa nên ông Hoàng gọi đùa nó là "món đồ câu cơm".

Còn như trong lúc chưa thoát khỏi hang lửa, đang trong lúc nguy hiểm nhất vẫn có thể tâm không sợ hãi, đấy chính là chỗ biểu hiện một dạ tu trì vậy, nhưng chỉ biết lặng lẽ chờ Phật, Bồ Tát đến cứu giúp, chẳng biết nghĩ đến chuyện đã lâm vào cảnh hãm tuyệt, đang trong lúc muôn phần không còn lẽ sống, càng phải nên chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật hoặc Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát (niệm danh hiệu nào cũng đều được), nhất tâm mong mỏi Phật, Bồ Tát rủ lòng từ. Nếu chẳng thể thoát hiểm tìm ra lẽ sống, liền chuyên mong được tiếp dẫn vãng sanh. Chẳng biết suy nghĩ như thế thì chưa phải là triệt để rốt ráo, may là được thoát hiểm, nếu không, sợ rằng đã chôn thân trong hầm lửa, chẳng được lợi lành vãng sanh thì lầm lẫn lớn quá rồi! Chú tâm tưởng Phật, Bồ Tát tiếp dẫn vãng sanh, nếu như chưa đến lúc thì cũng cảm được Phật, Bồ Tát cứu giúp, che chở thoát hiểm. Rất mong hãy *"đầu sào trăm thước, tiến thêm bước nữa"* thì lợi ích lớn lao mới là triệt để.

Còn như luận về lý nhân quả trong lần này thì bọn ta từ vô thỉ đến nay không oan nghiệt nào chẳng tạo, chỉ cần nhân duyên hội ngộ ắt sẽ chịu quả báo. Ngay như hết thảy tâm hạnh hiểm ác của những kẻ ngay trong hiện thời khiến cho chúng ta mắc phải đại kiếp này [đều là vì] bọn ta xưa kia khi mê muội chẳng biết giác chiếu [đã trót mang những tâm hạnh hiểm ác ấy], dẫu có nặng - nhẹ, mạnh - yếu khác biệt thì cũng không gì chẳng phải là "chỉ mong sao ta sống, chẳng sợ người khác chết, cậy năm mươi bước cười kẻ một trăm bước" mà thôi! Cõi đời không quả nào chẳng có nhân mà cũng không nhân nào chẳng có quả! Tương lai rốt cuộc sẽ phải đền bù ra sao, hoặc ngấm ngầm hoặc rõ rệt, sẽ tự có giá trị tương đương, chúng ta chỉ nên tin tưởng sâu xa nhân quả chẳng sai tơ tóc là được rồi! Nếu nói rốt ráo là như thế nào thì chính tôi là hạng tăng phàm tục chỉ biết cơm cháo chẳng thể nào phân tích được!

Về minh thọ tám mươi tuổi của lệnh tiên nghiêm lão nhân, tôi đã gởi thư cho đạo tràng Một Trăm Lẻ Tám Phật Thất lập bài vị cầu siêu. "Bộ đồ câu cơm" Lục Pháp Toàn Thư đã cậy bạn bè mua giùm, gởi giùm rồi. Tôi gởi kèm theo thư này thư trả lời của người bạn ấy để ông biết đầu đuôi. Còn ý nguyện cao quý suốt đời trì chú Đại Bi để cầu nguyện thế giới hòa bình của ông cố nhiên rất tốt, nhưng đang trong lúc muôn phần không có lẽ sống, đối với kiếp sống thừa sau cơn tai kiếp, quang âm hữu hạn này, càng phải nên niệm Nam Mô A Di Đà Phật cho nhiều và đem hết thảy công đức hồi hướng cho khắp mọi chúng sanh cùng cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, để mình lẫn người đều được lợi ích rốt ráo liễu sanh thoát tử thật sự, ngõ hầu chẳng phụ Phật, Bồ Tát từ bi cứu vớt lần này vậy!

5. Lời bạt ghi sau bài ký về chuyện bà Phó Trâu Nhân Hiển niệm Phật cảm được cọp thả con lợn [mà nó đã bắt]

(đính kèm nguyên văn bài ký được gởi đến)

1) Bài ký:

Phó Trâu Nhân Hiển, người thôn Đông Quách, huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây, là vợ cư sĩ Phó Xuân Phố (chuyện sanh về Tây của ông Phó Xuân Phố chồng bà ta xin xem ở cuối phần Phụ Lục này), là người nhân từ, mềm mỏng, thành thật, khắc khổ, tự gắng sức, tin thờ Tam Bảo, niệm Phật chẳng lười nhác. Phó cư sĩ khuất núi, bà lênh đênh cô khổ, trơ trọi một thân, mất nơi nương tựa, nhiều lần bàn tính với bạn bè của cư sĩ Xuân Phố về chuyện ăn ở, gặp phải nhiều nghịch cảnh. Giữa tháng Năm năm Dân Quốc 28 (1939), được người ta đưa đến cư trú tại Thanh Tịnh Am ở làng Thạch Pha cách trấn Chương Thụ mười mấy dặm. Bà Nhân Hiển niệm tụng siêng ròng, chăm chỉ, lúc rảnh lên núi đẵn củi về bán để đổi lấy thưng thóc đấu gạo. Người trong làng đại đa số không nghe đến danh hiệu Phật, thấy Nhân Hiển tu trì như vậy đều thân cận. Có ai mắc bệnh thì Nhân Hiển bèn vì người ấy tụng kinh, cho thuốc (thuốc do cư sĩ Dư Kính Tây chế tạo gởi đến), liền có công hiệu lạ thường, trong mười trường hợp có tới tám chín người lành bệnh.

Một ngày nọ sau khóa tụng buổi sáng, [bà Nhân Hiển] theo lệ thường lên núi đẵn củi. Củi đã bó chặt xong, đặt lên vai gánh đi, dõi mắt thấy ở phía trước chừng một trượng, trong đám lau lách có con vật gì to như con trâu, đúng lúc ấy có hai con lợn trong thôn chạy qua chỗ đất ấy, con vật đó liền chụp lấy một con lợn, ra vẻ sắp ăn thịt. Bà Nhân Hiển thấy vậy, liền lớn tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Nào ngờ con vật ấy buông con lợn ra, mặc cho nó trốn chạy. Con vật ấy hai mắt sáng quắc, chăm chú nhìn Nhân Hiển, Nhân Hiển nhìn kỹ mới biết là hổ. Lúc ấy, tuy niệm Phật không ngớt nhưng gần như niệm không ra tiếng, kinh hoảng luống cuống, chẳng giở chân lên được. Phía dưới núi mấy chục bước chân có nông dân đang cày ruộng, trong lúc hổ đến - đi những người nông dân ấy đều trông thấy, bà Nhân Hiển niệm Phật những người ấy cũng nghe rõ. Con lợn bỏ chạy về nhà, chạy đúng ngang qua khoảnh ruộng đó, máu tươi đầm đìa, những người nông dân đều kinh dị, đều bảo "con lợn ấy có thể đào thoát khỏi miệng hổ quả là một sự kỳ lạ lớn, nhưng người niệm Phật có thể gặp bất trắc!" Đương trong lúc phân vân suy tính, nghe tiếng niệm Phật đứt nối vẫn thoảng bên tai, ùa nhau lần theo tiếng niệm đi đến, thấy bà Nhân Hiển đứng ngây như con gà gỗ, nhưng vẫn niệm Phật như cũ. Mọi người ùa tới hỏi han, Nhân Hiển mới trở lại dáng vẻ bình thường, kể lể đầu đuôi, bỏ củi quay về. Do câu chuyện lạ gặp hổ niệm Phật giải thoát tai ách cho con lợn này, người dân làng Thạch Pha mới biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, người tin tưởng do vậy ngày càng đông đảo, đàn-na tín thí cũng chẳng thiếu người. Người bố thí đầu tiên chính là chủ nhân con lợn thoát miệng hổ. Con lợn ấy nay vẫn mập mạnh như thường.

(Bài ký này thu thập từ những điều được lược thuật trong những lá thư do cư sĩ Dư Kính Tây nhiều lượt gởi đến)

2) Lời bạt:

Phó Trâu Nhân Hiển, năm Dân Quốc… đã cầu được truyền Tam Quy dưới tòa hòa thượng Định Hằng ở Nam Xương. Mùa Thu năm Dân Quốc 24 (1935), Sâm trở về đất Cám khi đi ngang qua trấn Chương Thụ, bà ta theo chồng là Xuân Phố xin Sâm truyền thụ Ngũ Giới. Từ đấy, ăn chay niệm Phật, tinh tấn chẳng lười nhác. Tới khi Xuân Phố về Tây vào năm ngoái, mắt thấy tướng lành hiện rõ, mọi người khen là hy hữu, nhân đấy tín tâm càng thêm vững chắc. Đã thế, trên không cha mẹ, dưới không con cái, lại chẳng có miếng đất cắm dùi, cô quạnh, khổ sở, không nơi nương tựa, tâm nhàm chán Sa Bà, cầu sanh Cực Lạc càng thêm thiết tha. Hiềm rằng túc nghiệp chướng ngăn, tuy có những bạn già của chồng như cư sĩ Tạ Song Hồ v.v… đôi phen giúp đỡ, rốt cuộc do nhân duyên chướng cách, khó sống yên được. Nhìn vào những nỗi khốn khổ bà đã trải qua, quả thật là ách nạn bị đói rét bức bách, không lối nào cầu xin được! May là bà có tâm tin Phật chuyên nhất, thiện niệm chân thật, thiết tha, gặp phải chướng ngại vẫn luôn "thà tự mình chịu khổ, chẳng muốn gây khó khăn cho người khác!" Khổ, vui, an, nguy trong cuộc đời này đều không bận tâm đến, một dạ dốc chí niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Do lòng chân thiện ấy nên được cảm ứng như vậy, đủ diệt được túc nghiệp nặng nề. Những nghịch cảnh bà đã phải trải qua trước đây quả thật đã bị lòng chân thiện ấy cảm ứng mà bị trừ sạch, chuyển quả báo nặng nề chẳng thể tưởng tượng được trong đời sau thành quả báo nhẹ nhàng trong đời hiện tại. Vốn là bà góa đói khát khổ sở, không cách gì lo liệu được ba món ăn, mặc, ở, nay do chẳng mảy may tham cầu mà tự nhiên có cái ăn, cái mặc, chỗ ở. Tuy do các thiện sĩ thương xót, giúp đỡ thành tựu cho, nhưng nếu không được lòng Từ của đức Phật gia bị, làm sao có thể đạt được như vậy? (Xét rằng: Hổ là con vật cực ác, vốn bắt chim chóc, gia súc làm thức ăn, nhưng vừa được nghe Phật hiệu nhân đấy tánh hung ác tiêu ngay, tâm từ thiện nẩy sanh, liền thả đi con lợn đã ngoạm vào miệng. Nhưng điều chưa từng được nghe qua [là hổ] ra khỏi rừng thấy người niệm Phật, đến khi [hổ thấy] bà Nhân Hiển kinh hãi, hổ liền lánh đi. Sáu chữ hồng danh oai thần thật chẳng thể nghĩ bàn! Hổ còn như thế, con người là "vạn vật chi linh", nghe rồi rốt cuộc sẽ như thế nào? Nay người trong cả làng ấy nhân chuyện này bèn cảm động, sanh lòng tin. Do vậy, con hổ ấy là hộ pháp của Nhân Hiển, là đạo sư (người hướng dẫn) cho người làng vậy. Kinh dạy: *"Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh"*, con hổ là một chứng minh càng rõ rệt vậy. Nguyện khắp những người cùng hàng mang bẩm tánh tối linh hãy dũng mãnh thức tỉnh, giác ngộ để khỏi bị chê trách người thua kém hổ)

Nhưng Nhân Hiển nay đã được như vậy, nếu đột nhiên sanh tâm tự mãn, tự cho là đủ, tự cậy là ta có công hạnh, hoặc xen tạp vọng niệm tham cầu không biết đủ sẽ khó khỏi chọc giận hộ pháp long thiên, tương lai sẽ bị tai ách y như cũ. Chỉ mong bà ta biết mình vốn là bà góa khốn khổ, chắc chắn trở thành người đói khát, nay được ba thứ ăn - mặc - ở để có thể sống qua

ngày thì càng phải sanh lòng hổ thẹn sâu đậm, biết đủ, biết ngừng, khẩn thiết sám hối, chuyên ròng niệm Phật, ác niệm tham - sân - si v.v…đều mong nhổ sạch cội rễ, phát khởi Bồ Đề đại tâm, tự độ, độ người, đối với những tài vật được đàn-việt thí cho, trừ những thứ sử dụng tiết kiệm chánh đáng cho chính mình ra, tất cả những gì còn dư đều nên thí lại cho người cô đơn nghèo túng. Suốt đời hành như thế thì sanh Tây sẽ là điều đoán biết được, ngõ hầu khỏi uổng dịp gặp gỡ được Phật, Bồ Tát linh cảm gia bị này, mà công đức của các vị đàn-việt hộ trì cũng được thành tựu viên mãn.

6. Qua thư của Thôi cư sĩ trả lời Du cư sĩ, nhân tiện dâng lên lời phúc đáp cư sĩ Giang Dịch Viên

Cư sĩ Giang Dịch Viên vốn là một đại văn nhân có túc căn, có học vấn, tuy đối với đế lý tinh áo của Phật pháp còn chưa thâm nhập (xem phần luận về Tam Quán trong cuốn Diễn Giảng Lục của ông ta thì người có đầy đủ con mắt sẽ tự biết được trình độ Phật pháp của ông ta). Do về thế đế, ông ta thông minh hơn người nên đối với [những nghĩa lý] Phật pháp thông tục có thể nêu tỏ rực rỡ, lớn lao. Lại còn là con người chẳng câu nệ, hẹp hòi, [luôn] hòa nhã, khiêm hư, thật chẳng giống như những kẻ cuồng ngạo tự cao, lầm lạc nghĩ mình cao quý, lớn lao, coi rẻ hết thảy. Vì thế, Sâm nghe tiếng ông ta, xem văn của ông ta (chỉ cho bài Tam Tự Tụng và tập đầu bộ Dương Phúc Trai Thi Kệ) liền khát ngưỡng, hâm mộ khôn nguôi. Đến khi gặp mặt trò chuyện, càng cảm thấy yêu mến, rất mong mỏi ông ta sẽ cùng với các vị cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, Từ Úy Như, Nhiếp Vân Đài, Phạm Cổ Nông v.v… làm kim thang đuổi tà giúp chánh cho pháp môn (ở đây là nói đến những vị ngoại hộ còn có thể hoằng pháp lợi sanh. Nếu chỉ làm ngoại hộ thì có nhiều người lắm). Hiềm rằng do nghiệp cảm của chúng sanh, ông Từ, ông Hứa nối nhau quy Tây, ông Vân bệnh nặng, ông Cổ thân thể cũng suy yếu, chỉ còn ông Dịch là mạnh khỏe. Về mọi mặt, [ông Giang Dịch Viên] đều khá, chỉ vì tâm hiếu kỳ nặng nề, đến nỗi bị bút gỗ, mâm cát[370] mê hoặc. Lại do những kẻ khéo tâng bốc người khác đến mức thành phường giảo quyệt mượn sức linh quỷ để bợ đỡ hòng làm mồi nhử, [khiến cho người say mê cầu cơ bị những tà thuyết ấy] thâm nhập tận tạng phủ, đến nỗi hễ mê rồi chẳng quay lại được! Ngay như vị được ông ta thường sùng bái, tín phụng nhất là Ấn Quang pháp sư ra sức quạt gió huệ,

---

[370] Thời ấy, để cầu cơ người ta làm lễ thỉnh tiên, rồi hai đồng tử (người hầu cơ) vịn cơ bút (cơ bút thường có hình dáng như một cái giỏ, có vành để cầm được, một đầu giỏ có cái bút gỗ hình chim loan có mỏ nhọn) để viết chữ xuống một cái mâm đầy cát hay gạo. Lối cầu cơ ấy gọi là “phù loan” (thường đọc trại thành “phò loan”). Ngoài ra, còn có loại cơ bút mang hình dáng như một cái bút gỗ có hai cái cán dài được nối vào đuôi bút. Hai đồng tử hầu cơ sẽ cầm hai cái cán ấy nâng lên hạ xuống cho bút viết chữ xuống mâm cát, nhóm ông Giang Dịch Viên cầu cơ theo lối này nên mới nói là “bút gỗ, mâm cát”.

cực lực quét sạch cũng chẳng thể lay động được màn sương mê. Sâm tự xét mình học thức hẹp hòi, chẳng cần phải nói nữa.

Vì thế, ông ta lầm lẫn coi đám mây mê của những lời giáng cơ và vầng mây từ Phật pháp giống hệt như nhau, từng gởi thư cầu khẩn cụ Chân và Sâm xin cụ Ấn cho lưu thông hòng trừ bỏ màng ngăn khiến cho đôi bên đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu với nhau! Sâm cũng muốn phúc đáp gấp ngõ hầu ông ta ra khỏi hang tối, lên được cây to. Một phen suy nghĩ kỹ lại, thấy mình người hèn lời nhẹ, thật khó ra tay.

May sao có cư sĩ Thôi Chú Bình vốn theo hầu ông Dịch lâu ngày (Diễn Giảng Lục của ông Dịch phần lớn do ông Thôi ghi lại), [ông Thôi là người] vẫn còn có thể phân biệt tà - chánh, chân - ngụy, chẳng đến nỗi bị làn sương mê phủ kín. Xem thư ông ta trả lời cư sĩ [Du] Hữu Duy xót lòng đơn độc chỉ bảo[371], nói thẳng khuyên can, ngăn đón, đáng gọi là đã cảm nhận trước tấm lòng tôi, vì thế liền nhờ vào nhân duyên này để giảm bớt công bút mực giãi bày, bèn dâng lời thưa trung thực, thành khẩn nhất đáp lời ông Dịch, không chừng ông ta nghe lọt tai. Ông Dịch làm thơ rằng: *"Tạp niên Nho Phật phả trầm tư, Phật quỷ thiên uyên khởi vị tri"* (Ba chục năm ròng nghĩ Phật - nho, Phật quỷ trời - vực vẫn chưa tường). Niệm Phật trì trai mà gọi là "quỷ giáo" (lời dạy của quỷ) thì lời lẽ ấy có khác gì báng Phật A Di Đà! Do điều này càng biết ông Dịch còn thiếu con mắt chọn lựa pháp. Vì sao vậy? Kinh Lăng Nghiêm, quyển thứ chín, trong phần giảng về Tưởng Ấm gồm mười loại Ấm Ma, mỗi đoạn đều nói thiên ma thừa dịp thuận tiện, loài phi tinh[372] dựa vào con người, [khiến cho người ấy] miệng nói kinh pháp, [nhưng] người ấy chẳng biết là ma dựa, tự nói đã đắc vô thượng Niết Bàn, điều này có thể làm chứng cớ sắt đanh để vạch trần ông Dịch đã nhận lầm phương hướng. Do không biết điều này nên chẳng lạ gì đã mê rồi không trở lại được nữa!

Huống chi lúc này lòng người chẳng bằng thời xưa, chuyên chú trọng đầu cơ trục lợi, xin ông Dịch hãy đọc kỹ Lăng Nghiêm, nghiên cứu tinh ròng nghĩa kinh cho đến khi hiểu sâu xa tỉ mỉ ma sự hiểm ác mới thôi! Nếu vẫn cứ coi bút gỗ, mâm cát có thể thay thế cho sự tuyên nói, giáo hóa của đức Phật thì sẽ có lỗi với lời khuyên dạy của những vị như cụ Ấn [chẳng hạn], [những vị ấy là] bậc đầy đủ chánh tri kiến, hạnh giải tương ứng, rát miệng xót lòng, trong ngoài như một; nếu không phải là hạng người giống như Điều Đạt[373] thì chẳng biết còn là loại người nào khác nữa! Sao lại nghĩ lời khuyên niệm Phật ăn chay và những bậc thiện tri thức hiện thời là chẳng

---

[371] Sở dĩ bảo là "đơn độc chỉ bảo" (cô chỉ) là vì khi ấy các môn sinh của Giang Dịch Viên đều mê man cầu cơ giống như thầy, tin mê muội vào những lời cơ bút, riêng mình ông Thôi Chú Bình là tỉnh táo, cực lực khuyên lơn các bạn đồng môn.

[372] Phi tinh là danh từ chỉ chung những loài quỷ thần có thần túc, có thể di chuyển rất lẹ làng giữa các nơi, chẳng hạn như loài quỷ Dạ Xoa (thường có tên là Tiệp Tật Quỷ)

[373] Điều Đạt là gọi tắt của chữ Đề Bà Đạt Đa (Devadatta). Đề Bà Đạt Đa là em họ của Phật, do ganh ghét nên đã lập cách phá hoại Tăng đoàn, mưu hãm hại đức Phật nhiều lần.

đáng tin tưởng, cứ nhất định tin chắc vào những lời nhận được từ nơi bút gỗ, mâm cát vậy? Nay tôi giãi bày lôi thôi như thế, chính là vì ông Dịch là người cao thượng bất phàm, mong hãy vứt bỏ bút gỗ, mâm cát, chuyên dùng đạo niệm Phật ăn chay để tự hành, dạy người thì chẳng những pháp môn may mắn mà thật ra chúng sanh trong cả đại địa cũng may mắn lắm đấy! Khăng khăng một lòng ngu thành, kính mong lượng thứ!

7. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh

Thư ông gởi đến có những câu như: *"Đang trong lúc Mạt Pháp, ma đảng tà kiến thân thể thường mạnh khỏe, còn bậc chánh tín đâm ra lại nhiều bệnh, lắm nỗi khổ não. Nếu chẳng phải là định nghiệp khiến cho như vậy làm cho con người phải than dài sườn sượt chẳng ngớt"* v.v.. Sâm rất không đồng ý. Vì sao? Một là do định nghiệp trong đời trước xui khiến [thành ra như vậy]. Hơn nữa nhân quả phức tạp, bọn ta là phàm phu mắt thịt chẳng thể hiểu rõ rốt ráo được! Luận sư Giới Hiền, pháp sư Huyền Trang đã gieo nhân trong quá khứ, nay [quả báo] hiện hành, thiện căn phước đức rốt cuộc như thế nào mà vẫn phải chịu bệnh khổ nặng nề? Trả sạch sát nghiệp xa xưa mới được sanh lên Đâu Suất Nội Viện, lần lượt tấn tu, viên mãn Bồ Đề. Bọn ta nghiệp chướng sâu nặng, luận về chánh tín, công hạnh, phước đức, trí huệ đều chẳng thể mong sánh bằng các vị cổ đức như Giới Hiền, Huyền Trang, huống chi thân ác tuy ít, ý ác quả thật rất nhiều (Đây là Sâm tự thuật tâm hạnh, chứ nơi miệng vẫn thường phạm lỗi. Mỗi phen đọc bài ký Du Tịnh Công gặp Táo Thần, khôn ngăn rét run tận xương lông!) dẫu có phát tâm cũng khó chân thật, thiết tha.

Nay muốn nương theo pháp môn Tịnh Độ hoành siêu hoàn toàn cậy vào Phật lực để đới nghiệp vãng sanh, liền cảm được Phật từ gia bị, hòng quả báo nặng nề "trầm luân nơi tam đồ hết sức khổ sở" trong đời sau sẽ chuyển thành quả báo nhẹ nhàng là "bệnh tật triền miên" trong đời hiện tại ngõ hầu trong một đời này giải quyết xong đại sự sanh tử chẳng dễ giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. Đấy chính là Phật từ nhiếp thọ, hữu cầu tất ứng, có cảm liền thông (Đối với Bồ Đề tâm và hết thảy sự thực hành của hai vị cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, Nhiếp Vân Đài, Sâm thường cảm thấy hổ thẹn không bằng, nhưng hai vị ấy bệnh khổ triền miên quả thật hơn bọn ta nhiều lắm. Sâm suy nghĩ kỹ lưỡng hồi lâu, lại dùng lòng người và sự thật trong xã hội để chứng minh thì mới biết "gây nghiệp dễ dàng, đền trả thật khó!" Mới tin rằng hai vị ấy bị bệnh khổ quả thật là do nghiệp nặng chuyển thành báo nhẹ để được lợi ích thù thắng là siêu phàm nhập thánh. Còn bọn tà ma mạnh khỏe thì một là trong đời này có lẽ ác quả chưa chín muồi, còn cậy vào túc phước, hai là có thể là vì ác tâm dữ dội, đạo trời khéo léo, mầu nhiệm, hậu đãi bọn tánh tình hung ác cho chúng nó mau vào tam đồ. Bất luận như thế nào, dẫu là khổ quả trong tương lai, chúng ta cũng quyết chẳng muốn nhận lãnh. Cõi đời chẳng có quả nào không có nhân, mà cũng không có nhân nào chẳng kết thành quả! Nhưng báo ứng rõ ràng hay ngấm ngầm, nhanh hay chậm, quả thật do nhân quả phức tạp gây nên, chúng ta là phàm phu mắt thịt chẳng dễ phân biệt rõ ràng được, chớ nên hiểu lầm). Suy nghĩ sâu xa như vậy thì tuy ma bệnh khuấy nhiễu triền miên, đau khổ nhiều năm, thân dù khó chịu đựng

được, tâm thật mừng vui, sung sướng, chẳng hề có ý oán trách than vãn mảy may! Chỉ thuận theo "tùy duyên tiêu nghiệp chướng, chẳng tạo thêm ương họa mới", ắt mong món nợ nặng phải đền trả nhẹ, oán gia trái chủ mỗi mỗi đều khoan dung, tha thứ để cùng vãng sanh mới thôi! Ngu kiến như vậy đó, chẳng biết bậc cao minh nghĩ như thế nào?

8. Tờ kêu gọi quyên mộ của Thiên Hoa Thiền Viện ở Phổ Đà Sơn [để có đủ chi phí] tiếp nhận chủ quyền am Sùng Ninh tại Thượng Hải

Quán Thế Âm Bồ Tát thệ nguyện rộng sâu, tầm thanh cứu khổ. Bài kệ trong phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa có câu: *"Hoặc trôi giạt biển lớn, cá, rồng các nạn quỷ, do sức niệm Quán Âm, sóng mòi chẳng chìm được"*. Đấy chính là đoạn văn sáng tỏ ghi chép lời thành thật thốt từ miệng vàng của đức Thích Ca Thế Tôn ta từ ba ngàn năm trước qua lời kệ đáp cho Vô Tận Ý Bồ Tát. Chuyện linh cảm như thế được sử sách ghi chép, đâu đâu cũng tra cứu được. Ở ngay trước mắt, càng có những sự thật để chứng minh, quả thật là lòng tin có chứng cớ vậy!

Trụ Trì Thiên Hoa Thiền Viện núi Phổ Đà là đại sư Tu Điền. Năm Dân Quốc 15, 16 (1926-1927), khi Sâm ở tại chùa Pháp Vũ giúp Ấn lão pháp sư giảo chánh bộ Văn Sao, giảo chánh, sửa lỗi Sơn Chí, liền cùng ở một chỗ [với sư Tu Điền], Sâm khuyên Sư nên niệm Phật, niệm Quán Âm, Sư liền sanh lòng tin tưởng. Đến năm nay, do ảnh hưởng thời cuộc, lương thực thiếu hụt, Sư đặc biệt ngồi thuyền từ Phổ Đà sang đất Thân (Thượng Hải) quyên mộ, đáp đúng tàu của hãng Hoa Dân. Bởi đã lâu năm, thuyền mục nát, nước tràn vào khoang, tại vùng biển Châu Sơn (thuộc tỉnh Chiết Giang) đụng phải đá ngầm, thuyền chìm. Khi ấy nhằm lúc trời tối đen, chẳng biết phương hướng, khách ngồi thuyền mấy trăm người kinh hoàng cuống quít, xúm nhau kêu cứu mạng. Do đại sư biết đức Quán Âm linh cảm, liền khuyên mọi người đồng niệm thánh hiệu để cầu Ngài cứu giúp. Do tai họa cấp bách như lửa cháy mày, đông đảo người tin tưởng cùng niệm theo. Gần hai trăm người trong đêm tối trong lúc muôn phần vạn phần chết chắc đã nắm được một sợi dây đõi, lần lượt ven theo kè đá, vịn bò lên núi; gần hơn một trăm người khác táng thân vào bụng cá. Chuyện này đã sớm thấy đăng tin trên báo, nào biết đại sư cũng là một trong những người vẫn còn sống sót sau cơn tai kiếp!

Đến khi đại sư đổi thuyền đến được đất Hỗ, gặp đúng lúc am Sùng Ninh ở cửa lớn phía Đông trong thành đang bàn bạc chuyện sang nhượng chủ quyền. Do vậy, Sư nghĩ mỗi năm phải đi kêu gọi quyên mộ như thế này, cảm thấy thật khó khăn. Nếu lập cách sang lại chủ quyền am này, biến nó trở thành Hạ Viện của chùa Thiên Hoa thì tăng chúng Thiên Hoa qua lại đôi bên, đem phần thâu nhập còn dư thừa của Sùng Ninh bù đắp cho cơm gạo chùa Thiên Hoa; đấy chính là kế nhọc nhằn một phen, an nhàn vĩnh viễn, mà cũng tốt lành, thỏa đáng vậy. Bàn bạc với các vị thiện tín hộ pháp, cũng được

nhiều người tỏ ý tán đồng; hiềm rằng chi phí mua lại chủ quyền và tu bổ cần đến mấy ngàn đồng, do vậy bèn bảo Sâm lược thuật duyên khởi để tiện kêu gọi quyên mộ. Sâm bèn đem kinh nghiệm linh cảm của đại sư do tin niệm đức Quán Âm mà được may mắn sống sót tường thuật đại lược. Chỉ mong hộ pháp tể quan thiện nam tín nữ nghe sự tích Đại Sĩ linh cảm tầm thanh cứu khổ này đều cùng phát tín tâm, gặp được nhân duyên đặc biệt sùng phụng Tam Bảo này đều vui vẻ giúp cho thành tựu, phát lòng bi đồng thể, quyên ra vô tận bảo tạng thì công đức đã làm ấy chỉ có đức Phật chứng biết. Do vậy, bèn làm tờ khải[374].

9. Trả lời cư sĩ Tăng Di Chi (bốn bài)

1) Phật thất ở Linh Nham phần nhiều hồi hướng một lần (những nơi khác phần lớn cũng làm như thế), tức là mỗi ngày trước lúc giữa trưa, cúng Phật xong, liền đến trước bài vị cúng cơm (dẫu là Phật thất cầu sống lâu mà kèm thêm lễ cúng cơm cho các bài vị tổ tiên cũng không trở ngại gì) thì cũng là một lần hồi hướng. Mỗi ngày trừ công khóa sáng chiều hết sáu cây hương[375] ra, sau cây hương thứ hai và sau khi cúng Phật, cúng cơm cho người đã khuất xong, tạm nghỉ giây lát rồi dùng cơm trưa.

2) Công khóa sáng tối vì vong nhân xưng danh hồi hướng, Sâm chiếu theo công khóa phổ thông chốn tùng lâm, mỗi lần xong khóa sáng vào mồng Một hay Rằm, lúc lễ Tổ gần xong, liền đọc câu *"Mỗi người hãy vì cha mẹ sanh thành, lễ Phật ba lạy cầu sanh Tịnh Độ"*. Vì thế, mỗi ngày Rằm hay mồng Một, dù chỉ có một người tụng niệm khóa sáng xong cũng chiếu theo lệ thường lễ Tổ (chỗ này lúc hành lễ cùng đại chúng thì có phần đầy đủ hơn). Lễ xong, liền xưng danh lễ Phật một lần, coi như hồi hướng. Nếu như hồi hướng cho cha mẹ thì trong tâm thầm niệm quán tưởng rằng: *"Thay cho cha mẹ sanh thành lễ Phật ba lạy"* (nếu lễ một lạy thì đọc "một lạy"), sám hối nghiệp chướng, giải trừ vô biên tội nghiệp, tiêu tan, tháo gỡ oan khiên, tội lỗi, thoát lìa đường khổ, cầu Phật từ bi xót thương nhiếp thọ, sớm được tiếp dẫn vãng sanh Tịnh Độ (vừa lạy vừa thầm niệm, trong tâm nghĩ tưởng hình dáng cha mẹ cùng ở trước đức Phật lễ bái với ta. Một lạy tưởng như thế, mỗi lạy cũng đều như thế). Đối với cha mẹ làm như vậy mà đối với những người khác cũng tưởng như vậy. Thậm chí oán thân bình đẳng cho đến hết thảy chúng sanh trong pháp giới

---

[374] Khải là một thể văn của các quan dùng để tâu trình lên thượng cấp. Ở đây, thầy Đức Sâm dùng chữ khải với ý nghĩa khiêm nhượng, tâu trình lên thiện nam tín nữ chuyện quyên mộ của am Sùng Ninh.

[375] Theo quy định của Phật thất phổ thông, thời gian công phu niệm Phật mỗi ngày bằng sáu cây hương (mỗi cây hương ở đây tức là thời gian tàn hết một cây hương dài làm theo lối xưa, mỗi cây hương cháy được khoảng một tiếng rưỡi. Công phu sáng là một cây hương, sau đó niệm Phật buổi sáng hai cây hương, buổi chiều hai cây hương, buổi tối niệm Phật và đại hồi hướng một cây hương, tổng cộng là sáu cây hương).

lần lượt khắp vì họ xưng danh lễ Phật hồi hướng. Dẫu chẳng phải mồng Một, ngày Rằm, trong công khóa sáng tối, khi đọc Tam Quy Y xong, nếu chẳng lễ Tổ thì cũng nên thay cho cha mẹ sanh thành và những ân nhân có liên quan (hoặc có nhân duyên đặc biệt, như thân hữu mới vừa qua đời v.v…) đều hồi hướng như thế. Điều này Sâm chẳng được truyền dạy, hoàn toàn dựa theo ý kiến của chính mình để làm (ở Linh Nham mỗi tối đại hồi hướng cũng có ba lạy), chuẩn theo lý thì đương nhiên không trở ngại gì. Hồi hướng xong, hoặc liền lễ Phật ba lạy lui ra thì cũng được. Sâm còn thực hiện khóa lễ Quán Thế Âm Bồ Tát, trì chú Đại Bi, Vãng Sanh v.v... để cầu thế giới hòa bình, ta người cùng thoát khỏi ách nạn v.v… (Công khóa của Linh Nham được gọi là Linh Nham Niệm Phật Nghi Quy, mùa Hạ năm nay đã sớm xuất bản rồi, tiếc rằng lúc này không gởi được. Đợi khi có thể gởi được sẽ gởi mấy bản thì ông sẽ biết).

3) Chuyện trà-tỳ (hỏa thiêu) thì Tăng hay Tục đều không trở ngại gì. Người Tây Vực chết rồi có bốn cách mai táng: Một là thả trôi trong nước, tức bỏ xuống các sông rạch để no lòng cá rùa (cách này cần phải ở gần sông rạch lớn mới được. Nếu ở tại con suối nhỏ nơi vách núi thì chẳng thích hợp). Hai là hỏa thiêu, tức dùng lửa đốt xác hòng phá Ngã Chấp (cách này chỗ nào cũng thực hiện được). Ba là chôn xuống đất, đào đất chôn vùi để khỏi bị bộc lộ (cách này cũng phổ biến). Bốn là lâm thi, tức bỏ trong rừng cho chim thú ăn (cách này phải ở trong rừng sâu, chằm lớn mới được, rốt cuộc chẳng ổn thỏa bằng ba cách trước). Nước ta xưa nay chủ yếu là chôn dưới đất (đọc thiên sách của Mạnh Tử nói "trong đời thường có kẻ chẳng chôn cất cha mẹ" sẽ biết nguyên do), thật ra vẫn chẳng mỹ mãn bằng hỏa thiêu. Khi Phật pháp truyền sang phương Đông, Tăng chúng đều hỏa thiêu với ý nghĩa phá trừ Ngã Chấp. Con người bị phiền não sanh tử hoàn toàn là do Ngã Chấp, Thân Kiến làm căn bản, ngay như cả họa hoạn lớn lao như dâm dục v.v… cũng do Ngã Chấp, Thân Kiến mà sanh. Nếu Thân Kiến, Ngã Chấp đã phá thì dâm dục còn do đâu mà sanh? Vì thế, vào thời Đường, thời Tống, những vị cao nhân đạt sĩ thông hiểu sâu xa Phật pháp tuy chưa xuất gia cũng thường chú trọng hỏa thiêu. Đời sau phần nhiều chẳng thích theo gương ấy chính là giữ chặt Thân Kiến, Ngã Chấp! Thân Kiến quá nặng chính là một chướng ngại lớn cho việc tu hành.

Trong thư ông gởi đến, có câu: "Cư sĩ phần nhiều chưa đoạn dục, sắc thân chẳng thanh khiết, chớ nên hỏa thiêu" thì cũng không phải là lời bàn luận thông suốt! Cái thân của hạng phàm phu sát đất là do Tứ Đại giả hòa hợp, chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không thì chẳng cần biết là Tăng hay Tục, đều là do máu thịt tanh tưởi, hôi thối, bẩn thỉu hợp thành. Nếu dựa theo tình kiến thiển cận của kẻ phàm ngu mà luận thì tuy cái thân đoạn dục so với kẻ tham dục dường như thanh khiết hơn, nhưng tâm dục chưa sạch thì ô uế vẫn còn! Nếu luận theo đế lý cao sâu thì Tứ Đại vốn không, Ngũ Uẩn chẳng có, các pháp nhân duyên đều không có tự tánh. Biển Chánh Biến Tri của chư Phật ở trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh; một niệm hồi quang liền giống như vốn đã đắc, diệu thể Tỳ Lô Giá Na phô bày trọn vẹn

khắp các giới. Vốn chẳng có sanh, diệt, tăng giảm sai khác, sao lại có tăng, tục, nhơ, sạch khác biệt? Vì thế, Tâm Kinh nói: *"Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm"* chính là chỉ cho bản thể Thật Tướng Chân Như của ba pháp tâm, Phật, chúng sanh không sai biệt. Chúng ta mê chân đuổi theo vọng, trái giác hiệp trần đến nỗi trôi giạt sanh tử trọn chẳng có thuở thoát ra! Nay muốn bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh thì phá trừ Thân Kiến, Ngã Chấp phải là công phu cần thực hiện trước hết!

Do điều này, phàm là người học Phật nếu biết cầu cho thần thức được yên vui thì chẳng nệ là Tăng hay tục đều nên hỏa thiêu, chẳng những không trở ngại gì mà còn có ích thật sự (đối với hoàn cảnh hiện thời và mai sau, hỏa táng rất thích hợp vì do đường sắt cắt ngang, phần nhiều những ngôi mộ bị phơi thây lộ xương. Nếu ở nơi đô hội thì quan tài giá mắc, kiếm đất chôn rất khó, e rằng dẫu chẳng phải là đệ tử Phật cũng phải làm theo cách này! Nhưng điều quan trọng là cần phải tìm cho được cách thức hỏa thiêu tốt đẹp). Nếu như quyến thuộc chẳng nỡ lòng hỏa táng thì cũng là vì chẳng biết những ý nghĩa "chú trọng đến sự yên vui của thần thức" và "họa hại của Thân Kiến, Ngã Chấp" mà ra! Nếu hơi hiểu biết thì chỉ sợ người trong cuộc chẳng làm cho nhanh ấy chứ! Hàng quyến thuộc cũng nên khéo thấu hiểu tấm lòng người thân, há nên sanh chút lưu luyến nào!

4) Về chuyện áo mũ dùng để nhập liệm cho hai chúng tại gia, do đã biết là "cần phải phá trừ Thân Kiến, Ngã Chấp" thì áo mũ miễn sao thuận tiện là được rồi, chẳng cần phải nói nữa! Cái sắc thân suốt cả một đời phải nhờ vả nó để làm hết thảy mọi chuyện mà còn bỏ được như đồ thừa thì áo mũ là thứ bao bọc bên ngoài huyễn thân nào còn đáng để coi trọng! (Đối với người còn sống trên đời, Khổng Tử còn chẳng coi áo xấu, thức ăn dở là điều đáng thẹn, huống chi là những thứ dùng để nhập liệm gán theo cái xác đã hư nát sau khi con người đã chết). Theo ngu kiến, ắt phải tiết kiệm, giản lược là hay nhất. Thà giảm bớt chi phí chế tạo áo mũ mới [rồi dùng khoản tiền dôi ra đó] để hoằng pháp lợi sanh và làm những sự nghiệp từ thiện như cứu tế kẻ đói rét khốn khổ hòng giúp ích cho thần thức người đã khuất được yên vui. So với chuyện tốn kém để khâm liệm cho trọng hậu thì chuyện được - mất như một trời một vực, nhưng cần phải thuận theo tình cảm thế tục của kẻ làm con đôi chút, đừng vì chú trọng thần thức mà bỏ sạch những lễ nghi.

Tùy theo tâm nguyện của người đã khuất mà mặc Tăng phục hay y phục thế gian đều chẳng sao cả, nói chung là chớ nên tốn kém quá. Nếu như do chính người đã khuất chủ trương đồ khâm liệm gần đến mức quá tốn kém, rườm rà thì cũng nên khéo léo giải thích để người ấy chẳng chấp vào Thân Kiến là được. Nếu thuận theo lòng tham đắm của người ấy rồi khâm liệm trọng hậu để giúp cho Thân Kiến, Ngã Chấp của người ấy [được thỏa mãn] thì sẽ gây chướng cho sự vãng sanh, đấy chính là điều không nên vậy! Nếu người đã khuất chủ trương khâm liệm đạm bạc tức là không bị vướng mắc

nơi Thân Kiến, thì tăng phục hay y phục thế gian đều chẳng trở ngại gì! Ngu kiến như vậy đó, chẳng biết bậc cao minh nghĩ thế nào?

10. Bài ký về sự sanh Tây của cư sĩ Phó Xuân Phố

(viết vào tháng Chín năm Dân Quốc 27 - 1938)
Dư Ngẫu Sinh và Trần Triển Tây cùng ghi

Cư sĩ húy là Xuyên, hiệu Xuân Phố, người thôn Đông Quách, huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây, mồ côi cha từ bé, mẹ là Nhiếp thái phu nhân nhọc nhằn, tiết kiệm nuôi dạy, theo học trường Pháp Chánh Tuần Cảnh, từng được bổ nhiệm những chức vụ viên chức văn phòng huyện lỵ huyện Thanh Giang, sở trưởng sở Cảnh Sát tại trấn Châu Đàm thuộc huyện Vạn Tải, hiệu trưởng trường Nghĩa Vụ thuộc trấn Chương Thụ v.v… Sống tại huyện thành nhiều năm, tham dự đủ loại công vụ, được quan chức, thân sĩ tin cậy, hễ có chuyện nghi nan lớn lao nào thường bàn bạc, quyết định với ông ta.

Nhiếp thái phu nhân thờ Quán Âm đại sĩ đã lâu, ăn chay niệm Phật. Năm Dân Quốc 17 (1928), thái phu nhân mắc bệnh, cư sĩ phát nguyện triều bái Phổ Đà, cụ không uống thuốc mà lành bệnh. Tháng Chín năm Dân Quốc 20 (1931), bèn đến Phổ Đà hoàn nguyện, lễ Phạm Âm động, cảm được Bồ Tát thị hiện dưới hình dạng áo trắng, cầm tịnh bình với cành dương. Lại cầu được biết rõ túc mạng, thấy một vị đầu-đà y phục lam lũ bèn ngộ luân hồi chẳng phải hư huyễn, ý niệm cầu thoát lìa Sa Bà càng thêm khẩn thiết. Do pháp sư Minh Tịnh gởi thư giới thiệu, bèn yết kiến Ấn Quang pháp sư và thầy Đức Sâm tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu, [lúc ấy] mới được nghe pháp yếu của Tịnh tông. Từ đấy trở đi, những sách vở do Hoằng Hóa Xã xuất bản đều thỉnh cả; do vậy, tín giải càng tăng, bèn gởi thư khẩn cầu quy y. Thầy Đức Sâm bèn đặt pháp danh là Thiền Xuyên, tự là Hàng Tây, lại nhân lúc thầy Đức Sâm đi qua Chương Thụ, bèn xin thọ giới Ưu Bà Tắc. Ông ta tín nguyện niệm Phật, tinh tấn không lười nhác phần lớn là nhờ sự khơi gợi chỉ vẽ của thầy Đức Sâm.

Năm Dân Quốc 22 (1933), ông được cử làm người chuyên trách tuyên giảng tại Lộc Giang Niệm Phật Lâm, khuyên dụ chỉ dẫn, từ đấy [Niệm Phật Lâm] rất đông. Cư sĩ gia cảnh nghèo nàn, thân yếu lắm bệnh, thường muốn xuất gia, nhưng khổ vì không có chùa chiền để nương náu, thường đến khám bệnh tại nhà Ngẫu Sinh. Ngẫu Sinh nói đến chuyện thời tiết nhân duyên chẳng thể cưỡng cầu được, nhưng cái tâm "chán trược, ưa tịnh" đã sâu, ý nguyện giảm thọ cầu được vãng sanh càng thiết tha, lễ bái, quán tưởng, đều mong sớm được tiếp dẫn, chóng đến liên trì. Mùa Xuân năm nay, ông mộng thấy Quán Âm Bồ Tát thị hiện, báo cho biết kỳ hẹn là tháng Bảy. Đến sau hội Vu Lan Bồn, ông bèn ngã bệnh, nhất tâm niệm Phật quên cả khổ sở. Ngày Hai Mươi Ba, thân thích, bạn bè trợ niệm, đã nằm bần bặt hồi lâu rồi tỉnh lại, mời thầy Đại Nhân ở Đại Bảo Điện thuộc Vĩnh Thái đến nhờ cậy

chuyện trà-tỳ. Ngày Hai Mươi Sáu lại thiêm thiếp, người nhà khóc lóc, cư sĩ cười ngăn lại, bảo: "Ta sẽ về Tây vào ngày thánh đản Địa Tạng Bồ Tát", đến ngày ấy, ngồi ngay ngắn trên ghế dựa, kết ấn Di Đà[376], mắt đăm đăm nhìn tượng Phật, an nhiên về Tây, khắp thân đã lạnh, chỉ còn đỉnh đầu vẫn ấm, sắc mặt tươi đẹp còn hơn lúc sống. Mồng Hai tháng Bảy nhuần, trụ trì chùa Thông Huệ ở Chương Thụ là hòa thượng Đại Tùng và thầy Đại Nhân đều tới, lo liệu việc nhập khám. Ông ngồi xếp bằng chắp tay hệt như người còn sống. Bữa hôm trước trời nổi cơn mưa gió to, đến giờ Tý nổi lửa, trời chợt sáng sủa, mùi hương lạ ngào ngạt, chẳng phải là mùi thơm của Chiên Đàn hay hoa lan, một tia sáng trắng từ khám tỏa ra xẹt về phía Tây. Đang lúc đầu Thu, khí trời nóng bức, chết đã ba bốn hôm mà xác chẳng thối nát, lại còn tỏa mùi thơm lạ, nếu chẳng phải do Phật pháp linh dị làm sao được như vậy? Người thấy kẻ nghe đều tán thán, khởi lòng cung kính, xưng tụng Phật pháp thật chẳng thể nghĩ bàn. Xuân thu được bốn mươi tám tuổi.

Ngẫu Sinh nói: Đời Mạt, người niệm Phật thì nhiều nhưng thành tựu lại ít là vì không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha vậy! Mạnh Tử luận về đại trượng phu phải nên "phú quý chẳng dâm lạc, nghèo hèn chẳng đổi dời [chí khí], chẳng khuất phục trước oai quyền, sức mạnh". Pháp thế gian còn như thế, huống gì là Phật pháp cầu sanh Tịnh Độ siêu phàm nhập thánh ư? Cư sĩ bị vướng bận vì nghèo, bệnh, gia đình, nhưng nhất loạt chẳng quan tâm tới, khăng khăng, miệt mài chỉ lo niệm Phật, bị chê bai, nhục mạ, gặp trắc trở, trăm nỗi khó khăn chẳng xoay chuyển được, lúc mất biết trước ngày giờ, tướng lành rạng rỡ, đủ làm chứng cớ chứng tỏ đã sanh Tây. Bi tâm triệt để của đức Như Lai, pháp môn Tịnh Độ không ai hỏi mà tự nói, quả thật là con đường tắt cho chúng sanh trong đời Mạt thoát khổ, chỉ cần chịu dốc lòng, quyết chẳng giả dối, cổ nhân thật chẳng dối ta! Ngẫu Sinh do giao du với cư sĩ mà thật sự được un đúc, dấy lên lòng tin. Vui nhìn bước chân nhanh nhẹn của người trước, gắng đè nén nỗi đau nhân cầm[377], lưu truyền [sự tích vãng

---

[376] Thoạt đầu, ấn Di Đà chính là Thiền Định Ấn, tức hai bàn tay xòe thẳng, đặt trên lòng, tay phải đặt trên tay trái, đầu hai ngón cái giao với nhau như thường thấy trong các tượng Thích Ca Mâu Ni Phật. Tuy thế, về sau, dưới ảnh hưởng của Mật giáo, khi tượng A Di Đà Phật được tạc với tư thế ngồi, nếu tay Phật không cầm hoa sen sẽ kết ấn Di Đà, tức là ấn Thiền Định bị biến đổi hơi khác: Tay phải vẫn đặt trên tay trái, các ngón xòe thẳng, nhưng trong mỗi bàn tay ngón trỏ cong lên chạm đầu ngón cái, giống như hai cái vòng giáp lưng vào nhau, đầu hai ngón cái chạm vào nhau.

[377] Đây là điển tích *"nhân cầm câu vong"* (người lẫn đàn cùng mất). Đại thư pháp gia Vương Hy Chi đời Tấn có bảy người con, trong số đó Huy Chi (tự Tử Do) và Hiến Chi (tự Tử Kính) là hai người nhân phẩm cao nhất, tính tình khoáng đạt, thích văn chương, coi thường danh lợi, thường đàm luận thi văn với nhau rất tâm đắc. Tuy là hai anh em nhưng coi nhau như bạn tri kỷ, đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Huy Chi ưa đánh đàn, Hiến Chi thường gõ phách hòa theo. Về sau, hai anh em cùng bị bệnh nặng, Hiến Chi mất trước. Huy Chi im lặng, không nhỏ giọt nước mắt nào, gượng bệnh, bắt người nhà đưa đến trước linh sàng của em, ngồi ngơ ngẩn hồi lâu rồi ôm đàn toan gảy

sanh của Phó cư sĩ] để khuyến khích người đời mà cũng là để tự cảnh tỉnh mình.

11. Bài ký về sự sanh Tây của cư sĩ Nhiếp Vân Sanh

Trần Triển Tây ghi

Cư sĩ húy Truyền Tăng, hiệu Vân Sanh, người huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây, mồ côi cha từ bé, được mẹ nuôi dạy, tánh tình đoan nghiêm, trang trọng, ham học, đậu Tiến Sĩ năm Giáp Thìn (1904) thời Quang Tự, làm quan tại Hồ Bắc, người anh họ mất, bèn trở về quê, về sau được bầu làm ủy viên hội đồng cố vấn tỉnh Giang Tây. Vào thời Dân Quốc, ông làm nghị viên hội đồng tỉnh, luôn tận hết trách nhiệm, giữ lời hứa, chẳng quanh co, lật lọng. Vào thời Trù An Hội[378] [dùng phương cách] hối lộ để khuyên dụ các đại biểu [bỏ phiếu tán thành Viên Thế Khải làm hoàng đế], hễ bỏ phiếu [ưng thuận] sẽ được ngay một ngàn đồng, chống đối sẽ đem quân bắt giữ. Cư sĩ phất tay áo quay về, giữ gìn khí tiết như thế. Cư sĩ ưa thích viết văn chương theo lối cổ, nhưng những thứ chẳng có quan hệ bảo vệ lớn lao cho thế đạo bèn chẳng cẩu thả viết ra. Trong hai mươi năm tuổi xế chiều, dốc lòng nơi kinh sách nhà Phật, xoay vần trì tụng các kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang, Viên Giác, nhưng quy túc nơi Tịnh Độ Ngũ Kinh, ăn chay trường, niệm Phật có thời khóa nhất định. Đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, hận chưa được thân cận [đại sư Ấn Quang].

---

một khúc diễn tả nỗi đau thương; nhưng do nội tâm quá bi thương không thể gảy thành xoang điệu nào, liền quăng đàn hét lớn: "Tử Kính, Tử Kính nay thì người lẫn đàn đều mất cả rồi ư!" Hét xong, ngã lăn ra đất hôn mê bất tỉnh. Hơn một tháng sau, Huy Chi cũng qua đời.

[378] Trù An Hội (Hội mưu tính an định cho đất nước) là một tổ chức do Viên Thế Khải đạo diễn nhằm tuyên truyền, cổ xúy quốc dân ủng hộ Viên Thế Khải tái lập đế chế trong khi chánh quyền Dân Quốc còn non trẻ, các tướng lãnh quân phiệt nổi lên chiếm cứ các nơi, chánh quyền trung ương chưa thể kiểm soát toàn bộ đất nước. Vào ngày 14 tháng Tám năm 1915, bọn Dương Độ, Tôn Dục Quân, Lý Tiếp Hòa, Hồ Anh, Lưu Sư Bội và Nghiêm Phục cùng ra tuyên cáo thành lập Trù An Hội, Dương Độ ra thông cáo với lời lẽ mị dân: *"Chúng ta làm thân người dân Trung Quốc, quốc gia còn hay mất chính là chuyện liên quan đến sự sống chết của bản thân và gia đình, há nỡ ngồi yên ngó lơ chờ chết? Do vậy, tập hợp những người cùng chí hướng tổ chức thành hội này hòng mưu tính sự an định cho đất nước... Vào thời Cách Mạng Tân Hợi, nhân dân Trung Quốc tình cảm sôi sục nhưng do bị vấn đề chủng tộc gây chướng ngại, bèn lập ra nền Cộng Hòa, nhưng chưa hề suy nghĩ kỹ Cộng Hòa có thích hợp với tình hình đất nước hay không? Một khi đã đề xướng, ai dám bắt bẻ, người thông hiểu sâu xa tuy biết rõ chủ trương ấy ẩn chứa mối họa hoạn, nhưng vẫn phải miễn cưỡng thuận theo hầu tránh khỏi mối họa nguy vong một chốc. Do vậy, nhà Thanh thoái vị, Dân Quốc sáng lập, chánh quyền lâm thời gặp nhiều lúng túng, quốc gia gặp cơn nguy hiểm, nhân dân khốn khổ..."*. Họ ra nhiều thông cáo, tuyên bố để cổ vũ tái lập đế chế, suy cử Viên Thế Khải lên ngôi hoàng đế. Để đạt mục đích, hội đã dùng những biện pháp bẩn thỉu nhằm đe dọa, ép buộc các nghị viên bỏ phiếu tán thành đế chế.

Năm Đinh Sửu (1937) cầu mưa được thỏa nguyện, bèn thành lập Cao Vũ Niệm Phật Lâm, thường đến diễn giảng tại Lộc Giang Niệm Phật Lâm tại trấn Chương Thụ, cảm hóa rất nhiều người. Mùa Hạ năm Kỷ Mão (1939), nhiều lần mắc bệnh đi tả, tự mình dốc chí quy Tây, chẳng còn muốn tìm thuốc men linh nghiệm để chữa trị nữa! Vào tháng Mười bệnh tình nguy ngập đến tột cùng, nhiều lần mộng thấy Phật, Bồ Tát thị hiện, tự biết đã đến lúc, miệng dặn dò di chúc, mời tăng lữ, thân thích, bạn bè suất lãnh con cháu niệm Phật. Tới lúc hấp hối, hơi thở dần dần nhẹ đi giống như Kim Cang niệm, chẳng đau khổ mảy may gì, chánh niệm phân minh, nhất tâm bất loạn xả báo an tường như nhập Thiền Định, toàn thân mềm mại, đỉnh đầu lạnh đi sau cùng, vẻ mặt tươi tắn, vui sướng, uy nghi như hãy còn sống. Các tướng lành phù hợp khít khao với chứng cớ vãng sanh, xét theo Quán Kinh phẩm sen ắt cao! Ấy là vì pháp môn Tịnh Độ dùng tự lực để cảm Phật lực, cho nên có thể hoàn tất ngay trong đời này. Cư sĩ sanh vào năm Kỷ Tỵ tức năm Đồng Trị thứ tám (1869) đời Thanh, về Tây ngày mồng Một tháng Mười Một năm Kỷ Mão, tức năm Dân Quốc 28 (1939), hưởng thọ bảy mươi mốt tuổi, biên soạn bộ Tư Phụ Đường Thi Văn Nhật Chí phần nhiều xiển dương rõ giáo nghĩa Tịnh tông được cất giữ tại nhà.

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên,
Quyển Hạ hết
(Trọn Bộ)

Hồi Hướng

Nếu việc dịch thuật này có chút công đức nào đều xin hồi hướng cho lịch đại phụ mẫu, sư trưởng, họ hàng, quyến thuộc, pháp giới chúng sanh đều cùng được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nguyện cùng thân cận đức Di Đà, Quán Âm, Thế Chí, chứng ngộ Vô Sanh, trở lại Sa Bà, hóa độ muôn loài cùng sanh Cực Lạc. Nguyện những ai thấy nghe dù tin tưởng hay phỉ báng đều cùng được vãng sanh Cực Lạc.

Chân thành cảm tạ đạo hữu Minh Tiến và Huệ Trang đã tốn nhiều công sức giảo chánh, nhuận văn cũng như liên tục khuyến khích giúp cho mạt nhân có đủ nghị lực theo đuổi việc chuyển ngữ này. Nguyện Tam Bảo thường gia hộ khiến cho nhị vị đạo hữu tín tâm kiên cố, đạo lực kiên cường, phẩm sen cao cả, cùng nhau hội ngộ nơi Cực Lạc, thân cận từ phụ Di Đà.